

Pavel Plátov

Xuân

NHỮNG CHIẾN DỊCH ĐẶC BIỆT

Sách tham khảo

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

PAVEL XUDOPLATOV

NHỮNG CHIẾN DỊCH ĐẶC BIỆT

NGUYỄN VĂN THẢO *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Thông tin e-book

Tên sách: Những chiến dịch đặc biệt

Tác giả: Pavel Xudoplatov

Người dịch: Nguyễn Văn Thảo

Thể loại: Hồi ký

Nhà xuất bản: Công an nhân dân

Năm xuất bản: 2003

Số trang: 588

Nguồn sách: tducchau

Scan: teacher.anh

Sửa lỗi: tducchau, lichan, 4DHN, Wynn timer, vancuong7975, teacher.anh, rito_1522, Rafa.

Soát lần cuối: lichan

Tạo e-book: Rafa

Ngày hoàn thành: 06/02/2016

E-book này được thực hiện nhằm chia sẻ, phục vụ cộng đồng, góp phần nhỏ trong việc nâng cao dân trí, thúc đẩy văn hóa Đọc cho các bạn không có điều kiện mua sách giấy.

Khi bạn có khả năng, hãy mua sách giấy để ủng hộ tác giả, dịch giả và Nhà xuất bản!

Do chúng tôi chưa thể liên hệ được với tác giả, dịch giả để xin phép nên rất mong tác giả, dịch giả và bạn đọc thông cảm.

Xin cảm ơn tất cả những thành viên đã tham gia thực hiện dự án!

Bạn bè chẳng ở đâu xa,
Quanh ta một vòng tay ấm.

Trong vòng tay bè bạn hạnh phúc được nhân đôi còn nỗi buồn giảm đi một nửa.

E-book *Những chiến dịch đặc biệt* là món quà từ những người bạn @lichan, @4DHN, @vancuong7975, @Wynnie, @teacher.anh, @rito_1522, @Rafa gửi tới anh @tducchau.

Cảm ơn anh! - cánh chim đầu đàn, người thắp và truyền ngọn lửa ấm áp, đầy tâm huyết với sách, kéo những người mê sách ngồi lại với nhau, cùng làm e-book, đọc e-book, chia sẻ những cảm nhận từ e-book với nhau, với cộng đồng. Anh được ví vui như “Lão Ngoan Đồng” của thời @ với tâm hồn và ngôn ngữ chat teen còn hơn cả tuổi teen.

MỤC LỤC

Chương 1: Khởi đầu

1. Bắt đầu công tác tại Treka
2. Sống mái với OUN
3. Thủ tiêu Konovalts đầu lĩnh OUN phát xít

Chương 2: Ở Tây Ban Nha

1. N. Eitingon - nhà lãnh đạo tình báo bí mật Xô viết
2. Các hoạt động tình báo ở Tây Ban Nha những năm 1936-1939
3. Gặp Beria
4. Vàng Tây Ban Nha
5. Thủ tiêu những người theo phái Trotsky ở nước ngoài

Chương 3: Những cuộc thanh trừng chính trị 1934-1939

1. Vụ sát hại Kirov. Huyền thoại và đầu cơ chính trị
2. Các vụ thanh trừng trong NKVD

Chương 4: Thủ tiêu Trotsky

1. Chiến dịch chống “Ông già”. Gặp Stalin
2. Hoàn thành chiến dịch “Con vịt”

Chương 5: Tình báo Xô viết trước ngưỡng cửa cuộc chiến tranh

1. Môi nhử của việc thanh toán nhóm Tukhatrevsky
2. Thăm dò khả năng Hiệp ước hòa bình với nước Đức qua Phần Lan năm 1938
3. Hiệp ước Molotov - Ribbentrop. Trước ngưỡng cửa cuộc chiến tranh
4. Hệ thống NKVD ngoài nước ngay trước chiến tranh
5. Sáp nhập các nước cộng hòa Baltic và Tây Ucraina vào Liên Xô
6. Đêm trước của cuộc chiến với Hitler và sự mâu thuẫn của các tin tức tình báo

Chương 6: Tình báo trong những năm chiến tranh Vệ quốc vĩ đại

1. Khả năng điệp viên - tác chiến của tình báo Xô viết trước sự tấn công của Hitler
2. Bắt đầu chiến tranh, triển khai công tác phá hoại trong hậu phương kẻ thù
3. Kuznetsov huyền thoại
4. Phòng thủ Moskva
5. Sorge. “Dàn đồng ca Đỏ” trong hậu phương Hitler
6. Trò chơi hai mặt của tình báo Anh với việc sử dụng “Dàn đồng ca Đỏ” trong hậu phương Đức
7. Ý đồ thăm dò ngoại giao bí mật và tung tin giả cho người Đức qua đại sứ Bungari ở Liên Xô Xtamenov
8. Những toán và nhóm phá hoại của NKVD trong trận chiến Kavkaz
9. Các trò chơi điện đài chiến lược “Tu viện” và “Berezino” với tình báo Đức
10. Mưu mô giữa lãnh đạo XMERS và NKVD, số phận bi thảm của Ilin, Cục trưởng Cục chính trị mật NKVD
11. Tình báo Xô viết vào cuối cuộc chiến tranh
12. Vai trò của NKVD trong các hội nghị Teheran, Potsdam và Yalta

Chương 7: Tình báo Xô viết và vấn đề nguyên tử

1. Tin đồn về các nghiên cứu khoa học “siêu vũ khí” được khẳng định

2. Kapitsa và Kurtratov: có khả năng giải quyết vấn đề bom nguyên tử
3. Nhóm X
4. Nhắm vào các giới gần gũi với Oppenheimer, ĐCS, dân lưu vong Nga và Do Thái ở Mỹ
5. Hiệp ước ngấm ngầm giữa các nhà vật lý hàng đầu thế giới. Các bác học trong thời đại hạt nhân
6. Những báo cáo mật tại hội nghị Ủy ban đặc biệt của chính phủ Liên Xô về vấn đề nguyên tử
7. Sự giúp đỡ của Nils Bor
8. Vụ nổ bom nguyên tử của Liên Xô
9. Sự thật về vụ án Rozenberg, trò xảo thuật của FBI

Chương 8: Chiến tranh lạnh

1. Đường tới Yalta và bắt đầu đối kháng hòa bình
2. Sứ mệnh của Harriman
3. Phái viên và đặc phái viên của Roosevelt
4. Kế hoạch Marsall. Sự kiện ở Bungari và Tiệp Khắc những năm 1946-1948
5. Tổ chức lại các cơ quan an ninh và tình báo vào những năm 1946-1947
6. Thành lập đội đặc nhiệm thời bình
7. Những chiến dịch điệp viên của Abel-Fiser và những người khác ở Tây Âu và trên đại lục Mỹ
8. Thất bại của phái dân tộc chủ nghĩa ở Tây Ucraina và vùng Baltic
9. Lãnh đạo Xô viết và vấn đề người Kurd ở Cận Đông những năm 1947-1953

Chương 9: Raul Vallenberg, "Phòng thí nghiệm - X" và những bí mật chính trị khác của Kremli

1. Những dính líu của gia đình Vallenberg
2. Những nguyên nhân có thể của sự bắt giữ và những ý đồ không thành
3. Khu đặc biệt của nhà tù nội bộ và phòng thí nghiệm đặc biệt của NKVD-MGB những năm 1940-1950
4. Những lời khai của Kalugin về sử dụng thuốc độc và chất độc trong các chiến dịch đặc biệt của KGB ở nước ngoài trong những năm 1970

Chương 10: California ở Krum

1. Vấn đề Do Thái trong đường lối đối nội và đối ngoại của Kremli những năm 1930-1940
2. Ủy ban Do Thái chống phát xít
3. Nhiệm vụ mật của Mikhoels lôi kéo tư bản Mỹ vào Liên Xô năm 1943
4. Tiêu diệt giới trí thức Do Thái sau khi bắt đầu "Chiến tranh lạnh"
5. Sự tranh giành quyền lực trong ban lãnh đạo Kremli. Ngụy tạo vụ án về âm mưu lãnh đạo MGB lôi kéo các bác sĩ mưu phản người Do Thái
6. Sự bảo tồn đường lối thanh trừng trong vấn đề dân tộc

Chương 11: Giai đoạn cầm quyền cuối cùng của Stalin

1. Thay đổi trong ban lãnh đạo chính trị của đất nước sau chiến tranh
2. Sự cạnh tranh của hai tập đoàn Malenkov-Beria và Jdanov-Kuznetsov
3. Những vụ thanh trừng có chọn lựa chống các chỉ huy quân sự vào cuối những năm

4. “Vụ Megrel” - bắt đầu âm mưu của Stalin loại bỏ Beria khỏi ban lãnh đạo Kremli

5. Sắp xếp lại cán bộ trong Kremli và cơ quan an ninh ngay trước cái chết của Stalin

Chương 12: Âm mưu chống Beria và sự sụp đổ của ông

1. Những sáng kiến của Beria trong đường lối đối nội và đối ngoại sau cái chết của Stalin

2. Thay đổi phân bố lực lượng bên trong ban lãnh đạo Kremli vào tháng 4 - tháng 6-1953

3. Thanh trừ có chọn lọc với ban lãnh đạo các cơ quan an ninh thời Khrusev

4. Đối kháng với chính quyền và điều tra

Chương 13: Những năm giam cầm đấu tranh để được minh oan

1. Kỹ thuật thanh trừ các nhân chứng chính trị bất lợi đối với chính quyền

2. Nhà tù Vladimir là nơi giam giữ các nhân chứng nguy hiểm, không mong muốn nhất đối với chế độ

3. Những trò chơi chính trị xung quanh sự đấu tranh để minh oan

4. Tự do ngôn luận và sự đóng kín hồ sơ lưu trữ

Liên Xô - tình yêu, niềm đau và nỗi nhớ!

“Lịch sử là gì? Đó là tiếng vọng của quá khứ trong tương lai và là ánh phản chiếu của tương lai trên quá khứ.” (Victor Hugo). Với tôi, đơn giản hơn, lịch sử như một tấm màn nhung sân khấu màu đỏ khép lại, ghi dấu một giai thoại chính trị đầy chiến công và biến động, mọi người sẽ mãi nhớ về mọi tích tuồng đã diễn ra sau tấm màn nhung rực rỡ ấy, nhưng đôi khi lại mù mờ về công sức và những mảng tối trong hậu trường, nơi hình thành nên những tích tuồng ấy.

Những Chiến Dịch Đặc Biệt (NCDDB) - hồi ký của tướng tình báo Liên Xô Pavel Xudoplatov - là những ghi chép lại thật chi tiết, và tường tận về cái góc khuất sau hậu trường của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại đầy tự hào của nhân dân Xô viết. Pavel Xudoplatov đã trốn nhà gia nhập Hồng quân năm 12 tuổi, ông đã cống hiến cả đời cho ngành tình báo Xô viết, đã cùng đồng đội thực hiện biết bao nhiêu những chiến dịch đặc biệt dưới thời Stalin, cả trước và sau cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại 1941-1945, hay trong Chiến tranh lạnh - nắm quyền kiểm soát ở các nước Đông Âu, lẫn trong cuộc chạy đua chế tạo vũ khí hạt nhân.

NCDDB như một thước phim tài liệu, đầy ắp những thông tin và tên tuổi của các vị tướng, tư lệnh, điệp viên, nhà ngoại giao... những lệnh thủ tiêu, những cuộc bắt bớ, thanh trừng thảm khốc... tất cả có thể sẽ làm bạn đọc choáng ngợp. Nhưng NCDDB giúp chúng ta nhìn rõ hơn về lịch sử Liên Xô và chính quyền Xô viết.

Lịch sử đã ghi nhận Joseph Stalin là một nhân vật vĩ đại nhưng vô cùng cực đoan, mà càng vĩ đại và cực đoan thì càng nghi ngờ khi chiếc ghế quyền lực có dấu hiệu bị lung lay. Thực tế “cuộc sống chỉ ra rằng, sự nghi ngờ và lòng thù địch của Stalin và ĐCS Liên Xô đối với những kẻ xét lại và đối thủ chính trị trong cuộc đấu tranh vì quyền lực là có cơ sở hiện thực. Mỗi đe dọa chết người đối với sự giữ vững thể chế chính quyền Xô viết luôn luôn ẩn trong lòng hiểm họa chia rẽ của đảng cầm quyền. Nhưng, bất chấp những sai lầm của mình, Beria, Stalin, Molotov đã cải tạo được một đất nước nông nghiệp lạc hậu thành một siêu cường quốc có vũ khí hạt nhân. Gây ra những sai lầm cũng kinh khủng như thế, Khrusev, Bulganin và Malenkov thì ở mức độ ít hơn, thúc đẩy xây dựng tiềm năng hùng hậu của Liên Xô. Khác với Stalin, họ làm suy yếu nhà nước vì tranh giành quyền lực. Gorbachov và các trợ thủ của ông ta bị chi phối bởi những tham vọng không nhỏ hơn, đưa một cường quốc vĩ đại đến sự đổ vỡ trọn vẹn. Gorbachov và A. Iakovlev xử sự như những thủ lĩnh đảng điển hình, khi ẩn dưới các khẩu hiệu dân chủ để củng cố quyền lực của mình.”

Và “Chính nhóm cựu lãnh đạo của Đảng đã giáng đòn quyết định vào ĐCS Liên Xô và đất nước Liên Xô vào những năm 1990-1991.”

Cả một đời cống hiến tận tụy, để đến cuối đời - vì sự đổi thay của thời cuộc - Pavel Xudoplatov đã phải mang ô danh là “kẻ thù ác ôn của ĐCS và nhân dân Xô viết”, phải trải qua những năm tháng giam cầm, ép cung, tra khảo đến suýt chết, nhưng ông vẫn kiên trì đấu tranh để được minh oan. Lời cuối sách ông đã viết: “Tôi hi vọng câu chuyện của tôi sẽ giúp thế hệ hiện thời có được sự tự do khi đánh giá quá khứ hào hùng và bi thương của chúng ta. Giờ đây nhớ lại, tôi cảm thấy hối tiếc. Nhưng lúc ấy, trong những năm “Chiến

tranh lạnh” cả chúng ta lẫn người Mỹ đều không có khái niệm đạo đức khi thủ tiêu những đối thủ nguy hiểm, những điệp viên hai mang. Liên Xô mà tôi trung thành hết lòng và vì nó tôi sẵn sàng hiến cả cuộc đời, vì nó tôi cố không nhận thấy những sự tàn nhẫn được tạo ra, khi biến mình chúng bằng khát vọng biến đất nước lạc hậu thành một nước tiên tiến, vì hạnh phúc của nó tôi đã trải qua những tháng dài ở xa Tổ quốc, nhà cửa, vợ con - thậm chí cả 15 năm ngồi tù cũng không giết chết được lòng trung thành của tôi - Liên Xô này đã chấm dứt sự tồn tại của mình”.

Bằng ngòi bút của một người lính tình báo, Pavel Xudoplatov đã viết NCDDB như một bản báo cáo tình hình thời sự, xen lẫn những suy ngẫm, nhận định của bản thân khi hồi tưởng lại từng sự kiện lịch sử đã trải qua cùng đồng đội. Đối với ông, cũng như mọi người dân Xô viết, Liên Xô là tình yêu, niềm đau và nỗi nhớ - Một Liên Xô đã được xây lên bởi khát vọng và trí tuệ, bởi mồ hôi cùng công sức, và còn bởi máu và nước mắt. Khởi đầu từ tro tàn của nước Nga Sa hoàng, Liên Xô đã vươn mình thành một siêu cường quốc, tạo nên một đế chế đầy quyền lực chi phối cả lịch sử dân tộc, lẫn lịch sử thế giới, để rồi trong chính ánh hào quang ngày đó đã tự tiêu xé, tự làm suy yếu và xóa sổ chính mình, trả lại tên và sự thay đổi cho nước Nga. Liên Xô hùng mạnh một thời, chỉ còn là nỗi nhớ.

Và dù chỉ tồn tại trong một giai đoạn ngắn ngủi, nhưng Liên Xô đã để lại một dấu đỏ trong lịch sử. Dấu đỏ là điểm son được khắc từ máu của cuộc chiến tranh chính nghĩa chống phát xít, nhưng dấu đỏ cũng là nỗi đau từ sự đổ máu oan khuất trong những cuộc thanh trừng thảm khốc.

Liên Xô đã chính thức khép lại tấm màn nhung đỏ rực của mình.

Lichan

CHƯƠNG 1

KHỞI ĐẦU

1. Bắt đầu công tác tại Treka

Tôi sinh năm 1907 ở Ucraina, tại thành phố Melitopol nằm trong khu vực giàu hoa trái và thời ấy có khoảng hai mươi nghìn dân. Mẹ tôi là người Nga, còn cha tôi là người Ucraina - công nhân phụ việc, thợ làm bánh, đầu bếp, hầu bàn.

Năm 1917, ở tuổi 12, tôi đã trốn nhà và nhập vào một trung đoàn Hồng quân mà chẳng bao lâu đành phải rời bỏ Melitopol. Trung đoàn của chúng tôi bị Bạch vệ đánh tan, và chỉ những nhóm nhỏ may mắn hòa nhập vào các phân đội của sư đoàn bộ binh 44 Hồng quân tại vùng Kiev. Bởi đến thời gian này tôi đã học xong tiểu học và biết đọc, người ta phân tôi về đại đội thông tin. Muộn hơn tôi đã tham gia vào các trận đánh ở gần Kiev. Năm 1921, khi tôi tròn 14 tuổi, các cán bộ Ban đặc biệt của sư đoàn bị rơi vào ổ phục kích của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina, và nhiều người trong số họ đã hy sinh. Thời ấy chúng tôi chiến đấu chủ yếu không phải với bọn Bạch vệ mà với các đơn vị của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina cầm đầu bởi Petliura và Konovalets, tư lệnh quân đoàn “Những tay súng Xetrev”. Khi bắt đầu nội chiến, những kẻ dân tộc chủ nghĩa Ucraina tuyên bố cộng hòa độc lập và chính thức vào tháng 1-1919 đã tuyên bố chiến tranh với nước Nga và lãnh đạo bolsevich Ucraina. (vào những năm 30, còn sau đó, vào những năm 40 tôi đã tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh với bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina.) Cuộc đấu tranh này thực tế mãi đến tháng 1-1992 mới kết thúc, sau khi chính phủ Ucraina lưu vong và toàn bộ phần thế giới còn lại thừa nhận tổng thống Kravtruk là người đứng đầu hợp pháp của nhà nước Ucraina độc lập.

Ban đặc biệt đã chịu những mất mát lớn, cần gấp điện thoại viên và nhân viên cơ yếu. Và thế là tôi được cử sang làm việc ở cơ quan an ninh. Đó là khởi đầu công tác của tôi ở Ủy ban đặc biệt Liên bang - KGB.

Trong sư đoàn nơi tôi phục vụ, chiến đấu cùng chúng tôi là những người Ba Lan, Đức, Xecbi và thậm chí cả người Trung Quốc. Những người sau cùng rất có kỷ luật và chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Cuộc chiến đấu là tàn khốc, và có khi những làng quê bị hủy diệt trọn vẹn bởi bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina và các băng cướp: trong nội chiến Ucraina có trên một triệu người chết. Thế hệ chúng tôi nhanh chóng quen với những khắc nghiệt, mất mát, khó khăn của cuộc chiến tranh này. Chúng tôi xem toàn bộ thứ đó là hoàn toàn tự nhiên. Đất nước chịu tình trạng chiến tranh từ năm 1914, và bi kịch nước Nga là ở chỗ cho đến tận cuối nội chiến, tức là đến năm 1922, việc xây dựng một xã hội ổn định dựa trên trị giá bình thường, nhân đạo là không thể.

Kinh nghiệm có được khi thực hiện trách nhiệm một điện thoại viên, sau đó là nhân viên mật mã, hoá ra là có lợi. Tôi in các tài liệu với con dấu “mật” được gửi đến ban chỉ huy, và mã hoá các điện tín mà chúng tôi nhận được trực tiếp từ người đứng đầu Treka Toàn Nga Feliks Dzerjinxky từ Moskva.

Năm 1921 là bước ngoặt của cuộc đời tôi. Sư đoàn được chuyển đến Jutomir. Nhiệm vụ chính của Ban đặc biệt là giúp Treka địa phương thâm nhập vào các đội du kích bí mật của

bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina do Petliura và Konovalets lãnh đạo. Các băng vũ trang của chúng tổ chức phá hoại chống các cơ quan của chính quyền Xô viết địa phương. Potajevich và Xavin lãnh đạo Treka đã thiết lập được đối thoại với những kẻ lãnh đạo du kích và tiến hành những cuộc thương thuyết không chính thức. Họ gặp nhau tại điểm hẹn ở Jurtomir. Là nhân viên trẻ, tôi phải ở nơi hẹn và phục vụ cuộc thương thuyết. Kinh nghiệm giao tiếp với các thủ lĩnh của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina mà thực chất là những chủ nhân ông đích thực trong khu vực của mình, đã giúp tôi trong tương lai khi tôi trở thành cán bộ tác chiến của cơ quan an ninh quốc gia.

Chiến tranh với bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina tiếp diễn gần hai năm và kết thúc bằng sự thỏa hiệp - các thủ lĩnh của chúng được chính phủ Ucraina Xô viết ân xá. Điều đó xảy ra sau khi toán kỵ binh với hai ngàn thanh kiếm do Konovalets và Petliura phái tới bị vây hãm bởi các phân đội Hồng quân và đã đầu hàng. Băng cướp của Konovalets bị một thất bại choáng váng. Anh trai của tôi, Nicolai phục vụ tại đơn vị biên phòng trên biên giới Ba Lan, đã hy sinh trong những trận đánh này. Còn tôi đã xin chuyển về Melitopol để được gần hơn với gia đình và có khả năng giúp đỡ gia đình.

Trong suốt ba năm cuối ở tại Melitopol tôi là nhân viên tác chiến tại GPU^[1] khu và chịu trách nhiệm về công việc của các chỉ điểm viên hoạt động trong dân chúng người Đức, người Bungari và người Hi Lạp. Năm 1927 tôi được thăng chức và chuyển về Kharkov lúc đó là thủ đô của Ucraina, nơi tôi bắt đầu làm việc tại GPU cộng hòa Xô viết Ucraina. Chính ở đây, ở Kharkov, tôi đã gặp người vợ tương lai của mình, Emma Kaganova: tôi hai mươi, cô hơn tôi hai tuổi - cô chuyển đến Ucraina từ thành phố Gomel nước cộng hòa Beloruxia.

Emma là người thông minh, và cô đã thi đỗ vào trung học, nơi đối với người Do Thái có một chuẩn mực hạn chế. Cô kết thúc mấy lớp của trung học và đã làm thư ký đánh máy chỗ Khataevich, bí thư tổ chức bolsevich tỉnh Gomel. Khi người ta chuyển người phụ trách của cô về Ôđécxa, nơi ông đứng đầu tổ chức Đảng, cô đã đi theo ông. Chính ở Ôđécxa Emma đã chuyển sang GPU địa phương. Cô được giao tiến hành công việc trong những người Đức sống tại thành phố. Cô gái tóc sáng mắt xanh, nói bằng phương ngữ gần với tiếng Đức và hoàn toàn được coi là một cô gái Đức.

Cô chuyển về Kharkov một năm trước khi tôi chuyển về đó. Tại GPU cộng hòa Xô viết Ucraina, Emma có một vị trí nặng ký hơn nhiều so với một kẻ mới toanh là tôi lúc ấy. Là một phụ nữ hấp dẫn và có học thức, thêm nữa đọc nhiều và cảm thấy bản thân khá tự do trong giới nhà văn và thi sĩ, người ta giao cho cô lãnh đạo hoạt động của những người đưa tin trong giới trí thức Ucraina - các nhà văn và các nhà hoạt động sân khấu. Tôi gặp cô tại nơi làm việc. Sắc đẹp và trí tuệ của cô đã làm tôi sửng sốt. Cha của Emma, người chống bè gổ, đã mất khi cô mới lên mười. Cô bắt đầu làm việc một mình và nuôi cả gia đình có tám đứa trẻ. Vậy nên giữa tôi và Emma có nhiều điểm chung: cả tôi lẫn cô đều là chỗ dựa của gia đình, và do hoàn cảnh mà phải chín chắn sớm trước tuổi.

Bất kể công việc của chúng tôi bận rộn, cô vợ đã thúc dục tôi nghiên cứu luật học tại trường đại học Tổng hợp Kharkov. Nhưng thực ra tôi chỉ dự được tất thảy có mười buổi giảng và trả được một môn thi - địa lý kinh tế. Đơn giản là tôi không có thì giờ. Ngày làm việc của tôi bắt đầu vào mười giờ sáng và kết thúc lúc sáu giờ chiều với một khoảng nghỉ

ăn trưa. Sau đó bắt đầu các cuộc gặp chỉ điểm viên ở các điểm hẹn. Chúng tiếp diễn từ bảy rưỡi tối đến mười một giờ đêm. Rồi tôi quay lại cơ quan để báo cáo với lãnh đạo về những tài liệu tác chiến nhận được.

Từ năm 1922 GPU, sau đó là NKVD-KGB (nay là FSB) và cơ quan phản gián đối ngoại khi tiếp nhận các quyết định về những vấn đề đường lối đối nội và đối ngoại của nhà nước đều phải là nguồn tin chủ yếu đối với tất cả các cấp lãnh đạo Xô viết. Như hiện giờ lãnh đạo đất nước vẫn nhận các báo cáo hàng tháng về tình hình trong quốc gia từ các cơ quan an ninh theo đường dây điệp viên của họ. Báo cáo loại này bao gồm các khó khăn bên trong và những khuyết điểm trong công tác của những tổ chức, xí nghiệp và công sở khác nhau. Theo chế định đặt ra từ thời Stalin, không được phép gặp chỉ điểm viên của mình ban ngày. Vậy nên chúng tôi mới gặp nhau vào ban đêm. Stalin ngồi đến tận khuya, và chúng tôi cũng làm việc như thế.

Như trớ trêu của số phận, phụ trách ban thông tin của phòng chúng tôi là cựu sĩ quan sa hoàng Cozelxky, xuất thân trong một gia đình quý tộc sa sút. Dù con người này từng phục vụ trong quân đội Sa hoàng, cảm tình của ông đối với những người bolsevich thể hiện trong những năm cách mạng, cho phép ông chiếm được lòng tin của chúng tôi. Năm 1937 ông tự sát để tránh bị thanh trừng...

Đối với tôi Emma là lý tưởng của một phụ nữ chân chính, và năm 1928 chúng tôi cưới nhau, dù người ta chỉ đăng ký chính thức hôn nhân của chúng tôi năm 1951. Nhiều đồng đội của tôi cũng đã sống như thế nhiều năm liền không đăng ký hôn thú của mình.

Trong khi đó công việc vẫn tiến triển, và tôi nhận một nhiệm vụ mới - khá bất thường nhưng quan trọng - cùng lúc được kiểm soát bởi các nhà lãnh đạo OGPU^[2] và các tổ chức Đảng. Chức vụ mới của tôi được gọi là: chính ủy trại đặc biệt ở Priluki dành cho trẻ em không người chăm sóc. Sau nội chiến những trại loại này đặt nhiệm vụ chấm dứt sự lang thang của trẻ mồ côi mà cái đói và cùng quẫn đã đẩy vào con đường phạm tội. Để nuôi dưỡng những trại này mỗi chiến sĩ Treka phải trích ra mười phần trăm tiền lương của mình. Tại đó có các xưởng thợ và các lớp dạy nghề: thái độ lao động của bọn trẻ lúc đó được xem là có ý nghĩa quyết định. Chiếm được lòng tin của các trại viên, tôi đã tổ chức được một nhà máy sản xuất bình cứu hỏa mà chả bao lâu đã bắt đầu đưa lại thu nhập.

Nhờ địa vị của vợ tôi trong các giới đảng ở Ucraina, tôi hai lần được gặp Koxior, bí thư BCH TƯ ĐCS^[3] Ucraina lúc ấy. Những buổi gặp đó diễn ra tại nhà Khataevich nơi chúng tôi được mời với tư cách là khách. Gây ấn tượng đặc biệt đối với tôi là cái cách hai nhà lãnh đạo nhìn tới tương lai của Ucraina. Các vấn đề kinh tế và bi kịch của tập thể hoá họ xem như khó khăn tạm thời cần vượt qua bằng mọi cách. Theo họ, cần thiết đào tạo một thế hệ mới, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp chủ nghĩa cộng sản và thoát khỏi mọi nghĩa vụ theo quan niệm cũ. Nên chú trọng nhất đến sự phát triển và nâng đỡ giới trí thức mới có thái độ thù nghịch với các tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Sau chục năm Liên Xô tan vỡ để trở thành hiển nhiên: cần kiên nhẫn và cố gắng hiểu mặt trái vấn đề, chứ không nên hung hăng tìm mọi cách tiêu diệt nó.

Tôi và vợ rất tự hào vì những người như Koxior và Khataevich trò chuyện với chúng tôi như với các đồng chí cùng đảng của mình, dù cả hai chúng tôi lúc đó còn là đoàn viên. Sau

đó chúng tôi mới trở thành đối tượng đáng.

Năm 1933 người lãnh đạo GPU Ucraina Balitsky được cử làm Phó chủ tịch OGPU toàn Liên bang. Chuyển về Moskva, ông lấy theo mấy cộng sự, trong đó có cả tôi. Tôi nhận ở Cục cán Bộ An ninh Quốc gia chức vụ chánh thanh tra truyền chuyển công tác và những chỉ định mới tại Cục đối ngoại (tình báo ngoài nước) của OGPU.

Vào thời ấy tôi bắt đầu thường xuyên tiếp xúc với Artuzov, phụ trách Cục đối ngoại và phó của ông là Xlutsky.

Có vai trò lớn tại Cục đối ngoại, ngoài Artuzov và Xlutsky, là Berman, Fedorov (lãnh đạo đấu tranh với dân di tản), Spigelglaz, Minxker. Eitingon và Gogojanin (người cuối cùng được Maiacovxky tặng bài thơ “Những chiến sĩ của Dzerjinxky”).

2. Sống mái với OUN^[4]

Năm 1933 cô Kulinich, sĩ quan, chịu trách nhiệm theo dõi tác chiến và đấu tranh với người Ucraina sang phương Tây, đưa đơn xin xuất ngũ vì lý do sức khỏe. Biết tôi quê ở Ucraina và có kinh nghiệm làm việc trong các điều kiện địa phương, Artuzov đề cử chức vụ này cho tôi. Đến thời gian này Emma cũng đã chuyển về Moskva và được phân công về Phòng chính trị mật. Từ năm 1934 trong nhiệm vụ của cô có cả công tác với mạng lưới chỉ điểm viên trong Hội nhà văn vừa thành lập và giữa giới trí thức sáng tạo. Sau vụ sát hại bi thương nhà ngoại giao Xô viết Mailov ở Lơvov gây ra bởi tên khủng bố OUN Lemec năm 1934, chủ tịch OGPU Menjinxky ra sắc lệnh soạn thảo kế hoạch hành động ngăn chặn các hành động khủng bố của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina. GPU Ucraina báo tin rằng đã cấy được vào tổ chức quân sự bí mật của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina lưu vong một điệp viên tin cẩn của mình - Lebed. Đó là một thành công lớn.

Xlutsky, lúc ấy đã là trưởng phòng Cục đối ngoại, đề nghị tôi trở thành cộng sự mật làm việc ở nước ngoài. Thoạt đầu điều đó đối với tôi có vẻ phi thực, bởi vì tôi không có kinh nghiệm hoạt động ở nước ngoài và tôi không biết gì về các điều kiện sống ở phương Tây. Thêm nữa kiến thức tiếng Đức mà tôi phải cần đến ở Đức và Ba Lan nơi sẽ làm việc, là bằng số không.

Nhưng tôi càng nghĩ thêm về đề nghị này thì nó càng trở nên quynh rũ với tôi hơn. Và tôi đã đồng ý. Sau đó lập tức tôi bắt tay vào học tiếng Đức cấp tốc - các buổi học diễn ra tại điểm hẹn mỗi tuần năm lần. Các thanh tra đầy kinh nghiệm cũng dạy tôi các đòn đánh giáp lá cà và sử dụng vũ khí. Đặc biệt có lợi đối với tôi là những cuộc gặp gỡ với phó phụ trách Cục đối ngoại OGPU-NKVD Spigelglaz. Ông có kinh nghiệm lớn làm việc ở ngoại quốc với tư cách nhân viên mật - ở Trung Quốc và Tây Âu. Vào đầu những năm 30 tại Paris, “mái che” của ông là cửa hàng chuyên bán mực nằm gần Monmartre.

Sau tám tháng huấn luyện tôi đã sẵn sàng cho chuyến công cán nước ngoài đầu tiên của mình có Lebed tháp tùng, “đại diện chính” của OUN ở Ucraina, trong thực tế là điệp viên ngầm của chúng ta trong suốt nhiều năm. Từ năm 1915 đến 1918 Lebed ngồi tù cùng với Konovalets gần Saritsyn. (Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất Lebed và Konovalets cùng chiến đấu với tư cách sĩ quan quân đội Áo - Hung chống nước Nga tại mặt trận Tây Nam trong biên chế của cái gọi là quân đoàn “những tay súng Xetrev”.) Trong nội

chiến ông trở thành phó của Konovalets và chỉ huy sư đoàn bộ binh đánh nhau với các phân đội Hồng quân ở Ucraina. Sau cuộc rút lui của Konovalets sang Ba Lan năm 1920, Lebed được y phái về Ucraina để tổ chức mạng lưới bí mật của OUN. Nhưng ở đây ông bị bắt. Sự lựa chọn trước ông ta rất đơn giản: hoặc làm việc cho chúng ta hoặc chết.

Đối với chúng tôi Lebed trở thành nhân vật chủ chốt trong cuộc đấu tranh với bọn thổ phi tại Ucraina vào những năm 20. Thanh danh của ông trong các giới dân tộc chủ nghĩa ở ngoại quốc vẫn cao như cũ: Konovalets xem người đại diện của mình như một người có năng lực tiến hành công tác chuẩn bị để cướp chính quyền cho OUN ở Kiev trong trường hợp có chiến tranh. Từ Lebed người chúng ta cho phép đi ra phương Tây trong những năm 20 và 30 theo các kênh bí mật, chúng tôi mới rõ rằng, Konovalets áp ủ các kế hoạch chiếm Ucraina trong cuộc chiến tương lai. Tại Berlin Lebed gặp đại tá Alexander, tiền nhiệm của đô đốc Wilhem Canaris trên cương vị người lãnh đạo cơ quan tình báo nước Đức đầu những năm 30, và qua hân biết Konovalets đã hai lần tiếp kiến Hitler, kẻ đã đề nghị để một số đồng đảng của Konovalets trải qua khóa huấn luyện tại trường đảng Quốc xã ở Laich.

Tôi ra nước ngoài như “cháu” của Lebed, kiểu như để giúp ông ta trong công việc. Vợ tôi được chuyển sang Cục đối ngoại NKVD để thông qua cô, tôi có thể giữ liên lạc với Trung tâm. Cô tiếp tục đóng vai một nữ sinh viên từ Genève, điều cho phép cô thỉnh thoảng gặp gỡ các điệp viên ở Tây Âu. Với mục đích đó cô đã trải qua một khoá học chuyên môn. Lebed không biết là còn một điệp viên nữa, Poluvedko, đại diện chính của Konovalets tại Phần Lan, làm việc cho chúng ta. Ông ta mang hộ chiếu giả ở Helsinki, tổ chức các liên lạc giữa bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina lưu vong và tổ chức bí mật của chúng ở Leningrad. Bọn OUN giấu các tài liệu của mình ở Leningrad, trong thư viện danh tiếng mang tên Santurcov-Sedrin. Dù là chúng tôi biết điều đó, nhưng chúng chỉ phát hiện ra chúng sau kết thúc thế chiến II, năm 1949.

Tôi sang Helsinki có Lebed tháp tùng. Lebed chuyển tôi cho Poluvedko trông nom và lập tức quay về Kharkov qua Moskva. Poluvedko, không biết gì về công việc thật sự của tôi, thường xuyên gửi các báo cáo về tôi cho NKVD thông qua Zoia Voxkrexenkaia-Rurbkina, người chịu trách nhiệm liên lạc với ông ta.

Tôi cần cho Trung tâm biết rằng với tôi mọi chuyện đều ổn, và như đã quy ước từ trước, tôi viết thư cho “cô gái” của mình, sau đó xé nhỏ và ném vào sọt đựng rác. Đóng vai trợ lý bất đắc dĩ của tôi, Poluvedko gom các mẫu vụn và chuyển chúng cho Zoia. Còn ở một giai đoạn nào đó Poluvedko nói chung đã đề nghị thủ tiêu tôi, điều ông đã yêu cầu trong một báo cáo, nhưng rất may, quyết định vấn đề này không phụ thuộc vào ông ta. Tại Phần Lan (muộn hơn là tại Đức) tôi sống một cách khá buồn chán: tôi không có tiền túi, và tôi liên tục chịu đói. Poluvedko chỉ cho tôi tất thấy chỉ mười Mác Phần Lan mỗi ngày, khó lắm mới đủ cho một bữa trưa - trong khi cần để lại một đồng xu đến tối cho máy tính gas, nếu không, hệ thống sưởi ấm và bếp gas sẽ không hoạt động. Zoia Rurbkina và chồng cô Boris Rurbkin, điệp viên tại Phần Lan, lãnh đạo hoạt động tình báo của tôi ở tại đây, đem buterbrod và sôcôla đến các cuộc gặp gỡ bí mật giữa chúng tôi mà lịch biểu đã được quy ước trước khi tôi rời khỏi Moskva. Trước khi chia tay họ xem kỹ vật dụng trong các túi của tôi để tin chắc rằng tôi không lấy theo thức ăn gì: vì điều đó có thể làm đổ bể “trò chơi” của chúng tôi.

Sau hai tháng chờ đợi, các liên lạc của Konovalets đã đến Helsinki-Gribovsky ("Thủ tướng") từ Praha và Andrievsky từ Brussels. Chúng tôi đi sang Stockholm bằng tàu thủy.

Khi xuống tàu tôi nhận được hộ chiếu với họ tên Nicols Baravskas do cơ quan đặc biệt Litva cấp theo đề nghị của lãnh đạo OUN. Khi đến Stockholm, người ta gom tất cả các hành khách vào nhà ăn, và hầu bàn bắt đầu phát các hộ chiếu đã qua kiểm tra cửa khẩu. Thoạt đầu y từ chối trả hộ chiếu lại cho tôi, nói rằng ảnh rõ ràng là không giống. Thực sự, hộ chiếu mang tên Xtsiborxky, thành viên ban lãnh đạo Trung ương OUN, một kẻ quá khích người Ucraina, với ảnh của Xtsiborxky. Thật may, lập tức Poluvedko nổi cáu đã can thiệp, dọa gã hầu bàn và buộc y trả lại giấy tờ cho tôi. Tháng 6 năm 1936 đến Berlin, và ở đây tôi đã gặp Konovalets, người đã hỏi tôi tất cả mọi thứ với sự hứng thú lớn. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi diễn ra ở một căn phòng nằm trong tòa nhà bảo tàng dân tộc học do cơ quan tình báo Đức bố trí. Tháng 9 tôi được cử đi học ba tháng ở trường Quốc xã tại Laibach. Trong thời gian học tôi đã có điều kiện làm quen với ban lãnh đạo OUN. Dĩ nhiên, những thính giả của trường đã quan tâm đến nhân thân tôi. Thế nhưng không nảy sinh vấn đề gì với "huyền thoại" của tôi cả.

Các cuộc trò chuyện của tôi với Konovalets càng ngày càng trở nên nghiêm túc hơn. Trong kế hoạch của hắn có việc chuẩn bị các cơ quan hành chính cho một loạt tỉnh của Ucraina được dự trù giải phóng trong tương lai, thêm nữa bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina phải gia nhập vào liên minh với người Đức. Tôi biết được trong tay chúng đã có hai đội quân tổng cộng gồm gần hai nghìn người, dự tính được dùng với tư cách lực lượng cảnh sát tại Galitsyn (một phần Tây Ucraina lúc ấy còn thuộc Ba Lan) và ở Đức.

Bọn OUN tìm mọi cách lôi kéo tôi vào cuộc đấu tranh giành quyền lực đang diễn ra giữa hai băng đảng chủ chốt: "cánh già" và "cánh trẻ". Đại diện nhóm đầu là Konovalets và Melnich phó của hắn, còn đứng đầu "cánh trẻ" là Bandera và Koxtarev. Nhiệm vụ chính của tôi là thuyết phục chúng rằng hoạt động khủng bố ở Ucraina không có lấy một chút hi vọng thành công, rằng chính quyền sẽ nhanh chóng đập tan các điểm chống cự nhỏ. Tôi kiên quyết rằng cần giữ gìn lực lượng và mạng lưới mật dự trữ cho đến khi bắt đầu cuộc chiến giữa nước Đức và Liên Xô, và trong trường hợp đó sử dụng họ ngay không chậm trễ.

Đặc biệt gây lo ngại là những mối liên hệ khủng bố của tổ chức này, nói riêng, sự thỏa thuận với bọn dân tộc chủ nghĩa Croatia và sự tham gia vào vụ giết chết vua Nam Tư Alexandr và bộ trưởng Ngoại giao Pháp Lui Barta. Đối với tôi là một khám phá, rằng tất cả các tên khủng bố này đều được Abwehr^[5] tài trợ. Một bất ngờ hoàn toàn đối với tôi là tin về vụ sát hại bộ trưởng Ba Lan, tướng Peratsky năm 1934 bởi tên khủng bố Ucraina Matseiko bất chấp lệnh của Konovalets và kẻ đứng sau nó là Bandera đang cạnh tranh quyền lực với Konovalets. Bandera khát khao được kiểm soát tổ chức, lợi dụng lòng thù địch tự nhiên của người Ucraina đối với Peratsky, kẻ chịu trách nhiệm vì những cuộc thanh trừng thiếu số người Ucraina tại Ba Lan. Konovalets kể với tôi rằng, đến thời gian ấy giữa Ba Lan và Đức đã ký kết hiệp ước hữu nghị, vậy nên trong bất kỳ trường hợp nào người Đức cũng không tổ chức những hoạt động thù địch đối với Ba Lan. Tên ám sát, Matseiko, đã trốn thoát.

Chuyện xảy ra như sau: Matseiko dự định giết Peratsky, cho lựu đạn nổ, nhưng không hiểu lý do gì nó không nổ, và hắn đã bắn viên tướng Ba Lan. Lập tức một đám người lao tới

hắn. Matseiko kip nhảy qua chiếc tàu điện đang đi phía trước chặn ngang hắn với những kẻ truy đuổi, chạy vào cổng ngôi nhà đầu tiên, trèo lên tầng bảy, ở đây hắn cởi bỏ áo choàng và mũ, vứt súng lục, và không còn nhận ra được, ung dung bước ra đường phố. Phản gián Ba Lan tổ chức phục kích tại tất cả các điểm hẹn của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina ở Varsava, nhưng hắn đã không xuất hiện ở một điểm hẹn nào. Hắn qua đêm với bạn gái Tremerinxcaia, cũng là một cô ả khùng bố người Ucraina. Chính ả đã tổ chức vụ chạy trốn của hắn qua dãy Karpat sang Tiệp Khắc, lợi dụng các mối quan hệ của mình với cảnh sát Tiệp.

Tại Tiệp Khắc OUN có sự giúp đỡ đáng kể từ phía chính quyền tổng thống Benes có các mối quan hệ riêng với Konovalets từ thời chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Thế nhưng khi OUN “vượt khỏi tầm kiểm soát” của chính quyền và thực hiện vụ giết Peratsky, những quan hệ này trở nên xấu đi.

Bất kể lời phát biểu đầy diễn cảm của Bandera trên toà bào chữa sự nghiệp của dân tộc chủ nghĩa Ucraina, hắn và những kẻ cầm đầu khác vẫn bị tuyên án treo cổ. Thế nhưng áp lực của Đức lên chính quyền Ba Lan cuối cùng đã cứu được sự sống của chúng. Bản án tử hình được thay bằng nhà tù. Sau khi chiếm Ba Lan người Đức lập tức thả Bandera. Và giữa hai băng đảng dân tộc chủ nghĩa Ucraina sôi sục một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Trong giao tiếp với các đồng nghiệp của mình cùng trường đảng quốc xã tôi xử sự tuyệt đối tự tin và độc lập: vì tôi đại diện bộ phận đầu não tổ chức mật của chúng ở Ucraina, trong khi đó chúng chỉ là những kẻ di tản tồn tại nhờ sự bố thí của người Đức. Tôi có quyền đặt tối hậu thư lên các đề nghị của chúng, bởi tôi thực hiện chỉ dẫn của “chú” mình “Vuico”. Nếu tôi không thích gì các phát biểu của chúng, chỉ cần nói đơn giản: “Vuico không cho phép!” - là đủ.

Chính bằng cách đó tôi phủ định đề nghị về cuộc gặp gỡ của tôi với đại tá Lakhuzen từ bộ tham mưu Abwehr. Tiếp xúc trực tiếp với tình báo Đức là mạo hiểm, bởi vì bọn Đức có thể cố ép buộc tôi cộng tác. Hết lần này đến lần khác tôi cứ phải nhắc lại những phản đối của mình về cuộc gặp gỡ với ai đó từ Abwehr.

Có lần khi chúng tôi đi dạo cùng Konovalets, một thợ ảnh lại gần và chụp chúng tôi, trao phim cho Konovalets, người đã trả hai Mác vì nó. Tôi bức mình. Đã rõ rằng nhóm thân cận của Konovalets ở Berlin muốn có ảnh tôi trong hồ sơ, để sau này khi chúng cần đến, chúng có thể tìm ra tôi. Ngay đó, trên đường phố, tôi đã phản đối thẳng thừng với Konovalets. Hắn là một sai lầm không thể dung thứ, nếu bức ảnh như thế rơi vào tay bọn Đức, tôi nói không một chút ngờ vực đó chính là mục đích thực sự của hắn. Konovalets đã tìm cách trấn an tôi. Theo lời hắn, chẳng có gì đáng kể trong việc một thợ ảnh rong nào đó đang kiếm sống sau đó chụp hai chúng ta dạo chơi trên đường phố Berlin cả.

Sau đó tôi khẳng định được mình đã đúng. Trong những năm chiến tranh, XMERS^[6] tóm được hai tên thám báo ở Tây Ucraina, một tên có bức ảnh này. Khi người ta hỏi hắn cần gì bức ảnh, hắn đáp: “Tôi không biết người đó là ai, nhưng chúng tôi nhận được mệnh lệnh thủ tiêu y”.

Tôi đã chiếm được lòng tin của Konovalets, khi chuyển cho hắn nội dung một cuộc nói

chuyện bí mật. Có lần Koxtarev và thêm mấy tên dân tộc chủ nghĩa Ucraina trẻ, dự thánh trường đảng Quốc xã nói rằng Konovalets đã quá già để lãnh đạo tổ chức, và nên sử dụng hắn ta như một nhân vật bài trí thôi. Khi chúng hỏi ý kiến tôi, tôi đáp giặn dữ:

- Các cậu có tư cách gì mà đề nghị một điều như thế? Tổ chức chúng ta không chỉ tin tưởng hoàn toàn vào Konovalets, mà còn thường xuyên nhận được sự ủng hộ của ông, và trước khi tôi đến đây chúng tôi nói chung chẳng nghe thấy gì về các cậu.

Khi tôi kể với Konovalets, mặt hắn trắng bệch ra. Sau đó Koxtarev bị thủ tiêu, tôi nghĩ rằng đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Trung tâm đã quyết định rằng, khi tôi vừa sang Đức, tôi cần thể hiện sự độc lập hoàn toàn và không giữ bất kỳ mối liên lạc nào với cơ sở điệp viên và những cán bộ mật. Konovalets che chở tôi và thường đến thăm: hai người thường dạo ngoài phố. Có lần hắn còn đưa tôi đến xem vở diễn trong nhà hát opera Berlin, nhưng nói chung ở đây trò tiêu khiển với tôi chẳng lấy gì là nhiều. Cộng đồng Ucraina rất nghèo, và không có chuyện cho phép mình sự xa xỉ nào đó. Nếu người ta mời anh đến uống trà, thì theo lệ là đem đường đi. Những người Ucraina mà tôi tiếp xúc, ngây thơ cho rằng có thể giúp tài chính cho OUN nhờ thu nhập của nhà máy Gutalinov nào đó mà họ hàng của họ có ở Ba Lan. Họ đúng là khao khát cuộc chiến tranh của Đức với Ba Lan và Liên Xô như sự giải phóng khỏi ách “áp bức dân tộc”.

Konovalets đã kết gắn với tôi đến nỗi thậm chí đề nghị để tôi tháp tùng trong chuyến đi sang Paris và Vienne. Hắn nhận tiền từ bọn Đức, và điều đó cho phép hắn đóng vai thủ lĩnh của một tổ chức hùng hậu.

Tại Paris chúng tôi ở các khách sạn khác nhau. Vào thời gian chúng tôi đến, trong thành phố đang diễn ra cuộc đình công, và tất cả các hiệu ăn bị đóng cửa, nên Konovalets đưa tôi đi ăn trưa ở... Versailles. Cả metro cũng không hoạt động, và chúng tôi buộc phải bắt taxi, tiện thể nói thêm, khá đắt đỏ. Tôi có ấn tượng mạnh về Paris và đến tận giờ vẫn tôn sùng nó.

Trung tâm đã được thông báo về việc tôi và Konovalets định lưu lại Paris ba tuần, và quyết định lợi dụng khả năng này, để tổ chức cho tôi gặp gỡ người đưa tin của tôi. Theo chỉ dẫn từ Moskva tôi cần đến cuộc hẹn này ở Paris và sau đó ở Vienne. Để làm điều đó tôi phải mỗi tuần hai lần xuất hiện ở góc Place De Clichy và đại lộ de Clichy vào khoảng năm và sáu giờ chiều. Người đưa tin phải là người tôi biết rõ, nhưng người ta không hé tên với tôi - “nguyên tắc bảo mật” là thế, người đó có thể là bất cứ ai. Ngay trong lần xuất hiện đầu tiên tại chỗ quy ước tôi thấy... vợ mình, mặc một mới nhất: cô ngồi bên bàn cà phê trên phố và chậm rãi nhấp cà phê đen. Vào giây phút đó lòng tôi trào lên những tình cảm lạ lùng nhất. Bằng nỗ lực ý chí tôi mới bắt được bản thân kiểm tra có sự theo dõi nào sau tôi không, và chỉ sau việc đó mới tiến lại gần Emma. Tôi lập tức thấy rõ ngay: chỗ hẹn được chọn cực kỳ không đạt, bởi đám đông qua lại xung quanh không cho khả năng kiểm tra đằng sau mình có “đuôi” hay không.

Kinh nghiệm làm việc của tôi ở Kharkov chống điệp viên Ba Lan đã dạy tôi rằng hầu như trong mọi vụ đồ vỡ, sự lựa chọn điểm hẹn là một yếu tố quan trọng. Kim giữ mình, bằng thứ

tiếng Đức tôi xin phép được ngồi xuống bên bàn. Cả hai chúng tôi cực kỳ căng thẳng. Khi tôi ngồi cạnh Emma, cô hỏi mọi việc chỗ tôi có ổn không.

- Anh có giảm cân, nhưng theo em, trông có vẻ tuyệt đấy, - cô nói thêm với nụ cười. - Bộ râu cạo lần này cũng rất tuyệt.

Nhận xét này của cô rõ ràng nhắc lại rằng ở nhà, ở Nga, tôi thường cạo râu cách ngày.

Ngồi một chốc bên bàn, chúng tôi kín đáo rời đi: tiệm cà phê này quá lộ đối với mắt người ngoài. Đi về hướng đại lộ, chúng tôi nhận thấy hai mật thám đi về phía chúng tôi. Theo bản năng, chúng tôi lập tức chuyển sang đường để tránh gặp mặt cảnh sát. Giờ đây, ngoái lại phía sau, tôi thấy điều đó thật là ngốc nghếch.

Cái khách sạn rẻ tiền nơi Emma trọ (hoàn toàn phù hợp đối với cô sinh viên đi nghỉ hè ở Paris) chỉ cách mấy dãy nhà với điểm hẹn. Dù tôi rất sung sướng được gặp vợ cách xa gần cả năm, tôi cảm thấy sợ khủng khiếp gây cho cô dù là một chút mạo hiểm nhỏ nhất vì buổi gặp gỡ với tôi. Chúng tôi ôm nhau, và tôi nói ngay để cô chuyển cho Trung tâm đòi hỏi của tôi: trong bất cứ hoàn cảnh nào Emma cũng không phải là người liên lạc của tôi. Tôi không phải là người định cư ở phương Tây, vậy nên tôi có thể khẳng định hoàn toàn tin chắc: tất cả mọi tiếp xúc của tôi được nghiên cứu và phân tích tỉ mỉ nhất bởi tình báo của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina cũng như bọn Đức. Mà nếu phản gián của Đức hay thậm chí của Pháp có cơ sở cho rằng Emma có quan hệ với tôi, thì chắc chắn chúng sẽ bắt và hỏi cung cô. Chính vì thế tôi bảo cô nhanh chóng quay về Thụy Sĩ, rồi từ đó - về nhà. Tôi phải xử sự như thế để thoát khỏi mối lo toan về số phận của cô và cảm thấy bản thân được an toàn. Emma ngay đó cam đoan với tôi là cô sẽ đi Bern không chậm trễ. Tôi thông tin với cô về tình hình công việc trong các giới Ucraina lưu vong và về sự giúp đỡ đáng kể mà chúng nhận được từ nước Đức. Cô đặc biệt quan tâm đến sự chia rẽ trong nội bộ tổ chức Ucraina: tôi kể với Emma về chuyến đi với Konovalts đến Vienne và đề nghị cô không xuất hiện ở đây với tư cách người đưa tin cạnh lâu đài Senbrunn - địa điểm ẩn định cuộc gặp.

Trong thời gian chúng tôi ở Paris, Konovalts mời tôi cùng hắn đi thăm mộ Petlura chết sau thảm bại bởi các đơn vị Hồng quân chạy sang thủ đô nước Pháp và bị giết chết năm 1926. Konovalts sùng bái con người ấy, gọi y là “ngọn cờ” và “lãnh tụ yêu dấu nhất của chúng ta”. Hắn nói rằng ký ức về Petlura phải được lưu giữ. Tôi thấy dễ chịu vì Konovalts đã đưa tôi đi theo, nhưng một ý nghĩ không cho tôi yên: lúc thăm mộ có lệ đặt hoa. Trong khi đó túi tôi rỗng, mà tôi thì không thể nhắc những thứ vật vãnh ấy với Konovalts. Điều đó hẳn đơn giản là bất nhã đối với một người có địa vị quá cao như thế, dù, về thực chất, trong trường hợp này hắn phải lo hoa chứ không phải tôi. Làm gì đây? Suốt đường đến nghĩa địa ý nghĩa này cứ dằn vò tôi.

Chúng tôi đi qua nghĩa địa và dừng lại trước tấm bia khiêm tốn trên mộ Petlura. Konovalts làm dấu - tôi bắt chước hắn. Chúng tôi đứng im lặng một chốc, sau đó tôi rút khăn mùi soa trong túi ra và gói một nhúm đất từ ngôi mộ.

- Cậu làm gì vậy?! - Konovalts kêu lên.

- Tôi sẽ đưa đất này về Ucraina, - tôi đáp, - để tưởng nhớ ông, chúng ta sẽ trồng một cái cây và chăm sóc nó.

Konovalets thật hoan hỉ. Hắn ôm tôi, hôn và nồng nhiệt khen là ý tưởng tuyệt vời. Kết quả, tình bạn của chúng tôi và sự tin cậy của hắn đối với tôi càng củng cố thêm.

Konovalets kể với tôi rằng một trong số trợ lý của hắn, Gribivsky, bị nghi cộng tác với phản gián Tiệp, và đề nghị tôi gặp y và thử thăm dò hắn ta. Sau vụ bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina giết tướng Peratsky ở Varsava, người Tiệp đã nhanh chóng, trong vòng một ngày, tóm gọn tất cả các địa điểm mật của tổ chức Ucraina tại Praha và lấy đi nhiều hồ sơ do Gribivsky phụ trách. Tôi đã biết chuyện này. Bạn thân và đồng nghiệp của tôi Kaminxky trước tôi hai năm là cán bộ mật ở Đức, đã cố chiêu mộ Gribivsky, kiểu như nhân danh cảnh sát Tiệp, cho công việc cung cấp tin, dù thực tế là làm việc cho chúng tôi. Gribivsky, về phía mình, dự định bắt Kaminxky trong một cuộc hẹn, nhưng anh này, khi thấy sự theo dõi, để tránh bẫy, đã kịp nhảy lên chiếc tàu điện đang đi qua. Konovalets nghi ngờ hoàn toàn đúng, Kaminxky nói chung không phải là điệp viên Tiệp mà là điệp viên Xô viết, và tôi khi biết điều đó, đã kiên quyết phản đối cuộc gặp gỡ của tôi với Gribivsky, tuyên bố rằng có thể y bị người bolshevik kiểm soát (nói gì thì nói, y có thể cố tình làm ra vẻ là không tóm nổi Kaminxky), mà vì thế, tiếp xúc với y có thể làm lộ tôi và dẫn đến nhiệm vụ của tôi ở đây thất bại.

Sau khi đến Vienne tôi tới điểm hẹn quy ước từ trước nơi tôi gặp người phụ trách và thầy của tôi trong công tác ở Moskva là Zubov. Đó là nhà tình báo kinh nghiệm, và tôi luôn luôn cố nhận được nhiều tri thức nhất từ ông. Tôi thông tin tỉ mỉ với ông về hoạt động của Konovalets và báo rằng ngày mai chúng tôi dự định đi nghe opera. Zubov đã mua được vé cho đúng buổi diễn ấy - ông ngồi ngay sau chúng tôi và có thể nghe thấy tất cả những gì Konovalets nói với tôi. Ra khỏi nhà hát, tôi cố ý va vào Zubov trong đám khán giả và thậm chí xin lỗi vì đã xô phải ông. Thực chất, đó chỉ là một trò trẻ con ngốc nghếch.

Từ Vienne tôi trở lại Berlin nơi suốt mấy tháng diễn ra những cuộc đàm phán vô bổ về sự triển khai có thể lực lượng bí mật tại Ucraina trong trường hợp bắt đầu chiến tranh. Vào giai đoạn ấy hai lần tôi đi từ Berlin sang Paris, gặp gỡ các thủ lĩnh chính phủ Ucraina lưu vong. Konovalets phòng ngừa tôi trong thái độ đối với những người này: theo lời hắn, không nên nghiêm túc tiếp nhận họ, bởi trong cuộc sống hiện thực không phải những vị mài mòn quần trong các hiệu cà phê Paris này, mà là tổ chức quân sự của hắn mới quyết định tất cả.

Vừa lúc “chú” Lebed của tôi, lợi dụng các mối quan hệ, thông qua Phần Lan đã gửi chỉ thị cho tôi phải quay về Ucraina. Điều đó hẳn sẽ cho tôi khả năng giữ liên lạc giữa tổ chức bí mật OUN tại Ucraina và các tổ chức dân tộc chủ nghĩa ở ngoại quốc. Konovalets thích ý tưởng này, và hắn đồng ý với việc tôi trở về Liên Xô.

Với giấy tờ giả, có Xusco, phó của Konovalets, tháp tùng (Konovalets muốn tin chắc tôi vượt qua biên giới tốt đẹp), qua Phần Lan tôi đến biên giới Liên Xô - Phần Lan. Xusco dẫn tôi đến nơi có vẻ là có thể an toàn vượt biên giới đi qua đây trên đầm lầy. Mặc dù thế, khi tôi vừa đến gần biên giới, tôi bị đội tuần tra biên phòng Phần Lan tóm gọn. Tôi bị bắt và tổng giam vào nhà tù ở Helsinki, ở đấy người ta hỏi cung tôi suốt một tháng. Tôi giải thích với họ rằng tôi là người phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina và khao khát trở về Liên Xô thi hành mệnh lệnh của tổ chức (ở Phần Lan và Thụy Điển các hồ sơ lưu trữ của cảnh sát và phản gián được công khai trước năm 1947. Tháng 6-1996 người ta trao cho tôi bản sao các biên

bản hỏi cung và lời giải thích của tôi trong nhà tù Phần Lan).

Cả tháng này không khí tại Trung tâm khá căng thẳng, bởi Zoia Rubkina đã báo từ Helsinki việc trở về của tôi. Để biết chuyện gì xảy ra với tôi, Zubov và Spigelglaz đã lên biên giới. Tất cả cho rằng chắc chắn nhất là tôi đã bị Xusco thủ tiêu.

Sau ba tuần, cảnh sát Phần Lan và các sĩ quan Abwehr chuyển tới đại diện chính thức Ucraina Poluvedko bản thăm dò về một người Ucraina tìm cách sang Liên Xô. Giữa Abwehr và tình báo Phần Lan có sự thỏa thuận về việc kiểm soát biên giới Xô viết - bất cứ kẻ vượt biên nào cũng đều bị họ kiểm tra. Rốt cuộc họ cũng chuyển tôi cho Poluvedko, người đã tiễn tôi đến Tallin. Ở đây người ta trao cho tôi một hộ chiếu Litva giả nữa, còn tại lãnh sự Xô viết người ta cấp một visa du lịch ngắn hạn để tới Leningrad. Lần này đi qua biên giới không có vấn đề gì cả: lính biên phòng đóng dấu vào hộ chiếu, sau đó tôi đã chuồn thoát khỏi hướng dẫn viên đang chờ ở Leningrad. Tôi tin rằng điều đó hẳn gây nên sự nhốn nháo trong phòng du lịch và chắc chắn cảnh sát đã bị dựng dậy để tìm kiếm anh chàng người Litva mất tích trong thành phố.

Chuyển công cán thành công sang Tây Âu đã thay đổi địa vị của tôi trong ngành tình báo. Kết quả công việc được báo cáo lên Stalin và Koxior, bí thư Ban chấp hành TW ĐCS Ucraina, cũng như lên Petrovsky, chủ tịch Xô viết Tối cao nước cộng hòa. Trong văn phòng Xlutsky nơi tôi báo cáo chi tiết về chuyến đi của mình, tôi được giới thiệu với hai người: một trong hai là Xerebrianxky, chỉ huy Nhóm đặc biệt thuộc Hội đồng dân ủy nội vụ [\[7\]](#) - một Trung tâm tình báo ngoài nước độc lập của cơ quan an ninh hồi ấy tôi chưa biết, - và người nữa, theo tôi, Vaxiliev, cán bộ ban thư ký của Stalin, cả hai trước đây tôi chưa từng biết.

Sau đó tôi được tặng Huân chương Cờ đỏ do M.I.Kalinin, người đứng đầu Nhà nước trao cho. Trong điện Kremli cùng với tôi, cũng nhận huân chương Cờ đỏ là điệp viên vĩ đại của tình báo Xô viết Zarubin vừa trở về từ Tây Âu, gần như cùng một thời gian như tôi. Đó là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Sau đó chúng tôi đã thân nhau, và tình bạn này bền vững suốt cuộc đời, dù ông lớn tuổi hơn tôi khá nhiều.

Cả năm 1937 và một phần năm 1938 nhiều lần tôi sang phương Tây với tư cách người đưa tin. Vỏ bọc của tôi là điệp báo viên trên con tàu thủy vận tải. Gặp gỡ Konovalets, tôi kinh hoàng nghe thấy rằng OUN đã chuyển cho người Đức thông tin xuyên tạc về việc một loạt các chỉ huy Hồng quân trong số người Ucraina - Fedko, Dubovoi và v.v.. (sau đó tất cả họ bị Stalin thủ tiêu) - Người của Konovalets bịa ra những chuyện tương tự để gây ấn tượng với người Đức và để nhận được từ họ nhiều tiền nhất. Sau đó tôi đọc trên báo chí Ucraina lưu vong, rằng những nhà chỉ huy Hồng quân như Dubovoi, Fedko và những người khác, hình như chia sẻ tính trung lập của mình giữa chính quyền Xô viết và phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina. Konovalets quyết định báo cho tôi bởi lẽ hẳn biết rằng, là một nhà tổ chức phong trào bí mật Ucraina, tôi có thể sẽ biết được sự thật.

Năm 1937 khi tôi báo điều này với Spigelglaz, ông đã nêu giả định, rằng các tiếp xúc của Dubovoi và những vị chỉ huy khác với bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina và bọn Đức không phải là không có khả năng. Tôi nghĩ rằng Spigelglaz đơn giản muốn che chở tôi phòng trường hợp tôi chuyển cái thông tin khó chịu này đến giới lãnh đạo chúng ta - vì số phận của các nhà chỉ huy này đã được định đoạt trước.

Tháng 11 năm 1937, sau kỷ niệm 20 năm cách mạng tháng Mười, tôi được gọi cùng Xlutzky đến gặp Ejov bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tôi gặp ông ta lần đầu tiên, và cái vẻ ngoài tầm thường của ông ta đúng là làm tôi kinh ngạc. Những câu hỏi ông ta đặt ra có cảm giác là hết sức sơ đẳng đối với bất kỳ người tình báo nào và thiếu sức thuyết phục. Có cảm giác, ông ta không biết những điều cơ bản nhất của công việc với các nguồn thông tin. Hơn nữa, giống như là những bất hòa bên trong tổ chức bọn lưu vong Ucraina nói chung không làm ông ta quan tâm. Mặc dù thế Ejov là Bộ trưởng Bộ Nội vụ và bí thư BCHTU' Đảng. Tôi thành thực cho rằng đơn giản tôi không đủ khả năng đánh giá những phẩm chất trí lực đã cho phép con người đó giữ một địa vị cao như thế. Dù đến thời gian ấy tôi đã là một người khá có kinh nghiệm trong cơ quan tình báo, nhưng trong việc liên quan đến danh giá của giới lãnh đạo cao cấp tôi vẫn còn ngây thơ: những nhà lãnh đạo mà tôi đã tiếp xúc từ trước đến giờ như Koxior và Petrovsky đứng đầu ĐCS Ucraina, là những người trí lực cao với nhãn quan rộng.

3. Thủ tiêu Konovalets đầu lĩnh OUN phát xít

Nghe xong báo cáo liên quan tới những cuộc gặp gỡ sắp tới của tôi với bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina, Ejov bắt chợt đề nghị tôi tháp tùng ông ta đến BCHTU'. Tôi đơn giản là bị choáng khi chiếc xe của chúng tôi đi vào Kremli. Sự kinh ngạc của tôi càng tăng thêm sau khi Ejov giải thích rằng đích thân đồng chí Stalin sẽ tiếp chúng tôi. Đó là buổi gặp gỡ đầu tiên của tôi với lãnh tụ. Tôi đã ba mươi, thế nhưng vẫn chưa học được cách kìm chế cảm xúc của mình. Tôi vui sướng phát điên và khó lắm mới tin nổi rằng nhà lãnh đạo đất nước muốn gặp gỡ một cán bộ tác chiến tầm thường. Sau khi Stalin bắt tay tôi, tôi không sao tập trung nổi để trả lời một cách khúc chiết những câu hỏi của ông. Mỉm cười, Stalin nhận xét:

- Đừng hồi hộp, anh bạn trẻ ạ. Hãy báo cáo những sự kiện cơ bản. Chúng ta chỉ có hai mươi phút thôi.

- Thưa đồng chí Stalin, - tôi đáp, - đối với một đảng viên bình thường, cuộc gặp gỡ với Người là một sự kiện vĩ đại nhất trong đời. Tôi hiểu rằng được gọi đến đây vì công việc. Sau một phút tôi sẽ trấn tĩnh lại và có thể báo cáo những sự kiện cơ bản với Người và đồng chí Ejov.

Stalin gật đầu, hỏi tôi về quan hệ giữa các nhân vật chính trị trong phong trào Ucraina lưu vong. Tôi miêu tả một cách ngắn gọn những cuộc tranh cãi vô bổ giữa các chính khách dân tộc chủ nghĩa Ucraina về vấn đề ai trong số chúng sẽ có vai trò trong chính phủ tương lai. Thế nhưng, hiểm họa là Konovalets, bởi hấn tích cực chuẩn bị tham gia cùng với bọn Đức vào cuộc chiến tranh chống lại chúng ta. Điểm yếu của hấn là áp lực thường xuyên từ phía chính quyền Ba Lan vốn muốn hướng phong trào dân tộc chủ nghĩa Ucraina ở Galitsyn chống cộng hòa Xô viết Ucraina.

- Ý kiến của các vị thế nào? - Stalin hỏi. Ejov giữ im lặng. Tôi cũng thế. Sau đó thu hết can đảm, tôi nói rằng lúc này chưa sẵn sàng để trả lời.

- Vậy thì sau một tuần, - Stalin nhận xét, - hãy trình các đề nghị của mình.

Cuộc tiếp kiến kết thúc. Ông bắt tay chúng tôi, và chúng tôi bước ra khỏi phòng làm

việc.

Quay về Lubianka, Ejov lập tức chỉ thị cho tôi cấp tốc bắt tay vào công việc cùng với Spigelglaz soạn thảo các đề xuất. Ngày hôm sau Xlutsky, là phụ trách Cục đối ngoại, đã gửi bản dự thảo cho Ejov. Đó là kế hoạch tích cực cấy người vào OUN, trước hết, trên lãnh thổ Đức. Để làm việc đó, cần phái ba cán bộ NKVD Ucraina với tư cách học viên vào trường đảng Quốc xã. Chúng tôi có cảm giác là nhất thiết cùng với họ phải cử đi một kẻ theo phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina đích thực, đồng thời không sáng dạ lắm để bảo hiểm. Ejov không hỏi một câu nào và chỉ nói đồng chí Stalin cho chỉ thị bàn bạc với Korxior và Petrovsky, họ có thể có những suy xét riêng.

Tôi cần lập tức đi Kiev, bàn bạc với họ và ngày hôm sau quay về Moskva.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi diễn ra trong văn phòng của Korxior nơi Petrovsky cũng có mặt. Cả hai người đều thể hiện mối quan tâm với trò chơi hai mang do chúng tôi đề xuất. Thế nhưng họ quan tâm nhất là tuyên bố độc lập có thể xảy ra của cộng hòa Ucraina vùng Karpat độc lập. Đúng một tuần sau khi tôi quay về Moskva, lúc 11 giờ đêm, Ejov lại dẫn tôi vào văn phòng gặp Stalin. Lần này ở đây có Petrovsky, điều không làm tôi kinh ngạc. Chỉ mất có năm phút tôi trình bày kế hoạch các hoạt động tác chiến chống OUN, nhấn mạnh rằng mục tiêu chủ yếu - lọt vào Abwehr thông qua các kênh Ucraina, bởi Abwehr là đối thủ chính của chúng ta trong cuộc chiến sắp tới.

Stalin đề nghị Petrovsky phát biểu. Ông này tuyên bố long trọng rằng tại Ucraina, Konovalets đã bị tuyên án tử hình vắng mặt vì những tội ác nghiêm trọng chống lại giai cấp vô sản Ucraina: hấn ra lệnh và tự mình điều khiển việc hành hình các công nhân của "Arsenal" Kiev vào tháng 1 năm 1918.

Cắt ngang ông, Stalin nói:

- Đó không phải là một hành động trả thù, cho dù Konovalets là gián điệp của phát xít Đức. Mục đích của chúng ta - chặt đầu phong trào phát xít Ucraina ngay trước cuộc chiến tranh và buộc những tên cướp này tiêu diệt lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giành quyền lực. - Ngay đó ông quay về phía tôi với câu hỏi: - Thế còn sở thích, điểm yếu, sự gán bó của Konovalets là thế nào? Hãy cố lợi dụng chúng.

- Konovalets rất thích kẹo sôcôla, - tôi đáp, nói thêm rằng dù tôi với hấn có đi đâu chẳng nữa, trước hết là hấn mua một hộp kẹo rất sang.

- Hãy suy nghĩ kỹ về điều đó, - Stalin đề nghị. Trong suốt thời gian nói chuyện Ejov không thốt lên một lời. Chia tay, Stalin hỏi tôi, tôi có hiểu đúng hay không ý nghĩa chính trị nhiệm vụ chiến đấu được giao cho tôi.

- Vâng, - tôi đáp và hứa với ông rằng sẽ hy sinh cuộc đời nếu cần để hoàn thành nhiệm vụ của đảng.

- Chúc thành công, - Stalin nói khi xiết chặt tay tôi.

Tôi được lệnh thủ tiêu Konovalets. Sau buổi gặp gỡ của tôi với Stalin, Xlutsky và Spigelglaz đã soạn thảo mấy phương án của chiến dịch.

Phương án thứ nhất dự trù rằng tôi sẽ bắn áp sát Konovalets. Thực ra, tay trợ lý Baranovxky biệt danh “Ngài kỹ sư” luôn luôn thắp từng hắc. Tìm ra thời điểm khi tôi ở lại một mình với Konovalets, gần như là không thể.

Phương án thứ hai là làm sao để chuyển cho hắc “món quà giá trị” được lắp ráp nổ. Phương án này có vẻ đáng chấp nhận hơn: nếu cơ chế định giờ hoạt động tốt, tôi sẽ kịp rút lui.

Cán bộ phòng kỹ thuật tác chiến Timaskov nhận nhiệm vụ chế tạo thiết bị nổ bề ngoài trông giống một hộp kẹo sôcôla được trang trí phong cách Ucraina truyền thống. Toàn bộ vấn đề nằm ở chỗ là tôi cần phải kín đáo ẩn vào công tác để khởi động cơ chế đồng hồ. Tôi không thích phương án này lắm, bởi cái hộp lòe loẹt này chắc sẽ cuốn hút sự chú ý của Konovalets ngay. Ngoài ra, hắc có thể trao hộp này cho Baranovxky luôn luôn thắp từng hắc.

Sử dụng vỏ bọc của mình - tôi được biên chế là điện báo viên trên tàu hàng “Silca”, - tôi đã gặp gỡ với Konovalets ở Antwerp, Rotterdam và Havre những nơi hắc vẫn đến theo hộ chiếu Litva giả mang tên Novac. Vào những năm 30 chính quyền Litva thường xuyên cung cấp cho các thành viên OUN hộ chiếu nước ngoài giả.

Trò chơi tiếp diễn hơn hai năm đã sắp sửa kết thúc. Đang là mùa xuân năm 1938, và chiến tranh có vẻ là không thể tránh khỏi. Chúng tôi biết: trong thời gian chiến tranh, Konovalets sẽ lãnh đạo OUN và ở về phía bọn Đức.

Trên đường đi gặp Konovalets, tôi kiểm tra công việc của mạng lưới các điệp viên ngầm của chúng tôi ở Hà Lan mà trong nhiệm vụ của họ có việc chuẩn bị phá hoại trên các tàu biển của Đức và Nhật neo đậu tại châu Âu, chuyển vũ khí và nhiên liệu cho chính thể Franko ở Tây Ban Nha. Phụ trách mạng lưới này là Ernst Vollveber mà tôi được rõ hời ầy dưới mật danh “Anton”. Dưới sự chỉ huy của ông, một phần, có nhóm người Ba Lan có kinh nghiệm làm việc với kíp nổ tại các mỏ. Những người này trước đây di tản sang Pháp và Bỉ do thất nghiệp ở Ba Lan, nơi chúng tôi lôi kéo họ cộng tác để tham gia các vụ phá hoại trong trường hợp chiến tranh. Tôi được lệnh kiểm tra những thợ nổ mìn người Ba Lan. Vollveber hầu như không nói tiếng Ba Lan, thế nhưng phương ngữ miền Tây Ucraina của tôi là hoàn toàn đủ để giao tiếp với những người của mình. Tôi đã gặp một nhóm gồm 5 điệp viên Ba Lan tại cảng Bergen của Na Uy. Tôi nghe báo cáo về chiến dịch trên tàu chở hàng “Xtefan Batory” của Ba Lan xuất phát sang Tây Ban Nha với lô hàng vật liệu chiến lược cho Franko. Nó đã không đến được đích do bị chìm ở Biển Bắc sau đám cháy trong khoang tàu vì quả bom do người của chúng tôi gài đã phát nổ.

Vollveber gây cho tôi một ấn tượng mạnh. Một đảng viên cộng sản Đức, ở nước Đức ông phục vụ trên hạm tàu, lãnh đạo cuộc binh biến của thủy thủ chống thủ tướng năm 1918. Tòa án binh khép tội chết, nhưng ông kịp trốn được, ban đầu sang Hà Lan còn sau đó sang Bắc Âu. Sau đó ông bị chính quyền Thụy Điển bắt, và Gestapo lập tức đòi trao trả ông. Thế nhưng ông nhận được quốc tịch Liên Xô, vậy nên đã không diễn ra việc trục xuất ông từ Thụy Điển sang Na Uy bị Đức chiếm đóng. Sau Hiệp ước Molotov - Ribbentrop năm 1939, ông sang Moskva và nhận lệnh tiếp tục chuẩn bị các vụ phá hoại trong cuộc chiến không thể tránh khỏi với Hitler. Tổ chức của Vollveber có vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến

của Na Uy. Vollveber và những người của ông quay về Moskva những năm 1941-1944, đã giúp chúng tôi trong việc chiêu mộ các tù binh Đức cho các chiến dịch tình báo của chúng tôi.

Sau khi kết thúc chiến tranh Vollveber một thời gian đứng đầu Bộ An ninh Quốc gia cộng hòa Dân chủ Đức. Năm 1958 do mâu thuẫn giữa ông và Khrusev, Ulbricht đã gạt Vollveber khỏi chức vụ đang nắm giữ. Chuyện như thế này. Vollveber kể với Xerov, chủ tịch KGB lúc ấy, về các bất đồng ý kiến trong ban lãnh đạo cộng hòa Dân chủ Đức, cho rằng đó là thái độ thân phương Tây đối lập với đường lối của phong trào cộng sản quốc tế. Xerov báo với Khrusev về cuộc nói chuyện đó. Còn ông này trong bữa ăn trưa kèm uống rượu tràn lan, đã nói với Ulbricht:

- Tại sao anh lại có một bộ trưởng an ninh quốc gia đi nói về bất đồng quan điểm trong nội bộ đảng? Đó chính là sự tiếp diễn truyền thống của Beria và Merkulov mà Vollveber đã gặp gỡ trong những năm 40 khi thường sang Moskva.

Ulbricht hiểu cần phải làm gì, và không chậm trễ sa thải Vollveber vì “hành vi chống đảng”, ông mất khi vẫn bị thất sủng, vào những năm 60.

Cuối cùng thiết bị nổ dưới dạng hộp kẹo được chế tạo xong, trong đó cơ chế hẹn giờ không cần khởi động bằng một công tắc đặc biệt. Vụ nổ sẽ diễn ra đúng nửa giờ sau khi thay đổi vị trí hộp từ thẳng đứng sang nằm ngang. Tôi cần giữ hộp ở trạng thái thứ nhất trong túi áo vét rộng của mình. Được dự trù là tôi sẽ chuyển “món quà” này cho Konovalts và rời khỏi địa điểm trước khi quả mìn bắt đầu hoạt động.

Spigelglaz đi cùng tôi vào văn phòng của Ejov, người muốn tiếp riêng tôi trước chuyến đi. Khi chúng tôi rời khỏi, Spigelglaz nói:

- Trong trường hợp chiến dịch thất bại hoặc có nguy cơ bị bắt, cậu cần hành động như một người đàn ông chân chính, để trong bất cứ trường hợp nào cũng không rơi vào tay cảnh sát.

Thực tế đó là mệnh lệnh phải chết. Có ý là tôi phải sử dụng đến khẩu súng lục “Valter” mà ông đưa cho tôi.

Spigelglaz ở chỗ tôi hơn tám giờ bàn các phương án. Ông cấp cho tôi vé tàu hỏa theo mùa có hiệu lực hai tháng trên toàn bộ lãnh thổ Tây Âu, và cũng trao cho tôi hộ chiếu Tiệp Khắc giả và ba nghìn đôla mà thời ấy là một món tiền lớn. Theo lời khuyên của ông, tôi nhất thiết phải thay đổi bề ngoài của mình sau “sự rút lui”: mua mũ phớt, áo choàng trong một cửa hàng gần nhất.

Trước hành trình từ Murmansk tôi đọc trong “Sự thật”, rằng Xlutsky qua đời đột ngột vì một cơn đau tim.

Cái chết của Xlutsky cho đến nay vẫn được tính vào số những bí mật chưa khám phá dưới thời Stalin và số phận các nhà lãnh đạo NKVD. Xlutsky bị bệnh tim nặng, có lúc ông nằm trên divăng tiếp khách trong văn phòng mờ tối. Thiết nghĩ, ông đã bị liệt vào số người bị thủ tiêu trong tiến trình thanh trừng bởi Stalin với lãnh đạo Ủy ban an ninh quốc gia^[8] đã làm việc cùng với Ejov. Như đã rõ, từ những cuộc hỏi cung Ejov, việc điều tra chỉ ra rằng

Xlutsky bị hại bằng cách tiêm thuốc độc do người phụ trách phòng thí nghiệm chất độc của NKVD Alekhin thực hiện. Thế nhưng đối với tôi điều đó là ít có khả năng, cần gì diễn một tấn kịch với mũi tiêm cường chế cho một bệnh nhân đau tim nặng ai cũng biết ngay tại văn phòng thứ trưởng Bộ Nội vụ Frinovxky, trước một số nhân chứng. Và, cuối cùng, điều chủ yếu, em trai Xlutsky, cán bộ phòng tác chiến Trại tập trung của NKVD (GULAG), cũng là bệnh nhân tim, đã chết năm 1946 do một cơn đau tim kịch phát trong lúc ăn trưa tại nhà ăn ngay trước mắt các đồng nghiệp. Vì thế tôi nghi ngờ các lời khai của Ejov, Frinovxky, Alekhin về hoàn cảnh cái chết của Xlutsky được họ đưa ra trong tiến trình điều tra có kèm tra tấn được gọi trong giấy tờ chính thức là “các biện pháp tác động thể lực” trong những năm 1938-1940.

Tôi kính trọng sâu sắc Xlutsky như một nhà lãnh đạo tình báo giàu kinh nghiệm, về mặt nhân cách đơn thuần, ông luôn luôn chú ý đến tôi và Emma. Con người này có nhiều công lao lớn. Chính ông vào thời của mình đã đánh cắp được ở Thụy Điển bí mật kỹ thuật sản xuất vòng bi cầu. Đối với nền công nghiệp chúng ta điều đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Xlutsky được tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ. Cùng với Nicolxky (sau đó đã nổi tiếng với tên là Orlov), trưởng ban tình báo kinh tế, năm 1930 hay 1931 họ đã gặp gỡ ông vua diêm Thụy Điển Ivar Kriuger. Tổng tiền ông ta bằng cách là dọa sẽ cho diêm rẻ tràn ngập thị trường phương Tây, họ đòi cho chính phủ Xô viết một khoản chuyển nhượng là ba trăm nghìn đôla Mỹ. Thủ đoạn thành công, và đã nhận được tiền.

Tôi nghiên cứu một cách chăm chú nhất một lộ trình có thể tháo chạy tại các thành phố, nơi có thể diễn ra cuộc gặp gỡ giữa tôi và Konovalets. Đối với mỗi thành phố tôi có một kế hoạch chi tiết. Thế nhưng trước chuyến đi cuối cùng gặp Konovalets đã nảy ra những vấn đề bất ngờ. Đáp lại hồi chuông của tôi từ Na Uy hấn bỗng đề nghị để chúng tôi gặp nhau ở Kile (nước Đức) hoặc hay hơn là tôi bay đến gặp hấn ở Italia trên máy bay Đức mà hấn sẽ phái đến đón tôi. Tôi trả lời là tôi không chủ động thời gian: dù thuyền trưởng là thành viên tổ chức Ucraina, nhưng lần này tôi không thể rời tàu quá 5 giờ. Lúc đó chúng tôi thỏa thuận là sẽ gặp nhau tại Rotterdam, ở hiệu ăn “Atlanta” nằm không xa bưu điện trung tâm, tắt thấy chỉ mất mười phút đi bộ từ nhà ga xe lửa. Trước khi lên bờ ở Rotterdam, tôi nói với thuyền trưởng, người đã nhận chỉ thị thực hiện tất cả mọi điều hành của tôi, rằng nếu tôi không quay về tàu lúc bốn giờ chiều, ông ta cần cho tàu rời đi không có tôi. Timaskov, người chế tạo thiết bị nổ, tháp tùng tôi trong chuyến đi này và lấp ngòi nổ mười phút trước khi tôi rời tàu. Còn ông ta thì ở lại trên tàu. (Sau này Timaskov trở thành trưởng phòng kỹ thuật tác chiến, chính ông đã thiết kế ra mìn từ trường. Wilhelm Kube thống đốc người Đức của Beloruxia chết bởi loại mìn đó năm 1943. Sau chiến tranh thế giới thứ hai ông là cố vấn của du kích quân Hi Lạp trong thời gian nội chiến.)

Ngày 23-5-1938, sau cơn mưa thời tiết ẩm áp và rục rắng. Mười hai giờ kém mười. Khi dạo trong ngõ gần hiệu ăn “Atlanta”, tôi nhìn thấy Konovalets ngồi bên bàn cạnh cửa sổ chờ tôi đến. Lần này hấn đi một mình. Tôi bước vào nhà hàng, ngồi xuống cạnh hấn, và sau cuộc nói chuyện ngắn chúng tôi hẹn lại gặp nhau ở trung tâm Rotterdam lúc 17 giờ. Tôi trao cho hấn món quà, hộp kẹo sôcôla, và nói rằng tôi cần quay về tàu. Rời đi, tôi đặt cái hộp trên bàn bên cạnh hấn. Chúng tôi bắt tay nhau, và tôi đi ra, cố kìm cái mong muốn bản năng là bỏ chạy ngay tức khắc.

Tôi nhớ khi ra khỏi hiệu ăn, tôi ngoặt sang phải vào một hẻm phố mà dọc hai bên có vô số cửa hàng. Ngay trong cửa hàng đầu tiên bán quần áo nam, tôi đã mua một cái mũ phớt và chiếc áo khoác màu sáng. Ra khỏi cửa hàng, tôi nghe một âm thanh như tiếng nổ lốp xe. Mọi người quanh tôi chạy về phía hiệu ăn. Tôi vội vã ra ga, ngồi ngay lên chuyến tàu đầu tiên đi sang Paris nơi buổi sáng trong metro nhất thiết có người tôi quen biết phải đón tôi. Để đội phục vụ tàu không nhớ được tôi, tôi đã xuống một ga cách Rotterdam một giờ tàu chạy, ở nơi gần biên giới Bỉ, tôi gọi bữa trưa trong một hiệu ăn địa phương, nhưng không thể chạm đến thức ăn vì đầu đau khủng khiếp. Tôi vượt biên giới bằng taxi - lính biên phòng không để ý một chút nào đến hộ chiếu Tiệp của tôi. Cũng trên chiếc taxi đó tôi đi đến Brussels, nơi tôi phát hiện ra là đoàn tàu đi Paris vừa rời khỏi. Cũng may, chuyến tiếp theo xuất phát khá nhanh, và đến tối tôi đã ở Paris. Mọi sự qua đi không chút sơ sẩy. Tôi nhớ, ở Paris tại quầy đổi ngoại tệ trong khu vực ga, tôi đã bị đánh lừa khi đổi một trăm đôla. Tôi cho rằng tôi không nên dừng lại trong khách sạn để khỏi phải qua đăng ký: Con dấu Hà Lan trong hộ chiếu tôi được đóng khi qua biên giới, có thể làm cảnh sát để ý. Cơ quan phản gián chắc chắn sẽ kiểm tra tất cả những ai từ Hà Lan vào Pháp.

Tôi qua buổi tối khi dạo trên các đại lộ quây quanh trung tâm Paris. Để giết thì giờ, tôi vào rạp chiếu phim. Sáng sớm, sau nhiều giờ đi bộ, tôi ghé vào hiệu cắt tóc cạo râu và gội đầu. Sau đó tôi vội vã đến điểm hẹn quy ước từ trước để có mặt tại bến metro lúc mười giờ sáng. Khi tôi bước ra đường ke, thì lập tức trông thấy nhân viên tình báo của chúng tôi Agaiants, bí thư thứ ba của sứ quán Liên Xô ở Paris. Ông ta đã bỏ đi, nhưng nhận ra tôi, lập tức quay lại và ra hiệu đi theo ông. Chúng tôi bắt taxi đến rừng Boulogne nơi chúng tôi ăn sáng và tôi trao cho ông ta khẩu súng ngắn của mình và một mẫu giấy nhỏ mà nội dung cần chuyển về Moskva bằng mật mã. Mẫu thư viết: “Quà đã tặng. Gói hàng hiện giờ tại Paris, còn lớp chiếc ô tô tôi đi du lịch đã nổ trong khi tôi đi dạo các cửa hàng”. Không có khái niệm gì về nhiệm vụ của tôi, Agaiants dẫn tôi đến địa chỉ mật ở rìa Paris nơi tôi ở lại suốt hai tuần.

Trên báo không có lấy một dòng về sự cố ở Rotterdam. Thế nhưng các báo Nga lưu vong viết tràn về số phận tương lai của Ejov: theo ý họ, ông ta đã bị phán quyết như nạn nhân tiếp theo của chiến dịch thanh trừng. Đọc điều đó, tôi không thể không cười thầm: “Thực ngây ngô làm sao. Tất thấy mới hai tháng trước đây con người này vừa chúc tôi thành công trong việc thi hành nhiệm vụ, và thêm nữa, tự tôi thấy đồng chí Stalin hoàn toàn tin cậy ông ta”.

Từ Paris theo các giấy tờ Ba Lan giả tôi đi ô tô và tàu hỏa sang Barcelona. Báo chí địa phương đưa tin về sự cố lạ lùng ở Rotterdam, nơi tên thủ lĩnh phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina Konovalts đi du lịch với hộ chiếu giả, đã chết trong vụ nổ trên đường phố. Trong các bản tin của báo được nêu ba giả thuyết: ông ta bị giết, hoặc bởi những người bolsevich, hoặc tập đoàn Ucraina cạnh tranh, hoặc, cuối cùng, những người Ba Lan đã thủ tiêu ông ta - để trả thù cho cái chết của tướng Peratsky.

Số phận cũng sắp đặt để Baranovxky, từ Đức đến Rotterdam gặp Konovalts một giờ sau vụ nổ, đã bị bắt bởi cảnh sát Hà Lan vốn nghi ngờ y trong vụ ám sát này, nhưng khi người ta đưa y đến quân y viện và chỉ thi thể người chết, y kêu lên: “Ôi lãnh tụ của tôi!” -

điều đó, cùng với vé tàu hỏa, là đủ để thuyết phục cảnh sát trong sự vô tội hoàn toàn của y.

Ngày hôm sau vụ nổ, cảnh sát Hà Lan có Baranovxky đi kèm đã tiến hành kiểm tra nhân viên tất cả các tàu Xô viết đang đậu ở cảng Rotterdam. Chúng tìm kiếm người được chụp trên tấm ảnh mà chúng có trong tay. Đó chính là tấm ảnh tay thợ ảnh rong ở Berlin chụp. Baranovxky biết rõ rằng Konovalets định gặp người đưa tin - điện báo viên sẽ đến Tây Âu từ một con tàu Liên Xô. Thế nhưng y hoàn toàn không tin chắc rằng đó chính là tôi. Cảnh sát Hà Lan biết về cú điện thoại gọi Konovalets từ Na Uy và, lẽ tự nhiên, nghi ngờ rằng điệp viên đã gọi cho hắn. Thực ra, không ai biết chắc, ai là người Konovalets gặp vào cái ngày đen đui đó. Khi xảy ra vụ nổ trên đường, không có ai bên cạnh hắn cả. Nhân thân của hắn vẫn không được cảnh sát Hà Lan làm sáng tỏ cho tới tận đêm khuya khi con tàu "Silca" của tôi từ lâu đã rời bến cảng Rotterdam. Cái chết của Konovalets gây nên sự chia rẽ trong OUN. Số phận những tên cầm đầu OUN làm việc thời Konovalets, thành ra bi kịch trong những năm 1939-1945. Trong tiến trình tranh giành quyền lực nội bộ OUN giữa Bandera được Đức giải thoát năm 1939, và Melnikov, kẻ thừa kế chính thức của Konovalets, những tay súng và chiến hữu lừng danh của Konovalets đã chết. Quân Bandera bắn chết Baranovxky, Xtsiborxky, Xusko ở Jutomir và Lovov vào những năm 1942-1943. Tay súng Lemec bị chúng tiêu diệt ở Poltava năm 1942.

Ở Tây ban Nha tôi dừng lại ba tuần như một lính tình nguyện Ba Lan trong thành phần đơn vị du kích quốc tế thuộc quân đội cộng hòa do NKVD lãnh đạo.

CHƯƠNG 2

Ở TÂY BAN NHA

Trong thời gian đến Barcelona lần đầu tiên tôi gặp Ramon Marcader del Rio (Hernandez), một trung úy trẻ măng vừa mới trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ du kích trong hậu phương quân Franko. Một chàng trai quyến rũ - hồi ấy anh mới hai mươi tuổi. Anh trai của anh, theo người ta kể, đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu: buộc lựu đạn quanh mình, anh lao vào chiếc xe tăng Đức đang vượt tới vị trí của những người cộng hòa. Bà mẹ Karinad của họ cũng có uy tín lớn trong đội du kích bí mật của những người cộng hòa khi thể hiện lòng dũng cảm diệu kỳ trong các cuộc tác chiến. Ngay lúc đó tôi đã không hề nghi ngờ rằng một tương lai như thế nào được chuẩn bị sẵn cho Mercader: đúng anh ta đã được lựa chọn để thủ tiêu Trotsky, thêm nữa, chiến dịch này lại do chính tôi phụ trách.

Trong suốt những năm 1936-1939, thực chất ở Tây Ban Nha diễn ra không phải một mà là hai cuộc chiến tranh, cả hai đều là sinh tử. Trong một cuộc chiến bùng lên giữa các lực lượng dân tộc chủ nghĩa do Franko lãnh đạo, kẻ được Hitler trợ giúp, và lực lượng những người cộng hòa Tây Ban Nha được Liên Xô ủng hộ. Cuộc chiến thứ hai, hoàn toàn riêng biệt diễn ra trong nội bộ phái cộng hòa. Một phía, Stalin ở Liên Xô, còn phía khác - Trotsky, đang lưu vong: cả hai đều muốn xuất hiện trước thế giới với tư cách người cứu rỗi và bảo đảm sự nghiệp của phái cộng hòa và giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chống phát xít của Tây Ban Nha.

Chúng tôi cử sang Tây Ban Nha cả những chiến sĩ tác chiến trẻ, thiếu kinh nghiệm lẫn các nhà chuyên nghiệp. Đất nước này trở thành một loại khu vực thử và nghiên cứu các chiến dịch tình báo và quân sự tương lai của chúng tôi. Nhiều bước tiếp theo của tình báo Liên Xô dựa trên các mối tiếp xúc được xác lập ở Tây Ban Nha và trên những kết luận mà chúng tôi rút ra được từ kinh nghiệm Tây Ban Nha của mình. Phải, những người cộng hòa ở Tây Ban Nha đã thất bại, nhưng những người làm việc cho Liên Xô, đã trở thành những đồng minh tin cậy của chúng tôi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Khi cuộc nội chiến ở nước này kết thúc, đã trở nên rõ ràng: không còn chỗ cho Trotsky.

1. N. Eitingon - nhà lãnh đạo tình báo bí mật Xô viết

Chính ở Tây Ban Nha diễn ra cuộc gặp gỡ mới giữa tôi và Eitingon, một trong những nhà lãnh đạo sáng giá của tình báo Xô viết vào những năm 20-50. Tôi làm quen với ông 5 năm về trước, khi ông phụ trách Ban 1 (tình báo mật) của Cục đối ngoại. (Vào những năm 20-30 Eitingon lãnh đạo việc thành lập mạng điệp viên ở nước ngoài, không liên quan với các đại diện chính thức của các tổ chức Xô viết ở ngoài nước).

Ở Tây Ban Nha, Eitingon, thiếu tá an ninh quốc gia (trước năm 1945 trong các tổ chức an ninh quốc gia Xô viết có hệ thống quân hàm khác biệt với Hồng quân. Quân hàm thiếu tá (một sao trên lon) gần như tương ứng với chức vụ chỉ huy trưởng binh đoàn. Nó thấp hơn hàm “chính ủy an ninh quốc gia” mà sau này được đặt ngang với cấp bậc “thiếu tướng”), chịu trách nhiệm tiến hành các chiến dịch du kích trong hậu phương bọn Franko và cấy điệp viên vào đầu não của phong trào phát xít. Biệt danh của ông ở Tây Ban Nha là “Tướng Kotov”, còn ở Trung tâm ông có các tên là “Tom” và “Pier”. Chính Eitingon, khi thi hành các

chỉ dẫn của Trung tâm, đã tổ chức việc trở về Moskva của tôi năm 1938. Ông tiễn tôi đến Havre và xếp lên boong một tàu thủy Xô viết. Đến giờ tôi vẫn nhớ trông ông như thế nào: nhìn ông ta nghĩ rằng đó là một tay buôn hàng trong người Pháp bình thường - không cà vạt, cái mũ kép cổ định mà ông đội cả khi nóng bức.

Naum Ixaakovich Eitingon sinh tháng 12-1899 tại Beloruxia, ở thành phố Sklov không xa Gomel quê hương vợ tôi. Ở Lubianka và trong giới bạn bè mọi người gọi ông là Leonid Alexadrovich, bởi vì vào những năm 20 các cán bộ Treka người Do Thái lấy cho mình tên Nga để không gây chú ý của các chỉ điểm viên và người cung cấp tin từ giới quý tộc và cựu sĩ quan, cũng như của các đồng nghiệp mà họ cùng làm việc.

Gia đình Eitingon thuộc tầng lớp nghèo nhất của xã hội, thế nhưng ở châu Âu và ở Mỹ, họ có những người họ hàng khá giàu có.

Eitingon gia nhập hàng ngũ đảng Eser năm 1917. Một năm sau, ông tham gia Hồng quân và nhanh chóng được chuyển sang làm việc ở Treka. Năm 1919 ông được cử làm phó chủ tịch Treka tỉnh Gomel. Ông ly khai đảng Eser và nhập vào với những người bolsevich năm 1920. Đường công danh của Eitingon bắt đầu khi ông tham gia tích cực vào việc dẹp loạn các sĩ quan Bạch vệ ở Gomel vào thời gian chúng tạm thời chiếm được thành phố không lâu.

Dzerjinxky nhận ra chàng Treka trẻ và cử ông lãnh đạo Treka tại Baskiria để trấn áp bọn cướp. Ở đây trong trận chiến với bọn kẻ cướp địa phương ông bị thương vào chân và sau này thường than vãn với tôi là đau chân. Năm 1921 ông được chuyển về Moskva vào Học viện quân sự, nơi ông đã học cùng với các nhà chỉ huy quân sự nổi tiếng tương lai. Tôi nhớ ông đã cho tôi xem tấm ảnh chụp ông với Truicov, sau này là nguyên soái, người bảo vệ Stalingrad.

Khi tốt nghiệp Học viện quân sự Eitingon được phái đi công tác tại Cục đối ngoại của OGPU^[2]. Họ hàng ông ở châu Âu từ chối thực hiện yêu cầu của ông gửi những giới thiệu, giấy tờ, tiền cần thiết cho chuyến đi sang Tây Âu. Mà đó có thể là cái ô công khai cho ông trong tác chiến. Kết quả là Eitingon được cử sang Trung Quốc với tư cách đại diện OGPU: thoát đầu ở Thượng Hải tại đây ông làm việc cùng với mạng lưới của Tổng cục tình báo của Hồng quân, đồng thời là một trong những điệp viên của Richard Sorger, sau đó ở Bắc Kinh và Kharbin.

Eitingon đã tìm cách giải phóng được một nhóm tù binh Xô viết bị bọn Quốc dân đảng Trung Hoa bắt ở Mãn Châu Lý. Ông cũng tiến hành thành công như thế một chiến dịch khác, chặn được mưu toan của điệp viên Tưởng Giới Thạch chiếm lãnh sự quán Xô viết ở Thượng Hải. Sau vụ đó ông được gọi về Moskva.

Một thời gian ngắn, năm 1930 Eitingon trở thành phó của Xerebriaxky, chỉ huy Nhóm đặc biệt trực thuộc chủ tịch OGPU. Trung tâm tình báo độc lập không phụ thuộc Cục đối ngoại này được thành lập bởi Menjinxky, người kế tục Dzerjinxky năm 1926 như một cơ quan tình báo song song để cắm sâu hệ thống điệp viên vào các cơ sở có tính chất quân sự chiến lược và chuẩn bị các chiến dịch phá hoại ở Tây Âu và Nhật Bản trong trường hợp chiến tranh. Với mục đích này Eitingon từ Trung Quốc sang Mỹ (California) để tổ chức ở đây

mạng lưới điệp viên. Năm 1932 Eitingon được điều về Cục đối ngoại do Artuzov lãnh đạo, sau đó là Xlutsky, với tư cách là trưởng ban điều phối công việc các cơ sở điệp viên mật. Đồng thời với việc đó ông chịu trách nhiệm cả việc chuẩn bị các hộ chiếu giả cho những chiến dịch bí mật ở nước ngoài.

Khi lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau ở Moskva năm 1933, tôi là thanh tra mới trong phòng cán bộ. Thời ấy chúng tôi chưa thật gần gũi, bởi ông giữ một chức vụ cao hơn nhiều so với tôi. Trong ông tôi thấy một nhà lãnh đạo tình báo đầy kinh nghiệm được kính trọng vì những thành tích trong công tác và nghiệp vụ, vì thế ông được giao làm việc với các điệp viên ngầm - điều thiêng liêng nhất trong sự nghiệp của chúng tôi. Vào những năm ấy công việc này được xem có ý nghĩa quan trọng nhất, bởi nhẽ hệ thống điệp viên dưới vỏ bọc ngoại giao của chúng ta tương đối ít. Chúng tôi cố để các điệp viên trong trường hợp bị lộ không thể dẫn các cơ quan đặc biệt phương Tây đến các cơ quan đại diện Xô viết ở quốc ngoại.

Khuôn mặt đẹp của Eitingon và cặp mắt xám sáng động của ông cứ tỏa tràn trí tuệ, ánh mắt xuyên thấu, tóc dày và đen như than, vết sẹo dưới cằm còn lại sau vụ va quệt ô tô (số đông mọi người tưởng nó là vết thương chiến đấu), - tất cả điều đó tạo cho ông dáng vẻ của một người phong trần. Ông đúng là làm mê hoặc lòng người, trích dẫn thuộc lòng thơ Puskin, nhưng vũ khí chính của ông là châm biếm và hài hước. Ông uống ít - một ly cônhắc là đủ cho ông cả tối. Tôi lập tức chú ý tới điều là con người này không hề giống một tay bảo thủ cao cấp chán ngắt. Sự thờ ơ hoàn toàn đối với tiền bạc và tiện nghi trong sinh hoạt của Eitingon đơn giản thực là đáng kinh ngạc. Chưa bao giờ ông có tiền tiết kiệm, và thậm chí bài trí trong căn hộ cũng là của nhà nước.

Tôi nhớ có lần đem đến cho ông hồ sơ cá nhân của một chiến sĩ Treka trẻ phục vụ gần biên giới Ba Lan, với đề nghị có thể chuyển anh ta sang làm việc với tư cách một cán bộ của ban do Eitingon lãnh đạo. Trong hồ sơ có thư của phó phụ trách GPU Ukraina, giới thiệu anh ta để phục vụ tại Ba Lan không xa với địa điểm anh ta đã sống và làm việc. Eitingon không muốn cử chàng trai này sang Ba Lan, cạnh biên giới, nơi người ta có thể nhận ra anh ta.

Tôi cho rằng vấn đề này đã khép lại và ông không muốn để người ta làm ông phải lo lắng về việc sắp xếp cho người đó. Nhưng bất ngờ, tự Eitingon gọi điện thoại cho Minxker, phụ trách Ban Viễn Đông, và đề nghị ông ta nhận tay cán bộ này vào làm việc.

2. Các hoạt động tình báo ở Tây Ban Nha những năm 1936-1939

Tên tuổi Eitingon ở Tây Ban Nha gắn liền một loạt việc kín của các hành động đối ngoại quan trọng nhất của ban lãnh đạo Xô viết trong nội chiến. Ông đã lôi kéo được một trong những người sáng lập đảng Falange phát xít Ferdinando de Kuest cộng tác. Ông ta, thủ lĩnh duy nhất của bọn phát xít từ số những kẻ bị phái cộng hòa bắt làm tù binh, được giữ mạng sống. Thông qua điệp viên ngầm của ta "Iuzic" (Grigulievich) với sự giúp đỡ của de Kuest đã bảo đảm được kênh bí mật thương thuyết với Franko. Sau đó de Kuest được trao đổi để lấy những người phái cộng hòa quan trọng vào năm 1938. Tiếc rằng thông qua ông ta cuộc trung gian bí mật đã không thỏa thuận được về thỏa hiệp hòa bình cho cuộc nội chiến

sau thất bại của quân đoàn thám sát Italia trong những trận đánh gần Gvadelakhara tháng 3-1937. Thế nhưng, theo những giới thiệu của Kuest, đã tiếp cận được một loạt quan chức cao cấp từ giới thân cận của Franko và ép họ cộng tác với tình báo Xô viết.

Eitingon cũng tiến hành do thám sâu trong hậu phương các đơn vị phát xít trên chiến trường Aragon. Cú đánh bất thần của những người cộng hòa trong trận chiến trên sông Ebro năm 1938 dù là kim giữ chân được các đơn vị của Franko, nhưng không thay đổi được sự phát triển bất lợi chung của tình hình quân sự.

Những cuộc thương thuyết bí mật được tiến hành dưới sự giám sát của Eitingon với một trong số người sáng lập ĐCS Tây Ban Nha Jesus Hernández - bộ trưởng Tư pháp trong chính phủ cộng hòa. Thời lưu vong ở Mexico ông có quan hệ gay gắt với Dolores Ibarruri và H. Dias ở Moskva. Các cố gắng của Eitingon bằng thư riêng với "Pedro" đã không thành công. Ở Moskva, Hernández bị tuyên bố là gián điệp và kẻ chia rẽ, "tay sai của Tito".

Buổi gặp gỡ tiếp theo của chúng tôi là ở Tây Ban Nha, nơi từ đó ông bí mật chuyển tới sang Pháp năm 1938 sau việc thủ tiêu Konovalts. Người ta phái Eitingon sang Tây Ban Nha hai năm trước đó với tư cách phó đại diện chịu trách nhiệm các chiến dịch du kích, bao gồm cả phá hoại các đường sắt và sân bay. Sau khi Nicolxky, đại diện ở Tây Ban Nha (dưới tên Alexandr Orlov) biến mất vào tháng 6-1938, Eitingon trở thành trưởng nhóm tình báo. Tôi đánh giá cao nghệ thuật thích ứng với các điều kiện địa phương của ông.

Năm 1939, Franko đã giành chiến thắng và Eitingon dời sang Pháp nơi mấy tháng sau ông tổ chức và hồi phục lại tất cả những gì còn lại từ mạng lưới điệp viên của ông, và giữ mối liên hệ với Berges - một trong số thành viên nhóm Cambrige có mật danh "Cô gái". Sau đó Berges được chuyển nối liên lạc cho Gorxky - trưởng nhóm NKVD ở Anh. Áng chừng cũng thời gian đó Eitingon lôi kéo được người cháu của thủ lĩnh đảng phát xít Tây Ban Nha Primo de Riverk, bạn của Hitler. Đến 1942 ông ta là nguồn thông tin quan trọng về các kế hoạch của Franko và Hitler. Năm 1938 Trung tâm đã nổi giận vì vụ chạy trốn của Orlov, trưởng nhóm tình báo ở Tây Ban Nha. Rất chóng chúng tôi biết rằng ông ta bỏ chạy vì sợ bị bắt.

Thế nhưng Eitingon đề nghị, bất chấp sự phản bội của Orlov, tiếp tục các tiếp xúc với nhóm Cambrige, bởi Orlov, đang sống ở Mỹ, không thể khai ra các mối liên hệ của mình vì nguy hiểm về mặt tư pháp. Năm 1934-1935 Orlov sống ở Anh với hộ chiếu Mỹ giả, vì thế nếu phản gián Mỹ kiểm tra nhóm Cambrige, thì Orlov không thể nhận được quốc tịch Mỹ và hẳn đã bị trục xuất khỏi Hoa Kỳ. Hơn nữa, hẳn đã lộ ra những sự kiện không mong muốn đối với ông ta: các chiến dịch khủng bố dưới sự lãnh đạo hoặc sự tham gia của ông ta chống lại Trotsky và các điệp viên NKVD bị tình nghi là hai mang ở Tây Ban Nha.

Năm 1941 Eitingon được phái sang Thổ Nhĩ Kỳ và ở lại đấy gần cả năm 1942 dưới tên gọi Leonid Naumov. Ở đấy ông chuẩn bị việc ám sát Frank von Papen, đại sứ Đức lúc đó tại Thổ Nhĩ Kỳ. Theo tin đồn, von Papen sẽ đứng đầu chính phủ Đức trong trường hợp các tướng của đế chế ép được Hitler rời khỏi chính quyền. Điều đó mở đường tới thỏa hiệp hòa bình riêng rẽ giữa Đức, Anh và Mỹ. Mưu đồ ám sát không thành - điệp viên người Bungari bị kích động, và quả bom đã nổ trước hạn trên tay anh ta. Kết quả là tự anh hy sinh, còn von Papen chỉ bị mấy vết xước nhẹ.

Vào những năm cuối đời Eitingon cưới Puzureva, nữ cán bộ KGB duy nhất được tặng thưởng Huân chương nước Anh. Eitingon lần thứ hai bị bắt cùng với tôi trong làn sóng tiếp sau việc gạt bỏ Beria khỏi quyền lực năm 1953, và chỉ được tha năm 1964. Eitingon mất năm 1981, khi vẫn chưa được minh oan - chính thức ông được xem là một tội phạm được phóng thích mà thôi. Chỉ đến tháng 4 năm 1992 gia đình mới nhận được chứng chỉ về sự minh oan cho ông sau khi chết.

Leonid là một nhân cách tài năng thật sự và nếu không trở thành nhà tình báo, hẳn ông đã thành công trên cương vị quan chức nhà nước hoặc trong khoa học. Cho đến giờ trong trí nhớ tôi vẫn sống động câu đùa: “Với hệ thống của chúng ta chỉ có một khả năng bảo đảm không kết thúc những ngày tháng của mình trong tù: Cần không là người Do Thái hoặc tướng an ninh quốc gia”.

Năm 1992 con gái Eitingon Xvetlana gọi điện thoại cho tôi và đề nghị tiếp bà họ hàng xa của cô từ Anh mới đến Moskva thu thập tài liệu cho cuốn sách về Eitingon. Trong thời gian gặp nhau vào tháng 5-1992 tôi biết từ cô rằng “gia tộc” Eitingon có thể tìm được ở Beloruxia, Moskva, New York và Laixich. Thế nhưng những người họ hàng đã chuyển từ châu Âu sang Mỹ và có những ưu đãi đặc biệt về buôn bán da thuộc từ Liên Xô, đã không đóng một vai trò gì trong sự thành đạt của Eitingon, và ông không giữ các mối liên hệ với họ thậm chí cả sau khi được tha khỏi nhà tù Vladimir.

Những thông tin xuất hiện trước đây tại phương Tây trong đó Eitingon được gán cho vai trò quan trọng trong việc tiến hành chiến dịch bắt cóc tên tướng Miller, lãnh đạo ROVX (Hiệp hội chiến binh Nga) năm 1937 tại Paris, không đúng với thực tế. Y bị bắt cóc với sự tham gia của tướng Xcoblin (mật danh “Điền chủ”) di tản sang Paris hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Spigelglaz. Xcoblin dự được Miller đến điểm hẹn của NKVD nơi có vẻ như y sẽ gặp các sĩ quan tình báo Đức. Ở đây y bị tóm. Nhân sự biến mất của Miller, chính quyền Pháp đã phản đối cương quyết với đại sứ Xô viết ở Pháp, cứ khẳng khẳng rằng trong thực tế tên tướng kia bị bắt cóc và bị đưa lên tàu thủy Liên Xô. Họ thậm chí dọa phái chiến hạm của mình để bắt giữ con tàu Xô viết trên biển. Đại sứ Liên Xô Xurets cực lực bác bỏ tất cả mọi lời buộc tội, cảnh báo người Pháp rằng họ sẽ chịu trách nhiệm, nếu tàu Xô viết bị họ dừng và khám xét trên lãnh hải quốc tế. Trong bất cứ trường hợp nào, theo lời ông, dù sao cũng sẽ không tìm ra tướng Miller ở đây. Kết quả là tàu thủy Xô viết không bị chặn giữ và thuận buồm xuôi gió trải qua quãng đường từ Havre về Leningrad. Miller bị đưa về Moskva, nơi người ta hỏi cung y, y khước từ viết lời hiệu triệu cho bọn bạch vệ lưu vong ngừng đấu tranh chống chính quyền Xô viết, y bị xét xử và bị bắn năm 1939 tại Lubianka. Việc bắt cóc y gây nên nhiều tai tiếng vào thời ấy. Vô hiệu hoá được tên tướng này dẫn tới sự đổ vỡ toàn bộ tổ chức các cựu sĩ quan Sa hoàng, cắt đứt các kế hoạch của chúng hợp tác với người Đức trong cuộc chiến tranh chống Liên Xô.

Xcoblin trốn từ Paris sang Tây Ban Nha bằng máy bay do Orlov đặt cho (khi năm 1938 Orlov bỏ chạy, ông ta vẫn giữ chiếc nhẫn vàng của Xcoblin như chứng cứ về sự liên quan của mình đối với vụ việc này). Xcoblin đã hy sinh trong một trận tấn công Barcelona bằng máy bay trong thời nội chiến ở Tây Ban Nha. Vợ ông là ca sĩ Nga nổi tiếng Hadejda Plevitskaia, giữ mối liên hệ với NKVD. Bà không ngờ rằng Spigelglaz lãnh đạo chiến dịch bắt

Miller, và coi ông là bạn của chồng mình. Bà chỉ biết rằng Spigelglaz (“Duglax”) có liên hệ với các đại diện Xô viết và giúp đỡ họ về mặt vật chất. Bà bị bắt ở Pháp vì sự đồng lõa trong vụ bắt cóc Miller và người ta kết án bà hai mươi năm làm việc khổ sai. Bà chết trong tù năm 1944. Nếu Xcoblin chỉ huy chiến dịch này, như một số nhà “am hiểu” lịch sử của tình báo chúng ta viết, với việc bọn Đức biết, thì hẳn chúng đã tha bà, hoặc ít nhất, người Đức nhất thiết đã cố lợi dụng bà để lần ra mối liên hệ của tình báo Liên Xô tại Pháp.

3. Gặp Beria

Nhưng chúng ta cùng quay lại các sự kiện năm 1938. Nhận được thư của tôi từ Paris về thành công của chiến dịch thủ tiêu Konovalts, Spigelglaz gọi vợ tôi đến gặp và nói: “Andrei (mật danh của tôi) đã an toàn. Cậu ấy thấy người ta đổ xô như thế nào đến nơi đó, và cậu ấy rõ tất cả. Bởi ở Tây Âu không ai chạy đi chỉ là để xem một cái lớp xe ô tô nổ gần đó”.

Tháng 7-1938 chiếc tàu thủy mà tôi có mặt trên đó cập cảng Leningrad. Tôi lập tức đi chuyển tàu đêm về Moskva. Đón tôi trên ga là Paxonov vừa được cử thay Xlutsky, Spigelglaz và vợ tôi. Cần phải nói hay không, tôi hạnh phúc như thế nào khi quay về Moskva với công việc cũ. Tôi cho rằng vụ ám sát Konovalts thành công từ tất cả mọi phương diện và tự hào rằng trong vụ nổ, những người vô tội đã không bị hại. Cả Abwehr lẫn tổ chức dân tộc chủ nghĩa Ucraina đều không có chứng cứ để khám phá nguyên nhân đích thực về cái chết của Konovalts. Tất nhiên, chúng có thể nghi ngờ người đưa tin hoặc liên lạc viên đến gặp y ở Rotterdam, nhưng trong tay chúng không có chứng cứ nào cả.

Sáng sớm ngày hôm sau tôi được gọi tới chỗ Beria, lãnh đạo mới của Tổng cục an ninh quốc gia NKVD, phó thứ nhất của Ejov. Trước đó tôi chỉ biết về Beria là ông ta lãnh đạo GPU Gruzia vào những năm 20, sau nữa trở thành bí thư BCH TƯ ĐCS Gruzia. Paxonov, người thay Xlutsky trên cương vị trưởng Cục đối ngoại, đưa tôi vào văn phòng của Beria, cạnh phòng tiếp khách của Ejov. Buổi gặp gỡ đầu tiên của tôi và Beria, hình như kéo dài gần bốn giờ. Suốt thời gian ấy Paxonov giữ im lặng. Beria hỏi tôi hết câu này sang câu khác, mong biết về tất cả mọi chi tiết của chiến dịch chống Konovalts và về OUN từ khởi đầu sự hoạt động của nó.

Sau một giờ Beria bảo Paxonov đem lại cặp hồ sơ “Đặt cược” nơi lưu giữ tất cả các chi tiết về chiến dịch này. Từ các câu hỏi của Beria tôi hiểu đó là một người uyên thâm trong các vấn đề tình báo và phá hoại. Sau đó tôi hiểu ra: Beria hỏi để hiểu rõ hơn, bằng cách nào tôi đã có thể hòa nhập vào cuộc sống phương Tây.

Gây cho Beria ấn tượng đặc biệt là thủ tục thoát đầu khá đơn giản việc mua vé tàu hỏa theo mùa cho phép tôi chu du không bị cản trở khắp toàn bộ Tây Âu. Tôi nhớ, ông quan tâm đến qui định bán vé tàu hỏa cho hành khách trên các tuyến nội địa và các tuyến nước ngoài. Tại Hà Lan, Bỉ và Pháp các hành khách đi sang nước khác, từng người một đi lại gần quầy - chỉ sau tiếng chuông của người trực. Chúng tôi ước đoán rằng điều đó được làm với mục đích cho phép người bán vé nhớ tốt hơn những ai đã mua vé. Tiếp theo Beria quan tâm tôi có để ý hay không đến số lỗi ra, kể cả cửa dự phòng tại phòng hẹn kín nằm ở ngoại ô Paris. Ông khá ngạc nhiên là tôi đã không làm điều ấy bởi vì quá mệt mỏi. Từ đó tôi kết luận rằng Beria có kinh nghiệm hoạt động bí mật tích lũy được trong Treka Ngoại Kavkaz.

Vẫn nhớ, ông mặc chiếc áo vét khá giản dị. Tôi cảm thấy kỳ lạ là ông không có cà vạt, còn ống tay áo sơ mi, chất lượng khá tốt, được xắn lên. Tình huống đó buộc tôi cảm thấy có phần khó xử, bởi trên người tôi là bộ trang phục may khéo tuyệt vời: trong thời gian ngắn ở Paris tôi đã đặt ba bộ comple theo mốt, áo bành tô, cũng như mấy chiếc sơ mi và cà vạt. Thợ may lấy kích cỡ, còn Agaiants ghé qua lấy đồ và gửi chúng về Moskva bằng đường ngoại giao.

Beria quan tâm nhiều đến đội du kích phá hoại đặt cơ sở tại Barcelona. Ông ta biết riêng Vaxilevsky, một trong số chỉ huy du kích - vào thời của mình ông kia phục vụ dưới trướng ông trong phản gián GPU Gruzia. Beria nói tiếng Nga tốt với một chút âm sắc Gruzia và đã xử sự hết mực lịch thiệp đối với tôi. Thế nhưng ông cũng không thể giữ nguyên sự lạnh lùng trong suốt buổi nói chuyện của chúng tôi. Và thế, Beria bị kích động mạnh khi tôi kể là đã đưa ra những lập luận thế nào với Konovalets, để ngăn chặn hần tiến hành các hành động khủng bố của OUN chống các đại diện của chính quyền Xô viết tại Ucraina. Tôi phản bác hần, viện lẽ rằng điều đó có thể dẫn tới cái chết của tổ chức bí mật dân tộc chủ nghĩa Ucraina, bởi NKVD sẽ nhanh chóng lần ra dấu vết bọn khủng bố. Còn Konovalets thì cho rằng, những hành động tương tự có thể được thực hiện bởi những nhóm nhỏ riêng biệt. Điều đó, hần nhất quyết, sẽ tạo thêm hào quang trong mắt người dân địa phương, là động lực để bắt đầu chiến dịch rộng lớn chống Xô viết mà Đức và Nhật Bản sẽ tham dự vào.

Vốn cận thị, Beria đeo kính một tròng, điều làm ông ta giống một công chức khiêm tốn. Có thể, tôi nghĩ, ông ta cố ý chọn cho bản thân hình ảnh như thế: ở Moskva không ai biết ông, và dĩ nhiên, mọi người khi gặp sẽ không chú ý tới một ngoại hình tầm thường đến thế, điều cho ông khả năng khi đến điểm hẹn để trò chuyện với các điệp viên mà không bị nhận ra. Cần nhớ rằng những năm ấy một số phòng hẹn do NKVD nắm giữ ở Moskva nằm trong các chung cư. Sau này tôi biết: trở thành phó của Ejov, điều đầu tiên Beria làm - chuyển sang mình các đầu mối điệp viên quan trọng nhất trước đây nằm trong tay các nhà lãnh đạo các phòng ban và cục chủ chốt của NKVD đã bị thanh trừng.

Tôi nhận phép nghỉ năm ngày để đi thăm mẹ vẫn sống tại Melitopol, còn sau đó là cha mẹ vợ ở Kharkov. Dự tính là khi quay về Moskva, tôi sẽ nhận chức vụ trợ lý trưởng Cục đối ngoại. Spigelglaz và Paxxov rất hoan hỉ với cuộc gặp gỡ của tôi với Beria và khi tiễn tôi ra ga Kievsky, đã đoan chắc rằng khi về Moskva tôi sẽ được giao phụ trách trực tiếp công tác tình báo phá hoại ở Tây Ban Nha.

Trong thời gian chuyển đi vợ tôi kể về các sự kiện bi thảm diễn ra trong nước và trong cơ quan an ninh. Ejov tiến hành những vụ thanh trừng dã man: tổng giam toàn bộ thành phần lãnh đạo phản gián NKVD vào năm 1937. Năm 1938 sự thanh trừng cũng chạm tới Cục đối ngoại. Nạn nhân là nhiều bạn bè mà tôi tin tưởng. Lúc ấy tôi nghĩ rằng điều đó là do sự kém cỏi đầy tội lỗi về nghiệp vụ của Ejov mà đến những nhân viên tác chiến thấp nhất cũng biết.

Ở đây tôi muốn dẫn ra sự kiện mà dù rất quan trọng vẫn không được nhắc tới trong các sách lịch sử của các cơ quan đặc biệt. Trước khi Ejov vào NKVD ở đây chưa có các bộ phận điều tra chuyên biệt. Nhân viên tác chiến thời Dzerjinsky (cũng như thời Menjinsky), khi làm việc với điệp viên và người cung cấp tin của khu vực mình quản lý, cần phải tự tiến hành

việc điều tra, hỏi cung, chuẩn bị các kết luận buộc tội. Thời Ejov và Beria được lập một bộ phận điều tra chuyên biệt cưỡng bức lời khai ở những người bị bắt về “hoạt động tội phạm” vốn không có một chút gì chung với thực tế.

Các nhân viên tác chiến phụ trách những cơ sở công nghiệp và cơ quan nhà nước cụ thể, có ít hoặc nhiều khái niệm rõ ràng về cán bộ của các công sở và tổ chức này. Đến theo động viên của đảng, chủ yếu là trẻ, thiếu kinh nghiệm sống, các cán bộ bộ phận điều tra ngay từ đầu đã bị lôi cuốn vào vòng luẩn quẩn. Họ mở xẻ các lời khai ép được từ những người bị điều tra. Không biết sơ đẳng công việc tác chiến, kiểm tra các tài liệu hiện thực, họ thành đồng lõa của sự hủy diệt tội lỗi những người vô tội, đã đẩy lên theo sáng kiến của giới lãnh đạo cao cấp và trung cấp của đất nước. Kết quả là nảy sinh một làn sóng bắt bớ được gọi lên bởi trí tưởng tượng bệnh hoạn của các nhà điều tra và những “chứng cứ” được ép ra từ những người bị điều tra.

Tất cả chúng tôi hi vọng rằng, với sự đề bạt Beria vào tháng 12-1938 làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, nhờ nghiệp vụ cao của ông và liên quan với nghị quyết nổi tiếng của BCHTU, các lệch lạc sẽ được uốn nắn. Dễ hiểu thôi, niềm hi vọng là ấu trĩ, nhưng chúng tôi lúc ấy tin một cách chân thành vào tính đứng đắn và tính trung thực miến bàn của những người lãnh đạo trực tiếp chúng tôi. Chúng tôi biết, ví dụ, Xlutsky và Spigelglaz đã chuyển ra khỏi Moskva và ổn định cuộc sống những bà vợ và con cái của một số đồng nghiệp bị bắt, để họ không trở thành nạn nhân những cuộc thanh trừng.

Từ chuyến đi tôi quay về Moskva không ít lo âu bởi những tin đồn về những điều tàn nhẫn đang xảy ra ở Ucraina mà chúng tôi nghe được từ những bà con họ hàng. Khataevich, lúc ấy là bí thư BCHTU ĐCS Ucraina bị kết tội là kẻ thù của nhân dân. Koxior bị coi có liên hệ với ĐCS Ba Lan bị Quốc tế cộng sản giải tán, bị bắt ở Moskva. Nguyên do đích thực của tất cả các cuộc bắt bớ này, như tôi nghĩ lúc ấy, đúng là do những sai lầm do họ gây ra. Khataevich trong thời gian nạn đói hàng loạt, đã cho phép bán bột mì thuộc nguồn dự trữ bất khả xâm phạm phòng trường hợp chiến tranh. Vì điều đó năm 1934 ông nhận cảnh cáo từ Moskva. Có thể là, tôi nghĩ, ông còn có sai lầm nào đó nữa. Tôi nhắc lại một lần nữa: than ôi, tôi đã ngây thơ.

Tại Moskva Paxon và Spigelglaz thông báo rằng chức vụ mới đang chờ tôi: trợ lý cho trưởng Cục đối ngoại. Thế nhưng chức vụ này còn cần được BCHTU đảng phê chuẩn đã, bởi nó đề cập đến một chức vụ lãnh đạo thuộc giới tinh hoa. Và dù quyết định về đề bạt mới của tôi không thấy đến, thực tế từ tháng 8 đến tháng 11-1938 tôi đã đảm nhận trách nhiệm này.

4. Vàng Tây Ban Nha

Khởi đầu công việc của tôi không thể gọi là thành công được. Tôi nhanh chóng hiểu rằng chỉ huy Paxon của tôi không hề có kinh nghiệm tác chiến ở nước ngoài. Đối với ông ta các vấn đề thu dụng điệp viên ở phương Tây và các tiếp xúc với họ là “terra incognita” thực sự. Ông ta tin bất cứ thông tin nào nhận được từ mạng lưới điệp viên, và không có khái niệm về các phương pháp kiểm tra các tin tức của các nguồn nước ngoài. Kinh nghiệm tác chiến trong phản gián và trong lĩnh vực hoạt động điều tra của ông ta chống “kẻ thù của nhân dân”

đã không thể giúp ông. Tôi đơn giản là khiếp sợ khi biết rằng ông ta ký chỉ thị cho phép mỗi nhân viên tác chiến ngoài nước sử dụng mật mã của riêng mình và bỏ qua trưởng nhóm gửi thông tin trực tiếp về Trung tâm, nếu anh ta có thể có những lý do không tin tưởng chỉ huy trực tiếp của mình. Chỉ sau này mới hiểu được, tại sao có loại tài liệu kiểu ấy. Tại Hội nghị TƯ Đảng tháng 3-1937 người ta đòi hỏi NKVD “củng cố cán bộ” của Cục đối ngoại. Nó che đậy mong muốn của giới lãnh đạo đất nước thoát khỏi ban lãnh đạo cơ quan tình báo Xô viết cũ đã thành ra bất lợi.

Năm 1936 những người cộng hòa Tây Ban Nha đồng ý gửi Moskva một phần lớn dự trữ vàng Tây Ban Nha tổng số hơn nửa tỉ đôla. Ngoài ra, mùa xuân năm 1939 những người cộng hòa cũng đã chở những tài sản lớn từ Pháp sang Mexico bằng tàu thủy. Tháng 3-1939 Agaiants gửi từ Paris về Trung tâm một bức điện trong đó báo rằng không phải tất cả vàng, kim loại và đá quý của Tây Ban Nha được gửi sang Moskva. Trong điện báo chỉ rõ rằng, hình như một phần dự trữ ấy bị phung phí bởi chính phủ cộng hòa với sự tham gia của lãnh đạo mạng điệp viên NKVD tại Tây Ban Nha.

Người ta trình ngay báo cáo với Stalin và Molotov, những người đã ra lệnh cho Beria tiến hành kiểm tra nguồn thông tin. Thế nhưng khi chúng tôi đề nghị Eitingon, phụ trách điệp viên ở Tây Ban Nha lý giải sự việc, ông đã gửi đáp lại một bức điện giận dữ gần như chỉ những câu chửi. “Tôi, - ông viết, - không phải kế toán cũng không phải kẻ chào hàng. Đã đến lúc Trung tâm giải quyết lầy vẩn đề Dolores Ibarruri, Hose Diace, tôi và các đồng chí Tây Ban Nha khác từng ngày một đang mạo hiểm trong cuộc chiến tranh chống phát xít vì sự nghiệp chung. Nên chuyển tất cả những lời yêu cầu tới các nhân vật được tin cậy của lãnh đạo TƯ ĐCS Pháp và Tây Ban Nha Jak Duklo, Dolores Ibarruri và những người khác. Trong khi đó nên hiểu rằng việc chuyển vàng và các vật quý diễn ra trong điều kiện chiến sự”.

Bức điện của Eitingon gây ấn tượng rất mạnh đến Stalin và Beria. Tiếp ngay lệnh: xem xét các mối quan hệ qua lại của các nhân viên mạng lưới điệp viên NKVD tại Pháp và Tây Ban Nha.

Tôi cũng nhận được nhiệm vụ riêng từ Beria làm quen với tất cả các tài liệu về việc bàn giao và tiếp nhận của cải từ Tây Ban Nha vào Ủy ban bảo quản Liên Xô. Nhưng nói điều đó thì dễ hơn so với làm, bởi nhẽ quyết định cho phép làm việc với các tài liệu của Ủy ban bảo quản phải được Molotov ký. Trợ lý của ông trong khi đó lại từ chối đưa tài liệu đi ký khi thiếu chữ ký của Ejov, Bộ trưởng NKVD, chữ ký của Beria lúc đó là chưa đủ. Thời ấy tôi còn hoàn toàn chưa quen với tất cả mọi nguyên tắc thủ cựu này và chuyển tài liệu cho Ejov qua ban thư ký của ông ta. Sáng hôm sau nó vẫn còn chưa được ký. Beria chửi rửa tôi qua điện thoại về sự chậm trễ, nhưng tôi đáp là không thể tìm thấy Ejov - ông ta không có ở Lubianka. Beria ném ra một cách bực dọc:

- Đó không phải là việc riêng mà là công vụ quốc gia khẩn cấp. Hãy phái người đưa tin tới nhà riêng Ejov, ông ta không khỏe và đang ở đấy.

Giọng bất kính của ông về Ejov, ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, có phần làm tôi ngơ ngẩn và kinh ngạc.

Cùng với người đưa tin chúng tôi được chở đến biệt thự của bộ trưởng ở Ozero, không xa Moskva. Trông Ejov có vẻ nào đó là lạ: tôi có cảm tưởng rằng tôi đưa tài liệu cho một người ốm thập tử nhất sinh hoặc một người đã say mềm suốt đêm để ký. Ông ta ký mà không hỏi một câu và không hề thể hiện sự liên quan của mình tới công việc. Tôi lập tức về Kremli để chuyển tài liệu cho ban thư ký chính phủ. Từ đây tôi đến Ban bảo quản quốc gia với hai thanh tra đi cùng, một trong số họ là Berzon, thủ quỹ chính của Treka toàn liên bang - NKVD từ năm 1918. Trước cách mạng ông giữ chức thanh tra trong hãng bảo hiểm Nga mà tòa nhà bị Dzerjinsky chiếm.

Các thanh tra làm việc tại Ban bảo quản quốc gia trong suốt hai tuần, kiểm tra toàn bộ tài liệu hiện có. Họ không phát hiện ra một chút dấu vết không đầy đủ nào. Các phụ trách điệp viên ở Pháp và Tây Ban Nha những năm 1936-1938 đã không sử dụng cả vàng lẫn báu vật cho những mục đích tác chiến. Chính lúc ấy tôi biết được rằng tài liệu về bàn giao vàng được ký bởi thủ tướng cộng hòa Tây Ban Nha Francisco Largo Kabaliero và thứ trưởng Bộ Ngoại giao Krextinsky, sau đó bị bắn chết như kẻ thù của nhân dân cùng với Bukharin sau tòa án công khai năm 1938.

Người ta chở vàng từ Tây Ban Nha trên tàu thủy từ Kartakhena, căn cứ hải cảng quân sự Tây Ban Nha, về Ôđécxa, sau đó cất giấu vào hầm của Ngân hàng quốc gia. Thời ấy tổng số của chúng được đánh giá là 518 triệu đôla. Những vật báu khác dành cho các nhu cầu tác chiến của chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha với mục đích tài trợ các chiến dịch bí mật, đã được bí mật chuyển từ Tây Ban Nha sang Pháp, từ đó nó được đưa về Moskva - với tư cách như các khối hàng hóa ngoại giao.

Vàng Tây Ban Nha đã trang trải phần lớn những chi phí của chúng ta cho sự trợ giúp quân sự và vật chất đối với những người cộng hòa trong cuộc chiến của họ với Franko được Hitler và Mussolini ủng hộ, cũng như để giúp đỡ dân lưu vong Tây Ban Nha. Những phương tiện này cũng cần để trang trải các chiến dịch tình báo trước ngưỡng cửa cuộc chiến tranh ở Tây Âu năm 1939.

Vấn đề về vàng sau những sự phanh phui của Orlov vào những năm 1953-1954 có sự phát triển mới. Chính phủ Tây Ban Nha của Franko không chỉ một lần đưa vấn đề đòi lại những báu vật bị lấy đi. Tôi và Eitingon bị hỏi cung bởi các nhân viên tình báo KGB vào những năm 1950-1960 về số phận của vàng, khi chúng tôi ngồi tù. Kết quả, như tôi được thông báo, “bên trên” đã tiếp nhận quyết định vào những năm 1960 - bồi thường cho chính quyền Tây Ban Nha dự trữ vàng bị tiêu phí năm 1937 bằng cách bán dầu hỏa cho Tây Ban Nha theo giá ưu đãi.

Tháng 7-1938, ngay trước sự chạy trốn của Orlov, nhóm trưởng của chúng ta ở Tây Ban Nha, có sự đồn đại về việc ông ta sẽ nhanh chóng thay thế Paxon ở cương vị chỉ huy tình báo của NKVD. Thế nhưng bắt giam con rể của ông ta, Kantsnelson, thứ trưởng Bộ Nội vụ Ucraina, bị thanh trừng vào năm 1937 hoặc 1938, đã làm Orlov hoảng sợ.

5. Thủ tiêu những người theo phái Trotsky ở nước ngoài

Họ tên thật của Orlov-Nikolxky - Feldbin, ông cũng là “Thằng Thụy Điển” hay “Leva” trong những tài liệu tác chiến. Vả lại ở phương Tây ông đã nổi tiếng như là Alexandr Orlov.

Tôi gặp ông ta ở phương Tây và ở Trung tâm, nhưng chỉ thoáng qua. Ấy thế nhưng tôi cho là quan trọng dừng lại ở nhân vật này đầy đủ hơn, bởi vì chính sự đả phá của ông trong những năm 50 và 60 đã cho khả năng hiểu tính chất những cuộc thanh trừng năm 1937 ở Liên Xô. Tiện thể, bất chấp khẳng định của ông ta, Orlov chưa bao giờ là một vị tướng NKVD. Trên thực tế ông ta có quân hàm thiếu tá an ninh, một hàm đặc biệt được coi ngang hàm đại tá năm 1945. Vào đầu những năm 30 Orlov đứng đầu ban tình báo kinh tế của Cục đối ngoại OGPU, là người tham gia các cuộc tiếp xúc và liên lạc bí mật với các nhà doanh nghiệp phương Tây và đóng vai trò quan trọng trong sự xuất khẩu phát minh mới của kỹ thuật nước ngoài từ Đức và Thụy Điển sang Liên Xô.

Thêm nữa Orlov còn là một nhà báo tài ba. Ông không ở Moskva khi diễn ra những cuộc bắt bớ và thủ tiêu vào những năm 1934-1937, nhưng giả thuyết sách vở của ông về các sự kiện này được công chúng xem là hợp lý. Thậm chí một số tác giả của chúng ta đến ngày hôm nay vẫn sử dụng giả thuyết này để miêu tả sự dã man của chính thể Stalin. Tất nhiên, có không ít sự thật, nhưng cần nhớ: con người này không nắm rõ lắm về các sự kiện thực tế. Orlov dùng tiếng Anh tuyệt vời, tiếng Đức và tiếng Pháp. Ông ta đã khá thành công trên thị trường chứng khoán Đức. Ông ta đã viết một cuốn sách giáo khoa cho Học viện đặc biệt của NKVD hướng dẫn việc lôi kéo người nước ngoài cộng tác gián điệp. Raixa Xobol, bạn gái của vợ tôi, trở thành nhà văn Irina Gugo nổi tiếng, vào những năm 20 làm việc tại phòng Kinh tế GPU dưới sự lãnh đạo của ông ta đánh giá ông ta khác thường. Từ số người đưa tin của mình Orlov đã tạo lập được một nhóm kiểm tra không chính thức, đã làm sáng tỏ thu nhập của những người theo cải cách kinh tế mới. Cái cơ quan kiểm tra không công khai này của Orlov do Xlutsky thời đó là trưởng phòng phòng Kinh tế GPU điều hành trực tiếp, sau đó khi trở thành lãnh đạo Cục đối ngoại, đã chuyển Orlov sang phục vụ cho tình báo ở nước ngoài. Vào những năm 1934-1935 Orlov là phụ trách điệp viên mật ở London, ông ta đã củng cố được mối liên hệ với nhóm đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới: Filby, Maklin, Berges, Kernkross, Blantidr.

Tháng 8-1936 ông ta được phái sang Tây Ban Nha sau một bi kịch tình sử với nữ nhân viên trẻ NKVD Galina Voitova. Cô ta tự sát ngay trước tòa nhà Lubianka, sau khi Orlov bỏ cô, từ chối ly dị vợ. Xlutsky, bạn thân của ông ta, không chậm trễ đề nghị cho ông ta chức vụ phụ trách tình báo ở Tây Ban Nha ngay trước khi Ejov được đề cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ vào tháng 9-1936. Orlov được giao những nhiệm vụ đặc biệt bí mật, một trong số đó là đưa vàng từ Tây Ban Nha về Moskva. Nhờ chiến dịch liêu lĩnh này ông ta được thăng cấp. Báo “Sự thật” báo về việc thiếu tá an ninh quốc gia Nikolxky được tặng thưởng huân chương Lenin vì hoàn thành một nhiệm vụ quan trọng. Cũng trong số đó tờ báo đưa tin rằng thiếu tá an ninh quốc gia Naumov (Eitingon) được tặng thưởng huân chương Cờ đỏ, còn đại úy Vaxilevsky - huân chương Sao đỏ.

Cả Spigelglaz cũng rất quý trọng Orlov, ông thường thăm Tây Ban Nha và kể với tôi rằng Orlov đang ở đấy hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ chiêu mộ mạng điệp viên quan trọng.

Orlov đóng một vai trò quan trọng trong việc thủ tiêu kẻ cầm đầu phái Trotsky Tây Ban Nha Andres. Toàn bộ chiến dịch giải thoát Nin từ nhà tù được tiến hành với sự tham gia trực

tiếp của Orlov-Nikolxky nhờ nhóm phần tử vũ trang đặc biệt - những người Đức chống phát xít, chiến sĩ của đội du kích phá hoại. Đứng đầu nhóm người Đức là Guxtav Rubeirlein, sau này là vụ trưởng Vụ đối ngoại TƯ của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức. Sự tham gia của những người Đức này dường như khẳng định giả thuyết của Nikolxky về sự liên đới của các cơ quan đặc biệt Đức đối với việc giải thoát điệp viên của mình từ nhà tù cộng hòa. Ấy thế mà sự đưng độ gắn với việc giải thoát Nin vẫn không được điều chỉnh. Chính phủ cộng hòa hết sức bệnh hoạn phản ứng. Chính vì sự tham gia vào cuộc dấy loạn của phái Trotsky tại Barcelona, Nin bị bắt bởi chính phủ cộng hòa, để sau đó được Orlov giải thoát và bị giết chết không xa Barcelona.

Phi vụ thủ tiêu Nin được giữ trong lưu trữ của NKVD như chiến dịch “Nikolia”. Tiền đề của vụ việc này gắn với sự thâm nhập thành công của các điệp viên của Orlov-Nikolxky vào phong trào Trótkít. Thông qua bộ trưởng của chính phủ cộng hòa, Katoloni, Gaodosi Orivero, phong tỏa sự tiếp ứng của các đơn vị vô chính chủ đến giúp những kẻ phản loạn theo Trotsky tại Barcelona tháng 6-1937. Ngoài ra, chỉ huy cơ quan an ninh cộng hòa Kataloni - V. Xala (Hota) - được Orlov chiêu mộ, thường xuyên báo về các ý đồ của bọn Trótkít và tạo khả năng kiểm soát trọn vẹn các thư từ và thương thuyết của tất cả các nhà lãnh đạo của phong trào này tại Kataloni nơi chúng có chỗ dựa.

Chính “Hota” đã bắt giữ những kẻ đưa tin Đức kích động sự nổi loạn tại Barcelona mà nhanh chóng nó đã lớn mạnh thành cuộc khởi nghĩa vũ trang. Các chứng cứ không thể bài bác về sự dính líu của các cơ quan đặc biệt Đức tới tình hình Barcelona với mục đích nhằm bôi xấu thanh danh các lãnh tụ Trótkít. Sau đó Orlov viết một bài trào phúng chống Trótkít, truyền bá nó nhân danh Andres Nin, và tạo nên một giả thuyết được chính quyền thừa nhận về sự tác động của các cơ quan an ninh Đức vào sự vượt ngục của Nina. Sự kiện này giáng đòn nặng cho tiếng tăm của phong trào Trótkít ở Tây Ban Nha. Về các hoạt động phản thông tin thành công của Orlov và sự thủ tiêu những kẻ Trótkít ở Tây Ban Nha được Ejov trực tiếp báo cáo với Stalin.

Tháng 6-1938 Spigelglaz, phải gặp gỡ với Orlov trên boong tàu Xô viết trên hải lãnh Bỉ để nhận báo cáo định kỳ. Spigelglaz nghi ngờ rằng cơ quan đặc biệt Pháp và Bỉ có các cơ sở bắt giữ ông ta, bởi một năm về trước người ta đã bắt một số điệp viên của ông bị vướng vào việc bắt cóc tướng bạch vệ Miller. Với lý do này Spigelglaz sợ đi lên bờ. Orlov lại sợ điều khác: ông ta nghi ngờ đó là cái bẫy để tóm ông ta. Thế là ông ta không đến chỗ hẹn gặp với Spigelglaz.

Orlov lẩn trốn, và chỉ vào tháng 11 chúng tôi mới rõ là ông ta xuất hiện tại Mỹ. Trước khi điều đó xảy ra, tôi đã ký cái gọi là “thông báo” về việc tìm kiếm ông ta truyền đến tất cả các mạng lưới điệp viên. Trong tài liệu này miêu tả đầy đủ nhân dạng Orlov và các thói quen của ông ta, cũng như mô tả vợ và con gái ông ta, mà lần cuối cùng người ta thấy họ với ông ta cùng với nhau ở Pháp. Trong thông báo chỉ rõ nguyên nhân sự biến mất có thể của Orlov và gia đình ông ta - đe dọa bắt cóc từ phía Anh, Đức hoặc Pháp. Đặc biệt tôi nhấn mạnh là Orlov nổi tiếng với chính quyền Anh và Pháp như một nhà giám định của chính thể Xô viết, đã tham gia, hai lần, vào công việc của Ủy ban quốc tế vì sự không can thiệp vào cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Nguyên nhân khác có thể là sự phản bội của ông ta: từ kết sắt mạng

tình báo ở Barcelona đã biến mất 60 nghìn đôla dành cho các mục đích tác chiến. Sự biến mất của ông ta còn làm chúng tôi lo lắng bởi vì Orlov biết rõ về hệ thống điệp viên tại Anh, Pháp, Đức và tất nhiên là ở Tây Ban Nha.

Tháng 11-1938 Beria gọi tôi tới và khi đưa ra các chỉ dẫn, đã bắt ngờ ra lệnh ngừng truy lùng Orlov. Phục hồi lại sự tìm kiếm tôi phải làm theo chỉ thị trực tiếp của ông. Hoá ra, từ Mỹ Orlov đã gửi thư riêng cho Stalin và Ejov trong đó giải thích sự trốn chạy của mình vì lo sợ vụ bắt giữ trên boong tàu Xô viết.

Trong thư cũng nói rằng, trong trường hợp mưu toan làm rõ chỗ ông ta đang sống hay thiết lập sự theo dõi, ông ta sẽ cho luật sư của mình công bố các tài liệu do ông ta cất giữ trong tủ két nhà băng Thụy Sĩ. Nó chứa đựng thông tin về sự dối trá các tài liệu chuyển cho Ủy ban quốc tế vì sự can thiệp vào cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Orlov cũng đe dọa kể toàn bộ câu chuyện gắn với vụ chuyển vàng Tây Ban Nha về bí mật đưa nó về Moskva với các tài liệu tương ứng. Sự phanh phui này hẳn đặt cả chính phủ Xô viết lẫn vô số người di tản Tây Ban Nha vào tình huống khó xử, bởi vì sự viện trợ quân sự của Liên Xô cho những người cộng hòa trong cuộc nội chiến vẫn được coi một cách chính thức là vô tư. Tiền trả mà chúng ta nhận dưới dạng là vàng và các đồ quý hiếm, được vây bọc bởi một màng bí mật. Orlov đề nghị Stalin không săn đuổi bà mẹ già nua của ông ta đang ở lại Moskva, và nếu các điều kiện của ông ta được tiếp nhận, ông ta sẽ không làm lộ mạng gián điệp nước ngoài và các bí mật của NKVD mà ông ta biết.

Tôi không tin rằng lý do mà theo đó Orlov không khai ra nhóm Cambridge hay vụ bắt cóc tướng Miller. Nó đơn giản là sống còn. Tháng 8-1938 lần đầu tiên tôi nghe nói về các vụ bắt cóc và thủ tiêu những người Trótkít và những kẻ di tản do OGPU-NKVD tiến hành ở châu Âu trong những năm 30. Gắn với chuyện này đáng làm rõ một số chi tiết về Reiss (họ tên thật là Poretski), nhà tình báo bí mật được cấm ở Tây Âu. Ông ta nhận được một số tiền lớn, và Reiss sợ rằng sẽ trở thành nạn nhân của sự thanh trừng. Ông ta lấy tiền dành cho các mục đích tác chiến và bỏ trốn. Ông ta cất tiền tại một nhà băng Mỹ. Trước khi trốn chạy năm 1937 Reiss đã viết một bức thư cho lãnh sự Liên Xô tại Pháp, trong đó chỉ trích Stalin. Bức thư này sau đó xuất hiện trên một ấn phẩm Trótkít và trở thành nguy hại đối với ông ta, dù từ hồ sơ của Reiss cho thấy là chưa bao giờ ông ta có cảm tình với chính Trotsky, hay với bất cứ nhóm nào ủng hộ Trotsky. Mặc dù thế sau khi bức thư này xuất hiện trên báo chí Trótkít, Reiss đã bị kết án tử hình vắng mặt.

Reiss sống một cuộc sống khá buông thả, và mạng lưới điệp viên của Spigelglaz rất nhanh chóng lần ra ông ta. Vụ thủ tiêu được thực hiện bởi hai điệp viên: một người Bungari Afanaxiev và đồng hao của anh ta là Pravdin ở Thụy Sĩ. Họ ngồi xuống bàn cạnh ông ta trong một hiệu ăn nhỏ ở ngoại ô Lozanna. Reiss say sưa uống rượu với hai người Bungari ra vẻ là những nhà doanh nghiệp. Afanaxiev và Pravdin dàn cảnh cãi cọ với Reiss, tổng ông ta ra khỏi hiệu ăn, dúi vào ô tô của mình và chở đi. Ở cách chỗ đó ba kilômét họ bắn chết Reiss, bỏ xác lại bên vệ đường.

Tôi tiếp Afanaxiev và Pravdin tại điểm hẹn ở Moskva nơi họ trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Cùng với họ có Spigelglaz, người phụ trách họ. Afanaxiev và Pravdin được tặng huân chương. Theo sắc lệnh đặc biệt của chính phủ, mẹ của Pravdsin sống ở Paris được

nhận tiền hưu trọn đời. Afanaxiev trở thành sĩ quan tình báo và phục vụ đến năm 1953, còn Pravdin vào làm việc tại Nhà xuất bản văn học nước ngoài ở Moskva, nơi ông làm việc đến lúc mất năm 1970. Theo tôi, nên làm rõ: tin đồn về việc Xergei Efron, chồng của nữ thi sĩ Marina Svetaeva, là một trong những người đã chỉ điểm Reiss cho NKVD, là bịa đặt hoàn toàn. Efron làm việc cho NKVD ở Paris, không nắm được tin tức gì về Reiss.

Một trường hợp khác cũng đòi hỏi sự đánh giá, liên quan đến Agabekov. Vào những năm 20 Agabekov là phụ trách điệp viên NKVD ở Stambul. Ông ta trở thành kẻ vượt tuyến do sự gần gũi với Bliumkin, người bị buộc tội có cảm tình với các quan điểm của Trotsky. Người ta cho rằng, tình yêu của ông đối với con gái của một viên tình báo Anh ở Stambul đóng trọn vai trò của mình. Thiếu tiền một cách tuyệt vọng, Agabekov đã viết và cho xuất bản hai cuốn sách ở phương Tây. Ông ta cũng dính vào các vụ buôn lậu với dân lưu vong người Kavkaz mà ông ta hứa chuyển các báu vật gia đình họ cất giấu ra khỏi Liên Xô qua đường dây buôn lậu.

Có tin rằng Agabekov mất tích trên biên giới với Tây Ban Nha. Trong thực tế ông ta bị thủ tiêu ở Paris, khi bị lừa đến điểm hẹn, nơi ông ta dường như cần phải thỏa thuận về việc bí mật chở kim cương, ngọc và kim loại quý của một gia đình giàu có người Armenia. Nhà buôn Hi Lạp, kẻ trung gian trong phi vụ mà ông ta đã gặp tại Antwerpen, là G. Takhtsianov - cộng sự của NKVD tại Pháp. Chính anh ta đã dụ Agabekov tới điểm hẹn, khi đánh vào tình cảm dân tộc của ông ta. Chờ ông ta trong phòng đã có một tay súng, cựu sĩ quan quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, và điệp viên trẻ tuổi Korotkov, vào những năm 40 trở thành phụ trách tình báo bí mật MGB Liên Xô.

Người Thổ giết Agabekov bằng dao, sau đó xác ông ta bị nhét vào va li rồi vứt xuống sông. Và thế là thi thể chẳng bao giờ được phát hiện.

Người Thổ và Korotkov còn thực hiện một vụ khủng bố năm 1938. Eil Taubman, một điệp viên trẻ với mật danh "Thiếu niên", xuất thân từ Litva đã tìm cách lấy được lòng tin của Rudolf Klement, cầm đầu tổ chức Trótkít tại châu Âu và là bí thư cái được gọi là Quốc tế cộng sản IV. Trong suốt một năm rưỡi Taubman là trợ lý của Klement. Có lần buổi tối Taubman mời Klement ăn tối với bạn bè của anh ta và dẫn ông kia đến căn hộ trên đại lộ Sait-Michael, nơi người Thổ và Korotkov đã chờ sẵn. Người Thổ đâm chết Klement, thi thể lại được nhét vào va li và ném xuống sông Xen. Thi thể được tìm ra và nhận dạng bởi cảnh sát Pháp, nhưng đến thời gian ấy Taubman, Korotkov và người Thổ đã ở xa Paris rồi.

Tại Moskva huân chương đang chờ họ, còn tôi phải lo về công việc tương lai của họ. Người Thổ trở thành "ông chủ" một phòng hẹn bí mật ở Moskva, G. Takhtsianov trở thành một trong những người lãnh đạo tình báo bí mật vào những năm 40. Taubman đổi tên là Xemenov và được cử đi học ở Trường chế tạo máy Hoá chất. Sau đó anh chuyển sang phục vụ tại cơ quan an ninh.

Cảnh tiếp gần với số phận một trong những kẻ vượt tuyến vào những năm 30, Krivitsky. Sĩ quan tình báo quân sự Krivitsky năm 1937 bỏ chạy và xuất hiện tại Mỹ năm 1939, xuất bản cuốn sách dưới tiêu đề *Tôi từng là điệp viên của Stalin*. Tháng 2 năm 1941 người ta tìm thấy ông ta bị giết chết ở một khách sạn tại Washington. Người ta cho rằng ông ta bị giết bởi NKVD, dù được thông báo chính thức đó là một vụ tự sát. Thật ra, đã có kế hoạch

truy tìm Krivitsky, nhưng kết cục bình thường là thế đối với những kẻ đào ngũ.

Trong Tổng cục tình báo Hồng quân và NKVD, tất nhiên, người ta không tiếc về cái chết của ông ta, nhưng nó, theo như tôi được rõ, không do chúng tôi gây ra. Tôi cho rằng ông ta tự sát do kích động thần kinh.

CHƯƠNG 3

NHỮNG CUỘC THANH TRỪNG CHÍNH TRỊ 1934-1939

1. Vụ sát hại Kirov. Huyền thoại và đầu cơ chính trị

Khi một kẻ vượt tuyến hay ai đó trong số chính khách chết, ngay lập tức người ta đưa những giả thiết khác nhau nhất. Nguyên nhân tự nhiên nhất của cái chết hay mô típ được lý giải logic của vụ giết người thường vẫn bị chôn vùi dưới những tầng dối trá vì bị che đậy và âm mưu thanh toán lẫn nhau.

Thí dụ cổ điển trong quan hệ này là cái chết của Kirov, nhà lãnh đạo Đảng ở Leningrad, bị giết năm 1934.

Kirov bị giết bởi Nikolaev. Vợ của Nikolaev, Milda Draule, là người phục vụ trong ban thư ký của Kirov ở Xmolnui. Dĩ nhiên, đội bảo vệ cho Nikolaev vào Xmolnui nhờ thẻ Đảng. Nhân thẻ nói thêm, dùng thẻ Đảng có thể đi vào bất cứ cấp bậc nào của Đảng, trừ BCH ĐCS Liên Xô (bolsevich). Ở Xmolnui, cũng như ở các cơ quan tỉnh ủy khác, không có hệ thống thẻ ra vào đối với các đảng viên, và Nikolaev chỉ cần chìa thẻ Đảng của mình là lọt vào được nơi kẻ lạ bị cấm.

Từ cô vợ làm việc ở NKVD trong bộ phận chuyên trách các vấn đề tư tưởng và văn hoá vào những năm 1933-1935 (nhóm của cô ta, phụ trách Nhà hát lớn và nhà hát opera và ba lê Leningrad về sau mang tên Nhà hát X.M. Kirov), tôi biết rằng Kirov rất yêu phụ nữ, và ông có nhiều tình nhân ở Nhà hát lớn và Nhà hát Leningrad. Sau vụ sát hại Kirov, Phòng NKVD đã làm sáng tỏ một cách chi tiết các quan hệ gần gũi của ông với các nữ nghệ sĩ.). Milda Draule phục vụ tại mấy buổi chiêu đãi của Kirov. Người phụ nữ trẻ quyến rũ này là một trong những “bạn gái” của ông. Chồng cô ta Nikolaev nổi bật bởi tính cách khó gần, đã gây sự với lãnh đạo và kết quả là bị khai trừ khỏi Đảng. Qua vợ mình, y cầu xin sự giúp đỡ của Kirov, và ông tác động việc phục hồi Đảng của y và thu xếp cho y làm việc ở quận ủy. Milda định đưa đơn ly dị, và ông chồng ghen tuông đã giết “đối thủ”. Vụ giết người này bị Stalin lợi dụng tối đa để tiêu diệt các đối thủ của mình. Cái được gọi là âm mưu của bọn Trótkít mà nạn nhân là Kirov, ngay từ đầu đã được chính Stalin dựng nên. Stalin, và sau đó là Khrusev và Gorbachov, xuất phát từ các quyền lợi riêng và mong làm lãng sự chú ý khỏi những thất bại của sự lãnh đạo đất nước, cố giữ thanh danh Kirov như một hiệp sĩ can trường và trong sạch. ĐCS đòi hỏi các thành viên của mình không tì vết trong đời tư, không thể tuyên cáo rùm beng rằng một trong những trụ cột của nó, nhà lãnh đạo tổ chức Đảng ở Leningrad, trong thực tế lại mắc vào quan hệ với những phụ nữ có chồng.

Các giả thiết chính thức được đăng trên báo chí, tự thân là sự bịa đặt từ đầu đến cuối. Giả thiết của Stalin nằm ở chỗ là các nhà lãnh đạo NKVD Leningrad Medved và Zaporojets theo lệnh của Trotsky đã giúp Nikolaev. Đối với Stalin cái chết của Kirov tạo nên một huyền thoại tiện lợi về một âm mưu bí mật, điều cho phép ông đổ sự thanh trừng xuống đầu kẻ thù và đối thủ của mình. Giả thiết của Khrusev là thế này: Nikolaev giết Kirov nhờ sự trợ giúp của Medved và Zaporojets theo lệnh Stalin. Nhưng các tài liệu chỉ ra rằng, Zaporojets bị xem là nhân vật chủ chốt trong số kẻ âm mưu và dường như liên hệ với Nikolaev theo tuyến NKVD, vào thời gian ấy bị gãy chân và đang chữa trị tại Krưm. Nảy ra câu hỏi: có thể nào

một trong số nhà lãnh đạo chuẩn bị cuộc mưu loạn, lại vắng mặt lâu đến thế vào thời kỳ quyết định các sự kiện bi thảm?

Khrusev, nhấn mạnh sự kiện rằng nhiều nhà lãnh đạo Đảng nài Kirov tranh cử chức Tổng bí thư tại đại hội Đảng lần thứ XVII, buộc tội Stalin trong việc Stalin đã quyết định thủ tiêu Kirov khi biết về phái đối lập này. Đối với Khrusev một giả thiết như thế cho khả năng trình thêm một lời buộc tội trong danh mục dài dằng dặc những tội ác của Stalin. Không hề tồn tại các tài liệu và chứng cứ khẳng định sự liên đới của Stalin hay bộ máy NKVD tới vụ sát hại Kirov. Kirov không là kẻ cạnh tranh của Stalin. Ông là một trong những người theo Stalin kiên định, đóng vai trò tích cực trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa xét lại trong Đảng, không khoan nhượng với bọn xét lại và về mặt này không hề có chút khác biệt nào với những chiến hữu khác của Stalin.

Giả thiết của Khrusev sau này được khuyến khích và thừa nhận bởi Gorbachov như một bộ phận của chiến dịch chống Stalin. Che giấu các sự kiện đích thực, các nhà lãnh đạo mưu toan cứu vớt thanh danh của ĐCS, tìm những nhân vật có tiếng trong Đảng bị coi là đối nghịch với lãnh tụ. Được tạo ra huyền thoại về hạt nhân ở BCHTU' đứng đầu là Kirov đã đối kháng với Stalin và những người chung chí hướng của ông.

Toàn bộ gia đình Nikolaev, Milda Draule và mẹ cô, bị xử bắn sau vụ mưu sát hai hoặc ba tháng. Milda và gia đình cô, những nạn nhân vô tội của sự chuyên chế, không được minh oan trước 30-12-1990, khi vụ án của họ nổi lên trên mặt báo chí Xô viết.

Các quan chức cao cấp NKVD, đặc biệt là những người biết rõ về đời tư của Kirov, thừa biết: nguyên do vụ sát hại ông là sự ghen tuông của ông chồng bị lừa dối. Nhưng không ai trong số họ dám cả gan nói về điều đó, bởi nhẽ giả thiết về âm mưu chống Đảng do chính Stalin đưa ra và phản bác nó là vô cùng nguy hiểm.

Trước cái chết của Kirov, không hiếm khi có thể bắt gặp Stalin trên phố Arbat có Vlastich - chỉ huy cận vệ và hai vệ sĩ, tháp tùng. Ông thường ghé thăm nhà thơ Demian Bednui, đôi khi thăm người quen sống trong các chung cư. Các nhân viên NKVD và cựu chiến binh có huy hiệu "Nhân viên Treka danh dự" trên đó vẽ thanh chắn và lưỡi kiếm, và chứng chỉ về nó, có thể đến Lubianka không bị ngăn trở; họ có quyền đi lại khắp nơi, trừ các nhà tù. Toàn bộ hệ thống này bị thay đổi không chậm trễ: vụ sát hại Kirov là cái lý để siết chặt sự kiểm soát mà chẳng bao giờ bị nói lỏng thêm nữa.

Sự đầu cơ nhân cái chết của Kirov vẫn tiếp diễn vào những năm 60. Tôi nhớ những lá thư nặc danh khẳng định rằng, kẻ sát nhân đích thực đã kịp tẩu thoát. Dmitri Efimov, Bộ trưởng an ninh Latvia vào những năm 40, sau chiến tranh đã kể với tôi là đã nhận được lệnh tìm kiếm kẻ giết Kirov, đầu như ẩn nấp tại một thị trấn nhỏ của Litva. Các nhân viên của ông ta đã tìm ra được tác giả của bức thư nặc danh, vốn trở thành tín hiệu cho các vụ kiểm tìm. Gã là một kẻ say rượu. Thế nhưng sự điều tra đã được tiến hành dưới sự giám sát trực tiếp của Ban thanh tra Đảng trực thuộc BCHTU' ĐCS Liên Xô.

Kết luận của Ban kiểm tra TU' về cái chết của Kirov vẫn không được đăng báo. Chỉ sau khi vào tháng 7-1990 Ủy ban nổi tiếng về thanh trừng bị giải tán, Viện Công tố đã chuyển bản phản đối giám sát lên Tòa án tối cao Liên Xô đề nghị minh oan cho các thành viên gia

đình Nikolaev. Vụ án chỉ khép lại vào ngày 30 tháng 12-1990, khi tất cả các thành viên của gia đình Nikolaev được minh oan chính thức bởi Tòa án tối cao Liên Xô. Quyết định của tòa ghi nhận rằng không có một âm mưu nào cả với mục đích sát hại Kirov và tất cả “đồng lõa” của Nikolaev đơn giản là những người quen của Kirov hay nhân chứng những vụ ăn chơi của ông ta.

Nhưng thậm chí lúc ấy, với hệ thống này cái gọi là quốc gia pháp quyền, cả Medved lẫn Zaporozhets đều không được minh oan từ họ không được xóa bỏ những lời buộc tội phản quốc, trong đó có âm mưu sát hại Kirov và hợp tác với tình báo Đức và Latvia. Nguyên do là đâu? Viện Công tố đơn giản là sợ đưa vấn đề này ra, bởi Medved và Zaporozhets bị xem là có tội trong các cuộc thanh trừng được tiến hành vào giai đoạn đầu các vụ thanh lọc của Stalin.

Trong các nhà sử học của Đảng từ lâu ngự trị cái quan niệm rằng tình sử của Milda Draule với Kirov đã kết thúc bằng sự ghen tuông của chồng cô ta, Nikolaev, nổi tiếng về tính gây gỗ nóng nảy. Nếu công bố, sẽ trình ra trước dư luận một bức tranh không đẹp về cuộc đời tư Kirov và chính điều đó hủy hoại nguyên lý thiêng liêng của Đảng - không bao giờ hé mở bức màn bí mật về đời của các ủy viên Bộ Chính trị và không đào bới đồng áo quần bẩn của họ.

Ngày 4-11-1990 báo “Sự thật” đăng những tài liệu mới của KGB và Viện Công tố về vụ án Kirov, trong đó khẳng định rằng vụ sát hại ông ta có tính chất thuần túy cá nhân, dù không thổ lộ các chi tiết và mục đích của tội phạm. Tờ *Sự thật* thậm chí không nhắc đến tên Milda Draule. Trong ấn phẩm chứa đựng lời buộc tội quy cho Iakovlev đã từ bỏ chức vụ chủ tịch ban thanh tra của Đảng có nhiệm vụ điều tra các vụ thanh trừng của Stalin, người dường như kìm hãm việc minh oan cho gia đình Nikolaev và những người vô tội bị khép đã tham gia vào âm mưu.

Iakovlev nổi giận đã đáp lại cũng thông qua tờ báo ấy (số ra ngày 28-1-1991), cho đến giờ ông ta vẫn tin vào sự tồn tại của âm mưu giết Kirov và một số giả thiết là vụ mưu sát này được dự tính như thế nào. Đồng thời Iakovlev không nhắc tới cả Milda Draule lẫn về cái có vẻ là ý đồ đưa Kirov thay thế Stalin làm Tổng bí thư tại đại hội Đảng lần thứ XVII.

Trong cuốn sách *Stalin: chiến tích và bi kịch* Dmitri Volkogonov viện tới những tin đồn về tình sử của Milda Draule với Kirov, nhưng bác bỏ chúng như những lời vu khống. Các tài liệu chỉ ra các quan hệ đặc biệt giữa Milda Draule với Kirov mà chúng tôi biết được từ vợ tôi và tướng Raikhman, lúc ấy là lãnh đạo phản gián tại Leningrad, có trong các tin tức từ các chỉ điểm viên NKVD trong Nhà hát Leningrad. Các nữ diễn viên ba lê trong số tình nhân của Kirov cho Draule là đối thủ và không thể hiện sự kiềm chế đúng mực trong những lời nói của mình, đã bị tổng vào trại tập trung vì “sự vu khống và tuyên truyền phản Xô viết”.

... Tên Kirov và ký ức về ông là thiêng liêng. Trong mắt nhân dân, Kirov là mẫu mực về một nhà bolsevich cứng rắn, người trung thành với Stalin và, tất nhiên thôi, chỉ kẻ thù mới có thể giết chết một con người như thế. Lúc ấy tôi không một phút giây ngờ vực vào sự cấp thiết bảo vệ hình tượng của Đảng cầm quyền và không hé lộ các sự kiện đích thực liên can đến vụ sát hại Kirov. Chúng tôi, những chiến sĩ Treka, một cách không chính thức được gọi là những người nhận về mình vai trò thợ phụ việc của cách mạng, nhưng dấu sao cũng trải

qua những tình cảm mâu thuẫn khác nhau nhất. Vào những ngày ấy tôi thành thực tin - và đến giờ vẫn tiếp tục tin, - rằng Zinoviev, Kamenev, Trotsky và Bukharin là kẻ thù thực sự của Stalin. Trong phạm vi của hệ thống độc tôn mà họ là một bộ phận, cuộc đấu tranh với Stalin có nghĩa là sự đối kháng với hệ thống Đảng - nhà nước. Xem họ như những kẻ thù của chúng ta, tôi không thể có một sự đồng cảm nào đối với họ. Vậy nên tôi mới có cảm giác rằng nếu những lời buộc tội đưa ra chống lại họ, có phóng đại đi nữa, thì điều đó cũng chỉ là vật vãnh. Vốn là người cộng sản theo lý tưởng, tôi nhận thức quá chậm toàn bộ tính quan trọng của các vụ việc “vật vãnh” kiểu này và vẫn tiếc nuối mình đã không đúng.

Một cách có ý thức hay không, nhưng chúng tôi đã cho phép lời kéo bản thân vào công việc của bộ máy thanh trừng khổng lồ, và mỗi một người chúng tôi có nghĩa vụ ăn năn vì những khổ đau của những người vô tội. Các quy mô những cuộc thanh trừng này làm tôi khiếp sợ. Hôm nay khi đưa ra sự đánh giá lịch sử đối với thời ấy, thời những cuộc thanh trừng hàng loạt - mà nó động đến cả quân đội, giới nông dân và công chức, - tôi nghĩ chúng tôi có thể tương tự những vụ tàn sát được thực hiện dưới thời cai trị của Ivan Groznui và Piotr Đệ nhất. Không vô cớ người ta gọi Stalin là Ivan Groznui thế kỷ XX. Thật bi thảm là đất nước ta có những truyền thống quá tàn khốc như vậy.

Stalin nhào nặn vụ án Kirov cho các quyền lợi cá nhân, và “âm mưu” chống Kirov được ông thổi phồng thật khéo. Ông ngụy tạo “vụ âm mưu to lớn” không chỉ chống Kirov, mà còn là chống lại chính ông. Vụ sát hại Kirov ông biết cách lợi dụng để dọn đi những kẻ mà ông nghi ngờ là những đối thủ tiềm năng hay những người đối lập công khai, điều mà ông đơn giản là không thể chịu đựng nổi. Thoạt đầu rơi vào số “những kẻ mưu phản” là những người quen của Nikolaev, sau đó - gia đình Draule, sau nữa đến lượt Zinoviev và Kamenev, ban đầu bị qui trách nhiệm đạo đức vì vụ giết người, còn sau nữa bị buộc là tổ chức trực tiếp nó. Các đồng nghiệp và người quen của Nikolaev bị liệt vào phái chống đối Zinoviev. Sau đó Stalin quyết định thoát khỏi lagoda và những nhân vật có chức tước biết được sự thật. Họ cũng bị lôi kéo vào “cuộc mưu phản” và bị tiêu diệt. Muộn hơn người ta biến lagoda thành nhà tổ chức chủ chốt vụ sát hại Kirov, và như Raikhman kể với tôi, Stalin, sợ bại lộ các mô típ riêng tư “sự trả thù” của Nikolaev, thậm chí đã ra lệnh theo dõi bà vợ góa của Kirov cho đến chết.

Trong hoàn cảnh tương tự nói sự thật về Kirov là không thể. Không ai ở bậc cao quyền lực có thể cản trở, Stalin lợi dụng vụ sát hại này vào các mục đích của mình. Về sau vụ án Kirov bị im đi vì lợi ích chính trị hay bị lợi dụng nhằm đánh lạc hướng sự chú ý của xã hội tới tình trạng kinh tế và chính trị bị xấu đi. Mỗi đợt điều tra mới, tuân theo các đòi hỏi chính trị, chỉ để thêm sự dối trá, càng làm khó hơn cho các thế hệ tương lai khả năng tái lập lại các sự kiện đích thực. Tôi tin chắc: vụ sát hại Kirov là hành vi trả thù cá nhân, nhưng đưa ra công luận sự kiện này - có nghĩa là có hại cho Đảng vốn là công cụ của quyền lực và mẫu mực của đạo lý cao cả đối với những người dân Xô viết.

2. Các vụ thanh trừng trong NKVD

Năm 1938 bầu không khí thấm đẫm nỗi hoảng loạn, trong nó cảm thấy gì đó báo điềm dữ. Spigelglaz, phó phụ trách tình báo ngoài nước của NKVD, ngày càng trở nên cau có hơn. Ông bỏ thói quen nghỉ ngày chủ nhật. Tháng 9 thư ký của Ejov lúc đó là người đứng

đầu NKVD, tự tử trên chiếc thuyền khi bơi trên sông Moskva. Điều đó đối với chúng tôi là sự bất ngờ hoàn toàn. Nhanh chóng xuất hiện lệnh bắt giữ người dù không có chữ ký của Beria, phó thứ nhất của Ejov. Có tin đồn, rằng Beria gọi Ejov một cách thân mật là “Ejic của tôi” (con nhím) và thường có thói quen vỗ vào lưng ông ta, thế nhưng kiểu xử sự bằng hữu đó đơn giản chỉ là phô trương. Tại Lubiaka mọi người trở nên kìm chế và né tránh các cuộc trò chuyện bất kỳ. Trong NKVD có một ban kiểm tra đặc biệt từ BCHTU' đến làm việc.

Các sự kiện sau đó vẫn còn đậm nét đối với tôi. Đã là tháng 11, ngay trước những ngày kỷ niệm tháng Mười. Và lúc bốn giờ sáng hồi chuông điện thoại dai dẳng đã đánh thức tôi: Kozlov, phụ trách ban thư ký Cục đối ngoại, gọi đến. Giọng nói vẻ nghiêm trọng, nhưng trong đó ẩn chứa sự hồi hộp khác thường.

- Pavel Anatolievich này, - tôi nghe thấy, - đồng chí Merkulov phó thứ nhất Tổng cục an ninh gọi gấp anh đây. Xe đang đợi anh. Hãy đến một cách nhanh nhất. Spigelglaz và Paxxov vừa bị bắt.

Vợ tôi cực kỳ lo lắng. Tôi cho là đã đến lượt tôi.

Tại Lubianka chính Kozlov đón tôi và dẫn vào văn phòng Merkulov. Ông kia chào tôi với phong thái trầm tĩnh, lịch thiệp thông thường và đề nghị đi tới chỗ Beria. Thần kinh của tôi căng thẳng tột độ. Tôi tưởng tượng người ta sẽ hỏi tôi thế nào về các quan hệ của tôi với Spigelglaz. Nhưng thực kinh ngạc, Beria không thăm vấn gì tôi cả. Bằng giọng điệu khá nghiêm chỉnh ông ta giải thích rằng Paxxov và Spigelglaz bị bắt vì lừa dối Đảng và rằng tôi phải không chậm trễ bắt tay vào thực hiện trách nhiệm Cục trưởng Cục đối ngoại. Tôi sẽ phải báo cáo trực tiếp với ông ta về tất cả các vấn đề khẩn cấp nhất. Đáp lại tôi nói rằng văn phòng của Paxxov bị niêm phong và tôi không thể đi vào đó được.

- Hãy gỡ ngay niêm phong, và hãy nhớ: đừng làm rối đầu tôi bằng chuyện vợ vẫn như thế. Anh không còn là chú học trò để hỏi những câu trẻ con.

Sau mười phút tôi đã phân loại các tài liệu trong két sắt của Paxxov. Một số đơn giản là gây sửng sốt. Thí dụ, thông tin về Heifets phụ trách tình báo ở Italia. Nó nói đến các mối liên hệ với các phần tử có vấn đề trong Quốc tế cộng sản nơi ông kia một thời từng làm việc. Nó cho thấy cả tính chất đáng ngờ của những mối tiếp xúc của ông với những người tốt nghiệp trường đại học Bách khoa ở Ien (Đức) năm 1926. Đến giờ tôi vẫn nhớ chỉ thị của Ejov trên tài liệu: “Gọi về Moskva. Bắt ngay không chậm trễ”.

Tài liệu tiếp theo - đơn gửi BCHTU' ĐCS Liên Xô và Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao về việc tặng thưởng tôi, Xudoplatov Pavel Anatolievich, huân chương Cờ đỏ vì hoàn thành nhiệm vụ quan trọng ở nước ngoài vào tháng 5 năm 1938 do Ejov ký. Cũng ở đây có lệnh chưa được ký bổ nhiệm tôi là trợ lý Cục trưởng Cục đối ngoại. Tôi đem các tài liệu này cho Merkulov. Mỉm cười, ông ta xé chúng ngay trước mặt tôi và ném vào giỏ đựng rác, điều làm tôi không ít ngạc nhiên. Tôi im lặng nhưng trong lòng hơi phật ý - tôi được đề nghị tặng thưởng vì đích thực tôi đã mạo hiểm sự sống, thực thi một nhiệm vụ nguy hiểm. Vào thời điểm đó tôi chưa hiểu tôi đã gặp may đến đâu: nếu lệnh về sự bổ nhiệm tôi được ký, thì một cách tự động phù hợp với Nghị định của BCHTU' ĐCS Liên Xô, tôi hẳn sẽ bị bắt như một cán bộ lãnh đạo tác chiến của bộ máy NKVD bị coi là có vấn đề về chính trị.

Lúc sau trong văn phòng của tôi, điện thoại réo. Đó là Kixelev, trợ lý của Malenkov ở BCHTU'. Ông ta bức tức khiển trách tôi vì chậm chuyển giao các phương tiện từ quỹ đặc biệt dành để tài trợ các chiến dịch bí mật của Quốc tế cộng sản tại Tây Âu. Ông ta còn nổi cơn thịnh nộ hơn bởi tại hội nghị của Ủy ban Tây Ban Nha tại BCHTU' đã không có đại diện của NKVD. Tôi cố giải thích với ông ta rằng tôi không biết quỹ nào cả và không rõ ai chính là người chuyên trách chuyển giao chúng. "Còn tại cuộc họp ở BCHTU', - tôi nói, - NKVD vì Paxon và phó của ông ta vừa bị bắt như những kẻ thù của nhân dân". Tôi nói thêm rằng tôi vừa tiếp nhận trách nhiệm hai giờ trước đây. Kixelev vút ống nói.

Qua ba tuần thừa hành chức Cục trưởng tôi có thể biết rõ cấu trúc và tổ chức việc tiến hành các chiến dịch tình báo ở nước ngoài. Trong khuôn khổ NKVD tồn tại hai phân đội chuyên trách tình báo ở ngoài nước. Đó là Cục đối ngoại mà lúc đầu lãnh đạo là Trilixxer, sau đó là Artuzov, Xlutsky và Paxon. Nhiệm vụ của Cục - thu thập cho Trung tâm tin tình báo trên các kênh công khai (qua các cán bộ chúng ta có vỏ bọc ngoại giao hay làm việc tại các văn phòng đại diện thương mại ở ngoài nước), và các kênh bí mật. Đặc biệt quan trọng là các tin tức về hoạt động của các chính phủ và các hãng tư bí mật chi tài chính cho hoạt động phá hoại của bọn Nga lưu vong và các sĩ quan bạch vệ ở các nước châu Âu và Trung Quốc. Cục đối ngoại được phân chia theo địa lý, và cũng kể cả các ban chuyên thu thập tin tình báo về khoa học kỹ thuật và kinh tế. Các phòng này tổng hợp tài liệu đến từ các mạng điệp viên ở nước ngoài. Ưu thế các kênh bí mật là hoàn toàn tự nhiên, bởi ở nước ngoài lúc ấy chưa có nhiều các tổ chức thương mại và ngoại giao. Vì thế mà các kênh bí mật là vô cùng quan trọng.

Đồng thời tồn tại một cơ quan tình báo khác - Nhóm đặc biệt trực thuộc Bộ trưởng Bộ Nội vụ và được ngụy trang kín đáo. Trong nhiệm vụ của nó có sự tạo lập mạng lưới dự bị các điệp viên mật để tiến hành các chiến dịch phá hoại trong hậu phương kẻ thù ở Tây Âu, Cận Đông, Trung Quốc và Mỹ trong trường hợp có chiến tranh. Lưu ý tính chất công việc, Nhóm đặc biệt không có các cộng sự của mình trong các tổ chức thương mại và ngoại giao ở nước ngoài. Bộ máy của nó gồm hai mươi cán bộ tác chiến chịu trách nhiệm điều phối hoạt động của mạng điệp viên ngoài nước. Tất cả các cán bộ còn lại hoạt động ở nước ngoài với tư cách điệp viên mật. Vào thời gian tôi đang nói đến, số điệp viên như thế có khoảng sáu mươi người. Chả bao lâu tôi rõ rằng ban lãnh đạo NKVD có thể theo sự lựa chọn của mình sử dụng lực lượng và phương tiện của Cục đối ngoại và Nhóm đặc biệt để tiến hành những chiến dịch đặc biệt quan trọng trong đó có việc phá hoại và thủ tiêu các đối thủ của Liên Xô ở nước ngoài.

Nhóm đặc biệt đôi khi được gọi là "Nhóm Iasu", bởi vì hơn mười năm do Iakov Xerebrianxky lãnh đạo. Chính người của ông đã tổ chức bắt cóc tướng Kutepov, thủ lĩnh ROVX bạch vệ tại Paris năm 1930. Trước cách mạng Xerebrianxky là đảng viên đảng Eser. Ông tham gia vào việc thủ tiêu các quan chức bảo vệ đã tổ chức những cuộc cướp bóc người Do Thái ở Mogilev (Belorussia). "Nhóm Iasu" tạo lập một mạng lưới điệp viên hùng hậu vào những năm 20-30 tại Pháp, Đức, Palestine, Mỹ và vùng Scandinavia. Họ trưng dụng các điệp viên trong số người hoạt động bí mật của Quốc tế cộng sản, những người không tham gia các hoạt động tuyên truyền và danh hiệu đảng viên của họ trong các ĐCS các nước được giữ kín. Nhóm của Xerebrianxky tỏ ra xuất sắc trong các vụ chuyên chở

máy bay mới nhất từ Pháp sang cộng hòa Tây Ban Nha năm 1937. Tháng 11 năm 1938 Xerebrianxky nằm trong số các nhà lãnh đạo NKVD bị bắt giam - ông bị kết án tử hình, nhưng người ta không bắn chết. Năm 1941, sau khi chiến tranh nổ ra, ông được tha và theo sáng kiến của tôi trở thành trưởng phòng chuyên trách chiêu nạp điệp viên cài cắm lâu dài tại các nước Tây Âu và Mỹ.

Năm 1946 Abakumov được bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ An ninh Quốc gia, và Xerebrianxky buộc phải nghỉ hưu, bởi vì năm 1938 chính Abakumov xử lý vụ án của ông và, dùng những cực hình dã man, đã lấy lời cung khai giả dối. Lễ tự nhiên, Xerebrianxky không thể ở lại nơi công tác với vị bộ trưởng mới đến. Ông nghỉ với hàm đại tá và nhận lương hưu. Sau cái chết của Stalin người ta đưa ông trở lại làm việc và bổ nhiệm làm một trong số phó của tôi liên quan với kế hoạch mở rộng các chiến dịch tình báo - phá hoại. Đó là thời Beria, vào tháng 4 năm 1953, còn vào tháng 10 cùng năm ông bị bắt cùng với vợ lần thứ hai - giờ đây ông bị khép tội tham gia vào cái gọi là âm mưu của Beria với mục đích sát hại các thành viên Đoàn chủ tịch BCHTƯ đảng. Ông mất trong tù năm 1956 trong thời gian hỏi cung và được minh oan năm 1971, khi Andropov biết về số phận Xerebrianxky trong lúc chuẩn bị cuốn sách đầu tiên về lịch sử ngành tình báo Xô viết mà người ta bắt đầu viết theo chỉ thị của ông.

Chỉ đến năm 1963 tôi mới biết cái gì đích thực đứng đằng sau các sự sắp xếp lại tổng thể và thanh trừng trong hàng ngũ NKVD vào những tháng cuối năm 1938. Mamulov và Liudvigov phụ trách ban thư ký của Beria - họ đã cùng với tôi ngồi trong nhà tù Vladimir - đã kể với tôi sự thật trọn vẹn về các sự kiện này, cái sự thật không bao giờ được đưa ra công chúng. Đã được tung ra như thế nào cái điều giả dối mở đường cho chiến dịch chống Ejov và những người cùng làm việc với ông ta. Được Beria xúi bẩy, hai lãnh đạo công an tỉnh từ Iaroslavl và Kazakstan đã gửi thư tới Stalin tháng 10-1938, khẳng định rằng dường như trong các cuộc trò chuyện với họ, Ejov đã hàm ý nói đến các cuộc bắt bớ sắp tới các thành viên ban lãnh đạo Xô viết ngay trước những ngày lễ tháng Mười. Hành động bôi xấu Ejov đã được triển khai thành công. Sau mấy tuần Ejov bị buộc tội âm mưu có mục đích phế bỏ chính phủ hợp pháp. Bộ Chính trị phê chuẩn nghị định đặc biệt trong đó những nhân vật lãnh đạo cao cấp nhất của NKVD bị tuyên bố là "không đáng tin cậy về chính trị". Điều đó dẫn tới sự bắt bớ hàng loạt lãnh đạo của các cơ quan an ninh, và tôi đích thực là gặp may khi lệnh của Ejov thăng cấp cho tôi còn chưa ký nằm trong két của Paxonov.

Tháng 12-1939 Beria chính thức nắm dây cương điều hành NKVD, còn Dekanozov trở thành Cục trưởng Cục đối ngoại. Ông ta có kinh nghiệm làm việc tại GPU Azerbaizan thời Beria với tư cách một tay cung ứng. Muộn hơn tại Gruzia Dekanozov là bộ trưởng Bộ công nghiệp thực phẩm nơi ông ta nổi danh bởi sự xa hoa thái quá. Bàn giao công việc, tôi như quyền Cục trưởng, giải thích cho ông ta một số điểm đặc biệt của mạng tình báo tại Tây Âu, Mỹ và Trung Quốc. Nhưng Dekanozov không nghe hết lời tôi, đã ra lệnh để tôi theo dõi đồ vật của Orlov bỏ trốn, những thứ đang được chuyển từ Barcelona về Moskva. Tôi cần đem chúng vào văn phòng của ông ta - ông ta muốn tự mình xem xét chúng.

Sang ngày hôm sau Beria giới thiệu Dekanozov với các cán bộ cơ quan tình báo. Bằng giọng điệu khắc nghiệt Beria báo về sự thành lập một ủy ban đặc biệt đứng đầu là

Dekanozov kiểm tra tất cả các cán bộ tác chiến của ngành tình báo. Ủy ban phải làm sáng tỏ, những kẻ phản bội và lừa dối BCHTU Đảng bị vạch trần như thế nào. Beria tuyên bố bổ nhiệm Garanin, Fitin, Leonenko và Liagin. Ông cũng nhấn mạnh rằng tất cả các nhân viên còn lại sẽ được kiểm tra kỹ. Những người lãnh đạo mới đến ngành tình báo theo sự chọn lựa của đảng. BCHTU bổ sung hàng ngũ NKVD các thành viên tích cực của đảng và những người tốt nghiệp Học viện quân sự mang tên Frunze. Tôi thì bị hạ cấp thành phó phòng Tây Ban Nha. Bằng cách tương tự người ta xử sự với các cựu binh khác của ngành tình báo, những người cũng bị hạ cấp làm trợ lý các phòng.

Trò chuyện với từng cán bộ có mặt trong buổi gặp, Beria cố để biết được anh ta có là điệp viên hai mang hay không, và nói rằng hiện giờ tất cả đều nằm trong sự nghi vấn. Vợ tôi là một trong bốn phụ nữ - cán bộ cơ quan tình báo. Nhìn cô bằng ánh mắt xắc xược, Beria hỏi, cô là ai: người Đức hay người Ucraina. “Người Do Thái”, - thật sừng sốt cho Beria, vợ tôi đáp. Từ chính ngày đó cô thường xuyên cảnh báo tôi, để tôi dè chừng Beria. Tiên liệu rằng nhà tôi có thể bị nghe trộm, cô nghĩ ra một mật danh để chúng tôi không nhắc đến tên ông trong các câu chuyện của mình ở nhà. Cô gọi ông là công tước Sadiman theo tên nhân vật tiểu thuyết của Antonovxcaia “Mouravia vĩ đại” người đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các lãnh chúa Gruzia. Sự nhìn xa trông rộng của vợ tôi liên quan đến số phận Beria và những lời khuyên cáo tránh xa Beria và giới thân cận của ông ta hóa ra là tiên tri.

Tiếp đó là cuộc họp đảng - đó là giai đoạn kế tiếp của chiến dịch. Trên cuộc họp một đồng nghiệp mà tôi biết từ thời ở Kharkov, Gukaxov, người Armenia, bất ngờ đề đạt đảng bộ xem xét các mối liên hệ đáng ngờ của tôi. Anh ta nói rằng tôi được kẻ thù của nhân dân Balitsky chuyển về Moskava. Anh ta cũng buộc tội tôi có quan hệ với những kẻ thù khác của nhân dân mới đây bị vạch trần là Spigelglaz, Raixa Xobol và chồng của cô, Revzin, điệp viên của chúng tôi ở Trung Quốc, nổi tiếng bởi những lời sắc sảo độc địa về việc thực hiện các kế hoạch năm năm.

Đảng bộ lập một Ủy ban về vụ việc của tôi. Một trong số người quen của tôi, Gexxelberg, cán bộ Cục đối ngoại, một bậc thầy xuất sắc về ảnh chân dung (anh chịu trách nhiệm các phóng viên chụp ảnh Stalin), đặt những câu hỏi ngu xuẩn nhất và khẳng định rằng tôi đang tự vệ như một “kẻ tay sai Trotsky tiêu biểu”.

Tôi không giữ ác tâm cả với Gukacov lẫn với Gexxelberg. Ba năm sau Gukaxov vốn là lãnh sự Xô viết tại Paris, tỉnh dậy khi bọn Gestapo tấn công chiếm tòa nhà nơi anh ta đang ở. Nữ nhân viên mật mã Marina Xirokina bắt đầu đốt các cuốn sách mã khoá, còn khi một trong số tên Gestapo giật từ trên tường bức chân dung Stalin, Gukaxov đã lợi dụng điều đó như nguyên cớ để bắt đầu một cuộc ẩu đả. Anh ta bị đánh tàn nhẫn, nhưng với ngàn ấy thời gian đủ để các mật mã được tiêu hủy. Bọn Đức áp giải Gukaxov sang Thổ Nhĩ Kỳ để trao đổi lấy những nhân viên ngoại giao Đức tại Moskva. Sau này Gukaxov được giao phụ trách phòng thẩm tra hồi hương và dân lưu vong. Anh ta mất ở Moskva năm 1956.

Gexxeberg chuẩn bị đề án quyết định của đảng bộ do Dekanozov đọc cho. Trong đó đề nghị khai trừ tôi khỏi hàng ngũ ĐCS vì sự liên hệ với các kẻ thù của nhân dân và sự không tổ giác Spigelglaz. Đặc biệt là trong tài liệu này Xlutsky, dù ông mất vào tháng 2 năm 1938

và được mai táng với tất cả nghi lễ cần có, cũng bị quy kết như một kẻ thù của nhân dân.

Đảng uỷ tiếp nhận quyết định này với một phiếu trắng. Fitin, mới được bổ nhiệm chức phó cục trưởng Cục đối ngoại, đã bỏ phiếu trắng vì theo lời ông, ông tuyệt đối không hề biết gì về tôi cả. Năm 1939 ông trở thành cục trưởng Cục Nước ngoài và chết năm 1971.

Tháng 12-1938 Đảng uỷ phê chuẩn quyết định khai trừ tôi. Quyết định này phải được biểu quyết trên hội nghị đảng của cơ quan tình báo, được ấn định vào tháng 1-1939, còn tạm thời tôi vẫn đến ngồi trong văn phòng của mình không làm gì cả. Các nhân viên mới không dám tiếp xúc với tôi, sợ phiền toái. Tôi nhớ, trưởng phòng Garanin, khi trò chuyện với phó của mình trước mặt tôi, đã chuyển sang nói thầm, e sợ là tôi có thể nghe lỏm được. Để có gì đó làm, tôi quyết định bổ sung tri thức của mình và bắt đầu nghiên cứu các vụ án từ hồ sơ lưu trữ trong khi chờ đợi số phận.

Tôi cảm thấy mình bị đè bẹp. Vợ cũng lo lắng, hiểu rằng mối đe dọa nghiêm trọng đang lơ lửng trên đầu chúng tôi. Chúng tôi tin chắc rằng đã có chứng cứ bôi xấu chúng tôi được ngụy tạo và ép cung chỗ các bạn chúng tôi trong thời gian điều tra. Thế nhưng tôi vẫn hi vọng rằng, bởi nhẽ tôi vẫn nổi tiếng với ban lãnh đạo NKVD như một cán bộ tận tụy, và lệnh bắt giữ tôi sẽ được hủy bỏ.

Khi người ta bắt các bạn chúng tôi, tất cả chúng tôi nghĩ là đã xảy ra sự nhầm lẫn. Nhưng sự xuất hiện Dekanozov lần đầu tiên cho chúng tôi hiểu đó không phải sự nhầm lẫn. Không, đó là một đường lối. Những người non kém nghiệp vụ sẽ dễ dàng thực hiện bất kỳ mệnh lệnh nào và họ được bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo. Lần đầu tiên chúng tôi lo sợ cho sự sống của mình, khi rơi vào mối đe dọa hủy diệt bởi chính hệ thống của mình. Chính lúc đó tôi bắt đầu suy ngẫm về bản chất của hệ thống vốn đem những người phụng sự nó bằng niềm tin và sự thật làm vật hy sinh.

Thêm một người bạn của tôi, Piotr Zubov, cũng trở thành nạn nhân và rơi vào chính cái máy xay thịt ấy. Năm 1937 anh được cử phụ trách tình báo ở Praha. Lần đầu tiên trong thời gian phục vụ trong ngành tình báo anh làm việc dưới vỏ bọc ngoại giao. Zubov gặp gỡ với tổng thống Eduard Benes và theo chỉ thị của Stalin chuyển cho ông ta mười nghìn đôla, bởi Benes không thể dùng tiền của mình để tổ chức việc phái đi từ Tiệp Khắc sang Anh những người gần gũi và cần thiết của ông ta. Giấy biên nhận tiền được giao cho Zubov bởi thư ký tổng thống. Chính Benes bỏ chạy sang Anh năm 1938. Zubov đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chính quyền Anh và Pháp không có lấy một chút khái niệm về các mối liên hệ của chúng ta với những nhân vật rời khỏi Tiệp Khắc. Một năm rưỡi sau khi Benes rời khỏi Praha, người ta gọi Zubov về Moskva và tống giam theo lệnh riêng của Stalin.

Nguyên nhân là do Benes - thông qua Zubov - đề nghị Stalin để Liên Xô đầu tư năm 1938 cho cuộc đảo chính chống lại chính phủ Xtoiadinovich tại Nam Tư, nhằm thiết lập một chính thể quân sự và bằng cách đó làm suy yếu áp lực lên Tiệp Khắc. Benes xin tổng số 200 nghìn đôla tiền mặt cho các sĩ quan Sécbi sẽ tổ chức đảo chính. Nhận số tiền này từ Trung tâm, Zubov đi sang Belgrad để làm quen với tình hình. Khi anh tin chắc rằng các sĩ quan được nói đến, tất thấy chỉ là một nhóm những kẻ liều lĩnh thiếu tin cậy và sẽ chẳng tính đến sự thành công nào, anh đã kinh ngạc và từ chối trả tiền tạm ứng cho họ. Quay về Praha mang theo tiền, anh báo cáo với Trung tâm. Stalin nổi cơn thịnh nộ: Zubov dám không

thi hành mệnh lệnh. Stalin tự tay viết lên bức điện: “Bắt ngay lập tức” (tôi thấy bức điện này năm 1941 khi người ta cho xem vụ án Zubov).

Và ngay đấy xảy ra một sự bất ngờ. Cuộc họp được ấn định vào tháng 1 sẽ phải phê chuẩn việc khai trừ tôi khỏi đảng, bị đình lại. Chả bao lâu Ejov bị gạt khỏi chức trách bộ trưởng và bị bắt. Như sau này tôi biết, vụ án Ejov do chính Beria và một vị phó của ông ta, Bogdan Kobulov, đảm nhiệm. Nhiều năm sau Kobulov kể với tôi rằng người ta bắt Ejov tại văn phòng Malenkov trong BCHTU. Khi dẫn ông ta đi xử bắn, ông ta hát “Quốc tế ca”.

Vẫn như trước tôi cho Ejov chịu trách nhiệm về nhiều tội ác nặng nề - hơn thế, ông ta còn là một nhà lãnh đạo kém chuyên môn. Tôi tin chắc: các hành động của Stalin có một quy mô điên cuồng đến thế, nói riêng, là do Ejov tuyệt đối vô dụng trong công tác tình báo và phản gián.

Để hiểu bản chất chủ nghĩa Ejov, cần xét đến các truyền thống chính trị của đất nước ta. Tất cả các chiến dịch chính trị trong điều kiện chuyên chính nhất thiết sẽ có quy mô kinh khủng, và Stalin có lỗi không chỉ trong các hành động được thi hành theo chỉ dẫn của ông, mà cả trong việc cho thuộc hạ mình nhân danh ông tiêu diệt tất cả những ai thành ra bất lợi cho lãnh đạo đảng ở cấp huyện và tỉnh. Các nhà lãnh đạo đảng và NKVD nhận được khả năng giải quyết thậm chí những vụ cãi vã thông thường nhất xảy ra hầu như hàng ngày bằng cách thủ tiêu bên đối lập. Tất nhiên, những ngày ấy tôi còn chưa biết tất cả, nhưng nó là đủ để lo sợ cho mạng sống của mình. Xuất phát từ logic các sự kiện, tôi chờ người ta bắt tôi vào cuối tháng 1 hoặc, cùng lắm, vào đầu tháng 2-1939. Hàng ngày tôi xuất hiện tại nơi làm việc và không làm gì cả - ngồi và chờ bị bắt giữ. Một ngày tháng 3 người ta cho gọi tôi vào văn phòng của Beria, và bất ngờ, tôi nghe ông trách móc, rằng hai tháng cuối tôi ăn không ngồi rồi. “Tôi thi hành mệnh lệnh nhận từ trưởng phòng ạ”, - tôi nói. Beria không cho là cần bình phẩm những lời của tôi và ra lệnh cho tôi tháp tùng ông ta đến một cuộc gặp, theo lời ông ta, rất quan trọng. Tôi cho rằng đó là cuộc gặp với một trong những điệp viên mà chính ông ta phụ trách, tại một căn phòng bí mật. Tháng 9 năm 1939 tôi đã hai lần tháp tùng ông ta đến những vụ việc tương tự. Trong khi đó chiếc xe đưa chúng tôi vào Kremli, nơi chúng tôi đi vào qua cổng Xpaxxkye. Xe dừng trong ngõ cụt cạnh quảng trường Ivanovxcaia. Chợt tôi hiểu ra rằng Stalin sẽ tiếp tôi.

CHƯƠNG 4

THỦ TIÊU TROTSKY

1. Chiến dịch chống “Ông già”. Gặp Stalin

Lối vào tòa nhà của điện Kremli nơi Stalin làm việc tôi đã quen trong những lần đi gặp ông trước kia. Chúng tôi theo cầu thang đi lên tầng hai và đi dọc hành lang dài rải thảm đỏ vắng người, ngang qua các văn phòng với những cánh cửa cao thường chỉ thấy ở viện bảo tàng, vẫn viên sĩ quan cận vệ, từng trực ban lúc Ejov dẫn tôi tới đây, cho tôi với Beria đi qua. Giờ đây anh ta chào không phải Ejov, mà Beria: “Chúc đồng chí Beria mạnh khỏe!” Beria mở cửa và chúng tôi đi vào phòng khách lớn đến nỗi ba chiếc bàn làm việc đứng ở đó trông nhỏ xíu. Có ba người trong phòng: hai người mặc áo cùng kiểu cắt như của Stalin, và một người mặc quân phục. Chào Beria là người không cao, có vẻ gân guốc, mặc áo xanh mà giọng vang lên khe khẽ và lãnh đạm (sau đó tôi biết rằng đó là Poxkrebutsev, phụ trách ban thư ký của Stalin). Tôi có cảm tưởng rằng sự thiếu vắng trọn vẹn các biểu hiện bề ngoài của bất cứ xúc cảm nào là nguyên tắc trong phòng này. Và đích thực, trật tự chính bắt thành văn một lần và mãi mãi được Stalin và Molotov thông qua trong tòa nhà này.

Poxkrebutsev đưa chúng tôi vào văn phòng của Stalin rồi cửa đóng lại không tiếng động.

Vào thời điểm ấy tôi vẫn trải qua những tình cảm như trong các lần gặp trước với Stalin: hồi hộp xen lẫn sự chờ đợi căng thẳng, và niềm hân hoan bao trùm lấy toàn bộ con người. Tôi có cảm giác người xung quanh có thể nghe thấy nhịp đập của tim tôi.

Khi chúng tôi xuất hiện Stalin đứng lên từ sau bàn. Đứng ra giữa phòng, chúng tôi trao đổi bằng những cái bắt tay, và ông dùng cử chỉ mời chúng tôi ngồi xuống một chiếc bàn dài phủ nhung xanh lá cây. Bàn làm việc của chính Stalin nằm hoàn toàn gần cạnh, trong một góc văn phòng. Bằng khoé mắt tôi kịp nhận thấy rằng tất cả các cặp trên bàn của ông được xếp theo một trật tự lý tưởng, bên trên bàn làm việc - chân dung của Lenin, còn trên bức tường khác - của Mác và Ăngghen. Mọi thứ trong văn phòng trông vẫn y như lần trước, khi tôi đến đây. Nhưng chính Stalin thì có vẻ khác: chăm chú, bình thản và tập trung. Nghe người đối thoại, hầu như ông suy ngẫm từng lời, giống như có một ý nghĩa đặc biệt đối với ông. Và những người cùng nói chuyện đơn giản là không thể thoáng hiện trong óc rằng con người này có thể là thiếu chân tình.

Có như thế hay không trong thực tế? Tôi không chắc lắm. Nhưng đích thực Stalin nghe Beria với sự chú ý lớn.

- Thưa đồng chí Stalin, - ông kia nói, - theo chỉ thị của đảng, chúng tôi đã vạch trần ban lãnh đạo tình báo nước ngoài cũ của NKVD và chặt đứt mưu toan tráo trở lừa dối chính phủ. Chúng tôi đề nghị bổ nhiệm đồng chí Xudoplatov phó chỉ huy tình báo nước ngoài của NKVD để giúp đỡ các cán bộ trẻ của đảng được động viên vào công tác trong các cơ quan, để hoàn thành tốt các nhiệm vụ của chính phủ ạ.

Stalin nhú lông mày. Ông vẫn tiếp tục giữ tẩu trong tay như cũ mà không hút. Sau đó quẹt diêm (cử chỉ quen thuộc đối với tất cả những ai dù chỉ xem một tạp chí thời sự phim ảnh) và xích gạt tàn lại gần mình.

Ông không thốt ra một lời về sự bổ nhiệm tôi, nhưng đề nghị Beria kể ngắn gọn về những phương hướng cơ bản của các chiến dịch tình báo ở nước ngoài. Trong khi Beria nói, Stalin đứng lên khỏi bàn và bắt đầu đếm bước trong văn phòng, ông di chuyển chậm rãi và hoàn toàn không tiếng động trong đôi ủng Kavkaz mềm của mình.

Dù Stalin đi lại không ngừng, tôi có cảm tưởng ông không hề giảm sự chú ý, ngược lại, càng trở nên tập trung hơn. Những nhận xét của ông có phần khắc nghiệt không cần giấu giếm. Tính gay gắt tương tự trong thái độ đối với những người được mời đến tiếp kiến, có lẽ là một nét tiêu biểu trong hành xử của ông, là một bộ phận không tách rời khỏi cá tính Stalin - cũng y như những nốt đậu mùa trên mặt ông, tạo cho ông một vẻ khắc nghiệt.

Theo lời Beria, tình báo nước ngoài trong những điều kiện hiện đại cần phải thay đổi hướng làm việc chính. Nhiệm vụ cơ bản của nó phải là chuẩn bị các mạng điệp viên cho chiến tranh ở châu Âu và Viễn Đông, chứ không phải là cuộc đấu tranh với giới lưu vong. Sẽ đóng vai trò to lớn hơn nhiều, ông tính, là các điệp viên của chúng ta có ảnh hưởng, tức những người từ giới làm ăn của chính phủ phương Tây và Nhật Bản, những người có thể tiếp xúc với ban lãnh đạo các nước ấy và có thể được sử dụng để đạt tới những mục đích của chúng ta trong chính sách đối ngoại. Nên tìm những người ấy trong số các nhà hoạt động của phong trào trung lập, có thái độ nhẫn nhịn đối với những người cộng sản. Đồng thời, theo ý kiến của Beria, phong trào cánh tả đang nằm trong tình trạng lộn xộn nghiêm trọng do những ý đồ của bọn Trótkít. Bằng cách ấy chính Trotsky và những kẻ theo ông ta đã thách đấu nghiêm trọng đối với Liên Xô. Họ khao khát làm mất vị trí thủ lĩnh của phong trào cộng sản thế giới của Liên Xô. Beria đề nghị giáng một đòn quyết định vào trung tâm phong trào Trótkít ở nước ngoài và đề cử tôi tiến hành các chiến dịch này. Để kết luận ông nói rằng chính vì với mục đích này mới đưa ứng cử viên của tôi vào chức vụ phó cục trưởng Cục đối ngoại mà lúc ấy do Dekanozov phụ trách. Nhiệm vụ của tôi là sử dụng mọi khả năng của NKVD để thủ tiêu Trotsky.

Một quãng lặng. Stalin tiếp tục cuộc trò chuyện.

- Trong phong trào Trótkít không có các nhân vật chính trị quan trọng, trừ chính Trotsky. Nếu kết thúc với Trotsky, mối hiểm họa của Quốc tế cộng sản sẽ được loại trừ.

Ông lại chiếm chỗ của mình đối diện với chúng tôi và bắt đầu từ tốn nói về sự không bằng lòng đối với việc các chiến dịch tình báo được tiến hành như thế nào. Theo ý kiến của ông, chúng thiếu sự tích cực cần thiết, ông nhấn mạnh rằng, việc loại bỏ Trotsky năm 1937 đã được giao cho Spigelglaz, thế nhưng ông kia đã làm đổ vỡ.

Sau đó Stalin trở nên khắc nghiệt và, dần từng lời, dường như hạ lệnh, nói:

- Trotsky, hay như các anh gọi ông ta trong các vụ án của các anh là “Ông già”, cần phải bị loại trừ trong vòng một năm, trước khi nổ ra chiến tranh. Không loại bỏ Trotsky, như kinh nghiệm Tây Ban Nha, chúng ta không thể tin chắc có sự ủng hộ của các đồng minh của chúng ta trong phong trào Quốc tế cộng sản, trong trường hợp tấn công của bọn đế quốc vào Liên Xô. Họ sẽ rất khó thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình là làm rối loạn hậu phương của kẻ thù, triển khai chiến tranh du kích.

Chúng ta không có kinh nghiệm xây dựng một đế chế công nghiệp và quân sự hùng hậu

đồng thời với củng cố chuyên chính vô sản, - Stalin tiếp tục, và sau khi đánh giá tình hình thế giới và cuộc chiến tranh sắp tới ở châu Âu, ông chuyển trực tiếp sang tôi. Tôi cần lãnh đạo một nhóm phần tử vũ trang để tiến hành chiến dịch thủ tiêu Trotsky, đang lưu vong tại Mexico. Stalin rõ ràng thích những lời được gọt rửa kiểu “hành động” (thay cho “thủ tiêu”), đồng thời nhận xét rằng trong trường hợp thành công của hành động “đảng sẽ không bao giờ quên những người đã tham gia trong nó, và quan tâm không chỉ về chính họ, mà còn cả mọi thành viên gia đình họ.”

Khi tôi cố phản đối rằng tôi không hoàn toàn phù hợp để thực thi nhiệm vụ ở Mexico, bởi không nắm vững tiếng Tây Ban Nha, Stalin không có chút phản ứng gì.

Tôi đề nghị cho phép sử dụng các cựu binh những chiến dịch phá hoại trong nội chiến Tây Ban Nha cho công việc.

Hội kiến kết thúc, chúng tôi tạm biệt và bước ra khỏi văn phòng. Sau buổi gặp gỡ với Stalin tôi nhanh chóng được bổ nhiệm làm phó cục trưởng tình báo. Tôi được phân một văn phòng trên tầng bảy của toàn nhà chính của Lubianka dưới số 755 - có thời được Spigelglaz sử dụng.

Vợ tôi lo lắng bởi sự thăng tiến nhanh của tôi năm 1938. Cô thích tôi có một chức vụ khiêm tốn hơn, và cô đúng, bởi tôi bắt đầu bị đầu độc chính là do điều đó dù sự bổ nhiệm chỉ mang tính chất tạm thời hoàn toàn. Tôi không là kẻ thù của nhân dân, mà là kẻ thù của các đồng nghiệp ghen tị - cái mô típ tầm thường là thế để đầu độc trong những năm thanh trừng.

Sự bổ nhiệm mới không cho thì giờ để suy ngẫm lâu về chiến dịch mà tôi suýt bị mất mạng. Tốc độ chóng mặt các sự kiện đã cuốn hút tôi theo nó. Cuộc họp đảng thế là không xem xét vụ việc của cá nhân tôi. Hai ngày sau buổi trò chuyện ở Kremli người ta thông báo với tôi rằng đảng uỷ xem xét lại quyết định về việc khai trừ tôi khỏi đảng và thay vào đó cảnh cáo được ghi vào hồ sơ vì sự mất cảnh giác và không vạch mặt các hành động thù nghịch của cựu lãnh đạo Cục đối ngoại.

Ngày hôm sau, khi tôi vừa đến văn phòng mới, Eitingon vừa từ Pháp trở về chưa lâu, đã gọi điện thoại cho tôi.

- Pavel, mình ở Moskva mười ngày rồi, chẳng làm gì cả. Vụ tác chiến theo dõi mình liên tục. Mình tin chắc điện thoại của mình bị nghe trộm. Cậu biết chắc mình đã làm việc thế nào rồi. Xin hãy báo cáo với cấp trên của cậu: nếu họ muốn bắt mình, thì cứ làm việc đó ngay đi, chứ đừng bày những trò trẻ con nữa.

Tôi trả lời Eitingon rằng đây là ngày đầu tiên tôi giữ chức vụ lãnh đạo và không rõ kế hoạch nào cả về việc bắt ông. Ngay đó tôi đề nghị ông đến chỗ tôi, sau đó gọi điện thoại cho Merkulov và báo cáo về cuộc trò chuyện vừa diễn ra. Ông kia cười to và nói:

- Những kẻ ngốc ấy giám sát Eitingon và nhóm của ông ta mà không hiểu là có chuyện với những nhà chuyên nghiệp.

Sau mười phút theo đường dây trực tuyến Beria gọi cho tôi và đề nghị: Eitingon - một ứng cử viên thích hợp cho công việc của tôi và đến cuối ngày ông ta chờ hai chúng tôi.

Khi Eitingon xuất hiện, tôi kể về dự định của chiến dịch ở Mexico. Ông được dành vai trò chủ đạo trong nó. Ông đồng ý không chút xíu chần chừ. Eitingon là nhân vật lý tưởng để lãnh đạo mạng điệp viên ngầm đặc biệt ở Mỹ và Mexico. Tiếp cận Trotsky chỉ có thể thông qua mạng điệp viên của chúng tôi găm ở Mexico sau cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha. Không ai hiểu những người này bằng ông. Làm việc cùng nhau, chúng tôi đã trở thành những người bạn thân thiết. Lệnh về việc thủ tiêu Trotsky không làm cả tôi lẫn ông ngạc nhiên: đã hơn mười năm OGPU-NKVD tiến hành cuộc chiến thật sự chống lại Trotsky và tổ chức của ông ta.

Buộc phải rời Liên Xô năm 1929, Trotsky đã thay đổi mấy nước (Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy và Pháp), trước khi định cư năm 1937 ở Mexico. Còn trước cả sự lưu đày của mình ông thực chất đã thua Stalin trong cuộc đấu tranh vì quyền lực và, trong cảnh lưu đày, đã cố sức không ít để nhằm phá vỡ, còn sau đó lãnh đạo phong trào cộng sản quốc tế, dấy lên sự bẽ cánh trong hàng ngũ những người cộng sản, làm suy yếu địa vị của chúng ta tại Tây Âu và đặc biệt ở Đức vào đầu những năm 30.

Theo đề nghị của Eitingon chiến dịch chống Trotsky được gọi là *Con vịt*. Trong tên gọi mã hoá này từ “vịt”, dĩ nhiên được sử dụng trong nghĩa “xuyên tạc thông tin”: khi nói “tin vịt”, có ý chỉ sự đăng tải tin giả trên báo chí.

Leonid biết mạng lưới điệp viên của chúng ta ở Mỹ và Tây Âu, vậy nên đủ sức hình dung một cách thực tiễn, chúng tôi có thể đặt niềm tin chắc chắn vào ai trong số các điệp viên. Tiếc rằng Maria de Las Eras, điệp viên “Patria” tốt nhất của chúng tôi cài được vào ban thư ký của Trotsky từ thời ông ta ở Na Uy và là người từng ở với ông ta tại Mexico, đã cấp thiết cần phải gọi trở về. Spigelglaz có kế hoạch sử dụng cô vào những năm 1937-1938, nhưng sự chạy trốn của Orlov, kẻ biết rõ cô, đã phá vỡ kế hoạch đó. Chúng tôi không thể mạo hiểm. Không loại trừ sự khước từ bắt buộc thời chiến dịch ở Mexico đã quyết định cho số phận bi thảm của Spigelglaz. Ông biết quá nhiều và không còn là người cần thiết.

Số phận của Maria de Las Eras là một huyền thoại. Trong thời gian chiến tranh Vệ quốc vĩ đại cô nhảy dù vào hậu phương quân Đức, nơi cô chiến đấu trong đội du kích anh hùng Liên Xô Medvedev. Sau chiến tranh cô tích cực làm việc trong mạng lưới điệp viên KGB tại Mỹ Latinh, với vai trò điện báo viên. Maria de Las Eras là điệp viên mật hơn hai mươi năm. Chỉ vào những năm 70 cô mới trở về Liên Xô với quân hàm đại tá, và mất năm 1988.

Hai tháng sau khi chạy trốn sang Mỹ Orlov đã viết một bức thư nặc danh cho Trotsky, cảnh báo về việc có những kế hoạch mưu sát ông ta đang được soạn thảo và thực hiện nó sẽ là những người thân cận của ông ta đi từ Tây Ban Nha đến. Thời ấy chúng tôi chưa biết về bức thư của Orlov và sự cảnh báo đó, nhưng hoàn toàn cho rằng Orlov có thể làm một hành động tương tự. Kế hoạch ban đầu của tôi là sử dụng mạng điệp viên được Eitingon chiêu mộ trong số người theo Trotsky tại Tây Âu và đặc biệt ở Tây Ban Nha. Eitingon, ví dụ, tự tuyển dụng các thủ lĩnh phái Trótskít Tây Ban Nha anh em Ruan. Ông có mối liên lạc nằm trong số những kẻ vô chính phủ thân Trotsky, các bộ trưởng chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha: Gaodosio Olivero và FReaderico Amundseni. Thế nhưng Eitingon khẳng định ý kiến muốn sử dụng điệp viên tại Tây Âu, Mỹ Latinh và Mỹ chưa bao giờ tham gia vào chiến dịch nào chống lại Trotsky và những người cùng cánh của ông ta. Theo kế hoạch của ông

nhất thiết cần thành lập hai nhóm độc lập. Nhóm thứ nhất “Tuần mã” chịu sự phụ trách của David Alfaro Siqueiros, một họa sĩ Mexico, quen riêng với Stalin, cựu binh cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha. Ông ta chuyển sang Mexico và trở thành một trong những nhà tổ chức ĐCS Mexico. Nhóm thứ hai được gọi là nhóm “Bà mẹ” dưới sự chỉ đạo của Karidad Mercader. Trong số các tổ tiên giàu có của bà có cựu tổng trấn Cuba, còn cố nội của bà là đại sứ Tây Ban Nha ở Nga. Karidad rời bỏ người chồng, một cự phú ngành đường sắt Tây Ban Nha, đến với phái vô chính phủ và chạy sang Paris với bốn người con vào đầu những năm 30. Bà phải kiếm sống bằng đan lát thêu thùa. Năm 1936 khi ở Tây Ban Nha bắt đầu cuộc nội chiến, bà quay về Barcelona, gia nhập hàng ngũ phái vô chính phủ và bị thương nặng vào bụng trong thời gian máy bay công kích. Con trai lớn của Karidad hy sinh (anh quần lựu đạn quanh người lao vào xe tăng), còn con trai thứ, Ramon chiến đấu trong đội du kích. Con trai út Luis đến Moskva năm 1939 cùng với các trẻ khác của những người cộng hòa Tây Ban Nha chạy trốn Franko, con gái ở lại Paris. Bởi Ramon tuyệt đối vô danh tính giữa những kẻ Trótkít, Eitingon thời ấy vẫn còn ở Tây Ban Nha, đã quyết định gửi anh từ Barcelona sang Paris mùa hè năm 1938 dưới dạng một doanh nhân trẻ bất cần đời có thái độ thù địch với bất kỳ chính thể nào, đôi khi ủng hộ những tên quá khích chính trị.

Đến năm 1938 Ramon và mẹ anh, Karidad, sống tại Paris, cộng tác với tình báo Xô viết. Tháng 9 Ramon theo sự dẫn dắt của anh em Ruan đã làm quen với Silvia Agelof bấy giờ đang ở Paris, và vợ chồng Rozmer, những người thân với gia đình Trotsky. Theo các chỉ dẫn của Eitingon, anh tránh mọi hoạt động chính trị. Vai trò của anh là ở chỗ thỉnh thoảng giúp tiền cho bạn bè và những người mà anh cảm tình, nhưng không dính vào chính trị. Anh không quan tâm đến công việc của những người này và bác bỏ mọi đề nghị gia nhập vào phong trào của họ.

Chúng tôi còn có một điệp viên quan trọng mật danh “Garry” Morrison người Anh mà cả Orlov lẫn Spigelglaz đều không biết. Garry hoạt động theo tuyến Nhóm đặc biệt của Xerebrianxky và đóng vai trò then chốt trong vụ lấy cắp các hồ sơ lưu trữ của Trotsky ở châu Âu vào tháng 12 năm 1937. (Theo mách nước của tôi lưu trữ này được Dmitri Volkogonov sử dụng trong cuốn sách Trotsky của ông xuất bản năm 1992). Garry cũng có những mối liên lạc tin cậy tại khu bảy tổng cục cảnh sát Paris. Điều đó giúp ông ta kiếm được cho chúng tôi các con dấu thực và phiếu mẫu của cảnh sát và mật vụ Pháp để giả mạo hộ chiếu và giấy phép cư trú cho phép các điệp viên chúng ta nằm vùng lâu dài ở Pháp.

Eitingon cho rằng các điệp viên của ông phải được hành động hoàn toàn không phụ thuộc vào các nhóm trường địa phương tại Mỹ và Mexico. Tôi đồng ý với ông nhưng báo trước rằng chúng tôi sẽ không thể di chuyển tất cả những người cần thiết từ Tây Âu sang Mỹ khi chỉ dựa vào các nguồn tài chính thông thường. Theo ước lượng của chúng tôi, để di chuyển và trang bị cho hai nhóm cần không dưới 300 nghìn đôla. Để tạo vỏ bọc tin cậy Eitingon đề nghị lợi dụng trong chiến dịch các quan hệ gia đình riêng của ông ở Mỹ. Các họ hàng của ông có được những ưu đãi của chính phủ Xô viết từ năm 1930 cho đến tận 1948 khi tham dự các hội chợ đấu thầu bông sợi ở Leningrad. Chúng tôi trình bày các dự trù của mình với Beria, nhấn mạnh rằng trong giới thân cận của Trotsky chúng ta không có người có thể tiếp cận trực tiếp với ông ta. Chúng tôi không loại trừ rằng chúng ta có thể phải

chiếm dinh thự Trotsky bằng một vụ công phá Bực bội bởi gọi điệp viên “Patria” là người thân cận của Trotsky trở về, khi đã đồng ý sử dụng các mối liên lạc riêng của Eitingon, bắt ngờ Beria đề nghị chúng tôi sử dụng các mối liên lạc của Orlov, để làm điều đó chúng tôi phải nhân danh ông ta liên lạc với Orlov. Orlov quen biết với Beria từ thời ở Gruzia nơi ông ta chỉ huy đội biên phòng năm 1921. Eitingon kiên quyết phản đối, và không chỉ theo các vấn đề cá nhân: ở Tây Ban Nha giữa ông và Orlov có những quan hệ căng thẳng. Ông cho rằng Orlov vốn là một nhà chuyên nghiệp tham dự vào những vụ thủ tiêu những kẻ vượt tuyến, chắc chắn sẽ không tin chúng tôi, không phụ thuộc vào việc chúng tôi liên lạc với ông ta nhân danh ai. Hơn thế nữa, nhận thấy sự theo dõi hay bất cứ ý đồ nào nhằm tìm ra ông ta, ông ta có thể đặt tất cả những người của chúng ta dưới một sự đe dọa. Nghiến răng, Beria buộc phải đồng tình với chúng tôi. Kết quả là mệnh lệnh cấp trên được Beria chuyển cho tôi: để Orlov yên và không tìm những sự liên lạc nào hết với ông ta.

Beria khá bồn chồn bởi làm sao sử dụng những mối liên hệ riêng của mình trong các công việc tác chiến, về đường vợ Nina, Beria có hai người họ hàng Gegetskori nổi tiếng: một là đảng viên bolsevich trung thành, tên của ông được đặt cho một quận ở Gruzia, người khác sống tha phương ở Paris, bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ mensevich Gruzia. (Sau này đó là cơ sở cho lời buộc tội dựng lên chống Beria, rằng thông qua họ hàng mình ông liên hệ với các gián điệp đế quốc.) Mạng tình báo của chúng ta ở Pháp đúng là chất đầy các chỉ thị của ông về các vấn đề Gruzia lưu vong, đặc biệt là những người mensevich mà chính phủ lưu vong của họ đóng ở Paris. Tôi còn nhớ, những công tước Gruzia nào đó cứ làm rối đầu óc chúng tôi bằng những tin đồn về các kho báu khó tưởng tượng, đâu như được cất giấu trong các hầm bí mật khắp đất nước.

Từ cuộc trò chuyện lúc ấy với chúng tôi Beria hiểu ra rằng chúng ta thực sự cần một mạng lưới điệp viên mới loại trừ được khả năng phản bội. Ông ta nói để chúng tôi bắt đầu hành động, không cần lo về khoản tài chính. Sau khi nhóm lập xong, ông ta muốn thêm vào đó mấy điệp viên do ông nắm.

Beria chỉ đạo để tôi cùng Eitingon sang Paris đánh giá nhóm được phái sang Mexico. Tháng 6-1939 Georg Miller, người Áo di tản, giữ chức trưởng phòng “kỹ thuật hộ chiếu” đã chuẩn bị cho chúng tôi các giấy tờ giả mạo. Khi chúng tôi rời khỏi Moskva, Eitingon mừng như trẻ con do việc một trong số em gái ông, một cô bé khó tính, đã không ra ga tiễn ông. Gia đình ông tin rằng bất cứ việc gì có cô ta hiện diện đều là điều báo trước sự thất bại. Từ Moskva chúng tôi đi Ôđécxa, còn từ đó theo đường biển sang Athen, nơi thay đổi giấy tờ và trên một con tàu khác đi tới Marssaille.

Chúng tôi đến Paris bằng tàu hỏa. Tại đây tôi gặp gỡ với Ramon và Karidad Mercader, sau đó, một cách riêng biệt, với các thành viên của nhóm Xikeiros. Hai nhóm này không tiếp xúc với nhau và không biết về sự tồn tại của nhau. Tôi thấy họ khá đáng tin cậy, và biết điều còn quan trọng hơn, rằng họ đã tham dự các chiến dịch phá hoại bên chiến tuyến của Franko. Kinh nghiệm này chắc chắn sẽ phải giúp họ trong hành động chống lại Trotsky. Tôi đề nghị để Eitingon trong vòng một tháng ở lại với Karidad và Ramon, để họ làm quen với những điều cơ bản của công tác tình báo. Họ không nắm những kiến thức sơ đẳng như phương pháp xem xét nguồn tin, chiêu mộ điệp viên, phát hiện sự theo dõi hay thay đổi

ngoại hình. Những tri thức này là thiết yếu để tránh các bẫy của các cơ quan phản gián. Nhưng sự chậm trễ suýt trở thành nguy hại đối với Eitingon.

Tôi trở về Moskva vào cuối hoặc giữa tháng 7, còn vào tháng 8-1939 Karidad và Ramon đi tàu thủy từ Havre sang New York. Eitingon phải nhanh chóng theo sau họ, nhưng đến thời gian đó hộ chiếu Ba Lan mà ông dùng sang Paris, đã trở thành một giấy tờ nguy hiểm. Dấu sự tấn công của Đức vào Ba Lan đã khởi đầu thế chiến II, người ta định động viên ông như một người Ba Lan di tản vào quân đội Pháp hoặc bị quy kết như một người ngoại quốc đáng ngờ. Đến thời gian này đã áp dụng những sự hạn chế mới, khắc nghiệt hơn đối với việc đi ra nước ngoài dành cho người Ba Lan, vậy nên Eitingon buộc phải lui vào bí mật.

Tôi trở về Moskva, nguyên rủa bản thân vì sự chậm trễ do việc huấn luyện điệp viên, nhưng rất tiếc, chúng tôi đã chẳng còn lối thoát nào khác. Chúng tôi chỉ dẫn trưởng nhóm tình báo của ta ở Paris Vaxilievsky (mật danh “Taraxov”), tổng lãnh sự, làm tất cả những gì có thể để đảm bảo cho “Tom” (tên Eitingon trong danh sách tác chiến) mọi giấy tờ phù hợp cho chuyến đi sang Mỹ. Vaxilievsky cần gần một tháng để hoàn thành nhiệm vụ này. Trong lúc khó khăn, ông ta bố trí Eitingon vào một bệnh viện tâm thần mà bác sĩ chính ở đó là người Nga lưu vong. Theo chỉ thị của tôi Vaxilievsky sử dụng các liên lạc của Morrison để kiếm cho Tom giấy phép cư trú giả của Pháp. Bây giờ Tom thành người Xiri Do Thái bị suy nhược thần kinh. Lẽ tự nhiên, ông không còn phù hợp để phục vụ trong quân ngũ, còn giấy tờ thì cho ông khả năng có mặt ở Pháp và có thể được dùng để nhận hộ chiếu ra nước ngoài. Vaxilievsky tin chắc hộ chiếu là thật (viên quan chức Pháp đã nhận món hối lộ tương ứng), nhưng dù sao vẫn còn lại vấn đề visa của Mỹ.

Mối liên hệ duy nhất của chúng tôi với lãnh sự Mỹ được thực hiện qua nhà doanh nghiệp giàu có từ Thụy Sĩ trong thực tế đó là Steinberg, điệp viên của ta. Thế nhưng ở đây lại nảy sinh một khó khăn. Ông từ chối quay về Moskva nơi người ta gọi ông ta về năm 1938. Trong thư ông ta tuyên bố nhắc lại lòng trung thành của mình, nhưng nói rằng sợ sự thanh trừng trong NKVD. Vaxilievsky phái sĩ quan liên lạc, điệp viên của chúng tôi Takhtsianov đến Lozanna gặp ông ta. Anh ta được một điệp viên khác, Alakhverdov, yểm trợ. Trong thời gian cuộc gặp Steinberg đã suýt bắn người liên lạc, vì sợ anh ta là sát thủ. Rốt cuộc ông ta đồng ý thu xếp visa cho người Do Thái Xiri, ông ta không nhận ra Eitingon trên ảnh ông đã nuôi nấng và thay đổi kiểu tóc. Sau một tuần Steinberg lấy được visa, và phái viên quay về Paris.

2. Hoàn thành chiến dịch “Con vịt”

Eitingon đến New York tháng 10-1939 và lập tại Brooklyn một công ty xuất nhập khẩu mà chúng tôi sử dụng như một trung tâm liên lạc. Và quan trọng nhất, công ty này là “cái ô” cho Ramon Mercader trụ lại ở Mexico với hộ chiếu Canada giả mạo mang tên Frank Jakson. Giờ đây anh có thể đi thường xuyên đến New York để gặp Eitingon, người cung cấp tiền cho anh.

Dần dần tìm ra vỏ bọc cả nhóm Xikeiros ở Mexico. Chúng tôi có hai điện báo viên, nhưng đáng tiếc liên lạc điện đài là không hiệu quả do chất lượng thiết bị tồi. Eitingon soạn ra các phương án đột nhập vào biệt thự của Trotsky ở Coyoacán, ngoại ô thành phố Mexico. Chủ biệt thự, họa sĩ phong cảnh người Mexico Diego Rivera, cho Trotsky thuê.

Nhóm Xikeiros lập kế hoạch tấn công chiếm tòa nhà, trong khi đó mục đích chính của Ramon là lợi dụng thiên tình sử của mình với Silvia Agelof để kết thân với giới gần gũi Trotsky.

Ramon giống ngôi sao điện ảnh Pháp Alen Delon. Silvia đã không trụ vững trước sức hút đặc biệt vốn có của anh từ thời ở Paris. Cô đi với anh sang New York, nhưng anh cố giữ cô cách xa Eitingon. Thường có khi Eitingon quan sát Ramon và Silvia trong nhà hàng, nhưng không lần nào gặp cô.

Trong các giới Trótkít Ramon xử sự một cách độc lập, không có ý đồ chiếm lòng tin của họ “bằng sự thể hiện cảm tình với sự nghiệp chung”. Anh tiếp tục diễn vai nhà doanh nghiệp, “ủng hộ” Trotsky vì tính cách quái dị của mình, chứ không như một kẻ chung chí hướng trung thành.

Nhóm Xikeiros đã có sơ đồ các phòng biệt thự của Trotsky, được Maria de Las Eras bí mật chuyển cho, trước khi cô được gọi về Moskva. Cô có các thông tin về các vệ sĩ của Trotsky, cũng như sự phân tích chi tiết hoạt động của ban thư ký ít người của ông ta. Thông tin khá quan trọng này được tôi gửi cho Eitingon.

Cuối năm 1939 Beria đề nghị tăng cường mạng điệp viên mật của chúng ta tại Mexico. Ông dẫn tôi đến phòng hẹn bí mật và làm quen với Grigulevich (mật danh “Iuzic”), đến Moskva sau khi đã ở Tây Âu. Anh nổi tiếng trong các giới Trótkít bởi tính trung lập của mình. Không ai nghi ngờ anh trong âm mưu được cài vào tổ chức của họ. Sự có mặt của anh ở Mỹ Latinh là hoàn toàn tự nhiên, bởi bố của Grigulevich làm chủ một hiệu thuốc lớn ở Argentina.

Grigulievich đến Mexico tháng 4-1940 và theo chỉ thị của Eitingon đã lập ra mạng lưới điệp viên ngầm thứ ba, dự bị, để tiến hành các chiến dịch ở Mexico và California. Anh hợp tác với nhóm của Xikeiros. Grigulievich làm quen được với một vệ sĩ của Trotsky, Seldon Hart. Ngày 23-5-1940 khi Hart trực, vào những giờ trước bình minh Grigulievich gõ cổng biệt thự. Hart có một sai lầm không thể tha thứ - hấn hé mở cổng, và nhóm Xikeiros lao vào dinh thự Trotsky. Họ găm nát căn phòng nơi Trotsky đang ở bằng những loạt đạn súng máy. Nhưng bởi họ bắn qua cánh cửa đóng kín và kết quả sự bắn phá không được kiểm tra, Trotsky nấp ở dưới gầm giường đã thoát nạn.

Hart bị thủ tiêu, vì biết Grigulievich và có thể khai ra. Vụ đụng độ kết thúc bằng việc bắt giữ chỉ một Xikeiros, điều đó cũng tốt để tiếp tục các hoạt động của Grigulievich và Mercader, vốn chưa biết về sự tồn tại của nhau.

Vụ mưu sát bị đổ vỡ do nhóm tấn công không được chuẩn bị một cách chuyên nghiệp cho một hành động cụ thể. Eitingon theo ý đồ giữ bí mật đã không tham gia vào vụ tấn công này. Chứ không thì chắc ông đã điều chỉnh được hành động của những người tấn công. Trong nhóm Xikeiros không ai có kinh nghiệm lục soát và kiểm tra các căn phòng hoặc ngôi nhà. Các thành viên của nhóm là những nông dân và thợ mỏ với sự huấn luyện sơ đẳng về chiến tranh du kích và phá hoại.

Eitingon chuyển qua điện đài về thất bại của chiến dịch. Thông báo đến chỗ chúng tôi có phần chậm trễ vì nó đi qua một con tàu Xô viết đang đậu ở cảng New York, từ đó mới được

chuyển về Paris cho Vaxilevsky. Ông chuyển nói về Moskva, nhưng không cho thông báo này có ý nghĩa đặc biệt, bởi không biết mã số. Kết quả là Beria và Stalin biết về vụ mưu sát không thành từ thông báo của TASS. Tôi không nhớ ngày chính xác, hình như đó là một ngày chủ nhật tháng 5-1940. Người ta gọi tôi đến biệt thự gặp Beria - xe của ông được phái tới đón tôi. Biệt thự đang có khách: Xerov hồi đó là bộ trưởng Bộ Nội vụ Ucraina, và Kruglov, phó của Beria về cán bộ. Khi tôi bước vào, họ đang ăn trưa.

Xét mọi nhẽ, Beria không muốn bàn luận việc của chúng tôi trước mặt họ. Ông dùng cử chỉ xua tôi ra vườn, nơi những thứ cây nhiệt đới được ông trồng với hy vọng là chúng sẽ sống nổi trong khí hậu Moskva khắc nghiệt. Vợ ông, Nina, kỹ sư nông nghiệp, và con trai Xergei đang chăm sóc vườn. Beria giới thiệu tôi với họ và đi cùng tôi vào góc vườn xa. Ông đang nổi điên. Nhìn tôi chằm chằm, ông bắt đầu hỏi về thành phần nhóm được tôi khen ngợi ở Paris và về kế hoạch thủ tiêu Trotsky. Tôi trả lời rằng trình độ nghiệp vụ của nhóm Xikeiros là thấp, nhưng đó là những người trung thành với sự nghiệp của chúng ta và sẵn sàng hy sinh vì nó. Tôi đang chờ báo cáo chi tiết từ Mexico qua các kênh điện đài trong ngày một ngày hai. Sau cuộc trò chuyện, chúng tôi quay vào nhà ăn, và Beria ra lệnh cho tôi không chậm trễ quay lại nơi làm việc và thông tin cho ông ngay lập tức khi biết được các sự kiện tiếp theo.

Sau hai ngày tôi nhận được báo cáo ngắn của Eitngon từ Paris và báo với Beria. Eitngon báo rằng ông sẵn sàng với sự cho phép của Trung tâm bắt tay vào thực hiện kế hoạch được chọn lựa - sử dụng để thủ tiêu Trotsky với một điệp viên trong số “tối hậu” chủ chốt - Mercader. Để thực hiện kế hoạch này nhất thiết phải từ bỏ việc sử dụng Mercader như điệp viên của chúng ta trong giới thân cận của Trotsky và không cài thêm người mới: một điệp viên mưu toan giết Trotsky bị bắt giữ có thể là sự đổ vỡ của toàn bộ mạng lưới điệp viên liên quan trực tiếp với Trotsky và giới thân cận của ông ta. Tôi cảm thấy rằng một quyết định tương tự cả tôi lẫn Eitngon đều không thể tiếp nhận một cách độc lập. Nó có thể được chấp nhận bởi chỉ Beria và Stalin. Việc cài điệp viên vào các nhóm Trótkít ở nước ngoài là một trong những sáng tạo quan trọng trong công tác tình báo Xô viết những năm 1930-1940. Chứ làm sao khác để nhận được thông tin về các nhóm Trótkít sau sự sát hại Trotsky? Phái Trótkít nếu không có Trotsky sẽ có sức mạnh đe dọa đối với Liên Xô hay không? Stalin đều đặn đọc các tin tức từ điệp viên của chúng ta đã chui được vào ban tham mưu của tờ báo Trótkít xuất bản tại New York. Từ anh ta chúng tôi nhận được thông tin về các kế hoạch và mục đích phong trào của họ và thiết lập một hoạt động phù hợp cho cuộc đấu tranh với chủ nghĩa Trótkít. Không hiếm khi Stalin có khả năng đọc các bài báo và tài liệu Trótkít trước cả khi chúng được đăng tải ở phương Tây.

Vì cái lợi chính trị, hoạt động của Trotsky và những kẻ cùng chí hướng với ông ta ở nước ngoài trong những năm 1930-1940 chỉ gói gọn trong hoạt động tuyên truyền. Nhưng đâu phải chỉ có thế. Bọn Trótkít hành động rất tích cực: lợi dụng sự ủng hộ của những nhân vật gắn với Abwehr, tổ chức cuộc nổi loạn chống lại chính phủ cộng hòa tại Barcelona năm 1937. Từ các nhóm Trótkít trong các cơ quan đặc biệt ở Pháp và Đức thoát ra các tài liệu “chỉ điểm” về hoạt động của các ĐCS ủng hộ Liên Xô. Suits- Boizen, sau này trở thành một trong những người phụ trách nhóm điệp viên ngầm “Dàn đồng ca Đỏ” đã báo cho chúng tôi về các mối liên hệ với Abwehr của các thủ lĩnh cuộc bạo loạn Trótkít ở Barcelona năm

1937. Sau này, khi bị bắt Gestapo đã khép anh tội chuyển thông tin này cho Liên Xô, và nó được nêu trong bản án tử hình Hitler dành cho anh.

Đại diện của chúng ta ở Paris Vaxilevsky, năm 1940 được cử là đặc mệnh toàn quyền Ủy ban thừa hành của Quốc tế cộng sản, đã báo cáo về việc Abwehr sử dụng các liên hệ của bọn Trótkít để lũng bắt các nhà lãnh đạo ĐCS Pháp hoạt động bí mật năm 1941.

Tôi trình bày tất cả những điều đó với Beria. Thoạt đầu ông không có phản ứng gì hết. Tôi quay trở lại văn phòng của mình và chờ...

Tôi chẳng phải chờ lâu. Chỉ sau hai giờ tôi đã bị gọi lên tầng ba gặp Beria.

- Hãy đi với tôi, - ông buông ra.

Lần này chúng tôi đi đến Stalin tại nhà nghỉ nằm về phía Tây cách Moskva độ nửa giờ đi xe. Phần đầu cuộc gặp khá ngắn ngủi. Tôi báo cáo về ý đồ thủ tiêu Trotsky không thành của Xikeiros, sau khi giải thích rằng kế hoạch được chọn lựa có nghĩa là mối đe dọa sẽ bị mất đi mạng lưới chống Trotsky tại Mỹ, Mỹ Latinh sau khi tiêu diệt Trotsky.

Stalin hỏi đọc một câu:

- Mạng lưới điệp viên ở Mỹ và Mexico do Ovakimian phụ trách, được kéo vào hành động ở mức độ nào trong chiến dịch chống Trotsky?

Tôi đáp rằng chiến dịch của Eitingon hoàn toàn độc lập với Ovakimian, đang hoạt động dưới vỏ bọc của hãng "Amtorg".

Stalin khẳng định ý kiến cũ của mình, nhận xét:

- Hành động chống Trotsky sẽ có nghĩa là sự lật nhào toàn bộ phong trào Trótkít. Và chúng ta sẽ không cần phải chi tiền để đấu tranh với chúng và các mưu toan của chúng phá hoại Quốc tế cộng sản và các mối liên hệ của chúng ta với những nhóm cánh tả ở nước ngoài. Hãy bắt tay vào thực hiện phương án được chọn lựa, bất chấp sự thất bại của Xikeiros, và hãy gửi điện tín cho Eitingon với sự tin cậy trọn vẹn của chúng ta.

Tôi chuẩn bị điện tín và bổ sung vào cuối:

"Pavel gửi những lời chào tốt đẹp nhất."

Trong mã số "Pavel" là mật danh của Beria.

Năm 1953 khi người ta bắt tôi, các điều tra viên, xem các tài liệu chiến dịch "Con vịt" trong giấy tờ công tác của tôi cất trong két, đã hỏi giấu dưới cái tên "Pavel" là ai. Tôi thấy không cần nhấn mạnh rằng Beria, đến thời gian ấy đã bị bắt và bị xử bắn, đã đánh giá cao Eitingon, và nói đó là tên tôi bổ sung vào để khẳng định tính đích thực của thông tin được chuyển đi.

Thời gian đã muộn, mười một giờ đêm, và Stalin mời Beria và tôi ở lại ăn tối. Tôi nhớ, thức ăn hoàn toàn đơn giản, Stalin chọc đùa việc tôi không uống rượu, đề nghị tôi uống rượu nho Gruzia pha với nước ga "Lagidze". Nước này hàng ngày được máy bay chở từ Gruzia đến cho ông. Bất kể việc người ta hiện nay viết gì về ông, Stalin nói chung không nổi giận do vụ mưu sát Trotsky không thành. Nếu ông có giận, thì cũng đã không bộc lộ. Bề

ngoài ông trông bình thản và sẵn sàng tiến hành chiến dịch tiêu diệt kẻ thù của mình đến tận cùng, sau khi đã đặt cược số phận toàn bộ mạng đập viên trong giới thân cận của Trotsky.

Muộn hơn Eitingon kể với tôi rằng Ramon Mercader tự xin thực hiện nhiệm vụ, vận dụng các kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha. Anh không những bắn súng tốt mà còn nắm vững kỹ thuật đánh giáp lá cà. Xét đến việc người của chúng ta thời ấy không có trong tay kỹ thuật chuyên dụng, Mercader sẵn sàng bắn, đâm hay giết kẻ thù khi giáng đòn bằng một vật nặng. Karidad cho con trai “lời chúc phúc”. Khi bà và Eitingon gặp Ramon để cùng phân tích hệ thống bảo vệ tại biệt thự của Trotsky và chọn vũ khí giết người, thì đi đến kết luận rằng, tốt nhất là sử dụng dao hay gậy trượt tuyết nhỏ của dân leo núi: thứ nhất, dễ giấu, thứ hai, những vũ khí giết người này không gây tiếng động, vậy nên không ai trong nhà kịp chạy đến trợ giúp. Về thể lực Ramon đủ sức mạnh.

Cũng cần thiết đưa ra động cơ giết người thích hợp nhằm để bôi nhọ thanh danh Trotsky và bằng cách ấy làm suy yếu phong trào của ông ta. Vụ sát hại phải trông như một hành động trả thù cá nhân đối với Trotsky, là ông ta đã như khuyên ngăn Silvia Agelof lấy Mercader. Nếu Mercader bị bắt, anh cần tuyên bố rằng bọn Trótkít có ý đồ lợi dụng những phương tiện anh quyên góp vào các mục đích cá nhân, chứ hoàn toàn không cho phong trào, và thông báo rằng Trotsky có ý đồ thuyết phục anh gia nhập tổ chức khủng bố quốc tế nhằm giết Stalin và các nhà lãnh đạo Xô viết khác.

Buổi tối mùa đông, đầu năm 1969, tôi gặp Ramon Mercader tại căn hộ Eitingon, sau đó chúng tôi dùng bữa tại nhà hàng Nhà văn ở Moskva. Từ lần gặp cuối cùng của chúng tôi đã qua gần ba chục năm. Và chỉ giờ đây Ramon kể với tôi mọi chi tiết diễn ra vào ngày 20-8-1940.

Tại buổi anh gặp mẹ trong phòng bí mật ở Mexico, theo lời Ramon, Eitingon đề nghị như sau: trong lúc Mercader ở tại biệt thự Trotsky, chính Eitingon, Karidad và nhóm gồm năm tay súng sẽ tiến hành ý đồ xông vào biệt thự. Sẽ bắt đầu vụ bắn lộn với bọn vệ sĩ mà trong thời gian đó Mercader sẽ có thể tiêu diệt Trotsky.

- Tôi, Mercader kể với tôi, không đồng tình với kế hoạch này và thuyết phục ông rằng một mình tôi sẽ tiến hành thực hiện bản án tử hình.

Bất kể chuyện được viết về chính một vụ giết người, Ramon không nhắm mắt trước khi nện vào đầu Trotsky bằng cái gậy trượt tuyết sắc nhỏ mà anh giấu dưới áo khoác. Trotsky ngồi bên bàn viết và đọc bài báo của Mercader viết bảo vệ ông ta. Khi Mercader chuẩn bị ra đòn, Trotsky đang bị cuốn hút vào việc đọc bài báo, hơi nghiêng đầu đi, và điều đó làm đổi hướng cú đánh, làm giảm sức của nó. Vậy nên tại sao Trotsky không bị giết chết ngay và hét lên kêu cứu. Ramon đã bối rối và không thể đâm Trotsky, dù có dao trong người.

- Hãy tưởng tượng, tôi đã kinh qua chiến tranh du kích và đâm lính gác trên cầu trong thời gian nội chiến ở Tây Ban Nha, nhưng tiếng hét của Trotsky đúng là làm tôi tê liệt, Ramon giải thích.

Khi vợ Trotsky với các vệ sĩ chạy vào phòng, Mercader bị quật ngã, và anh đã không thể sử dụng súng ngắn. Thế nhưng không cần đến điều đó. Trotsky chết ngày hôm sau trong bệnh viện.

- Tôi bị một vệ sĩ của Trotsky đánh ngã bằng báng súng ngắn. Sau đó luật sư của tôi lợi dụng chi tiết này để chứng minh rằng tôi không phải là một sát thủ chuyên nghiệp. Tôi thì giữ giả thuyết rằng tôi bị tình yêu đối với Silvia làm cho mê muội và rằng bọn Trótkít đã tiêu tán tiền nong mà tôi hy sinh cho phong trào của họ, và cố lôi kéo tôi vào hoạt động khủng bố, Mercader nói với tôi. Tôi không rời khỏi giả thuyết đã thỏa thuận: các hành động của tôi bị kích thích chỉ bởi những động cơ cá nhân mà thôi.

Theo kế hoạch ban đầu chúng tôi dự trù rằng Trotsky sẽ bị giết không tiếng động và Ramon có thể lặng lẽ rời đi - Ramon thường xuyên tới thăm biệt thự và đội vệ sĩ biết rõ anh. Eitingon và Karidad, chờ Ramon trong một chiếc xe đỗ không xa biệt thự, buộc phải ẩn trốn, khi trong nhà bắt đầu sự lộn xộn trông thấy. Thoạt đầu họ chạy sang Cuba, nơi Karidad, lợi dụng các mối quan hệ gia đình của mình, đã chuyển vào hoạt động bí mật. Grigulievich chạy từ Mexico sang California nơi ít ai biết anh.

Thông báo đầu tiên đến với chúng tôi theo các kênh của TASS. Sau đó, Eitingon gửi thông báo từ Cuba, lại cũng qua Paris. Tôi được thông báo chính thức rằng cấp trên bằng lòng với người của Eitingon và công việc của họ, những người tham gia chiến dịch sẽ được tặng thưởng sau khi trở về Moskva. Vào thời điểm đó tôi quá bận rộn với công việc của mình ở Latvia, nên chẳng nghĩ gì về vụ Trotsky. Beria hỏi tôi, Karidad, Eitingon và Grigulievich có tự thoát thân và ẩn trốn kín đáo hay không. Tôi đáp là họ có chỗ trốn tốt mà Mercader không rõ. Mercader bị bắt với tên Frank Jackson, doanh nhân Canada, tên thật của anh chính quyền không biết trong suốt sáu năm.

Ramon cũng gợi nhắc tôi rằng tôi đã cho anh và mẹ anh một lời khuyên trong buổi gặp ở Paris: nếu ai trong các vị bị bắt, hãy bắt đầu tuyệt thực trong nhà tù, nhưng trong khi đó nên cố tránh gây ngờ vực không cần thiết cho bọn giám ngục. Từ đầu hãy ăn uống mỗi lần một ít đi, chuẩn bị cho sự từ chối thức ăn hoàn toàn. Cuối cùng họ sẽ bắt đầu nuôi ăn nhân tạo, và thời kỳ điều tra bị kéo dài đến một thời gian không xác định, còn những kích động sẽ nguội đi. Và điều đó sẽ rất cần cho các vị.

Mercader tiếp tục tuyệt thực hai hay ba tháng. Cuộc điều tra đã khẳng định rằng anh là một trong những kẻ đi theo Trotsky nổi cơn điên giận. Ngày hai lần các nhân viên cơ quan đặc biệt Mexico đánh anh và cứ thế tiếp diễn suốt sáu năm cho đến khi phát hiện ra được tên thật của anh. Thêm nữa, suốt thời gian ấy anh bị giữ trong xà lim không có cửa sổ.

Beria báo với tôi về quyết định bảo vệ Mercader. Các luật sư cần phải chứng minh rằng vụ ám sát được gây ra trên cơ sở mâu thuẫn và thanh trừ lẫn nhau trong nội bộ phong trào Trótkít.

Eitingon và Karidad nhận được lệnh giữ nguyên hoạt động bí mật. Họ sống nửa năm ở Cuba, còn sau đó bằng đường biển đi sang New York, nơi Eitingon sử dụng mối quen biết trong cộng đồng Do Thái để kiếm các giấy tờ và hộ chiếu mới. Cùng với Karidad ông xuyên suốt nước Mỹ đến Los Angeles, sau đó tới San Francisco. Eitingon nhân cơ hội lập lại các tiếp xúc với hai điệp viên mà ông và Xerebrianxky đã phái sang California vào đầu những năm 1930 và những người kia đã nhận về mình trách nhiệm liên lạc với mạng lưới điệp viên ngầm vốn đã lấy được các bí mật nguyên tử của Mỹ từ năm 1942 đến năm 1945. Tháng 2-1941 Eitingon và Karidad đi tàu thủy sang Trung Quốc. Tháng 5-1941 ngay trước khi bắt

đầu cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, họ quay về Moskva từ Thượng Hải theo tuyến đường sắt xuyên Xibir.

Các cơ quan đặc biệt xác định được nhân thân của Mercader chỉ sau khi một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của ĐCS Tây Ban Nha năm 1946 bỏ chạy sang phương Tây mà trước đó từng ở Moskva. Nhân thể, người này là họ hàng xa với Phidel Castro. Karidad có lỗi một phần về sự rò rỉ thông tin. Trong thời gian chiến tranh mẹ của Ramon tản cư từ Moskva đến Taskent, nơi bà sống từ năm 1941 đến 1943. Chính ở đây bà đã kể với người quen của mình rằng Ramon đã giết Trotsky. Karidad tin chắc rằng ông ta sẽ không để lộ.

Sau thế chiến II Karidad nhiều lần thử cách giải phóng cho Mercader, đề nghị thậm chí là tìm vợ cho anh, nhưng Stalin phản đối kế hoạch này, bởi nhân thân Mercader còn chưa gây sự chú ý nhiều. Karidad đi sang Mexico, sau đó sang Paris, tìm tất cả mọi cách để giải phóng cho con trai.

Khi người ta đưa hồ sơ lưu trữ của cảnh sát Tây Ban Nha sang Mexico, nhân thân của anh đã bị xác định, chối cãi là vô ích. Trước những bằng chứng không thể phủ nhận Frank Jackson thú nhận rằng thực tế anh là Ramon Mercader và xuất thân từ một gia đình Tây Ban Nha giàu có. Thế nhưng anh vẫn không thừa nhận rằng đã giết Trotsky theo lệnh tình báo Xô viết. Trong tất cả các tuyên bố mở của mình Mercader khẳng định không hề thay đổi động cơ cá nhân của vụ ám sát này.

Điều kiện giam giữ Mercader trong tù sau việc kẻ vượt tuyến nói lộ tên thật của anh lập tức trở nên tốt hơn, và thậm chí người ta còn cho anh thỉnh thoảng ra ngoài, nơi anh có thể ăn uống ở nhà hàng cùng với giám ngục của mình. Người phụ nữ giám sát Ramon trong tù, đã mê anh và giờ đây đến thăm anh mỗi tuần. Sau này anh đã cưới cô ta và đưa cô về Moskva cùng anh khi được thả tự do ngày 20-8-1960. Anh đã ngồi hết hạn hai chục năm trong tù.

Trước 1960 Ramon chưa bao giờ đến Moskva. Ở đây người yêu của anh, người về sau chết vì bệnh lao, đã sống những năm 1939-1942.

Tại Moskva Mercader được tiếp bởi chủ tịch KGB Selepin người trao cho anh Ngôi sao Anh hùng Liên Xô. Thế nhưng một thời gian sau Mercader xin gặp gỡ với chủ tịch mới của KGB Xemitsaxtnuri, anh bị từ chối. Theo quyết định đặc biệt của BCHTU' đảng và theo sự chạy vạy riêng của Dolores Ibarruri (Pasionary), Mercader được nhận vào làm chuyên viên trường khoa học của Viện Mác-Lênin ở Moskva. Ngoài ra, anh cùng vợ được cấp một biệt thự ở Kratov, ngoại ô Moskva. Mercader nhận tiền từ BCHTU' và từ KGB. Tổng số tiền ngang với lương thiếu tướng về hưu. Thế nhưng quan hệ của anh với KGB vẫn khá căng thẳng trong suốt những năm 60: anh không ngừng đòi hỏi, đầu tiên với Selepin, sau đó là Xemitsaxtnuri để Eitingon và tôi được giải phóng ngay lập tức khỏi nhà tù. Anh nêu vấn đề này trước cả Dolores Ibarruri, và cả Xuxlov. Ủy viên Bộ Chính trị kỳ cựu Xuxlov không chút động lòng, hơn thế, tức giận về việc Mercader tự tiện hỏi riêng ông ta, bèn tuyên bố: "Chúng tôi đã quyết định số phận những con người này. Đừng díp mũi vào việc không phải của mình."

Thoạt đầu Mercader sống trong khách sạn "Leningrad" gần nhà ga Leningrad, còn sau

đó nhận một căn hộ bốn buồng không có trang bị nội thất gì gần bến metro “Xokol”. Trong số những người đã từng liên quan với Mercader về công việc, chỉ còn duy nhất Vaxilevsky không bị thanh trừng, dù ông bị khai trừ khỏi đảng. Ông đấu tranh cho Mercader và vì thế đồ gỗ được cấp cho căn hộ mới của anh. Vợ của Mercader Rokelia Mendosa làm phát thanh viên trong ban biên tập tiếng Tây Ban Nha của đài phát thanh Moskva. Năm 1963 họ nhận hai đứa trẻ làm con nuôi: chú bé Artur mười hai tuổi và bé gái Laura sáu tháng tuổi. Cha mẹ của họ là bạn của Mercader. Ông bố tham gia cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha, sau thất bại của những người cộng hòa đã chạy sang Moskva, rồi quay về tổ quốc với tư cách điệp viên mật, bị bọn Franko bắt được và bị xử bắn. Bà mẹ mất tại Moskva trong khi sinh nở.

Giữa những năm 70 Mercader rời Moskva sang Cuba nơi anh trở thành cố vấn bên cạnh Fidel Castro. Anh mất năm 1978. Thi hài của anh được bí mật đưa về Moskva. Vợ góa của Mercader cố liên lạc với tôi, nhưng thời gian ấy tôi không ở tại Moskva. Eitingon có mặt trong buổi tang lễ. Người ta mai táng Mercader tại nghĩa trang Kuntsevskoe. Tại đây anh yên nghỉ dưới cái tên Ramon Ivanovich Lopes, Anh hùng Liên Xô.

Tôi hoàn toàn rõ rằng các nguyên tắc đạo lý ngày hôm nay không dung hoà được với tính tàn bạo đặc trưng cho cả giai đoạn đấu tranh vì chính quyền vốn kế thừa cuộc đảo chính cách mạng, cả đối với nội chiến. Stalin và Trotsky đối kháng với nhau, dùng các phương pháp để đạt mục đích của mình, nhưng sự khác nhau là ở chỗ trong sự lưu đày, Trotsky đối kháng không chỉ Stalin, mà cả Liên Xô như một nhà nước. Sự đối kháng này là cuộc chiến dẫn đến sự hủy diệt. Stalin, mà cả chúng ta nữa, đã không thể đối xử với Trotsky ở nơi lưu vong đơn giản như một tác giả những tác phẩm triết học. Ông ta là kẻ thù của nhà nước Xô viết.

Cuộc sống chỉ ra rằng, sự nghi ngờ và lòng thù địch của Stalin và ĐCS Liên Xô đối với những kẻ xét lại và đối thủ chính trị trong cuộc đấu tranh vì quyền lực là có cơ sở hiện thực.

Chính nhóm cực lãnh đạo của Đảng đã giáng đòn quyết định vào ĐCS Liên Xô và đất nước Liên Xô vào những năm 1990-1991.

Những tư lợi nhỏ nhen thoát đầu của sự tranh giành quyền lực được che đậy bằng các khẩu hiệu vay mượn của Trotsky “đấu tranh với chủ nghĩa quan liêu và sự thống trị của cơ quan Đảng”. Mối đe dọa chết người đối với sự giữ vững thể chế chính quyền Xô viết luôn luôn ẩn trong lòng hiểm họa chia rẽ của đảng cầm quyền.

Con trai của Trotsky, Lev Xedov mang họ mẹ, nằm dưới sự theo dõi không ngừng của chúng tôi. Y là tay tổ chức chủ chốt của phong trào Trótskít ở châu Âu sau khi từ Thổ Nhĩ Kỳ sang Paris năm 1933. Chúng tôi có ở Paris hai lối tiếp cận tình báo độc lập với nhau nhằm vào y. Trong một nhóm đóng vai trò chủ đạo là Zborovxky (mật danh “Etien”, cũng là “Tiulpan”). Về ông ta Volkogonov đã viết tỉ mỉ. Đứng đầu nhóm thứ hai là Xerebrianxky. Zborovxky dẫn chúng tôi lần ra dấu hồ sơ của Trotsky, còn Xerebrianxky sử dụng thông tin nhận được, đã chiếm hồ sơ được cất giấu ở Paris này, và bí mật chuyển chúng về Moskva. Ông làm điều đó có sự trợ giúp của điệp viên của mình là “Garry” có mặt ở Paris, và điệp viên làm việc trong cảnh sát Pháp.

Trong cuốn sách *Trotsky Volkogonov* khẳng định, dường như hồ sơ được Zborovxky đưa ra, trong khi thực tế ông ta thậm chí không có khái niệm cái thông tin ông ta lấy được cần sử dụng thế nào. Volkogonov cũng viết rằng Zborovxky đã giúp giết chết Xedov lúc ấy đang ở trong bệnh viện Pháp. Con trai Trotsky, như đã rõ, thực sự đã chết năm 1938 trong những tình huống khá bí ẩn, sau khi mổ ruột thừa. Biết rành rọt chỉ là điều Xedov chết tại Paris, nhưng cả trong hồ sơ của y lẫn trong các tư liệu của Quốc tế cộng sản phái Trótkít tôi không tìm đâu ra chứng cứ nào, rằng đó là một vụ giết người. Nếu Xedov bị giết, thì ai đó phải được nhận tặng thưởng của chính phủ hoặc có thể cạnh tranh. Trong thời gian đó, đã có nhiều lời buộc tội cho cơ quan tình báo mà đầu như vợ về mình vòng nguyệt quế không hề có, nhưng không đưa ra những chi tiết hay ví dụ nào cả. Vẫn cho rằng, Xedov chết như nạn nhân của chiến dịch được tiến hành bởi NKVD. Trong khi đó Spigelglaz, khi báo cáo với Ejov về cái chết của Xedov tại Paris, chỉ nhắc đến cái chết tự nhiên của ông ta. Thật ra, Ejov có bình phẩm báo cáo bằng những lời: “Cuộc phẫu thuật tốt lắm! Đã làm việc không tồi, nhỉ?” Spigelglaz không định tranh cãi với bộ trưởng, kẻ cố gán công lao “ám sát” Xedov cho ngành tình báo và trực tiếp báo cáo với Stalin về điều này. Điều đó tạo khả năng để người ta cho rằng NKVD chịu trách nhiệm về cái chết của Xedov.

Khi tôi và Eitingon bàn với Beria kế hoạch thủ tiêu Trotsky, không có lần nào nhắc lại việc loại bỏ con trai ông ta. Tất nhiên, dễ dàng giả sử rằng Xedov bị giết, nhưng riêng tôi có thiên hướng không tin vào điều đó. Và lý do ở đây thật đơn giản. Trotsky tin con trai vô điều kiện, vì thế chúng ta tiến hành theo dõi chặt chẽ y, và điều đó cho khả năng nhận được thông tin về các kế hoạch của bọn Trótkít nhằm vào Liên Xô qua châu Âu. Việc thủ tiêu y hẳn dẫn đến sự mất kiểm soát của chúng ta đối với nguồn thông tin về các chiến dịch Trótkít ở châu Âu.

Sau sự thủ tiêu Trotsky một phần mạng điệp viên được Eitingon chiêu mộ, và những người khác được lôi cuốn vào mạng lưới của ông hoạt động ở Mỹ và Mexico bị phong tỏa, và việc sử dụng họ chỉ có thể được thực hiện với chỉ đạo của Beria. Mạng lưới điệp viên mở rộng này về sau đóng vai trò quan trọng trong tiếp cận với giới bác học chế tạo bom nguyên tử của Mỹ. Các điệp viên với các giấy tờ giả, không giữ chức vụ chính thức nào, cư trú tại Mỹ từ cuối những năm 20 đầu những năm 30. Nhiệm vụ chính của họ là xin làm một công việc tại nơi có thể có sự tiếp xúc với thông tin khoa học kỹ thuật và vận chuyển hàng hóa quân sự chiến lược trong trường hợp chiến tranh với Nhật Bản.

Các tài liệu và báo cáo về vụ Trotsky cho đến giờ vẫn được bảo quản trong lưu trữ tổng thống và trong quỹ lưu trữ cá nhân của Andropov và Beria. Một phần giấy tờ này được trả về ngành tình báo vào năm 1996.

Cuối những năm 20 và đầu những năm 30 Eitingon và Xerebrianx không được cử sang Mỹ để tuyển mộ dân di cư Nhật Bản và Trung Quốc mà có thể cần đến trong các chiến dịch quân sự và phá hoại chống lại Nhật Bản. Đến thời ấy người Nhật đã chiếm những vùng Bắc và trung tâm Trung Quốc và Mãn Châu Lý, và chúng ta dè chừng cuộc chiến sắp tới với Nhật Bản. Đồng thời Eitingon cấm lâu dài hai điệp viên người Do Thái Ba Lan mà ông đem được từ Pháp sang Mỹ.

Eitingon cũng cần cho đánh giá các khả năng tiềm ẩn của những người cộng sản Mỹ

trong lợi ích tình báo của chúng ta. Theo đề nghị khá hiệu quả của ông, không nên chiêu mộ điệp viên từ các đảng cộng sản, mà chỉ cần tập trung vào những người có cảm tình đối với các lý tưởng cộng sản.

Eitingon hoạt động song song với Akhmerov, người bất chấp những phản đối nghiêm túc của Eitingon, vẫn cứ cưới cháu gái của Erl Brauder, người sáng lập ĐCS Mỹ. Các chiến dịch ở Mỹ và việc lập mạng điệp viên ngầm ở đây không thuộc mục tiêu quan trọng nhất của Kremli, bởi thời ấy việc nhận các tin tức tình báo từ Thế giới mới không ảnh hưởng đến các quyết định do Moskva phê chuẩn. Thế nhưng Eitingon giao cho mấy điệp viên của mình theo dõi đường lối của Mỹ đối với Trung Quốc. Nói riêng, ông đã tìm được những nhà báo từ tạp chí America mà về sau đã hình thành trò chơi có ảnh hưởng tới đường lối ngoại giao của Mỹ ở châu Á.

Một trong những điệp viên được Eitingon chiêu mộ là họa sĩ phong cảnh khá nổi tiếng người Nhật Bản Miagi mà sau này thuộc nhóm của Richard Sorge ở Nhật Bản. Eitingon và người bạn tốt của tôi Ivan Vinarov (cố vấn tình báo bên cạnh Georgi Dimitrov vào những năm 40) tiếp xúc với Sorge ở Thượng Hải vào cuối những năm 20. Thông tin của Sorge được xem là đáng giá trong suốt những năm 30, thật ra, cần nói, rằng cả người Đức, cả người Nhật đều xem ông là điệp viên hai mang. Điệp viên của chúng ta “Người bạn” - cố vấn chính trị của nước Đức tại bộ tham mưu Tưởng Giới Thạch - thường gặp gỡ với Sorge vào những năm 1939-1941. Ông ta nhận thấy sự thông tỏ rộng của ông về tình hình tại Viễn Đông, không đoán ra hoạt động của Sorge cho tình báo Hồng quân, và khẳng định các liên hệ vững chắc có uy tín của Sorge với tình báo quân sự Đức.

Năm 1932 Eitingon rời California và quay về Liên Xô qua Thượng Hải. Ông được cử làm phó cho Xerebrianxky, nhưng họ không cùng làm việc được, và Eitingon chuyển sang công tác tại Cục đối ngoại của OGPU.

Trong thời kỳ căng thẳng ngay trước sự tham chiến của Mỹ, Kheifets đứng đầu công tác tình báo theo tuyến NKVD trên duyên hải phía Đông nước Mỹ. Trước kia ông làm việc tại Quốc tế cộng sản. Bố ông là một trong những người thành lập ĐCS Mỹ. Kheifets trực tiếp biết nhiều người cộng sản Mỹ nổi tiếng. Tính đến kinh nghiệm tại Quốc tế cộng sản, vào đầu những năm 30 người ta cử ông làm việc trong NKVD. Ông tổ chức các nhóm điệp viên ở Đức và Italia vào giữa những năm 30, khi đóng vai một sinh viên Ấn Độ đang học ở châu Âu. Trong thực tế Kheifets là người Do Thái nhưng do làn da sạm nên trông chẳng khác gì một kẻ lưu vong thực sự từ châu Á, bất kể màu mắt xanh. Tại Mỹ trong các phái cánh tả ông nổi danh như là ngài Braun.

Trước đây khi ở Italia Kheifets đã làm quen với Bruno Pontekorvo trẻ tuổi là sinh viên theo học tại Roma. Kheifets giới thiệu Pontekorvo liên hệ với FReaderic JolioQuiri nhà vật lý Pháp vĩ đại thân cận với ban lãnh đạo ĐCS Pháp. Trong tương lai chính Pontekorvo trở thành cái kênh mà qua đó các bí mật nguyên tử của Mỹ từ Enriko Fermi đến với chúng ta.

Kheifets gặp may: vào những năm 30 ông không bị thanh trừng. Người ta gọi ông về Moskva, và dù năm 1938 Ejov đã ra chỉ thị về việc bắt ông, nó đã không được thực hiện. Rất chóng Kheifets được phái sang Mỹ, đến duyên hải miền Tây, để thúc đẩy thêm công tác tình báo.

Kheifets được giao nhiệm vụ thiết lập những mối liên lạc vững chắc với mạng điệp viên “nằm ổ sâu” do Eitingon dựng lên để sử dụng trong trường hợp chiến tranh giữa Liên Xô và Nhật Bản. Kế hoạch ban đầu là xây dựng mạng lưới điệp viên ngấm tại các cảng Mỹ theo mẫu vùng Scandinavia để tiêu diệt các con tàu với nhiên liệu và chất đốt chiến lược dành cho Nhật Bản. Không biết về dự định của Nhật Bản tấn công Đông Nam Á hoặc Trân Châu cảng, chúng tôi giả thiết rằng đầu tiên sẽ bắt đầu các hành động quân sự chống lại chúng ta.

Trợ lý của Kheifets tại lãnh sự quán San Francisco Liagin, kỹ sư, tốt nghiệp đại học chế tạo tàu thủy Leningrad được giao nhiệm vụ đặc biệt nhận số liệu về những phát minh mới của các xí nghiệp duyên hải miền Tây. Nhiệm vụ chủ yếu đặt ra trước anh thu thập tài liệu về các chương trình chế tạo tàu biển quân sự của Mỹ. Tôi nhớ một trong những báo cáo của anh. Trong đó nói lên mối quan tâm lớn của người Mỹ đối với chương trình chế tạo các hàng không mẫu hạm. Liagin cũng chiêu mộ được một điệp viên ở San Francisco, người đã cho chúng ta sự mô tả các thiết bị được nghiên cứu để bảo vệ tàu khỏi mìn từ trường.

Để không gây nghi ngờ, Liagin tránh bất cứ sự tiếp xúc nào của các giới thân cộng sản. Thế nhưng anh làm việc không lâu tại San Francisco. Anh được gọi về Moskva và cất nhắc lên chức phó Cục trưởng tình báo ngoài nước của NKVD. Anh mới 32 tuổi. Trong thời gian chiếm đóng của Đức anh được chúng tôi phái đến cơ sở quân sự ở Nikolaev vùng Biển Đen với tư cách phụ trách điệp viên ngấm. Gestapo rốt cuộc bắt được anh với điện báo viên của nhóm. Liagin khước từ vượt ngục, bởi không thể bỏ mặc người điện báo viên bị thương bị bắt cùng với anh. Họ bị xử bắn. Năm 1945 anh được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

Kheifets còn lại ở San Francisco nhận được định hướng của Eitingon, đã tiếp cận với hai điệp viên được cắm sẵn từ trước. Cả hai sống một cuộc sống bình thường không gây chú ý của những người Mỹ giản dị: một người là bác sĩ nha khoa, người khác - chủ một cơ sở buôn bán lẻ. Cả hai đều là dân Do Thái Ba Lan lưu vong. Bác sĩ nha khoa quen trực tiếp với Xerebrianxky, có thời nhận tiền của chúng ta để học Cao đẳng y khoa tại Pháp và trở thành một nhà chuyên môn có bằng cấp. Cả hai người này được cài phòng trường hợp, nếu sự giúp đỡ của họ cần cho chúng ta dù là sau một năm hoặc mười năm. Sự cần thiết dùng đến họ đã nảy sinh vào những năm 1941-1942, khi những người này bất ngờ trở nên gần gũi với các thành viên có xu hướng cộng sản của gia đình Robert Oppenheimer - người chế tạo bom nguyên tử Mỹ.

CHƯƠNG 5

TÌNH BÁO XÔ VIẾT TRƯỚC NGƯỠNG CỬA CUỘC CHIẾN TRANH

1. Mối nhử của việc thanh toán nhóm Tukhatrevsky

Tháng 5-1937 nhóm Tukhatrevsky gồm tám người là tinh hoa của giới chỉ huy quân sự Liên Xô bị bắt, người ta buộc tội họ phản quốc, làm gián điệp và âm mưu quân sự bí mật lật đổ chính phủ. Qua hai tuần, và theo tuyên án của tòa án quân sự tất cả họ bị xử bắn. Sự tàn sát hàng loạt trong quân đội bắt đầu như thế mà kết quả là ba mươi lăm nghìn nhà chỉ huy quân sự chịu nạn.

Người nổi tiếng nhất trong các tướng lĩnh quân đội là nguyên soái Mikhail Nikolaevich Tukhatrevsky một thời gian dài là thứ trưởng Bộ Quốc phòng và Tổng tham mưu trưởng Bộ tổng tham mưu. Từ các tài liệu hiện nay được công khai thấy rõ rằng sự buộc tội chống Tukhatrevsky và các nhà lãnh đạo quân sự khác của đất nước được ngụy tạo theo chỉ thị của Stalin và Vorosilov.

Có ba giả thuyết, tại sao Stalin đi tới sự thanh toán này. Giả thuyết thứ nhất các là thông tin giả của các cơ quan đặc biệt Đức và Tiệp đã thuyết phục được Stalin hay ngờ vực và bộ trưởng Quốc phòng của ông ta là Vorosilov, rằng Tukhatrevsky và một loạt tướng lĩnh khác giữ các tiếp xúc bí mật với các giới quân sự Đức. Chính Khrusev nhắc lại giả thuyết này trong phát biểu của ông ta với sự phê phán Stalin tại đại hội đảng lần thứ XXII năm 1961.

Nhưng các tiếp xúc với người Đức nên xem xét trên nền sự hợp tác quân sự chặt chẽ Xô - Đức vào những năm 1920-1930. Một giai đoạn dài sự hợp tác quân sự của Đức và Liên Xô bất ngờ bị Stalin cắt đứt năm 1933 với lý do giả trá rằng người Đức bí mật chia sẻ với người Pháp thông tin về các mối liên hệ đó. Trong khi đó nhóm các nhà hoạt động quân sự Xô viết đứng đầu là nguyên soái Tukhatrevsky nhận thấy sự có lợi của những tiếp xúc này và hi vọng sử dụng các công nghệ quân sự tân tiến của họ. Từ phía Đức cũng tồn tại mối quan tâm đối với quan hệ Liên Xô, dù theo những ý đồ khác. Các nhà quân sự cao cấp xuất thân từ Đông Phổ, đi theo người sáng lập đế chế, tướng Hans von Beck. Sau thất bại trong thế chiến I tướng von Beck nhiều năm chuyên tâm phục hồi bộ máy quân sự Đức và nghiên cứu tư tưởng chiến lược mới. Chính ông ta phát biểu trước giới lãnh đạo Đức ủng hộ cải thiện các mối quan hệ với Liên Xô, chỉ ra rằng mục đích chính của nước Đức trong trường hợp chiến tranh không để xảy ra hoạt động quân sự trên cả hai mặt trận.

Giả thuyết thứ hai họ trở thành nạn nhân vì có trí tuệ vượt khá xa Vorosilov và có quan điểm riêng về các vấn đề xây dựng quân đội. Tukhatrevsky và nhóm của ông đều như không đồng tình với Stalin và Vorosilov về vấn đề chiến lược của các cải cách quân đội, mà theo điều đó, Stalin sợ các đối thủ, những người có thể cạnh tranh quyền lực, đã quyết định thanh toán họ.

Giả thuyết thứ ba, người ta tiêu diệt các nhà quân sự do sự thù địch từ xưa giữa Tukhatrevsky và Stalin, vốn có các quan điểm khác nhau về trách nhiệm trong cuộc chiến tranh với bạch vệ Ba Lan vào năm 1920. Tukhatrevsky cho rằng Hồng quân thất bại trên ngưỡng cửa vào Varsava vì Stalin và Vorosilov đều như từ chối ném các phân đội kỵ binh

trợ giúp cho Tukhatrevsky.

Quan điểm của tôi về thảm kịch này khác hẳn. Tôi nhớ tháng 8-1939 những tin tức từ Đức cho thấy lãnh đạo quân sự Đức đánh giá cao tiềm năng của Hồng quân, làm tôi ngạc nhiên một cách dễ chịu. Trong một tài liệu mà chúng tôi bắt được, nguyên nhân cái chết của nguyên soái Tukhatrevsky được đánh giá là do tự cao quá độ và bất đồng ý kiến với nguyên soái Vorosilov, người chia sẻ một cách vô điều kiện mọi quan điểm của Stalin.

Phê chuẩn danh mục tài liệu tình báo dành cho Stalin, Beria cho vào đấy một câu từ tài liệu này:

“Việc loại trừ Tukhatrevsky chỉ rõ rằng Stalin kiểm soát trọn vẹn tình hình trong Hồng quân”, - có thể, nhằm nịnh bợ lãnh tụ, khi bằng chính cách đó nhấn mạnh tầm nhìn xa trông rộng của ông ta trong sự loại bỏ Tukhatrevsky một cách kịp thời.

Tôi cũng nhớ những bình phẩm của Beria và Abakumov, trong những năm chiến tranh là chỉ huy phản gián quân sự XMERS, chịu trách nhiệm về mặt chính trị của các lực lượng vũ trang. Cả người này lẫn người kia đều nói về sự khó chịu của Tukhatrevsky và giới thân cận của ông, những kẻ dám nghĩ rằng dường như Stalin theo đề nghị của họ, sẽ cách chức Vorosilov. Theo lời Beria, chỉ một sự kiện này đã chỉ rõ rằng rằng các nhà quân sự, vi phạm thô bạo trật tự đã thiết lập, đưa ra những yêu cầu vượt ra ngoài giới hạn trách nhiệm của họ. Lẽ nào, ông ta nói, họ không biết chỉ có Bộ Chính trị và không ai khác có quyền đặt vấn đề về sự thay đổi bộ trưởng Bộ Quốc phòng? Ở đây người ta cũng nhớ lại, Abakumov nhấn mạnh, rằng Tukhatrevsky và những người của ông ta đã cho phép mình gọi dàn nhạc quân đội đến phục vụ ở biệt thự riêng.

“Bên trên” đã xử sự nghiêm khắc như thế nào, tôi biết từ nguyên soái Saposnikov, người thay Tukhatrevsky. Đang chiến sự, vào giai đoạn rất nặng nề của các trận đánh gần Moskva, xét tính khẩn cấp các tin tức từ hậu phương Đức, đôi lần tôi báo cáo tài liệu trực tiếp với ông, bỏ qua các kênh thông thường. Và mỗi lần ông lại nhã nhặn chỉ cho tôi biết: “Anh bạn ạ, những số liệu tình báo quan trọng anh nhất thiết cần phải thể hiện trước hết trong các báo cáo của NKVD và ban lãnh đạo chính trị của đất nước. Stalin, Beria và đồng thời bộ trưởng Bộ Quốc phòng phải biết trọn vẹn về công việc chung của chúng ta”.

Còn một tình huống có vai trò trong số phận Tukhatrevsky: ông có quan hệ xấu đối với Saposnikov. Cuối những năm 20 Tukhatrevsky, như người ta nói với tôi, tiến hành mưu mô chống lại Saposnikov nhằm chiếm vị trí Tổng tham mưu trưởng. Nhân thể, Saposnikov là một trong các thành viên đặc biệt của Tòa án tối cao, tòa đã tuyên án tử hình Tukhatrevsky. Ông, Budennui và chánh án Ulric là những người duy nhất của Bộ Tổng tham mưu thoát khỏi bị thanh trừng.

Tôi tưởng tượng rằng Tukhatrevsky và nhóm của ông trong cuộc đấu tranh nhằm tác động đến Stalin đã rơi vào bẫy. Trong những buổi gặp gỡ thường xuyên với Stalin, Tukhatrevsky chỉ trích Vorosilov, Stalin khen sự chỉ trích này, gọi nó “có tinh thần xây dựng”, và thích bàn bạc các phương án cất nhắc và gạt bỏ mới. Ông ta cũng thích xem xét các cách tiếp cận khác nhau đối với tư tưởng quân sự. Tukhatrevsky cho phép mình tự do bàn luận tất cả mọi thứ đó không chỉ sau các cánh cửa kín, mà còn tung các tin đồn về trong

ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng. Ngắn gọn, ông và các đồng nghiệp của ông, theo ý Stalin, đã đi quá xa. Sau khi NKVD báo cáo với chính phủ về các tin đồn đang lan ở thủ đô, điều đó đã làm giới lãnh đạo đất nước lo lắng. Thậm chí những nhà sử học cháy bỏng khát khao vạch trần các sai lầm của Stalin, cũng không thể không thừa nhận rằng các tài liệu vụ án Tukhatrevsky chứa những chứng cứ khác nhau liên quan đến các kế hoạch phân bổ lại trong giới lãnh đạo quân sự đất nước.

Trong các lưu trữ của Hồng quân được công bố có thể đọc, ví dụ, thư của Vorosilov ngày 5-6-1937 có chữ ký của chỉ huy ban thư ký Bộ Quốc phòng Xmorodinov. Trong nó chứa đựng yêu cầu chuyển cho NKVD các bản sao thư từ của Tukhatrevsky gửi giới lãnh đạo quân sự. Và dù trong tài liệu không có chỉ thị gì, thấy rõ rằng trong tiến trình “điều tra”, Tukhatrevsky kiên quyết phản bác lại các lời cáo buộc, trong khi đó viện dẫn tới tài liệu khẳng định rằng không có bất đồng ý kiến nào cả về các vấn đề quân sự giữa ông, Vorosilov và Stalin.

Tukhatrevsky khẳng định rằng ông tiếp xúc với các đại diện quân sự Đức tuyệt đối theo nhiệm vụ của chính phủ. Ông tìm mọi cách chứng minh rằng luôn luôn nhìn thấy nghĩa vụ của mình ở sự thực hiện không suy suyển các mệnh lệnh.

Giả thuyết của Khrusev về việc Stalin “đã nuốt” phải thông tin giả của Đức, khơi gợi thanh trừng Tukhatrevsky, dựa trên cơ sở những điều bịa đặt của kẻ vượt tuyến người Liên Xô Krivitsky, tác giả cuốn *Tôi từng là điệp viên của Stalin* xuất bản năm 1939. Krivitsky làm việc cho NKVD và tình báo quân đội tại Tây Âu và trong cuốn sách của mình viết rằng NKVD nhận được thông tin mật về một âm mưu từ tổng thống Tiệp Eduard Benes và từ điệp viên của chúng ta Xkoblin (mật danh “Chủ trại”), nguyên là tướng bạch vệ, từng tham gia nội chiến. Krivitsky buộc tội Xkoblin là ông ta chuyển cho Liên Xô thông tin giả của Đức về những tiếp xúc bí mật của Tukhatrevsky với các giới quân sự Đức. Muộn hơn tướng Sellenberg, chỉ huy tình báo nước ngoài của Hitler, trong các hồi ký của mình cũng viết rằng người Đức ngụy tạo các tài liệu trong đó Tukhatrevsky nổi lên như một điệp viên của họ. Trước chiến tranh, theo lời ông ta, các tài liệu được lén ném cho người Tiệp, và Benes chuyển thông tin nhận được cho Stalin.

Đối với tôi đó là chuyện huyền hoặc. Những tài liệu tương tự chẳng phát hiện thấy trong lưu trữ của KGB hay lưu trữ của chính Stalin.

Nhưng nếu phục hồi lại tuần tự các sự kiện, thì có thể trông thấy rằng Xkoblin như một điệp viên Gestapo lần đầu tiên được viết trên báo *Sự thật* năm 1937. Bài báo đã được thỏa thuận với ban lãnh đạo tình báo và được đăng nhằm đánh lạc hướng sự chú ý khỏi những lời buộc tội về sự liên đới của tình báo Xô viết tới vụ bắt cóc tên tướng Miller.

Vụ án hình sự chống lại Tukhatrevsky dựa trên chính những lời khai của ông, và tuyệt đối thiếu các chứng cứ khép tội cụ thể nhận được từ nước ngoài. Nếu tồn tại những tài liệu như thế, thì với vai trò phó chỉ huy tình báo trước khi xảy ra chiến tranh, chắc chắn tôi đã nhìn thấy chúng hoặc biết về sự tồn tại của chúng. Sự gợi nhớ duy nhất về “dấu vết Đức” trong vụ Xkoblin là viện dẫn thủ thuật dối trá của ông ta mà nhờ đó nhử được tướng Miller đến phòng hẹn mật tại Paris. Xkoblin nói với Miller về “các tiếp xúc của Đức” vốn rất quan trọng đối với công tác bí mật của bạch vệ lưu vong. Miller gặp không phải người Đức, mà là

Kixlov (mật danh “Finn”), trưởng nhóm điệp viên NKVD ở Paris và Spigelglaz (mật danh “Duglax”).

Nhân thể, bất chấp các giả thuyết của các sự kiện, trong những cuốn sách nổi tiếng ở phương Tây của Christofer Endru và Gordievsky, John Jiziak và Krivitsky, Xkoblin không tham gia vào việc loại bỏ tướng Kutepov, tiền nhiệm của Miller. Chiến dịch năm 1930 này được cơ quan tình báo của Xerebrianxky tiến hành. Kutepov bị bắt giữ tại trung tâm Paris bởi ba điệp viên của ta cải trang làm cảnh sát Pháp. Họ giữ Kutepov lại trên phố với lý do kiểm tra giấy tờ và cưỡng chế nhét vào xe. Kutepov ngờ điều không lành, đã chống cự. Trong lúc vật lộn y bị một cơn đau tim và đã chết. Y được chôn ở ngoại vi Paris trong sân nhà của một điệp viên tình báo Xô viết.

Và thế, thực tế không có những số liệu gì về những tiếp xúc trái phép của Tukhatrevsky với người Đức. Thế nhưng trong lưu trữ có nhiều tổng luận của báo chí nước ngoài và phát biểu của lãnh đạo các nước phương Tây về âm mưu của Tukhatrevsky.

Tháng 7-1937 đại diện sứ quán Liên Xô ở Tiệp Khắc Alexandrovsky báo về Moskva phản ứng của tổng thống Benes, người được mô tả bởi các sử gia Xô viết là kẻ “chân tình với những ý định tốt đẹp nhất đã bán đứng Tukhatrevsky cho Stalin, không ý thức được rằng ông ta chuyển cho chính quyền Xô viết những tài liệu do người Đức ngụy tạo”. Thế nhưng các tài liệu lại nói hoàn toàn về điều khác.

Theo báo cáo của Alexandrovsky, Benes không tin dường như Tukhatrevsky là gián điệp và làm loạn. Theo lời Benes, Tukhatrevsky “có thể tính đến chuyện lật đổ Stalin, khi chỉ dựa vào lagoda - bộ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô”. Dựa vào thông tin của đại sứ Tiệp ở Berlin, Benes chỉ ra: Tukhatrevsky đơn giản là ủng hộ sự tiếp tục hợp tác Xô - Đức vốn bị cắt đứt do việc Hitler lên cầm quyền. Rõ ràng, Benes không xem lời buộc tội Tukhatrevsky làm gián điệp là nghiêm túc, nhưng cảm thấy rằng theo nguyên nhân này nọ nguyên soái Tukhatrevsky bị bài xích, và góp phần mình vào sự làm giảm niềm tin Tukhatrevsky, bởi ông ta đang cần sự ủng hộ của Stalin. Ông ta cũng như Beria muốn cho thấy sự tán thưởng trọn vẹn của mình với quyết định của Moskva trừ khử Tukhatrevsky. Trong nhật ký Alexandrovsky dẫn lời phát biểu của Benes nói về Tukhatrevsky như về một kẻ phiêu lưu và là một người không đáng tin. Nói chung Benes ủng hộ sự thanh toán Tukhatrevsky, nhưng không đóng vai trò gì trong sự loại bỏ và bắt giữ ông.

Như tôi còn nhớ, trong văn bản vụ “Khutor” có nhắc đến việc Benes tháng 4-1937, ngay trước khi gạt bỏ Tukhatrevsky, đã nói bóng gió với đại diện sứ quán Alexandrovsky và trưởng nhóm tình báo ở Praha Piotr Zubov, rằng không loại trừ khả năng hiệp định quân sự giữa Liên Xô và Đức, bất kể những bất đồng ý kiến, một phần do các liên hệ đã được Tukhatrevsky thiết lập vào những năm 20-30. Vậy mà chỉ ngày 4-7-1937, sau vụ tử hình Tukhatrevsky, Benes mới kể về những tiếp xúc “nào đó” của đại sứ Tiệp ở Berlin với các đại diện quân sự Đức mà đâu như diễn ra vào tháng 1-1937 với Alexandrovsky. Theo lời ông ta, Benes không báo cho chúng ta là người Tiệp có thông tin về sự có mặt tại Đức một nhóm có các nhà quân sự ủng hộ sự tiếp tục các quan hệ Xô - Đức từng được thiết lập từ những năm 20.

Từ đại sứ của mình ở Berlin Benes nhận được một báo cáo chứa những ẩn ý mơ hồ

của các tướng lĩnh Đức về các quan hệ bí mật với giới lãnh đạo Hồng quân. Mục đích của Đức làm người Tiệp sợ và phải tin rằng họ đừng hòng tính đến sự ủng hộ của Hồng quân trong sự đối đầu với nước Đức về vấn đề số phận của Sudet. Đó là vào tháng 7-1937 - một năm trước tối hậu thư của Hitler đối với Benes, đòi hỏi Sudet sáp nhập vào nước Đức. Trong nhật ký của mình vị đại sứ ghi rằng Benes đã xin lỗi ông vì đã không chia sẻ với lãnh đạo Xô viết những thông tin đó.

Từ các tài liệu của vụ việc đã sáng tỏ mục đích cuộc gặp gỡ tháng 7 giữa đại diện sứ quán Alexandrovsky, trưởng nhóm tình báo NKVD Zubov và Benes.

Hiện nay nội dung cuộc trao đổi của Benes với Alexandrovsky bị phủ nhận. Một tình huống khác quan trọng hơn cả bị giấu nhem: năm 1935 Liên Xô và Tiệp Khắc đã ký những hiệp ước bí mật về hợp tác của các cơ quan tình báo. Để quyết định vấn đề này đại tá Morabets phụ trách tình báo Tiệp đã sang Moskva. Sự hợp tác tình báo Liên Xô và Tiệp Khắc, sự trao đổi thông tin thoát đầu do Tổng cục tình báo Hồng quân, còn từ năm 1937 do NKVD. Năm 1938 Benes yêu cầu Stalin ủng hộ các hành động về việc lật đổ chính phủ Stoiadinovich tại Belgrad vốn tiến hành đường lối thù địch đối với ban lãnh đạo Tiệp Khắc.

Theo chỉ thị đặc biệt của Stalin để ủng hộ cuộc đảo chính tại Belgrad năm 1938, NKVD được giao tài trợ cho các phần tử vũ trang - sĩ quan Xécbi - những kẻ tổ chức cuộc đảo chính này. Nhóm trưởng tình báo Zubov đi sang Belgrad để chuyển tiền cho những kẻ mưu loạn, đã tin chắc rằng những người được tình báo Tiệp chọn lựa cho hành động này - là những tên phiêu lưu, không dựa vào thực lực, và đã không trao cho họ 200 nghìn đôla. Chiến dịch không thành này chiếu ánh sáng lên các liên hệ của Benes và Stalin từ trước đến giờ không ai rõ. Mục đích của Benes là nhận được sự ủng hộ trọn vẹn phía Stalin cả ở vùng Balkan lẫn ở châu Âu nói chung. Đây là lý do tại sao khác với người Anh và người Pháp, ông ta không thể hiện thái độ đối với vụ tử hình nguyên soái Tukhatrevsky và làn sóng thanh trừng trong bộ chỉ huy quân sự Hồng quân.

Bi kịch là ở chỗ Stalin và sau này là Khrusev, Brejnev và Gorbachov đã sử dụng tin tức của nước ngoài để bôi nhọ thanh danh các đối thủ của mình vào giai đoạn tranh giành quyền lực gay gắt. Vào lúc bình thường các tổng luận của báo chí nước ngoài chẳng được xem có một ý nghĩa gì nghiêm túc, nhưng một số thời điểm nó là chứng lý nhằm đánh giá sự "lệch lạc" của họ với đường lối của đảng. Thêm nữa nguyên tắc này thậm chí được củng cố bằng một sắc lệnh đặc biệt của BCHTƯ'.

Năm 1989 Boris Eltsin trong chuyến công du đầu tiên sang Mỹ đã bị buộc tội say rượu, khi chỉ viện dẫn báo chí nước ngoài. Năm 1990 các tài liệu này có vai trò trong mâu thuẫn giữa Gorbachov và Sevardnadze, cựu ngoại trưởng. Việc sử dụng những mẫu cắt từ báo chí nước ngoài chỉ được chặn lại vào tháng 11-1991 - ngay trước sự kết thúc "kỷ nguyên Gorbachov". Làm điều đó là Ingatenko, Tổng giám đốc TASS, khi cấm chuyển theo kênh TASS về chính phủ những tổng luận đặc biệt chứa đựng sự bôi nhọ các nhà lãnh đạo của chúng ta.

Vào những năm 30 chúng ta có cảm tưởng: rằng bất kỳ ai chống lại chính phủ hay lãnh đạo đảng, trước hết là chống chính Stalin, cũng như chiến hữu của ông ta - Bộ trưởng Vorosilov - là kẻ thù của nhân dân. Chỉ tôi mới thấm hiểu tính đều giả các nhận xét của

Beria và Abakumov về Tukhatrevsky. Lãnh đạo tối cao biết quá rõ: tất cả những cáo buộc chống ông là bịa đặt. Họ thích giả thuyết về cuộc mưu phản bởi vì nếu không họ buộc phải chấp nhận rằng nạn nhân những vụ thanh trừng trên thực tế là đối thủ trong cuộc chiến vì quyền lực. Một sự chấp nhận như thế hẳn làm tổn hại hình tượng của đảng cầm quyền.

Điều mà năm 1937 được coi là tội ác nghiêm trọng - tội ý nói sự cáo buộc trong sự thiếu chuyên nghiệp của Vorosilov, điều Tukhatrevsky cho phép bản thân nói lên - hai chục năm sau khi chết được minh oan, đã không đúng nữa. Đồng thời chẳng ai giải thích những lý do đích thực của sự kiện. Trong các thông báo chính thức chỉ xuất hiện những trích dẫn mơ hồ về “những sai lầm có chỗ” trong đường lối trừng phạt, những kẻ có lỗi bị nêu danh chỉ là Ejov và tay chân của ông ta.

2. Thăm dò khả năng Hiệp ước hòa bình với nước Đức qua Phần Lan năm 1938

Tháng 4 năm 1938 nhóm trưởng tình báo NKVD ở Phần Lan Rurbin được gọi vào Kremli nơi Stalin và các ủy viên Bộ Chính trị giao cho ông ta một nhiệm vụ hoàn toàn đặc biệt... Ông ta nhận được chỉ thị không chính thức đề nghị với chính phủ Phần Lan một hiệp ước bí mật với đại sứ Liên Xô.

Người Phần Lan được đảm bảo hợp tác kinh tế với Liên Xô có tính đến quyền lợi của họ ở Scandinavia và châu Âu để đổi lấy việc ký kết hiệp định không tấn công, hợp tác kinh tế và quân sự trong trường hợp có sự xâm lược của nước thứ ba. Hiệp ước hứa hẹn các lợi ích kinh tế cho cả hai bên. Đề nghị của Stalin bao gồm cả sự phân chia ảnh hưởng kinh tế và quân sự ở vùng Baltic giữa Phần Lan và Liên Xô. Theo chỉ thị của Stalin Rurbin cũng chuyển 100 nghìn đôla cho việc thành lập đảng của các tiểu chủ ủng hộ một nước Phần Lan trung lập.

Rurbin trong lúc trò chuyện ở Kremli thể hiện sự ngờ vực rằng người Phần Lan, lúc ấy đang có thái độ thù địch với nước láng giềng phía Đông, sẽ đồng ý ký một hiệp định như thế, nhưng Stalin nhấn mạnh rằng đó là giả định, vì thế những đề nghị, thiếu sự tham gia của đại diện sứ quán, là không chính thức. Rurbin tiến hành, như người ta ra lệnh, nhưng đề nghị bị gạt bỏ. Thế nhưng nó gây nên sự chia rẽ trong giới lãnh đạo Phần Lan mà sau này chúng ta đã lợi dụng, khi ký kết hiệp định hòa bình riêng rẽ với Phần Lan năm 1944. Nhân thế, làm được điều đó với sự trung gian của gia đình người Thụy Điển Vallenberg. Những cố gắng của chúng ta tìm ra cách tiếp cận bí mật với Mannerheim thông qua đồng đội cũ của ông ta trong quân đội Sa hoàng - công tước Ignatiev, đã chuyển sang hàng ngũ Hồng quân từ những năm 1920, cũng không thành công.

Tôi không biết gì về những đề nghị loại này ở phía Đức, thế nhưng tôi cho rằng nguyên soái Phần Lan Karl Gustav Mannerheim đã thông tin cho Hitler về các đề nghị đó, bởi lẽ quốc trưởng, khi phái ngoại trưởng của mình loachim von Ribbentrop sang Moskva tháng 8-1939 để thương thuyết về việc ký kết hiệp ước không tấn công, đã dựa vào không chỉ phản ứng của Molotov và Stalin. Hẳn đã được rõ là chúng ta sẵn sàng tiếp nhận, bởi tự chúng ta đã cố để ký kết một hiệp ước tương tự với nước láng giềng Phần Lan.

Sự từ chối của Phần Lan tiếp theo ngay trong tháng đó của năm 1938. Người Phần Lan quan trọng hơn nhiều vẫn là đồng minh của Anh, Thụy Điển và Đức. Thêm nữa, họ không

nhìn thấy lợi lộc gì trong vai trò giáp ranh giữa phương Đông và phương Tây. Thế nhưng, muộn hơn, vai trò này dần sao vẫn đã ràng buộc họ. Vì việc Phần Lan tấn công Liên Xô cùng với người Đức, họ đã phải trả một giá đắt. Kết quả là người Phần Lan đã nhận được những điều kiện ít lợi lộc hơn, so với những gì thoạt đầu Rubkin đề nghị năm 1938.

3. Hiệp ước Molotov - Ribbentrop. Trước ngưỡng cửa cuộc chiến tranh

Tháng 8-1939 khối lượng thông tin tình báo vọt lớn đột ngột. Chúng tôi nhận được những tin tức tin cậy về việc các chính phủ Pháp và Anh không nóng vội giúp Liên Xô trong trường hợp chiến tranh với Đức. Điều đó hoàn toàn trùng hợp với các số liệu nhận được ba hay bốn năm về trước từ nhóm Cambrige. Theo các tin tức này, văn phòng Hội đồng bộ trưởng Anh, chính xác hơn, Nevill Chamberlain và ngài John Saimon xem xét khả năng thỏa thuận ngầm với Hitler để giúp y trong sự đối kháng quân sự với Liên Xô. Thông tin từ ba nguồn tin cậy ở Đức lưu ý đặc biệt: Đức quốc xã kiên quyết phản đối chống lại chiến tranh trên hai mặt trận.

Các chỉ thị nhận được buộc chúng tôi nhanh chóng xem xét các phương án hợp tác với các bên về việc chống trả sự gây hấn chiến tranh. Chỉ thị đề cập không chỉ đến các cuộc thảo luận từ đầu năm 1939 với Anh và Pháp, mà còn cả với nước Đức. Ở Đức, các tướng lĩnh Đông Phổ ủng hộ sự điều chỉnh các quan hệ hòa bình với Liên Xô.

Xem xét các khả năng lựa chọn tương ứng với các chỉ thị nhận được (hoặc hiệp ước hòa bình với người Anh và người Pháp, hoặc sự điều chỉnh hòa bình với Đức) tôi thậm chí không hình dung ra rằng các thương thuyết kinh tế được kết thúc bằng hiệp ước về hợp tác của Berlin và Moskva. Khi tôi được thông tin về việc ngoại trưởng Đức sắp đến Moskva ngày 23-8-1939 - chỉ mấy giờ trước khi điều đó xảy ra, - tôi đã kinh ngạc. Sau khi Ribbentrop đến và mười ba giờ tiếp theo của việc ký kết Hiệp ước không tấn công (sự kiện này diễn ra trong điện Kremli vào hai giờ sáng ngày 24-8) đã trở nên rõ ràng: quyết định được phê chuẩn không phải là bất ngờ. Mục đích chiến lược của ban lãnh đạo Xô viết là tránh chiến tranh trên hai mặt trận bằng bất cứ giá nào - ở Viễn Đông và ở châu Âu. Đường lối ngoại giao như thế, không gắn với những tính toán, đã được thiết lập từ những năm 20, khi Liên Xô thực hiện hợp tác kinh tế và ủng hộ các quan hệ bình thường với Italia sau khi Benito Mussolini lên cầm quyền năm 1922. Lãnh đạo Kremli đã sẵn sàng thỏa hiệp với bất cứ chính thể nào nhằm bảo đảm ổn định cho Liên Xô. Đối với Stalin và giới thân cận của ông việc biến Liên Xô thành một cường quốc hùng mạnh nhất thế giới luôn luôn là sự ưu tiên.

Nhưng khả năng phát triển ổn định chỉ có thể sau khi hoàn tất tập thể hoá năm 1934. Trước đó chúng ta đã trải qua tuần tự nội chiến, nạn đói, sự điêu tàn. Và chỉ đến giữa những năm 30 công nghiệp hoá mới đem lại những thành quả ban đầu. Sự hùng hậu của quốc gia đang lớn mạnh được chứng tỏ trong những hoạt động quân sự thành công chống Nhật Bản, Mông Cổ và Mãn Châu. Dù đã thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước hàng đầu thế giới, mặc dù thế chúng ta vẫn giữ thế cô lập, nó thể hiện một cách trực quan khi các cường quốc thế giới không cho chúng ta tham dự các quyết định mà quyền lợi của họ phụ thuộc vào đó. Tất cả các hiệp định về châu Âu và châu Á được phê chuẩn bởi các nước phương Tây và Nhật Bản đều gây tổn hại cho các quyền lợi của Liên Xô. Hiệp định

Anh - Đức năm 1935 kêu gọi tái vũ trang lực lượng quân đội - hải quân Đức, và các hiệp định tiếp theo giữa các cường quốc thế giới về trang bị các loại vũ khí hiện đại cho các hạm đội của mình, thậm chí người ta không nhắc đến Liên Xô.

Phái đoàn Pháp và Anh đến Moskva mùa hè năm 1939 để thăm dò khả năng thành lập một liên minh có thể chống Hitler, bao gồm chỉ những nhân vật hạng hai. Như thế, đường lối của Stalin trong quan hệ với Hitler dựa trên sự suy đoán đúng đắn, rằng tính thù địch của thế giới phương Tây và Nhật Bản đối với thể chế Xô viết sẽ làm cho thể cô lập của Liên Xô càng nghiêm trọng.

Nhìn lại, không thể không đi tới kết luận rằng ba đồng minh tương lai - Liên Xô, Anh và Pháp - có lỗi trong việc cho phép Hitler triển khai thế chiến II. Thái độ không thân thiện và mâu thuẫn - đã cản trở sự thành công của thỏa hiệp giữa một bên là Anh và Pháp, với Liên Xô. Sự thỏa hiệp hẳn đã cho phép chung sức ngăn cuộc xâm lăng của Hitler chống Ba Lan. Các sử gia thế chiến II không hiểu sao đã bỏ qua rằng các cuộc thương thuyết Anh - Pháp - Xô năm 1939 được bắt đầu trên thực tế theo sáng kiến của tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt. Donald Maklin báo rằng phái đại diện của mình tới thủ tướng Anh Chamberlain với lời cảnh báo: sự thống trị của Đức ở Tây Âu hẳn là nguy hại cho các quyền lợi của cả Mỹ lẫn Anh. Roosevelt kích động Chamberlain để kìm chế Hitler tham gia vào các thương thuyết với những đồng minh châu Âu của Anh, kể cả Liên Xô. Các nguồn tin báo rằng chính phủ Anh tỏ vẻ miễn cưỡng với sáng kiến của Mỹ, vậy nên buộc phải gây sức ép lên người Anh, để buộc họ chịu thương thuyết với chính quyền Xô viết về việc soạn thảo các biện pháp quân sự để đối chọi với Hitler.

Mặc dù vậy, sự nhanh chóng mà hiệp ước không tấn công được ký với Hitler, đã làm tôi sửng sốt: mới hai ngày, trước khi nó được ký kết, tôi nhận được lệnh tìm kiếm mọi cách có thể để điều chỉnh quan hệ hòa bình với nước Đức. Chúng tôi còn tiếp tục gửi những đề nghị chiến lược cho Stalin và Molotov, thế mà hiệp ước đã được ký: Stalin tự mình tiến hành thương lượng trong hoàn cảnh bí mật nghiêm khắc nhất.

Tôi không biết gì về các biên bản Hiệp ước Molotov - Ribbentrop, nhưng nói chung các biên bản bí mật loại này là sự thường nhất trong các quan hệ ngoại giao động chạm đến những vấn đề đặc biệt phức tạp. Trước ngưỡng cửa chiến tranh, chính phủ Anh đã ký những hiệp ước bí mật với Ba Lan - đề cập đến sự trợ giúp quân sự cho Ba Lan trong trường hợp chiến tranh với Đức. Năm 1993, ví dụ, một tờ nhật báo Đức đã đăng biên bản mật và ghi chép các cuộc nói chuyện bí mật giữa Gorbachov và thủ tướng Helmut Kohl diễn ra ngay trước khi hợp nhất nước Đức. Và hiện giờ, khi đọc các biên bản mật Hiệp ước Molotov - Ribbentrop, tôi chẳng tìm thấy có gì bí mật trong chúng. Các chỉ thị dựa vào các hiệp định được ký kết, khá là rõ ràng và xác định: không chỉ lãnh đạo cơ quan tình báo, mà cả giới lãnh đạo quân đội và các nhà ngoại giao biết về chúng. Bản đồ thực tế sự phân chia Ba Lan, phụ lục cho biên bản ngày 28-9-1939, đã xuất hiện trên các trang *Sự thật*, thiếu chữ ký của Stalin và Ribbentrop, và cả thế giới đều có thể nhìn thấy nó. Ấy nhưng lúc đó nước Ba Lan đã bị chiếm đóng.

4. Hệ thống NKVD ngoài nước ngay trước chiến tranh

Tháng 10-1939, cùng với Fitin, lãnh đạo tình báo, và Merkulov phó của Beria, tôi tham dự cuộc họp chỗ Molotov trong văn phòng ở điện Kremli. Nơi ấy có cả chỉ huy cục tác chiến Bộ tổng tham mưu thiếu tướng Vaxilievsky (vào những năm 50 là bộ trưởng Bộ Quốc phòng), thứ trưởng Bộ Ngoại giao Potemkin, Phó chủ tịch Ủy ban kế hoạch nhà nước Borixov, tham mưu trưởng Không quân và hải quân thống chế Ixakov, tư lệnh bộ đội biên phòng tướng Maxlenikov và phụ trách tình báo quân sự, hình như, thiếu tướng Panfilov.

Chương trình nghị sự chỉ có một vấn đề - bảo vệ các quyền lợi chiến lược vùng Baltic. Molotov muốn nghe các ý tưởng của chúng tôi. Các đạo quân Xô viết đang ở đấy theo hiệp định ký kết giữa các chính phủ Litva, Latvia và Estonia. Khai mạc cuộc họp, Molotov tuyên bố:

- Chúng ta có hiệp ước với Đức theo đó Baltic được xem như một khu vực có các quyền lợi quan trọng nhất của Liên Xô. Nhưng, - Molotov tiếp tục, - dù Đức thừa nhận điều đó về mặt nguyên tắc, họ không bao giờ đồng tình với bất kỳ “những cải cách xã hội máu chó nào hết” mà hẳn sẽ thay đổi thể chế pháp quyền của các quốc gia này, chống sự gia nhập của họ vào Liên Xô. Hơn thế, lãnh đạo Xô viết cho rằng biện pháp tốt nhất để bảo vệ quyền lợi của Liên Xô ở vùng Baltic và tạo nên ở đấy một biên giới vững chắc - đó là giúp phong trào công nhân lật đổ chính thể bù nhìn.

Từ tuyên bố này, chúng ta có thể lý giải như thế nào về hiệp ước với Hitler. Thế nhưng cuối mùa thu năm 1939 đã xuất hiện một động lực để tích cực hoá các chiến dịch chính trị, kinh tế, quân sự và tình báo tại vùng Baltic. Từ hệ thống điệp viên ở Thụy Điển và Berlin chúng tôi nhận được những tin đáng tin cậy về việc người Đức đang có kế hoạch phái các phái đoàn kinh tế cao cấp sang Riga và Tallin để ký kết những hiệp định dài hạn. Như thế, vùng Baltic hẳn sẽ rơi vào sự kiểm soát kinh tế và chính trị của Đức. Các bức điện từ Berlin và Thụy Điển được chuyển về có hai chữ ký - của đại sứ và nhóm trưởng tình báo, trường hợp cực hiếm và chứng tỏ: thông tin có ý nghĩa chính trị quan trọng. Nhận được ở Moskva cùng với sự cho phép của Molotov và Beria chúng được chuyển đến Fitin và tôi theo tuyến NKVD với mệnh lệnh của Beria. Các bức điện báo thường được gửi cho một số thành viên của chính phủ.

Fitin nhận bức điện của Gukaxov, phụ trách các tổ chức dân tộc chủ nghĩa và lưu vong ở các vùng cận kề biên giới. Nhân thế, chính Gukaxov năm trước đã đòi đảng ủy điều tra vụ việc của tôi. Bây giờ, vẫn có thái độ ngờ vực đối với tính trung lập của tôi và, có thể, vẫn giữ ác ý với tôi, anh ta không chuyển cho tôi chỉ thị của Beria và tự mình chuẩn bị kế hoạch đối phó với các cơ quan đặc biệt của Đức ở Latvia, Litva và Estonia và bỏ qua tôi, gửi chúng cho Fitin. Kế hoạch của anh ta là chỉ sử dụng mạng lưới điệp viên trong ba nước cộng hòa vùng Baltic gồm những người lưu vong Nga và Do Thái.

Nổ ra một vụ scandal.

Gọi Fitin và tôi đến và nghe thông báo của Fitin theo ghi chép của Gukaxov, Beria hỏi ý kiến của tôi. Tôi trả lời một cách trung thực rằng tôi không có ý kiến, tôi không nhận được chỉ thị nào cả và không nắm được các dự định của người Đức ở Riga; trong hiện tại tôi chuyên trách những việc hoàn toàn khác. Beria nổi tung vì thịnh nộ và bảo gấp rút đưa điện báo đến một lần nữa. Lập tức ông ta thấy rằng trên chúng không có chữ ký của tôi, mà

nguyên tắc bắt buộc phải có chữ ký cho bất cứ tài liệu mật nào qua tay nhân vật có trách nhiệm trong cơ quan tình báo và được chuyển đi để nghiên cứu. Gukaxov ngay đó bị gọi lên chiếu và Beria dọa lấy đầu anh ta vì không thi hành mệnh lệnh. Đáp lại Gukaxov hạ giọng, trong giọng điệu tin cẩn (anh ta vốn xuất thân ở Tbilixi) anh ta nói rằng: Anh ta đã không cho tôi xem các bức điện, bởi vì theo phụ trách bộ phận điều tra Xergienko có những tài liệu cho thấy sự tiếp xúc đáng ngờ của tôi với bọn kẻ thù của nhân dân tức ban lãnh đạo cũ của cơ quan tình báo. Beria cắt ngang Gukaxov một cách gay gắt: phải vứt ngay cái thói quen ngu ngốc chen vào công việc không phải của mình nhớ cho kỹ rằng, mệnh lệnh phải được thi hành không suy suyển và không chậm trễ.

- Châu Âu hiện đang trong lò lửa chiến tranh, và nhiệm vụ của tình báo trong các điều kiện hiện thời, Beria nhấn mạnh, trở nên hoàn toàn khác. Ngay đó ông trích dẫn Stalin, người đòi hỏi sự lời kéo một cách tích cực những cán bộ tác chiến của các cơ quan tình báo vào các chiến dịch thăm dò chính trị và tận dụng bất cứ mâu thuẫn nào trong giới lãnh đạo của các quốc gia nước ngoài.

- Điều đó, Beria tổng kết, là chìa khoá đến thành công trong sự lật đổ các chính phủ bù nhìn đã tuyên bố độc lập vào năm 1918 dưới sự bảo vệ của lưỡi lê Đức. Từ tràng lời đó chúng tôi hiểu ngay rằng ông muốn nói các quốc gia vùng Baltic. Bọn Đức cả trước kia lẫn bây giờ, Beria tiếp tục, xem chúng như các tỉnh của mình, là thuộc địa của đế quốc Đức. Còn nhiệm vụ của chúng ta là đánh vào mâu thuẫn giữa Anh và Thụy Điển trong khu vực này. Với những lời đó ông ta quay về phía tôi. Hãy suy nghĩ và không chậm trễ gọi Tritsaev về Moskva. Sau đó hãy báo cáo các ý tưởng của anh với tính toán những phương tiện vật chất cần thiết. Thời hạn ba ngày.

Cách đặt vấn đề gay gắt và tự phụ thể hiện cái tư duy mới mà Stalin, Molotov và Beria lộ rõ sau khi ký kết hiệp ước mà rõ ràng đã tăng thêm cho họ niềm tin vào các khả năng của bản thân. Trong những khu vực chính thức giờ đây đã thuộc phạm vi của chúng ta, chúng ta bắt đầu một đường lối chính trị mới, nhằm ảnh hưởng đến đường lối đối nội của các chính phủ.

5. Sáp nhập các nước cộng hòa Baltic và Tây Ucraina vào Liên Xô

Phụ trách tình báo của NKVD ở Riga Tritsaev về Moskva, đã báo cáo những quan hệ căng thẳng bên trong chính phủ Latvia đầu tiên là giữa tổng thống Ulmanis và Bộ trưởng quân sự Balodis. Mâu thuẫn này đã làm đổ vỡ tính ổn định của thể chế hiện hành đang nằm dưới sức ép của chúng ta và của Đức. Người Đức, hoàn toàn tự nhiên, dựa vào những kẻ trung thành trong các nhà lãnh đạo kinh tế và các giới làm ăn, trong khi đó chúng ta tính đến ảnh hưởng trong các nhóm cánh tả liên hệ với ĐCS và các công đoàn. Dù ở đây có gì đi nữa, Latvia, cũng như các quốc gia khác của vùng Baltic, về thực chất là vùng đệm giữa Liên Xô và Đức. Kế hoạch thành lập liên minh rộng rãi khi trong chính phủ cần phải có đại diện những quyền lợi của Đức lẫn của Liên Xô, cũng được bàn trong buổi gặp tại văn phòng Molotov ở điện Kremli. Biết về một phương án như thế, tổng thống Latvia Ulmanis phản đối gay gắt, trong khi đó bộ trưởng ngoại giao Wilhelm Munters bất ngờ tán thưởng. Tình cảnh trong nước cộng hòa càng bị hun nóng thêm do phong trào đình công được chúng ta ủng hộ đang lan rộng. Khủng hoảng kinh tế bị chìm sâu thêm bởi cuộc chiến tranh đã bắt đầu: các

mối quan hệ thương mại với Anh và Tây Âu bị cắt đứt.

Tritsaev và Vetrov, cố vấn đại diện chính trị của ta ở Riga, tới chỗ tôi, và Vetrov đề nghị đánh vào lòng kiêu hãnh của Munters người mà thanh danh ở Berlin khá vững chắc do những cuộc gặp gỡ thường xuyên với Ribbentrop. Với Ulmanis, thì chính phủ của ông ta không còn có uy tín đặc biệt nữa vì những sai lầm trong kinh tế và thái độ nhún nhường mà nó giữ đối với các doanh nhân Đức ở Riga có tinh thần sô vanh. Các tay thương nhân này mua lại tất cả những gì giá trị ở nước cộng hòa, lợi dụng những ưu thế mở ra trước họ do sự cắt đứt các liên hệ buôn bán của Latvia với Tây Âu. Nhân thế, gần bảy mươi phần trăm hàng hóa xuất khẩu của Latvia đi sang Đức thực chất theo giá thấp. Tôi thông báo cho Beria và Molotov rằng chính phủ Latvia dựa vào không chỉ của các tổ chức quân đội, mà còn vào các lực lượng cảnh sát chủ yếu gồm con em các chủ trang trại và các tiểu thương.

Theo sự tin tưởng của chúng tôi, ngoại trưởng Munters là nhân vật lý tưởng để đứng đầu một chính phủ có thể dung hòa quyền lợi của Đức lẫn quyền lợi của Liên Xô. Khi ông ta bắt những tờ báo chính của Latvia đăng ảnh Molotov (nhân kỷ niệm sinh nhật 50 tuổi), chúng tôi nhìn nhận điều đó như sự sẵn sàng của ông ta thiết lập các tiếp xúc riêng với Molotov. Phản ứng của chúng tôi không hề chậm trễ: lập tức tôi được trao hộ chiếu ngoại giao với tên là Matveev, còn Munters được thông tin về việc Matveev, cố vấn đặc biệt của Molotov, muốn gặp gỡ với ông ta để làm một trung gian. Những thông điệp không chính thức giữa ông ta và Molotov sẽ được trao cho ban lãnh đạo Xô viết. Đã là tháng 6-1940 và cần gấp rút hành động. Chính vì thế tôi sang Riga trên một máy bay chiến đấu của Liên Xô. Ở Riga tôi và Vetrov đã có cuộc viếng thăm bí mật Munters, trong thời gian cuộc gặp gỡ, chúng tôi thể hiện mong muốn của chính phủ Liên Xô làm sao nhanh nhất tiến hành sắp xếp lại thành phần chính phủ của nước cộng hòa mà trong đó để ông, Munters có thể đứng đầu chính phủ mới trung lập.

Chuyến đi thăm của tôi là một phần của chiến dịch tổng hợp về việc nắm giữ kiểm soát chính phủ Latvia. Lãnh đạo chiến dịch là Merkulov thứ trưởng thứ nhất của Beria, người đã bí mật bay sang Riga trước tôi để điều phối kế hoạch hành động tại chỗ. Ở tại Riga dưới danh nghĩa cố vấn của Molotov, tôi báo cáo tất cả với Merkulov người vốn có đường dây trực tiếp bằng điện thoại với Molotov và Beria. Trong khi đó tôi hậu thư được chuyển cho chính phủ ở Riga. Kết quả là tổng thống Ulmanis buộc phải rời chức vụ, các đơn vị Xô viết chiếm Latvia và cựu tổng thống bị bắt. Tình huống đã thay đổi. Người Đức bị kéo quá sâu vào các chiến dịch quân sự ở phía Tây đã không kiểm soát được các sự kiện diễn ra tại Latvia. Nhân điều đó Molotov và Stalin quyết định đặt lên vị trí lãnh đạo các quốc gia vùng Baltic không phải những người được cả hai bên vừa ý (ví dụ như chính Munters), mà là những người tin tưởng gần gũi với ĐCS. Thật ra, những dự định ban đầu cho việc thành lập các chính phủ trung lập, một số người vẫn được giữ. Thí dụ, các tướng lĩnh Latvia và Estonia được phong hàm tương tự quân hàm trong Hồng quân, còn Munters dù là bị bắt, nhưng người ta không làm điều đó ngay lập tức.

Cùng với Vetrov tôi đến dinh thự của Munters nơi chúng tôi đã lường trước mọi biện pháp để đóng gói tài sản của ông và lạng lẽ chở tất cả các thành viên gia đình ông về Moskva. Từ đây họ được chở về Voronej, nơi Munters được làm giáo sư tại trường đại học

Tổng hợp Voronej. Chúng ta chính thức đưa tin cho phía Đức rằng chúng ta vẫn xem Munters là một nhân vật chính trị lớn. Dưới sự kiểm soát của chúng ta, ở Moskva trong bữa ăn trưa, ông gặp các đại diện Đức, nhưng số phận ông đã bị định đoạt, và ông đã không trở thành được thậm chí là thủ tướng bù nhìn của chính phủ. Năm 1941 khi bắt đầu chiến tranh với Đức, Munters bị bắt và bị kết án tù giam dài hạn vì những hoạt động thù địch đối với chính phủ Liên Xô. Theo sự đưa đẩy lạ lùng của hoàn cảnh tôi đã gặp Munters ở nhà tù Vladimir cuối năm 1958 hay đầu năm 1959 gì đó. Khi người ta tha ra, ông ta ở lại sống tại Vladimir. Khi về hưu ông đăng các bài báo trên *Tin tức* chứng minh tính cấp thiết liên minh của Latvia với Liên Xô.

Số phận các quốc gia vùng Baltic mà thoát đầu được sắp đặt tại Kremli và Berlin trong nhiều điểm giống số phận các nước Đông Âu bị phán quyết tại Yalta. Sự giống nhau ở đây đến kinh ngạc: cả trong trường hợp này lẫn trường hợp kia, bằng một hiệp ước sơ bộ dự định thành lập các chính phủ trung lập thân thiện với cả hai bên. Chúng ta cần một vùng đệm tách chúng ta khỏi môi trường ảnh hưởng của các cường quốc, và chúng ta thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận đối kháng tàn khốc trong những khu vực nơi đến cuối chiến tranh có các đơn vị Hồng quân. Tôi lặp lại, với mục đích xây dựng chủ nghĩa cộng sản Kremli nhìn thấy chủ yếu là bằng mọi cách củng cố sự hùng cường của nhà nước Xô viết. Chúng ta chỉ có thể đóng vai cường quốc thế giới trong trường hợp nhà nước có một sức mạnh quân sự đầy đủ và đủ sức bắt các nước nằm cạnh biên giới chúng ta chịu ảnh hưởng. Tư tưởng tuyên truyền từ trên về cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa trên toàn thế giới là màn khói của tư tưởng hộ được gọi lên để khẳng định Liên Xô trong vai một siêu cường có ảnh hưởng đến tất cả các sự kiện trên thế giới. Dù ngay từ đầu nó chỉ là một quan điểm, dần dần nó biến thành đường lối chính trị thực tiễn. Cái khả năng như thế đã mở ra trước nhà nước chúng ta lần đầu tiên sau Hiệp ước Molotov - Ribbentrop. Bởi từ đây, như các biên bản mật khẳng định, một trong những cường quốc hàng đầu của thế giới đã thừa nhận các quyền lợi quốc tế của Liên Xô và mong muốn tự nhiên của nó là mở rộng biên giới của mình.

Sau câu chuyện với Gukaxov mà tôi đã kể, trước khi Latvia bị quân đội ta xâm chiếm, bất ngờ Beria gọi tôi lên và đề nghị tháp tùng ông đến trận bóng đá tại sân vận động Dinamo. Ông không đưa ra lời giải thích nào cả đó là mệnh lệnh. Hai đội chơi là Xpartac, đội công đoàn và Dinamo đội NKVD: những năm ấy mỗi trận gặp của hai đội này là một sự kiện lớn. Thoạt đầu tôi cho là Beria muốn để tôi có mặt trong thời gian ông trò chuyện với điệp viên trong nhà hàng. Nhà hàng nằm cạnh sân vận động và là nơi lý tưởng để gặp các điệp viên, bởi vì các ngăn phòng ở đây được trang bị thiết bị nghe trộm. Khi chúng tôi đến sân vận động và ra khỏi xe, tôi theo sau Beria ở một khoảng cách kính cẩn, bởi Kolubov, Tsanava, Maxlenikov lập tức tiến lại gần ông và các phó khác ngay đó đã quây lấy sếp. Thế nhưng, quay lại ông ra dấu cho tôi lại gần và đi bên cạnh và tôi đã lọt vào lô ghế VIP như thế. Beria giới thiệu tôi với Maxlenikov và các nhà hoạt động Đảng và nhà nước khác, cần phải nói rằng tôi cảm thấy thật khó xử. Suốt thời gian đó tôi ngồi lặng thinh, nhưng tự sự kiện có mặt của tôi trên khán đài đã cho Kruglov, Xerov, Tsanava và những người khác hiểu rằng đã đến lúc chấm dứt truyền bá tin đồn về các tiếp xúc, liên lạc đáng ngờ của tôi và về những tài liệu gì đó bôi nhọ thanh danh tôi có ở bộ phận điều tra. Họ cần phải tin chắc rằng

từ nay tôi thuộc hạng những kẻ được tin cậy trong mắt giới lãnh đạo đất nước.

Tôi gặp may là tất cả các gặp gỡ của tôi với Beria tại nhà riêng đều thuận tụy công việc. Kể cả trường hợp khi tôi cùng với ông dự đám cưới người họ hàng của ông Vardo Makximalisvili, một cô gái Gruzia quyến rũ đang qua huấn luyện i tờ nghề tình báo dưới sự phụ trách của vợ tôi. Lan những tin đồn rằng cô là tình nhân của Beria khi còn là sinh viên khoa y ở Tbilixi, còn sau khi chuyển đến thủ đô ông lấy cô vào làm việc tại ban thư ký, sau đó sắp xếp để cô lấy một nhân viên NKVD, cũng người Gruzia. Tôi được mời đến đám cưới để ngắm kỹ cô và chồng cô và đánh giá phong thái xử sự (thí dụ, họ uống rượu có quá nhiều hay không), cần thiết như vậy là bởi cặp vợ chồng trẻ sắp được phái sang Paris để làm việc trong cộng đồng Gruzia lưu vong.

Sau một hay hai năm làm việc ở Paris Vardo trở về Moskva, nơi cô phục vụ trong ngành tình báo đến năm 1952. Năm 1952 cô bị bắt, bị khép tội là khi ở Paris, cô đã tham gia vào âm mưu chống lại nhà nước Xô viết được chuẩn bị bởi bọn Gruzia lưu vong dưới sự lãnh đạo của tổ chức người Megrel ở đây rõ ràng ám chỉ Beria, vốn là dân Megrel. Cô bị ném vào tù theo lệnh trực tiếp của Stalin, và cô ở trong đó đến khi ông chết năm 1953. Cô lập tức được phóng thích theo sắp xếp của Beria, nhưng sau khi ông ta bị diệt, cô lại bị bắt và ngồi tù hai năm. Ra khỏi nhà tù, cô trở lại với nghề y. Bổ sung vào danh mục những bất hạnh đổ xuống đầu cô cần thêm một sự kiện nữa. Năm 1939 hay 1940 Xô viết Moskva cấp cho vợ chồng cô căn hộ trước kia là của đạo diễn nhà hát nổi tiếng Vxevolod Meierkhold bị thanh trừng theo lệnh Stalin. Nhân tiện nói thêm, căn hộ này NKVD sử dụng làm điểm hẹn kín. Vào thời gian chiến dịch mới hạ bộ Stalin thời Gorbachov, người ta tìm đủ cách gây áp lực với Vardo, đòi cô giải phóng căn nhà. Xô viết Moskva khó khăn trục xuất cô khỏi nhà về mặt pháp lý, bởi nhẽ cô có các giấy tờ chứng tỏ rằng chính cô là nạn nhân của những vụ thanh trừng chính trị. Sau khi trên tivi, thực ra không chỉ rõ tên Vardo, chiếu cảnh về tình trạng căn hộ của Meierkhold, sự việc này bắt đầu có dư luận. Lúc ấy KGB, mong tránh một vụ scandal tai tiếng, đã tìm cho cô và gia đình một chỗ ở ngang bằng giá trị.

Hiệp ước Molotov - Ribbentrop còn có thêm một hậu quả đối với chúng ta sự sáp nhập Tây Ucraina. Sau khi các đạo quân Đức chiếm đóng Ba Lan, quân đội ta đã chiếm Galitsyn và Đông Ba Lan. Galitsyn luôn luôn là pháo đài của phong trào dân tộc chủ nghĩa Ucraina được nâng đỡ bởi các thủ lĩnh như Hitler và Canaris ở Đức, Benes ở Tiệp Khắc và thủ tướng liên bang Áo Engelbert Dollfuss. Thủ phủ Galitsyn Lovov thành trung tâm cho người tỵ nạn tuôn về từ Ba Lan thoát khỏi các đạo quân Đức xâm chiếm.

Tình báo và phản gián Ba Lan chuyển đến Lovov tất cả những tù nhân quan trọng nhất - những người bị tình nghi chơi trò hai mặt trong thời kỳ đối kháng Đức - Ba Lan những năm 30. Về những gì diễn ra ở Galitsyn tôi chỉ được biết vào tháng 10-1939, khi Hồng quân chiếm Lovov. Bí thư thứ nhất ĐCS Ucraina Khrutsev và bộ trưởng Nội vụ của ông ta Xerov đi đến đó để tiến hành tại chỗ chiến dịch Xô viết hoá Tây Ucraina. Vợ tôi được phái đi Lovov cùng với Pavel Jurablev phụ trách tình báo hướng Đức. Tôi lo lắng: phân đội của cô chuyên trách các điệp viên Đức và các tổ chức bí mật của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina, mà ở Lovov bối cảnh lại khác ở Ucraina Xô viết.

Tại Lovov nền kinh tế tư bản với các cơ sở bán buôn bán lẻ trong tay tư nhân sắp sửa

bị tiêu diệt trong tiến trình Xô viết hoá. Nhà thờ Ucraina có uy tín vô cùng to lớn, dân địa phương ủng hộ phong trào dân tộc chủ nghĩa Ucraina do người của Bandera đứng đầu. Theo thông tin của chúng tôi, OUN hoạt động khá tích cực và nắm lực lượng tương đối lớn. Ngoài ra, nó có kinh nghiệm hoạt động bí mật phong phú, mà than ôi, không có ở “êkíp” Xerov. Cơ quan phản gián của những kẻ dân tộc chủ nghĩa Ucraina biết cách khá nhanh chóng lần ra một số điểm hẹn mật của NKVD tại Lovov. Phương pháp lần dấu của chúng cực kỳ đơn giản; chúng bắt đầu theo dõi tòa nhà công an thành phố và tháp tùng mỗi một ai bước ra từ đó mặc thường phục và đi... ừng, dấu hiệu để lộ anh ta là quân nhân: các chiến sĩ Treka Ucraina, che quân phục dưới áo bành tô, lại quên đi điều vật vãnh như là đôi giày... Họ rõ ràng không tính đến là ở Tây Ucraina chỉ có quân nhân mới đi ừng mà thôi, vả lại, họ biết, điều đó, bởi ở Ucraina Xô viết tất cả đều đi ừng, vì không thể đào đâu ra loại giày khác.

Sự đổ vỡ các điểm hẹn mật được báo cáo về Trung tâm, còn vợ tôi chuyển đến khách sạn “Trung tâm”, thoát đầu dưới vỏ bọc người chạy loạn từ Varsava, sau đó tự xưng là nữ phóng viên báo *Tin tức*. Cô sử dụng rộng rãi kinh nghiệm công tác với dân tản cư Ba Lan ở Beloruxia vào những năm 20. Cô nói tiếng Ba Lan, và nhanh chóng thiết lập được quan hệ thân mật với một gia đình Do Thái Ba Lan từ Varsava. Cô giúp họ đi về Moskva, nơi chúng tôi đón họ, đưa tiền và gửi họ đi Mỹ với họ hàng. Chúng tôi thỏa thuận rằng “các quan hệ thân thiện” sẽ được tiếp tục, nó có nghĩa là: trường hợp cần thiết cơ quan tình báo Xô viết sẽ có thể nhờ đến họ. Họ không biết rằng vợ tôi là cán bộ tác chiến, và đã đồng ý giữ liên lạc tiếp. Sau này, sau khi tôi bị bắt giữ, một khách du lịch từ Mỹ, người bà con của gia đình ấy khi đến Moskva năm 1960 đã cố gắng tìm kiếm vợ tôi trong toà soạn *Tin tức*, nơi, như Emma đã nói, cô làm phiên dịch. Họ gặp nhau khá thân tình, nhưng người ta không sử dụng người này vào mục đích tình báo.

Xerov và Khrusev coi thường cảnh báo của Jurablev, người cho rằng nên kiên trì đối với các thủ lĩnh và các nhà hoạt động văn hoá Ucraina địa phương. Nhiều người trong số họ nổi tiếng rộng khắp ở Praha, Vienne và Berlin. Và thế, Xerov bắt giữ Kost-Levitsky một thời là người đứng đầu cộng hòa Nhân dân Ucraina độc lập. Khrusev báo ngay về vụ bắt bớ này với Stalin, nhấn mạnh công lao của mình trong việc vô hiệu hoá vị thủ tướng tiềm năng của chính phủ Ucraina lưu vong. Kost-Levitsky được dẫn độ từ Lovov về Moskva và tống vào nhà giam. Lúc ấy ông ta đã ngoài tám mươi, và việc bắt ông già này đã làm tổn hại đến uy tín của chúng ta trong mắt giới trí thức Ucraina.

Hiệp ước Molotov - Ribbetrop đặt dấu chấm hết cho các kế hoạch của bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina về sự thành lập cộng hòa Karpat Ucraina độc lập, theo các kế hoạch được Anh và Pháp tích cực ủng hộ năm 1938. Ý tưởng này bị phá vỡ bởi Benes, người đồng ý với Stalin trong việc Karpat Ucraina bao gồm cả một phần lãnh thổ thuộc Tiệp Khắc, sẽ được chuyển trọn vẹn cho Liên Xô. Konovalets, thủ lĩnh Ucraina duy nhất tiếp cận được Hitler và Goering, như đã rõ, đã bị thủ tiêu năm 1938 (có thời y là đại tá trong quân đội Áo và có phần nào sự kính trọng trong quốc xã). Các thủ lĩnh dân tộc chủ nghĩa khác tại Ucraina không có được những mối liên lạc cao đến thế với người Đức chủ yếu đó là những nhân viên tác chiến của Abwehr và Gestapo, và chính quyền Anh, Pháp không cho những người này quan trọng gì lắm và không đặt cược vào họ khi chiến tranh bùng lên. Vì thế

tuyên bố của Khrusev là ông ta xé nát các kế hoạch của phương Tây thành lập chính phủ Ucraina lưu vong lâm thời khi bắt Kost-Levitsky, giản đơn là không đúng, và khi tôi được lệnh cho đánh giá vụ bắt giữ Kost-Levitsky ở Moskva quan trọng tới mức nào, trong báo cáo gửi Beria, sau đó được chuyển cho Molotov, tôi đã nhấn mạnh việc bắt giữ đó là không thể biện minh từ bất cứ quan điểm nào. Ngược lại, nên cho Galitsun một quy chế đặc biệt nhằm vô hiệu hoá sự tuyên truyền chống Xô viết đang lan truyền, và nhất thiết trả tự do ngay cho Kost-Levitsky, xin lỗi ông ta và đưa ông ta về Lơvov. Điều đó cần phải làm, lẽ đương nhiên, với điều kiện là ông ta, về phần mình, ủng hộ ý tưởng của chúng ta cử một phái đoàn đại diện có uy tín từ Tây Ucraina về Kiev và Moskva để thương thuyết về quy chế đặc biệt cho Galitsun trong thành phần cộng hòa Ucraina Xô viết. Bằng cách đó thể hiện lòng trân trọng xứng đáng với các truyền thống của địa phương. Molotov đồng tình. Kost-Levitsky được tha và trở lại Lơvov trong một toa tàu đặc biệt.

Đề nghị này là sự đối kháng công khai đầu tiên của tôi với Khrusev và Xerov.

Theo văn bản giữa Molotov và Ribbetrop, Liên Xô không cản trở công dân Đức và những người Đức sống trên các lãnh thổ thuộc vùng ảnh hưởng của Liên Xô di cư về Đức hay tới các vùng ảnh hưởng của Đức. Chúng tôi quyết định lợi dụng các điều kiện này.

Nhóm của đại úy Adamovich được phái đến Trernovets. Theo tôi, trong nó có Viliam Fiser vừa mới được đưa trở lại công tác sau khi bị tha thải năm 1938 vì quan hệ với Orlov. Về sau ông lấy tên là Rudolf Abel. Trernovets nằm cạnh đường biên giới giữa Bukovina (Galitsun), và lãnh thổ Ba Lan bị Đức chiếm đóng. Nhóm phải dàn xếp các tiếp xúc với các điệp viên được chiêu mộ trong số người Đức, Ba Lan và Ucraina. Họ phải trụ lại ở nơi này như dân tỵ nạn tránh chế độ cộng sản, tìm sự bảo vệ tại các lãnh thổ do người Đức kiểm soát. Đại úy Admovich rời Moskva đi Trernovets, mang theo ảnh các điệp viên của ta ở Ba Lan và Đức, anh cần cho bốn điệp viên xem ảnh, vì cần phải biết những người này tại các buổi hẹn gặp sơ bộ đã ấn định trước ở Varsava, Dantzig (Gdanxk), Berlin và Krakov. Trên ảnh chụp các cán bộ của chúng ta hoạt động dưới vỏ bọc của các cơ quan ngoại giao, các đại diện thương mại hay hoạt động báo chí trong các thành phố này. Fiser còn có nhiệm vụ huấn luyện bốn điệp viên cơ sở cho liên lạc điện đài.

Thế nhưng sau khi Adamovich được Xerov tiếp, có thể, tại Trernovets, và thỏa thuận về các điều kiện kỹ thuật cần thiết cho việc huấn luyện các điệp viên rồi, bất thần anh ta biến mất. Không tìm ra anh ta, Xerov chửi mắng Fiser và báo cáo về sự mất tích của Adamovich với Khrusev. Còn Fiser, dù là cán bộ của nhóm, không đoán ra những thủ đoạn bảo thủ và cho rằng nếu ông ta báo về hai ngày vắng mặt của Adamovich với NKVD địa phương rồi thì ông ta chẳng cần báo cáo về Moskva cho tôi. Các vị có thể tưởng tượng tâm trạng của tôi khi bị gọi vào văn phòng của Beria, người đã ra lệnh báo cáo về việc chiến dịch của Adamovich tiến triển ra sao. Ông đang nổi cơn thịnh nộ khi tôi không thể báo tin gì mới ngoài thông tin của tuần qua.

Điện thoại réo. Đó là Khrusev. Ông ta bắt đầu tức giận chỉ trích Beria rằng người ta phái đến chỗ ông ta những kẻ kém nghiệp vụ và phản bội can thiệp vào công việc của NKVD Ucraina. Theo lời ông ta, các cán bộ địa phương đủ sức tự tiến hành toàn bộ công việc cần thiết.

- Thăng cha Adamovich này của các anh là đồ đầu! - ông ta hét lên trong ống nói. Hẳn, theo thông tin của chúng tôi, đã chạy sang bọn Đức rồi!

Mạng liên lạc chính phủ cho tôi khả năng nghe những lời giận dữ của ông ta. Beria rõ ràng không muốn đáp lại giọng điệu thô lỗ như vậy trước sự có mặt của tôi, và trong khả năng có thể ông ta nói nhẹ nhàng:

- Nikita Xergeevich ạ, ở đây có thiếu tá Xudoplatov, phó chỉ huy tình báo của chúng ta. Tự anh ấy chịu trách nhiệm về chiến dịch của Adamovich. Anh có thể nhận được chỗ anh ấy lời đáp về bất cứ thắc mắc. Cảm ông nghe, tôi bắt đầu giải thích rằng Adamovich là một cán bộ giỏi, biết nhiều về Ba Lan. Nhưng Khrusev không thèm nghe lời giải thích của tôi và cắt ngang. Ông ta tin chắc rằng Adamovich đang ở chỗ bọn Đức và phải nhanh chóng tìm ra hoặc bắt cóc anh ta. Tiếp theo ông ta tuyên bố rằng sẽ bẽ gãy tôi nếu tiếp tục ương bướng, bao che cho những tên kẻ cướp và đầu cang như KostLevitskv và Adamovich. Ông ta giận dữ ném ống nghe không chờ lời đáp của tôi.

Phản ứng của Beria là sự kìm nén.

- Sau hai ngày, ông ta nhấn từng lời, phải tìm ra Adamovich sống hoặc chết. Nếu anh ta sống, lập tức đưa ngay về Moskva, trong trường hợp không thi hành mệnh lệnh của Ủy viên Bộ Chính trị anh sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm, vì có tính đến các mối liên hệ của anh với kẻ thù của nhân dân trong lãnh đạo cơ quan tình báo cũ.

Tôi bước ra khỏi văn phòng với tâm hồn nặng trĩu. Sau mười phút điện thoại của tôi bắt đầu réo không ngừng. Phản gián, biên phòng, chỉ huy các quận công an NKVD Ucraina và Beloruxia tất cả đòi ảnh của Adanovich. Theo chỉ thị riêng của Beria đã bắt đầu sự truy nã toàn liên bang. Qua hai ngày nhưng không sao lần ra dấu vết Adamovich. Tôi hiểu rằng tôi đang chờ những hiểm họa khó chịu. Thế nhưng vào thời điểm cuối tôi đã quyết định gọi điện thoại cho vợ của Adamovich đang sống ở Moskva. Theo các nguồn tin tôi có, trong cách xử sự của cô vào những ngày cuối không có gì đáng ngờ. Như tình cờ tôi hỏi cô trò chuyện với chồng mình lần cuối là bao giờ. Tôi thật kinh ngạc, cô cảm ơn tôi vì cú gọi này và nói rằng chồng cô hai ngày cuối này đang ở nhà anh ta bị chấn động thần kinh và các bác sĩ từ bệnh viện NKVD cấm anh ta dậy khỏi giường ít ra là trong mấy ngày. Tôi vội gọi ngay cho tướng Novikov, phụ trách y tế của NKVD, và ông ta khẳng định rằng mọi sự đều đúng như thế.

Cần miêu tả hay không sự nhẹ nhõm mà tôi đã trải? Báo cáo với Beria như thông thường vào cuối ngày, tôi báo rằng Adamovich đang ở Moskva.

- Bị giam chứ? - Beria hỏi.

- Không, - tôi đáp và bắt đầu giải thích tình huống. Chỉ có hai chúng tôi trong văn phòng. Ông ta thô lỗ mắng tôi, sử dụng những lời mà không bao giờ tôi ngờ nghe thấy từ một ủy viên Bộ Chính trị. Điên khùng, ông ta vẽ những vòng tròn trên văn phòng rộng lớn của mình, hét những tiếng chửi rửa tôi và Adamovich, gọi chúng tôi là lũ ăn tục nói phét, lũ ranh vô trách nhiệm làm hổ danh NKVD trong mắt giới lãnh đạo Đảng.

- Tại sao anh im lặng? - ông ta chăm chăm nhìn tôi, bất ngờ ngừng tròng chửi của mình.

Tôi đáp rằng đầu tôi đau khủng khiếp.

- Vây thì - Beria ném ra, - về nhà đi.

Trước khi rời đi tôi đã ghi lệnh bắt Adamovich và ghé vào chỗ Merkulov để ký nó. Thế nhưng khi tôi giải thích với ông ta, ông ta cười vào mũi tôi và xé tờ giấy ngay trước mặt tôi. Vào thời điểm ấy đầu tôi đau không thể chịu nổi, và sĩ quan y tế NKVD đã chở tôi về nhà. Sáng hôm sau thư ký của Beria gọi điện thoại cho tôi, anh ta rất ngắn gọn và đầy vẻ công việc - bộ trưởng lệnh cho tôi ở nhà ba ngày để chữa bệnh, nói thêm rằng ông chủ gửi cho tôi chanh nhận được từ Gruzia. Các điều tra cho thấy: Adamovich, uống say tại nhà hàng ở nhà ga Tsernovets, trong buồng vệ sinh đã dấy vào một vụ ẩu đả và nhận một cú đánh mạnh vào đầu gây nên chấn động não. Trong trạng thái ấy anh ta còn ngồi lên được chuyến tàu Moskva, quên báo tin cho Fiser (Abel). Trong lúc đánh nhau những tấm ảnh mà anh ta cần cho bốn điệp viên của chúng ta xem, đã bị mất. Thực ra, sau đó chúng đã được các cán bộ NKVD Ukraina phát hiện ở nhà ga, họ cho rằng điệp viên Abwehr gây ra vụ ẩu đả khi cố bắt cóc Adamovich. Sự việc kết thúc là Adamovich bị đuổi khỏi NKVD và thoát đầu người ta cất nhắc làm thứ trưởng Bộ Ngoại giao Uzbekistan, sau đó lên chức bộ trưởng. Tôi thấy anh ta một lần trong buổi diễn đầu tiên của nhà hát ở Moskva vào đầu những năm 50, nhưng chúng tôi đã không chào hỏi nhau.

Thật bất hạnh, mâu thuẫn của tôi với Xerov và Khrusev chưa chấm dứt ở đó. Xerov bị dính vào một vụ tình ái với ca sĩ opera Ba Lan Bandrovskaya-Turkka. Tại Moskva ông ta tuyên bố rằng tự mình chiêu mộ bà ta. Tất cả rất khoái trá - ca sĩ nổi tiếng khắp châu Âu mà và trước chiến tranh thường đi lưu diễn ở Moskva và các thủ đô châu Âu khác. Niềm hân hoan rồi cũng chóng qua: với sự đồng ý của Xerov bà ta đi sang Rumani, ở Bucarest bà ta thắng thường từ chối gặp trưởng nhóm điệp viên - cố vấn đại diện chính trị. Cả Khrusev, cả Beria lúc ấy đều nhận được thư từ các cán bộ NKVD Ukraina, khép Xerov vào tội chơi trò chim chuột.

Xerov bị gọi gấp về Moskva. Tôi đã có mặt tại văn phòng Beria vào lúc ông ta đề nghị Xerov giải thích các hành động của mình và trả lời cho sự buộc tội ông ta. Xerov nói rằng ông ta đã xin phép Khrusev về chuyện tình ái với Bandrovskaya-Turkka, và điều đó được gọi nên bởi những đòi hỏi tác chiến. Beria cho phép ông ta gọi cho Khrusev, nhưng ông kia vừa nghe Xerov gọi, liền chửi ngay:

- Đồ chó đẻ, - ông ta quát vào ống nói, - muốn kéo ta vào các vụ tình ái để bôi nhọ hả? Hãy chuyển ống nghe cho đồng chí Beria!

Tôi nghe thấy Khrusev nói với Beria những lời sau:

- Lavrenti Pavlovich! Anh muốn làm gì với con chim miệng còn hơi sữa ấy thì làm! Nó chẳng có kinh nghiệm gì. Nếu cần thiết, hãy để nó lại chỗ làm việc cũ. Không hãy trừng phạt theo quy định. Chỉ đừng lôi tôi vào vụ này và vào các trò chơi của các anh với bọn lưu vong Ukraina.

Beria bắt đầu chửi Xerov không tiếc lời, dọa đuổi khỏi cơ quan, gọi anh ta là kẻ đĩ bợm, lăng mạ và hạ nhục đủ thứ. Nói thực, tôi thấy khó xử có mặt tại văn phòng lúc ấy. Sau đó bất ngờ Beria đề nghị Xerov thảo luận với tôi tìm cách thoát khỏi chuyện khó chịu này. Chúng tôi đi đến kết luận rằng Xerov không nên tìm cách liên lạc với Bandrovskaya-Turkka.

Việc bà ta sang Rumani là một sự kiện đáng buồn, bởi những buổi diễn của nữ ca sĩ ở Lơvov hay ở Moskva hẳn gây ảnh hưởng thuận lợi đến dư luận quần chúng ở Ba Lan và Tây Âu. Cuối năm 1939 và đầu năm 1940 nó có thể cho thấy ở Galitsyn tình hình là bình thường và khá yên ổn. Trong chuyện này việc trốn chạy của nữ ca sĩ là một đòn giáng vào thanh danh Khrusev, kẻ không ngừng khẳng định rằng Moskva chẳng có gì phải lo lắng, bởi sự Xô viết hoá của Tây Ucraina diễn ra thuận lợi, và sự ủng hộ quá trình này của các nhà hoạt động văn hoá nổi tiếng của Ucraina và Ba Lan đã chứng minh điều đó.

Uy tín của Khrusev bị tổn thương cả trong kết quả của những vấn đề khác. Thí dụ, năm 1939 một trong những chỉ huy du kích của chúng ta, đại úy Prokopiuk trở về từ Tây Ban Nha. Một cán bộ tác chiến giàu kinh nghiệm, anh hoàn toàn phù hợp để được đề cử vào chức vụ phụ trách Cục NKVD Ucraina, chuẩn bị các cộng tác viên để tiến hành những chiến dịch du kích trong trường hợp chiến tranh với Ba Lan hay Đức. Nghe đề nghị của chúng tôi, lập tức Khrusev gọi cho Beria phản đối quyết liệt. Beria gọi Kruglov phó của mình về cán bộ và tôi đến, bởi chính tôi đã ký giới thiệu cho Prokopiuk. Sự phản đối của Khrusev năm 1938 về người anh của Prokopiuk, thành viên hội đồng bộ giáo dục Ucraina, đã bị xử bắn như “một gián điệp của Ba Lan”. Khrusev nghe Beria phê bình tôi và Kruglov, bởi vì chúng tôi cử đến Kiev một người dù giỏi trong nghiệp vụ nhưng không phù hợp đối với lãnh đạo đảng địa phương.

Người Khrusev cho là “phù hợp”, đó là Uxpenxky mà trước đây Khrusev đem theo về Ucraina với tư cách người đứng đầu NKVD. Ở Moskva ông ta lãnh đạo cục NKVD địa phương và làm việc trực tiếp dưới sự lãnh đạo của Khrusev. Tại Ucraina Uxpenxky năm 1938 đã tiến hành những vụ thanh trừng mà kết quả là trong số thành viên trong BCHTU ĐCS Ucraina cũ - hơn 100 người - chỉ ba người không bị bắt.

Vừa đến Kiev, Uxpenxky gọi các cán bộ đến gặp và tuyên bố rằng không cho phép thái độ trung lập, tính mềm yếu và sự xét đoán dài dòng như trong thượng viện. Ai không muốn làm việc với ông ta, có thể đưa đơn. Tiềm thể, một số bạn bè của vợ tôi đã làm thế, lợi dụng lời đề nghị này. Trước sự có mặt một đám đông thính giả, Uxpenxky đã ký chuyển họ sang quân dự bị hoặc đề cử hạ cấp chức vụ - ra ngoài phạm vi Ucraina. Uxpenxky chịu trách nhiệm về sự tra tấn và thanh trừng hàng loạt, trong khi Khrusev, một trong số ít ủy viên Bộ Chính trị, trực tiếp tham gia cùng Uxpenxky vào các cuộc hỏi cung những người bị bắt.

Năm 1938 khi Ejov bị thất sủng và đã bắt đầu sự săn đuổi cán bộ Treka - “những kẻ phản bội”, Uxpenxky mưu toan chạy ra nước ngoài. Ông ta vớ theo mấy quyển hộ chiếu trắng và lẫn mất, sau khi bày ra một vụ tự tử, nhưng thi thể “kẻ trầm mình” đã không được phát hiện. Khrusev hoảng loạn xin Stalin và Beria thông cáo truy nã Uxpenxky. Những cuộc kiểm tìm được tiến hành khá gấp rút, và nhanh chóng chúng tôi hiểu ra là vợ của Uxpenxky biết: ông ta ẩn trốn đâu đó. Bằng cách xử sự của mình bà ta không có ý bán đứng ông chồng, nhưng chúng tôi thấy rõ điều đó. Rốt cuộc ông ta ra tự thú ở Xibir sau khi nhận ra ở Omxk một nhóm đang theo dõi mình.

Từ bấy đến giờ mỗi khi nói về việc sử dụng ai đó trong số sĩ quan Ucraina, lãnh đạo chúng ta ngay đó viện dẫn vụ Uxpenxky, nhắc lại những lời Khrusev đã nói nhân việc này: “Không thể tin cậy ai trong số Treka đã làm việc với ông ta”.

Trong lúc hỏi cung Uxpenxky khai họ rất gần gũi với Khrusev, hai nhà kết thân, và tìm đủ cách thuyết phục tất cả rằng ông ta đơn giản chỉ là một người lính ngoan ngoãn của Đảng. Hành vi Uxpenxky đóng một vai trò nguy hại trong số phận vợ ông ta - bà bị bắt ba ngày sau khi ông ta đầu thú với chính quyền. Bị tuyên án tử hình vì giúp chồng trong việc tổ chức chạy trốn, bà đệ đơn xin tha, và ở đây, như Kruglov kể với tôi, Khrusev đã can thiệp vào: ông ta đề nghị Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao bỏ đơn xin khoan hồng của bà.

Câu chuyện này gây cho tôi một ấn tượng mạnh. Kruglov quá quen với thực tiễn công tác của BCHТУ (trước NKVD ông công tác trong bộ máy BCHТУ), khẳng định rằng các ủy viên Bộ Chính trị có thể trực tiếp can thiệp vào sự quyết định số phận mọi người, đặc biệt là các thành viên những gia đình kẻ thù của nhân dân. Trong lưu trữ danh sách các bà vợ của những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng, Hồng quân và NKVD bị kết án tử hình, tôi cũng đã tìm ra cả tên của vợ Uxpenxky. Án tử hình bà cũng như các bà vợ khác của những lãnh đạo bị thanh trừng, đầu tiên được phê chuẩn bởi cấp Đảng cao nhất.

6. Đêm trước của cuộc chiến với Hitler và sự mâu thuẫn của các tin tức tình báo

Sau khi được đề cử làm phó cục trưởng Cục tình báo tháng 3-1939 tôi nhắc Beria về Zubov vẫn nằm trong tù do không thực hiện lệnh chi tài chính cho cuộc đảo chính ở Nam Tư. Con người này, tôi nói với Beria - rất trung thành và là một sĩ quan tình báo giàu kinh nghiệm. Beria biết Zubov trong suốt mười bảy năm, làm ra vẻ không nghe thấy gì, dù chính Zubov có vai trò đáng kể trong việc Beria có thể leo lên đỉnh cao quyền lực. Năm 1922 Zubov đứng đầu cục tình báo theo dõi các mối liên hệ bí mật của bọn melsevich Gruzia và mạng tình báo của chúng ở Thổ Nhĩ Kỳ. Trên cơ sở thông tin của Zubov, Beria báo với Dzerjinxky và Lenin về cuộc mưu loạn và kế hoạch trấn áp nó. Báo cáo này được thảo luận tại Hội nghị BCHT Đảng và thực tế là cơ sở để đề cử Beria giữ chức vụ phụ trách GPU ngoại Kavkaz. Zubov vẫn giữ quan hệ thân hữu với chính Beria và với phó của ông ta Bogdan Kobulov: mỗi khi đến Moskva, Kobulov đều ở lại căn hộ của Zubov.

Mùa thu 1939, sau khi Đức chiếm Ba Lan, lọt vào tay đại tá Xtanixlav Xoxnovxkyb, cựu lãnh đạo cơ quan đặc biệt Ba Lan ở Berlin, và công tước Ianus Radzivill, một ngài thượng lưu Ba Lan giàu có, có sức nặng chính trị đáng kể bị ta bắt. Cả hai bị nhốt ở Lubianka để đào luyện một cách tích cực.

Nhằm cứu Zubov tôi đề nghị Beria xếp ông vào cùng một xà lim với đại tá Xoxnovxky. Zubov nói thạo tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Gruzia. Beria đồng ý, và Zubov được chuyển từ Lefortov nơi ông bị đánh đập dã man theo lệnh của chính Kolubov. Kẻ tra tấn ông là Rodos nổi tiếng thần sầu cổ moi từ ông lời thú tội: Zubov bị đánh nát hai đầu gối. Kết quả Zubov trở nên tàn phế, nhưng ông không chịu tự tuyên án bản thân.

Xergienko, phụ trách bộ phận điều tra chống lại việc chuyển Zubov từ Lefortov sang Luabianka, dù tôi đã giải thích với ông ta rằng mối quan tâm của tôi tới Zubov được gọi nên đơn thuần bởi các ý đồ tác chiến và đã được thỏa thuận với Beria. Đáp lại điều đó Xergienko từ chối di chuyển Zubov, tuyên bố:

- Tôi sẽ trực tiếp báo cáo về trường hợp này với bộ trưởng. Thằng đêu Zubov từ chối thú nhận tội, tôi không thi hành mệnh lệnh trực tiếp của lãnh đạo!

Đến lượt tôi báo cáo với Beria rằng Xergienko khước từ thi hành mệnh lệnh. Ngay đó Beria vớ ống nói, gọi Xergienko và trách cứ ông ta, nói rằng nếu sau mười lăm phút ông ta không thi hành lệnh, thì ông ta sẽ không giữ nổi đầu mình. Xergienko cố phản đối, nhưng Beria không thèm nghe ông ta lý giải.

Beria thường khá thô lỗ trong giao tiếp với các quan chức cao cấp, nhưng với cán bộ loại bét, như thường lệ, trò chuyện một cách lịch sự. Muộn hơn tôi đã tự khẳng định được rằng các nhà lãnh đạo thời ấy cho phép bản thân thô lỗ chỉ đối với thành phần lãnh đạo, chứ với những người tầm thường thì lại xử sự với vẻ lịch sự nhấn mạnh.

Zubov nằm với Xoxnovsky cùng một xà lim đã tác động đến sự tuyển mộ ông này. Ông thuyết phục ông ta rằng cộng tác với các cơ quan đặc biệt của Đức hoặc của Ba Lan không hứa hẹn cho ông ta một viễn cảnh nào, vì thế ông nên cộng tác với tình báo Xô viết. Những năm 30, Xoxnovsky vốn là phụ trách tình báo Ba Lan ở Berlin, lãnh đạo một mạng lưới điệp viên khá có hiệu quả. Ông ta xuất hiện dưới vẻ một quý ông thượng lưu chủ một trại ngựa. Ông ta cài các điệp viên của mình, mà chủ yếu là phụ nữ trẻ quyến rũ, vào bộ tham mưu đảng quốc xã và ban thư ký Bộ Ngoại giao. Năm 1935 Gestapo đã lật tẩy được phần lớn mạng điệp viên của ông ta, còn bản thân Xoxnovsky bị bắt vì tội gián điệp. Ông ta khai với các điều tra viên ở Lubianka rằng các điệp viên bị phát giác đã bị tử hình trong tù tại Pletsenzea ngay trước mắt ông ta. Người Đức đổi ông ta lấy kẻ lãnh đạo cộng đồng Đức tại Ba Lan bị buộc tội làm gián điệp cho nước Đức.

Năm 1937 tòa án quân sự ở Varsava kết án Xoxnovsky do tiêu tán tiền bạc trích cho tình báo, và ông ta đã trải qua thời hạn tù ở Đông Ba Lan. Hai năm sau các đơn vị Hồng quân giải phóng nhà tù. Từ nhà tù Ba Lan ông ta được “chuyển sang” nhà tù NKVD.

Từ Xoxnovsky chúng tôi nhận được thông tin là hai trong số điệp viên của ông ta vẫn còn tiếp tục hoạt động. Ngoài ra ông ta đưa ra ý tưởng sử dụng các mối liên lạc của công tước Radzivill và làm ông kia trở thành kẻ môi giới giữa lãnh đạo chúng ta và Hermann Goering, một trong các phó của Hitler. Xoxnovsky đã cộng tác sau khi được xem các tư liệu về mạng điệp viên của ông ta tại Berlin và ông ta hiểu ra rằng chúng ta biết tất cả về quá khứ của ông ta. Đó là một người biết quá nhiều. Sự kiểm soát ông ta giúp chúng ta sử dụng hai nguồn thông tin quan trọng của ông ta có ở Đức, - chúng vẫn cần cho chúng ta vào năm 1940 và hai năm đầu của cuộc chiến tranh.

Sau khi Zubov đánh giá được khả năng tiềm tàng của Xoxnovsky đối với tình báo và giúp chiêu mộ ông ta, tôi đề nghị dùng Zubov với tư cách người cùng xà lim với công tước Radzivill. Beria đồng ý với đề nghị của tôi. Zubov được chuyển sang xà lim của Radzivill, và ông đã ở đấy trong vòng một tháng.

Đến thời gian ấy điều kiện giam giữ Zubov có thay đổi: ông được phép ăn trưa và ăn tối tại văn phòng của tôi, thức ăn do chúng tôi đặt ở căng tin cơ quan, vẫn còn bị canh giữ, ông được cảnh vệ dẫn đi khám bệnh ở bệnh viện của NKVD. Cuối cùng, năm 1941, ông được tha, và tôi nhận ông vào làm trưởng ban trong bộ máy của mình. Ông làm việc trong cơ quan đến hết chiến tranh, nhưng năm 1946, khi Abakumov trở thành bộ trưởng An ninh quốc gia, Zubov đành phải vội thôi việc. Vào thời của mình chính Abakumov đã dính líu đến vụ án Zubov và ra lệnh đánh đập dã man Zubov.

Tự Beria chuyên trách vụ công tước Radzivill. Ông ta thuyết phục được Radzivill rằng ông kia phải đóng vai trò người trung gian giúp chính phủ Liên Xô và Goering để làm sáng tỏ một số vấn đề tế nhị trong quan hệ hai nước. Chúng tôi giữ trong tầm nhìn Radzivill từ giữa những năm 30 và biết rằng công tước đã tiếp Goering tại thái ấp của mình gần Vilnius nơi y thích đi săn (sau này phần lãnh thổ này thuộc Litva). Tiện thể, trong hồi ký của mình Radzivill nhớ về những cuộc gặp gỡ với Beria mà khi từ biệt với ông có lần đã nói: “Những người như ngài, công tước ạ, bao giờ cũng cần cho chúng tôi.”

Đại diện các dòng họ danh tiếng của Anh, Italia và Thụy Điển đã chạy vạy xin phóng thích cho Radzivill. Năm 1940 sau khi Beria chiêu mộ ông, tôi tổ chức cho Radzivill sang Berlin. Từ Berlin chúng tôi nhận được tin về ông: người ta thấy ông thường xuyên tại các cuộc đón tiếp ngoại giao trong nhóm của Goering. Cũng năm đó tôi được lệnh soạn thảo các phương án tiếp cận liên lạc với ông qua điệp viên của mình. Chúng tôi quyết định trong trường hợp này liên lạc với công tước theo các kênh công khai, bởi ông là nhân vật đáng kể trong xã hội và có thể tự do đến thăm sứ quán Xô viết mà không gây ngờ vực. Phần riêng, ông có thể quan tâm đến số phận tài sản của dòng họ đang nằm trên lãnh thổ bị chiếm đóng.

Năm 1940 ông hai lần gặp nhóm trưởng tình báo NKVD ở Berlin Amaiak Kobulov. Thế nhưng Kobulov không nhận được chỉ dẫn nào về sử dụng tác chiến vị công tước Ba Lan trong các tiếp xúc với người Đức. Chúng tôi không tin lắm vào sự thành thật của Radzivill và vì thế không quyết định nhờ đến ông ta, hơn nữa các tiếp xúc chính trị của ông không hứa hẹn lợi ích tức thì nào. Trước khi nước Đức gây chiến ta, thực tế không có vấn đề gì cần phải dùng ông để thăm dò quan điểm của Đức: bởi suốt thời gian đó Molotov và đại sứ Dekanozov vẫn giữ quan hệ mật với Ribbentrop và đại sứ Đức Sullenburg. Đã rõ là Radzivill không có cách tiếp cận đến thông tin có tính chất quân sự chiến lược. Quyết định của chúng tôi quy tụ lại là thể hiện mức kiên nhẫn tối đa và đơn thuần chờ cho đến khi Radzivill đi sang Thụy Sĩ hoặc Thụy Điển, nơi ông sẽ ở ngoài tầm kiểm soát của người Đức, và chỉ ở đấy sẽ lập mối tiếp xúc với ông. Như tôi biết, ông đã không đi sang các nước đó. Sau khi Hitler tấn công Liên Xô, Radzivill hầu như lùì vào bóng tối, nhưng theo các tin tức của chúng ta, vẫn ở lại Đức và thường đi lại Ba Lan, hưởng thụ cuộc sống đến mức có thể. Năm 1942 dấu vết của ông bị mất một thời gian. Nhìn lại, tôi thấy rằng chúng ta rõ ràng đã đánh giá quá cao những liên hệ riêng của Radzivill và ảnh hưởng của ông ta tới Goering...

Nữ nghệ sĩ nổi tiếng Olga Tsekhova, vợ cũ của cháu nhà văn danh tiếng vốn thân với Radzivill và Goering thông qua họ hàng ở ngoại Kavkaz có quan hệ với Beria. Muộn hơn bà có quan hệ riêng tư trong những năm 1946-1950 với bộ trưởng An ninh quốc gia Abakumov người thay thế Beria. Thoạt đầu dự định dùng bà để liên lạc với Radzivill. Chúng tôi có kế hoạch ám sát Hitler mà Radzivill cùng với Olga Tsekhova có thể, nhờ sự trợ giúp của bạn bè trong giới thượng lưu Đức đảm bảo cho điệp viên chúng ta tiếp cận Hitler. Nhóm điệp viên được ném sang Đức và hoạt động bí mật ở Berlin trực thuộc hoàn toàn Igor Miklasevsky đến Đức vào đầu năm 1942.

Cựu vô địch quyền Anh Miklasevsky đóng vai một người Xô viết vượt biên, ở Berlin đã có tên tuổi không ít sau khi quen với vô địch quyền anh Đức Maks Smeling khoảng 1942-

1943 và được thư giới thiệu của anh ta. Miklasevsky ở lại Berlin đến năm 1944.

Ông chú của Miklasevsky chạy khỏi Liên Xô vào đầu chiến tranh và trở thành một trong những phần tử tích cực của ủy ban chống bolsevich của Đức vì sự giải phóng Liên Xô. Y với niềm kiêu hãnh đón người cháu, giúp anh bất cứ điều kiện nào như với một kẻ thù chính trị của chính quyền Xô viết. Năm 1942 Miklasevsky tại một buổi tiếp đãi đã gặp Olga Tsekhoya. Anh báo về Moskva rằng có thể dễ dàng loại bỏ Goering, nhưng Kremli không thể hiện mối quan tâm đặc biệt tới điều đó. Năm 1943 Stalin từ bỏ kế hoạch ám sát Hitler, bởi vì ông ta sợ: Ngay khi vừa loại bỏ Hitler, các giới phát xít và quân sự sẽ cố ký kết hiệp ước hòa bình riêng rẽ với đồng minh mà không có sự tham gia của Liên Xô.

Những nỗi sợ như thế không phải không có căn cứ. Chúng ta có thông tin về việc mùa hè năm 1942 đại diện Vatican ở Ankara theo sáng kiến của giáo hoàng Pius XII đã trò chuyện với đại sứ Đức Franks von Papen, thúc giục y sử dụng ảnh hưởng của mình để ký hiệp ước hòa bình riêng rẽ giữa Anh, Mỹ và Đức. Ngoài tin tức này từ trưởng nhóm tình báo ở Ankara, tình báo Xô viết ở Roma cũng báo về cuộc gặp gỡ của giáo chủ Ronkalli, (muộn hơn trở thành giáo hoàng Joan XXIII) với von Papen. Các hiệp ước riêng rẽ tương tự hẳn sẽ hạn chế ảnh hưởng của chúng ta ở châu Âu, loại trừ Liên Xô trong tương lai khỏi liên minh châu Âu. Không ai trong số lãnh đạo điện Kremli muốn để một hiệp định tương tự được ký kết. Stalin ra lệnh thủ tiêu von Papen, bởi vì y chính là nhân vật chủ chốt mà các ý đồ của người Mỹ và người Anh được chọn lựa trong trường hợp ký kết hiệp ước riêng rẽ. Thế nhưng như tôi đã nhớ lại trên đây, vụ mưu sát bị thất bại, bởi sát thủ người Bungari đã nỗ lực đạn sớm trước thời hạn và chỉ làm von Papen bị thương nhẹ.

Chúng tôi có tin, dù không chi tiết lắm, về tiếp xúc trực tiếp của người Mỹ với von Papen ở Stambul.

Miklasevsky chạy sang Pháp năm 1944 sau vụ thủ tiêu ông chú mình. Tại Pháp anh ở suốt hai năm sau khi đã kết thúc chiến tranh, lần vết bọ theo Vlasov chạy sang phương Tây - tàn quân của trung tướng Vlasov phản bội. Năm 1947 Miklasevsky trở về Liên Xô, được tặng huân chương Cờ đỏ và phục hồi lại sự nghiệp quyền Anh mà anh trung thành cho đến tận lúc về hưu.

Người ta đã viết không ít về việc chúng ta nắm những tin tình báo nào trước khi bắt đầu cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Việc Stalin bình thản chờ sự xâm lược thay vào chỗ kịp thời báo động cho quân đội, thường được lý giải là một trong những nguyên nhân thất bại và tổn thất nặng nề mà Hồng quân đã gánh chịu năm 1941. Nói chung thì tôi đồng tình rằng giới lãnh đạo đất nước đã không thể đánh giá đúng thông tin nhận được theo các kênh tình báo, nhưng trước hết nên phân tích vấn đề cái thông tin này là gì.

Tình báo NKVD đã báo về mối đe dọa của chiến tranh từ tháng 11-1940. Đến thời gian này Jurablev và Zoia Rubkina đã viết báo cáo tác chiến có tên "Bày trò" trong đó thu thập những tin tức quan trọng nhất về mối đe dọa quân sự của Đức. Trong cặp hồ sơ này có những tài liệu rất gây lo lắng cho giới lãnh đạo Liên Xô, bởi chúng đặt sự nghi ngờ vào tính chân thật các đề nghị phân chia thế giới giữa Đức, Liên Xô, Italia và Nhật Bản mà Hitler đề đạt với Molotov vào tháng 11-1940 tại Berlin. Theo các tài liệu này chúng ta dễ dàng hơn lần theo sự phát triển các sự kiện và báo cáo với lãnh đạo Xô viết về những xu thế cơ bản

của đường lối của Đức. Các tài liệu trong hồ sơ “Bày trò” thường được báo với Stalin và Molotov, còn họ sử dụng thông tin của chúng tôi vừa để hợp tác vừa để đối chọi với Hitler.

Dù các tin tình báo nhận được đã vạch trần ý đồ của Hitler tấn công Liên Xô, thế nhưng nhiều tin tức mâu thuẫn nhau. Trong chúng thiếu sự đánh giá tiềm năng quân sự của Đức: các đơn vị xe tăng và không quân bố trí trên biên giới và có khả năng chọc thủng tuyến phòng thủ của các đơn vị Hồng quân. Không ai trong cơ quan an ninh quốc gia nghiên cứu nghiêm túc tương quan lực lượng trên biên giới Xô - Đức. Đây chính lý do tại sao cú giáng của Hitler phần nhiều là bất ngờ đối với các tướng lĩnh, kể cả đối với nguyên soái Jukov lúc đó là Tổng tham mưu trưởng Bộ tổng tham mưu. Trong hồi ký của mình ông thú nhận là không hình dung nổi kẻ thù lại có khả năng cho những chiến dịch tấn công quy mô đến thế với những tập đoàn quân xe tăng hoạt động đồng thời trên mấy hướng.

Trong các số liệu tình báo đã bỏ sót sự đánh giá chất lượng chiến lược “chiến tranh chớp nhoáng” của Đức. Theo các trò chơi quân sự chiến lược Đức, chúng ta biết rằng cuộc chiến tranh kéo dài đòi hỏi nguồn dự trữ kinh tế bổ sung và đã cho rằng, nếu chiến tranh nổ ra, thì trước hết Đức phải cố chiếm Ucraina và các vùng giàu dự trữ nhiên liệu để bổ sung dự trữ lương thực. Đó là một sai lầm lớn: tình báo quân đội và NKVD đã không thể thông tin đúng cho Bộ Tổng tham mưu rằng mục đích của quân đội Đức ở Ba Lan và Pháp không phải là chiếm đất mà chính là nhằm bẻ gãy và tiêu diệt sức mạnh quân sự của đối phương.

Ngay khi Stalin biết về việc bộ tham mưu Đức tiến hành tập trận, ông ta lập tức hạ lệnh giới thiệu sức mạnh công nghiệp quân sự Xibir với tham tán quân sự Đức ở Moskva. Tháng 4-1941 y được phép đi thăm các nhà máy quân sự mới sản xuất xe tăng cấu tạo mới nhất và máy bay. Qua tổ tình báo của mình ở Berlin chúng tôi truyền đi tin đồn trong các bộ không quân và kinh tế rằng chiến tranh với Liên Xô sẽ trở thành bi kịch đối với Hitler, đặc biệt nếu chiến tranh kéo dài và được tiến hành trên hai mặt trận. Ngày 10-1-1941 Molotov và đại sứ Đức ở Moskva Fridric Von Der Shuïenburg ký một biên bản mật về sự điều chỉnh các vấn đề lãnh thổ ở Litva. Nước Đức từ bỏ các mối quan tâm của mình tại một số tỉnh của Litva và bù lại nhận được 7,5 triệu đôla Mỹ. Thời ấy tôi không biết về sự tồn tại của biên bản này. Tôi chỉ được cho biết ngắn gọn rằng chúng ta đã đạt được thỏa thuận với Đức về các vấn đề lãnh thổ ở vùng Baltic và về hợp tác kinh tế cho năm 1941.

Tin tức về ngày bắt đầu chiến tranh của Đức với Liên Xô đến với chúng tôi là mâu thuẫn nhất. Từ Anh và Mỹ chúng tôi nhận được từ các nguồn tin cậy rằng vấn đề tấn công Liên Xô của người Đức phụ thuộc vào sự thỏa thuận ngầm với chính phủ Anh, bởi tiến hành chiến tranh trên hai mặt trận là một việc quá nguy hiểm.

Từ đại diện chính trị của ta tại Washington Umanxky và nhóm trưởng tình báo ở New York Ovakimian có các tin tức cho chúng tôi rằng cộng sự của tình báo Anh Montgomeri Haid hoạt động cho William Stivenson từ trung tâm điều phối an ninh Anh ở Empire-Star buiding đã ném được “tin vịt” vào sứ quán Đức tại Washington. Tin giả là đáng giá: nếu Hitler nghĩ chuyện tấn công Anh, thì người Nga sẽ bắt đầu chiến tranh chống Hitler.

Phân tích thông tin chuyển về Liên Xô từ những nguồn tình báo quân đội và NKVD tin cậy nhất, thấy rõ rằng gần một nửa tin tức - trước tháng 5 và thậm chí tháng 6-1941 - đã khẳng định; phải, chiến tranh là tất yếu. Nhưng các tài liệu cũng chỉ ra rằng sự đụng độ với

chúng ta phụ thuộc vào việc nước Đức có điều chỉnh được quan hệ của mình với Anh hay không. Filby báo rằng văn phòng thủ tướng Anh soạn thảo kế hoạch về động độ quân sự giữa Đức và Liên Xô nhằm khiêu khích Đức. Trong văn bản vụ "Bert Đen" có viện dẫn thông tin nhận được từ Filby hay Kernkross về việc các điệp viên Anh truyền các tin đồn ở Mỹ về tính tất yếu của chiến tranh giữa Đức và Liên Xô; về như chúng ta sẽ bắt đầu trước, mà đòn cảnh báo định giáng xuống ở Nam Ba Lan. Chiếc cặp với các tài liệu này ngày một căng phồng hơn. Đến với chúng tôi những cứ liệu mới về việc phía Anh đang gieo nỗi sợ hãi trong những kẻ lãnh đạo chớp bu Đức liên quan với sự chuẩn bị chiến tranh của Liên Xô. Chúng tôi còn nhận các tin về những tiếp xúc tăng cường có tính chất thăm dò của các đại diện Anh với Đức trong sự tìm kiếm hướng giải quyết xung đột quân sự châu Âu.

Trong khi đó theo lời Beria, Stalin và Molotov đã quyết định ít nhất kìm hãm được xung đột quân sự và cố làm tình hình tốt lên khi ứng dụng kế hoạch mà họ từ chối năm 1938. Kế hoạch này trù liệu lật đổ chính phủ Nam Tư đã ký hiệp định hợp tác với Hitler. Và thế là tháng 3-1941 tình báo quân đội và NKVD đã qua các nhóm trưởng của mình ủng hộ tích cực âm mưu chống lại chính phủ thân Đức ở Belgrad. Bằng cách ấy Stalin và Molotov hi vọng củng cố vị trí chiến lược của Liên Xô tại khu vực Balkan. Chính phủ mới chống Đức, theo quan niệm của họ, hẳn có thể lôi kéo các chiến dịch của Đức và Italia ở Hy Lạp.

Thiếu tướng Milstein phó chỉ huy tình báo quân đội được phái sang Belgrad để trợ giúp việc lật đổ bằng quân sự chính phủ thân Đức. Phía chúng tôi có Alakhverdov tham gia vào hành động đó. Đến thời điểm này nhờ Bộ Ngoại giao, tại Moskva chúng tôi đã tuyển mộ được đại sứ Nam Tư ở Liên Xô Gavrilovich. Fedotov, phụ trách phản gián và tôi cùng chiêu mộ ông ta. Thế nhưng chúng tôi có ấn tượng rằng ông ta chơi trò hai mặt, bởi vì hàng tuần vẫn liên lạc với các đại diện của Anh ở Moskva.

Một tuần sau cuộc đảo chính chúng ta đã ký hiệp ước giúp đỡ lẫn nhau với chính phủ mới ở Belgrad. Phản ứng của Hitler với vụ đảo chính này là thần tốc và khá hiệu quả. Ngày 6-4, một ngày sau ký kết hiệp ước, Hitler đã đổ quân vào Nam Tư - và chỉ sau hai tuần quân đội Nam Tư đã bị đánh tan. Hơn thế, Bungari, nơi quân đội Đức đi qua, dù thuộc khu vực các mối quan tâm của ta, đã ủng hộ người Đức.

Hitler cho thấy rõ rằng không xem bản thân bị ràng buộc bởi những hiệp định chính thức hay bí mật - các biên bản mật Hiệp ước Molotov - Ribbentrop đã dự liệu các cuộc tư vấn sơ bộ trước khi sử dụng các bước quân sự. Và dù cả hai bên tiến hành các vụ trao đổi tích cực về sự phân chia phạm vi ảnh hưởng từ tháng 11-1940 đến tháng 3-1941, trong quan hệ của họ vẫn giữ không khí không tin tưởng lẫn nhau. Hitler sửng sốt bởi các sự kiện ở Belgrad, còn từ phía mình, chúng ta cũng kinh ngạc không kém trước sự tấn công nhanh chóng của y vào Nam Tư.

Tôi buộc phải thừa nhận rằng chúng ta không ngờ sự thất bại nhanh và toàn diện như thế của Nam Tư. Trong thời gian các sự kiện ấy ngày 18-4-1941 tôi ký lệnh đặc biệt trong đó tất cả các nhóm trưởng ở châu Âu, đưa các hoạt động vào phù hợp với điều kiện thời chiến.

Tình báo quân đội cũng phát ra một chỉ lệnh tương tự về tuyển mình. Chúng tôi cũng lập kế hoạch phái sang Thụy Sĩ một nhóm các nhà tác chiến có kinh nghiệm, kể cả Afanaxiev

người Bungari. Họ cần là những mắt nối của các nguồn tin cậy với việc sử dụng vỏ bọc của mình tại nước Thụy Sĩ trung lập. Với nước này không có mối liên lạc trực tiếp, và các điệp viên phải đi tàu hỏa qua nước Đức, chuyển tàu ở Berlin. Đã có tăng cường các nhóm trưởng ở Đức và Ba Lan. Chúng tôi phái một số cán bộ tác chiến sang Berlin, chuyển họ đi từ Italia và Pháp. Đến thời gian này Bỉ đã bị chiếm đóng. Chúng tôi không phải luôn luôn kịp với sự phát triển thần tốc các sự kiện; chúng tôi không kịp cung cấp thiết bị thông tin, pin, các phương tiện cho điệp viên tại Đức; tệ hơn nữa, những người này không được huấn luyện đúng chỗ hoạt động tình báo và nghệ thuật liên lạc điện đài.

Dần dần chúng tôi bắt đầu chú ý hơn đến người tị nạn chính trị đến Moskva từ những nước bị Đức chiếm đóng. Trước khi chạy sang Anh, Benes ra lệnh thành lập đạo quân Tiệp Khắc mà đã được phái sang Ba Lan dưới sự chỉ huy của viên trung tá trẻ Xvoboda.

Sau những tiếp xúc sơ bộ với phụ trách tình báo ở Varsava, Xvoboda với đơn vị của mình di chuyển sang Tây Ucraina. Thực tế sau giải giáp đạo quân của ông ta, khi nhận được quy chế phái viên không chính thức, ông ta sống tại điểm hẹn mật và tại biệt thự của tôi ở ngoại ô Moskva. Makliarsky giữ liên lạc thường xuyên với ông ta. Chúng tôi giữ Xvoboda làm nguồn dự trữ. Vào tháng 5 và tháng 6, ngay trước khi bắt đầu chiến tranh, chúng tôi bàn với ông ta kế hoạch tổ chức các đơn vị Tiệp tại Liên Xô để sau đó ném họ vào hậu phương Đức tiến hành các chiến dịch du kích tại Tiệp Khắc. Tôi rất nhớ con người này - nhã nhặn và kiềm chế, xử sự một cách đường hoàng.

Trong khi đó Stalin và Molotov điều động các tập đoàn quân lớn từ Sibir đến biên giới với Đức. Quân đội đến nơi phòng thủ biên giới phía Tây trong suốt tháng 4, tháng 5 và đầu tháng 6. Vào tháng 5 khi Eitingon và Karida Mercader từ Trung Quốc về đến nơi, tôi ký chỉ lệnh chuẩn bị các nhóm di tản Nga và các dân tộc khác ở châu Âu để tham gia vào các chiến dịch tình báo trong điều kiện chiến tranh.

Hôm nay chúng ta rõ rằng, các cuộc hội ý kín của Hitler, Ribbentrop và Molotov về một hiệp định có thể mang tính chiến lược giữa Đức, Nhật Bản và Liên Xô đã tạo nên ở Stalin và Molotov một khái niệm hào huyền dường như có thể thỏa thuận được với Hitler. Đến tận thời điểm cuối cùng họ vẫn tin rằng uy tín của họ và tiềm lực quân sự được phô bày cho các nhà ngoại giao Đức, sẽ gia thêm thời hạn chiến tranh ít nhất thêm một năm, trong khi Hitler đang cố thu xếp một cách hòa bình các tranh cãi của mình với Anh. Stalin và Molotov bức tức với những quan điểm khác chống lại các kế hoạch chiến lược của họ về ngăn chặn độ quân sự. Điều đó lý giải những đánh dấu thô lỗ của Stalin lên báo cáo của Merkulov ngày 16-6-1941 trong đó nói về những dấu hiệu rõ ràng của cuộc chiến tranh đang đến gần. Cái sự kiện Stalin phong bản thân là người đứng đầu chính phủ vào tháng 5-1941 cho thấy rõ: ông ta sẽ đứng đầu các cuộc thương thuyết với Hitler và tự tin sẽ thuyết phục được y không khai chiến. Tuyên bố nổi tiếng của TASS ngày 14-6 khẳng định: ông sẵn sàng thương thuyết và lần này sẽ tự tiến hành chúng. Dù ở nước Đức khắp nơi triển khai chuẩn bị chiến tranh quy mô lớn, thêm nữa đã từ lâu Stalin và Molotov cho rằng Hitler chưa phê chuẩn quyết định cuối cùng tấn công nước ta và bên trong bộ chỉ huy quân sự Đức tồn tại những bất đồng nghiêm trọng về vấn đề này. Cũng kỳ lạ là tuyên bố của TASS phát ra đúng khi Hitler xác định ngày giờ tấn công Liên Xô. Cũng nên nhớ thêm mấy thời điểm ít được rõ

nữa.

Tháng 5-1941 máy bay Đức “Junkers-52” xâm nhập không phận Xô viết và, không bị phát hiện, đã hạ cánh thuận lợi xuống sân bay trung tâm ở Moskva gần sân vận động “Dinamo”. Điều đó đẩy lên sự cuồng cuồng trong Kremli và dẫn tới làn sóng phẫn nộ trong giới lãnh đạo quân sự: bắt đầu từ những vụ cách chức, sau đến các vụ bắt bớ và xử bắn giới chỉ huy cao cấp của lực lượng không quân. Vụ hạ cánh ngoạn mục này ở trung tâm Moskva cho Hitler thấy khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang Xô viết yếu kém đến mức nào.

Sự kiện thứ hai. Giới lãnh đạo quân sự và giới thân cận Stalin nuôi ảo tưởng dường như sự hùng hậu của Hồng quân ngang bằng sức mạnh của Đức quốc xã tập trung ở các biên giới phía Tây nước ta. Sao có sự tính toán sai lệch như vậy? Thứ nhất, lệnh tổng động viên mới được đưa ra năm 1939, và dù Hồng quân đã thiết lập được quân số của mình, nhưng nó không đủ những người có trình độ quân sự cao cấp, bởi hơn ba mươi nghìn cán bộ chỉ huy chủ chốt bị thanh trừng vào những năm 30. Số lượng học viện và trung cấp quân sự mở năm 1939 dù là đầy ấn tượng, nhưng vẫn chưa đủ. Thật ra, một nửa các quan chức quân đội cao cấp bị giam cầm được cho trở về từ các trại tập trung và nhà tù, nhưng họ rõ ràng là vẫn thiếu để xoay xở với việc huấn luyện toàn bộ đám đông tân binh. Jukov và Stalin đánh giá quá các khả năng của các tập đoàn quân xe tăng, bộ binh và không quân. Họ hình dung không hoàn toàn rõ ràng thế nào là cuộc chiến tranh hiện đại với sự phối hợp của tất cả các loại quân - bộ binh, không quân, xe tăng và thông tin. Họ có cảm giác rằng cái chính - đó là số lượng các sư đoàn có khả năng kìm hãm bất kỳ sự tấn công nào và ngăn cản sự tiến lên của Đức trên lãnh thổ Liên Xô. Bất chấp quan điểm của lãnh đạo, Tư lệnh hải quân Kuznetsov đã tỉnh táo đánh giá các khả năng thực tiễn của lực lượng hải quân và thế vượt trội của Đức. Dựa trên kinh nghiệm của Tây Ban Nha (ở đây ông là tùy viên hải quân), mùa xuân năm 1941 Kuznetsov nghiên cứu và đưa vào hệ thống sẵn sàng chiến đấu sơ bộ: báo động cấp 3 - các hỏa lực trực chiến sẵn sàng; báo động cấp 2 - tiếp nhận tất cả các biện pháp chuẩn bị chống trả sự tấn công có thể của kẻ thù; báo động cấp 1 - toàn bộ hạm tàu sẵn sàng nhanh chóng bắt đầu các hoạt động chiến đấu. Ấy nên tại sao các lực lượng hải quân của ta, bị tấn công bất ngờ ở biển Baltic và Biển Đen, đã có thể gần như không bị tổn thất và chống trả lại đòn giáng đầu tiên của địch.

NKVD và tình báo quân sự phải chịu trách nhiệm vì sự đánh giá không đúng tiềm năng hùng hậu của các lực lượng vũ trang Đức. Các cơ quan này quá bận rộn thu nhận thông tin chính trị và đã không chuyên tâm nghiên cứu về chiến thuật của Đức quốc xã.

Tôi nhớ rõ những ngày cuối trước chiến tranh. Eitingon vừa từ Trung Quốc trở về. Cùng với bà mẹ của Ramon Mercader, ba chúng tôi được Kalinin trong Kremli tặng thưởng vì hành động chống lại Trotsky ở Mexico. Bầu không khí có vẻ lạc quan và tự tin. Nhưng ngày 16-6 Fitin và Merkulov, bộ trưởng An ninh quốc gia, từ Kremli trở về - cả hai lo lắng điều gì đó. Fitin lập tức gọi tôi và Melnikov, phó của mình phụ trách Viễn Đông, và nói rằng Ông chủ (trong nội bộ, chúng tôi gọi Stalin như thế) thấy báo cáo của ông là mâu thuẫn và ra lệnh chuẩn bị đủ sức thuyết phục hơn về toàn bộ thông tin tình báo liên quan đến khả năng bắt đầu cuộc chiến tranh với Đức.

Khác với tướng Ivansutin và những tác giả hồi ký khác, tôi không nhớ các ghi chép đầy giân dữ của Beria trên các báo cáo của điệp viên “Chim ưng”: “Đó là tin giả của Anh. Tìm ra ai là tác giả sự khiêu khích này và trừng trị”. Nói chung tôi không nhớ một điệp viên nào có mặt danh “Chim ưng” cả. Ngoài ra, trong tình báo và cơ quan an ninh không có truyền thông viết trên các báo cáo những nhận xét dài dòng.

Cũng có thể là chỉ thị được quy cho Beria gọi về và trừng trị đại sứ ở Berlin Dekanozov, cựu phụ trách tình báo của NKVD, vì rằng ông đã dội bom bằng tin giả. Chính những người kia tuyên bố rằng Beria viết cho Stalin ngày 21-6, đề nghị gọi Dekanozov về, nhưng điều đó là ngoài thẩm quyền ông ta bởi vì Dekanozov chuyển sang Bộ Ngoại giao và báo cáo trực tiếp với Molotov.

Như đã nói ở trên, các tin tức tình báo về sự bắt đầu tấn công có thể của Đức là mâu thuẫn. Thế, Sorge báo về từ Tokyo rằng sự tấn công được lên kế hoạch ngày 1-6. Trong khi đó, tổ tình báo từ Berlin báo rằng nó là ngày 15-6. Trước đó, ngày 11-3, tình báo quân đội báo cáo rằng cuộc tấn công của Đức được dự định vào mùa xuân. Bức tranh càng rối thêm do dự định của lãnh đạo bắt đầu các thương thuyết với Đức.

Tại tiệc rượu tại sứ quán Đức ở Moskva mấy ngày trước khi bắt đầu chiến tranh Zoia Rubkina nhận thấy một số đồ trang trí và tranh bị tháo khỏi các bức tường, cô xác định những chỗ mới để lắp thiết bị nghe trộm, cô phát hiện rằng các nhân viên sứ quán đã đóng gói va li để ra đi. Điều đó làm chúng tôi rất lo lắng.

Trong khách sạn Metropol, Iakovlev, Raikhman và Riakhnoi, những cán bộ phối hợp các chiến dịch phản gián chống Đức ở Moskva đã bắt được hai tên Đức chuyển thư tín ngoại giao đi. Một bị nhốt trong cabin thang máy, trong khi đó tên thứ hai bị nhốt trong phòng tắm của buồng “hảo hạng” nơi chúng sống. Khi tên đưa tin hiểu rằng bị kẹt, hắn ấn nút gọi người giữ thang máy. Dĩ nhiên “cứu” hắn là các nhân viên phản gián mà trong năm phút họ có được, đã mở cặp ngoại giao của hắn trong buồng “hảo hạng” và chụp các thứ đựng trong đó. Trong số tài liệu tìm được thư của đại sứ Sullenburg gửi Ribbentrop, trong đó ông ta viết rằng có thể làm người trung gian trong điều chỉnh những mâu thuẫn Xô - Đức. Cùng lúc đó Sullenburg báo cáo rằng các chỉ dẫn về việc rút bớt thành phần viên chức sứ quán đã được thực hiện và các nhà ngoại giao đang rời về Đức theo lịch biểu ấn định. Dù các dấu hiệu cuộc chiến đang đến gần là rõ ràng, tài liệu này, địa vị của Sullenburg và uy tín cao của ông ta khẳng định rằng cánh cửa đến sự điều chỉnh hòa bình vẫn còn chưa bị đóng.

Vào cái ngày khi Fitin từ Kremli trở về, Beria gọi tôi lên, ra lệnh tổ chức nhóm đặc biệt trong số cán bộ tình báo trực tiếp dưới trướng ông. Nó phải thực hiện các hoạt động tình báo - phá hoại trong trường hợp có chiến tranh. Tại thời điểm này nhiệm vụ đầu tiên của chúng tôi là lập một nhóm chủ lực từ số các chiến sĩ phá hoại giàu kinh nghiệm có khả năng chống chọi với bất cứ ý đồ nào lợi dụng các khiêu khích trên biên giới như nguyên có để bắt đầu chiến tranh. Beria nhấn mạnh rằng nhiệm vụ của chúng tôi - không cho bọn khiêu khích Đức khả năng tiến hành hoạt động tương tự như đã được tổ chức chống lại Ba Lan năm 1939, khi chúng chiếm đài phát thanh ở Gleiwitz trên lãnh thổ Đức. Bọn khiêu khích Đức phát sóng với những tuyên bố chống Đức, còn sau đó bắn chết chính các tù hình sự của mình cải trang trong quân phục Ba Lan, nên từ ngoài trông mọi thứ dường như đúng là một

trong những đơn vị Ba Lan đã tấn công đài phát thanh vậy.

Tôi lập tức đề nghị để Eitingon được cử làm phó cho tôi. Beria đồng ý, và ngay đêm trước của chiến tranh chúng tôi đã đi tìm những người có khả năng tạo nên bộ khung của nhóm đặc biệt mà có thể sẽ được ném theo đường hàng không vào các vùng đệm độ trên biên giới châu Âu và Viễn Đông. Kinh nghiệm quân sự của Eitingon hơn hẳn tôi, vì thế trong vấn đề này tôi dựa phần lớn vào các đánh giá của ông - chính ông là khâu mắt nối giữa nhóm chúng tôi và bộ chỉ huy quân đội. Cùng với ông chúng tôi lập các kế hoạch phá hoại các kho nhiên liệu cung cấp cho các đơn vị tăng, mô tô Đức đã bắt đầu tập trung gần biên giới chúng ta. Ngày 20-6-1941 Eitingon nói với tôi rằng cuộc trò chuyện với tướng Pavlov tư lệnh vùng chiến thuật Belorussia gây cho ông ấn tượng khó chịu. Bởi họ đã quen nhau từ thời Tây Ban Nha, ông muốn một lời khuyên thân tình ở Pavlov, theo ông ta, những vùng biên giới nào nên đặc biệt chú trọng, nơi có khả năng các vụ khiêu khích từ phía người Đức. Đáp lại Pavlov tuyên bố điều gì đó theo ý Eitingon, là mù mờ, ông ta có vẻ hoàn toàn không hiểu gì về các điều phối hoạt động của các cơ quan khác nhau trong cuộc chiến hiện đại. Pavlov cho rằng không có vấn đề gì đặc biệt nảy sinh thậm chí cả trong trường hợp nếu ngay từ đầu kẻ thù chiếm được thế thượng phong trên biên giới, bởi ông ta có đủ lực lượng dự bị để chống trả bất cứ cuộc tấn công lớn nào. Ngắn gọn, Pavlov không nhìn thấy một chút cần thiết nào trong các chiến dịch phá hoại để làm đình trệ hậu phương kẻ thù.

21-6 tôi ở trong văn phòng của mình suốt đêm, bất kể tôi với vợ đã thỏa thuận buổi chiều đi nhà nghỉ. Một năm trước đó cô đã rời khỏi công việc ở Trung tâm và bắt đầu giảng dạy ở Học viện cao cấp của NKVD như một hướng dẫn viên về hoạt động tác chiến với điệp viên. Thứ bảy ngày 12-6 cô rời trường vào khoảng ba giờ chiều. Chiều hôm ấy Fitin gặp Gavrilovich, đại sứ Nam Tư tại biệt thự của mình. Vậy nên vào cái đêm định mệnh đó tôi là người duy nhất trong số lãnh đạo ở lại nơi làm việc. Theo các nguyên tắc, chúng tôi chỉ có thể rời khỏi nơi làm việc sau khi thư ký của bộ trưởng gọi điện thoại biết sắp cho phép về nhà. Các trưởng phòng thường rời đi lúc tám giờ, về nhà hay đến các điểm hẹn mật để gặp điệp viên, còn sau đó quay lại chỗ làm việc vào mười hay mười một giờ đêm để tổng kết các tin tức nhận được từ các điệp viên rồi ngay đó khoá vào két sắt. Thế nhưng các thứ bảy, như thông lệ, không ai quay lại chỗ làm.

Hôm ấy tôi chưa được phép từ thư ký của Beria và từ Merkulov và tôi đã ở lại văn phòng, chỉ gọi về nhà và báo rằng sẽ về muộn. Vợ tôi chờ tôi ở nhà và đã bình thản đi ngủ. Chờ hồi chuông của thủ trưởng, tôi bèn đọc các tài liệu, nhưng sau 6 giờ chiều cả thư từ lẫn các thông báo mới không thấy đến. Chỉ có một hồi chuông - từ tư lệnh biên phòng Maxlennikov. Ông có vẻ thất vọng khi tôi nói Nhóm đặc biệt sẽ sẵn sàng hành động không sớm hơn sau mười ngày. Tôi biết, cả Beria lẫn Merkulov đều không có ở chỗ làm việc, nhưng ban thư ký đang đợi họ từng phút: họ được gọi đến chỗ Ông chủ. Tôi ở lại văn phòng, xem giấy tờ. Những ý nghĩ âu lo làm tôi bồn chồn, nhưng tôi không thể có ý nghĩ một bất hạnh đang sắp sửa đổ ụp xuống tất cả chúng ta. Tất nhiên tôi cảm thấy mối hiểm hoạ của vụ khiêu khích hay đụng độ quân sự gì đó, nhưng không đủ sức hình dung quy mô của nó. Tôi cho rằng bất kể những khó khăn thế nào chúng ta vẫn đủ khả năng kiểm soát tình hình.

Ba giờ sáng điện thoại réo - Merkulov đòi tôi lập tức đến văn phòng ông. Ở đó tôi gặp tất cả các cục trưởng chủ chốt. Merkulov tuyên bố chính thức với chúng tôi rằng chiến tranh đã bắt đầu: các đạo quân Đức đã vượt qua biên giới. Ngay đó ông ra lệnh gọi cán bộ đến cơ quan theo tín hiệu báo động. Đến 9 giờ sáng, ông tuyên bố, mỗi chỉ huy từng hướng phải đệ trình các biện pháp cụ thể phù hợp với kế hoạch hành động trong điều kiện chiến tranh.

Khoảng 9 giờ sáng Fitin đến. Trong phòng hội nghị của Tổng cục tình báo chúng tôi tiến hành cuộc họp chính thức tuyên bố cuộc chiến tranh đã bắt đầu.

Không có sự náo loạn, nhưng trong cuộc họp các chỉ huy trở nên kiệm lời, và những anh chàng độc mồm độc miệng của chúng tôi, đặc biệt là Eitingon, đã kìm nén được những câu đùa thông thường.

CHƯƠNG 6

TÌNH BÁO TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH VỆ QUỐC VĨ ĐẠI

1. Khả năng điệp viên - tác chiến của tình báo Xô viết trước sự tấn công của Hitler

Tình báo Xô viết đóng góp thiết thực vào chiến thắng, nhưng nó cũng chia sẻ với lãnh đạo chính trị - quân sự đất nước cả trách nhiệm vì những tính toán sai lầm đã có trong những năm chiến tranh. Tôi quay lại các sự kiện ngay trước chiến tranh.

Vào giai đoạn này các cơ quan đặc biệt Xô viết có những khả năng tác chiến như thế nào? Vẫn có quan niệm rằng các nhóm điệp viên của mạng lưới Tổng cục tình báo Bộ tổng tham mưu (lúc ấy được gọi là Tổng cục tình báo - GRU) và Tổng cục tình báo đối ngoại (INO) thuộc NKVD có hệ thống điệp viên tin cậy đủ sức tiếp cận đến cấp cao nhất của bộ chỉ huy quân sự Đức quốc xã và giới lãnh đạo chính trị Đức, và việc giới lãnh đạo Xô viết coi thường các tài liệu đến từ các nguồn tin cậy đó về kế hoạch gây chiến của Hitler chống Liên Xô. Sự thể ra sao?

GRU và INO - NKVD có các nguồn thông tin quan trọng tiếp xúc với các giới lãnh đạo quân sự và chính trị, nhưng không tiếp cận được các tài liệu. Thêm nữa thông tin nhận từ các giới thân cận của Hitler, đã thể hiện sự chao đảo trong lãnh đạo Đức về vấn đề phê chuẩn quyết định tối hậu việc tấn công Liên Xô.

Vào đầu và giữa những năm 30 Berzin, Uritsky, Artuzov, Borovich (theo tuyến Tổng cục tình báo Hồng quân), Xlutsky, Spigelglaz, Xerebrianxky, Kaminxky, Parparov, Eitingon (theo tuyến OGPU-NKVD) đã thiết lập được ở Tây Âu và Viễn Đông (Trung Quốc - Nhật Bản) một bộ máy điệp viên - phá hoại hùng hậu bao thầu hơn 300 nguồn thông tin. Những điệp viên ngầm đóng vai trò đặc biệt trong sự thiết lập bộ máy này: Arnold Deits (Lang), người Phổ, lôi kéo được bộ năm nổi tiếng của Kim Filby và những người khác ở Anh cùng hợp tác; Theodor Maly, người Hungari, cựu giám mục đạo Cơ đốc, làm việc ở Anh và Pháp; Boguxlavxky, người Ba Lan, cựu nhân viên tình báo Bộ tổng tham mưu Ba Lan; Sandor Rado, Leopold, Richard Sorge, Ernst Bolleweber. Năm 1942 phục hồi liên lạc với một điệp viên đáng giá dưới biệt danh *Người bạn* được lôi kéo về hợp tác từ mười năm trước, là phó của chỉ huy của SA - lực lượng xung kích Roehm. Ông ta được xem là một nhân vật có uy tín trong giới cận thần của Hitler đang khát khao hướng đến quyền lực. Sau việc thanh toán Roehm *Người bạn* bị chính quyền Đức giam giữ. Được tha năm 1936, ông ta làm cố vấn chính trị cho cố vấn quân sự chủ chốt của nước Đức phát xít cạnh bộ tham mưu Tướng Giới Thạch, ở đây ông ta thường xuyên gặp gỡ với Sorge, không đồng tình với một số tài liệu Sorge chuyển cho. Phó cục trưởng tình báo đối ngoại phụ trách Viễn Đông Melnikov và V. Zarubin làm việc trực tiếp với *Người bạn*.

Số phận những người này là khác nhau. Deits mất năm 1942 trên tàu chở hàng Xô viết đi từ Anh về bị trúng ngư lôi tàu ngầm Đức. Maly và Boguxlavxky bị bắn theo lệnh Ejov vào những năm thanh trừng. Rado và Trepper, làm bọn Đức nát thần kinh vì “Dàn đồng ca Đỏ”, nằm trong trại giam của NKVD-MGB. Sorge bị Nhật treo cổ. Voileveber lãnh đạo cơ quan tình báo sau đó là MGB Đông Đức, nhưng trở thành nạn nhân mưu mô của Ulbricht.

Những vụ thanh trừng hàng loạt những năm 1937-1938 giáng một đòn nghiêm trọng nhất cho các cơ quan tình báo chúng ta, thế nhưng hoạt động tình báo vẫn tiếp tục. Dù là chúng tôi tạm thời mất đi liên lạc với một loạt những điệp viên sáng giá, thì mạng lưới điệp viên ở Scandinavia, Đức và các nước Tây Âu đã gặp may. Các nguồn tin ở Đức (các nhóm của Sults-Boizen - bộ tham mưu không quân, Harnak - bộ kinh tế, Kukhoff và Stebe - Bộ ngoại giao, Leman - Gestapo) được lôi kéo bởi vợ chồng Zarubin, tổ trưởng tình báo Belkin, điệp viên Parparov, điệp viên Girsfeld tránh khỏi sự thanh trừng. Mỗi liên lạc với họ được giữ thường xuyên. Ngoài những nguồn này, năm 1940 thêm vào với họ còn có nghệ sĩ danh tiếng Olga Tsekhova và công tước Ianus Radzivill có đường tiếp cận trực tiếp với Goering. Nhóm trưởng điệp viên NKVD Gudimovich cùng vợ Mordzinxka ở Varsava đã tạo được một nhóm mạnh thực hiện theo dõi việc chuyển quân và kỹ thuật Đức sang Ba Lan trong những năm 1940-1941. Chúng ta có các vị trí điệp viên nghiêm túc cả ở Italia. Nhóm trưởng Ragatnev, "Tit" đã lôi kéo được cháu của bá tước Tiano - bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ Mussolini.

Trong số các huyền thoại bền vững về công việc của tình báo Xô viết vào những năm chiến tranh, đặc biệt sau loạt phim gây ầm ĩ *Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân*, đã lan truyền giả thuyết về sự cộng tác của Bormann viên phó bí thư đảng của Hitler với tình báo Xô viết. Không phải một lần đã bị phủ nhận những tin đồn việc Borman được bí mật đưa về Moskva và chôn cất tại một trong những nghĩa trang Moskva.

Như đã rõ, không có lửa làm sao có khói. Dù Bormann chưa bao giờ cộng tác với chúng ta, y, cũng như sếp Gestapo Miller, luôn luôn nằm trong tầm chú ý của ta.

Khi Bormann còn là một thành viên đảng quốc xã chưa ai biết tới và năm 1930 sống tại một nhà nghỉ khiêm nhường gần Vienne, Boris Afanaxiev, điệp viên ngầm của tình báo chúng ta đã giữ "sự làm quen có lợi" với y.

Trong các tin tức của Afanaxiev gửi Trung tâm đã cho những nhận xét chi tiết và đánh giá nhân cách của Bormann, đưa ra các đề nghị tuyển mộ y một cách tích cực. Nhưng tiếc rằng Afanaxiev bị lộ trong hàng loạt các chiến dịch của ta vào nửa sau những năm 30, và những ý đồ của ông ngay trước chiến tranh phục hồi lại các quan hệ có lợi và các liên lạc cũ ở Đức và Thụy Sĩ đã không thu được thành công.

Dù sao thì những tin đồn về việc Bormann đến Liên Xô vào tháng 5-1945 cũng là tin bịa đặt.

Sau chiến tranh nữ nghệ sĩ nổi tiếng Olga Tsekhova chỉ sống một thời gian tương đối ngắn ở Moskva tại một căn hộ bí mật. Từ Beria bà được chuyển cho Abakumov mà năm 1946 trở thành bộ trưởng An ninh quốc gia để liên lạc trực tiếp. Với Abakumov bà giữ mối liên hệ thư tín riêng khi ở Đức, cho đến tận vụ bắt giữ ông ta tháng 7 năm 1951.

Từ năm 1937 tình báo ta dưới sự lãnh đạo của phó cục trưởng INO NKVD Spigelglaz đã thu được những tin tức quan trọng về các trò chơi chiến lược do bộ chỉ huy Đức tiến hành. Những tài liệu này đã đóng một vai trò khá lớn trong sự phát triển các sự kiện và sự thay đổi hoạt động của lãnh đạo chúng ta trước cuộc chiến tranh Xô - Đức. Sau các diễn tập tác chiến tiến hành bởi von Beck, sau đó bởi Blomberg, đã xuất hiện "di chúc của Beck",

trong đó nói rằng nước Đức không thể thắng trong cuộc chiến với nước Nga, nếu các hoạt động quân sự kéo dài quá hai tháng, và nếu trong vòng một tháng đầu chiến tranh không thể chiếm được Leningrad, Kiev, Moskva và đánh tan các lực lượng chủ yếu của Hồng quân, đồng thời chiếm đóng các trung tâm công nghiệp quân sự và khai thác nhiên liệu tại phần châu Âu của Liên Xô.

Tôi nghĩ, rằng các kết quả những diễn tập tác chiến chiến lược được nhắc tới cũng là một nguyên do kích thích Hitler năm 1939 có sáng kiến ký kết hiệp ước không tấn công. Thế nhưng, đáng nhớ rằng những cách tiếp cận thăm dò đối với lãnh đạo Liên Xô về việc thực hiện ý định này người Đức thích tiến hành không theo hướng tình báo mà theo các kênh ngoại giao qua đại sứ của mình ở Thổ Nhĩ Kỳ von Papen từ tháng 4-1939.

Trong những nghĩa vụ của tôi có việc phụ trách tình báo ở nước Đức do thiếu tá an ninh quốc gia (sau này là thiếu tướng) Juravlev trực tiếp chỉ huy trong những năm 1938-1942. Giới lãnh đạo luôn luôn cho hướng nước Đức một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những năm 1940-1941 nhóm tình báo ở Berlin dù được lãnh đạo bởi Amalak Kobulov, một cán bộ thiếu kinh nghiệm, thế nhưng đã hoạt động một cách tích cực.

Các tài liệu tình báo từ Berlin, Roma, Tokyo, thường xuyên được báo cáo với chính phủ. Thế nhưng lãnh đạo tình báo đã không nắm rõ rằng sau cuộc viếng thăm Berlin của Molotov tháng 11-1940 đã bắt đầu các thương thuyết bí mật với nước Đức. Như thế, tính tất yếu hiển nhiên của đưng độ quân sự đồng thời lại hoà vào với sự xem xét hoàn toàn nghiêm túc các đề nghị của Hitler về sự phân chia các quyền lợi địa-chính trị của Đức, Nhật, Italia và Liên Xô.

Chỉ bây giờ tôi mới rõ rằng các cuộc trò chuyện thăm dò của Molotov và Sullenburg, đại sứ Đức ở Liên Xô vào tháng 2 và 3-1941 thể hiện không chỉ mưu đồ của Hitler dẫn Stalin đi lạc lối và buộc ông luống cuống bởi cuộc xâm lăng bất ngờ, cộng cả sự do dự trong giới chóp bu Đức về vấn đề chiến tranh với Liên Xô trước khi chiến thắng được Anh. Thông tin chúng tôi nhận được và thông tin giả từ một tên người Latvia hợp tác với Gestapo, thể hiện sự do dự này. Chính vì thế thậm chí những nguồn tin cậy khi báo về quyết định của Hitler tấn công Liên Xô (tin của Harhak, Sults-Boizen, vợ một nhà ngoại giao Đức nổi tiếng (mật danh "luna", thân cận với Ribbentrop) tháng 9-1940 - tháng 5-1941, không hứa chắc tính chân thực và viện dẫn Goering vẫn liên kết ở chừng mực nào đó trước sự xâm lược Hitler đang chuẩn bị chống Liên Xô với thỏa thuận có thể hoà hoãn với người Anh.

Tiếc rằng, kết luận đúng về sự chuẩn bị chiến tranh đã kết nối với kết quả các thương thuyết Xô - Đức sắp tới ở cấp cao nhất về các vấn đề lãnh thổ, mà phù hợp với các tin báo từ Anh (Filby, Kernkross và những người khác) và sự dàn xếp có thể chấm dứt cuộc chiến tranh Anh - Đức. Tôi khó xét đoán đến mức nào trong thực tế Hitler nghiêm túc thỏa thuận với Stalin. Nhớ rằng, cũng có các tin về việc Ribbentrop đã nhất quán, mãi tận quyết định cuối cùng của Hitler, chống lại cuộc chiến với Liên Xô, ít nhất cho đến khi chưa điều chỉnh xong sự đối kháng quân sự Anh - Đức.

Dù Stalin có thái độ bức tức với các tài liệu tình báo, nhưng ông cũng cố sử dụng chúng nhằm ngăn chặn chiến tranh bằng con đường thương thuyết ngoại giao bí mật về các vấn đề lãnh thổ, cũng như - điều được giao trực tiếp cho chúng tôi - cảnh báo giới quân sự

Đức, khi nhân mạnh vào chỗ là chúng ta đã xây dựng ở Ural một cơ sở công nghiệp quân sự bất khả xâm phạm.

Quyết định tối hậu về tấn công Liên Xô được Hitler phê chuẩn ngày 14-6-1941, hôm sau khi người Đức rõ tuyên bố của TASS về tính vô căn cứ những tin đồn về cuộc chiến tranh Xô - Đức. Cũng thú vị là tuyên bố của TASS trước tiên lan truyền ở Đức và chỉ ngày hôm sau mới đăng lên báo *Sự thật*.

Đáng tiếc, tình báo của chúng tôi cũng như tình báo quân đội, lẫn tình báo chính trị khi bắt được các tài liệu về thời hạn tấn công và xác định một cách đúng đắn tính tất yếu của cuộc chiến tranh gần tới, đã không dự báo con bài giới lãnh đạo Đức dùng là chiến thuật chớp nhoáng. Đó là sai lầm định mệnh, bởi sự đặt cược cho đòn chớp nhoáng chỉ ra rằng, người Đức đã có kế hoạch tấn công mà không cần kết cục cuộc chiến với Anh. Một khiếm khuyết lớn của công tác tình báo là cách xử lý yếu kém các thông tin nhận được bởi đường điệp viên. Một chứng cứ đầy thuyết phục trong cuộc chiến tranh, Tổng cục tình báo quân đội và trong NKVD mới thành lập những phòng đánh giá và nghiên cứu tin tức tình báo đến từ các nguồn ở ngoài nước.

2. Bắt đầu chiến tranh, triển khai công tác phá hoại trong hậu phương kẻ thù

Ngay ngày đầu tiên cuộc chiến tranh tôi được giao lãnh đạo toàn bộ công tác tình báo - phá hoại trong hậu phương quân đội Đức của các cơ quan an ninh quốc gia. Để làm điều đó ở NKVD được tổ chức một phân đội đặc biệt - Nhóm đặc biệt trực thuộc bộ trưởng Bộ Nội vụ. Sắc lệnh bổ nhiệm tôi chỉ huy nhóm ký ngày 5-7-1941. Các phó của tôi là Eitingon, Melnikov, Kakutsaia. Trở thành chỉ huy các hướng chủ đạo đấu tranh với các lực lượng vũ trang Đức xâm nhập vào vùng Baltic, Belorussia và Ukraina là Xerebrianxky, Makliarxky, Drozdov, Gudimovich, Orlov, Kixelev, Maxxia, Lebedev, Timaskov, Mordvinov. Các cơ quan và phân đội của NKVD có nghĩa vụ cùng hợp đồng bằng người, kỹ thuật, vũ khí cho Nhóm đặc biệt để triển khai công tác tình báo - phá hoại trong hậu phương của các đạo quân Đức.

Nhiệm vụ chủ yếu của Nhóm đặc biệt là: tiến hành các chiến dịch tình báo chống nước Đức và các nước đồng minh của Đức, tổ chức chiến tranh du kích, xây dựng mạng lưới điệp viên trên các lãnh thổ do Đức kiểm soát, lãnh đạo các trò chơi điện đài đặc biệt tình báo Đức nhằm làm sai lạc tin của địch.

Chúng tôi lập tức thành lập - một binh đoàn mô tô chiến đấu có chức năng đặc biệt mà vào những thời gian khác nhau do Gridnev và Orlov chỉ huy. Theo quyết định của BCHTƯ đảng và Quốc tế cộng sản, tất cả những người tị nạn chính trị đang ở Liên Xô được đề nghị gia nhập binh đoàn này. Binh đoàn được hình thành vào những ngày đầu cuộc chiến tranh trên sân vận động Dinamo. Chúng tôi có hơn 25 nghìn chiến sĩ và sĩ quan, trong số đó có hai nghìn người nước ngoài - Đức, Áo, Tây Ban Nha, Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam, Ba Lan, Tiệp, Bungari và Rumani. Trong tay chúng tôi có những vận động viên Xô viết ưu tú nhất, trong đó có các nhà vô địch quyền Anh và các lực sĩ - họ trở thành cơ sở của các phân đội phá hoại được phái ra mặt trận và ném vào hậu phương địch. Tháng 10-1941 Nhóm đặc biệt do sự mở rộng khối lượng công việc đã được tổ chức lại thành Cục 2 độc lập của

NKVD và trực thuộc Beria như cũ. Tôi vẫn tiếp tục đồng thời là Phó chỉ huy tình báo nước ngoài của NKVD. Chiến tranh thay đổi đột biến thái độ của lãnh đạo Xô viết đối với công việc tình báo và thông tin của nó. Năm 1942 đã tiến hành tổ chức lại cấp tốc các cơ quan tình báo. Trong Bộ Tổng tham mưu người ta thành lập hai cục tình báo: một (đứng đầu là Kuznetsov) – để phục vụ trực tiếp các nhu cầu của các mặt trận và Bộ tổng chỉ huy, và cục khác để phối hợp tình báo nước ngoài ở các nước không bị Đức chiếm đóng, trong đó có cả Mỹ.

Tổng cục 1 (tình báo) NKVD được chia ra Tổng cục 4 (Nhóm đặc biệt cũ), sau đó là Cục 2 do tôi đứng đầu - cho công tác tình báo - phá hoại chống Đức và Nhật, cả trên lãnh thổ nước ta lẫn tại các nước bị chiếm đóng của châu Âu và Cận Đông, và Tổng cục 1 (Fitin) mà môi trường hoạt động phổ biến ở Mỹ, Anh, Mỹ Latinh, Ấn Độ, Úc. Hạm đội hải quân đã đề nguyên cục tình báo của mình không có sự thay đổi cơ cấu.

Cục độc lập (Xelivanovxky) phụ trách ném điệp viên và các tổ phá hoại vào hậu phương các lực lượng vũ trang Đức được lập năm 1943 trong cơ quan phản gián quân đội XMERS. Cục tình báo cũng hoạt động cả trong bộ tham mưu Trung tâm của phong trào du kích.

Thế nhưng chủ yếu nó chỉ thực hiện các chức năng phối hợp, khi không đưa điệp viên vào hậu phương quân đội Đức thiếu sự phối hợp với tình báo và phản gián quân đội. Chỉ các thành viên tích cực của đảng và đoàn mà phần lớn là tiến hành công tác tuyên truyền trong hậu phương địch là thể hiện phần nào tính độc lập. Và dẫu sao thì họ vẫn dựa vào, theo nguyên tắc, sự bảo đảm bí mật hoạt động của mình theo hướng tình báo quân đội và NKVD.

Thông tin quan trọng nhận được sẽ báo cáo với Stalin, sự điều phối trực tiếp công tác tình báo thoát đầu do Molotov, sau đó Golikov, vào cuối chiến tranh là Beria thực hiện. Ngoài ra trong mỗi Tổng cục tình báo được thành lập các phòng xử lý và phân tích các tin quan trọng, điều này giảm nhẹ rất nhiều nhiệm vụ của Bộ tổng chỉ huy trong tiếp nhận quyết định.

Giai đoạn đầu chúng tôi khủng hoảng các cán bộ lành nghề. Tôi và Eitingon đề nghị trả tự do cho các cán bộ tình báo và an ninh cũ đang ở trong tù. Tính trơ tráo của Beria và sự đơn giản trong quyết định số phận con người thể hiện rõ trong phản ứng của ông trước đề nghị của chúng tôi. Beria hoàn toàn không quan tâm những người mà chúng tôi giới thiệu có lỗi hay không có lỗi. Ông hỏi độc mỗi câu duy nhất:

- Các anh tin chắc họ cần cho chúng ta?
- Tuyệt đối tin chắc, - tôi đáp.
- Vậy hãy nói với Kobulov, để anh ta thả ra. Và hãy sử dụng họ ngay.

Tôi nhận được các hồ sơ những người tôi hỏi xin để xem xét. Từ chúng thấy rằng tất cả bị bắt giữ theo sáng kiến và sắc lệnh của lãnh đạo cao nhất - Stalin và Molotov. Đáng tiếc, Spigelglaz, Karin, Maly và những nhà tình báo khác đến lúc ấy đã bị bắn.

Sau khi được giải thoát một số bạn thân của tôi không có nhà ở tại Moskva: gia đình họ đã bị trục xuất khỏi thủ đô. Tất cả họ đến ở trong căn hộ của tôi, trên phố Gorki, trong tòa

nhà có cửa hàng thể thao Dinamo. Trên tôi một tầng là căn hộ của Merkulov thứ trưởng thứ nhất của Beria, người đôi khi xuống nhà tôi nếu cần bàn bạc gì đó khẩn cấp. Cả hai căn hộ chúng tôi cũng được dùng như điểm gặp các nhà ngoại giao nước ngoài. Từng xảy ra chuyện, Merkulov bấm chuông nhà tôi đúng lúc những người sống nhờ đang ngồi ở phòng khách, và vì ông ta sắp bước vào để nói về những việc không thể trì hoãn, đành phải giấu họ trong buồng ngủ để tránh cuộc gặp của thứ trưởng với những “tội phạm” vừa được tha chưa lâu.

Bốn người sống trong nhà tôi, có một cán bộ rất giàu kinh nghiệm - Kaminxky - anh ở lại nhà tôi cho đến tận khi người ta phái anh đi Jurtomir, vào hậu phương địch. Đeo kính một tròng và mặc áo vét đồng bộ Kaminxky giống một thương gia Pháp điển hình. Khi tiễn anh, vợ tôi đã không thể kìm nước mắt. Chính Kaminxky rạng rỡ niềm lạc quan. Theo lời anh, anh hạnh phúc thật sự rằng anh lại được làm việc. Chen trong những chuyện hài Pháp để phần nào trấn tĩnh vợ tôi, Kaminxky nói rằng đối với anh đó là may mắn lớn, thậm chí nếu anh phải chết. Anh lập tức bị phản bội ngay khi vừa đặt chân tới Jurtomir. Làm điều đó là một cha cố, chỉ điểm của NKVD địa phương, kể đến lúc ấy đã cộng tác với Gestapo. Kaminxky cảm thấy ngay có bẫy gài tại điểm hẹn, và đã tự sát. Chúng tôi biết về số phận của anh sau ba hay bốn tháng. Tất cả những người ở cạnh với anh bị bao vây và bị giết trong cuộc đổ súng. Các nhân viên Treka được tha từ nhà tù hoặc bị sa thải trước kia, đều làm việc lại, nhưng bị hạ cấp. Phần lớn họ được cử đứng đầu các tổ đặc biệt vào hậu phương Đức. Một phần họ đã hy sinh, số khác - Medvedev và Prokopiuk - nhận danh hiệu Anh hùng Liên Xô vì những chiến dịch du kích thắng lợi trong lòng địch.

Những vụ thanh trừng năm 1938-1939 đã dạy tôi nhiều điều: giờ đây tôi không đến nỗi ngây thơ để ký các tài liệu xin ân xá các bạn mình năm 1941. Thanh danh của tôi đã “nhuộm đẫm mối liên hệ với những người này”, bị giam giữ như kẻ thù của nhân dân. Để cho sự ân xá của họ trông vẻ được khách quan, tôi đề nghị Fitin ký các văn bản. Đó là một bước nhìn xa: năm 1946 và 1953 khi người ta buộc tội tôi trong việc tôi thúc đẩy giải thoát các bạn bè của mình vốn là kẻ thù của nhân dân, tôi có khả năng viện ra chữ ký của Fitin. Trong số phận Xerebrianxky sự trợ giúp của tôi về việc phục hồi đảng năm 1941 đã đóng vai trò định mệnh: năm 1953 ông bị khép tội đã thoát khỏi sự trừng phạt cao nhất chỉ nhờ sự bênh vực của một tên phản bội như tôi. Ông mất trong tù trong cuộc hỏi cung của điều tra viên Tsaregradxky năm 1956.

Ngày 26-6-1941 tôi nhận thêm một chức trách: đấu tranh với lính nhảy dù Đức. Năm 1942 một phân đội lính dù chọn lọc được trao cho tôi lãnh đạo. Họ được nhận một phi đội máy bay vận tải và máy bay ném bom tầm xa. Trong suốt chiến tranh chúng tôi đã giữ cộng tác chặt chẽ với tư lệnh không quân tầm xa nguyên soái Golovanov, bạn thân của Eitingon trong Học viện quân sự.

Tình hình trên mặt trận, trở nên bi kịch. Sức mạnh các đạo quân xe tăng Đức vượt trội tất cả mọi cứ liệu sơ bộ của chúng ta. Quy mô thất bại của Hồng quân tại vùng Baltic, Beloruxia và Ucraina làm sững sờ. Đến tháng 8 chúng tôi đã tiến hành một số chiến dịch phá hoại để cứu các toán Hồng quân lọt vào vòng vây, thế nhưng các kế hoạch của chúng tôi đã không thành: những đơn vị này bị tổn mất và không còn có thể trở thành căn cứ để

triển khai chiến tranh du kích.

Sau đó, trong phối hợp hành động với các tổ chức đảng địa phương, chúng tôi bắt đầu phái các đội du kích vào hậu phương Đức, đưa thêm những sĩ quan tình báo kinh nghiệm và điện báo viên. Trong những năm chiến tranh, Nhóm đặc biệt - Tổng cục 4 NKVD và các đạo quân của nó, như các tài liệu chính thức cho thấy, đã thực thi những nhiệm vụ đầy trách nhiệm của Bộ tổng chỉ huy Tối cao (1941-1945), Bộ tham mưu phòng thủ Moskva (tháng 10 và 11-1941), Tư lệnh Mặt trận phía Tây (1941-1943), Tư lệnh phòng thủ vòng đai Kavkaz (1942-1943), Tư lệnh Mặt trận Bắc Kavkaz (1942-1943), Tư lệnh Mặt trận Ngoại Kavkaz (1942-1943), Tư lệnh Mặt trận Trung tâm (1943), Tư lệnh Mặt trận số 1 Beloruxia (1943-1944).

Trong những năm chiến tranh binh đoàn của chúng tôi là trung tâm chủ yếu của hoạt động tình báo - phá hoại của các cơ quan an ninh quốc gia trong hậu phương địch. Nó có vai trò quan trọng kích thích và triển khai phong trào du kích rộng rãi trong hậu phương quân đội Đức. Để thực hiện nghị định BCHTU' ĐCS và chính phủ "về việc tổ chức đấu tranh trong hậu phương quân đội Đức và vào thời kỳ đầu chiến tranh chính trên nền tảng các Cục 4 NKVD", nảy sinh những toán du kích, và các tổ tiên kích đầu tiên. Với sự ra đời năm 1942 Bộ tham mưu Trung tâm họ đã chuyển cho phong trào vô số các toán và tổ chiến đấu. Bộ máy của chúng tôi đóng vai trò đặc biệt trong việc đảm bảo bí mật của phong trào du kích rộng khắp ở Beloruxia, vùng Baltic, Ucraina.

Đồng thời, như theo chỉ lệnh NKVD ngày 13-7-1942 các bộ tham mưu du kích không được nhận chuyển giao các tổ tình báo - phá hoại đặc nhiệm hoạt động trong lòng địch, mạng điệp viên, những người đưa tin và liên lạc, nhóm trưởng tình báo trong hậu phương Đức, cũng như ghi chép về các đơn vị du kích (bản tin, mật báo, báo cáo, điện báo v.v...). Những kẻ bôi nhọ cuộc đấu tranh anh hùng của các nhà tình báo chúng ta với chủ nghĩa phát xít vẫn khát khao đưa ra dưới dạng bóp méo chính cái công tác chiến đấu khổng lồ này, dựa trên những điều bịa đặt và giả dối hoàn toàn.

Hơn hai nghìn tổ tác chiến với tổng số là mười lăm nghìn người được chuyển vào hậu phương kẻ thù. Hai mươi ba sĩ quan của chúng tôi nhận phần thưởng cao quý nhất của chính phủ - danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Hơn tám nghìn người được tặng thưởng huân, huy chương. Các nguyên soái Jukov và Rokoxovxky đề nghị đặc biệt với NKVD giao cho họ các toán từ thành phần Tổng cục 4 NKVD để tiêu hủy các đầu mối liên lạc của kẻ thù và yểm trợ các chiến dịch tấn công của Hồng quân tại Beloruxia, Ba Lan và Kavkaz. Các phân đội của Tổng cục 4 và binh đoàn đặc nhiệm mô tô chiến đấu đã tiêu diệt 157 nghìn lính và sĩ quan Đức, thủ tiêu 87 quan chức cao cấp Đức, phát giác và vô hiệu hoá 2045 nhóm gián điệp địch. Lãnh đạo tất cả các chiến dịch đó được giao cho tôi và Eitingon. Trong lịch sử NKVD đó có lẽ là chương duy nhất mà những người thừa kế của nó vẫn tiếp tục tự hào. Trong các hoạt động chính thức kỷ niệm trận chiến gần Moskva hay Stalingrad, cũng như ngày giải phóng Beloruxia hàng năm, người ta luôn luôn nhắc đến tên tuổi những du kích và người hoạt động bí mật dưới sự chỉ huy của chúng tôi. Kuznetsov, Medvedev, Vaupsaxov, Karaxe, Mirkovxky, Prudnikov, Sikhov, Kudria, Liagindlia - những người của chúng tôi, những anh hùng kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít trong các lãnh thổ bị chiếm đóng.

Từ năm 1942 đến 1993 đã xuất bản khoảng 5 nghìn cuốn sách và bài báo về các chiến dịch chiến đấu của Nhóm đặc biệt và Tổng cục 4 trong Cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Những năm ấy tôi đang tại nhiệm, sau đó bị bắt, bị giam, cuối cùng, được thả và được minh oan. Và không có cuốn sách nào tên tôi. Nơi nào trên tài liệu có chữ ký của tôi, xuất hiện những dấu chấm lửng. Thoạt đầu người ta không nhắc đến tên tôi vì lý do bí mật, còn muộn hơn tên tôi bị xoá đi bởi tôi là tội phạm bị phán xử và là chứng nhân không mong muốn.

Tôi sẽ không dừng lại một cách tỉ mỉ ở những chiến công nổi tiếng của chiến sĩ và sĩ quan đã chiến đấu cùng tôi trong những năm chiến tranh. Trong các tuyển tập do tôi biên tập in những năm 1970-1992, hơn ba nghìn anh hùng trong binh đoàn đặc nhiệm mô tả chiến đấu đã được nêu tên. Còn ở đây tôi muốn dừng lại ở những chiến dịch quan trọng nhất của tình báo Xô viết, kể về những anh hùng của cuộc chiến bí mật mà mọi người ít biết đến, nhưng đóng vai trò đáng kể trong các sự kiện chính trị - quân sự thời ấy.

3. Kuznetsov huyền thoại

Lực lượng du kích dưới sự chỉ huy của đại tá Medvedev đã có đóng góp đáng kể vào những chiến dịch tình báo - phá hoại trong lòng địch. Anh là người đầu tiên lần ra liên lạc của Otto Skorzeny, lãnh đạo các chiến dịch đặc biệt của cơ quan an ninh của Hitler. Medvedev và Kuznetsov xác định được rằng các nhóm phá hoại của Đức tiến hành huấn luyện người của chúng ở mạn núi Karpat với mục đích chuẩn bị tấn công các sứ quán của Liên Xô và Mỹ ở Teheran, nơi năm 1943 sẽ tổ chức hội nghị đầu tiên “Bộ ba lớn”. Nhóm vũ trang của Skorzeny qua huấn luyện gần Vilnius, nơi đội du kích của Medvedev hoạt động. Chính ở đây, trên lãnh thổ bị bọn quốc xã chiếm đóng, Hitler đặt một phân hiệu Tổng hành dinh của mình. Nhân viên trẻ của chúng ta Nikolai Kuznetsov trong vai một thượng úy Đức quốc xã thiết lập quan hệ thân tình với viên sĩ quan cơ quan đặc biệt Đức Oster đúng lúc đang tìm người có kinh nghiệm đấu tranh với du kích Nga. Hắn cần những người này cho chiến dịch chống lại Bộ chỉ huy tối cao Xô viết. Mặc nợ Kuznetsov, Oster đề nghị thanh toán với anh bằng những tấm thảm Iran mà hắn sẽ chở về Vilnius từ chuyến công cán đến Teheran. Tin này được báo ngay về Moskva, trùng với thông tin từ các nguồn khác và giúp ta ngăn được hành động ở Teheran chống lại “Bộ ba lớn”.

Kuznetsov (mật danh “Pukh”) tự mình thủ tiêu mấy tỉnh trưởng của chính quyền Đức tại Galitsyn. Đó là các hành động trả thù khủng bố chống người Xô viết được anh hoàn thành với lòng can trường hết mực giữa thanh thiên bạch nhật trên các đường phố Rovno và L'vov. Mặc quân phục Đức, anh can đảm đến gần kẻ thù, tuyên án tử hình và bắn áp sát. Mỗi một hành động loại này được chuẩn bị kỹ càng, được bảo đảm bởi một tổ chiến đấu yểm trợ. Có lần anh được trợ lý của Hitler thống đốc Erich Kokh, kẻ đứng đầu chính quyền Ba Lan và Galitsa tiếp. Kuznetsov phải giết y. Nhưng khi Kokh nói với Kuznetsov để anh quay về đơn vị sao cho nhanh nhất, bởi gần Kurxk trong mười ngày tới sẽ bắt đầu một cuộc tấn công lớn, Kuznetsov đã quyết định chưa giết Kokh để có khả năng trở về chỗ Medvedev và truyền điện tín khẩn về Moskva.

Thông tin của Kuznetsov về sự chuẩn bị chiến dịch tấn công chiến lược của Đức được kiểm tra và được khẳng định bởi các tình báo viên Alekxakhin và Vorobiev do chúng tôi phái đến vùng Oriol bị tạm chiếm.

Xung quanh Kuznetsov có những tin đồn đủ loại khác nhau đặt sự nghi ngờ làm sao anh có thể đóng vai một sĩ quan Đức lâu và thành công đến thế. Người ta nói anh được phái sang Đức trước khi bắt đầu chiến tranh. Những kẻ sùng bái, tổ chức liên kết tù nhân Trại giam của NKVD, cố gắn tên anh với những vụ thanh trừng chống người Đức bị dẫn độ tới Kazakhstan từ Xibir và vùng Volga. Kuznetsov chẳng có liên quan gì tới điều đó. Như tôi đã nói trước đây, anh là người Nga xuất thân từ Xibir, nói trôi chảy tiếng Đức, bởi đã sống giữa những người Đức sống ở Xibir. Anh được tuyển vào làm việc ở cơ quan NKVD địa phương năm 1939 và được cử về Moskva đi học. Một chàng trai tóc vàng đẹp, anh có thể giống một người Đức, một công dân Xô viết gốc Đức. Anh có một mạng lưới cung cấp tin trong giới nghệ sĩ Moskva. Trong vai nghệ sĩ, anh được giới thiệu với một số nhà ngoại giao nước ngoài. Dần dần các cán bộ sứ quán Đức chú ý đến con người trẻ tuổi thú vị có ngoại hình Aryan tiêu biểu với thanh danh vững chắc là tay sành sỏi ba lê. Chỉ đạo anh là Raikhman, phó phụ trách Cục phản gián, và Ilin, chính ủy an ninh về công tác với trí thức. Kuznetsov thực hiện các nhiệm vụ của họ, luôn luôn nhận được tối đa thông tin không chỉ từ các cán bộ ngoại giao mà còn từ bạn bè mà anh làm quen trong giới nhà văn và nghệ sĩ. Hồ sơ của điệp viên Kuznetsov chứa các thông tin như về một tình nhân của số đông các ngôi sao ba lê Moskva mà một số trong đó vì lợi ích công việc anh đã chia sẻ với các nhà ngoại giao Đức.

Kuznetsov tham gia vào các chiến dịch chiếm các bưu phẩm ngoại giao của Đức, bởi thỉnh thoảng các nhân viên đưa tin ngoại giao dừng lại ở các khách sạn Metropol và National chứ không phải trong sứ quán Đức. Lợi dụng các quan hệ của mình, Kuznetsov báo trước cho chúng tôi, bao giờ những người đưa tin ngoại giao chuẩn bị đến và bao giờ các điệp viên của ta, được bố trí trong các khách sạn này và được trang bị những thiết bị chụp ảnh cần thiết, có thể nhanh chóng chụp các tài liệu.

Năm 1942 Kuznetsov được ném đến vùng Rovno. Anh xuất hiện ở đấy trong quân phục sĩ quan quân quản Đức. Theo huyền thoại chúng ta soạn ra, Kuznetsov như đang nghỉ phép vì bị thương, và anh được giao tổ chức tìm thực phẩm và quần áo cho sư đoàn anh đang đóng gần Leningrad. Anh tự nhận mình là người Đức sống mấy năm ở vùng Baltic nơi anh được động viên. Theo lời anh, mãi năm 1940 anh mới trở về Đức với tư cách kẻ hời hợt. Đang chiến tranh, sự di chuyển người khá tắc nghẽn, Abwehr và Gestapo hẩn cần nhiều thì giờ để kiểm tra nhân thân của anh. Kuznetsov được Ilin chuyển cho tôi. Giấy tờ cho công việc của anh trong hậu phương Đức được làm bởi người Áo Miller và học trò của ông, Gromuskin. Cán bộ tác chiến của chúng tôi Okun đã tham gia tích cực chuẩn bị Kuznetsov cho các chiến dịch trong hậu phương Đức. Tôi cùng Kuznetsov trải qua nhiều giờ khi chuẩn bị tới các nhiệm vụ tương lai. Tôi nhớ về anh như về một người tài năng hiếm có giữ sự bình thản khi thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu, thực tế và khôn ngoan trong các hành động. Nhưng dần dần anh bắt đầu rất tin vào vận may của mình và đã làm một sai lầm định mệnh khi cố vượt qua tiền duyên để gặp các đơn vị Hồng quân. Bọn Bandera hợp tác với Đức đã tóm được anh và những người của anh. Điều đó xảy ra năm 1944 ở một làng gần Lvov. Sự điều tra của chúng tôi cho thấy rằng Kuznetsov đã tự sát bằng lựu đạn: trong lưu trữ của Đức chúng tôi tìm ra một bức điện báo trong đó bọn Bandera báo với Gestapo về việc bắt được một nhóm sĩ quan Hồng quân, một trong số đó mặc quân phục Đức. Bọn Bandera

cho rằng cái người bị giết trong vụ độ súng chính là người mà suốt thời gian đó cơ quan đặc biệt Đức đã tìm kiếm vô hiệu. Bọn Đức bắt được một số giấy tờ giả mạo do chúng tôi làm cho thượng úy Paul Zibert (bí danh của Kuznetsov) và một phần báo cáo của Kuznetsov cho Trung tâm với những tin tức chi tiết đáng kinh ngạc việc thủ tiêu các đại diện cao cấp của Đức tại Ucraina. Sau khi chết Kuznetsov được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Bởi Kuznetsov chưa có vợ, em trai của anh đã nhận phần thưởng. Năm 1991 nếu sống, Kuznetsov tròn 80 tuổi.

Những chiến dịch được tiến hành bởi các tổ chiến đấu, đôi khi có ý nghĩa chiến lược và đóng vai trò quan trọng xáo trộn hậu phương địch, khi năm 1944 mở rộng sự tấn công của ta ở Beloruxia. Những chiến dịch này nổi tiếng như “Chiến tranh đường ray”, hay “Buổi hoà nhạc”. Trước ngày tấn công ở Beloruxia chúng ta đã phá hỏng các tuyến đường sắt cơ bản tiếp tế cho quân đội Đức.

4. Phòng thủ Moskva

Du kích của binh đoàn đặc nhiệm đã trợ lực một cách thiết thực cho các đơn vị Hồng quân trong chiến trận gần Moskva. Mùa thu năm 1941 khi bọn Đức đến gần thủ đô, binh đoàn độc lập chúng tôi nhận được nhiệm vụ bảo vệ trung tâm Moskva và điện Kremli bằng bất cứ giá nào. Người của chúng tôi giữ vị trí trong Nhà Liên bang sát ngay Kremli. Trong thời điểm nguy nan đối với số phận thủ đô ấy, có lẽ binh đoàn chúng tôi là đơn vị chiến đấu duy nhất có đủ số lượng mìn và người có khả năng bố trí chúng. Theo lệnh trực tiếp của Bộ tổng tham mưu và cá nhân Jukov, chúng tôi rải mìn ở những lối tiếp cận xa và gần tới Moskva, còn bộ phận mô tô đã giúp tiêu diệt lính mô tô Đức và các xe bọc thép đã xông đến cầu qua sông Moskva ở vùng sân bay Seremetievo. Bọn Đức đã không thể tiến gần hơn về Moskva. Ngày nay ở đây người ta xây những cọc chống tăng khổng lồ - biểu tượng lòng dũng cảm của những người bảo vệ thủ đô.

Phòng trường hợp nếu bọn Đức chiếm được thành phố, binh đoàn chúng tôi đã gài mìn một loạt những tòa nhà nơi có thể tiến hành các hội họp của bộ chỉ huy cao cấp Đức, cũng như các công trình quan trọng ở thủ đô và xung quanh nó. Chúng tôi gài mìn mấy biệt thự chính phủ ở ngoại ô Moskva (trong số chúng thật ra không có biệt thự của Stalin). Với nhân viên trẻ Igor Sors gia nhập NKVD năm 1940, Makliarxky và tôi đã tiến hành chỉ dẫn cấp cho anh các giấy tờ và bố trí phụ trách nước ở ngoại ô Moskva, không xa biệt thự Stalin. Trong trường hợp vùng này bị Đức chiếm, anh phải sử dụng hệ thống ống dẫn cấp thoát nước để phá hoại và che giấu các điệp viên. Kết quả các vụ ném bom một phần các ống nước bị hư hại, và điều đó cản trở việc cấp nước bình thường cho biệt thự Stalin. Sors và các nhân viên bảo vệ sửa chữa sự cố được khắc phục nhanh chóng trong vòng ba giờ. Anh được tặng huy chương “Danh dự”, nhưng anh không thể nhận phần thưởng này, bởi nó được trao cho người mà Sort sử dụng giấy tờ, mà vào thời gian đó thì không thể khai ra tên thật của anh. Năm 1945 Sort được phái sang Bungari, nơi anh phải đảm bảo việc tìm ra uran và chuyển về Liên Xô cho ngành công nghiệp nguyên tử.

Khi tôi bị bắt năm 1953, tôi còn bị buộc tội đã lập kế hoạch dùng mìn gài ở những biệt thự chính phủ để tiêu diệt các nhà lãnh đạo Xô viết. Các điều tra viên tuyên bố rằng mìn có thể đưa vào hoạt động bằng điều khiển từ xa theo lệnh Beria để diệt những người thừa kế

Stalin. Tất cả đó là sự bịa đặt trắng trợn.

Tháng 10-1941 Moskva bị đe dọa nghiêm trọng, Beria ra lệnh chúng tôi tổ chức mạng lưới tình báo trong thành phố nếu nó bị Đức chiếm. Các gia đình chúng tôi đã tản cư, cũng như phần lớn bộ máy NKVD. Chúng tôi đã chuyển từ Lubianka đến trường trung cấp cứu hỏa ở phía bắc Moskva, gần bộ tham mưu của Quốc tế cộng sản. Tôi ngồi trong phòng với Xerov, Tsernursev và Bogdan Kobulov, các phó của Beria, dùng địa điểm dự bị này chỉ huy các lực lượng NKVD phòng trường hợp chiến sự ở thành phố, nếu bọn Đức phá vỡ được phòng thủ của ta.

Ở Moskva chúng tôi tổ chức ba mạng lưới tình báo độc lập. Ông bạn cũ của tôi từ thời Ucraina, thiếu tá Drozdov (sau này nhận hàm tướng) lãnh đạo một mạng. Để giữ bí mật ông được cử làm phó Cục được phẩm Moskva. Trong trường hợp Moskva bị chiếm ông phải cung cấp thuốc men cho bộ chỉ huy Đức và chiếm được lòng tin của nó. Ở Moskva người ta không biết ông, bởi ông được đề bạt là phó chỉ huy công an Moskva mới mấy tháng trước khi bắt đầu chiến tranh. Fedoxeev - cục trưởng tình báo Tổng cục NKVD Moskva tiến hành một khối lượng công việc lớn, chuẩn bị hoạt động bí mật và tổng động viên mạng điệp viên chống trả những vụ phá hoại của bọn Đức tại Moskva. Theo tuyến của chúng tôi, Makliarsky và Maxxia chịu trách nhiệm về công việc này. Một trong số người hoạt động bí mật mà Beria lựa chọn là Mesik - năm 1953 ông bị xử bắn cùng với Beria. Ngoài hai mạng lưới điệp viên này, chúng tôi còn lập một nhóm cảm tử có nhiệm vụ tiêu diệt Hitler và giới thân cận của y, nếu chúng xuất hiện ở Moskva sau khi bị chiếm. Chiến dịch này được giao cho nhạc sĩ Knipper, anh trai của Olga Tsekhova, và vợ ông, Mariana Garikovna. Lãnh đạo hoạt động bí mật là Fedotov - Tổng cục trưởng Tổng cục phản gián NKVD.

Trong các sách khác nhau, nói riêng, trong những hồi ký của Khrusev, nói về nỗi hoảng hốt bao trùm Stalin vào những ngày đầu tiên của chiến tranh. Từ phía mình, tôi có thể nói rằng tôi không quan sát thấy gì. Stalin không trốn tại biệt thự của mình. Các ghi chép của sổ trực điện Kremli được công bố cho khách thăm thấy rằng ông đều đặn tiếp mọi người và trực tiếp theo dõi tình hình xấu đi từng ngày. Ngay từ bắt đầu chiến tranh Stalin tiếp Beria và Merkulov trong phòng mình ở Kremli hai hay ba lần mỗi ngày. Thường thường họ quay về NKVD buổi tối rất muộn, còn đôi khi ra chỉ thị trực tiếp từ Kremli. Tôi có cảm giác rằng cơ chế điều hành và kiểm soát việc thực thi các mệnh lệnh đã hoạt động không chút trục trặc nào. Cả Etingon, cả tôi sống bằng niềm tin sâu sắc vào thắng lợi cuối cùng.

Cần nói rằng đôi khi cực kỳ khó thi hành những mệnh lệnh nhận được. Khi vào tháng 10-1941 tôi bị gọi vào phòng Beria nơi có mặt Malenkov, và người ta hạ lệnh gài mìn các công trình quan trọng nhất của Moskva và các lối vào gần Moskva như các nhà ga xe lửa chính, các cơ sở công nghiệp quốc phòng, một số chung cư, một số bến tàu điện ngầm và sân vận động Dinamo, kíp nổ đã cần phải có sau hai mươi bốn giờ. Chúng tôi lao động cả ngày đêm để hoàn thành nhiệm vụ. Còn Malenkov và Beria trong khi đó không nghỉ ngơi, bình tĩnh, hoạt bát làm việc tại NKVD ở Lubianka.

Ngày 6-11-1941 tôi nhận được giấy mời đến cuộc họp trọng thể kỷ niệm cách mạng tháng Mười. Theo truyền thống cuộc họp được tiến hành tại Nhà hát Lớn, nhưng lần này do tính toán về an toàn - tổ chức ở bến tàu điện ngầm Maiakovsky. Chúng tôi theo băng

chuyên đi xuống và bước lên bệ đường tàu. Từ một phía có một đoàn tàu điện mở cửa nơi có các dãy bàn với bánh cặp thịt và nước uống ướp lạnh. Cuối bệ đường tàu có bục dành cho các ủy viên Bộ Chính trị. Chính phủ đến trên một đoàn tàu từ phía khác. Stalin bước ra có Beria và Malenkov tháp tùng. Chủ tịch Xô viết Moskva Pronin khai mạc cuộc họp. Stalin phát biểu gần nửa tiếng đồng hồ. Diễn văn của ông gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc: sự cứng rắn và tự tin của lãnh tụ khẳng định khả năng của chúng ta đối chọi với kẻ thù. Ngày hôm sau tiến hành cuộc duyệt binh truyền thống trên Hồng trường, diễn ra với tinh thần lạc quan cao độ, bất chấp tuyết rơi dày. Trên giấy phép của tôi có dấu “Được đi khắp nơi”, có nghĩa là tôi có thể lên lễ đài chính của Lăng, nơi các nhà lãnh đạo Xô viết đứng duyệt binh.

Beria và Malenkov cảnh báo tôi rằng trong trường hợp các sự cố đặc biệt tôi phải báo cáo với họ không chậm trễ, lên thẳng Lăng. Tình huống đúng là kịch tính: các đơn vị tiền quân của Đức đang ở rất gần thành phố. Trong số các cán bộ tác chiến phục vụ lễ duyệt binh có Fiser trẻ tuổi, phụ trách ban thông tin của cơ quan chúng tôi, và nhân viên điện báo với trang bị cần thiết. Chúng tôi giữ liên lạc thường xuyên với bộ tham mưu binh đoàn bảo vệ Moskva. Tuyết rơi đậm đặc đến nỗi bọn Đức không thể phóng máy bay để thả bom Hồng trường. Mệnh lệnh cho các đơn vị tham gia duyệt binh là rành mạch: gì xảy ra đi nữa, giữ nguyên bình tĩnh và tuân thủ kỷ luật. Cuộc duyệt binh này càng củng cố hơn niềm tin vào khả năng bảo vệ Moskva và, cuối cùng, giành chiến thắng trước kẻ địch.

5. Sorge. “Dàn đồng ca Đỏ” trong hậu phương Hitler

Thậm chí trong những giờ lo âu ấy, chúng tôi vẫn tìm những điểm yếu của kẻ thù, để xoay trở tình hình có lợi cho ta. Chúng tôi nhận được thông tin giá trị của hầu tước Nelidov, cựu sĩ quan quân đội Sa hoàng và bạch vệ, điệp viên hai mang tầm cỡ của Abwehr và tình báo Anh. Theo nhiệm vụ của Canaris hầu tước Nelidov tham gia “trò chơi” chiến lược quân sự của bộ tổng tham mưu Đức vào những năm 1936-1937. Trước ngưỡng cuộc xâm lăng của Đức vào Ba Lan (ông ta ở Varsava với nhiệm vụ tình báo), phản gián Ba Lan đã bắt giữ ông ta. Chiếm được Tây Ucraina năm 1939, chúng tôi phát hiện được ông trong nhà tù L'ovov và đưa về Moskva. Chiêu mộ Nelidov là Vaxli Zarubin, Zoia Rubkina và Pavel Juravlev, phụ trách tình báo NKVD hướng Đức. Vào những năm 1941-1942 được lập kế hoạch sử dụng Nelidov để đối chọi với các điệp viên tình báo Anh trụ lại ở Moskva. Lúc ấy các lời khai của Nelidov cho biết định hướng cơ bản của Abwehr trong công tác tình báo phá hoại trong điều kiện chiến tranh chớp nhoáng, Juravlev, Rubkina và tôi đã không đánh giá đủ ý nghĩa. Thế nhưng hoàn cảnh thay đổi đột ngột sau những thất bại của chúng ta vào những ngày tháng đầu tiên của chiến tranh. Lúc này thì chúng tôi mới quay lại với những cuộc hỏi cung đầu tiên của Nelidov. Đối chiếu những lời khai của ông với những tài liệu nhận được năm 1937 từ Spigelglaz về các “trò chơi” quân sự - chiến lược trong bộ tham mưu Đức quốc xã, và sự đặt cược của người Đức vào tính chớp nhoáng trở nên hiển hiện đối với tất cả mọi người. Phản ứng của Stalin đối với thông báo của chúng tôi là không chậm trễ. Phụ trách Tổng cục tình báo Hồng quân Golikov và phụ trách Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu thiếu tướng Vaxilevsky đã đến NKVD để hỏi cung mở rộng Nelidov và làm quen với tất cả các tài liệu tác chiến những năm 30. Họ có ấn tượng mạnh về sự thông tỏ, các mối liên hệ, và sự đánh giá của ông về giới chỉ huy cao cấp Đức.

Nelidov kể rằng bọn Đức có thể giáng thất bại cho ta chỉ trong trường hợp chiến tranh kéo dài hai hoặc ba tháng. Nhưng nếu trong vòng thời gian đó chúng không chiếm được Leningrad, Moskva, Kiev, vùng Donbass, bắc Kavkaz và tất nhiên, Baku với khả năng dầu lửa của nó, cuộc xâm lược hiển nhiên thất bại. Số lượng khổng lồ các xe tăng và các binh đoàn mô tô cần thiết cho chiến tranh chớp nhoáng, chỉ có thể hoạt động có hiệu quả trên lãnh thổ có mạng lưới giao thông phát triển khá tốt, còn để tiến hành cuộc chiến tranh kéo dài thì người Đức thiếu nguồn nhiên liệu dự trữ, nhất là các hạm đội Đức, và các tàu ngầm.

Tháng 10 và 11-1941 chúng tôi nhận được thông tin tin cậy từ Berlin về việc quân đội Đức hầu như đã cạn kiệt nguồn dự trữ súng đạn, dầu lửa để tiếp tục các chiến dịch tấn công tích cực. Tất cả đã chỉ ra sự tạm ngừng tất yếu trong cuộc tấn công của Đức. Chuyển những cứ liệu này là Arvid Harnak (mật danh Korxikanets), chiến sĩ chống phát xít, cố vấn bộ trưởng kinh tế Đức. Thành viên một gia đình nổi tiếng của những nhà văn và triết gia, ông được lời cuốn cộng tác trong thời gian đi thăm Liên Xô năm 1932 và từ bấy đến giờ suốt chục năm trời cung cấp thông tin cho tình báo Xô viết cho đến khi ông bị phát giác. Tháng 12-1942 ông bị xử án và bị treo cổ. Vợ ông, người Mỹ Mildred Fis Harnak mà ông làm quen trong thời gian học tại trường đại học Tổng hợp bang Wisconsin, cũng bị bắt và bị xử tử năm 1945 vì hoạt động chống phát xít.

Tháng 3-1939, khi tôi trở thành phó phụ trách tình báo NKVD, một trong những nhiệm vụ chủ yếu của tôi là cấy điệp viên ngầm vào Tây Âu và lập mạng lưới điệp viên có liên hệ với những người Đức có vỏ bọc ngoại giao. Liên quan với nước Đức là trung tâm chú ý của toàn bộ công tác của chúng tôi. Sau những vụ thanh trừng 1937-1938 trong tình báo những người mới chuyên trách các vụ việc Đức, và các tiếp xúc của chúng tôi với điệp viên bị cắt đứt tạm thời. Việc bỏ trốn của Alexandr Orlov năm 1938 ném ngòi vực lên các cán bộ lãnh đạo Cục đối ngoại. Người ta bắt giam Spigelglaz, Maly, Belkin, Xerebrianxky và những cán bộ khác kiểm soát các mạng lưới điệp viên tại Tây Âu, gây khó khăn đáng kể cho thu nhận tin tức tình báo. Khi tôi đứng đầu lĩnh vực này, tôi buộc phải phái ra nước ngoài những người mới mà thường là thiếu kinh nghiệm. Kết quả là từ tháng 11-1938 đến tháng 3-1939 tin tức tình báo đến từ Tây Âu giảm đi đột ngột. Quyết định được Stalin và Beria phê chuẩn về việc mở trường tình báo để chuẩn bị cán bộ có nghĩa rằng không sớm hơn sau hai năm chúng tôi mới nhận được những chuyên gia đầu tiên. Trong khi đó nhu cầu cán bộ ngày càng khẩn thiết hơn. Chúng tôi vô cùng cần những người mới. Bối cảnh ngày càng nóng hơn: Hitler chuẩn bị chiếm Ba Lan. Các triển vọng triển khai chiến tranh ở châu Âu đã rõ nét thêm. Stalin đòi hỏi từ Beria những chi tiết về các đạo quân chiến đấu Đức và những kế hoạch chiến lược của Berlin.

Bởi nhẽ những người trước đây chịu trách nhiệm về mạng lưới điệp viên tại Tây Âu (Orlov ở Tây Ban Nha, Krivitsky ở Hà Lan, Reix và Xteinberg ở Thụy Sĩ), hoặc trở thành kẻ vượt tuyến, hoặc bị thanh trừng, cực kỳ khó thuyết phục Beria và Merkulov phiêu lưu và thúc đẩy những cơ cấu mà họ đã lãnh đạo vào thời của mình. Rất may, không phải tất cả đều bị thanh trừng. Một số ví dụ như Lang, Parparov, Fiser-Abel và Girsfeld, tạm thời bị xếp vào quân dự bị trong khi bên trên đang quyết định số phận của họ. Tại Berlin và Paris vẫn có những người của ta. Nhóm Cambrige phục hồi lại hoạt động của mình bất chấp hiểm nguy rằng Orlov chạy sang phương Tây có thể làm lộ. Rốt cuộc đã thuyết phục được Fitin,

rằng dù sao chúng ta cũng nên liều mạng và phục hồi lại các điệp viên cũ, dù điều đó có nguy hiểm đến đâu đi nữa. Tôi với ông báo cáo với Beria và ông ta ủng hộ chúng tôi. Quyết định không đơn giản là phục hồi các mối tiếp xúc bị ngắt quãng nửa năm, dù chúng tôi e sợ rằng qua thời gian ấy có thể một số đã bị bắt và bị chiêu mộ lại. Nhưng đã cuối tháng 4-1940, và bóng ma chiến tranh đã hiện rõ hơn ở phía chân trời.

Tôi nhớ rằng chính lúc ấy ở Trung tâm đã định đoạt số phận của Kim Filby. Khi từ London người ta yêu cầu cho phép chuyển ông vào bộ tham mưu tình báo Anh, tôi đồng ý với điều kiện là ông tự nguyện tiếp nhận quyết định về “trò chơi nước đôi” có tính đến sự mạo hiểm đặc biệt.

Chuyển Filby sang công tác tác chiến, tình báo Xô viết không chỉ đặt ông vào tình huống phức tạp. Một cách mới hoàn toàn nổi lên vấn đề về sự tin cậy ông như nguồn thông tin quan trọng nhất về các ý đồ của kẻ thù.

Trong tình báo có thể lệ kiểm tra lại một cách bắt buộc tất cả các nguồn được tuyển mộ trong bộ máy cơ quan đặc biệt của đối phương. Filby nói riêng, khi báo các cứ liệu có ở tình báo Anh về các cuộc trò chuyện của đại sứ Anh ở Moskva Krips với thứ trưởng bộ Ngoại giao Vusinxky về định hướng của sứ quán Anh cho Bộ Ngoại giao Anh ngày 15 và 28-3-1941 đã chưa truyền đạt đầy đủ nội dung các tài liệu này. Trong bức điện không đưa ra các cứ liệu về các bước ủng hộ lãnh đạo Xô viết của Anh và Mỹ như đã thỏa thuận. Trong khi đó thông tin mở rộng hơn về các vấn đề này đã đến từ Maklin cán bộ Bộ Ngoại giao Anh. Nhà phân tích của NKVD trung tá Mordjinxkaia, vào những năm 1960-1970 là một triết gia sáng giá, giáo sư Viện triết Viện hàn lâm khoa học, trong kết luận của mình đã ngờ Filby thiếu chân thật và tham gia vào chiến dịch tung tin giả của tình báo Anh. Filby sống và làm việc dưới bóng những ngờ vực này nhiều năm dài. Như tôi nghe kể ở Trung tâm, tại Moskva thậm chí vào những năm 60 ông phải trải qua thủ tục nhục nhã kiểm tra lòng trung thành.

Tại Pháp Vaxilevsky, người phải hồi phục lại mạng lưới, được phái tới làm lãnh đạo mới của tổ điệp viên. Ở Đức, Phần Lan, Ba Lan và Tiệp Khắc một nhóm sĩ quan đã nhận được sự đề cử. Họ mất chừng nửa năm để kiểm tra trạng thái và độ tin cậy của hệ thống điệp viên đã bị mất liên hệ vào thời gian cuối.

Những năm 1939-1940 chúng tôi lập lại các mối liên hệ và tích cực bắt tay vào công việc. Mạng lưới bí mật được lập bởi tình báo quân đội và NKVD nổi tiếng với tên gọi “Dàn đồng ca Đỏ” đã hoạt động gần như suốt thời gian thế chiến II. Các điệp viên “Dàn đồng ca Đỏ” đã chuyển qua điện đài các tin tức mã hoá về Trung tâm.

Xin có mấy lời về công việc đó. Tình báo quân đội có mạng lưới điệp viên ở Đức, Pháp, Bỉ và Thụy Sĩ và hoạt động độc lập với NKVD. Những năm 1938-1939, trước khi bắt đầu chiến tranh, các nhà binh khá nhìn xa trông rộng và đã gửi sang Pháp và Bỉ hai cán bộ Trepper và Gurevich cùng với các điện báo viên để làm việc trong thời gian có chiến sự. Các nhà quân sự cùng có tổ điệp viên ngầm ở Thụy Sĩ được lãnh đạo bởi cựu cán bộ ban Hungari của Quốc tế cộng sản Sandor Rado Urxula và Kutsinxca (mật danh Xonia), muộn hơn, vào 1941 trở thành người liên lạc giữa chúng ta với nhà vật lý Đức Klaus Fuchs làm việc tại Anh.

Việc chuẩn bị cho hoạt động tốc chiến tại Tây Âu và việc chuyển sang tình trạng bất hợp pháp đã có những sai lầm nghiêm trọng. Mạng điệp viên của Trepper, Gurevich và Rado liên quan quá mạnh với nguồn cấp tin của tộc người Do Thái, khiến nó dễ bị lộ từ phía cơ quan đặc biệt Đức. Lãnh đạo Tổng cục tình báo, cũng như INO NKVD đã coi thường việc huấn luyện điệp báo viên để hoạt động trong điều kiện chiến tranh. Trước ngưỡng cửa chiến tranh NKVD đã thành lập được một mạng lưới điệp viên hùng hậu ở Đức, lãnh đạo nó là Amaiak Kobulov, Korotkov và Juravlev. Bên tình báo quân đội cũng có những điệp viên quan trọng ở Đức Ilza Stebe trong phòng báo chí Bộ Ngoại giao và Rudolf Selia, một nhà ngoại giao cao cấp của Đức.

Cuối năm 1941 khi Đức tấn công Liên Xô, tình báo ta không có sự kiểm soát tập trung đối với tất cả các mạng lưới điệp viên chuyển cho chúng tôi các tin tức độc lập với nhau. Tổng cục tình báo Hồng quân được huấn luyện tốt hơn để chuyển từ những người đưa tin và bưu phẩm ngoại giao sang liên lạc điện đài bí mật: các điệp viên có thiết bị cần thiết. Còn chúng tôi mãi đến tháng 4-1941 mới gửi đến các tổ tình báo Tây Âu chỉ thị về huấn luyện cho công việc trong điều kiện chiến tranh tới gần. Người ta giao trách nhiệm cho Amaiak Kobulov và Korotkov đang ở châu Âu tăng tốc huấn luyện các điệp báo viên và bảo đảm cho họ máy móc đáng tin cậy, cũng như lập những cơ sở phụ cho điện đài.

SultseBoizen (Xtarsina), Harnak (Korxikanets) và Kuhhof (Ông già) được Kobulov và Korotkov huấn luyện tồi, đã vi phạm nguyên tắc giữ bí mật sơ đẳng: liên lạc hữu tuyến. Ngoài ra ba điệp viên này có chung một điệp báo viên.

Tháng 10-1941, mất liên lạc với các điệp viên ở Berlin vì máy móc kém và sự làm việc kém chuyên môn của điệp báo viên, Tổng cục tình báo quân đội và NKVD đã có một sai lầm không thể tha thứ. Nhóm trưởng ở Brussels Gurevich (Kent) nhận qua điện đài một bức mật mã mà theo đó ông cần đi về Berlin cùng với điệp báo viên. Ông chuyển anh này cho Korxikannets và Xtarsina. Khi trở về Brussels khẳng định thực hiện thành công nhiệm vụ và báo cho Moskva thông tin nhận được tại Berlin, về những khó khăn mà bọn Đức đang trải qua trong cung cấp và tăng dự trữ, đánh giá thực tế của bộ chỉ huy Đức về thất bại của chiến tranh chớp nhoáng, về vụ tấn công có thể của đối phương xuân hè 1942 với mục đích chiếm các cơ sở công nghiệp dầu khí của ta.

Những tin tức giá trị nhường ấy chuyển từ tháng 11-1941 và được khẳng định sau ba tháng, đã được báo cáo với chính phủ, nhưng tiếc thay, đã không đóng vai trò gì đáng kể, bởi ngày 13-12-1941 điệp báo viên và người giữ khoá mã của "Kent" đã bị phản gián Đức tóm được và Gestapo không mấy khó khăn năm 1942 đã bắt giữ các lãnh đạo của "Dàn đồng ca Đỏ" ở Berlin và tại những thành phố Tây Âu khác.

Ngày 5-8-1942 chúng tôi ném hai điệp viên nhảy dù sang Đức Artur Hexxeler và Albert Bart. Nhưng bọn Đức đã giữ trong tầm theo dõi nhóm mà họ được phái đến nối liên lạc, và đã bắt giữ họ. Hexxeler hy sinh, còn bọn Đức đã chiêu mộ Bart, và hắn đã bắt đầu tiến hành trò chơi điện đài với chúng tôi mà, tiện thể, chúng tôi đã đoán ra ngay. Bart đã khai ra điệp viên ta Villi Leman (Braitenbakh), người cộng tác với chúng ta từ năm 1935. Leman là nhân viên Gestapo và cung cấp cho chúng ta thông tin cực kỳ quan trọng. Những năm 1935-1941 ông chuyển cho chúng ta những tài liệu quan trọng nhất về kế hoạch của Gestapo cài điệp

viên vào sổ người Nga lưu vong và trong hoạt động bí mật của ĐCS. Từ Leman chúng ta cũng biết những nguồn nào của phản gián Ba Lan bị Đức chiêu mộ và sử dụng sau khi phát giác ra phụ trách tình báo Ba Lan Xoxnovsky ở Berlin.

Leman bị bắt bí mật trên đường phố, bị Gestapo báo cho vợ ông rằng chồng bà biến mất và người ta đang tăng cường tìm kiếm ông. Sau chiến tranh chúng tôi chỉ tìm được phiếu đăng ký của ông trong lưu trữ của nhà tù Pletsenzeia những dấu vết khác về ông không còn. Trong những năm chiến tranh Leman là sĩ quan Gestapo duy nhất cộng tác với chúng ta.

Trong lưu trữ của Gestapo chúng tôi phát hiện được các tin về “Dàn đồng ca Đỏ”, dù tên Bart không có ở đó, thậm chí Leman cũng không được nhắc tới. Có thể, điều đó được gọi nên bởi sự không mong muốn ném bóng đen lên Gestapo mà trong hàng ngũ có điệp viên Xô viết. Tôi không loại trừ rằng Gestapo sợ Hitler biết. Bart bị người Anh bắt làm tù binh và chuyển cho chúng ta năm 1946. Hắn được đưa về Moskva, bị xử bắn vì tội phản bội.

Mấy lời về công việc của nhóm Sorge (Ramzai) ở Tokyo. Người ta có thái độ không tin phần nào với những thông tin đến từ tuyến này từ giới gần gũi của thủ tướng Konoye, và những phát biểu của đại sứ Đức Otto ở Moskva. Và sự thể không chỉ ở chỗ là lôi kéo Sorge vào làm việc là Berzin và Borovich, các lãnh đạo Tổng cục tình báo quân đội những năm 20-30 về sau bị thanh trừng. Còn trước sự bắt giữ Borovich, phụ trách trực tiếp của Sorge, người sau này đã nhận được từ cấp lãnh đạo cao nhất chỉ thị cộng tác với tình báo quân đội Đức tại Nhật Bản. Nhận được sự cho phép, nhưng đồng thời rơi vào sự nghi ngờ, bởi các điệp viên chuyên nghiệp tầm cỡ này theo truyền thống không được tin cậy và định kỳ bị kiểm tra trong tất cả các cơ quan đặc biệt. Năm 1937 quyền tổng cục trưởng tình báo Gendin trong báo cáo của mình với Stalin, nhấn mạnh trò chơi hai mặt của điệp viên giá trị Sorge, lấy được thông tin cho cả Otto, nhóm trưởng tình báo Abwehr của Đức tại Nhật Bản, đã kết luận rằng điệp viên được chỉ ra không thể được sử dụng như một nguồn thông tin tin cậy trọn vẹn.

Bi kịch của Sorge là ở chỗ công việc anh hùng của ông và những tin tức đến từ ông không được bộ chỉ huy chúng ta dùng. Những số liệu quan trọng đặc biệt về cuộc tấn công sắp tới của Nhật đối với Mỹ, về sự không liên kết của Nhật tới sự xâm lược của Đức chống Liên Xô vào tháng 9-10-1941 cứ thế nằm yên trong lưu trữ chúng ta. Còn các sư đoàn được ném từ Viễn Đông về gần Moskva tháng 10-1941 chỉ là vì Stalin không còn những đơn vị chiến đấu dự bị khác. Nếu trong khi đó lưu ý đến thông tin của Sorge, quyết định được tiếp nhận là không có vai trò đáng kể. Thông tin về việc người Nhật không có ý định chiến đấu chống chúng ta đều đặn đến từ 1941-1945 từ các điệp viên được kiểm tra đang giữ chức vụ cố vấn sứ quán Nhật tại Moskva và chỉ huy trưởng cơ quan mật vụ quân đội Quan Đông, người chuyển cho chúng ta các tài liệu về chuyển quân của các binh đoàn Nhật tại Mãn Châu Lý. Ngoài tất cả những điều đó, chúng ta đã giải mã được thư của sứ quán Nhật ở Moskva với Tokyo mà từ đó hiểu rằng Nhật không có kế hoạch xâm phạm Liên Xô vào tháng 10-1941.

Hành vi của Sorge tại cuộc điều tra sau khi bị chính quyền Nhật bắt, gây nên sự giận dữ

nghiêm trọng ở Moskva. Ông đã vi phạm điều luật chính của tình báo Xô viết: không bao giờ thú nhận làm gián điệp cho Liên Xô dưới bất cứ hình thức nào. Dù việc trao đổi các điệp viên và tình báo viên bị bắt vào những năm 30 là rất hạn chế, dẫu vậy đôi khi người ta vẫn chịu làm. Thí dụ, người Ba Lan đã thả điệp viên Feditskin năm 1930. Người Mỹ - nhóm trưởng NKVD ở New York Ovakimian tháng 9-1941. Ban lãnh đạo Tổng cục tình báo do những lời thú nhận của Sorge đã không đặt trước bất kỳ ai về sự trao đổi có thể cho ông.

Đến tháng 8-1942 “Dàn đồng ca Đỏ” ở Berlin gồm các điệp viên của quân đội và NKVD, đã bị tiêu diệt. Nhưng ở Đức vẫn còn một loạt những nguồn thông tin quan trọng và các điệp viên ảnh hưởng. Một số điệp viên nhóm Hamburg được lập bởi Xerebrianxky và Etingon, không liên hệ với nhóm Harnak - Sultse- Boizen và cắm rễ trong các tổ hợp “Công nghiệp Farben” và “Tissen” tại cảng Hamburg, đã thoát khỏi và lui vào hoạt động bí mật. Thoát khỏi sự bắt bớ còn điệp viên “Iuna”, cô trụ ở cơ quan của Ribbentrop - Bộ Ngoại giao Đức; Olga Tsekhova và công tước Ba Lan Radzivill cũng không bị lộ. Thế nhưng thiếu những người liên lạc tin cậy với họ. Hai điệp viên - nhà doanh nghiệp người Thụy Điển Strinberg (Gustav) và diễn viên nổi tiếng Karl Gerkhart (Saxonie) may ra chỉ đóng vai làm người đưa tin. Các chuyến đi của Strinberg sang Đức ít hiệu quả, còn Gerkhart bị bọn Đức phát hiện vì ông ta không che giấu ý đồ chống phát xít. Mạng lưới điệp viên ở Pháp và Thụy Sĩ vẫn tiếp tục hoạt động.

6. Trò chơi hai mặt của tình báo Anh với việc sử dụng “Dàn đồng ca Đỏ” trong hậu phương Đức

Đầu năm 1941 Vaxilevsky tạo được một mạng điệp viên ở Pháp. Nổi liên lạc chính với họ là đại tá Smidt, cán bộ quan trọng của cơ quan mật mã Abwehr. Vaxilevsky biết được rằng đầu những năm 1930 Smidt bị tình báo Pháp chiêu mộ. Những người cộng sản Pháp giúp đỡ người của Vaxilevsky đã xác lập được là Smidt cùng làm việc cho cơ quan đặc biệt Anh. Ngay từ năm 1938 Maklin đã báo cho chúng tôi tên của điệp viên Anh mà Smidt giữ mối tiếp xúc tại Pháp. Theo tính chất các tài liệu được Smidt chuyển cho Vaxilevsky, chúng tôi hiểu rằng người Anh vẫn đều đặn bắt được và giải mã các điện báo của Đức. Người Đức lần ra những liên hệ đáng ngờ của Smidt, và ông ta biến đi không còn dấu vết.

Hàng trăm bức điện báo về Moskva của “Dàn đồng ca Đỏ” từ Thụy Sĩ trong thời gian từ tháng 7-1941 đến tháng 10-1943 chứa thông tin vô cùng giá trị: mệnh lệnh của bộ chỉ huy tối cao Đức, tin tức di chuyển quân và hàng loạt chi tiết tác chiến của các hoạt động chiến sự. Thông tin này được chuyển bởi Rudolf Ressler (Lutsi), nhưng ông từ chối nêu ra nguồn của nó với nhóm trưởng Xô viết Sandor Rado.

Ressler, kiều dân Đức, gặp Rado khi Hitler tấn công Liên Xô. Ông ngỏ ý cho biết rằng ông xem Rado là người có liên hệ với tình báo Xô viết, và đề nghị ông chuyển tin tức từ giới nhà binh Đức. Biết điều đó chúng tôi cho rằng “Lutsi” đơn giản cố giữ bí mật nguồn của mình - điệp viên trong bộ tổng tham mưu Đức.

Trong thực tế Ressler chuyển cho chúng tôi thông tin mà ông nhận được từ một người Anh. Tình báo Anh biết về công việc của nhóm Rado, bởi trước chiến tranh họ đã cài điệp viên của mình vào “Dàn đồng ca Đỏ” tại Thụy Sĩ. Theo các kênh ngoại giao ở London qua

phái đoàn liên lạc Anh ở Moskva họ không chuyển thông tin này, ngại chúng ta sẽ không tin và đòi nêu tên nguồn. Lúc ấy chúng tôi không biết là người Anh có máy đồng dạng với máy mật mã Đức “Enigma”, cho họ khả năng mã hoá các điện báo của Đức. Tin tức về nó đến với chúng tôi vào năm 1945 từ Filby và Kernkross.

Stalin không tin người Anh, và có cơ sở cho điều đó. Khi chúng tôi đối chiếu các tin tình báo từ điệp viên ta ở Thụy Sĩ và London, thì thấy sự trùng hợp đáng kinh ngạc của chúng. Thế nhưng tin từ London của nhóm Cambrige là đầy đủ hơn, còn từ nhóm Lutsi đã được chỉnh lý lại. Rõ ràng thông tin của Lutsi được nhào nặn và biên tập lại bởi các cơ quan đặc biệt Anh.

John Kernkross làm việc tại trung tâm mật mã Anh “Blechli park”, đều đặn cung cấp các điện báo đã giải mã cho điệp viên London của ta. Muộn hơn, khi trò chuyện với bạn tôi Kukin - anh là nhóm trưởng ở London từ 1943 đến 1947 và lãnh đạo nhóm Cambrige, chúng tôi thừa nhận rằng sự đóng góp của Kernkross vào sự nghiệp chung của chúng ta và các tài liệu nhận từ ông là một giá trị lớn để phát giác các kế hoạch tác chiến của Đức. Các tài liệu được giải mã đến từ Kernkross, không chỉ có giá trị quân sự, mà còn cho phép chúng tôi lần theo sự thâm nhập của cơ quan tình báo Anh vào nhóm của Rado.

Mùa xuân 1943, mấy tuần trước khi bắt đầu trận chiến Kurxk, điệp viên ta ở London nhận từ nhóm Cambrige thông tin về mục đích cụ thể của cuộc tấn công được Đức lập kế hoạch dưới mật danh chiến dịch “Tsitadel”. Thông báo này chỉ ra số lượng các sư đoàn Đức dự trù sử dụng, và nhấn mạnh rằng chiến dịch “Tsitadel” nhằm vào Kurxk, chứ không vào các Vòng cung Lớn, tức không về phía Tây, mà về Tây Nam so với Moskva - ở đây chúng ta không ngờ sự tấn công của Đức. NKVD chuyển thông tin này cho Tổng hành dinh Liên Xô ngày 7-5-1943. Tin từ London chứa những kế hoạch chính xác và đầy đủ hơn về cuộc tấn công của Đức, so với những gì nhận được theo tuyến tình báo quân đội của “Lutsi” từ Thụy Sĩ. Các lãnh đạo tình báo quân đội và NKVD liền thấy rõ hoàn toàn rằng, người Anh chuyển cho chúng ta thông tin có chỉnh lý, nhưng đồng thời vẫn muốn chúng ta làm đổ vỡ cuộc tấn công của Đức. Từ đó chúng tôi kết luận: họ quan tâm không chỉ vào chiến thắng của ta, mà cả việc kéo dài chiến sự mà chắc sẽ làm suy kiệt sức lực của cả hai bên.

Đầu năm 1943 Tổng cục trưởng tình báo quân đội tướng Ilichev gửi thư đến NKVD và cho tướng Xelivanovxky, phó cục trưởng phản gián quân đội XMERS, thông báo rằng các cơ quan đặc biệt Đức đã thâm nhập vào “Dàn đồng ca Đỏ”. Từ điệp viên ở Brussels Gurevich (Kent) đã nhận được cảnh báo mã hoá: ông ta đang làm việc dưới sự kiểm soát của Đức. Trung tâm chấp nhận tiếp tục trò chơi điện đài này với bọn Đức. Mùa thu 1943 ở Geneve và Lozanna các điện báo viên của “Dàn đồng ca Đỏ” bị bắt, nhưng chúng ta vẫn tiếp tục nhận được thông tin từ London của nhóm trưởng Kukin, người thay thế Gorxky.

Tình báo Anh cho đến giờ vẫn không thừa nhận đã chuyển cho mạng lưới điệp viên ta ở Thụy Sĩ các tin tức đã được chỉnh lý lại. Thế nhưng ở Moskva bao giờ cũng có thái độ ngờ vực đối với “Dàn đồng ca Đỏ”. Hoạt động anh hùng của họ ở Đức, Pháp và Thụy Sĩ không đem lại vinh quang trong mắt giới lãnh đạo tình báo Xô viết. Không ai xem công việc của họ là đáng tin cậy, bởi vì những mệnh lệnh của Đức được giải mã do người Anh chuyển, không chứa các cứ liệu khẳng định, dựa trên các tài liệu đích thực, mà dựa trên thông tin miệng.

“Dàn đồng ca Đỏ” đến giờ ở phương Tây vẫn được xem là nguồn cung cấp thông tin chủ yếu nhưng trên thực tế, thông tin này đối với chúng ta không mang tính chất hàng đầu. Mặc dù vậy, cần thừa nhận là các điệp viên đã hoạt động với lòng dũng cảm và tay nghề cao và nhiều người trong số họ đã hy sinh anh dũng. Những người lãnh đạo “Dàn đồng ca Đỏ” Trepper (Seeps lớn), Gurevich (Seeps nhỏ, hay Kent) và Rado (Dor) bị coi là những tên phản bội. Trepper và Rado cố trốn khỏi chính quyền Xô viết; người Anh đã thực hiện truy lùng và dẫn độ họ về Moskva. Tại Moskva họ bị bắt và giam vào nhà tù ở Lubianka.

Trepper và Rado ở trong tù mười năm cho đến trước khi họ được tha và minh oan vào cuối những năm 50. Trong các hồi ký của mình họ giới thiệu Gurevich như kẻ phản bội, nhưng chính ông đã tóm được, chiêu mộ và đưa về cho chúng tôi ở Moskva năm 1945 tên điều tra viên chính của Gestapo đã chuyên trách vụ “Dàn đồng ca Đỏ”. Tháng 11-1942 khi Gurevich bị bắt bởi Gestapo, ông đã chuyển được điện báo cảnh báo rằng từ nay ông bị nằm dưới sự kiểm soát của người Đức, còn chỉ dẫn tiếp tục trò chơi điện đài, ông đã làm. Chiến tranh vừa kết thúc, Gurevich đã biết cách thuyết phục viên sĩ quan Gestapo Haints Pannvits, kẻ phụ trách vụ “Dàn đồng ca Đỏ” tiếp xúc với chúng ta. Theo lời Gurevich, đối với tình báo Xô viết, y là một thứ đầy giá trị, bởi đang nắm thông tin cho phép chúng ta phân loại những ai là người có cảm tình và ai là kẻ thù của chúng ta. Điều đó, ông nói, sẽ bảo đảm cho Pannvits sự ân xá và công việc trong các cơ quan an ninh Xô viết. Đang bị sốc vì sự thất bại của nước Đức, Pannvits chấp nhận đề nghị của Gurevich gạt bỏ bí mật với đại diện Nga. Ông ta cùng với Gurevich bị bắt giữ và đưa nhanh về Moskva.

Thế nhưng những phát giác của Pannvits chỉ được quan tâm hạn chế trong mắt ban lãnh đạo tình báo. Sự nổi tiếng của Pannvits ở phương Tây loại trừ khả năng sử dụng ông ta cho các chiến dịch tích cực. Bởi ông ta có thể báo về những tên chỉ điểm của Gestapo mà chúng ta cùng tình báo Anh vẫn tiếp tục lùng kiếm, đã có quyết định không thủ tiêu ông ta, mà giữ tiếp tục trong tù. Trepper, Rado và Gurevich chia sẻ với số phận ông ta; họ đều sống sót chỉ vì những lời khai của họ có thể trong tương lai vẫn còn cần đến. Sau mười năm ở trong tù Pannvits hồi hương về Đức.

Từ năm 1946 Rado và Trepper tuyên bố rằng sự đổ vỡ của “Dàn đồng ca Đỏ” xảy ra là do sự phản bội của Gurevich. Sau cái chết của Stalin năm 1953, như người ta nói với tôi, các cựu binh Quốc tế cộng sản đã chạy vạy minh oan cho Rado và Trepper. Vụ việc của họ được xét lại, và năm 1955 họ được cởi bỏ tội phản bội Tổ quốc, dù Tổng cục tình báo Bộ Tổng tham mưu có phản đối, đưa ra những cáo buộc chống lại họ - sự vi phạm nguyên tắc bí mật và chi phí tiền không được phép. Gurevich được tha năm 1955 theo lệnh ân xá cho những người bị buộc tội cộng tác với Đức, nhưng không được minh oan.

Gurevich yêu cầu thẳng với Khrusev xem xét việc của ông, nhưng KGB và tình báo quân đội khẳng khái giữ ý mình, dự định biến ông thành vật hy sinh vì sự thất bại của “Dàn đồng ca Đỏ”. Theo bản tìm hiểu đặc biệt được chuẩn bị bởi các lãnh đạo tình báo KGB Xakharovxky và Korotkov, năm 1958 Gurevich lại bị bắt. Lệnh bắt được ký bởi Xerov đến lúc ấy đã trở thành người đứng đầu KGB và Viện trưởng công tố Rudenko. Gurevich bị kết án 20 năm tù giam, nhưng tương ứng với bộ luật hình sự mới thời hạn này được rút xuống 15 năm. Bởi ông đã ngồi gần mười năm, sau 5 năm người ta đã thả ông.

Sau đủ hạn tù Gurevich đã định cư tại Leningrad nơi ông làm phiên dịch. Hằng năm ông đâm đơn đòi xem xét lại vụ án của mình, nhưng KGB và tình báo quân đội cứ khăng khăng phản đối. Trong lịch sử chính thống ngành tình báo quân sự Xô viết, soạn những năm 60-70. Gurevich được coi như một kẻ phản bội mà những hành động đã dẫn tới sự đổ vỡ *Dàn đồng ca Đỏ* tại Đức và Pháp. Ở phương Tây trong cuốn sách của Jil Perro *Dàn đồng ca Đỏ* cũng thể hiện chính quan niệm đó.

Năm 1990 Viện kiểm soát quân sự hỏi tôi về vụ Gurevich, người vẫn tiếp tục đòi minh oan cho mình. Viện kiểm soát đã tìm được một tài liệu có tầm quan trọng vô cùng - ghi chép công vụ của Bộ Tổng tham mưu gửi NKVD khuyến khích trò chơi điện đài của Gurevich (Kent) với người Đức. Khi vụ Gurevich được bắt đầu xem xét lại, thì hóa ra: lỗi duy nhất của ông là đã lập gia đình ở phương Tây không được sự ủng hộ của Trung tâm. Thế nhưng lãnh đạo tình báo quân đội tiếp tục ngoan cố cản trở phục hồi các quyền của ông. Sau năm 1991 khi cuối cùng Gurevich được giải oan. Tổng cục tình báo Bộ Tổng tham mưu kiên quyết từ chối trả tiền bồi thường cho ông, không trả lương hưu và quyền cưu mang chiến binh chiến tranh.

Con người này vẫn sống. Vợ ông mất ở châu Âu, còn con trai đã cùng vợ và mấy đứa trẻ thường đến Saint-Peterburg gặp gỡ với cha. Câu chuyện Gurevich được viết trên nhiều báo chí Nga, nhưng không ai đặt câu hỏi: ý đồ ác độc của ai trong cơ quan tình báo Liên Xô suốt những năm này vẫn tiếp tục đổ tội lên con người này?

7. Ý đồ thăm dò ngoại giao bí mật và tung tin giả cho người Đức qua đại sứ Bungari ở Liên Xô Xtamenov

Đối với chúng tôi, những người biết các vấn đề về cung ứng của quân đội Đức, sắc lệnh của Stalin trụ vững đến cùng trong những năm 1941 và 1942 và bằng bất cứ giá nào chặn kẻ thù lại là tự nhiên và sáng suốt. Nhìn lại, ta thấy rằng những thất bại bi thương của Hồng quân ở Belorussia, hàng triệu người bị giết và bị bắt làm tù binh gần Kiev đối với Đức quốc xã, đó chỉ là thành công chiến thuật. Trước bọn Đức là viễn cảnh một cuộc chiến kéo dài mà để chiến thắng thì chúng thiếu nguồn dự trữ cần thiết.

Đến giữa tháng 7-1941 chúng tôi nhận được hai tin quan trọng. Một - qua điện đài từ Berlin, một - từ các nhà ngoại giao và tình báo ta bị Đức cách ly ở Italia và Berlin vào đầu chiến tranh. Sau khi trao đổi với các nhà ngoại giao Đức bị cách ly ở Moskva, bí thư thứ nhất sứ quán Liên Xô ở Berlin Berejko, nhóm trưởng NKVD Amaik Kobulov, em trai của Bogdan Kobulov phó của Beria, đã báo rằng bá tước Bomann, người tiễn đoàn tàu các nhà ngoại giao Xô viết rời khỏi nước Đức, đã ngầm nói với họ: có thể tới một ngày khi nước Đức và Liên Xô sẽ thích điều chỉnh các quan hệ của mình trên cơ sở nhường nhịn lẫn nhau.

Trong những trận chiến suy kiệt gần Xmolensk quân đoàn tăng của tướng Guderian bị kìm lại. Sự thất vọng tăng lên trong bộ chỉ huy tối cao Đức, bị đẩy lên bởi tốc độ di chuyển chậm của các đơn vị Đức vào tháng 7-1941, được Arvid Harnak báo về từ Berlin. Ngày 25-7 Beria ra lệnh cho tôi liên lạc với điệp viên Xtamenov, đại sứ Bungari ở Moskva và thông tin cho ông ta kiểu như trong các giới ngoại giao loan tin đồn đại là có khả năng kết thúc hòa bình cuộc chiến tranh Xô - Đức trên cơ sở nhường nhịn lẫn nhau. Beria cảnh báo rằng nhiệm

vụ của tôi là bí mật hoàn toàn. Tức có ý là Xtamenov theo sáng kiến riêng sẽ đưa thông tin đó tới tai vua Boris.

Beria với Molotov kiên quyết cấm tôi giao cho vị đại sứ - điệp viên báo những tin tương tự cho lãnh đạo Bungari, bởi vì ông ta có thể đoán ra là đang tham gia vào một chiến dịch thông tin giả do chúng ta bịa ra tính để giành thời gian và tăng cường lập trường của các giới quân sự và ngoại giao Đức vốn không còn hi vọng có kết thúc chiến tranh bằng thỏa hiệp.

Như Beria chỉ ra trong lời khai vào tháng 8-1953 nội dung cuộc trò chuyện với Xtamenov đã được phê chuẩn bởi Stalin và Molotov.

Xtamenov được chiêu mộ bởi nhà tình báo giàu kinh nghiệm của ta Juravlev năm 1934 tại Roma. Ông ta làm bí thư thứ ba sứ quán Bungari, có cảm tình với Liên Xô và cộng tác với chúng ta hoàn toàn bởi cảm tình. Ông tin chắc vào sự cần thiết của liên minh bền vững giữa Bungari và Liên Xô và coi nó như sự đảm bảo duy nhất bảo vệ các quyền lợi vùng Balkan và trong đường lối châu Âu nói chung.

Khi Beria lệnh cho tôi gặp Xtamenov, ông lập tức nổi điện thoại với Molotov, và tôi nghe thấy Molotov không những ủng hộ cuộc gặp này, mà thậm chí còn hứa thu xếp cho vợ Xtamenov làm việc tại Viện sinh hoá Viện hàn lâm khoa học. Đồng thời Molotov cấm Beria tự mình liên lạc với Xtamenov, tuyên bố rằng Stalin ra lệnh giao cuộc gặp cho người cán bộ NKVD mà ông ta giữ liên lạc để không cho cuộc trò chuyện sắp tới một ý nghĩa quá lớn trong mắt Xtamenov. Bởi tôi chính là người cán bộ đó, nên đã gặp vị đại sứ ở căn hộ của Eitingon, sau đó thêm một lần ở khách sạn Aragvi, nơi văn phòng riêng của chúng tôi được trang bị máy nghe trộm: toàn bộ cuộc nói chuyện được ghi vào băng. Tôi chuyển cho ông ta những tin đồn đang làm người Anh lo sợ. Đến thời gian ấy đã rõ rằng những trận đánh gần Xmolenxk đã có tính chất kéo dài và các tập đoàn tăng của Đức bị tổn thất nặng. Xtamenov không biểu hiện ngạc nhiên đặc biệt nhân các lời đồn này. Ông cảm thấy chúng hoàn toàn đúng đắn. Theo lời ông, tất cả biết cuộc tấn công của Đức phát triển không thuận theo các kế hoạch của Hitler và chiến tranh rõ ràng sẽ kéo dài. Ông tuyên bố rằng ông tin chắc vào thắng lợi cuối cùng của chúng ta đối với Đức. Đáp lại lời ông, tôi nhận xét:

- Chiến tranh là chiến tranh. Và có thể, sẽ có ý nghĩa thăm dò khả năng để thương thuyết.

- Tôi nghi ngờ từ đây nó thành được cái gì, - Xtamenov phản đối.

Một lời, chúng tôi xử sự y như là phía Đức chắc cũng làm vậy. Cuộc trò chuyện chỉ là khởi xướng cuộc thăm dò. Tôi đã nhắc đến, rằng Botmann quan chức Bộ Ngoại giao đã có cuộc trò chuyện tương tự như thế với Berejkov.

Xtamenov không báo các tin đồn được tôi trình bày về Xophia, như chúng tôi tính đến. Chúng tôi tin chắc rằng, vì đã kiểm soát chắc thư từ mã hoá của sứ quán Bungari ở Moskva với Xophia, có sự tiếp cận đến các mật mã của họ mà chúng tôi gọi với nhau là "thư Bungari". Sura Kotsergina, vợ Etingon, một cán bộ tác chiến giàu kinh nghiệm của chúng tôi, liên lạc với các điệp viên trong giới ngoại giao và dân lưu vong Bungari ở Moskva và xác định rằng Xtamenov không hề làm gì để kiểm tra và phổ biến những tin đồn chúng tôi

tung ra. Nhưng nếu tôi trao cho Xtamenov một mệnh lệnh như thế, ông ta, là điệp viên bị chúng ta kiểm soát trọn vẹn, hẳn sẽ thực thi nó. Và câu chuyện đã kết thúc như thế vào cuối tháng 7 - đầu tháng 8-1941.

Vậy mà năm 1953, Beria bị buộc tội chuẩn bị kế hoạch lật đổ Stalin và chính phủ Xô viết. Kế hoạch này tiên liệu những thương thuyết mật với các điệp viên của Hitler, đề nghị một sự hòa bình phản bội đơn lẻ trên những điều kiện nhường nhịn về lãnh thổ. Trong cuộc hỏi cung tháng 8-1953 Beria chỉ ra rằng ông hành động theo lệnh của Stalin và bộ trưởng Bộ Ngoại giao Molotov.

Hai tuần trước cuộc hỏi cung Beria, tôi bị gọi vào Kremli nhân vụ điệp viên Xtamenov, nơi tôi đã báo những chi tiết cuộc nói chuyện của chúng tôi với Khrusev, Bulganin, Molotov và Malenkov. Họ chăm chú nghe tôi, không một nhận xét, nhưng muợn hơn tôi bị buộc tội làm liên lạc cho Beria trong âm mưu sử dụng Xtamenov để ký kết hòa bình với Hitler. Mong muốn dựng Beria làm gián điệp Đức và bôi nhọ ông, Malenkov bố trí phái Pegov, thư ký Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao, cùng với các điều tra viên Viện Công tố sang Xôphía. Thế nhưng Xtamenov khước từ cho bất cứ lời khai nào bằng văn bản.

Thật ra ông khẳng định miệng rằng ông là điệp viên NKVD và cộng tác với tình báo Xô viết vì lợi ích cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít cả ở chính nước Đức cũng như ở các nước liên minh. Những ý đồ tống tiền ông cũng không dẫn tới gì, ví dụ như đe dọa cắt tiền hưu mà ông nhận từ chính phủ Liên Xô vì hoạt động của mình trong thời gian chiến tranh. Theo nhân chứng của Xukhanov, trợ lý của Malenkov, và thông tin của em trai tôi (vợ chú ấy làm việc trong ban thư ký của Malenkov), Pegov từ Xôphía trở về với hai bàn tay trắng - không chứng cứ, không lời thú nhận. Tất cả mọi thứ đó được giữ bí mật, nhưng lại có trong bản án của Beria và của tôi.

Thế nhưng trong hồi ký của mình Khrusev, kẻ biết tất cả các chi tiết ấy, vẫn thích giữ giả thuyết cũ, rằng Beria tiến hành thương lượng đơn phương với Hitler do sự hoảng loạn của Stalin. Theo tôi, Stalin và toàn bộ ban lãnh đạo cảm thấy ý đồ ký kết hòa bình riêng rẽ trong cuộc chiến tranh vô cùng nặng nề này hẳn sẽ tước đi quyền lực của họ. Chưa nói về những tình cảm ái quốc chân chính của họ, điều mà tôi tin chắc; bất cứ hình thức hiệp định hòa bình nào đối với họ cũng không thể chấp nhận. Như những nhà lãnh đạo và chính khách dày dạn của một đế chế vĩ đại, không hiếm khi họ dùng vào mục đích của mình các tin tình báo cho các hành động thăm dò, cũng như để tống tiền các đối thủ cạnh tranh thậm chí là cả với đồng minh.

Và thế, mạng điệp viên chúng ta tiếp cận với giới thân cận của nhà vua Rumani trẻ tuổi Mikhai, thăm dò mối quan tâm hai chiều của triều đình ông ta và lãnh đạo Xô viết trong việc Rumani thoát khỏi cuộc chiến chống Liên Xô, Anh và Mỹ và tham gia vào chiến tranh chống lại Đức. Còn một sự kiện quan trọng nữa đi trước điều này: nhóm phần tử vũ trang ĐCS Rumani được các cán bộ tác chiến của chúng ta chỉ đạo đã bắt giữ thủ lĩnh phát xít, thủ tướng Antonescu khi y đến thăm nhà vua.

Trong số những sự kiện hậu trường ít được rõ của Cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, nên ghi nhận công việc cực kỳ lớn của phó cục trưởng Cục 4 NKVD Melnikov và các điệp viên ngầm Parparov và Iarikov những năm 1930 đã phân hoá các đơn vị địch. Dưới sự chỉ đạo

trực tiếp của Melnikov để cộng tác với chính quyền Xô viết và để thành lập Ủy ban chống phát xít của tù binh, các tướng Kurt Zeitzler và F.Paulus rơi vào tay chúng ta sau trận chiến Stalingrad được lôi kéo vào. Những tướng lĩnh danh tiếng ấy được xem với tư cách ứng cử viên có khả năng vào thành phần chính phủ Đức chống phát xít lưu vong mà Beria đề nghị tổ chức ở Moskva năm 1944.

Nhà sử học Leonid Retin viết rất thú vị trong các ấn phẩm của mình về đoạn này. Nói riêng, ông ghi nhận rằng những đề nghị của NKVD về việc thành lập chính phủ Đức lưu vong bị phá hỏng bởi những người cộng sản Đức đang ở Moskva, và ban lãnh đạo Quốc tế cộng sản.

Trong khi đó sự khước từ đề nghị của NKVD về vấn đề này được gợi nên bởi phía Mỹ, cũng như những phản đối của các chính phủ lưu vong Tiệp Khắc và Ba Lan ở London. Mạng điệp viên của ta ở London và Washington đã đặc biệt cho Liên Xô rõ thái độ của người Tiệp và người Mỹ về dự định vào tháng 8-1944 của Stalin và Molotov định mở rộng hoạt động của Ủy ban chống phát xít. Thế nhưng vẫn là điều bí ẩn, sao các đồng minh chúng ta lại biết về những kế hoạch này. Các đề nghị thành lập chính phủ Đức lưu vong chống phát xít vẫn nằm im trong hồ sơ của Cục 4 và trong soạn thảo của Tổng cục quản lý tù binh và những con tin của NKVD.

8. Những toán và nhóm phá hoại của NKVD trong trận chiến Kavkaz

Những năm chiến tranh tôi đã tham gia soạn thảo các quyết định về các vấn đề quân sự. Đặc biệt quan trọng là tiếp xúc của tôi với Tham mưu trưởng Hải quân, đô đốc Ixakov và các sĩ quan Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu.

Tháng 8-1942 Beria và Merkulov (cuộc trò chuyện này có Malenkov tham dự) giao cho tôi 150 nhà leo núi để tiến hành những hoạt động chiến đấu tại Kavkaz thời hạn chỉ trong 24 giờ. Khi các nhà leo núi được chuẩn bị xong để thực hiện nhiệm vụ chiến đấu thì lập tức Beria ra lệnh cho tôi cùng với ông và Merkulov bay từ Moskva đến Kavkaz trên máy bay vận tải. Chuyến bay dài dằng dặc. Chúng tôi bay đến Tbilixi qua Trung Á trên chiếc X-47, những máy bay nhận được từ Mỹ theo lend-liza. Các chiến dịch của chúng tôi - chặn sự triển khai của các đơn vị quân Đức đến Kavkaz trước trận chiến quyết định gần Stalingrad. Chúng tôi dừng ở Kraxnovodsk, sau đó ở Baku, nơi đại tá Stemenko chỉ huy hướng Kavkaz của Cục tác chiến bộ Tổng tham mưu báo cáo tình hình. Đã quyết rằng phân đội đặc nhiệm của chúng tôi cố gắng phong tỏa các đường núi và chặn bước tiến của các đơn vị tinh nhuệ của đối phương.

Lập tức sau chúng tôi, một nhóm các chỉ huy du kích dày kinh nghiệm và lính dù do một trong những phó của tôi, đại tá Mikhail Orlov chỉ huy đã đến Tbilixi. Họ không để bọn Đức tràn vào Kabardino-Balkaria và gây cho chúng những thất bại nặng nề trước khi bắt đầu cuộc tấn công. Cùng lúc ấy các nhà leo núi đã giật nổ các tét dầu lửa và tiêu diệt các đơn vị mô tô Đức đang ở trong núi.

Những tổn thất của chính chúng ta cũng to lớn, vì các nhà leo núi phần lớn chưa được huấn luyện chiến đấu. Họ là những nhà leo núi chuyên nghiệp, giỏi về vùng núi, được sự ủng hộ tích cực của những người miền núi. Chỉ dân địa phương ở Tresnia là không giúp họ.

Tại các cuộc họp tham mưu ở Tbilixi tiến hành dưới sự chủ tọa của Beria, đại diện chính của Tổng hành dinh, tôi thường cảm thấy khó khăn và bối rối, khi sự thể đề cập đến các vấn đề đơn thuần quân sự. Có lần tôi thử chuyển chúng sang Stemenko và nói rằng tôi không thạo chiến lược và chiến thuật quân sự. Beria cắt ngang tôi. “Cần phải nghiên cứu các vấn đề quân sự, đồng chí Xudoplatov ạ. Không nên nói là anh không thạo nghề. Anh sẽ được cử đi học ở Học viện quân sự sau chiến tranh”. Sau chiến tranh thực sự tôi đã vào Học viện và năm 1953, trước khi bị bắt, đã tốt nghiệp.

Những trận đánh rất nặng nề diễn ra tại Bắc Kavkaz vào tháng 8 và 9-1942, khi tôi có mặt ở đó. Phân đội đặc nhiệm của chúng ta đã gài mìn các giếng dầu và tháp khoan ở vùng Mozdok và cho nổ tung đúng khi lính mô tô Đức đến gần. Merkulov và tôi theo dõi vụ nổ, và nhập vào với nhóm phá hoại lùi vào núi sau cùng. Muộn hơn chúng tôi nhận được từ nhóm giải mật mã tin tức từ Thụy Điển: bọn Đức đã không thể sử dụng các dự trữ dầu lửa và giếng khoan của Bắc Kavkaz, điều mà chúng rất hi vọng.

Thế nhưng tôi vẫn nhớ sự chỉ trích mà chúng tôi phải chịu vì hoạt động thành công. Khi chúng tôi quay về Tbilixi, Beria báo là Stalin tuyên bố cảnh cáo Merkulov, phó của Beria, vì sự mạo hiểm khó biện minh khi thực hiện chiến dịch gài mìn: ông ta tự đẩy mình vào nguy hiểm và có thể bị bắt bởi các phân đội tiên tiêu Đức. Beria mắng tôi vì đã cho phép điều đó. Trong trận oanh tạc của bọn Đức một số sĩ quan Tổng hành dinh đang ở Kavkaz đã bị giết, ủy viên Bộ Chính trị Kaganovich trong đợt ném bom bị thương nặng vào đầu. Thủy sư đô đốc Ixakov cũng bị thương, còn một cán bộ Treka Gruzia của chúng tôi, Xadjaia, đã hy sinh.

Mối lo ngại rằng Tbilixi, mà kể cả toàn Kavkaz, có thể bị kẻ thù chiếm là hiện thực. Trong nhiệm vụ của tôi có việc thành lập hệ thống điệp viên ngầm phòng trường hợp Tbilixi rơi vào tay bọn Đức. Giáo sư Konstantin Gamxakhurdia (bố của Zviada Gamxakhurdia) là một trong những ứng cử viên vào vị trí nhóm trưởng mạng lưới điệp viên Gruzia. Ông là người cung cấp tin kỳ cựu của NKVD. Lôi kéo ông hợp tác là Beria sau mấy lần bị bắt liên can với những tuyên bố bị buộc tội chống Xô viết và với chủ nghĩa dân tộc. Số phận trớ trêu, trước chiến tranh ông nổi tiếng là kẻ thân Đức: ông cho tất cả mọi người hiểu rằng sự thịnh vượng của Gruzia sẽ phụ thuộc vào việc hợp tác với nước Đức. Tôi rất muốn kiểm tra những lời đồn đại này, và khi nhận được sự đồng ý của Beria, tôi cùng với Xadjaia trò chuyện trong khách sạn Inturist với giáo sư Gamxakhurdia. Tôi có cảm giác ông ta là người thích chơi trội. Thêm nữa, toàn bộ kinh nghiệm trước đó của một người chỉ điểm quy lại là để bán đứng mọi người, chứ không phải gây ảnh hưởng đến họ. Và thêm nữa: ông ta quá bận rộn với sáng tác của mình (ông ta viết tiểu sử Stalin bằng tiếng Gruzia.) Nói chung đó là một người có thiên hướng thích những mưu mô và bằng mọi cách cố lợi dụng sự ưu ái của Beria cho lợi ích bản thân: cả hai là người dân tộc Megrel.

Tham khảo các cán bộ địa phương, chúng tôi đi tới kết luận là tốt nhất nên dùng Gamxakhurdia vào vai trò khác. Vai trò chính được chuyển cho Matsivariani, kịch gia ở Tbilixi có tiếng là người đứng đắn. Ông nổi tiếng là người trung thực, và chúng tôi yên tâm giao cho ông số tiền lớn, cũng như chế tác vàng bạc mà khi cần có thể dùng cho hoạt động bí mật.

Viện sĩ Saria, trợ lý của Beria, chịu trách nhiệm về tuyên truyền của đảng ở Gruzia, đã

kể với tôi rằng về sau Beria không còn quan tâm gì đến Gamxakhurdia nữa. Thế nhưng ở Gruzia ông ta vẫn là một nhân vật có uy thế - một vị thánh trong giới văn hoá. Đã rõ rằng chính Stalin cấm bắt ông ta. Năm 1954 khi Beria đã bị bắn, chính quyền Gruzia muốn xử Gamxakhurdia và KGB địa phương xin Moskva cho phép bắt ông ta như đồng lõa của Beria, kẻ đã đầu cơ chính trị trên những mối liên hệ với kẻ thù của nhân dân. Như nhà văn Kirill Xtoliarov, người nghiên cứu các sự kiện những năm 1953-1954, kể với tôi, người ta muốn buộc Gamxakhurdia vào tội là theo chỉ thị của Beria, tổng tiền các đại diện trí thức Gruzia, buộc họ liên lạc với cơ quan đặc biệt Đức. Chính vì điều đó, những khoản buộc tội ông ta khẳng định, trong những năm chiến tranh ông ta nhận từ Beria và Mikoian những số tiền lớn.

Theo lời Saria, rốt cuộc người ta để Gamxakhurdia yên, như tôi rõ, ông ta chết ở Tbilixi vào những năm 70. Con trai ông ta trở thành tổng thống đầu tiên của Gruzia độc lập, năm 1992 bị lật đổ và cuối năm 1993, như thông báo, đã tự tử.

Năm 1953 người ta cũng buộc tội Beria gây tổn thất cho quốc phòng trong thời gian trận chiến tại Kavkaz. Lúc ấy vì sự liên hệ với Beria, Stemenko bị đuổi khỏi quân đội. Nhưng người ta đã không xoáy mạnh tội của Stemenko vì lợi ích của giới lãnh đạo chớp bu. Nguyên soái Gretsko lúc ấy là thứ trưởng Bộ Quốc phòng, trong thời gian chiến tranh đã chiến đấu tại Kavkaz dưới sự chỉ huy của Beria. Dễ hiểu rằng những cáo buộc dành cho Beria hẳn sẽ là bumerang (con quay) đánh vào giới lãnh đạo quân sự cao nhất. Vậy nên trong thông báo cho báo chí tuyên án đối với Beria không đưa vào những buộc tội phản bội trong giai đoạn trận chiến tại Kavkaz.

Xadjaia hy sinh trong trận ném bom, còn Stemenko không nhắc đến các quan hệ với tôi, vậy nên tôi không bị hỏi cung liên quan đến phòng thủ Kavkaz theo vụ Beria. Muộn hơn các điều tra viên nói chung đã mất đi sự quan tâm đến điều đó, dù tôi có lúc đã nghe từ họ những nhận xét, rằng tôi đã nhận không xứng đáng huy chương “Vì sự phòng thủ Kavkaz”, bởi đã cùng với Beria lừa đảo chính phủ Xô viết.

9. Các trò chơi điện đài chiến lược “Tu viện” và “Berezino” với tình báo Đức

Sau chiến bại của Đức ở Stalingrad, đầu năm 1943 Moskva sôi động trở lại. Hết nhà hát này đến nhà hát khác bắt đầu mở cửa. Điều đó nói rằng ngoài mặt trận đã diễn ra bước ngoặt. Vợ tôi với các con nhỏ, Andrei và Anatoli, quay về từ Ufa và làm giảng viên tại Học viện cao cấp NKVD. Tạm thời chúng tôi sống trong khách sạn Moskva, vì hệ thống sưởi trong ngôi nhà không làm việc, sau mấy tháng chúng tôi chuyển về một ngôi nhà không lớn, tắt thắp chỉ chín căn hộ tại ngõ cạnh Lubianka.

Vào thời đó, Moskva theo dõi sát sao câu chuyện của nhà thơ nổi tiếng Konxtantin Ximonov và Valentina Xerova, nữ nghệ sĩ cũng nổi tiếng không kém. Cuộc hôn nhân của họ không hạnh phúc, và sau chiến tranh Ximonov ly dị Xerova. Tôi và vợ mấy lần gặp cặp này tại nhà ăn đặc biệt. Ilin, chính ủy an ninh phụ trách “mặt trận văn hoá”, than vãn: ít gì việc, lại còn phải chịu trách nhiệm cho sự an toàn của Ximonov nữa! Ximonov là một tay lái xe liều mạng hiếm có. Lợi dụng vị thế ưu đãi của mình, ông ta làm tất cả những gì ông muốn. Thêm nữa ông lại có quan hệ tốt với Vaxili Stalin nổi tiếng máu mê với rượu và ăn chơi bạt

mạng.

Ilin kể với tôi phản ứng của Stalin (bây giờ nó đã công khai rộng rãi) với tập thơ của Ximonov xuất bản năm 1942 và đúng nghĩa là làm rung chuyển giới bạn đọc “Với em và thiếu em”, dành tặng Valentina Xerova. Sự nổi danh lớn đến mức không thể tìm mua nó.

Vào thời điểm ấy Stalin lo lắng thật sự vì con gái ông, Xvetlana, si mê nhà viết kịch bản phim Kapler. Các phim của ông ta - *Lenin Tháng Mười* và *Lenin năm 1918* thời ấy có thành công lớn. Xvetlana mới mười sáu, còn ông ta đã ngoài ba mươi. Muộn hơn Beria bị buộc tội là tổ chức đánh Kapler ngoài đường phố. Nếu điều đó là thực sự, thì ông có thể làm theo lệnh của Stalin. Trước khi bị bắt tôi không hề biết gì về chuyện này. Còn chính Kapler thì cuối cùng người ta bắt và đày vào trại tập trung, theo các tài liệu tác chiến, khi lập án một cách hình thức với ông ta “như gián điệp Anh”, vì tội quyến rũ trẻ vị thành niên và truyền bá tiểu lâm chống Xô viết.

Những trò chơi điện đài lớn hơn cả về mặt ý nghĩa là *Berzino* và *Tu viện*. Thoạt đầu chiến dịch *Tu viện* được soạn thảo bởi nhóm chúng tôi và Cục chính trị mật NKVD, còn sau đó từ tháng 7-1941 kết hợp chặt chẽ với GRU. Mục đích chiến dịch *Tu viện* là thâm nhập vào mạng lưới điệp viên của Abwehr đang hoạt động trên lãnh thổ Liên Xô. Để làm điều đó chúng tôi thành lập nhanh một tổ chức chống Liên Xô thân Đức, đang tìm tiếp xúc với bộ chỉ huy tối cao Đức. Bất chấp những đợt thanh trừng kỷ lưỡng vào những năm 20 và 30, nhiều đại diện của giới thượng lưu Nga vẫn còn sống sót; thật ra, tất cả họ bị giám sát, còn một số trở thành người cung cấp tin và điệp viên quan trọng của ta.

Phân tích tài liệu và thành phần mạng điệp viên mà phản gián NKVD chuyển cho chúng tôi, chúng tôi quyết định sử dụng một Glebov nào đó, cựu chủ tịch hội đồng quý tộc Nijny Novgorod, với tư cách mồi nhử. Đến thời gian này Glebov đã ngoài bảy mươi. Người này nổi tiếng trong các giới thượng lưu cũ: chính ông ta năm 1915 ở Koxtroma đã chào đón gia đình sa hoàng nhân dịp lễ trọng 300 năm triều đại Romanov. Vợ Glebov là người trong hoàng tộc nữ hoàng Nga cuối cùng Alexandra Fedorovna. Tóm lại, từ tất cả những đại diện giới thượng lưu Nga còn sống, theo chúng tôi Glebov là ứng cử viên tốt nhất. Tháng 7-1941, ông ta, gần như là kẻ ăn xin, nương nhờ trong tu viện Novodevitsi.

Tất nhiên, ông ta chẳng biết công tác điệp viên. Kế hoạch của chúng tôi là để Glebov và người thứ hai, cũng dòng họ danh giá (đó là điệp viên ta), chiếm được sự tín nhiệm của bọn Đức. Điệp viên Alexandr Demianov (Geine) và vợ anh, cũng là điệp viên NKVD, đi thăm tu viện Novodevitsi nhận ban phước trước việc Alexandr chuyển ra mặt trận vào đơn vị kỵ binh. Số đông những người phục vụ tu viện là những người báo tin ngầm của NKVD. Trong thời gian thăm tu viện người ta giới thiệu Demianov với Glebov. Giữa họ nảy sinh tình cảm thân thiện. Demianov thể hiện mối quan tâm đến lịch sử nước Nga, còn Glebov hoài niệm về thời quân chủ. Glebov quý sự gần gũi với người bạn mới, còn anh thường dẫn những người bạn mới, có cảm tình với Glebov đến gặp và muốn làm quen với ông ta. Đó hoặc là những nhân vật được NKVD tin cậy, hoặc các cán bộ tác chiến. Tổ chức mỗi cuộc gặp gỡ này là Makliarxky, người trực tiếp lãnh đạo điệp viên Demianov.

Alexandr Demianov đích thực thuộc dòng họ danh giá: cố anh ta Golovaturi là thủ lĩnh (ataman) đầu tiên của giới kozac Kuban, còn bố, sĩ quan sa hoàng, đã hy sinh anh dũng

năm 1915. Chú của Demianov, là chỉ huy phản gián của Bạch vệ tại Bắc Kavkaz. Bị các chiến sĩ Treka bắt, ông ta chết trên đường giải về Moskva. Mẹ của Alexandr là một phụ nữ đẹp của thành Peterburg, rất nổi tiếng trong giới thượng lưu của Thủ đô cũ. Bà mấy lần từ chối những lời mời di tản sang Pháp. Tướng Ugalai, một trong những thủ lĩnh Bạch vệ lưu vong cộng tác tích cực với bọn Đức từ năm 1941 đến năm 1945 quen biết bà. Tuổi thơ Alexandr âm đậm bởi những cảnh khủng bố - cả của quân Đỏ lẫn quân Trắng - mà anh đã chứng kiến trong cuộc Nội chiến, khi chú anh chiến đấu dưới sự chỉ huy của Ugalai.

Mẹ anh khước từ cuộc sống lưu vong, họ trở về Peterburg, anh làm thợ điện: anh bị đuổi khỏi trường đại học Bách khoa nơi anh thi vào và giấu giếm quá khứ (thời ấy anh không thể được nhận bằng cấp kỹ thuật vì dòng dõi không vô sản). Năm 1929 anh bị bạn là Ternovxky chỉ điểm là cất giấu vũ khí và tuyên truyền chống Xô viết nên bị GPU bắt. Thực chất thì súng lục được ngấm bỏ vào. Kết quả là Alexandr bị buộc phải cộng tác cho GPU. Nhờ gia thế, anh được nhằm dùng cho việc móc nối với bạch vệ lưu vong ở nước ngoài và giới thượng lưu còn lại ở Liên Xô. Năm 1927, Alexandr là nhân chứng vụ bọn khủng bố Bạch vệ gây nổ tòa nhà Giáo dục chính trị ở Leningrad. Alexandr làm việc cho chúng ta, sử dụng các mối quan hệ gia đình.

Chả bao lâu anh được chuyển về Moskva, nơi anh nhận được chân kỹ sư điện tại xưởng Mosfilm. Thời ấy đời sống văn hoá tập trung quanh xưởng phim. Nhờ bề ngoài dễ yêu và phong cách hào hoa anh dễ gia nhập vào hội các diễn viên, nhà văn, nhà viết kịch và nhà thơ. Anh chia sẻ căn phòng của mình trong chung cư ở giữa Moskva với một diễn viên Nhà hát nghệ thuật Moskva. Chúng tôi kiếm cho anh cả một con ngựa - thứ hiếm đối với thời ấy. Hoàn toàn tự nhiên, điều đó giúp anh mở rộng tiếp xúc với các nhà ngoại giao. Alexandr kết bạn với nhà đạo diễn Xô viết nổi tiếng Mikhail Romm và các nhà hoạt động văn hoá khác. NKVD cho phép nhóm tinh hoa này của giới nghệ sĩ và các đại diện của giới thượng lưu cũ sống lối sống thượng lưu, không hạn chế họ điều gì, nhưng một phần bọn họ đã được tuyển mộ, phần còn lại bị theo dõi sát sao để sử dụng khi cần đến.

Ilin và Makliarxky “dẫn dắt” Demianov. Anh không được dùng như một kẻ cung cấp tin nhỏ nhen, nhiệm vụ của anh là mở rộng phạm vi quen biết trong số các nhà ngoại giao và phóng viên nước ngoài - những khách thường xuyên của trường đua ngựa và các buổi công diễn của nhà hát. Sự xuất hiện của Demianov trong giới nghệ sĩ là hoàn toàn tự nhiên, điều giúp anh dễ dàng thiết lập các mối kết giao cần thiết. Anh không bao giờ che giấu dòng dõi của mình, và điều đó dễ kiểm tra trong các giới lưu vong ở Paris, Berlin và Belgrad. Cuối cùng các nhân viên sứ quán Đức và Abwehr đã nghiêm túc quan tâm đến Demianov.

Ngay trước ngưỡng cửa chiến tranh, Demianov báo rằng nhân viên đại diện thương mại Đức ở Moskva như tình cờ nhắc đến họ tên mấy người gần gũi với gia đình Demianov trước cách mạng. Được Ilin chỉ dẫn, Demianov không thể hiện chút quan tâm nào tới những lời của tên Đức: tên này lộ rõ ý đồ chiêu mộ anh. Có thể từ thời điểm ấy tên anh đã có trong hồ sơ tác chiến của tình báo Đức dưới một mật danh nào đó rồi. Muộn hơn, theo hồi ức của Helen, sếp tình báo bộ tham mưu bộ binh, anh được dành cho tên gọi “Maks”.

Tiếp xúc đầu tiên với tình báo Đức ở Moskva đã thay đổi tận gốc số phận của anh: từ đây trong hồ sơ điệp viên của anh xuất hiện một cái dấu riêng do Makliarxky vạch. Điều đó

có nghĩa là trong trường hợp chiến tranh với người Đức, Demianov có thể trở thành một trong những nhân vật chủ chốt mà các cơ quan đặc biệt Đức quan tâm đến. Tới lúc bắt đầu chiến tranh, thâm niên điệp viên của Demianov đã gần mười năm. Đó những chiến dịch phản gián nghiêm túc khi anh phải tiếp xúc với những kẻ không nghĩ chuyện che giấu tín nhiệm chống Xô viết. Đúng lúc bắt đầu chiến tranh Demianov tình nguyện gia nhập kỵ binh, nhưng số phận đã định sẵn cho anh: anh trở thành một trong số điệp viên quý giá nhất được chuyển sang cho tôi để thực thi những chiến dịch đặc biệt. Tháng 7-1941, Gorlinxky, Cục trưởng Cục chính trị mật của NKVD, và tôi xin phép Beria dùng Demianov cùng với Glebov để tiến hành trong lòng địch chiến dịch Tu viện. Để cho chiến dịch Tu viện được khách quan, chúng tôi điều động cả nhà thơ Xadovxkv, nhà điêu khắc Xidorov có thời đã học ở Đức và không xa lạ gì với các cơ quan đặc biệt Đức, nhà họ ở Moskva được dùng cho các liên lạc bí mật.

Như tôi đã nhắc đến, ý đồ của chúng tôi chung quy là để thành lập một tổ chức bí mật chống Liên Xô, Ngai vàng, mà hẳn có thể đề nghị với bộ chỉ huy tối cao Đức sự giúp đỡ với điều kiện các thủ lĩnh của nó sẽ nhận những địa vị tương ứng trong cơ quan hành chính mới chống bolsevich tại các lãnh thổ chiếm đóng. Chúng tôi hi vọng bằng cách ấy làm rõ được các điệp viên Đức và thâm nhập vào mạng lưới tình báo Đức ở Liên Xô. Hồ sơ điệp viên Ngai vàng và Tu viện nhanh chóng căng phồng biến thành nhiều tập. Bất chấp việc những chiến dịch này được khơi gợi và ủng hộ bởi Beria, Merkulov, Bogdan Kobulov và nhiều cán bộ cao cấp khác của cơ quan an ninh quốc gia về sau bị thanh trừng, chúng vẫn là mẫu mực của sự làm việc lão luyện trở thành kinh điển trong các sách giáo khoa và được giảng dạy trong các trường chuyên môn, dĩ nhiên thiếu viện dẫn chính danh các điệp viên và cán bộ tác chiến cùng hành động trong chiến dịch này.

Trò chơi điện đài thoát đầu là phương tiện làm rõ những kẻ cộng tác với bọn Đức, thực tế đã phát triển thành sự đối chọi giữa NKVD và Abwehr.

Sau sự chuẩn bị kỹ càng Demianov (Geine) tháng 11-1941 vượt chiến tuyến với tư cách phái viên tổ chức *Ngai vàng* chống Xô viết và thân Đức. Nhóm Abwehr mặt trận của Đức có thái độ ngờ vực rõ rệt đối với kẻ vượt tuyến. Bọn Đức quan tâm nhất là bằng cách nào anh trượt tuyết qua nổi bãi mìn. Demianov nói không ngờ về nỗi nguy hiểm và chỉ điều kỳ diệu mới giúp anh nguyên vẹn. Anh bị hỏi cung lâu, chúng bắt khai về sự bố trí các đơn vị trên chiến tuyến, sau đó chúng dựng màn xử bắn, để buộc anh thú nhận sự cộng tác với tình báo Xô viết. Không đạt được gì, chúng đưa Demianov về Xmolenxk. Ở đây các sĩ quan Abwehr bộ tham mưu *Valli* đã hỏi cung anh. Sự ngờ vực dần dần tan đi. Chúng tin Demianov sau khi đã kiểm tra về anh trong giới lưu vong Nga, và tin chắc rằng trước chiến tranh anh không bị kéo vào các chiến dịch tình báo do OGPU-NKVD tiến hành thông qua kiều dân Nga. Bọn Đức rất rõ rằng trong đám lưu vong Nga đầy điệp viên NKVD vốn hoạt động khá hiệu quả: nhiều người tản cư vui lòng cộng tác với chúng ta tự ý thức yêu nước và cảm giác có tội đối với Tổ quốc. Ngoài ra trước chiến tranh, điệp viên Abwehr đã tiếp xúc với anh, chúng đã chuẩn bị anh với tư cách nguồn và trong hồ sơ Berlin anh hiện diện dưới mật danh "Maks". Abwehr đã đặt cọc vào anh.

Demianov qua một khoá huấn luyện trong trường Abwehr. Khó khăn duy nhất đối với anh

là phải giấu rằng anh biết làm việc với điện đài và biết xử lý mật mã. Bọn Đức rất hân hoan đã chiêu mộ được một điệp viên tài năng đến thế. Điều đó giảm bớt công việc của chúng ta bởi anh có thể được ném đến hậu phương chúng ta không cần điện đài viên.

Giờ đây bọn Đức đặt trước Demianov (Maks) những nhiệm vụ cụ thể: anh cần nằm ổ tại Moskva và lợi dụng tổ chức và các quan hệ của mình thành lập một mạng điệp viên với mục đích lọt vào bộ tham mưu Hồng quân. Anh còn có nhiệm vụ tổ chức các vụ phá hoại đường sắt nữa.

Tháng 2-1942 quân Đức ném “Maks” nhảy dù xuống lãnh thổ ta cùng với hai trợ thủ. Chúng chọn thời gian không đúng: trong bão tuyết cả ba đã lạc nhau và từng tên một lần mò từ Iaroslavl về Moskva. Demianov liên lạc với chúng tôi và nhanh chóng nắm vững trách nhiệm nhóm trưởng điệp viên Đức. Cả hai trợ thủ chẳng bao lâu sau đã bị bắt. Bọn Đức bắt đầu phái người đưa tin nối liên lạc với “Maks”. Số đông kẻ đưa tin này chúng tôi đã biến thành điệp viên hai mang, còn một số thì bị bắt. Chúng ta đã bắt giữ được hơn 50 điệp viên Abwehr phái đi liên lạc.

Demianov là điệp viên được sự ủng hộ của cả gia đình. Đó là may mắn cho chúng tôi. Các chi tiết hoạt động tình báo của anh được vợ và bố vợ biết rõ. Vì phạm nguyên tắc, chúng tôi làm điều đó theo một lý do đơn giản mà chúng tôi thấy là sáng suốt. Lý do đó như sau:

Vợ anh là Tachiana Berezansova làm trợ lý đạo diễn tại Mosfilm và có uy tín lớn trong các nhà hoạt động điện ảnh và sân khấu. Bố vợ, giáo sư Berezansov trong giới hàn lâm Moskva được xem là thần y và là nhà tư vấn chủ chốt của các phòng khám của Kremli. Ông, một trong số hiếm hoi các chuyên gia tầm cỡ được phép hành nghề tư. Giới ngoại giao cũng biết rõ Berezansev, điều rất quan trọng đối với chúng tôi. Thời ấy ông ngoài năm mươi, học vấn cao, ông nói tuyệt vời tiếng Đức (ông học ở Đức), tiếng Pháp và tiếng Anh. Căn hộ của ông được dùng là điểm gặp cho tổ chức *Ngai vàng*, còn muện hơn để liên lạc với bọn Đức. NKVD hiểu rằng bọn Đức sẽ dễ dàng kiểm tra ai là người sống trong nhà này, và có vẻ là tự nhiên rằng toàn bộ gia đình mà gốc rễ bắt sâu vào quá khứ nước Nga Sa hoàng, rất có thể bị lôi kéo vào âm mưu chống Liên Xô.

Theo đề nghị của tôi, nhóm điệp viên Đức đầu tiên cần được tự do 10 ngày để chúng ta có thể kiểm tra các điểm hẹn của chúng và biết chúng còn liên lạc với ai nữa không, ngoài Demianov (Maks). Beria và Kobulov cảnh báo tôi rằng nếu ở Moskva nhóm này gây nên vụ phá hoại hay ám sát thì tôi không giữ nổi đầu.

Vợ của Demianov hoà thuốc viên đặc dụng vào trà và vodka, mời các điệp viên Đức trong nhà mình, và khi chúng ngủ vì tác động của thuốc mê, các chuyên gia chúng ta vô hiệu hoá lựu đạn, vũ khí và chất độc của chúng. Thực ra, một phần vũ khí có điều khiển từ xa, nhưng các chuyên gia cho rằng nói chung các điệp viên ấy đã bị tước vũ khí. Những thao tác như thế tại nhà Demianov là khá mạo hiểm: “những vị khách” có thể lực tuyệt vời và mấy lần, bất chấp thuốc mê, đã bất ngờ tỉnh lại sớm hơn thời hạn.

Một số tên đưa tin, đặc biệt người vùng Baltic, chúng tôi cho phép quay về ban tham mưu Abwehr với điều kiện là họ báo cáo về hoạt động thành công của mạng lưới điệp viên

ở Moskva. Phù hợp với huyền thoại chúng tôi tạo nên, Demianov được bổ trí chức vụ sĩ quan liên lạc của Bộ tổng tham mưu Hồng quân. Theo mức độ chúng tôi soạn thảo các nguồn tin giả dành cho quân Đức trong số cựu sĩ quan quân đội Sa hoàng phục vụ dưới trướng nguyên soái Saposnikov, toàn bộ chiến dịch biến thành kênh tung tin giả quan trọng. Trò chơi điện đài với Abwehr càng ráo riết hơn. Giữa năm 1942 việc đảm bảo kỹ thuật điện đài của trò chơi được giao cho Fiser-Abel.

Demianov tạo được ấn tượng là nhóm của anh đã tiến hành phá hoại trên tuyến đường sắt gần Gorki. Để khẳng định hành động phá hoại và củng cố thanh danh của Demianov, chúng tôi tổ chức mấy thông tin trên báo chí về hoạt động phá hoại trên tuyến đường sắt.

Trong lưu trữ của Đức chiến dịch *Tu viện* nổi danh dưới tên *Hồ sơ điệp viên Maks*. Trong hồi ký *Phụng sự* của mình Helen đánh giá cao vai trò của điệp viên “Maks” - nguồn chủ yếu của thông tin chiến lược quân sự về các kế hoạch của Tổng hành dinh Liên Xô trong suốt những năm khó khăn nhất của chiến tranh, ông ta thậm chí chỉ trích giới lãnh đạo quốc xã vì họ đã coi thường những thông báo kịp thời được “Maks” chuyển về từ Moskva bằng điện đài, về sự phản công của các đạo quân Xô viết, cần phải khen các cơ quan đặc biệt Mỹ: họ không tin Helen và trong một loạt ấn phẩm đã chỉ thẳng rằng tình báo Đức bị mắc câu của NKVD. Thế nhưng Helen tiếp tục giữ quan điểm của mình: sự làm việc của “Maks” là một trong những thí dụ ấn tượng nhất của Abwehr trong những năm chiến tranh.

Phụ trách tình báo cơ quan an ninh Đức Walter Schellenberg trong hồi ký của mình khẳng định rằng, thông tin quý giá đến từ nguồn ở gần gũi với Rokoxovxky. Thời ấy “Maks” là sĩ quan liên lạc phục vụ trong ban tham mưu của Rokoxovxky - nguyên soái tư lệnh cánh quân Mặt trận Beloruxia. Theo lời Schellenberg, viên sĩ quan có tinh thần chống Liên Xô và căm thù Stalin vì đã chịu sự thanh trừng vào những năm 30 và ngồi tù hai năm.

Uy tín của “Maks” trong mắt lãnh đạo Abwehr đúng là cao - anh nhận từ bọn Đức “Huân chương chữ thập sắt với lưỡi kiếm”. Về phần mình, chúng ta đã tặng thưởng anh Huân chương Sao đỏ.

Vợ của Demianov và bố của cô vì sự mạo hiểm trong khi thực hiện những nhiệm vụ quan trọng được thưởng huy chương Vì chiến công.

Từ lưu trữ của Đức thấy rõ bộ chỉ huy quốc xã đã có một số sai lầm nguy hại một phần vì dựa trọn vẹn vào thông tin của Abwehr nhận từ nguồn của Tổng hành dinh Liên Xô. Tin giả được chuyển bởi “Geine”-“Maks”, được chuẩn bị tại Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu với sự tham gia của một trong những nhà lãnh đạo nó, Stemenko sau đó được phê duyệt ở Tổng cục tình báo Bộ tổng tham mưu và được chuyển về NKVD để bảo đảm việc nhận nó bằng các tình huống đáng tin. Theo suy nghĩ của Stemenko những chiến dịch của Hồng quân đích thực được tiến hành vào những năm 1942-1943 ở nơi chúng được “Geine”-“Maks” “tiên đoán” cho bọn Đức, nhưng chúng chỉ có ý nghĩa đánh lạc hướng, bổ sung thôi.

Tin giả đôi khi có ý nghĩa chiến lược. Như thế, 4-11-1942 “Geine”-“Maks” báo rằng Hồng quân sẽ ra đòn ngày 15-11 không phải ở Stalingrad, mà ở Bắc Kavkaz và gần Rjev. Bọn Đức dồn cú đánh gần Rjev và đánh bật nó. Thế nhưng sự bao vây tập đoàn quân của

Paulus ở Stalingrad đối với chúng là sự bất ngờ trọn vẹn.

Không ngờ về trò chơi này, Jukov đã trả một giá đắt - trong cuộc tấn công gần Rơjev hàng nghìn và hàng nghìn chiến sĩ dưới sự chỉ huy của ông đã ngã xuống. Trong hồi ký ông thừa nhận rằng kết cục của chiến dịch tấn công này là không thoả mãn. Thế nhưng không bao giờ ông biết rằng quân Đức đã được báo trước về cuộc tấn công của ta trên hướng Rơjev, vì thế chúng đã ném về đấy một số lượng quân đội nhiều như vậy.

Tin giả của “Geine”-“Maks”, như thấy từ hồi ký của Helen cũng tác động làm bọn Đức hoãn mấy lần cuộc tấn công vòng cung Kurxk, điều đã làm lợi cho Hồng quân.

Một phần thông tin được gửi về Berlin đã quay lại với chúng ta từ người Đức. Nó là thế này. Vào những năm 1942-1943, một thời gian không dài, đến trước khi bị phát giác, cộng tác với chúng ta là đại tá Smith, một trong những người lãnh đạo mã hoá của cơ quan Abwehr. Ông chuyển cho người chúng ta ở Pháp những tin tức tình báo Abwehr nhận được từ Moskva. Chúng tôi phân tích và làm rõ, đó chính là thông tin giả của chúng ta được “Geine”-“Maks” truyền đi.

Một trong những mã hoá chúng tôi nhận được ba lần. Lần đầu - từ Pháp thông qua Smith vào tháng 2-1943. Lần thứ hai vào tháng 3-1943 từ Etonni Blant (nhóm Cambrige) phục vụ trong tình báo Anh: ông ta báo với Gorxky, nhóm trưởng của ta ở London, rằng bọn Đức ở Moskva có một nguồn thông tin quan trọng trong giới quân sự. Lần thứ ba - người Anh qua tổ chức liên lạc của ta ở London, vào tháng 4-1943 cũng chuyển chính thông báo đó, kiểu như tình báo Anh bắt được ở Đức. Trong thực tế người Anh nhận được thông tin này nhờ máy giải mật mã “Enigma” và đưa ra cho chúng ta dưới dạng đã cắt tỉa, như họ còn thực hiện tiếp trong tương lai. Bộ chỉ huy tối cao Đức sử dụng thông tin được “Geine”-“Maks” chuyển đến để định hướng các những đơn vị chiến đấu tại Balkan. Tình báo Anh bắt được tin này gửi từ Berlin đi Balkan, vậy nên cuối cùng chúng tôi đã nhận được chính các tin tức của mình từ Blant, Kernkross và Filby. Điều đó chứng tỏ rằng thông tin giả của ta đang hoạt động. Tại Thụy Sĩ cơ quan đặc biệt Anh, như tôi đã nhắc đến, đưa tin bắt được bằng “Enigma” đã điều chỉnh cho điệp viên của mình vốn giữ tiếp xúc với Rexxler, người đến lượt mình lại chuyển cho “Dàn đồng ca Đỏ”, mà từ đấy nó đi về Trung tâm. Và thế, chúng tôi có hai giả thuyết được nảy sinh thoát đầu bởi tin giả của chúng ta được “Maks” truyền đi.

Tháng 2-1943 chúng tôi nhận được từ London giả thuyết biến dạng thông báo của Demianov về Berlin cùng sự chỉ ra rằng tình báo Đức có người cung cấp tin trong giới quân sự. Muộn hơn qua nhóm trưởng của ta ở London Tsitsaev cơ quan đặc biệt Anh cảnh báo với chúng ta: có cơ sở cho rằng ở Moskva bọn Đức có nguồn quan trọng của mình, mà qua đó thất thoát tin tức quân sự. Chúng tôi hiểu đó chính là Demianov.

Nên lưu ý, chiến dịch *Tu viện* với sự tham gia của “Geine”-“Maks” được nghĩ ra hoàn toàn là có tính chất phản gián. Thế nhưng muộn hơn chiến dịch có tính chất của trò chơi tung tin giả chiến lược.

Trong những năm 1942-1943 chúng ta đã trọn vẹn chiếm được sáng kiến trong trò chơi điện đài với tình báo Đức. Đó là nhờ chúng tôi cài những điệp viên tin cậy vào trường gián

điệp phá hoại của Abwehr, những kẻ được tung vào hậu phương chúng ta ở Xmolensk, tại Ucraina và ở Belorussia. Chiến dịch thành công về việc tóm bắt bọn phá hoại được ghi nhận trong hồ sơ có tên “Trường học”. Chiêu mộ trưởng phòng hộ chiếu của trung tâm huấn luyện ở Katyn, chúng tôi biết được sự bố trí của hơn 200 điệp viên Đức vào hậu phương ta. Tất cả chúng đều hoặc bị vô hiệu hoá hoặc bị ép buộc cộng tác. Theo các tài liệu này đã dựng một loạt phim nhiều tập theo truyện của V.Ardamatxky “Xaturn” hầu như không rõ.

Năm 1943 Người thừa kế của trung tâm dân tộc chủ nghĩa huyền thoại ở Uzbekistan, được sự tín nhiệm trọn vẹn của Gestapo, theo nhiệm vụ của chúng tôi đã làm đổ vỡ những vụ phá hoại lớn của bọn phát xít tại Trung Á.

Trong việc tiến hành công tác quan trọng này cán bộ tác chiến của Cục 4 Makliar và Garbuz đóng vai trò to lớn. Garbuz đã ném điệp viên lớn này, vốn từ một gia đình lãnh đạo Uzbekistan bị thanh trừng năm 1937, qua chiến tuyến để làm tan rã “đạo quân Turkextan” của Đức.

10. Mưu mô giữa lãnh đạo XMERS và NKVD, số phận bi thảm của Ilin, Cục trưởng Cục chính trị mật NKVD

Sau đó bắt đầu những mưu mô quan liêu giữa phản gián quân đội (XMERS), NKVD và lãnh đạo tình báo quân đội. Abakumov đứng đầu XMERS bất ngờ xuất hiện trong văn phòng tôi và tuyên bố rằng, theo sắc lệnh của Tổng hành dinh tôi phải chuyển cho ông ta toàn bộ sự lãnh đạo về các trò chơi điện đài: phản gián quân đội chịu sự điều hành của bộ trưởng Quốc phòng, chứ không phải NKVD làm công việc này. Tôi đồng ý nhưng với điều kiện nếu có mệnh lệnh của cấp trên. Sau một ngày một lệnh như thế xuất hiện, chúng tôi được giữ lại hai: chiến dịch *Tu viện* và *Những trợ tế*. Abakumov rất không hài lòng, bởi biết rằng các kết quả của những chiến dịch này được báo cáo trực tiếp cho Stalin.

Chiến dịch *Những trợ tế* được tiến hành dưới vỏ bọc của một tổ chức tôn giáo bí mật chống Xô viết tồn tại ở Quybursev được sự ủng hộ của nhà thờ chính thống Nga ở Moskva. Theo huyền thoại, lãnh đạo tổ chức bí mật này là giám mục Ratmirov. Ông ta làm việc dưới sự kiểm soát của Zoia Rubkina ở Kalinin khi thành phố ở trong tay bọn Đức. Với sự cộng tác của giám mục Ratmirov và tổng giám mục Xergi chúng tôi đã cài được hai sĩ quan trẻ NKVD vào giới nhà thờ hợp tác với Đức tại các vùng bị chiếm. Sau khi giải phóng thành phố, giám mục chuyển đến Quybursev. Nhân danh ông chúng tôi cử họ từ Quybursev đi tu viện Pskov với tư cách trợ tế với thông tin cho tu viện trưởng, kẻ hợp tác với bọn chiếm đóng Đức. Bọn Đức biết rõ cả hai viên trợ tế.

Quân Đức phái đến Quybursev các điệp báo viên từ số tù binh mà chúng tôi nhanh chóng chiêu mộ được. Trong khi đó hai trợ tế - sĩ quan chúng ta đã triển khai hoạt động sôi nổi ở tu viện.

Trong số những người phụng sự nhà thờ có không ít điệp viên NKVD. Bọn Đức tin chắc ở Quybursev có cơ sở gián điệp. Giữ liên lạc điện đài thường xuyên với phòng tình báo của mình ở Pskov, chúng luôn luôn nhận được từ chúng tôi tin giả về sự vận chuyển nhiên liệu và trang bị quân sự từ Xibir ra mặt trận. Có thông tin đáng tin cậy từ các điệp viên của mình, chúng tôi đã đối chọi thành công với các mưu toan của các tu sĩ Pskov hợp tác với Đức,

giành quyền lãnh đạo nhà thờ chính thống tại lãnh thổ bị chiếm đóng.

Những tài liệu chúng tôi chuẩn bị về lòng yêu nước của nhà thờ chính thống Nga và vai trò liên kết của nó trong phong trào đấu tranh đang tăng ở vùng Balkan và những đề nghị thăm dò của Roosevelt cải thiện tình hình chính trị và pháp quyền của nhà thờ chính thống được chuyển qua Harriman tới Stalin, rõ ràng đã thuyết phục được ông theo chiều đồng minh, và có đường lối đỡ cứng rắn hơn đối với nhà thờ chính thống. Stalin đã làm một bước bất ngờ: cho phép tiến hành bầu giáo chủ nhà thờ chính thống Nga.

Chức giáo chủ đã bị bãi bỏ từ thời Pie Đại đế ngay khi những người đứng đầu nhà thờ chống lại các cải cách của Sa hoàng. Tình trạng này kéo dài đến tận năm 1917. Sau khi nền quân chủ bị lật đổ chính phủ lâm thời cho phép nhà thờ bầu giáo chủ. Và ngài Tikhon được bầu. Sau khi ngài mất, chính phủ không cho phép bầu giáo chủ mới, và chỉ trong thời gian chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, khi Stalin nhận thức được ý nghĩa của nhà thờ để đoàn kết lòng dân, năm 1943 giáo chủ toàn Nga mới được bầu. Tôi và vợ cùng có mặt trong lễ nghi nhậm chức.

Theo lệnh Stalin giám mục Ratmirov sau chiến tranh được tặng đồng hồ bằng vàng và huy chương. Hai sĩ quan Ivanov và Mikheev trực tiếp lãnh đạo công việc và cùng ở hậu phương địch với ông dưới dạng những kẻ phụng sự nhà thờ được nhận các huân chương chiến công.

Sau khi Abakumov không được giao chỉ đạo chiến dịch *Tu viện* và *Những trợ tế*, ông ta cảnh cáo tôi về đe dọa:

- Hãy lưu ý, tôi sẽ không quên chuyện này đâu. Tôi sẽ có quyết định không có việc gì với các anh nữa!

Thời gian ấy sự đổi đầu của Abakumov với Beria là phức tạp. Trong suốt chiến tranh bộ trưởng Quốc phòng là Stalin. NKVD chuyển phản gián quân đội cho Bộ Quốc phòng điều hành, và theo giới thiệu của Beria, Abakumov trở thành nhà lãnh đạo XMERS. Như thế, khi giữ chức này Abakumov trở thành phó của Stalin như bộ trưởng quốc phòng, điều nâng cao địa vị ông ta lên nhiều và cho ông ta tiếp xúc trực tiếp với Ông chủ. Giờ đây thực tế ông ta không phụ thuộc Beria và biến từ kẻ thuộc cấp thành đối thủ cạnh tranh. Năm 1943 - thiếu sự phê chuẩn của Beria, Abakumov bắt chính ủy an ninh quốc gia Ilin, nhà lãnh đạo đầy kinh nghiệm của Cục 3 Tổng cục chính trị mật NKVD phụ trách các vấn đề trí thức. Phù hợp với nguyên tắc mà chỉ đến thời Gorbachov mới thay đổi, không ai có quyền bắt giữ nhân vật đương chức cao cấp thiếu sự đồng ý của thủ trưởng. Thật ra cũng có ngoại lệ, nhưng lần nào chúng cũng được xem như trường hợp khẩn cấp đặc biệt. Lệnh bắt giữ được công tố viên ký, nhưng trên đó ở góc trái nhất thiết có phê chuẩn của thủ trưởng trực tiếp của người bị bắt: "Đã thống nhất" - và chữ ký. Như tôi đã nói, trong trường hợp này không có sự phê chuẩn của Beria.

Ilin nhẹ nhàng với phong thái trí thức rất được quý mến trong NKVD. Suốt 5 năm, trước khi bắt đầu chiến dịch *Tu viện*, ông dẫn dắt Demianov cũng như tham gia vào trò chơi này với bọn Đức vào giai đoạn đầu. Những năm 1937-1938 ông thoát được sự bắt bớ, dù là một cán bộ tác chiến, bởi lẽ hồi đó ông chịu trách nhiệm về công tác với bọn mensevich,

vốn không còn làm Stalin quan tâm. Cuối năm 1938 Beria phái ông đi Rostov và Orlov để điều tra vụ phá hoại của bọn mensevich trên đường tàu hỏa. Người ta cho là những kẻ âm mưu đã chui vào hàng ngũ lãnh đạo địa phương của các cơ quan đảng và chính quyền. Ông quay về Moskva, kinh ngạc bởi sự ấu trĩ của những lời buộc tội dối trá mà ông đã va phải, và báo với lãnh đạo: Sở công an Rostov và Orlov đơn giản là sắp đặt vụ việc nhằm củng cố địa vị và tăng uy danh của mình. Sau đó vụ việc của ông được xem xét, Ilin được cất nhắc giữ chức trưởng Cục 3 Tổng cục chính trị mật của NKVD, vị trí cho phép ông bắt giữ hai kẻ chỉ điểm quan trọng vẫn cung cấp cho chúng tôi thông tin giả về cái được gọi là tinh thần chống Xô viết trong số những cán bộ có trách nhiệm.

Ilin gọi bọn chỉ điểm về Moskva và ra lệnh cho chúng đưa ra cứ liệu cụ thể về vụ hai kẻ bị tình nghi. Nhận được thông tin của chúng, ông tin chắc rằng qua những năm thanh trừng chúng đã học được nghệ thuật vu khống đối với những ai đã bị chỉ định. Bọn chỉ điểm vu khống bị bắt và kết án 10 năm tù giam, còn Ilin nhận phần thưởng - huy hiệu "Chiến sĩ Treka danh dự". Tính đến các tiếp xúc cá nhân của Ilin với những nhà văn như A. Tolstoi, các nhạc sĩ và nghệ sĩ lừng danh, Beria thường tiếp ông ở nhà. Ilin cũng có quan hệ thân hữu với Merkulov.

Và thế là công tác của Ilin trong an ninh kết thúc vào năm 1943 vì mâu thuẫn với Abakumov. Từ thời nội chiến Ilin đã kết thân với Teplinsky cũng phục vụ trong đơn vị kỵ binh. Muộn hơn Ilin làm việc tại OGPU, còn Teplinsky chuyển sang không quân và thăng tiến không tụt: năm 1943 ông là thiếu tướng và được đề cử chức vụ thanh tra trưởng lực lượng không quân.

Sự thăng tiến của Teplinsky bất ngờ bị phanh lại: hoá ra, cơ quan an ninh phản đối sự thăng chức của ông. Lúc ấy ông nhờ Ilin cố gắng làm rõ sự thể. Ilin nhanh chóng biết được: lý do duy nhất buộc cơ quan an ninh không tin tưởng Teplinsky chỉ là sự có mặt của ông ta trong buổi dạ hội tại học viện quân sự năm 1936, trước khi Tukhatsevsky bị bắt, nơi ông ta tự cho phép khen ngợi các sĩ quan và tướng lĩnh sau đó trở thành vật hy sinh của các vụ thanh trừng. Bất hạnh cho Teplinsky là ông lại quen với tướng Trukhin bỏ chạy sang với Vlasov. Ilin cảnh báo Teplinsky giữ lời ăn tiếng nói và trong quan hệ, nhưng sự cảnh báo ông lại nói qua điện thoại.

Abakumov lập tức biết về cuộc trò chuyện của họ và, giận dữ, đòi hỏi Beria để ông loại Ilin khỏi công việc. Thay vào đó Beria giao cho Merkulov chỉ hạn chế bằng một sự phê bình đơn giản, mà lại theo kiểu thân tình. Đến thời gian này quan hệ giữa Abakumov và Beria đã tồi tệ. Abakumov quyết định lợi dụng câu chuyện này để bôi xấu Beria và Merkulov. Ông ta báo cáo với Stalin, rằng chính ủy an ninh quốc gia Ilin làm đổ vỡ chiến dịch của XMERS kiểm tra thành phần chỉ huy không quân của Hồng quân nhân việc thăng cấp mới. Tất cả điều đó có tính quan trọng đặc biệt, vì một trong những nguyên nhân khiến cho Stalin chuyển XMERS vào dưới sự kiểm soát riêng là ở chỗ ông ta muốn loại trừ bất cứ sự can thiệp nào của NKVD và Beria trong các vấn đề chuyển dịch công vụ trong quân đội. Stalin lệnh cho Abakumov bắt giữ ngay Teplinsky. Thậm chí trong những năm chiến tranh Stalin vẫn tìm mọi cách tự kiểm soát công việc tại các cơ quan mà ông ta đứng đầu. Đặc biệt là cơ quan Bộ Quốc phòng.

Tại cuộc hỏi cung được tiến hành với sự thù hằn (ngay đêm đầu Abakumov đã đánh gãy hai răng cửa của ông ta), Teplinsky thừa nhận rằng Ilin khuyên ông xử sự sao cho tốt hơn để không bị buộc tội có cảm tình đối với kẻ thù của nhân dân. Ngoài ra, cũng thừa nhận là đã chia sẻ với Ilin cảm tình của mình đối với một loạt sĩ quan cao cấp bị bắt năm 1938. Một tuần sau Abakumov báo cáo về các thú nhận của kẻ bị bắt trực tiếp với Stalin và nhận được phê chuẩn bắt giữ Ilin.

Xuất hiện ở Lubianka, gặp Merkulov, Abakumov đòi gọi Ilin đến: tôi nhắc lại, đây là một cán bộ lãnh đạo Bộ, chính ủy an ninh quốc gia. Và thế là con người này bị tước vũ khí và bị giam vào nhà tù của Lubianka. Dù là nhà tù của NKVD, các cán bộ Treka bị tước quyền hỏi cung Ilin, bởi ông đang nằm trong sự xử lý của XMERs. Sang ngày hôm sau Abakumov bố trí Teplinsky và Ilin đối chất. Teplinsky, bị đánh tã tơi đêm trước, nhắc lại “những thú nhận” của mình, Ilin nổi giận, cho ông ta một cái tát và gọi ông ta là đồ đàn bà.

Không tìm ra nhân chứng để khẳng định lời khai của Teplinsky, Abakumov rơi vào tình trạng rắc rối: vì cần thiết có hai nhân chứng đảm bảo cho lời khai. Bởi không ai trong giới gần gũi Teplinsky ở chớp bu quân đội biết về sự tồn tại của Ilin và không thể khai chống lại ông, tìm được nhân chứng thứ hai để buộc tội là một vấn đề, mà thiếu điều đó thì không thể chuyển vụ án sang công tố quân sự được. Ilin bị đánh đập, người ta không cho ngủ, thế nhưng ông không chỉ từ chối thú nhận mình có tội mà còn không ký các biên bản hỏi cung. Để cấu thành vụ án chúng nhất thiết phải được trình lên Stalin, để ông quyết định số phận của kẻ bị điều tra, và Abakumov sợ xuất hiện trước Stalin thiếu kết luận buộc tội đủ thuyết phục. Dù Abakumov không thể chứng minh tội lỗi của Ilin, ông vẫn phải ở trong tù như cũ.

Suốt bốn năm từ năm 1943 đến 1947 người ta kéo Ilin đi hỏi cung. Ông bị giam trong xà lim và đánh đập nhằm lấy được sự thú nhận. Sau bốn năm người ta phẩy tay bỏ qua Ilin, nhưng ông còn ngồi tù thêm 5 năm nữa và vào những thời gian khác nhau người chung xà lim với ông là bộ trưởng Hàng không Sakharin, nguyên soái Không quân Novikov và bộ trưởng Ngoại giao Rumanin. Ilin không nói với ai rằng ông là sĩ quan Treka. Theo lời của ông, ông làm việc ở phòng kỹ thuật xưởng phim tài liệu. Hiểu rằng ông là nạn nhân của cuộc tranh giành quyền lực, Ilin đã tự hứa không thú nhận điều gì và chết còn tốt hơn là vấy bẩn danh dự của mình. Thậm chí ông vẫn giữ được tính hài hước. Có lần ông hỏi điều tra viên đang hỏi cung ông:

- Cái huân chương trên ngực anh có nghĩa là gì vậy? Viên sĩ quan đáp đó là huân chương Lenin. Ilin nhận xét:

- Tôi có vinh dự thế nào cơ chứ - vụ án được giao cho người được tặng huân chương Lenin. Nghĩa là vụ án của tôi rất quan trọng!

Tháng 7-1951 Ilin được chuyển sang Matroshka Tisina và bị giam vào một hầm, đặc biệt của nhà tù BChTU Đảng. Chuyên trách những người bị điều tra ở đây là Ủy ban kiểm tra Đảng vẫn điều tra các vụ án những ủy viên BChTU và sĩ quan an ninh quốc gia. Phụ trách nhà tù cảnh báo ông về những hậu quả nghiêm trọng nếu ông không thừa nhận tội của mình trước đảng. Điều tra viên mới, xuất hiện tại buổi hỏi cung tiếp theo trong quân phục thiếu tướng tư pháp là Kitaev, phó công tố quân sự Liên Xô. Thực kinh ngạc vô hạn đối với Ilin, Kitaev đòi hỏi từ ông những lời khai về hoạt động phản bội của Abakumov, đáp lại Ilin

hỏi chứng cứ, chứng minh đó không phải là sự khiêu khích, cảnh vệ dẫn ông ra hành lang và đẩy đến lỗ nhìn của hầm giam nơi Abakumov kẻ thù không đội trời chung của Ilin đang ngồi.

Thế nhưng Ilin từ chối chứng nhận chống lại Abakumov, suy xét một cách xa rộng rằng vào thời của mình Abakumov đã báo cáo tất cả với Stalin và nếu ông, Ilin, bây giờ kể về những vụ việc Abakumov ngụy tạo, thì ông có thể bị buộc tội đồng lõa với những tội ác đó. Ilin khai rằng trong công tác sau 1933 ông không tiếp xúc với Abakumov, chỉ hiếm hoi mới gặp ông ta ở Lubianka, và cả trong thời gian chuyên đi thanh tra về Rostov năm 1938. Kitaev không thoả mãn với lời khai của ông và chuyển Ilin ngược lại Lubianka, nơi các buổi hỏi cung được lặp lại tức khắc. Thế nhưng giọng điệu họ đã hoàn toàn khác hẳn. Giờ đây người ta buộc tội ông đã không hiểu đúng trách nhiệm công tác của mình, khi giữ các tiếp xúc và quan hệ thân mật với những kẻ khả nghi. Sau nửa năm Phụ trách ban quản trị Bộ An ninh quốc gia (MGB) thiếu tướng Blokhin tuyên báo với Ilin: vì những thiếu sót trong công tác tòa án đặc biệt kết án Ilin 9 năm tù giam.

Thời hạn giam giữ đã hết - Ilin đã ngồi tù 9 năm. Trước khi thả, người ta đề nghị ông đi vào văn phòng để làm những giấy tờ cần thiết. Ilin kể với tôi rằng Blokhin không chỉ là quản trị trưởng, mà còn chịu trách nhiệm hành quyết các án tử hình (trong hàng loạt trường hợp ông ta tự mình thi hành), vì thế khi ông bị gọi đến chỗ Blokhin, cả cuộc đời thoáng qua trước ông trong một, hai giây. Ông tin chắc rằng bây giờ, ngay phút này, người ta dẫn ông đi xử bắn. Thế nhưng ông được dẫn vào một căn phòng bình thường, nơi ông ký cam kết không hé lộ tình hình vụ án và điều kiện giam giữ. Ông lấy giấy chứng nhận được trả tự do, hộ chiếu tạm thời và trang phục cũ chính ủy an ninh quốc gia, giờ là thiếu tướng, không cầu vai, qua những năm này đã sờn mòn hết.

Được tha vào lúc đêm tối, không tiền, Ilin quyết định tìm chỗ trú tại phòng tiếp khách của MGB trên cầu Kuznetski. Ông biết chiến tranh đã qua, nhưng không biết nó đã làm thay đổi cuộc sống con người như thế nào: ông không rõ là trong nước đã có cải cách tiền tệ và người ta đã dùng đồng tiền khác. Ông cũng không biết gia đình ông ở đâu và chuyện gì đã xảy ra với thân quyến. Sáng hôm sau ông biết vợ ông đã ly dị với ông bởi không có tin tức gì và nghĩ ông đã chết. Bà đã lấy chồng và con gái sống với bà.

Ilin cố liên lạc với Merkulov giờ đã là bộ trưởng Ủy ban kiểm tra quốc gia. Ông đến Bộ, thư ký báo cáo với Merkulov, và sau đó nói rằng thủ trưởng không biết gì về Ilin cả. Ông chẳng biết đi đâu. Ông lại quay về phòng tiếp khách của MGB và cố gọi cho Subniakov, phó cũ của ông.

Ông không biết số điện thoại của ông kia và ông không có tiền xu để gọi từ điện thoại tự động, vì thế ông gọi số điện thoại cũ của mình, lợi dụng điện thoại nội bộ trong phòng tiếp khách của MGB. Trả lời là sĩ quan trực ban, người đã nhận ra ông và trò chuyện với ông đầy vẻ cảm tình: danh tiếng của Ilin vẫn còn cao trong các cựu binh NKVD. Hoá ra, Subniakov bị bắt năm 1951 ngay sau Abakumov. Viên sĩ quan ở phòng tiếp khách MGB cho Ilin vay 500 rúp (lúc ấy đó là một món tiền khá lớn) và khuyên ông rời nhanh khỏi Moskva.

Ilin đi về Riazan nơi có anh họ của ông đang sống. Ở đấy làm phu khuôn vác trên ga tàu hỏa. Ông báo với phòng an ninh đường sắt địa phương việc ông đến thành phố, và sau hai tháng họ đã giúp ông nhận được chức đội trưởng đội khuôn vác. Thực ra, người ta đòi hỏi

ông nói với các đồng chí cùng làm việc là ông bị xử không phải theo điều luật về chính trị, mà vì sự phung phí tiền và những tội phạm khác theo chức vụ, và họ hứa ghi vào sổ lao động. Nhưng Ilin từ chối, sợ rằng người ta có thể buộc ông vào tội che giấu quá khứ. Vậy là vào tuổi 48 ông bắt đầu cuộc đời mới.

Sau khi Stalin chết ông đệ đơn xin minh oan. Đơn đầu tiên bị từ chối, nhưng người ta cho phép ông quay về Moskva. Ilin xin vào làm ở phòng giao thông Xô viết Moskva. Năm 1954 ông được minh oan sau khi Beria bị xử bắn và tội bị bắt giữ. Trong một năm ông bị từ chối trả lương hưu dành cho các cán Bộ An ninh. Xerov chống lại điều đó, tuyên bố rằng thanh danh Ilin bị bôi nhọ bởi quan hệ với Teplinsky vẫn đang trong tù như một kẻ thù của nhân dân.

Ba ngày sau khi tôi được tha khỏi nhà tù, năm 1968 Ilin đã đến thăm tôi. Tôi được biết số phận lại mỉm cười với ông. Năm 1956 người phụ trách cũ của ông trở thành phó ban văn hóa TU đảng. Ông ta cần một nhà quản trị có kinh nghiệm và trung thực giữ chức thư ký tổ chức hội nhà văn Moskva. Kinh nghiệm làm việc đã qua của Ilin trong quá khứ là chính ủy an ninh quốc gia về các vấn đề văn hóa đã làm cho ông hoàn toàn thích hợp. Thêm nữa ông được ủng hộ bởi các nhà văn như Fedin và Ximonov. Lãnh đạo đảng cần một người của mình trong Hội nhà văn, người biết tất cả, kể cả những người cung cấp tin. Ilin phù hợp một cách lý tưởng cho chức vụ mới và đã làm việc tại Hội nhà văn đến năm 1977. Ông mất năm 1990, bị xe nghiền.

Các bước ngoặt trong cuộc đời Ilin, những chuyện bịa do A.Vakberg truyền bá về việc dường như ông, một cụ già 86 tuổi bị KGB “dọn” khi sợ những sự phanh phui nào đó, buộc tôi bình phẩm cả một chuyện khác với những lời đồn đại về số phận Leonid, con trai X.Khrusev, - thượng úy phi công mất tích mùa xuân 1943. Từ lời khai của hàng loạt nhà báo và một số cựu binh cơ quan an ninh quốc gia tôi được gán cho chiến dịch huyền hoặc về việc bắt Leonid Khrusev trong hậu phương Đức và thủ tiêu anh ta “vì phản bội Tổ quốc”. Trong thực tế hoàn toàn không có chuyện đó. NKVD và XMERS định tìm kiếm anh ta. Thực sự việc tìm kiếm con trai Khrusev nằm dưới sự kiểm soát đặc biệt. Thế nhưng mọi cuộc tìm kiếm đã không có kết quả gì. Tự Stalin tiếp nhận quyết định xem Leonid Khrusev đã hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ chiến đấu, chứ không phải bị mất tích. Trong những điều kiện ấy điều này là vô cùng quan trọng cho sự thăng tiến chính trị của Khrusev, loại bỏ khả năng bôi nhọ thanh danh của một trong những thành viên ban lãnh đạo Liên Xô. Con trai của Khrusev khác với những người mất tích khác, sau khi chết nhanh chóng được tặng huân chương Chiến tranh Vệ quốc hạng nhất.

Sau chiến tranh Khrusev chú trọng đặc biệt việc làm sáng tỏ số phận của con trai. Không ai trông thấy con ông ta chết như thế nào, kể cả các phi công bay cùng anh ta đi làm nhiệm vụ chiến đấu. Các cơ quan an ninh đã hỏi tất cả những tù binh Liên Xô từng ở trong trại giam biệt lập. Thế nhưng, không phải không thú vị, như người ta kể với tôi, các biên bản hỏi cung này không được giữ trong lưu trữ. Từ hồ sơ truy tìm sau “thanh lọc” các tài liệu những năm 1953-1954 bị lấy đi hơn 100 trang. Không rõ ai lấy mất những trang này. Dù không khó đoán, từ đâu có những chỉ thị về việc thanh lọc hồ sơ lưu trữ và tài liệu về những người mất tích năm 1943 trong cơ quan xử lý hồ sơ của Bộ Quốc phòng. KGB và MVD Liên Xô.

11. Tình báo Xô viết vào cuối cuộc chiến tranh

Năm 1944 chiến dịch *Tu viện* bắt đầu phát triển theo chiều hướng mới. Ngay trước cuộc tấn công mùa hè của Hồng quân ở Beloruxia, Stalin cho gọi Tổng cục trưởng tình báo Kuznetsov, Cục trưởng phản gián quân đội XMERS Abakumov, bộ trưởng an ninh quốc gia Merkulov và tôi. Tâm trạng tôi hưng phấn: công việc của chúng tôi tiến triển tốt, tháng trước tôi và Etingon được tặng huân chương Xuvorov vì những chiến dịch chiến đấu trong hậu phương Đức. Về nguyên tắc, huân chương cao quý này chỉ tặng cho các chỉ huy chiến trường vì những trận đánh chiến thắng, và sự kiện người ta trao cho các sĩ quan an ninh nói lên nhiều điều. Vì thế tôi đến cuộc gặp với cảm giác tự tin, và cả Merkulov cũng trong tinh thần hưng phấn như một trong những người phụ trách chiến dịch *Tu viện*.

Thế nhưng Stalin tiếp chúng tôi khá lạnh lùng. Ông khiển trách vì sự không hiểu biết thực tiễn chiến tranh và hỏi, theo chúng tôi, có thể sử dụng thế nào *Tu viện* và các trò chơi điện đài khác để giúp quân đội ta trong các chiến dịch tấn công, và yêu cầu mở rộng phạm vi các trò chơi điện đài, nhận xét rằng các thủ pháp cũ đã không còn phù hợp với hoàn cảnh mới. Kuznetsov đề nghị ném thông tin mới qua “Geine”-”Maks” về kiểu như đang có sự chuẩn bị tấn công tại Ucraina. Tôi chưa chuẩn bị cho một cuộc trò chuyện như thế và tuyệt đối không biết gì về các kế hoạch của tổng hành dinh Xô viết. Thêm nữa tôi nhớ lời khuyên của nguyên soái Saposnikov đừng bao giờ dấy vào việc gì ngoài phạm vi quyền hạn mình. Vì thế tôi im lặng khi Abakumov lặp lại ý đồ nhập chiến dịch *Tu viện* vào XMERS, tuyên bố rằng bộ máy của ông ta có thể liên hệ chặt chẽ hơn với Bộ tổng tham mưu so với NKVD.

Stalin gọi tướng Stemenko, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu, và ông kia đọc mệnh lệnh được chuẩn bị trước. Theo đó chúng tôi phải đưa bộ chỉ huy Đức tới sai lầm, khi tạo nên ấn tượng những hành động tích cực của những tàn quân của Đức lọt vào vòng vây trong tiến trình tấn công của ta trong hậu phương Hồng quân. Ý đồ của Stalin là bằng cách lừa dối buộc bọn Đức sử dụng các dự trữ của mình để giữ gìn các đơn vị này và “giúp” chúng làm một nỗ lực lớn thoát khỏi vòng vây. Quy mô và sự mạnh bạo của chiến dịch dự tính gây cho chúng tôi ấn tượng mạnh. Tôi vừa hưng phấn vừa lo lắng: nhiệm vụ mới vượt qua giới hạn các trò chơi điện đài trước đây với mục đích cung cấp thông tin giả.

Ngày 19-8-1944 Bộ tổng tham mưu bộ binh Đức nhận được tin báo của “Maks” do Abwehr gửi về một đơn vị 2500 người dưới sự chỉ huy của trung tá Serhorn bị bao vây bởi Hồng quân ở vùng sông Berezina. Chiến dịch *Berezino* bắt đầu như thế - là sự tiếp tục của chiến dịch *Tu viện*.

Soạn thảo chiến dịch “Berezino” là cục trưởng Cục 3 của Tổng cục 4, đại tá Makliarxky. Tôi ủng hộ ý tưởng của chiến dịch. Một trò chơi điện đài hấp dẫn được lập với bộ chỉ huy tối cao Đức. Về ý đồ của nó để thực hiện chỉ thị của Tổng hành dinh được báo cáo trực tiếp với Stalin, Molotov, Beria. Đã nhận được sự phê chuẩn việc tiến hành chiến dịch.

Để lãnh đạo trực tiếp chiến dịch này, phó của tôi Etingon, Makliarxky, Fiser, Xerebrianxky và Mordvinov đã đi Beloruxia đến thực địa của sự kiện.

Trong thực tế không tồn tại nhóm Serhorn trong hậu phương Hồng quân. Đơn vị dưới sự chỉ huy của tên sĩ quan này gồm 1500 lính bảo vệ phà vượt sông Berezina đã bị chúng ta

đánh tan và bắt làm tù binh. Etingon, Makliarxky, Fiser, Mordvinov, Gudimovich, T. Ivanova, Garbuz với sự tham gia tích cực của “Geine”-”Maks” đã chiêu mộ Serhorn và các nhân viên điện đài của ông ta. Được phái đến Beloruxia các chiến sĩ và sĩ quan binh đoàn đặc nhiệm, cùng với họ có cả những người Đức chống phát xít các chiến sĩ Quốc tế cộng sản. Tham gia trò chơi bao gồm cả những tù binh Đức được tình báo Liên Xô chiêu mộ. Bằng cách đó, đã tạo nên ấn tượng về sự hiện diện của một nhóm quân Đức trong hậu phương Hồng quân. Và thế, từ 19-8-1944 đến 5-5-1945 chúng ta đã tiến hành có lẽ là một trò chơi điện đài thành công nhất với bộ chỉ huy tối cao Đức. Thế nhưng các cán bộ tác chiến tham gia vào chiến dịch Berezino không được khen thưởng kể cả những năm tiếp theo hay nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày chiến thắng, dù đã được đề nghị.

Cơ quan an ninh Đức và Bộ tổng tham mưu bộ binh Đức có ý đồ nghiêm túc phá hủy giao thông hậu phương của Hồng quân khi sử dụng đơn vị Serhorn. Với mục đích ấy, đáp lại lời yêu cầu của ông ta về sự giúp đỡ, các chuyên gia phá hoại và phương tiện kỹ thuật được gửi cho Serhorn. Đồng thời chúng ta cũng tóm được một nhóm tay súng S.S được phái đi liên lạc với Serhorn.

Serhorn gửi về Berlin báo cáo về các vụ phá hoại trong hậu phương Hồng quân do Etingon, Makliarxky và Mordvinov viết. “Maks” nhận được mệnh lệnh từ Berlin kiểm tra độ tin cậy các báo cáo của Serhorn về những hoạt động trong hậu phương Hồng quân - anh đã khẳng định chúng. Hitler phong Serhorn hàm đại tá và tặng “Chữ thập Hiệp sĩ”, còn Guderian đã gửi chúc mừng riêng. Serhorn được lệnh vượt qua chiến tuyến hướng về Ba Lan, còn sau đó vào Đông Phổ. Serhorn đòi nhằm bảo đảm chiến dịch này phải gửi cho ông ta những người dẫn đường Ba Lan cộng tác với Đức bằng cách thả dù. Berlin đồng ý, và kết quả chúng ta tóm được các điệp viên Ba Lan của tình báo Đức. Từ phía mình, Hitler lập kế hoạch cử đến tên chỉ huy cơ quan những chiến dịch đặc biệt và phá hoại Skorzeny và nhóm của hắn, nhưng bọn Đức buộc phải từ bỏ kế hoạch đó do vào tháng 4-1945 tình hình chiến sự trên mặt trận Xô - Đức đã thay đổi.

Ngày 5-5-1945 Bộ chỉ huy Đức quốc xã và Abwehr trong bức điện báo cuối cùng của mình khuyên Serhorn hành động theo hoàn cảnh. “Maks” được lệnh phong tỏa các nguồn thông tin và cắt đứt tiếp xúc với binh lính và sĩ quan Đức bị bao vây đang bị đe dọa trở thành tù binh, trở về Moskva, ẩn kín và cố gắng giữ liên lạc. Serhorn và nhóm của ông ta bị chúng ta cách ly ở gần Moskva, nơi họ ở cho đến lúc được tha vào đầu những năm 1950.

Khá hay rằng Gehlen, đứng đầu tình báo quân sự Đức sau Canaris, cố chiếm lòng tin của người Mỹ, đã đề xuất “Maks” như một nguồn tin cậy sau chiến tranh. Thế nhưng tình báo Mỹ đã có thái độ không tin tưởng với đề nghị của Gehlen.

Công lớn trong việc tiến hành các chiến dịch *Tu viện* và *Berezino* thuộc về trưởng ban Maxxia, người vào những năm 1945-1950 cùng vợ tham gia tích cực trong do thám về vấn đề nguyên tử ở Mỹ.

Đặc biệt xuất sắc là V.Fiser-Abel đội lột một sĩ quan Đức trực tiếp đón bọn phá hoại của Skorzeny tại sân bay.

Không thể không ghi nhận tác động lớn cho thành công các chiến dịch *Tu viện* và

Berezino từ phía các cán bộ giàu kinh nghiệm và hiệu quả của phản gián quân đội (XMERS) Barusnikov và Utekhin.

Ở tôi đã chín muồi kế hoạch sử dụng Serhorn để chiêu mộ thủy sư đô đốc Đức Reader, Tư lệnh hải quân bị Hitler cách chức năm 1943. Vốn là tù binh Reader đang ở Moskva. Muộn hơn theo cầu xin của ông ta, bà vợ đã đến. Có vẻ ông ta có tinh thần cộng tác với ta - để đổi lấy lời hứa không đưa ông ta ra tòa án Nurenberg với cáo buộc như một tội phạm chiến tranh, dù phía Anh khẳng khái khép tội ông ta vì những chiến dịch của tàu ngầm Đức chống lại hạm đội Anh và những tàu hàng khác. Tôi bố trí ông ta với vợ ở tại nhà nghỉ ngoại ô nhưng nhanh chóng tôi tin chắc rằng kế hoạch tác động viên thủy sư đô đốc thông qua Serhorn là không hiện thực, bởi họ không chịu đựng được nhau. Hơn nữa Xerebrianxky ở nhà nghỉ của tôi dưới sự giám sát như “tù binh” (ông đóng vai một nhà doanh nghiệp Đức), đã có tác động tốt đến viên thủy sư đô đốc. Xerebrianxky thuyết phục được thủy sư đô đốc để ông ta thiết lập lại các liên lạc và mối quen biết của mình ở Đức. Vẫn nhớ, Reader rất thích đi dạo dọc sông Moskva trên chiếc ô tô Limuzin “Horkh” chiến lợi phẩm - chính ông ta có một chiếc như thế ở Đức.

Cuối năm 1945 chúng ta đưa Reader về Đức. Phía Anh vẫn khẳng khái đòi đưa ông ta ra tòa như một tội phạm chiến tranh. Theo tôi nhớ, chúng ta đã đạt được thỏa thuận với người Anh và người Mỹ về vấn đề này. Reader, một số sĩ quan cao cấp của Hải quân Đức và thêm một nhóm sĩ quan được trao cho đồng minh để đổi lấy viên tướng Sa hoàng Kraxnov, tư lệnh quân đội Kozak trong nội chiến, còn trong thế chiến II đã phục vụ ở bộ tham mưu Đức quốc xã, và các sĩ quan Xô viết đã chiến đấu trong hàng ngũ của Vlastov. Serhorn cũng được chuyển về Đức, và các liên hệ của tôi với những người này bị cắt đứt.

Sau chiến tranh chúng tôi cố thử dùng Demianov (“Geine”-“Maks”), lần này ở Paris, nhưng nhanh chóng hiểu rằng ở đây các giới lưu vong đã không còn quan tâm đến anh, và anh cùng vợ quay về Moskva. Họ không còn tham gia vào bất cứ chiến dịch tình báo nào nữa. Demianov về sau làm kỹ sư điện tại một viện nghiên cứu khoa học. Anh mất năm 1975 do vỡ tim khi đang bơi thuyền trên sông Moskva. Lúc ấy anh 64 tuổi.

12. Vai trò của NKVD trong các hội nghị Teheran, Potsdam và Yalta

Cả tình báo quân sự lẫn tình báo chính trị đóng vai trò lớn trong việc nước ta chuẩn bị và tiến hành các hội nghị Teheran, Potsdam và Yalta, những hội đàm và gặp gỡ của ngoại trưởng các quốc gia liên minh chống Hitler những năm 1943-1945. Để thực thi mệnh lệnh NKVD Liên Xô, ngày 8-8-1945 trước hội nghị Yalta tôi được giao việc giải quyết nhanh nhất các vấn đề của các cơ quan trung ương NKVD-NKGB Liên Xô trong việc tiến hành những hoạt động cần thiết về hội nghị ở Moskva. Để dẫn tới cuộc gặp gỡ của Stalin, Roosevelt và Churchill ở Yalta đã có trù bị những cuộc gặp không chính thức mà trong đó Fitin và tôi tham dự - với người dẫn đầu phái đoàn quân sự Mỹ ở Moskva tướng Din, phó thủy sư đô đốc Olsen, đại sứ Mỹ Harriman, cố vấn sứ quán Anh Robert. Chúng tôi bàn kín kể về những cách tiếp cận có thể để giải quyết các vấn đề tranh cãi, trao đổi cho nhau mạng điệp viên bị đổ vỡ và các chuyên gia quân sự Đức bị bắt, các vấn đề tế nhị về việc phân chia có thể sau chiến tranh ở các nước Đông Âu. Harriman nói riêng, không phản đối ý tưởng thành lập một chính phủ liên hợp tại Ba Lan sau chiến tranh do Stalin và Molotov đề đạt.

Những cuộc gặp gỡ cuối này với các đại diện tình báo Mỹ và Anh kiểu như tổng kết sự hợp tác của các cơ quan đặc biệt của các nước đồng minh trong những năm chiến tranh. Nó có kết quả nhất là ở Afganistan, nhân nhóm trưởng tình báo ta Alakhverdov đã vô hiệu hoá được các hành động của mạng điệp viên Đức ở các khu vực biên giới. Cùng với người Anh đã đập tan mạng lưới gián điệp phá hoại của tình báo Đức và Nhật ở Ấn Độ và Myanmar. Đánh giá cao sự ủng hộ của chúng ta đối với các hoạt động của tình báo Anh ở Ấn Độ và Myanmar, về phía mình, người Anh đã trao cho ta nhiều điệp viên thân Đức ở Afganistan và Trung Á, bị người Đức chiêu mộ cho các hoạt động trong hậu phương chúng ta.

Những thảo luận chung về các chiến dịch phá hoại hợp tác chống bọn Đức ở Tây Âu với các cơ quan đặc biệt Anh và Mỹ không tiến triển. Thế nhưng chúng tôi đã dàn xếp các tiếp xúc với những nhân viên tình báo Anh đang hoạt động trong bộ tham mưu của nguyên soái Tito tại Nam Tư, trung tá Kvasnin thiết lập các quan hệ cá nhân tốt với Rendolf, con trai của Churchill và đã giúp nhiều cho các sĩ quan Anh trong việc thoát khỏi vòng vây bọn Đức. Thông tin nhận được từ Kvasnin có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá các ý đồ của giới cầm quyền Anh và trong đường lối hậu chiến ở Nam Tư.

Các giới làm ăn Mỹ thể hiện mối quan tâm đến những hình thức có thể của vấn đề Do Thái, đưa ra trợ giúp tài chính cho sự khôi phục Gomel cho giới hạn được gọi là “độ định cư Do Thái” và Krum, nơi dự trù thành lập một nước cộng hòa Do Thái. Trong các cuộc trò chuyện không chính thức với Harriman diễn ra tại nhà hàng Aragvi và được ghi băng lại, điệp viên ảnh hưởng, công tước Ianus Radzivill, bạn làm ăn của gia đình Harriman về các phi vụ tài chính ở Ba Lan và các nước Đông Âu, tham gia với tư cách thông ngôn của tôi. Ông ta lại bị NKVD bắt ở Ba Lan tháng 1-1945.

Ngay trước hội nghị Yalta dưới sự chủ tọa của Golikov, sau là Beria, có một cuộc họp dài nhất trong suốt thời kỳ chiến tranh của các lãnh đạo tình báo Bộ Quốc phòng, Hạm đội hải quân và NKVD-NKGB. Vấn đề chủ yếu - đánh giá các khả năng tiềm tàng của các lực lượng quân sự Đức để chống chọi tiếp theo đối với đồng minh - được xem xét ròng rã trong hai ngày. Các dự đoán của chúng tôi về việc chiến tranh ở châu Âu kéo dài không quá ba tháng do bọn Đức thiếu nhiên liệu và vũ khí, đã hoá ra đúng. Ngày thứ ba, ngày làm việc cuối cùng của hội nghị được dành để so sánh các tài liệu có được về các mục đích chính trị và dự định người Anh và người Mỹ tại hội nghị Yalta. Chúng tôi đồng tình với việc là cả Roosevelt, cả Churchill sẽ không thể chống đối đường lối của phái đoàn ta về củng cố địa vị của Liên Xô tại Đông Âu.

Chúng tôi xuất phát từ thông tin xác thực về việc người Mỹ và người Anh sẽ có quan niệm linh hoạt và chịu nhún nhường do quan tâm đến việc Liên Xô tham gia nhanh chóng vào chiến tranh với Nhật Bản. Dự báo của NKVD và tình báo quân đội về khả năng thấp của người Nhật đối chọi với những đòn giáng mạnh của các tập đoàn quân cơ động của ta đánh tạt sườn vào khu vực tăng cường do người Nhật xây dựng dọc biên giới Liên Xô, được khẳng định vào tháng 8-1945. Thế nhưng chúng tôi không lường trước, bất kể những cứ liệu chi tiết về sự hoàn tất công việc về bom nguyên tử, rằng người Mỹ sẽ ứng dụng bom nguyên tử để chống lại Nhật Bản.

Ngay trước hội nghị Potsdam các đánh giá của chúng ta lại càng lạc quan hơn. Beria và Golikov nói chung không nhắc tới tiền đề phát triển xã hội chủ nghĩa Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungari, Rumani. Sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội như một hiện thực đối với chúng tôi ở các nước châu Âu chỉ rõ nhiều hoặc ít đối với Nam Tư. Chúng tôi xuất phát từ chỗ Tito như một nhà lãnh đạo quốc gia và ĐCS dựa vào sức mạnh quân sự hiện thực. Trong những nước khác thì tình hình không thế. Thế nhưng chúng tôi đã thống nhất ở chỗ là sự hiện diện của quân đội ta và cảm tình đối với Liên Xô của đông đảo nhân dân sẽ đảm bảo sự cầm quyền ổn định ở Ba Lan, Tiệp Khắc và Hungari cho những chính phủ sẽ định hướng đến liên minh và hợp tác chặt chẽ với chúng ta.

Các tư vấn quân sự - chính trị của chúng tôi về nước Đức cũng còn xa vời với sự thiết lập chủ nghĩa xã hội tại vùng chúng ta chiếm đóng. Vấn đề đặt ra là một nước Đức trung lập vĩnh viễn bị giải giáp vũ khí với một nhóm lãnh đạo tiến bộ, ổn định, có định hướng về nước Nga.

Kết quả các quyết định của hội nghị của chúng tôi trong biên bản mật được ký tại hội nghị Yalta ngày 11-2-1945 bởi Molotov, Hell, Iden, còn là sự giao phó cho phó tổng cục trưởng tình báo (Tổng cục 1) Kuznetsov thỏa thuận với các đại diện cơ quan tình báo Anh, Mỹ về sự trao đổi ban chỉ huy của quân đội Vlasov, nói riêng là Jilenkov, để đổi cho người Anh và người Mỹ các tướng và đô đốc Đức mà họ quan tâm: đô đốc Reader đang bị tù ở Moskva.

Tôi chỉ dừng lại ở một số chiến dịch tình báo cơ bản trong cuộc chiến tranh Xô - Đức, những đánh giá tài liệu tình báo của ban lãnh đạo quân sự - chính trị Liên Xô. Không thể không thừa nhận rằng sự chú ý có hệ thống tới công tác tình báo được tăng cường dưới ảnh hưởng của những thất bại nặng nề của ta vào đầu chiến tranh.

Tất nhiên, đưa ra chỉ toàn những thành công là không đúng. Abwehr và Gestapo đã gây tổn thất nghiêm trọng cho các cơ quan tình báo của NKVD và Bộ Quốc phòng. Ngoài việc hy sinh những điệp viên và cán bộ tác chiến quý giá ở Tây Âu những năm 1941-1943, kết quả hoạt động của phản gián Đức làm chúng ta mất đi lãnh đạo các nhóm điệp viên ở Xmolensk, Kiev, Odessa, Kherxon, Nikolaev, ở những thành phố chủ yếu bị lọt vào vùng chiếm đóng.

Năm 1942 ở Afganistan, Fridgut, nhà tuyển mộ danh tiếng của Grigulevich, đã hy sinh. Ông cùng với Alakhverdov tiến hành chiến dịch vô hiệu hoá các điệp viên Đức. Viktor Liagin được ném vào hậu phương địch đã bị bọn Đức bắt và xử bắn: không khai báo ai, ông từ chối chạy trốn vì không muốn bỏ mặc điệp viên đang bị thương. Ivan Kudria chui vào mạng lưới điệp viên Abwehr và chuyển những tin tức quan trọng về Moskva đến trước khi anh bị phản bội. Vladimir Molodsov bị bọn Rumani bắt và cũng bị xử bắn. Theo đề cử của tôi, Liagin, Molodsov, Kuznetsov sau chiến tranh được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Đến trước lúc bị bắt tôi đã quan tâm để gia đình họ thường xuyên nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ từ phía cơ quan an ninh.

Được giới thiệu tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô có các sĩ quan du kích Morozov, Kolesnikov (IU. Kolesnikov) sau 50 năm đã nhận danh hiệu Anh hùng Liên bang Nga nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày chiến thắng phát xít Đức), các nhà hoạt động bí mật Geft,

Gordienko và nhiều người khác.

Sự kết thúc chiến tranh đến giờ vẫn sống động trong trí tôi như một sự kiện kỳ vĩ, rửa sạch tất cả mọi ngò vức của tôi liên quan đến sự sáng suốt của ban lãnh đạo đất nước. Các sự kiện hào hùng và bi thương đã qua, sự mất mát con người và thậm chí sự thanh trừng hàng loạt - tất cả những thứ đó có vẻ được biện minh bởi Chiến thắng Vĩ đại trước Hitler. Tôi nhớ bữa tiệc lớn tại phòng Georgiev điện Kremli nơi tôi vinh dự được ngồi cùng bàn với phó tổng tham mưu trưởng tướng Stemenko, tổng cục trưởng tình báo NKVD Fitin, tổng cục trưởng tình báo Bộ tổng tham mưu tướng Ilitsev, tổng cục trưởng tình báo quân đội đại tướng Kuznetsov. Tôi nhớ Stalin đã đến bàn chúng tôi, chào Ixakov bị mất một chân trong trận ném bom của Đức năm 1942 ở Kavkaz, và nâng cốc chúc ông. Ixakov không thể bước ra trước lớp khán giả như thế trên nạng, và chúng tôi cảm động tận đáy lòng trước cử chỉ của Stalin. Chúng tôi cảm thấy mình là học trò và người thừa kế của ông. Sự chú ý được nhấn mạnh của Stalin đối với lớp tướng tá và đô đốc trẻ chỉ ra rằng ông gắn tương lai đất nước với thế hệ chúng tôi.

CHƯƠNG 7

TÌNH BÁO XÔ VIẾT VÀ VẤN ĐỀ NGUYÊN TỬ

Năm 1943 nhà vật lý nổi tiếng toàn thế giới Nils Bor chạy trốn khỏi Đan Mạch bị Đức chiếm đóng sang Thụy Điển và đề nghị các nhà bác học nổi tiếng có mặt ở đây, Elizavets Meitner và Alfven, thông tin cho các đại diện và bác học Xô viết, với Kapitsa, rằng nhà vật lý Đức Geizenberg đến thăm ông và báo tin: ở Đức đang bàn vấn đề chế tạo bom nguyên tử. Geizenberg đề nghị cộng đồng khoa học quốc tế từ chối việc chế tạo thứ vũ khí này, bất chấp sự ép buộc của các chính phủ. Tôi không nhớ, Meitner hay Alfven đã gặp gỡ tại Geterborg phóng viên TASS và cán bộ tình báo ta Koxui và báo với họ rằng Bor lo lắng bởi việc chế tạo bom nguyên tử có khả năng ở nước Đức Hitler. Thông tin tương tự từ Bor ngay khi ông chưa chạy khỏi Đan Mạch, tình báo Anh đã nhận được. Các bác học phương Tây đánh giá cao tiềm năng khoa học của các nhà vật lý Liên Xô, họ biết rất rõ các nhà bác học như Ioffe, Kapitsa và họ chân thành cho rằng khi cấp thông tin về các bí mật nguyên tử cho Liên Xô, và thống nhất sự nỗ lực, có thể vượt người Đức trong việc chế tạo bom nguyên tử.

1. Tin đồn về các nghiên cứu khoa học “siêu vũ khí” được khẳng định

Ngay từ năm 1940 các bác học Xô viết khi biết về những lời đồn lan truyền ở Tây Âu về việc sản xuất một thứ vũ khí siêu mạnh, đã có những bước đầu tiên để sáng tỏ khả năng chế tạo bom nguyên tử. Thế nhưng họ cho rằng chỉ chế tạo được thứ vũ khí này về mặt lý thuyết chứ chắc gì thực hiện nổi trong tương lai gần. Viện Hàn lâm khoa học về nghiên cứu các vấn đề năng lượng nguyên tử dưới sự chủ tọa của viện sĩ Khlopin, chuyên gia về hoá sóng hạt, mặc dù vậy vẫn đề nghị chính phủ và các cơ sở khoa học theo dõi các ấn phẩm khoa học của các chuyên gia phương Tây về vấn đề này. Dù chính phủ không trích phượng tiện cho các nghiên cứu nguyên tử, trưởng phòng khoa học kỹ thuật của tình báo NKVD Kvaxnikov đã định hướng các mạng điệp viên vùng Scandinavia, Đức, Anh và Mỹ, giao trách nhiệm thu thập toàn bộ thông tin về soạn thảo “siêu vũ khí” - bom uran.

Sáng kiến này của Kvaxnikov gắn với những sự kiện kịch tính khác khi từ lâu ở Đức, Anh, Mỹ các nhà vật lý đã bắt tay vào nghiên cứu khả năng chế tạo vũ khí hạt nhân, trước cả khi chính phủ Mỹ tổ chức trung tâm đặc biệt về chế tạo bom nguyên tử ở Los Alamos.

Mùa thu 1939 các bác học hàng đầu của Đức dưới sự lãnh đạo của Suman đã liên kết vào “Hội uran” thuộc Cục vũ trang quân đội nơi, cùng tham gia là Verner Geizenberg, Karl-Fridrik von Vaitszeker, Paul Gratek, Otto Hann, Wilhem Grot và những người khác. Viện vật lý Berlin của Hội thủ tướng Wilhem trở thành trung tâm nghiên cứu nguyên tử, còn giáo sư Geizenberg được cử làm giám đốc. Được lôi kéo vào nghiên cứu khoa học là các viện Hoá Lý của các trường đại học Tổng hợp Hamburg Laixich, Greifsvald, Geidelberg và Rostoksk.

Trong vòng 2 năm nhóm Geizenberg đã tiến hành các nghiên cứu lý thuyết khởi điểm và các thử nghiệm cần thiết để xây dựng lò phản ứng hạt nhân với việc sử dụng uran và nước nặng. Xác định được chất gây nổ là hạt của uran-238 - uran-235 thường có trong quặng uran.

Những nghiên cứu đã định đòi hỏi một lượng uran khá nhiều và nước nặng hoặc than chì sạch (grafit). Người Đức đã lấy quặng ở mỏ Iakhimov, Tiệp Khắc. Sau khi chiếm Bỉ mùa xuân 1940, bọn Đức đã chiếm được tại nhà máy “Union miner” gần 1200 tấn uran tinh chất, gần một nửa dự trữ uran thế giới (nửa khác trong năm đó được bí mật chuyển từ Côngô sang Mỹ). Chiếm Na Uy, trong tay người Đức có nhà máy của hãng “Norsk-gidro” ở Rjukan lúc ấy là nhà máy duy nhất sản xuất và cung cấp nước nặng (trước đó 185 kg nước nặng theo đơn đặt của Joliot-Curie được chuyển đến Paris, và chính nó đã lọt sang Mỹ).

Tháng 12-1940 dưới sự lãnh đạo của Geisenberg người Đức đã xây lò phản ứng thử nghiệm đầu tiên, còn hãng Auergesellschaft nắm được cách sản xuất uran kim loại. Đồng thời các phòng thí nghiệm bí mật của Siemens đã bắt đầu tìm cách xử lý sạch than chì để dùng nó với tư cách chất hấp thụ các neutron trong lò phản ứng khi thiếu nước nặng, cũng như triển khai kế hoạch đảm bảo điện năng cho phương án.

Đáng kể là gần như cùng lúc đó bằng quyết định của Hội nghị đặc biệt NKVD vào tháng 4-1940 đã trục xuất khỏi Liên Xô nhà vật lý Đức nổi tiếng F. Houtermans. Ông ta làm việc lâu tại trường đại học vật lý - kỹ thuật ở Kharkov với nhà vật lý danh tiếng Landau, nghiên cứu các vấn đề vật lý hạt nhân. Tháng 12-1937 Houtermans bị bắt “như một kẻ nước ngoài di tản giả vờ là người chống phát xít”. Houtermans đồng ý cộng tác với cơ quan NKVD sau khi trở về Đức. Nhưng ông ta bị Gestapo bắt như một người có cảm tình với cộng sản. Các nhà khoa học Đức đã xin thả ông và đưa vào công việc khoa học ở Đức.

Bước ngoặt trong số phận của Houtermans dẫn tới sự tích cực hóa các nghiên cứu về khả năng chế tạo vũ khí nguyên tử ở Mỹ và Anh năm 1941. Houtermans uỷ nhiệm cho người thân tín, nhà vật lý Đức F. Raabe, người trốn khỏi Đức năm 1941, thông báo cho các nhà vật lý về sự bắt đầu các công việc ở nước Đức phát xít về chế tạo vũ khí nguyên tử.

Nhóm trưởng tình báo ta ở New York Ovakimian thông tin cho chúng tôi vào tháng 4-1941 về cuộc gặp gỡ của người chạy khỏi nước Đức với các nhà vật lý danh tiếng nhất của thế giới phương Tây đang có mặt tại Mỹ mà trong tiến trình đó đã bàn bạc về tiềm năng khổng lồ của uran.

Thành công lớn trong hướng hoạt động tình báo hàng đầu này đã đạt được sau khi chúng ta cử sang Washington với tư cách trưởng nhóm Zarubin (“Kuper”, “Maksim”) dưới vỏ bí thư sứ quán cùng với vợ là Liza, cựu binh tình báo.

Stalin tiếp Zarubin ngày 12-10-1941 trước lúc ông sang Washington. Lúc đó quân Đức ở gần Moskva. Stalin nói với Zarubin rằng nhiệm vụ chính của ông trong năm tới là tác động chính trị của chúng ta đến Mỹ thông qua mạng lưới điệp viên ảnh hưởng.

Trước đây thông tin chính trị ở Mỹ là tối thiểu, vì chúng ta không có những dụng cụ các quyền lợi với Mỹ. Nhưng trước chiến tranh Kremlin lo lắng bởi các tin tức đến từ Mỹ, rằng trong trường hợp Liên Xô thất bại trong chiến tranh với Đức, chính phủ Mỹ sẽ xem xét khả năng công nhận chính phủ Kerenxky là chính phủ hợp pháp ở Nga, và lãnh đạo Xô viết nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp thiết của thông tin về các ý đồ của chính phủ Mỹ, bởi sự tham gia của Mỹ trong cuộc chiến tranh với Hitler có một ý nghĩa lớn.

Các tin tức về chương trình nghiên cứu vũ khí nguyên tử đến từ Anh, Mỹ, Scandinavia

và Đức đã thay đổi hướng các nỗ lực của tình báo chúng ta.

Ngày 16-9-1941 văn phòng quân sự Anh - xem xét một báo cáo chuyên môn về việc chế tạo bom uran trong vòng 2 năm. Phương án về bom uran có tên “Hợp kim ống” được đầu tư rất nhiều tiền. Điệp viên Maklin ở Bộ Ngoại giao Anh chuyển cho chúng ta báo cáo 60 trang của văn phòng quân sự Anh với sự thảo luận đề án này.

Nguồn khác của chúng ta - điệp viên từ tổ hợp công nghiệp Imperial chemical industry báo rằng tổ hợp đang xem xét vấn đề bom nguyên tử chỉ ở mặt lý thuyết. Đồng thời chúng tôi cũng rõ Ủy ban tướng lĩnh Bộ tham mưu Anh cũng phê chuẩn quyết định xây dựng nhà máy bom nguyên tử. Nhóm trưởng ta ở London Gorxky cấp tốc đề nghị Trung tâm tiến hành thẩm định các tài liệu được chuyển về.

Hoạt động tình báo ở Mỹ định hướng tới sự đối kháng của Đức và Nhật Bản. Nhóm trưởng ở San Francisco Kheifets cố tuyển dụng hệ thống điệp viên ở Mỹ rồi sau sử dụng ở Đức, nhưng kết quả không đáng kể. Trong nhiệm vụ của Kheifets và Zarubin là vô hiệu hoá hoạt động chống Liên Xô của bạch vệ lưu vong ở Mỹ như cựu thủ tướng chính phủ lâm thời Kerenxky, thủ lĩnh đảng Eser Tjernov bị Lenin trục xuất khỏi Nga năm 1922.

Nhưng mọi điều đó trở thành thứ yếu, khi Kheifets và cán bộ tác chiến Xemenov báo về, rằng chính quyền Mỹ dự định kéo các nhà bác học vĩ đại, trong đó kể cả những người được giải Nobel, để soạn thảo một vấn đề đặc biệt bí mật và chính phủ dành 20% tổng chi phí nghiên cứu kỹ thuật - quân sự cho mục đích này.

Đến tháng 2-1942 tôi giữ chức phó cục trưởng Cục tình báo đối ngoại và nhớ thông báo này. Nó chứa nội dung vô cùng quan trọng làm thay đổi quan niệm bảo thủ của chúng ta đối với vấn đề nguyên tử.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên của Kheifets và Oppengeimer diễn ra vào tháng 12-1941 ở San Francisco tại hội nghị quyên góp giúp đỡ những người tị nạn và cựu binh cuộc nội chiến Tây Ban Nha. Kheifets tham dự cuộc họp này với tư cách phó lãnh sự quán Liên Xô. Ông nói tốt tiếng Anh, Đức và Pháp và là một nhân cách xuất chúng. Từ những năm 30, vốn là phó nhóm trưởng tại Italia, ông đã nhận ra và bắt đầu việc tuyển dụng bước đầu Fermi và học trò của ông ta là Pontekorvo là những người có các quan điểm chống phát xít và có thể trở thành nguồn của thông tin khoa học - kỹ thuật.

Tôi gặp Kheifets vào những năm 30 và lập tức sức quyến rũ và tính chuyên nghiệp của một nhà tình báo đã chinh phục tôi. Một thời gian Kheifets làm thư ký của Krupxkaia.

Kheifets quay vòng trong các giới khác nhau ở San Francisco, được sự kính trọng của những người cộng sản và phái tả (họ gọi ông là “ngài Braun”). Kheifets kể với tôi là đã hai lần gặp Oppengeimer và vợ ông ta. Đến thời gian ấy Kheifets đã nghe thấy tin đồn về công việc chế tạo một loại siêu vũ khí, nhưng Moskva vẫn đang ngò vực ở tầm quan trọng và không thể trì hoãn của vấn đề nguyên tử.

Chính lúc ấy Kheifets đã báo rằng Oppengeimer có nhắc đến bức thư mật của Albert Einstein gửi tổng thống Roosevelt năm 1939 trong đó lưu ý ông ta tới sự cấp thiết nghiên cứu để chế tạo loại vũ khí mới chống chủ nghĩa phát xít.

Nhà chuyên nghiệp giàu kinh nghiệm Kheifets biết rất tốt cách làm thân với Oppengeimer. Không phải là trả tiền, đe dọa hoặc tống tiền bằng cách bôi nhọ thanh danh. Nhờ vẻ quyền rũ riêng ông thiết lập quan hệ tin cậy với Oppengeimer thông qua em trai của ông ta là Frank khi nói chuyện nhân sự tấn công Trân Châu cảng của Nhật Bản và hiểm hoạ chủ nghĩa phát xít đang treo trên đầu thế giới.

Trong nghĩa chính xác Oppengeimer, Fermi và Stsilard chưa bao giờ là điệp viên của ta. Cả Kvaxnikov lãnh đạo tình báo khoa học - kỹ thuật Liên Xô những năm 1947-1960 cũng khẳng định điều đó: “Các bác học làm việc với tình báo ta, không thể gọi là điệp viên”.

Thông tin của Kheifets có tính chất cực kỳ quan trọng. Trung tâm giao cho Xemenov (mật danh Tven) kiểm tra tin tức nhận được từ Kheifets. Xemenov phải làm rõ các nhà bác học - chuyên gia chủ chốt được lôi kéo làm việc với đề án siêu bí mật, và xác định vai trò cụ thể của từng người.

Xemenov vào cơ quan an ninh năm 1937. Anh là một trong số ít người có học vấn đại học kỹ thuật, và anh được phái đi học ở Mỹ, tại trường đại học công nghệ Massachusetts, để trong tương lai sử dụng theo hướng tình báo khoa học - kỹ thuật. Chính Xemenov và trợ lý của anh đã thiết lập được các tiếp xúc vững chắc với những nhà vật lý gần gũi với Oppengeimer ở Los Alamos những năm 20-30 đã làm việc tại Liên Xô và có liên hệ với kiều dân Nga chống phát xít ở Mỹ. Kênh thông tin chính về bom nguyên tử đã bắt đầu hoạt động đều đặn như thế. Đó là Xemenov lôi cuốn vợ chồng Koen cộng tác, thực hiện vai trò người đưa tin; năm 1945 Lona Koen chuyển cho chúng ta những tài liệu khoa học quan trọng bậc nhất về cấu trúc bom nguyên tử.

Xemenov xác định ai trong số bác học nổi tiếng tham gia vào cái gọi là đề án Manhattan về chế tạo bom nguyên tử, và mùa xuân 1942, độc lập với Kheifets, báo rằng không chỉ các bác học, mà chính phủ Mỹ quan tâm nghiêm túc đến vấn đề này. Xemenov cũng báo rằng tham gia đề án có chuyên gia nổi tiếng về chất nổ Kixtiakovxky, người Ucraina.

Chúng tôi cho ngay chỉ thị sử dụng mạng điệp viên để tiếp xúc với Kixtiakovxky, nhưng các điệp viên quan trọng của ta ở Mỹ - Iakhontov tướng quân đội Sa hoàng, di tản sang Mỹ sau nội chiến, lấy chị gái của vợ bộ trưởng an ninh quốc gia Liên Xô Merkulov; và Xergei Kurnakov, cựu binh của các chiến dịch GPU về di tản ở Mỹ, đã không thể lôi kéo được Kixtiakovxky.

Một thời gian Xemenov có liên hệ với vợ chồng Ulius và Etel Rozenberg được Ovakimian lôi kéo hợp tác với tình báo ta từ những năm 30. Thông tin khoa học - kỹ thuật của Rozenberg không có ý nghĩa - họ và những người họ hàng là bảo hiểm từ xa với các chiến dịch chủ yếu. Sau đó vụ bắt giữ và xét xử đối với họ đã gây sự chú ý của toàn thế giới.

Có lẽ Xemenov có vai trò chủ chốt trong sự thành lập kênh thông tin tình báo về bom nguyên tử mà qua đó những năm 1941-1945 chúng ta nhận được, như Terletsky viết trong hồi ký, các tổng kết bí mật, cũng như tài liệu Anh với sự mô tả các cuộc thử nghiệm chính về xác định thông số các phản ứng hạt nhân, lò phản ứng, các loại lò uran, các ghi chép việc thử bom uran và v.v...

Tháng 3-1942 Maklin trao cho chúng ta các tài liệu về sự tăng cường đối với vấn đề

nguyên tử ở Anh. Cùng năm này tình báo quân đội lôi kéo được Fuchs cộng tác.

Có sự cảnh báo của Flerov về các công việc liên quan đến bom nguyên tử, các tín hiệu cho thấy mối quan tâm của người Đức đối với vấn đề nguyên tử từ nhóm bí mật của NKVD ở Kharkov bị chiếm đóng.

Nhiều sự kiện quan trọng diễn ra ở nước ta. Ngày 5-1-1942 Stalin nhận được thư của nhà vật lý trẻ, chuyên gia về các phản ứng hạt nhân, viện sĩ tương lai Flerov, người đã chú ý đến sự vắng mặt đáng ngờ trên báo chí nước ngoài từ năm 1940 các công bố khoa học mở về vấn đề uran, mà theo anh, điều đó chứng tỏ sự bắt đầu công việc chế tạo vũ khí nguyên tử ở Đức và các nước khác. Flerov cảnh báo rằng người Đức có thể là những người đầu tiên chế tạo được bom nguyên tử.

Bức thư đến trùng với thông tin của điệp viên từ Kharkov. Chúng tôi được báo Houtermans từng cư trú chính trị ở Liên Xô vào thời Kharkov bị chiếm đóng thực tế đã trở thành một trong những lãnh đạo trường đại học vật lý kỹ thuật Ucraina. Trong các báo cáo của điệp viên, Houtermans đến Kharkov trong “quân phục SS”.

Được phép của lãnh đạo tôi báo ngay với Kapitsa về sự xuất hiện của Houtermans ở Kharkov và Kiev trong phái đoàn quân sự Đức để tổ chức lại thiết bị khoa học. Kapitsa cho thông báo đó có một ý nghĩa quan trọng, chỉ ra rằng điều đó khẳng định sự phát triển công việc chế tạo bom nguyên tử ở Đức.

Và tôi (lúc đó tôi chuyên trách tổ chức phong trào du kích và thu thập thông tin tình báo về Đức và Nhật Bản) được giao làm sáng tỏ tất cả về các nghiên cứu nguyên tử ở Đức.

Thông tin từ mạng tình báo nhận được trong giới công nghiệp Thụy Điển là mâu thuẫn. Thông tin về bom nguyên tử đến từ Mỹ và Anh là trùng hợp. Nó được khẳng định khi chúng tôi nhận được thông báo về khả năng chế tạo bom nguyên tử từ lời nhà bác học nguyên tử nổi tiếng Elizabeth Meither. Meither ở trong tầm ngắm của tình báo ta kể từ năm 1938 khi bà có khả năng đến Liên Xô để làm việc. Sau bà phải chạy khỏi nước Đức phát xít sang Thụy Điển nơi Nils Bor đã giúp bà thu xếp công việc tại Viện vật lý. Các điệp viên nữ nổi kết với Meither chỉ dẫn Zoia Rubkina, nhóm trưởng tình báo NKVD tại Stockholm, chỉ dẫn theo chỉ thị của Beria.

Tháng 3-1942 Beria gửi cho Stalin toàn bộ thông tin đến từ Mỹ, Anh, Scandinavia và Kharkov bị chiếm đóng. Trong thư ông chỉ ra rằng ở Mỹ và Anh đang tiến hành các công việc khoa học về chế tạo vũ khí nguyên tử.

Đến đầu năm 1943 ở ta chưa tiến hành những công việc thực tế trong lĩnh vực chế tạo bom nguyên tử. Còn trước sự tấn công của Đức Ủy ban quốc gia về các nghiên cứu công nghiệp quân sự đã từ chối đề nghị của các nhà vật lý nguyên tử của Viện nghiên cứu vật lý - kỹ thuật ở Kharkov và nhà bác học Đức di tản Lange chế tạo thiết bị nổ siêu mạnh. Đề nghị được gửi tới phòng sáng chế Bộ Quốc phòng nhưng người ta cho là nó là quá sớm và đã không ủng hộ.

Tháng 3-1942 Beria đề nghị Stalin thành lập nhóm cố vấn khoa học gồm những bác học tên tuổi và các cán bộ có trách nhiệm để điều phối công việc về nghiên cứu năng lượng

nguyên tử trực thuộc Ủy ban quốc phòng. Ông cũng đề nghị Stalin cho phép giới thiệu thông tin về vấn đề nguyên tử nhận được qua mạng tình báo với các bác học nổi tiếng để có sự đánh giá. Stalin đồng ý và yêu cầu để một số nhà bác học nổi tiếng đưa ra kết luận về vấn đề này.

Phát biểu về vấn đề chế tạo bom nguyên tử trong tương lai gần, là viện sĩ Ioffe và học trò của ông là Kurtratov những người được làm quen với các tài liệu tình báo, và viện sĩ Kapitsa (ông được thông báo miệng về việc chế tạo bom nguyên tử ở Mỹ, Anh và Đức).

Người ta mời Ioffe tham gia nghiên cứu năng lượng nguyên tử theo lời khuyên của viện sĩ Vernadsky. Tiếp theo Ioffe đã đóng vai trò đáng kể trong sự xoa dịu các mâu thuẫn giữa các bác học trường đại học Tổng hợp Moskva và Viện hàn lâm, và ông là một trong những người có sáng kiến thành lập ngay sau chiến tranh ba trung tâm nghiên cứu nguyên tử chủ yếu.

Kapitsa cho rằng chế tạo bom nguyên tử là thách thức cho vật lý hiện đại, và sự giải quyết nó chỉ có thể bằng nỗ lực chung của các nhà bác học chúng ta và các nhà bác học Mỹ và Anh, nơi đang tiến hành các nghiên cứu nền tảng về năng lượng nguyên tử.

Tôi nghe kể rằng tháng 10-1942 tại biệt thự của mình Stalin chỉ tiếp Vernadsky và Ioffe. Vernadsky khi viện dẫn thỏa thuận không chính thức của các nhà vật lý lớn nhất thế giới về công việc hợp tác, đã đề nghị Stalin nhờ Nils Bor và các nhà bác học khác đã di tản sang Mỹ, cũng như các chính phủ Mỹ và Anh chia sẻ với chúng ta thông tin và cùng nhau tiến hành công việc về năng lượng nguyên tử. Đáp lại Stalin nói rằng thật là ngây thơ về chính trị nếu họ nghĩ rằng các chính phủ phương Tây cho chúng ta thông tin về thứ vũ khí mà trong tương lai sẽ cho khả năng thống trị thế giới. Thế nhưng Stalin đồng ý rằng cách tiếp cận thăm dò không chính thức tới các chuyên gia phương Tây nhân danh các bác học chúng ta có thể là có lợi.

Sau cuộc gặp gỡ đó, như muộn hơn Vannikov, bộ trưởng quân khí, một trong những nhà lãnh đạo chương trình nguyên tử, kể với tôi, lần đầu tiên giới lãnh đạo đất nước hoàn toàn tin chắc vào khả năng chế tạo vũ khí nguyên tử, và Stalin bị quyến rũ bởi tiềm năng công phá mãnh liệt của bom nguyên tử đến nỗi vào cuối tháng 10-1942 đã đề nghị đặt mật danh cho kế hoạch tấn công của chúng ta ở Stalingrad là chiến dịch "Uran". Stalin lệnh cho Pervukhin bộ trưởng công nghiệp hoá chất giúp đỡ tích cực nhất các bác học trong việc chế tạo vũ khí nguyên tử.

2. Kapitsa và Kurtratov: có khả năng giải quyết vấn đề bom nguyên tử

Qua đi một năm. Kapitsa được NKVD thông báo vào những năm 1942-1943 về sứ mệnh của Houtermans tại Kharkov bị chiếm đóng và sự bắt đầu chế tạo vũ khí nguyên tử ở Mỹ và Đức, mấy lần đề nghị Stalin và Beria mời Bor để ông ấy đứng đầu chương trình nguyên tử của chúng ta. Theo thỏa thuận với Molotov, ông viết cho Bor một bức thư trong đó đề nghị Bor đến Liên Xô nơi ông được đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho công việc. Khi Bor ở Anh, ông được mời đến sứ quán Liên Xô nơi ông gặp nhóm trưởng tình báo NKVD Gorxky đang hoạt động dưới vỏ bọc cố vấn của sứ quán, nhưng khi trò chuyện Bor né tránh bàn về những vấn đề nghiên cứu nguyên tử.

Cuối tháng 1-1943 nhận được thông tin từ Xemenov (Tven), rằng tháng 12-1942 ở Chicago, Fermi đã thực hiện thành công phản ứng hạt nhân đầu tiên. Nguồn của ta, như tôi nhớ, Pontekorvo trẻ tuổi báo về thành công đặc biệt của Fermi bằng một câu quy ước: “Nhà hàng hải Italia đã đến Tân thế giới”. Thế nhưng tin tức này có tính chất chung chung, và sau mấy tháng Kurtratov yêu cầu xin thêm tài liệu bổ sung về phản ứng hạt nhân đầu tiên.

Cùng lúc đó Barkovxky chuyển về từ Anh những công trình khoa học bí mật của các bác học phương Tây về năng lượng nguyên tử những năm 1940-1942. Các công trình này khẳng định rằng phương Tây đã đạt được tiến bộ lớn trong chế tạo bom nguyên tử.

Như thế, chúng ta có không chỉ những thông báo truyền miệng mà cả các biên bản thảo luận tại các hội nghị của Hội đồng quân sự Anh về khả năng sử dụng năng lượng nguyên tử để chế tạo siêu vũ khí.

Năm 1943 Vaxilevsky được cử làm trưởng nhóm ở Mexico. Ông hoàn toàn phù hợp cho công việc này: Ông có kinh nghiệm chiến tranh ở Tây Ban Nha nơi ông chỉ huy đội du kích phá hoại; ông thực hiện thành công các chiến dịch tình báo ở Paris những năm 1939-1941; quen thuộc lối sống phương Tây, bao giờ cũng ăn mặc đẹp, nắm vững tiếng Pháp và Tây Ban Nha, có năng lực xuất sắc kết thân với mọi người và lôi kéo hợp tác. Vaxilevsky đã phục hồi được liên lạc với mạng điệp viên ở Mỹ và Mexico do Eitingon và Grigulievich tuyển dụng để tiến hành chiến dịch thủ tiêu Trotsky. Trước khi rời đi Mexico ông nhận được phép đặc biệt về sử dụng những người này. Qua các kênh bị phong tỏa một thời gian này, Vaxilevsky móc nối liên lạc với Pontekorvo ở Canada và một số chuyên gia phòng thí nghiệm Chicago của Fermi, không qua phụ trách của ta ở New York. Pontekorvo báo với Vaxilevsky rằng Fermi có thái độ tích cực với ý tưởng chia sẻ thông tin về năng lượng nguyên tử với các nhà bác học các nước liên minh chống Hitler.

Ngày 11-2-1943 Stalin ký sắc lệnh của chính phủ tổ chức công tác sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích quân sự. Đứng đầu việc này là Molotov. Cùng lúc có các phê chuẩn khiến nó trở thành nhiệm vụ hàng đầu của NKVD. Beria thoát đầu là phó của Molotov và chịu trách nhiệm bảo đảm thông tin tình báo khoa học và quân sự. Tôi vẫn nhớ ông đã lệnh cho tôi giới thiệu các tài liệu khoa học nhận được bằng đường tình báo mà không làm lộ nguồn thông tin với Ioffe, Kurtratov, Kikoin và Alikhanov.

Kikoin đọc xong báo cáo về phản ứng dây chuyền hạt nhân, đã kích động khác thường và dù tôi không nói ai thực hiện nó, lập tức ông phản ứng: “Là Fermi. Ông là người duy nhất trên thế giới có khả năng tạo ra điều kỳ diệu đó”. Tôi buộc họ xem một số tài liệu bằng tiếng Anh, nhưng lấy tay che phần có chữ ký và liệt kê nguồn. Các nhà bác học nói về xúc động: “Này Pavel Anatolievich, anh quá ấu trĩ. Chúng tôi biết ai trong thế giới vật lý và có khả năng gì. Anh hãy đưa các tài liệu của anh cho chúng tôi, còn chúng tôi sẽ nói ai là tác giả của chúng”. Ioffe lập tức qua một tài liệu khác nêu tên tác giả - Fris. Tôi lập tức báo điều đó với Beria và nhận được sự cho phép hé lộ các nguồn thông tin với Ioffe, Kurtratov, Kikoin và Alikhanov.

Tháng 4-1943 Viện hàn lâm khoa học Liên Xô xây dựng Phòng thí nghiệm đặc biệt số 2 về vấn đề nguyên tử mà Kurtratov được cử là người lãnh đạo. Ông chưa đầy 40 tuổi. Đó là một quyết định mạnh dạn. Nhưng chúng ta biết người đứng đầu đề án nguyên tử Mỹ là

Oppenheimer 44 tuổi là người không được giải Nobel. Các nhà vật lý thế hệ già của chúng ta không thể tin rằng Bor và Fermi làm việc phụ thuộc vào Oppenheimer. Tháng 12-1943 theo chỉ thị trực tiếp của Stalin, Kurtratov được bầu là viện sĩ Viện hàn lâm khoa học.

3. Nhóm X

Nhận từ NKVD báo cáo về phản ứng dây chuyền hạt nhân do Fermi thực hiện, Kurtratov đề nghị Pervukhin giao cho các cơ quan tình báo làm rõ một loạt vấn đề quan trọng về tình trạng các nghiên cứu nguyên tử ở Mỹ. Liên quan đến điều đó đã tiến hành tổ chức lại hoạt động của các cơ quan tình báo Bộ Quốc phòng và NKVD. Trong vòng 5 năm, 1940-1945 tình báo khoa học - kỹ thuật được tiến hành bởi các phân đội chuyên môn và các ban của Tổng cục tình báo Hồng quân và Tổng cục 1 NKVD-NKGB mà phó tổng cục là tôi cho đến năm 1942. Năm 1944 phê chuẩn quyết định: NKVD sẽ điều phối hoạt động tình báo về vấn đề nguyên tử. Dưới sự chỉ đạo của tôi được thành lập nhóm "X" (Nhóm của Xudoplatov) được thành lập mà muộn hơn, năm 1945 trở thành Cục "X" độc lập. Ngoài nhiệm vụ điều phối hoạt động của Tổng cục tình báo quân đội và NKVD trong thu thập thông tin về nguyên tử, nhóm còn được giao chức năng hiện thực hoá tin tức nhận được trong nước. Tiến hành khối công việc lớn nghiên cứu và thu nhận thông tin khoa học - kỹ thuật là các cán bộ của nhóm, Zoia Zarubina, Zemxkov, Maxxia, Groznov, Pokrovsky. Zarubina và Zemxkov, như tôi còn nhớ, dưới sự chỉ đạo của Tepletsky, họ đã dịch những tài liệu quan trọng nhất về cấu trúc các lò phản ứng hạt nhân và của bom nguyên tử. Theo quyết định của chính phủ Cục "X" trở thành bộ máy, văn phòng số 2 của Ủy ban đặc biệt của chính phủ Liên Xô về "vấn đề số 1". Các chuyên gia và bác học lão luyện làm việc trong Cục thường kỳ báo cáo về các tài liệu tình báo thu được tại các cuộc họp của Ủy ban và hội đồng khoa học - kỹ thuật do bộ trưởng quân khí Vannikov đứng đầu.

Kurtratov và các bác học trong nhóm của ông thường đến chỗ Beria bàn các vấn đề tổ chức công việc phù hợp với thông tin NKVD nhận được, về thực tế Kurtratov và Ioffe đã đặt trước Stalin vấn đề để Beria với tư cách nhà lãnh đạo tất cả công việc về vấn đề nguyên tử thay Molotov.

Thông thường sau khi thăm văn phòng Beria ở Lubianka xong, Kurtratov, Kikoin, Alikhanov và Ioffe lên chỗ tôi nơi chúng tôi ăn trưa ở phòng nghỉ, sau đó họ làm việc với các tài liệu nhận được từ nước ngoài.

Để thúc đẩy nhanh công việc, các nhà bác học đã rất quan tâm làm quen với tiến trình các công việc này ở Mỹ. Các tài liệu tình báo thu được, Kurtratov nhấn mạnh, chỉ ra khả năng giải quyết kỹ thuật toàn bộ vấn đề trong thời hạn ngắn hơn nhiều, so với cách nghĩ.

Các nguồn thông tin và mạng điệp viên của chúng ta ở Anh và Mỹ lấy được 286 tài liệu khoa học mật và ấn phẩm nội bộ về năng lượng nguyên tử. Trong ghi chép của mình vào tháng 3 tháng 4-1943 Kurtratov nêu tên 7 trung tâm khoa học và 26 chuyên gia quan trọng nhất ở Mỹ mà thông tin nhận được từ họ có ý nghĩa lớn lao. Từ quan điểm hoạt động tình báo, đó có nghĩa là nghiên cứu tác chiến cần biến các bác học Mỹ thành nguồn thông tin quan trọng.

Tháng 2-1944 có cuộc họp đầu tiên các các nhà lãnh đạo tình báo quân đội và NKVD về

vấn đề nguyên tử tại văn phòng Beria ở Lubianka. Phía quân đội có Ilitsev và Milstein, phía NKVD có Fitin và Ovakimian. Tôi được giới thiệu chính thức là lãnh đạo nhóm “X” điều phối các nỗ lực trong lĩnh vực này. Từ đây tình báo quân đội thường xuyên chuyển cho chúng tôi các thông tin nhận được về vấn đề nguyên tử.

Cần phải nói, tôi không vui mừng bởi sự giao phó của Beria. Đứng đầu nhóm “X”, tôi thấy khó khăn, bởi tôi không có học vấn kỹ thuật, chưa nói đến tri thức trong lĩnh vực vật lý. Đồng thời trách nhiệm chủ yếu của tôi là lãnh đạo hoạt động của các đội du kích phá hoại trong hậu phương quân đội Đức.

Mùa thu 1944 Beria với tư cách phó chủ tịch chính phủ phụ trách trang bị và vũ khí, đã chính thức đứng đầu công tác chế tạo vũ khí nguyên tử.

Năm 1944 Kheifets trở về Moskva và báo cáo với tôi và Beria ấn tượng về những cuộc gặp với Oppengeimer và các bác học nổi tiếng khác đang chuyên trách đề án nguyên tử. Ông nói rằng Oppengeimer và những người gần gũi của ông rất lo rằng người Đức có thể vượt trước Mỹ trong lĩnh vực này.

Nghe báo cáo của Kheifets, Beria nói đã đến lúc các cơ quan an ninh cần cộng tác chặt chẽ hơn với các bác học. Để cải thiện quan hệ, cởi bỏ sự ngờ vực và thái độ phê phán của các chuyên gia đối với cơ quan NKVD, Beria đề nghị thiết lập các quan hệ cá nhân tin cậy hơn với Kurtratov, Kikoin và Alikhanov. Tôi mời các nhà bác học về nhà ăn trưa. Thế nhưng đó không chỉ là một cử chỉ hiếu khách: theo lệnh Beria tôi và các phó của tôi - các tướng Etingon và Xazurkin - như những cán bộ tác chiến, phải đánh giá Kurtratov, Alikhanov và Kikoin. Chúng tôi xử sự với họ như bạn bè, những người được tin cậy mà họ có thể gọi đến trong cuộc sống thường ngày.

Một buổi tối sau khi làm việc với các tài liệu thường kỳ chúng tôi ăn tối trong phòng nghỉ. Trên bàn có một chai cônhắc Armeni hảo hạng. Tôi vốn không chịu được rượu, thậm chí một liều nhỏ cũng gây đau đầu dữ dội, và tôi có cảm giác rằng những nhà bác học chủ chốt của chúng ta chắc cũng không dùng rượu. Vì thế tôi mời họ mỗi người một thìa cà phê cho vào trà. Họ nhìn tôi với vẻ sửng sốt, rồi cười to và rót cho mình cả ly đầy, uống chúc thành công của sự nghiệp chung của chúng ta.

Đầu năm 1944 Beria ra lệnh chuyển cho tôi tất cả các tài liệu, soạn thảo kế hoạch tình báo động chạm đến tất cả những người nghiên cứu vấn đề nguyên tử, và họ hàng của họ. Chẳng bao lâu tôi nhận được thông báo đặc biệt rằng em trai của Kikoin vì ngây thơ đã chia sẻ nghi ngờ mình về sự sáng suốt của lãnh đạo với đồng nghiệp, và người này nhanh chóng báo điều đó với cán bộ tác chiến mà anh ta có liên hệ.

Khi tôi báo điều này với Beria, ông ra lệnh cho tôi gọi Kikoin đến và nói với ông ta để ông tác động đến em mình. Sự giải thích của họ được ghi lại bằng cách nghe trộm nhà của các bác học nguyên tử chủ chốt.

Tôi đã kinh ngạc là ngày hôm sau Beria xuất hiện tại phòng thí nghiệm của Kikoin để đánh tan hoàn toàn sự sợ hãi của ông ta liên quan đến chú em. Ông tập trung cả nhóm ba người - Kurtratov, Alikhanov, Kikoin - và nói lúc có mặt tôi, rằng tướng Xudoplatov được trao cho họ để có sự giúp đỡ trọn vẹn trong công việc; rằng họ được sự tín nhiệm hoàn

toàn của đồng chí Stalin và của chính ông. Thông tin được trao cho họ là để thực hiện nhiệm vụ của chính phủ Xô viết. Beria nhắc lại: không có lý do để lo lắng về số phận những người thân hay những người mà họ tin cậy, - họ được bảo đảm sự an toàn tuyệt đối. Sẽ tạo cho các nhà bác học điều kiện sống tốt để họ tập trung vào giải quyết những vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với quốc gia.

Theo chỉ thị của Beria, tất cả các bác học được cuốn hút vào đề án nguyên tử được cấp nhà ở khá tốt, nhà nghỉ, được sử dụng các cửa hàng đặc biệt nơi họ có thể ngang bằng các nhà lãnh đạo chính phủ mua hàng hóa theo phiếu đặc biệt; toàn bộ biên chế của đề án nguyên tử được đảm bảo chế độ ăn uống đặc biệt và sự trợ giúp y tế cao nhất. Đồng thời mọi vấn đề của các bác học, chuyên gia và cán bộ tác chiến tham gia trực tiếp vào đề án hay nhận thông tin tình báo về vấn đề nguyên tử, được chuyển từ Cục tổ chức sang ban thư ký của Beria. Từ phòng phụ trách hướng Mỹ những tài liệu tác chiến quan trọng nhất về năng lượng nguyên tử mà tình báo thu nhận cũng được chuyển sang. Từ việc nghiên cứu tác chiến "Enommoz" về bom nguyên tử từ bấy đến giờ vẫn cất trong lưu trữ của cơ quan tình báo nước ngoài, bị lấy mất khoảng 200 trang. Với mục đích tăng cường chế độ an toàn, nếu Beria không cho phép, không ai được tiếp xúc với các tài liệu ấy. Tôi nhớ đựng độ với Zaveniagin phó của Beria, người hỏi giới thiệu các tài liệu với ông ta. Tôi từ chối, và chúng tôi cãi nhau; nhưng rồi ông ta chỉ tiếp cận được các tài liệu tình báo sau sự cho phép của Beria.

Những khả năng hành chính của Beria trong giải quyết vấn đề nguyên tử được thừa nhận bởi cả những người tham gia chương trình, ví dụ, viện sĩ Khariton trong phỏng vấn của mình về chế tạo bom nguyên tử trong tạp chí Tia lửa (năm 1993).

4. Nhắm vào các giới gần gũi với Oppenheimer, ĐCS, dân lưu vong Nga và Do Thái ở Mỹ

Những năm 1943-1944 chúng tôi sử dụng các kênh khác nhau để tiếp cận bí mật nguyên tử Mỹ. Các mục tiêu chủ yếu của chúng ta là những phòng thí nghiệm ở Los Alamos, các nhà máy Ok-Ridge và các phòng thí nghiệm nguyên tử ở Berkley. Chúng tôi cũng cố thâm nhập vào các hãng công nghiệp thực hiện đơn đặt hàng gắn với việc chế tạo vũ khí nguyên tử.

Năm 1943 nghệ sĩ danh tiếng, phụ trách nhà hát Do Thái Moskva Mikhoels cùng với nhà thơ Do Thái, điệp viên đã được kiểm tra của chúng tôi, Fefer thực hiện một chuyến đi dài sang Mỹ với tư cách nhà lãnh đạo Ủy ban Do Thái chống phát xít. Sự bảo đảm chuyến đi thăm của Mikhoels và soạn thảo các liên lạc của ông ta trong các cộng đồng Do Thái do Kheifets thực hiện.

Beria tiếp Mikhoels và Fefer trước lúc đi và chỉ thị cho họ tuyên truyền rộng rãi đóng góp của dân tộc Do Thái vào sự phát triển khoa học và văn hoá Liên Xô, thuyết phục dư luận Mỹ rằng chủ nghĩa chống Do Thái ở Liên Xô hoàn toàn bị thủ tiêu nhờ chính sách dân tộc của Stalin.

Zarubin và Kheifets qua những người tin cậy thông tin cho Oppenheimer và Einstein về tình hình người Do Thái ở Liên Xô. Theo thông báo của họ, Oppenheimer và Einstein cảm

động sâu sắc rằng ở Liên Xô người Do Thái được bảo đảm một cuộc sống an toàn và hạnh phúc. Đồng thời đến thời gian ấy Oppenheimer và Einstein cũng nghe tin đồn về kế hoạch của Stalin thành lập một nước cộng hòa tự trị Do Thái ở Krưm sau chiến thắng với chủ nghĩa phát xít.

Oppenheimer và Fermi không biết rằng thời ấy các ông đã có mặt danh trong tài liệu tác chiến của chúng tôi như nguồn thông tin là “Giám đốc trừ bị”, “Tín phiếu”, “Ernest”. Biệt danh “Tín phiếu” được dùng đôi khi cho cả nguồn những tin tổng hợp đến từ các bác học vật lý tham gia đề án nguyên tử Mỹ. Như tôi nhớ, dưới biệt danh “Star” đôi khi dùng để chỉ Oppenheimer và Fermi. Tôi nhắc lại một lần nữa - chưa bao giờ có ai trong số họ là điệp viên được tình báo tuyển mộ cả.

Vợ của nhà điêu khắc danh tiếng Konenkov, điệp viên được tin cậy của chúng ta hoạt động dưới sự chỉ đạo của Liza Zarubina, làm quen với Oppenheimer và Einstein ở Princeton. Cô biết cách lôi kéo giới thân cận của Oppenheimer.

Liza Zarubina, vợ của Vaxili Zarubin, nhóm trưởng tình báo ở Mỹ, là một nhân cách vĩ đại. Quyển rũ và dễ giao tiếp, bà dễ dàng thiết lập những quan hệ thân tình trong những nhóm rộng rãi nhất. Một phụ nữ trang nhã với nét đẹp cổ điển, tâm hồn tinh tế, bà như nam châm hút mọi người lại gần. Liza là một trong những người chiêu mộ điệp viên lành nghề nhất. Bà tiếp cận Stsilard thông qua một người họ hàng của ông ta ở Moskva đang làm việc tại một phòng thí nghiệm đặc biệt của NKVD về kỹ thuật hàng không. Liza rất giỏi tiếng Anh, Đức, Pháp và Rumani. Trông bà như một đại diện tiêu biểu của Trung Âu, nhưng bà có thể thay đổi ngoại hình và phong thái đến không nhận ra nổi. Liza có họ hàng với Anna Pauker, nhà hoạt động nổi tiếng của ĐCS Rumani. Anh trai Liza lãnh đạo tổ chức chiến đấu cộng sản Rumani và khi bị tòa án binh xử, ông đã hai lần chạy khỏi phòng xử án. Năm 1922 ông hy sinh trong một vụ đụng độ.

Năm 1941 Liza Zarubina được phong đại úy an ninh quốc gia. Ở Mỹ bà thường đến California nơi Kheifets đưa bà vào nhóm người gần gũi với gia đình Oppenheimer. Nhờ các mối liên hệ của Kheifets, Liza có tất cả các cứ liệu về những thành viên gia đình và họ hàng Oppenheimer có quan điểm cánh tả. Kheifets tổ chức cuộc gặp gỡ của Liza với vợ của Oppenheimer vốn có cảm tình với Liên Xô và lý tưởng cộng sản.

Liza Zarubina và Kheifets qua vợ Oppenheimer là Katrin thuyết phục được Oppenheimer không phát biểu công khai các quan điểm ủng hộ cộng sản để tránh sự chú ý của cơ quan đặc biệt Mỹ.

Và thế, Oppenheimer, Fermi và Stsilard đã giúp chúng ta gài những nguồn thông tin đáng tin cậy ở Ok-Ridge, Los Alamos và phòng thí nghiệm Chicago. Theo tôi còn nhớ, ở Mỹ có 4 nguồn thông tin quan trọng đã chuyển thông tin cho mạng điệp viên của ta ở New York và Washington. Họ cũng giữ liên lạc với mạng điệp viên ngầm sử dụng vỏ bọc ở hiệu thuốc ở Santa Fé. Các tài liệu của Fuchs và của một điệp viên bí mật cắm sâu mà Xemenov, muộn hơn là Iatsov, nhận được ở New York thông qua những người đưa tin. Một trong số người đưa tin là Lona Koen. Chồng của bà là Moris Koen do Xemenov lôi kéo cộng tác. Năm 1939 Moris cưới Lona và cũng đưa bà vào công việc tình báo. Tháng 7-1942 Moris bị gọi vào quân đội, nên đã dùng bà làm người đưa tin.

Sau khi Iulius và Etel Roenberg bị bắt năm 1950, vợ chồng Koen kịp trốn khỏi Mỹ, ở Moskva họ qua đợt huấn luyện đặc biệt như các điệp viên mật. Nhận hộ chiếu New Zealand với tên Piter và Holen Kroger, vợ chồng Koen cắm sâu ở London. Họ có một cửa hàng bán sách cũ và trong ngôi nhà nhỏ của mình ở ngoại ô London họ đã giúp đỡ đáng kể liên lạc điện đài cho nhóm trưởng tình báo KGB Konon Molodoi hoạt động dưới tên Gordon Lonsdeil. Vợ chồng Koen bị bắt cùng ông ta năm 1961 và bị tòa án Anh tuyên án 20 năm tù giam, họ trải qua 6 năm tù, sau đó được trao đổi. Sau khi được tự do họ sống ở Moskva. Lona mất năm 1992, Moris sống lâu hơn bà 3 năm.

Trong số các bác học danh tiếng nhất mà chúng tôi tích cực tìm cách lôi kéo, có Georgi Gamov - nhà vật lý Nga bỏ chạy sang Mỹ năm 1933 từ Brussels nơi diễn ra đại hội quốc tế của các nhà vật lý. Khả năng sử dụng Gamov và tiếp cận ông ta qua họ hàng ở Liên Xô mà thực tế là con tin của chúng tôi, do viện sĩ Ioffe mách nước. Gamov có liên hệ rộng với các nhà vật lý Mỹ và giữ quan hệ thân tình với Nils Bor. Chúng tôi giao cho Liza Zarubina đạt được sự cộng tác của ông với chúng ta. Liza tiếp xúc với ông ta qua vợ ông, cũng là nhà vật lý. Gamov dạy ở trường đại học Tổng hợp Georgia town ở Washington và, điều đặc biệt quan trọng, lãnh đạo các cuộc xemina thường niên về vật lý lý thuyết ở Washington. Như thế ông ta có thể bàn bạc với các nhà vật lý hàng đầu thế giới những nghiên cứu triển vọng nhất.

Chúng ta đã sử dụng được mối quen biết rộng của Gamov. Liza Zarubina buộc vợ Gamov cộng tác để đổi lấy bảo đảm họ hàng ở Liên Xô sẽ được giúp đỡ trong những năm chiến tranh gian khổ.

Tôi vẫn nhớ, trong một số trường hợp các chuyên gia Mỹ đã vi phạm nguyên tắc làm việc với các tài liệu mật và cho Gamov xem các tổng kết về những thí nghiệm khi cần ông tư vấn. Sự vi phạm chế độ làm việc với các tài liệu theo sự đồng tình chung của các nhà bác học. Kiểm tra của FBI năm 1948 xác định hơn 1500 trang trong tài liệu tổng kết về chế tạo bom nguyên tử ở Los Alamos bị biến mất. Từ vợ chồng Gamov, chúng ta nhận được những nhận xét chung về các bác học, tâm trạng và các đánh giá của họ về khả năng chế tạo bom nguyên tử. Tôi có cảm giác rằng giữa Bor, Fermi, Oppengeimer và Stsilard có sự thỏa thuận bất thành văn việc chia sẻ các nghiên cứu mật về vũ khí nguyên tử với nhóm các bác học chống phát xít ủng hộ phái tả.

Nguồn thông tin khác ở Tennessi nhóm điệp viên ngầm cũng sử dụng vỏ bọc là hiệu thuốc ở Santa Fé thu được từ Fermi và Pontekorvo. Các tài liệu này được chuyển với người đưa tin sang Mexico. Theo tôi nhớ, có ba người - cán bộ khoa học và người chào hàng - đã chép lại những tài liệu quan trọng nhất khi tiếp xúc được với chúng nhờ Oppengeimer, Fermi và Veiskopf.

5. Hiệp ước ngầm ngầm giữa các nhà vật lý hàng đầu thế giới. Các bác học trong thời đại hạt nhân

Oppengeimer đề nghị giám đốc đề án, tướng Groves, mời các bác học nổi tiếng nhất của châu Âu sang Mỹ để làm việc. Trong số họ có Nils Bor. Bor không hề là điệp viên của ta, nhưng ông đã cho chúng ta những sự giúp đỡ vô giá. Sau cuộc trò chuyện với Meither năm

1943 ở Thụy Điển ông tích cực hoạt động nhằm chia sẻ các bí mật nguyên tử với cộng đồng thế giới chống phát xít. Nữ văn sĩ Phần Lan Vuolijoki, điệp viên nổi tiếng của tình báo ta, đã có vai trò to lớn trong sự hình thành quan điểm của Bor và Meither. Vuolijoki ở Phần Lan bị tuyên án tử hình vì làm gián điệp cho Liên Xô, nhưng bà được tha bởi sức ép của dư luận (một con rể của bà là thứ trưởng ngoại giao Thụy Điển, người khác - một trong những nhà lãnh đạo ĐCS Anh - Palm Datt), và bà đã sang Thụy Điển.

Về sau qua Vuolijoki và Meither chúng tôi tiếp cận Bor và bố trí cuộc gặp của cán bộ ta là Vaxilevsky và Terletsky với ông vào tháng 11-1945 ở Copenhagen.

Năm 1943, như Feklixov một trong số người tham gia chiến dịch của tình báo ta về vấn đề nguyên tử, viết, Oppengeimer đề nghị đưa Klaus Fuchs vào nhóm chuyên gia Anh đến Los Alamos để tham gia vào công việc chế tạo bom nguyên tử.

Năm 1933 đảng viên cộng sản Đức Fuchs buộc phải tìm chốn ẩn thân ở Anh. Nhận được học vấn tại trường đại học Tổng hợp Bristol, ông tiếp tục làm việc ở đó như một nhà vật lý. Năm 1941 Fuchs thông báo về sự tham gia của mình vào các nghiên cứu nguyên tử với nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và cộng sản Iurgen Kutsinsky. Kutsinxky thông tin cho đại sứ Liên Xô ở Anh Maixky. Maixky có quan hệ căng thẳng với nhóm trưởng tình báo NKVD ở London Gorxky và vì thế đã giao tùy viên quân sự Kremer tiếp xúc với Fuchs. Lúc đầu Fuchs gặp Urxula Kutsinxky (Xonia), điệp viên tình báo quân đội, một trong số người tổ chức mạng "Dàn đồng ca Đỏ".

Trước chuyến đi Mỹ Fuchs được chỉ dẫn về các điều kiện thiết lập lại liên lạc. Trong quan hệ với đồng nghiệp ở Mỹ Fuchs cần thể hiện rằng ông là người duy nhất trong nhóm chuyên gia Anh bị trại tập trung Đức đe dọa. Với lý do đó Fuchs đã được Oppengeimer tin tuyệt đối và tiếp cận được các tài liệu mà Fuchs không có liên quan tới. Oppengeimer thường có độ gay gắt với tướng Grovs, người kiên quyết phản đối để các chuyên gia Anh chỉ được biết thông tin cuối cùng của các nghiên cứu và thử nghiệm (Fuchs thông tin cho chúng tôi về điều đó).

Chính quyền và tình báo Anh cũng đặt trước các chuyên gia của mình nhiệm vụ thu thập thông tin về bom nguyên tử bởi nhẽ người Mỹ không định chia sẻ các bí mật nguyên tử với họ.

Có thể, còn nguyên nhân nữa mà vì thế Oppengeimer mời Fuchs đến Los Alamos, muộn hơn - đến Trung tâm nghiên cứu khoa học ở Princeton. Có thể, Oppengeimer biết, sau chiến tranh Fuchs sẽ không ở lại Mỹ. Tôi còn nhớ, trong các tài liệu tình báo có ghi lại lời của ông: thông tin phải được chuyển cho những người sẽ rời Mỹ sau khi kết thúc công việc. Ngoài ra Oppengeimer có cơ sở ước đoán rằng Fuchs liên quan với những người cộng sản và điều đó có thể cũng đóng vai trò của nó.

Liza Zarubina lập lại liên lạc với hai điệp viên người Do Thái ở duyên hải miền Tây mà Eitingon tuyển dụng từ những năm 30. Thoạt đầu có kế hoạch là hai điệp viên nằm ổ ở California với mục đích tổ chức phá hoại trên các tàu chở nhiên liệu chiến lược sang Nhật Bản trong trường hợp xảy ra đụng độ quân sự với Nhật Bản.

Một trong hai người là bác sĩ nha khoa (mật danh Người đánh cờ) có bằng Y khoa Pháp

từ những năm 20. Vợ bác sĩ thiết lập được quan hệ thân tình với gia đình Oppenheimer. FBI không hề biết về các tiếp xúc mật của Zarubina. Mãi năm 1946 nhân những sự phát giác khác FBI mới xác định chắc chắn Zarubina là tình báo Xô viết, nhưng lúc ấy bà đã ở Moskva.

Bằng cách đó Xemenov và Liza Zarubina tạo dựng một hệ thống các liên hệ tin cậy, còn Kvaxnikov và Iatskov dưới sự lãnh đạo của Ovakimian bảo đảm sự truyền tin thông suốt giai đoạn kết thúc công việc ở Los Alamos năm 1945.

6. Những báo cáo mật tại hội nghị Ủy ban đặc biệt của chính phủ Liên Xô về vấn đề nguyên tử

Cần nhấn mạnh rằng việc làm quen của các bác học ta với những công trình khoa học của - Oppenheimer, Fermi, Stsilard có ý nghĩa quan trọng để triển khai rộng công việc về bom nguyên tử. Tôi muốn lưu ý là thông tin này đến với chúng ta bằng con đường bí mật mà họ có biết. Tôi nhớ, qua “Robert” và “Giám đốc trừ bị”, như cách gọi Los Alamos trong danh sách, chúng ta đã nhận được 5 báo cáo tổng hợp bí mật về tiến trình chế tạo bom nguyên tử.

Tài liệu tương tự được chuyển không chỉ cho chúng ta mà còn cho các bác học Thụy Điển. Theo tin tình báo của ta, chính phủ Thụy Điển có thông tin chi tiết về bom nguyên tử vào năm 1945-1946. Người Thụy Điển khước từ chế tạo vũ khí riêng cho mình vì quá tốn kém. Nhưng có khá đủ cứ liệu cho thấy người Thụy Điển cũng như chúng ta nhận được thông tin về bom nguyên tử, nói riêng, cả từ Bor sau khi ông từ giả Los Alamos.

Chúng ta được thông tin không chỉ về các soạn thảo kỹ thuật của chương trình nguyên tử mà còn biết về các mâu thuẫn và cạnh tranh giữa các nhà bác học và chuyên gia làm việc ở Los Alamos, về quan hệ căng thẳng của các bác học với Groves - giám đốc đề án. Đặc biệt chúng ta lưu ý thông tin về sự bất đồng ý kiến nghiêm trọng của tướng Groves và Stsilard. Groves nổi điên vì phong cách làm việc của Stsilard và việc ông từ chối tuân thủ chế độ bảo mật và kỷ luật quân sự. Mâu thuẫn với viên tướng trở thành trò tiêu khiển của Stsilard. Groves không tin ông và cho sự tham gia của ông vào đề án là mạo hiểm. Thậm chí ông ta còn định gạt bỏ ông khỏi công việc bất chấp Stsilard có đóng góp khổng lồ vào thực hiện phản ứng dây chuyền hạt nhân uran đầu tiên trên thế giới.

Oppenheimer, theo lời Kheifets, là người có tầm tư duy xa rộng, lường trước những khả năng cũng như hiểm họa khổng lồ của việc sử dụng năng lượng nguyên tử. Chúng ta biết ông vẫn là nhân vật đầy quyền uy ở Mỹ sau chiến tranh, vì thế chúng ta nhất thiết che giấu cẩn thận các tiếp xúc với ông và giới thân cận của ông. Chúng ta hiểu rằng sự tiếp cận Oppenheimer và những bác học danh tiếng khác phải dựa trên sự thiết lập các liên hệ bằng hữu chứ không phải trên sự cộng tác tình báo, và nhiệm vụ của chúng ta là sử dụng cái tình huống, rằng Oppenheimer, Bor và Fermi là những kẻ đầy tín niệm chống lại bạo lực. Họ cho rằng chỉ có thể ngăn chặn chiến tranh hạt nhân bằng cách tạo ra sự cân bằng lực lượng trên thế giới, theo ý họ, nó có thể ảnh hưởng tận gốc tới tình hình thế giới và thay đổi tiến trình lịch sử.

Tôi thực kinh ngạc là quan điểm của nhiều nhà vật lý danh tiếng nhất của phương Tây và

của các nhà bác học Xô viết lại trùng hợp. Như tôi đã viết, năm 1943 Vernadsky hoàn toàn chân thành đề nghị Stalin xin chính phủ Anh và Mỹ chia sẻ với chúng ta thông tin về các nghiên cứu nguyên tử và phối hợp để chế tạo bom nguyên tử. Ioffe, Kapitsa, Nils Bor cũng có những quan điểm như thế.

Sau cuộc trò chuyện với Oppenheimer, hẳn Bor biết về sự rò rỉ thông tin đến các nhà bác học Xô viết và Thụy Điển, đã gặp tổng thống Roosevelt và cố thuyết phục ông ta về tính cấp thiết chia sẻ với người Nga các bí mật của đề án Manhattan để đẩy nhanh công việc chế tạo bom. Các nguồn của ta ở Anh báo rằng Bor không chỉ đề nghị với tổng thống Roosevelt, mà theo uỷ thác của ông ta, trở về Anh và cố thuyết phục chính phủ Anh về tính cấp thiết của bước làm đó. Churchill bị kinh hoàng vì đề nghị này và ra lệnh có các biện pháp ngăn chặn tiếp xúc của Bor với người Nga.

Vợ chồng Zarubin, bất kể những kết quả đạt được trong công tác, đã không sống lâu ở Washington. Điều đó xảy ra không vì lỗi của họ và không do sự tích cực của FBI. Một trong những thuộc cấp của Zarubin, cán bộ mạng điệp viên NKVD ở sứ quán, trung tá Mironov gửi thư cho Stalin buộc tội Zarubin cộng tác với các cơ quan đặc biệt Mỹ. Trong thư Mironov chỉ ra - ông ta theo dõi Zarubin - những ngày và giờ các cuộc gặp gỡ của Zarubin với điệp viên và các nguồn thông tin, gọi đó là tiếp xúc với những đại diện của FBI. Để kiểm tra lời cáo buộc vợ chồng Zarubin bị gọi về Moskva. Mất gần nửa năm. Người ta xác định rằng các cuộc gặp gỡ đều được phép của Trung tâm và thông tin quý giá Zarubin nhận được, không ném lên ông chút nghi ngờ nào. Mironov bị triệu về từ Washington và bị bắt giữ theo cáo tội vu khống. Thế nhưng khi ông ta ra trước toà, ông ta có chứng nhận bị bệnh thiếu năng trí tuệ. Ông ta bị sa thải và được chuyển vào bệnh viện tâm thần.

Năm 1943 Trung tâm phê chuẩn quyết định sử dụng các kênh bí mật lập mối tiếp xúc với các bác học nguyên tử. Nhóm trưởng tình báo của ta Vaxilevsky ở Mexico được giao lãnh đạo trực tiếp các hoạt động. Sau khi vợ chồng Zarubin về nước, Vaxilevsky đôi khi đi thăm Washington, nhưng không dừng lại lâu ở đó để khỏi gây sự chú ý của phản gián Mỹ.

Tôi nhớ, Vaxilevsky kể với tôi cái lần ông đến Washington năm 1944, một phần là cần gửi về Trung tâm các tài liệu nhận được từ Fermi, nhưng thật khủng khiếp khi ông biết rằng nhân viên mật mã vắng mặt. Ngày hôm sau cảnh sát Mỹ đưa nhân viên mật mã về sứ quán, sau khi nhốt được anh ta trong một quán bar nơi anh ta đã uống say đến bất tỉnh. Vaxilevsky ngay lập tức quyết định không dùng sứ quán ở Washington để chuyển những tin tức đặc biệt quan trọng. Năm 1945 vì thành công trong tiếp xúc với Fermi ở Mỹ, Vaxilevsky được cử làm phó của tôi tại Cục "X". Gần hai năm ông lãnh đạo Cục khoa học - kỹ thuật của NKVD, còn sau đó ở Ủy ban thông tấn - cơ quan tình báo trung tâm tồn tại từ 1947 đến 1951. Vaxilevsky bị sa thải năm 1947 - trở thành một trong những nạn nhân đầu tiên của chiến dịch chống Do Thái mới bắt đầu. Tháng 4 đến tháng 6-1953 ông lại bắt đầu làm việc trong bộ máy, nhưng lại bị sa thải - giờ đây bị giảm biên chế như một người "bị nghi ngờ". Vaxilevsky mất năm 1979.

Chúng tôi nắm được mô tả thiết kế quả bom nguyên tử đầu tiên vào tháng 1-1945. Mạng điệp viên ta ở Mỹ báo rằng người Mỹ cần tối thiểu 3 năm và tối đa 5 năm để chế tạo một kho vũ khí nguyên tử đáng kể. Trong thông báo này cũng nói rằng vụ nổ hai quả bom

đầu có thể sẽ thực hiện sau 2-3 tháng.

Trong khi đó tình báo ta hoạt động tích cực hơn và chúng tôi nhận được lượng thông tin khá lớn về đề án Manhattan và về các kế hoạch sử dụng các vỉa quặng uran ở Bỉ, Côngô, Tiệp Khắc, Úc và trên đảo Madagascar. Tình báo quân đội đã lọt được vào hãng Canada thành lập một tổ hợp đặc biệt về chế biến quặng uran. Nhóm trưởng tình báo quân đội “Molier”, chính là phó lãnh sự ở New York Mikhailov, thông báo về công việc của phòng thí nghiệm ở Berkeley, gần San Francisco phân tích quặng uran. Khoảng thời gian ấy Moravets, phụ trách tình báo của chính phủ Tiệp Khắc ở London cộng tác với chúng ta, thông tin rằng các cơ quan đặc biệt của Mỹ và Anh quan tâm đến sự nghiên cứu các mỏ quặng uran trong vùng núi Sudet. Ông ta tiếp cận được các tài liệu thương thuyết Anh - Tiệp về khai thác mỏ uran vào thời hậu chiến.

Với khả năng kết thúc chiến tranh đang đến gần, ở Liên Xô bắt đầu tiến hành kiểm tìm các mỏ uran.

Tháng 2-1945 chúng tôi nhận được thông tin và chiếm được các tài liệu của Đức về nguồn dự trữ uran chất lượng cao ở vùng Bukhovo - trong núi Rodovsk. Chúng ta đề nghị Dimitrov lúc đó đứng đầu chính phủ Bungari, và chính quyền Bungari đã cho chúng ta sự hiệp đồng trong việc tìm mỏ uran.

Sắc lệnh của GKO^[9] số 7408 ngày 27-1-1945 với chữ ký của Stalin chỉ gửi cho Molotov và Beria. Tôi dẫn ra trọn vẹn:

“Tuyệt mật, quan trọng đặc biệt”

“1. Tổ chức ở Bungari việc tìm kiếm, trinh sát và khai thác quặng uran tại mỏ Goten và trong khu vực của nó, cũng như nghiên cứu địa chất các mỏ uran và khoáng chất đã rõ hoặc có thể có khác.

2. Giao cho Bộ Ngoại giao Liên Xô (đ/c Molotov) tiến hành thương lượng với chính phủ Bungari về thành lập hiệp hội Bun - Nga với ưu thế tài chính Liên Xô để tiến hành tìm kiếm, khảo sát và khai thác quặng uran tại mỏ uran Goten và ở khu vực của nó, cũng như tiến hành nghiên cứu địa chất các mỏ uran và khoáng chất khác đã rõ hoặc có thể phát hiện.

Các cuộc đàm phán với chính quyền Bungari và toàn bộ tài liệu về thành lập và tổ chức hiệp hội tiến hành, đặt tên mỏ là radi”.

Đứng đầu Hiệp hội địa chất Bun - Xô được thành lập là Sors - cán bộ tình báo, kỹ sư địa chất.

Quặng uran từ Bukhovo được sử dụng khi lò phản ứng nguyên tử đầu tiên hoạt động. Tại núi Sudet ở Tiệp Khắc quặng uran chất lượng thấp hơn nhiều, nhưng cũng được khai thác. Để điều phối các hoạt động tình báo và phản gián, Rogatnev, cán bộ tình báo giàu kinh nghiệm, cựu nhóm trưởng ở Italia được phái sang Tiệp Khắc.

Việc chuyên chở uran Bungari được chú trọng đặc biệt. Trực tiếp Dimitrov theo dõi việc thăm dò uran.

Chúng ta phái sang Bungari hơn 300 kỹ sư địa chất được triệu hồi cấp tốc từ quân đội:

khu vực Bukhovo được canh giữ bởi các đơn vị nội vụ của NKVD. Thế nhưng nhanh chóng điệp viên của ta được rõ rằng các cơ quan đặc biệt Mỹ chuẩn bị hành động phá hoại với mục đích phá vỡ việc cung cấp uran cho Liên Xô và đồng thời nhằm xác định thời hạn chế tạo vũ khí hạt nhân ở Liên Xô. Người Mỹ thậm chí có ý đồ tổ chức bắt cóc Sors. Chúng tôi tiếp nhận biện pháp phản kích: Etingon chuyên trách việc tuyển lại các gián điệp Mỹ và vợ của họ bị bắt giữ nhờ mạng điệp viên là những người Thổ địa phương gần các mỏ uran, nhưng đã không thành công.

Từ Bukhovo mỗi tuần chuyển được khoảng một tấn rưỡi quặng uran. Những người làm việc tại các mỏ uran được đảm bảo các hướng dẫn và phương pháp của Mỹ về kỹ thuật khai thác và tính toán nó. Năm 1946 những mỏ uran lớn chất lượng cao hơn nhiều được phát hiện ở Liên Xô và lập tức bắt đầu khai thác. Thế nhưng việc khai thác khẩn trương ở Bukhovo vẫn tiếp tục: chúng ta muốn tạo cho ở người Mỹ ấn tượng rằng uran Bungari là cực kỳ cần thiết cho ta. Hiệp định được ký kết bởi Zaveniagin, phó của Beria, với chính phủ Bungari về khai thác và cung cấp uran, các hoạt động thông tin giả do Eitingon và một nhóm sĩ quan tổ chức, đã khẳng định tầm quan trọng việc khai thác uran này đối với chúng ta.

Tháng 3-1945 chúng tôi gửi cho Beria báo cáo tổng quát về tiến triển thuận lợi công việc ở Mỹ về. Báo cáo mô tả chi tiết các trung tâm của Mỹ, là phòng thí nghiệm ở Los Alamos, các nhà máy ở Ok-Ridge, đưa ra một đánh giá tỉ mỉ hoạt động của hãng Keleks, công ty con của Kellogg tại New York, nhấn mạnh công việc về bom nguyên tử được tiến hành bởi các hãng khổng lồ của Mỹ Jouns Construction, Dupon, Union karbet, Kemikl company và v.v... Thông tin cho biết chính phủ Mỹ chi 2 tỷ đôla để nghiên cứu và sản xuất vũ khí nguyên tử và tổng số chung có hơn 130.000 người tham gia đề án.

Ngoài ra, mạng điệp viên báo về nhóm người hạn chế công việc đang tiến hành; tiếp xúc với loại tài liệu theo lệnh của tổng thống Mỹ; về sự thành lập cơ quan phản gián, cảnh sát và các cơ quan khác trong giới hạn đề án; về việc rút khỏi các thư viện Mỹ tất cả những ấn phẩm công khai trước kia về nghiên cứu năng lượng nguyên tử; về sự thay đổi họ tên thật bằng các bí danh của các bác học và chuyên gia có quan hệ trực tiếp đến công việc tại các trung tâm nguyên tử; về sự bảo vệ những nhân vật có trách nhiệm, cũng như về các hoạt động tương tự khác.

Tháng 4-1945 Kurtratov nhận được từ chúng tôi một tài liệu rất giá trị về các tính chất của thiết bị gây nổ hạt nhân, phương pháp kích hoạt bom nguyên tử và phương pháp từ trường tách hạt uran. Tài liệu này quan trọng đến mức ngay ngày hôm sau các cơ quan tình báo đã nhận được sự đánh giá của nó.

Kurtratov gửi báo cáo lên Stalin dựa trên cơ sở các tin tình báo.

12 ngày sau khi lắp ráp quả bom nguyên tử đầu tiên ở Los Alamos chúng tôi nhận được mô tả cấu trúc của nó từ Washington và New York. Bức điện đầu tiên đến Trung tâm ngày 13-6, bức thứ hai ngày 4-7-1945. Có thể sau 5 năm người Mỹ đã giải mã được các bức điện này và chúng là cơ sở để gây áp lực với Fuchs để ông nhận tội gián điệp. Thế nhưng tôi không dám tin chắc, dù tôi khẳng định rằng các nguồn được chỉ ra trong bức điện, "Charles" và "Mlad" - chính là Fuchs và Pontekorvo.

Chúng tôi báo cáo với Beria rằng hai nguồn không liên quan đến nhau đã báo về vụ thử thiết bị hạt nhân sắp tới.

Sau trận ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki công việc của chúng ta về chế tạo bom nguyên tử đã có một quy mô rộng. Vào thời gian ấy chúng ta nhận được từ Mỹ những tài liệu đặc biệt quý giá.

Một báo cáo chi tiết của Fuchs (Charles) được chuyển bằng đường ngoại giao sau khi ông gặp Garri Goldon người đưa tin của mình ngày 19-9. Báo cáo gồm 33 trang văn bản với sự mô tả cấu trúc quả bom nguyên tử. Muộn hơn chúng tôi nhận được thông báo bổ sung về cấu tạo bom nguyên tử thông qua kênh liên lạc từ Kholia (Mlad) do Lona Koen chuyển. Đó là trình bày chi tiết một chương của báo cáo với chính phủ và thượng viện Mỹ về cấu tạo bom nguyên tử mà theo ý thức bảo mật đã bỏ qua trong công bố chính thức, - báo cáo của Ủy ban Smith đăng ngày 1-8-1945, chúng tôi biết rằng Oppenheimer và tướng Groves đã chỉnh lý. Fuchs thông báo rằng Oppenheimer từ chối ký báo cáo do Ủy ban công bố bởi ông cho rằng đó là tin giả nhằm kìm giữ việc nghiên cứu nguyên tử ở những nước khác.

Trong số tài liệu chúng tôi nhận vào tháng 9-10-1945, có một số phần của báo cáo đã không có trong tổng kết của Ủy ban Smith và những tấm ảnh về bố trí các nhà máy ở Ok-Ridge. Chúng có giá trị đặc biệt vì chúng ta cũng bắt tay vào xây dựng công xưởng và đẩy nhanh công việc chế tạo lò phản ứng nguyên tử đầu tiên. Tôi nhớ lại báo cáo 12 trang của Xemenov về cấu tạo bom nguyên tử được Vaxilevsky ký và chuyển cho Beria và Stalin. Tài liệu này thực tế là cơ sở cho chương trình của 3-4 năm tiếp theo.

Chất lượng và khối lượng thông tin nhận được từ các nguồn ở Mỹ và Anh là khá quan trọng để tổ chức và phát triển chương trình nguyên tử của ta. Những báo cáo chi tiết chứa số liệu về sử dụng các lò phản ứng nguyên tử đầu tiên, đặc thù về sản xuất bom nguyên tử và bom pluton đóng vai trò trong sự tăng tốc công việc. Những số liệu quý giá về cấu trúc hệ thống các thiết bị điện từ kích hoạt và kích cỡ lượng uran và pluton để phát nổ thiết bị hạt nhân; về nguyên lý tiếp xúc do Fuchs hình thành - kích hoạt nổ từ bên trong; số liệu về pluton-240, thiết bị ngòi nổ, thời gian và tính tuần tự các thao tác về sản xuất và lắp ráp bom và biện pháp đưa ngòi nổ có trong nó vào hoạt động. Nhận được các số liệu về xây dựng các nhà máy thanh lọc và tách hạt uran, điều rút ngắn khá nhiều thời gian để chế biến quặng uran, cũng như ghi chép thường nhật về vụ nổ thử nghiệm quả bom nguyên tử đầu tiên ở Mỹ vào tháng 7-1945.

Sau vụ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản Bộ Chính trị và GKO phê chuẩn quyết định về tổ chức lại một cách thực sự công việc về năng lượng nguyên tử - vấn đề số 1. Để làm điều đó đã thành lập Ủy ban đặc biệt của chính phủ với đặc quyền tối cao. Beria như ủy viên Bộ Chính trị và phó chủ tịch GKO được cử làm chủ tịch Ủy ban, Pervukhin - phó, tướng Makhnev - thư ký.

Tham gia Ủy ban có các ủy viên Bộ Chính trị - Malenkov (Bí thư BCHTƯ Đảng, Trưởng ban tổ chức), Voznesensky (Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước), các viện sĩ Kurtratov và Kapitsa; Bộ trưởng Bộ quân khí Vannikov, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Zaveniagin. Bộ máy công vụ của Ủy ban là Tổng cục 1 đặc biệt được thành lập trực thuộc Hội đồng bộ trưởng

Liên Xô. Vannikov được cử làm Tổng cục trưởng, Zaveniagin được cử làm phó thứ nhất.

Thuộc Ủy ban đặc biệt có hội đồng khoa học - kỹ thuật, chủ tịch của nó là Vannikov, phó chủ tịch - Ioffe. Cục "X" của tôi là bộ máy hoạt động được gọi là văn phòng 2 của Ủy ban.

Stalin đề nghị Ioffe và Kapitsa làm thành viên của Ủy ban đặc biệt về vấn đề số 1. Thế nhưng Ioffe từ chối viện dẫn tuổi tác cao. Ông nói rằng sẽ có lợi hơn trong hội đồng khoa học - kỹ thuật. Chính Ioffe giới thiệu cử giáo sư Kurtratov giữ chức lãnh đạo khoa học của chương trình nguyên tử.

Tham gia vào các cuộc họp của Ủy ban đặc biệt, lần đầu tiên tôi ý thức được rằng quan hệ cá nhân của các thành viên chính phủ, tính tự thị của họ trong tiếp nhận các quyết định quốc gia quan trọng là có ý nghĩa quan trọng như thế nào. Các bộ trưởng, thành viên của Ủy ban này, tìm mọi cách khẳng định địa vị của mình. Thường nảy ra những tranh luận nóng bỏng và những lý giải không hề đẹp mắt. Beria thành ra trọng tài và đòi hỏi sự thực hiện một cách vô điều kiện các chỉ thị của ban lãnh đạo.

Tôi đã từng quan sát sự cạnh tranh đang tăng giữa Kapitsa và Kurtratov trên các cuộc họp của Ủy ban đặc biệt. Kapitsa là một nhân cách vĩ đại, một nhà chiến lược tuyệt vời, một nhà tổ chức lớn của khoa học. Kapitsa có vai trò quan trọng trong tổ chức các công việc về vấn đề nguyên tử và thiết lập những tiếp xúc với các bác học phương Tây, nói riêng là giữa Terletsky với Bor, dĩ nhiên ông muốn cạnh tranh một vị trí lãnh đạo độc lập trong việc hiện thực hoá đề án nguyên tử.

Nhưng nhanh chóng quan hệ giữa Kapitsa, Beria và Voznexenxky bị xấu đi. Kapitsa đề nghị để Kurtratov tư vấn chỗ ông về đánh giá các kết quả công việc và các kết luận trước khi báo cáo tại các cuộc họp của Ủy ban đặc biệt. Pervukhin ủng hộ Kapitsa, nhưng Beria và Voznexenxky không đồng ý. Beria đề nghị Kapitsa và Kurtratov đưa ra các đề xuất có khả năng chọn lựa với chính phủ. Hơn thế, Beria đề nghị Kapitsa trên cơ sở viện của mình phụ làm thử một loạt thử nghiệm của Kurtratov.

Kapitsa bức tức có nghĩa là rối loạn thực tế về vật lý lý thuyết ở Liên Xô.

Kapitsa viết cho Stalin rằng Beria và Voznexenxky không nghe ý kiến của các bác học, rằng chỉ có thể trao sự lãnh đạo cho các bác học về đề án nguyên tử. Sau một loạt cố gắng không thành nhằm đạt được sự ủng hộ của Stalin trong đưng độ này, Kapitsa nhanh chóng bị đưa ra khỏi thành phần Ủy ban đặc biệt. Người ta để ông yên, nhưng không cho tiếp cận đến các nghiên cứu nguyên tử.

Thế nhưng trong một loạt công bố ở Anh và Mỹ những năm 1950-1960, Kapitsa tự giới thiệu như "người điều phối các công việc và thám sát về vũ khí nguyên tử". Năm 1946, ông mời Einstein sang Liên Xô làm việc trong lĩnh vực vật lý "trong một đất nước tự do nhất cho sự sáng tạo".

Điều đó gây nên một sự náo động trong các cơ quan đặc biệt Mỹ và sứ quán Mỹ ở Liên Xô. FBI đã tăng cường thăm dò Einstein, cho rằng ông dính với Kapitsa bởi những thỏa thuận ngầm nào đó, mà vai trò Kapitsa trong đề án nguyên tử Xô viết năm 1946 người Mỹ chưa biết rõ.

Vào năm đầu tiên sau chiến tranh các chiến dịch tình báo về vấn đề nguyên tử có một đặc quyền đặc biệt. Tháng 12-1945 - Beria thôi giữ chức bộ trưởng Nội vụ và chuyển từ Lubianka vào điện Kremli, vào văn phòng Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Các cuộc họp của Ủy ban đặc biệt về vấn đề nguyên tử cũng diễn ra trong Kremli, chứ không ở NKVD. Là phụ trách văn phòng 2 của Ủy ban, cán bộ bộ máy chính phủ, tôi nhận được thẻ vào Kremli bất cứ lúc nào.

27-12-1945 chúng tôi gửi cho Beria để xem xét tại cuộc họp của Ủy ban đặc biệt chính phủ các tài liệu được dịch từ tiếng Anh về cấu tạo bom nguyên tử, các mẫu vỏ bom nhận từ mạng điệp viên an ninh và tình báo quân đội.

Các cuộc họp thường diễn ra trong phòng của Beria. Đó là những cuộc tranh luận nóng bỏng. Ngoài cãi nhau gay gắt về phân phối điện năng, Pervukhin tiếp tục những đòi hỏi đối với Voznexenxky về việc tăng cường quỹ kim loại màu cho nhu cầu của các xí nghiệp công nghiệp hoá chất sản xuất nhiên liệu nguyên tử. Tôi ngạc nhiên vì những phê phán lẫn nhau của các thành viên chính phủ. Beria can thiệp vào những vụ tranh cãi đó, kêu gọi Pervukhin và Voznexenxky giữ trật tự. Và lần đầu tiên tôi thấy trong cái cơ quan chính phủ đặc biệt này tất cả đều xem mình ngang hàng không phụ thuộc vào việc ai trong số họ là ủy viên BCH TƯ hay ủy viên Bộ Chính trị.

Cho đến khi bị bắt tôi đã giữ được quan hệ tốt với Vannilov và thư ký Ủy ban, tướng Makhnev. Họ là những người am hiểu ngành công nghiệp, có thể chỉ ra không nhầm lẫn, có thể giao cho nhà máy nào các đơn đặt hàng về đề án nguyên tử.

Tôi thường ghé vào văn phòng của Makhnev. Không hiểu sao người ta cho rằng ông là tướng của NKVD, nhưng không phải thế. Một nhà tổ chức tuyệt vời sản xuất quân khí và bom nguyên tử, ông chưa bao giờ phục vụ trong cơ quan an ninh. Makhnev rất quan tâm thông tin về công việc các xí nghiệp, các hãng công nghiệp Mỹ tham gia vào chương trình nguyên tử. Chúng tôi thường nhận được thông tin này từ các nguồn công khai, theo tuyến TASS và đều đặn lập các bản tổng quan về những chỉ số kinh tế và tiềm năng công nghệ rút ra từ các tạp chí khoa học - kỹ thuật về các hãng Mỹ chuyên trách những đơn đặt hàng riêng biệt của chính phủ liên quan với việc chế tạo bom nguyên tử.

Chỉ lúc ấy tôi mới hiểu, Beria thể hiện mối quan tâm như thế nào đến các vấn đề kinh tế và sự phát triển công nghiệp. Tôi biết rằng Beria như phó chủ tịch GKO trong những năm chiến tranh chịu trách nhiệm không những về hoạt động của các cơ quan đặc biệt, mà còn cả về sản xuất vũ khí đạn dược, công việc của liên hợp nhiên liệu - năng lượng. Đặc biệt ông quan tâm các vấn đề khai thác và chế biến dầu lửa. Theo sáng kiến của ông, Vannikov, Uxtinov và Baibakov (họ chưa đến tuổi 40) được cất nhắc vào những chức vụ cao - các bộ trưởng sản xuất quân khí, trang bị và công nghiệp dầu khí.

Beria vốn thô lỗ và hà khắc trong giao tiếp với thuộc cấp, nhưng có thể là người chú ý, lịch sự và giúp đỡ hàng ngày những người bạn công việc quan trọng, bảo vệ những người này khỏi đủ loại mưu mô của cơ quan NKVD hay các cấp lãnh đạo Đảng. Ông thường xuyên cảnh báo các lãnh đạo xí nghiệp về trách nhiệm và ở ông có khả năng hiếm có cả gây nổi sợ lẫn khích lệ mọi người làm việc. Tự nhiên thôi, đối với các giám đốc cơ sở công nghiệp ông phần nhiều được đồng nhất với sự hùng hậu của cơ quan an ninh. Tôi có cảm

giác rằng Beria lấy được những phẩm chất ở Stalin - sự kiểm soát cứng rắn, sự đòi hỏi vô cùng cao và đồng thời là tạo ra không khí tự tin ở nhà lãnh đạo, rằng trong trường hợp thực hiện thành công nhiệm vụ được đề ra, anh sẽ đảm bảo có sự ủng hộ.

7. Sự giúp đỡ của Nils Bor

Mùa thu 1945 chương trình làm việc về bom nguyên tử đã đến điểm kịch tính, cần phải tiến hành xây dựng lò phản ứng hạt nhân đầu tiên của Liên Xô. Thế nhưng các bác học không thống nhất trong đánh giá các tài liệu tình báo, bởi vì thông tin là mâu thuẫn. Người Mỹ dùng hai kiểu lò phản ứng: lò than chì và lò hoạt động bằng nước nặng. Nảy sinh mạo hiểm lớn trong việc sử dụng các mẫu uran-235 tình báo quân đội thu được, cần phải có quyết định đi theo hướng nào trong xây dựng lò phản ứng đầu tiên.

Kurtratov và Kikoin đề nghị để một chuyên gia bậc cao, giáo sư Zeldovich làm việc chỗ Kurtratov, đi cùng các sĩ quan tình báo sang Đan Mạch để gặp Bor. Nhưng Zeldovich không hợp với vai này vì không phải là cộng tác viên của tình báo và chúng ta không thể hé lộ với ông các điệp viên ở nước ngoài trường hợp cần thiết. Hoàn cảnh này buộc chúng tôi dựa vào những bác học làm việc trong bộ máy cơ quan tình báo. Sự lựa chọn là không lớn. Trong ban tham mưu Cục "X" có hai sĩ quan - cán bộ khoa học, nhà vật lý về học vấn nắm được tiếng Anh ở mức độ nào đó. Sau khi được nhận vào làm việc ở NKVD họ đã dự xemina của Kapitsa và Landau. Một là Rurlov, tương lai là một bác học, thể hiện thiên hướng lớn về công việc phân tích tình báo. Người khác là Terletsky vừa bảo vệ luận án phó tiến sĩ, về sau là người được giải thưởng nhà nước, không gắn với nhóm Kurtratov, Ioffe, Alikhanov và Kikoin bởi các mối quan tâm khoa học của mình và có thể cho sự đánh giá riêng về các tài liệu khoa học. Terletsky và Rurlov dịch và biên tập các tài liệu về công việc nguyên tử đến với chúng tôi, báo cáo tại các cuộc họp của hội đồng khoa học - kỹ thuật Ủy ban đặc biệt.

Làm việc trong tình báo, Terletsky vẫn là một người sáng tạo. Cùng với sự đánh giá và xử lý thông tin về bom nguyên tử Mỹ, anh thường đề đạt các kết luận cá nhân tại hội đồng khoa học - kỹ thuật, điều đó tạo nên những vấn đề, vì chúng tôi phải hai lần mỗi ngày trình ban lãnh đạo cao nhất toàn bộ thông tin nhận được, mà Terletsky đôi khi chậm trễ với sự đánh giá, và tôi bị nghe những nhận xét không đẹp mắt. Thế nhưng chúng tôi đã dùng sự lựa chọn ở Terletsky - anh có thể bằng sự uyên bác của mình gây được ấn tượng cần thiết tới Niels Bor.

Beria phê chuẩn đề nghị của tôi phái Terletsky đi Copenhagen. Không thể có chuyện cử một mình Terletsky đến cuộc gặp để thực hiện một nhiệm vụ quan trọng dường ấy. Anh không có chút khái niệm nào về công việc tác chiến, vì thế tiếp nhận quyết định là đại tá Vaxilevsky, người trực tiếp phụ trách Fermi, phải đi cùng với anh. Tiên liệu rằng Vaxilevsky sẽ bắt đầu câu chuyện với Bor, còn Terletsky chuyển sang thảo luận các vấn đề kỹ thuật. Còn một người phiên dịch nhưng tiếc là tôi quên mất tên. Vaxilevsky sang Đan Mạch dưới tên Grebetsky, Terletsky giữ nguyên họ tên mình.

Trong hồi ký Terletsky viết rằng trước lúc đi sang Copenhagen, Kapitsa tiếp anh và khuyên đừng đặt nhiều câu hỏi với Bor, "mà đơn giản tự giới thiệu, chuyển bức thư và quà

của ông, kể về các nhà bác học Xô viết, và Bor sẽ thông báo về nhiều điều mà chúng ta quan tâm”.

Sự thỏa thuận sơ bộ về cuộc gặp gỡ đạt được là nhờ nữ văn sĩ Phần Lan Vuolijoki và nhà văn Đan Mạch Martin Andersen Nekse. Nekse không phải là điệp viên của ta, nhưng vào những năm 40 đã giúp rất nhiều cho Rurikina trong thiết lập quan hệ với những nhân vật có uy tín vùng Scandinavia.

Tháng 7-1993 khi trò chuyện với Terletsky, chúng tôi nhớ lại một số chi tiết của câu chuyện này. Trước cuộc gặp Bor báo tin vào sứ quán Liên Xô là sẽ tiếp phái đoàn của ta. Vào lúc đầu buổi gặp Bor bị kích động, Terletsky nhớ lại, và hai tay ông run. Chắc hẳn Bor hiểu rằng lần đầu tiên ông có việc trực tiếp với các đại diện của chính phủ Xô viết và đã đến lúc thực hiện quyết định được ông và các nhà vật lý khác tiếp nhận là chia sẻ các bí mật bom nguyên tử với cộng đồng các bác học thế giới và các nhà vật lý Xô viết.

Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên với Vaxilevsky tại buổi tiếp tại sứ quán ngày 6-11-1945, Bor thích nói chuyện hơn về các vấn đề khoa học với Terletsky, và đành phải cho phép cuộc gặp của Terletsky và Bor mặt đối mặt với sự tham gia của phiên dịch. Các vấn đề để trò chuyện với Bor được chuẩn bị trước bởi Kurtratov và Kikoin.

Terletsky nói với Bor rằng ở trường đại học Tổng hợp Moskva mọi người luôn nhớ về ông, chuyển thư giới thiệu và quà tặng của Kapitsa, lời thăm hỏi của Ioffe và các bác học Xô viết khác, cảm ơn ông sẵn sàng tư vấn cho các chuyên gia Liên Xô về chương trình nguyên tử.

Bor trả lời các câu hỏi về các phương pháp nhận được uran ở Mỹ, phương pháp thẩm thấu và ghi nhận dao động phân tử, về liên kết các phương pháp này, bằng cách nào đạt được tính sản sinh lớn với phương pháp. Ông thông báo rằng ở Mỹ trong các lò làm việc với vách ngăn than chì, bởi sản xuất nước nặng đòi hỏi khối lượng điện năng khổng lồ. Terletsky nhận được những thông tin quan trọng về nguyên lý, trong đó về pluton-240, điều mà không có trong báo cáo chính thức của Smith mà nhận được từ Bor và từ Mỹ. Theo ý kiến của Kurtratov, cuộc gặp gỡ có ý nghĩa quan trọng để các bác học ta kiểm chứng lý thuyết mấy trăm bản tổng kết và công trình của Fermi, Stsillard, Bete, Oppengeimer và các bác học nước ngoài khác tình báo thu được. Như Kvaxnikov nhớ lại, 690 tài liệu khoa học. Theo ý kiến John Harad, một chuyên gia Anh nổi tiếng về vật lý nguyên tử từ London's Imperial College, Bor truyền lại cho người Nga thông tin thiết thực về cấu trúc bom nguyên tử Mỹ. Jack Sarfatti, nhà vật lý lý thuyết, học trò của một trong những người sáng lập bom nguyên tử H. Bete, cũng cho các lời đáp của Bor chứa đựng thông tin chiến lược quan trọng về chế tạo vũ khí hạt nhân.

Đáng nhớ là Bor đã cho cơ quan đặc biệt Anh rõ một cách chính thức về cuộc gặp gỡ và buổi trò chuyện với các chuyên gia Xô viết về chương trình nguyên tử, việc chuyển cho người Nga báo cáo của Smith, nhưng đồng thời ông im lặng về tính chất những câu hỏi được đặt ra với ông. Bằng cách đó, các cơ quan đặc biệt phương Tây trước khi bắt Fuchs đã không biết những vấn đề quan trọng về nguyên tắc chế tạo vũ khí nguyên tử đã đến chỗ chúng ta.

Vả lại, Stsilard ngay sau các vụ nổ nguyên tử ở Nhật Bản đã tiên đoán rằng Liên Xô sau 2-3 năm sẽ chế tạo vũ khí hạt nhân của mình. Còn Bor lúc ấy phát biểu ủng hộ việc thiết lập sự kiểm soát quốc tế về sử dụng năng lượng nguyên tử.

Sau chuyến đi thành công của Terletsky tôi đã thiết lập quan hệ thân mật với Kurtratov, Alikhanov và Kikoin.

Những cao thủ của tình báo Xô viết như Parparov, nhà tình báo rất có hiệu quả trong hậu phương Đức, đại tá Mikheev đã làm việc với những nhà vật lý Đức nổi tiếng nhất trong suốt mấy năm.

Gần Moskva, ở Maloiaroxlavets-10 - nay là Obninsk - dưới sự kiểm soát của chúng tôi đã xây dựng trung tâm bí mật được tăng cường bằng các chuyên gia Đức về xử lý, khai thác và giàu hoá quặng uran và luyện kim uran.

Các cán bộ tác chiến của chúng tôi chuyển lên phía Bắc tỉnh Tseliabinsk các nhà vật lý hạt nhân Đức có tên tuổi thế giới: G. Born, P. Rompe, K. Tsimmer và v.v...

Người được giải Nobel G. Gers và nhóm của ông thực hiện tại Xukhumi công việc quan trọng về tách phân hạt uran-235 và uran-238.

Cán bộ Cục "X" đã giúp nhóm tìm kiếm của Iu. Khariton ở Đức phát hiện và chuyển về Liên Xô 100 tấn oxit uran ngay trước mũi chính quyền Mỹ chiếm đóng.

Theo đề nghị của văn phòng số 2 Ủy ban đặc biệt về vấn đề nguyên tử do tôi đứng đầu, tất cả các nhà vật lý Đức được chuyển về Liên Xô được chia ra từng nhóm để làm việc cho khắp ba phương án công nghệ giàu hoá uran mà người Mỹ đã nghiên cứu ra: thẩm thấu gas, điện từ và tách phân hướng tâm. Giáo sư Đức Steinbek trở thành người lãnh đạo các nghiên cứu về công nghệ hướng tâm tách phân hạt uran. Tất nhiên có sự đóng góp cực kỳ lớn vào việc này của viện sĩ Kikoin kiểm soát người Đức.

Có ý nghĩa quan trọng đối với Kurtratov là những cuộc tư vấn chuyên môn do chúng tôi tổ chức với người được giải Nobel Nikols Ril được tình báo chúng ta đưa ra khỏi nước Đức. Ở Đức ông nghiên cứu sự thu nhận toria, còn trong những năm chiến tranh đã nắm vững công nghệ thu uran kim loại sạch.

Vì những công lao trong chế tạo vũ khí nguyên tử Xô viết N. Ril được phong danh hiệu tối cao - Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa.

Cục "X" cũng thực hiện sự hoạt động phối hợp với các cơ quan tình báo đặc biệt của lãnh đạo Xô viết vốn không thuộc hệ thống an ninh quân đội. Đó là nhóm đặc biệt trực thuộc chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô I.V. Stalin, tồn tại từ 1945-1953. Các tiếp xúc này của Cục "X" được ghi nhận trong các mục của sắc lệnh của GKO Liên Xô số 1887 ngày 20-8-1945: "giao cho đ/c Beria tiếp nhận các biện pháp tổ chức công tác tình báo được tiến hành bởi các cơ quan tình báo NKVD, Hồng quân và các công sở khác".

Nắm được sự phối hợp lẫn nhau này của Cục "X" với cơ quan đặc biệt của người đứng đầu chính phủ là phó của tôi và đồng thời là trưởng tình báo khoa học - kỹ thuật của NKVD, đại tá Vaxilevsky.

Cùng với Vaxilevsky tôi phải lựa chọn các nhà vật lý hạt nhân để cho chuyển đi sang Mỹ, Anh và Canada để lôi kéo các chuyên gia phương Tây từ các trung tâm hạt nhân về làm việc tại Liên Xô.

Vào giai đoạn này Vaxilevsky mấy lần đi sang Thụy Sĩ và Italia để gặp Bruno Pontekorvo. Để che giấu các chuyến đi này ông sử dụng giấy mời của phái đoàn các nhà hoạt động văn hoá Liên Xô đứng đầu là đạo diễn điện ảnh nổi tiếng Grigori Alexandrov và ngôi sao màn bạc Liubov Orlova. Sự bảo đảm tác chiến những cuộc gặp gỡ của ông với Pontekorvo do Gorskov và Iatskov, vốn vào những thời gian khác nhau đã ở Italia và Mỹ, thực hiện.

Vaxilevsky cũng đã gặp Jolio-Quyri. Thế nhưng Beria và Stalin quyết định không lôi kéo Jolio-Quyri vào các nghiên cứu nguyên tử của Liên Xô, dù ông muốn sang nước ta. Ở lại phương Tây, Jolio-Quyri là có lợi hơn, bởi sẽ có ảnh hưởng tới sự hình thành quan niệm chống chiến tranh của các nhà bác học nguyên tử nổi tiếng, có lợi cho chúng ta.

Vì những hoạt động thành công ở Đan Mạch, Thụy Sĩ và Italia, Vaxilevsky được thưởng một giải thưởng bằng tiền khá lớn đối với thời ấy là 1000 đôla và một căn hộ riêng ở trung tâm Moskva, chuyện lúc ấy là hiếm có.

Các chiến dịch tích cực của chúng ta ở Tây Âu trùng với bắt đầu “chiến tranh lạnh”. Chúng tôi hiểu rằng phản gián Mỹ đã lần đến rất gần các nguồn thông tin và hệ thống điệp viên của chúng ta phục vụ cho họ. Hoàn cảnh tác chiến bị phức tạp đi một cách đột ngột. Khi mở lò phản ứng đầu tiên năm 1946, Beria ra lệnh ngừng mọi tiếp xúc với các nguồn Mỹ. Tại buổi gặp gỡ với tôi ông đề nghị suy nghĩ kỹ việc lợi dụng uy tín Oppengeimer, Fermi, Stsilard và các bác học khác gần gũi với họ trong phong trào chống chiến tranh. Chúng tôi cho rằng chiến dịch và cuộc đấu tranh giải trừ vũ khí hạt nhân có thể ngăn cản người Mỹ tổng tiền chúng ta bằng bom nguyên tử, và bắt đầu một chiến dịch chính trị rộng lớn chống lại ưu thế nguyên tử của Mỹ. Chúng tôi muốn trói buộc các giới cầm quyền Mỹ bằng các hạn chế chính trị trong việc sử dụng vũ khí hạt nhân - khi ta vẫn chưa có bom nguyên tử. Beria ra lệnh một cách kiên quyết không để có sự bôi nhọ thanh danh các nhà bác học phương Tây bởi các liên hệ với tình báo ta: đối với chúng ta quan trọng là để các bác học phương Tây đại diện cho một lực lượng chính trị độc lập có uy tín và ảnh hưởng, thân thiện với Liên Xô.

Qua Fuchs ý tưởng về vai trò chính trị của các bác học trong thời đại hạt nhân được truyền đến Fermi, Oppengeimer và Stsilard, những người kiên quyết đấu tranh chống ý đồ chế tạo bom khinh khí. Trong các lập luận của mình họ hoàn toàn chân tình và không nghi ngờ rằng Fuchs dưới ảnh hưởng của chúng ta đã dẫn họ tới quyết định như thế. Hành động như những người chống phát xít, một cách khách quan họ biến thành đồng minh chính trị của Liên Xô.

Chỉ thị của Beria dựa trên thông tin nhận từ Fuchs năm 1946 về những bất đồng ý kiến giữa các nhà vật lý Mỹ về vấn đề hoàn thiện vũ khí hạt nhân và chế tạo bom khinh khí. Tại hội nghị tổ chức cuối năm 1945 đầu năm 1946 các bác học cùng với Fuchs phát biểu chống nghiên cứu “siêu bom” và bị sự phản đối gay gắt của Teller.

Klaus Fuchs từ chối đề nghị của Oppenheimer tiếp tục làm việc với ông tại Princeton, trở về Anh và tiếp tục cung cấp cho ta thông tin vô cùng quan trọng. Từ mùa thu 1947 đến tháng 5-1947 Fuchs chuyển cho cán bộ tác chiến chúng ta Felixov ở London những nghiên cứu lý thuyết cơ bản về chế tạo bom khinh khí và các kế hoạch khởi công mà Anh và Mỹ bắt đầu thực hiện vào năm 1948.

Đặc biệt giá trị là thông tin nhận từ Fuchs về kết quả các vụ thử bom nguyên tử pluton và uran trên đảo san hô Eniwetok. 3-4 tháng một lần Fuchs gặp Felixov ở London. Mỗi cuộc gặp được chuẩn bị chu đáo và không kéo dài quá 40 phút. Có ba cán bộ tác chiến đi cùng Felixov để loại trừ khả năng ghi hình lại cuộc gặp gỡ bởi cơ quan phản gián Anh. Fuchs và Felixov đã không bị phản gián Anh theo dõi. Fuchs tự mình vô tình tạo khả năng cho sự đổ vỡ của bản thân khi báo cho cơ quan an ninh phụ trách các công trình nguyên tử rằng bố ông nhận được chỗ giảng dạy môn thần học tại trường đại học Tổng hợp Laich ở Đông Đức. Lúc ấy cơ quan đặc biệt Mỹ đã khám phá ra điệp viên của ta, người đưa tin của Fuchs, Golda, anh ta nhận ra Fuchs trên ảnh, và người Mỹ thông báo điều này cho phản gián Anh. Năm 1950 Fuchs bị bắt. Sau những cuộc hỏi cung căng thẳng Fuchs thú nhận rằng đã chuyển những tin tức quan trọng cho Liên Xô. Ông bị xét xử, và trong bản luận tội của ông chỉ nhắc đến một cuộc gặp gỡ với tình báo Xô viết năm 1947, mà đó cũng dựa hoàn toàn vào sự thú nhận riêng của ông. Về sự cộng tác của Fuchs với tình báo ta và về hoàn cảnh bắt giữ ông được Felixov kể lại trong truyện ký Chiến công anh hùng của Klaus Fuchs trong cuốn sách *Bên kia đại dương và trên đảo*.

Các tin tức về sự phát triển của các nghiên cứu nguyên tử ở Anh và dự trữ vũ khí hạt nhân hiện thực ở Mỹ được Fuchs chuyển năm 1948 trùng hợp với thông tin vô cùng quan trọng từ Washington của Maklin mà từ năm 1944 giữ chức bí thư sứ quán Anh tại Mỹ và kiểm soát toàn bộ văn phòng này. Ông thông báo rằng tiềm năng vũ trang hạt nhân của Mỹ chưa đủ để tiến hành chiến tranh với Liên Xô.

Trong các giới khoa học Mỹ và Liên Xô, các bác học với tín niệm chính trị độc lập đóng vai trò to lớn nhất.

Thí dụ, Oppenheimer làm tôi gợi nhớ đến các bác học của ta - Vernadsky, Kapitsa, Xakharov. Họ luôn, khao khát một nền hòa bình được họ xây dựng bằng trí tưởng, với ảo tưởng độc lập.

Còn đối với Kurtratov trong công tác khoa học chủ yếu là những quyền lợi của tổ quốc. Ông ít ương ngạnh hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào chính quyền so với Kapitsa và Ioffe. Beria, Pervukhin, Stalin lập tức nắm bắt được rằng, ông đại diện cho thế hệ mới của giới trí thức khoa học Xô viết, ít gắn bó hơn với những truyền thống bác học Nga. Họ đã hiểu đúng rằng ông tự thị và tràn đầy quyết tâm bắt toàn bộ công tác khoa học phục vụ các quyền lợi của nhà nước. Chính phủ quyết tâm bằng mọi giá đẩy nhanh việc thử quả bom nguyên tử đầu tiên, và Kurtratov đã sao chép thiết bị nguyên tử của Mỹ. Đồng thời không ngừng công việc song song về chế tạo bom cấu trúc Xô viết. Nó được nổ thử năm 1951. Người Mỹ giữ quan điểm tương tự là Teller, cố khẳng định độc quyền Mỹ về vũ khí hạt nhân.

Vốn là những bác học chân chính, Kurtratov và Oppenheimer đồng thời cũng là những nhà quản lý của những đề án quan trọng nhất có ý nghĩa đối với số phận thế giới. Đụng độ

giữa các tín niệm cá nhân các quan tâm khoa học và trách nhiệm quản lý trong trường hợp này là tất yếu. Chúng ta không thể phán xét họ, công việc của những người này với bom nguyên tử đã mở ra một kỷ nguyên mới trong khoa học. Thế nhưng vấn đề không chỉ ở sự phát minh, bản chất vấn đề là ở chỗ lần đầu tiên những bác học lớn nhất của thế giới hoạt động không chỉ như đại diện của các ý tưởng khoa học mà còn như các nhà hoạt động nhà nước.

Vào những năm 40 không một chính phủ nào trên thế giới có thể đủ sức trọn vẹn kiểm soát tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Trớ trêu là ở chỗ cả chính phủ Mỹ lẫn chính phủ Liên Xô vì quyền lợi giải quyết vấn đề nguyên tử buộc phải dựa vào công việc hợp tác với các nhà bác học có thể giới quan khác nhau, có thể là thù địch với chính quyền, và quen với những đòi hỏi, cách xử sự lập dị của họ. Những nhà bác học nổi danh nhất của thế giới khi chia sẻ các quan niệm chống phát xít và chống chiến tranh, đầy ảo tưởng về vai trò chủ đạo của họ trong chính phủ thế giới sau khi năng lượng hạt nhân được phát hiện, có thiên hướng chia sẻ các thành tựu trong lĩnh vực này với những bác học cùng chính kiến của các nước hữu hảo.

Giữ các lý tưởng của mình Bor, Oppengeimer đã đóng vai trò là các bác học ly khai của thế giới tư bản, cũng như viện sĩ Xakharov vào những năm 1960 công khai phát biểu chống việc chế tạo vũ khí nhiệt hạch mới và như đối thủ chính trị của chế độ Xô viết.

Với sự bắt đầu chiến tranh lạnh tâm trạng của các bác học thay đổi đột ngột. Chính vì thế các nhà vật lý Mỹ đã khước từ ý định của Fiser (Abel), điệp viên ngầm của ta năm 1948 nổi lại sự hợp tác với họ. Họ hiểu rằng đó không phải là sự hợp tác mà là làm gián điệp.

8. Vụ nổ bom nguyên tử của Liên Xô

Các tài liệu tình báo về bom nguyên tử có ý nghĩa vô giá không chỉ trong đường lối chính trị, mà cả trong lĩnh vực ngoại giao. Khi Fuchs báo cho chúng ta những số liệu không công bố trong báo cáo của Ủy ban Smith về cấu tạo bom nguyên tử, ông cũng cho chúng ta những tin tức đặc biệt giá trị về quy mô sản xuất uran-235. Thông tin này của Fuchs cho khả năng tính toán, người Mỹ sản xuất bao nhiêu uran và plutôn hàng tháng, và giúp xác định số lượng thực tế số bom nguyên tử mà họ có.

Các tin tức nhận được từ Fuchs và Maklin cho phép kết luận rằng phía Mỹ chưa sẵn sàng tiến hành chiến tranh hạt nhân vào cuối những năm 40 và thậm chí vào đầu những năm 50. Về ý nghĩa các tin tức này có thể ngang bằng với thông tin Penkovsky về tiềm năng tên lửa hạt nhân của Liên Xô mà vào đầu những năm 60 y chuyển cho người Mỹ. Tương tự Fuchs, Penkovsky thông báo rằng Khrusev chưa chuẩn bị đối kháng với Mỹ, cũng như Mỹ chưa sẵn sàng đến một cuộc chiến tranh nguyên tử tầm rộng với Liên Xô vào những năm 40.

Khi bắt đầu chiến tranh lạnh, Stalin cứng rắn tiến hành đường lối đối chọi với Mỹ. Ông biết rằng hiểm họa tấn công hạt nhân của Mỹ đến cuối những năm 40 là ít có khả năng. Theo số liệu của chúng tôi, chỉ đến năm 1955 Mỹ và Anh mới chế tạo được dự trữ vũ khí hạt nhân đủ để tiêu diệt Liên Xô.

Thông tin của Fuchs và Maklin có vai trò quan trọng trong quyết định chiến lược của ban

lãnh đạo Liên Xô ủng hộ các nhà cộng sản Trung Quốc trong cuộc nội chiến những năm 1947-1948. Chúng ta có các cứ liệu rằng tổng thống Truman xem xét khả năng ứng dụng bom nguyên tử để không cho những người cộng sản ở Trung Quốc chiến thắng. Lúc ấy một cách có ý thức Stalin làm căng thẳng tình hình ở Đức, và năm 1948 nảy sinh khủng hoảng Berlin. Trên báo chí phương Tây xuất hiện những thông báo rằng tổng thống Truman và thủ tướng Anh Etattlec sẵn sàng sử dụng vũ khí nguyên tử để không cho phép Tây Berlin chuyển sang dưới sự kiểm soát của chúng ta. Thế nhưng chúng ta biết rằng người Mỹ chưa có số lượng bom nguyên tử để đối chọi với chúng ta đồng thời ở Đức và ở Viễn Đông, nơi đang quyết định số phận cuộc nội chiến ở Trung Quốc. Lãnh đạo Mỹ đánh giá quá mối đe dọa của chúng ta ở Đức và bỏ qua mất khả năng sử dụng kho vũ khí hạt nhân để giúp Quốc dân đảng Trung Quốc.

Năm 1951 khi chúng ta đã soạn thảo ra kế hoạch về các chiến dịch phá hoại quân sự chống lại các căn cứ quân sự của Mỹ, Molotov khi bình phẩm các đề nghị của chúng tôi, đã nhận xét rằng những chiến dịch như thế phải được tiến hành phù hợp với các ý tưởng quân sự, mà trước hết với các quyết định chính trị. Ông nói rằng quan điểm của chúng ta và những hành động kiên quyết về khối Berlin ở mức độ đáng kể đã giúp những người cộng sản Trung Quốc. Đối với Stalin chiến thắng của những người cộng sản ở Trung Quốc có nghĩa là sự ủng hộ lớn lao đường lối của ông trong sự đối kháng với Mỹ. Tôi nhớ rõ rằng chiến lược của Stalin quy về sự xây dựng trực trự Liên Xô - Trung Quốc trong sự đối kháng với thế giới phương Tây.

Tháng 8-1949 chúng ta thử quả bom nguyên tử đầu tiên của mình. Sự kiện này kết thúc kết quả bảy năm lao động căng thẳng không tưởng tượng nổi. Không xuất hiện thông báo này trong báo chí - chúng ta e ngại đòn nguyên tử cảnh cáo của Mỹ. Ít nhất, trợ lý của Beria về các vấn đề nguyên tử, tướng Xazurkin đã nói với tôi như thế. Vì thế thông báo trên báo chí Mỹ ngày 25-9-1949 gây cú sốc cho Stalin, ban lãnh đạo đề án nguyên tử và đặc biệt cho những người chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật các soạn thảo nguyên tử. Phản ứng đầu tiên của chúng ta - điệp báo Mỹ đã nhận được cứ liệu về vụ thử vừa tiến hành. Nếu chúng ta đã thâm nhập vào đề án Manhattan, thì không thể loại trừ những hành động tương tự của tình báo Mỹ. Thật nhẹ nhõm cho tất cả mọi người khi sau chừng một tuần các bác học thông báo rằng các thiết bị khoa học lắp trên máy bay thử không khí đều đặn có thể phát hiện ra dấu vết vụ nổ nguyên tử trong khoảng không. Sự giải thích của các bác học cho phép các cơ quan an ninh tránh buộc tội việc tình báo Mỹ cài được điệp viên của mình vào giới những nhà sáng lập vũ khí nguyên tử của đất nước.

Kurtratov và Beria vì những công lao xuất sắc trong việc củng cố sự hùng cường của đất nước ta đã được ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý, giải thưởng bằng tiền lớn và chúng chỉ đặc biệt về chế định suốt đời Công dân Liên Xô danh dự. Tất cả những người tham gia chương trình nguyên tử Xô viết đều nhận được đặc quyền: đi lại trên các phương tiện giao thông miễn phí, nhà nghỉ quốc gia, con cái được vào học các trường đại học không cần thi tuyển. Đặc quyền cuối cùng được giữ đến năm 1991 cho con cái cán bộ tình báo - điệp viên ngầm đang thực hiện các trách nhiệm công vụ ở nước ngoài.

Sắc lệnh Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao ngày 29-10-1949 tặng thưởng huân chương

nhóm cán bộ tình báo tham gia vào các chiến dịch về vũ khí nguyên tử, Gorxky, Kvaxnikov và Feklixov nhận huân chương Lenin; Barkovxky, Xemenov, Iatsov - huân chương Cờ đỏ Lao động. Năm 1996 Kvaxnikov và Iatsov được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên bang Nga. Feklixov và Barkovxky nhận danh hiệu cao quý này khi còn sống.

Đánh giá các tài liệu về vấn đề nguyên tử đã qua Cục “X”, theo ý kiến tôi, cần chú ý đến những phát biểu của các viện sĩ Khariton và Alexandrov trong cuộc họp kỷ niệm 85 năm ngày sinh Kurtratov. Họ nhấn mạnh thiên tài của ông trong thiết kế bom nguyên tử và trong quyết định đầy trách nhiệm bắt đầu xây dựng các nhà máy sản xuất uran và pluton trong khi đó chúng ta có số lượng tài liệu này quá ít ỏi nhận được từ các phòng thí nghiệm. Bom nguyên tử Liên Xô được chế tạo trong vòng 4 năm. Các tài liệu tình báo, một cách vô điều kiện, đã đẩy nhanh khả năng chế tạo vũ khí nguyên tử của chúng ta.

Đối với tôi Kurtratov vẫn là một trong những nhà bác học lớn đóng vai trò như Oppengeimer, dù tất nhiên, ông không là một người khổng lồ như Nils Bor và Enriko Fermi. Tài năng của Kurtratov, khả năng tổ chức của ông và tính kiên quyết của Beria có vai trò quan trọng trong việc giải quyết thành công vấn đề nguyên tử ở Liên Xô.

Năm 1961 khi Nils Bor thăm Trường đại học Tổng hợp Lomonoxov Moskva và tham dự ngày hội sinh viên “Ngày vật lý”, KGB khuyên Terletsky, giáo sư Trường đại học Tổng hợp Lomonoxov, người được giải thưởng nhà nước về khoa học và kỹ thuật, đừng xuất hiện trước mắt ông. Nhưng Terletsky đã đến cuộc gặp gỡ, nhưng Bor khi dùng ánh mắt lại chỗ anh, làm ra vẻ không nhận ra. Vào những năm ấy tôi đang ngồi tù, còn Vaxilevsky đang bị đeo dấu ấn một kẻ nguy hiểm, bị khai trừ khỏi Đảng “vì hoạt động phản bội chống Đảng ở Paris và Mexico”. Thế nhưng KGB đã xử sự thông minh khi không gọi lại với Bor về những cuộc gặp gỡ của ông với cán bộ tình báo ta ở Đan Mạch. Mãi đến trước lúc Bor chết không lâu, Rurlov, sĩ quan tình báo ta, cán bộ hăng Quốc tế về năng lượng nguyên tử, trong quá khứ là nhân viên của Cục “X”, đã đến thăm ông tại Copenhagen, và Bor mới nhắc đến cuộc gặp gỡ của ông với các chuyên gia Xô viết năm 1945.

Vaxilevsky cho rằng sớm hay muộn các cơ quan đặc biệt phương Tây cũng sẽ ghi nhận được các tiếp xúc của chúng ta với Pontekorvo ở Italia và Thụy Sĩ, và lúc đó đã có quyết định về cuộc chạy trốn có thể của ông sang Liên Xô. Năm 1950 ngay sau việc bắt giữ Fuchs, Pontekorvo đã chạy sang Liên Xô qua đường Phần Lan. Chiến dịch này của tình báo ta đã phong tỏa thành công mọi nỗ lực của FBI và phản gián Anh khám phá những nguồn thông tin khác về vấn đề nguyên tử, ngoài Fuchs. Đến Liên Xô Pontekorvo làm công việc khoa học tại trung tâm hạt nhân gần Moskva, ở Dubna. Ông đã viết cuốn tự truyện tuyệt vời trong đó kể nhiều điều hay về Fermi, nhưng đã im lặng về tiếp xúc của mình với tình báo Xô viết.

Dù Vaxilevsky bị thất sủng khoảng 7 năm - đến năm 1961, ông đã gặp Pontekorvo vào những năm 60-70, mời ông ăn trưa tại nhà hàng Nghệ sĩ. Năm 1968 khi tôi được giải phóng khỏi nhà tù, Vaxilevsky đề nghị tôi gặp và ăn trưa với Pontekorvo. Nhưng bởi nhà hàng nằm dưới sự chú ý liên tục của KGB, mà các nhà lãnh đạo tình báo lại kiên quyết chống những cuộc gặp gỡ của Vaxilevsky với Pontekorvo, tôi đã từ chối.

Năm 1970 tôi trở thành hội viên hiệp hội nhà văn Moskva và thường xuyên đến câu lạc

bộ nhà văn. Tại đó, trong nhà hàng, tôi và Vaxilevsky đã gặp Ramon Merkader vào bữa ăn trưa. Tôi không thích kéo sự chú ý tới mình, vì thế đã đề nghị để Ramon không đeo ngôi sao Anh hùng Liên Xô. Nhưng Mercader và Vaxilevsky, ngược lại, khoan khoái khi được ném sự thách thức với chính quyền bằng những huân chương của mình. Đến tận ngày chót Vaxilevsky vẫn tiếp tục viết thư vào BCHTU' ĐCS Liên Xô, vạch trần nhà lãnh đạo tình báo của KGB lúc đó là tướng Xakharovsky, những thất bại và sai lầm của ông ta trong công tác với mạng điệp viên.

9. Sự thật về vụ án Rozenberg, trò xảo thuật của FBI

Vợ chồng Rozenberg được lôi kéo cộng tác năm 1938 bởi Ovakimian và Xemenov. Theo sự trớ trêu của số phận vợ chồng Rozenberg được người Mỹ và chúng ta giới thiệu trên báo chí như những nhân vật chủ chốt trong gián điệp nguyên tử cho Liên Xô. Trong thực tế vai trò của họ không quan trọng nhường ấy. Họ hoạt động tuyệt đối ở ngoài mối liên hệ với các nguồn thông tin chính về bom nguyên tử vốn được điều phối bởi một bộ máy tình báo chuyên biệt.

Những năm 1943-1945 đứng đầu mạng điệp viên New York là Kvaxnikov và Paxtelniak, sau đó một thời gian ngắn là Apexian (mật danh Tháng Năm) mà dưới sự phụ trách của họ có Xemenov, Feklixov, Iatsov. Nhân thể, Kvaxnikov xuất hiện trên truyền hình Mỹ năm 1990 thừa nhận rằng vợ chồng Rozenberg, khi giúp tình báo chúng ta thu nhận thông tin về hàng không, hoá chất và kỹ thuật điện đài, đã không có liên quan gì cả đến những tài liệu nghiêm túc về bom nguyên tử.

Mùa hè 1945 con rể của Rozenberg, thượng sĩ quân đội Mỹ Gringlas (Kalibr) vốn làm việc tại các xưởng ở Los Alamos, ngay trước khi thử bom nguyên tử đã chuẩn bị cho chúng ta một thông báo ngắn về các trạm kiểm soát ra vào. Người đưa tin có thể đến gặp anh ta, vì thế Kvaxnikov từ sự phê chuẩn của Trung tâm đã chỉ thị cho điệp viên Gold (Raimon) sau khi gặp Fuchs theo kế hoạch ở Santa Fé, đi đến Albuquerque và lấy thông báo chỗ anh ta. Trung tâm bằng chỉ thị đã vi phạm nguyên tắc cốt tử của tình báo - không cho phép điệp viên hay người đưa tin của một nhóm tình báo nhận tiếp xúc và đến với mạng lưới tình báo khác không liên quan với anh ta. Thông tin của Gringlas về vấn đề nguyên tử là tối thiểu, không đáng kể, vì lý do đó tình báo chúng ta không nối lại tiếp xúc với anh ta sau lần gặp ấy với Gold. Khi Gold bị bắt năm 1950, ông ta chỉ ra Gringlas, còn anh ta lại khai ra Rozenberg. Đóng vai trò định mệnh trong trong số phận vợ chồng Rozenberg là sự chỉ thị của nhóm trưởng tình báo MGB tại Washington Paniuskin và trưởng phòng tình báo khoa học - kỹ thuật Raina giao cho cán bộ tác chiến Kamenov nối lại liên lạc với Gold năm 1948 khi ông ta đã ở trong tầm ngắm của FBI. Vào thời ấy Barkovxky làm việc trong mạng điệp viên khoa học - kỹ thuật ở Mỹ.

Lần đầu tiên tôi biết về việc bắt giữ vợ chồng Rozenberg từ thông báo của TASS và hoàn toàn không lo lắng về nó. Ai đó có thể cảm thấy kỳ quặc, nhưng cần lưu ý rằng, khi chịu trách nhiệm về hành động của mấy nghìn chiến sĩ phá hoại và điệp viên trong hậu phương Đức và về hàng trăm nguồn thông tin ở Mỹ, kể cả những chiến dịch của điệp viên ngầm, tôi không cảm thấy sự bất an. Vào thời là trưởng Cục "X", một cách vô điều kiện, tôi biết các nguồn thông tin chủ yếu và không thể nhớ nổi là trong số họ, chỉ ít theo tài liệu tình

báo về bom nguyên tử, vợ chồng Rozenberg lại được ghi nhận như nguồn quan trọng. Lúc ấy chỉ thoáng trong đầu tôi rằng Rozenberg có thể là có liên quan với việc tiến hành các chiến dịch tình báo của ta, nhưng trong bất cứ trường hợp nào cũng không có vai trò độc lập gì cả. Tóm lại sự bắt giữ họ tôi không cho là sự kiện đáng chú trọng đặc biệt.

Qua đi một năm, và cuối mùa hè năm tiếp theo tôi đã vô cùng sửng sốt khi trung tướng Xavtsenko, lúc ấy là phó tổng cục trưởng tình báo MGB, đến văn phòng tôi và thông báo rằng Ignatiev vừa được bổ nhiệm bộ trưởng An ninh quốc gia ra lệnh báo với ông ấy tất cả các tài liệu về những thất bại của các chiến dịch tình báo ở Mỹ và Anh liên quan với vụ Rozenberg. Ông ta cũng nói rằng trong BCHTU' cũng thành lập một Ủy ban đặc biệt về xem xét các hậu quả có khả năng nhân việc bắt giữ Gold, Gringlas và vợ chồng Rozenberg. Theo tôi hiểu, vấn đề nói đến các vi phạm nguyên tắc làm việc tình báo- tác chiến bởi các cán bộ cơ quan an ninh quốc gia.

Xavtsenko tôi biết từ những năm 20 khi ông đứng đầu phòng tác chiến ban tham mưu bộ đội biên phòng trên biên giới với Rumania. Năm 1946 ông trở thành bộ trưởng an ninh Ucraina, còn muộn hơn, năm 1948, nhờ sự nâng đỡ của Khrusev, chuyển sang công tác ở Ủy ban thông tin, sau đó trở thành phó phụ trách Tổng cục tình báo MGB. Vào cuối những năm 40 - đầu những năm 50 ông trực tiếp phê chuẩn việc tiến hành những chiến dịch chủ yếu ở Mỹ và Anh. Thế nhưng Xavtsenko nói với tôi rằng ông không thể tin chắc vào kết luận của bộ máy của ông về vụ Rozenberg, bởi sự cộng tác của họ với chúng ta bắt đầu trước chiến tranh và tiếp tục trong giai đoạn chiến tranh. Đến thời gian ấy các trưởng nhóm của ta ở Mỹ và Mexico - Gorxky và Vaxilevsky nổi danh ở các nước đó dưới tên Gromov và Taraxov, đã bị sa thải khỏi cơ quan tình báo. Số phận giống thế đối với cả vợ chồng Zarubin, vốn biết rõ mạng điệp viên ta ở Mỹ vào giữa những năm 40. Kheifets đến lúc này đã ngồi trong tù 2 năm như kẻ tham gia "âm mưu Do Thái". Vì thế Xavtsenko không thể hỏi họ về các tài liệu tác chiến lưu trữ để làm báo cáo cho BCHTU'. Những nhân chứng quan trọng nhất Ovakimian và Zarubin đứng đồng hướng Mỹ trong những năm chiến tranh, không che giấu thái độ không tôn trọng của mình đối với Xavtsenko vì sự thiếu kinh nghiệm trong công tác tình báo và gọi ông ta công khai là "đồ chó đẻ". Họ từ chối nói chuyện với ông, tuyên bố rằng sẽ chỉ cho các giải thích ở BCHTU'. Iatskov, Xokolov và Xemenov, có liên quan đến các việc này, lúc ấy đang ở nước ngoài, nhưng Xavtsenko không muốn dựa vào các giải thích của họ hay vào các kết luận của Kvaxnilov đang phụ trách tình báo khoa học - kỹ thuật, như vào những nhân vật có mối quan tâm.

Xavtsenko và tôi bị gọi vào BCHTU' đăng với một câu hỏi duy nhất: ai chịu trách nhiệm cho bức điện báo tai hại cho phép cuộc gặp không thể cứu chữa của Gold với Gringlas ở Albuquerque?

Xavtsenko và các cán bộ tình báo hướng Mỹ của cơ quan an ninh đã chuẩn bị tường trình về kết quả công tác của Ủy ban lên BCHTU'. Theo tôi nhớ nó khẳng định rằng các thất bại là hậu quả những sai lầm Xemenov gây ra do chỉ đạo Gold. Trong tường trình cũng nói rằng cuộc gặp gỡ bí mật của Gringlas với Gold được sự cho phép của Trung tâm. Trong tường trình nói rằng Ovakimian, trưởng phòng hướng Mỹ những năm 40, bị sa thải khỏi cơ quan an ninh quốc gia. Những công lao khổng lồ của ông tất nhiên không có lấy một lời.

Tôi kiên quyết phản đối những kết luận này, bởi Xemenov và Ovakimian trong những việc cụ thể đã chứng tỏ là những cán bộ tác chiến lành nghề. Thực tế cuối những năm 30 chính họ đã tạo lập một mạng lưới khá đáng kể những nguồn điệp báo thông tin khoa học - kỹ thuật ở Mỹ. Thế nhưng cả ở BCHTU lẫn ở Cục cán bộ người ta đã bỏ qua những suy tính của tôi, họ bị quy tội vì sự thất bại, và họ bị sa thải khỏi cơ quan tình báo do làn sóng chống Do Thái, bởi Xemenov là người Do Thái. Tôi nhớ chúng tôi đã gom góp tiền để giúp Xemenov cho đến khi ông tự thu xếp công việc tư vấn và phiên dịch ở Viện thông tin khoa học - kỹ thuật thuộc Viện hàn lâm.

Năm sau, scandal này lại bất ngờ tiếp diễn. Tôi lại bị gọi lên BCHTU gặp Kixelev, trợ lý của Malenkov. Hoàn toàn bất ngờ khi tôi gặp Xavtsenko chỗ ông ta. Kixelev là người nguyên tắc và thô lỗ. Từ miệng ông ta tôi nghe thấy những lời buộc tội quen thuộc của những năm 1938-1939: BCHTU vạch trần những mưu đồ của một số cán bộ tác chiến riêng biệt và một loạt cán bộ lãnh đạo MGB lừa dối Đảng, khi làm giảm nhẹ vai trò gia đình Rozenberg trong công tác tình báo. Trong một lá thư nặc danh của một cán bộ MGB chuyển về BCHTU, Kixelev nói, ghi nhận vai trò đáng kể của vợ chồng Rozenberg trong việc khai thác thông tin về vấn đề nguyên tử. Để kết luận Kixelev nhấn mạnh rằng Ban kiểm tra TU Đảng sẽ xem xét những tín hiệu này về những ý đồ đưa BCHTU đến chỗ làm lạc về thực chất vụ Rozenberg.

Xavtsenko và tôi đồng thanh phản đối Kixelev một cách kiên quyết, tuyên bố rằng các chiến dịch tình báo của ta ở Mỹ về vấn đề nguyên tử thực tế đã ngừng vào năm 1946 và chúng ta buộc phải dựa vào các nguồn ở Anh. Chúng tôi viện dẫn những chỉ thị của Beria nhận được năm 1946 giữ các nguồn thông tin để thực hiện chiến dịch chính trị có lợi đối với chúng ta về tuyên truyền giải trừ vũ khí nguyên tử trong giới khoa học và trí thức các nước phương Tây.

Kixelev buộc tội chúng tôi là thiếu chân thực và có những mưu đồ hạ thấp ý nghĩa của những tiếp xúc của tình báo ta với vợ chồng Rozenberg. Tôi trả lời ông ta rằng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về công tác thâm nhập mạng điệp viên của ta vào các cơ sở nguyên tử của Mỹ những năm 1944-1946. Trong khi đó tôi nhấn mạnh rằng, dĩ nhiên, giá trị của sự thâm nhập điệp viên và các tiếp cận tới những đối tượng chúng ta quan tâm bị biến tướng đột ngột phụ thuộc vào địa vị công tác của các nguồn thông tin. Vợ chồng Rozenberg chỉ là một mắt xích không đáng kể của hoạt động bề ngoài của ta tại các cơ sở nguyên tử Mỹ. Các tài liệu của vợ chồng Rozenberg và con rể họ Gringlas không thể được xếp vào phạm trù thông tin quan trọng. Vợ chồng Rozenberg vốn ấu trĩ, nhưng đồng thời trung thành với chúng ta bởi do tín niệm cộng sản của mình, nhưng hoạt động của họ không có ý nghĩa nguyên tắc trong việc nhận các bí mật nguyên tử Mỹ.

Kixelev bằng giọng quan cách tuyên bố rằng sẽ báo rõ với BCHTU và cá nhân Malenkov các lý giải của chúng tôi, và Ban kiểm tra Đảng sẽ xác lập ai chịu trách nhiệm về sự thất bại của các chiến dịch tình báo ở Mỹ.

Vợ chồng Rozenberg xử sự anh hùng trong tiến trình điều tra và tại tòa án. Theo lý do đó các cấp lãnh đạo đã ngừng sự kiểm tìm vật tế thần.

Nhìn lại các sự kiện, thấy rõ ngay rằng vụ vợ chồng Rozenberg ngay từ đầu đã thăm

đắm màu sắc chính trị mà nó đã che mờ tính không đáng kể thông tin khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực vũ khí nguyên tử. Họ đã cho thông tin về hoá chất và định vị sóng. Quan trọng hơn nhiều đối với chính quyền Mỹ và lãnh đạo Xô viết hoá ra là thế giới quan cộng sản và lý tưởng của họ vốn cần thiết cho Liên Xô vào giai đoạn căng thẳng chiến tranh lạnh và cơn cuồng khích chống chủ nghĩa cộng sản. Vào những điều kiện cực kỳ khó khăn họ đã khẳng định là những người bạn bè cứng rắn của Liên Xô.

Sự bắt giữ vợ chồng Rozenberg lập tức ngay sau thú nhận của Gringlas, theo ý tôi, chỉ ra rằng FBI hành động cũng y như NKVD, tuân thủ các thiết chế và chỉ dẫn chính trị, thay vào chỗ phải tiếp cận công việc một cách chuyên nghiệp. FBI coi thường việc làm rõ tất cả những nhân vật liên quan với vợ chồng Rozenberg. Điều đó hẳn đòi hỏi không chỉ theo dõi vòng ngoài, mà cả nghiên cứu mạng điệp báo của Rozenberg nhằm biết rõ cán bộ tác chiến hay điệp viên mà họ có mối liên lạc. Chỉ có thế mới có thể xác định mức độ sự tham gia của họ trong các chiến dịch của tình báo Xô viết. Sự hấp tấp của FBI đã ngăn cản phản gián Mỹ lần tới Fiser (đại tá Abel), điệp viên Xô viết cắm sâu ở Mỹ năm 1948 và mãi năm 1957 mới bị bắt. Ảnh với mật danh Elen Sobell, vợ của Morton Sobell, thành viên nhóm Rozenberg, bị các nhân viên FBI phát hiện chỉ khi bắt Fiser.

Khi tôi đọc những đoạn trích từ cuốn sách của Lamfer và Sahtman về hành động FBI vào những năm 50 chống lại mạng điệp viên Xô viết, tôi đã kinh ngạc là cả FBI và NKVD đều sử dụng vẫn chỉ một loại phương pháp khi điều tra vụ án. Thực tế toàn bộ vụ án Rozenberg được xây dựng chỉ dựa vào những thú nhận của người bị buộc tội. Tôi đặc biệt sửng sốt với các luận cứ của người bảo vệ vợ chồng Rozenberg, rằng FBI đã ép và chỉ dẫn Gold và Gringlas đối với các lời khai của họ tại tòa án. Tất nhiên hành động của FBI là hoàn toàn logic, bởi nó không xử lý nổi với nhiệm vụ chủ yếu của nó: làm rõ vai trò đích thực của vợ chồng Rozenberg trong khai thác và chuyển thông tin mật cho Liên Xô.

Vợ chồng Rozenberg trở thành nạn nhân của chiến tranh lạnh. Người Mỹ và chúng ta cố moi được tối đa lợi ích chính trị từ phiên tòa. Rất đáng kể là vào giai đoạn cao trào chủ nghĩa bài Do Thái ở ta và những tổ giác cái gọi là “âm mưu Do Thái” tuyên truyền của ta đã gán cho chính quyền Mỹ việc tiến hành chiến dịch bài Do Thái và săn đuổi những người Do Thái.

Tôi có cảm giác rằng ở Mỹ phiên tòa về Rozenberg đã đẩy lên sự mạnh mẽ tinh thần bài Do thái. Chúng ta đã lợi dụng điều đó; nhanh chóng dịch ra tiếng Nga những vở kịch và tiểu phẩm của nhà văn Mỹ, thời ấy là đảng viên cộng sản, Howard Fast về chủ nghĩa bài Do Thái ở Mỹ. Vụ án Rozenberg biến thành một trong những yếu tố tuyên truyền mạnh mẽ của ở ta và Ủy ban hòa bình thế giới được thành lập với sự cổ vũ tích cực của chúng ta vào cuối những năm 40.

Theo tôi nhớ, ở Mỹ vào những năm 40 thành công của bốn mạng điệp báo: tại Francisco nơi có lãnh sự quán; ở Washington nơi có sứ quán; ở New York - cơ sở đại diện thương mại “Amtorg” và lãnh sự quán; và cuối cùng, ở Washington được lãnh đạo bởi nhóm trưởng Akhmerov. Ông lãnh đạo hoạt động của Golox, một trong những người, tổ chức chủ yếu công tác tình báo gắn bó chặt chẽ với ĐCS những năm 30. Bổ sung vào đó còn nhóm điệp viên hoạt động độc lập ở Mexico được sự chỉ đạo của Vaxilevsky.

Tôi nhớ rằng sự chạy trốn sang Canada năm 1945 của Guzenko - nhân viên mật mã từ bộ máy tùy viên quân sự - có những hậu quả kéo dài. Guzenko thông báo với các cơ quan phản gián Mỹ và Canada các cứ liệu cho phép họ lần tới mạng điệp viên chúng ta đã hoạt động tích cực tại Mỹ vào những năm chiến tranh. Hơn thế, y còn trao cho họ danh mục biệt danh của các nhà bác học hạt nhân Mỹ và Canada mà chúng ta đã tích cực tìm hiểu. Các nhà bác học này không phải là điệp viên, nhưng là những nguồn thông tin quan trọng về bom nguyên tử.

Những tin tức nhận từ Guzenko, cũng như những thú nhận của điệp viên tình báo quân đội Bentli bị FBI chiêu dụng, cho phép phản gián Mỹ chui vào mạng điệp viên chúng ta. Thế nhưng bất cứ thông tin nào Guzenko báo cho FBI, đều đòi hỏi sự kiểm tra kỹ lưỡng, mà điều đó cần hàng năm trời làm lụng cật lực. Khi phản gián Mỹ đã tiếp cận các nguồn thông tin, chúng ta đã nhận được tin tức quan trọng nhất về bom nguyên tử và đã phong tỏa liên lạc với mạng điệp viên. FBI khẳng định rằng Guzenko đã giúp giải mã các bức điện đặc biệt, và điều đó giúp khám phá ra các điệp viên Gold, Nana và Fuchs. Thế nhưng tôi không cho việc giải mã các bức điện đóng vai trò quyết định trong sự phát giác các chiến dịch tình báo của ta. Từ năm 1941 điệp viên Sults-Boizen (Xtarsina) từ Berlin báo về chúng tôi rằng bọn Đức đã chiếm được một cuốn sách chỉ dẫn của ta ở Petsamo, Na Uy. Tất nhiên chúng tôi đã thay các mã khoá của mình. Tôi nhớ rằng năm 1944 trong phạm vi cộng tác giữa Stalin và Tito nảy sinh vấn đề về huấn luyện kỹ thuật giải mã cho các cán Bộ An ninh Nam Tư gửi sang ta. Lúc ấy Ovakimian, phó Tổng cục tình báo NKVD, phụ trách địa bàn Mỹ đã kiên quyết phản đối việc huấn luyện những người Nam Tư. Tôi còn nhớ ông đã nói: “Chúng ta đã thay đổi các khoá mã sau thất bại của các nhóm ở Đức. Cần gì phải chia sẻ kinh nghiệm với các phái viên của Tito, chúng ta có đủ cơ sở nghi ngờ trò chơi hai mặt của họ - trong sự cộng tác với tình báo Anh”. Sự phản đối của Ovakimian được tiếp nhận.

Còn từ 1944 khi Zarubin từ Mỹ trở về, Ovakimian đã e ngại rằng FBI đã cài được các điệp viên của nó vào các nhóm điệp viên ta. Khi Zarubin giải thích các lời buộc tội được đưa ra chống lại ông, nhưng dù sao để phòng ngừa, chúng tôi lại thay khoá mã số. Vì thế tôi không nghĩ rằng FBI phát giác ra mạng điệp viên của ta trên cơ sở mật mã chiếm được ở Petsamo.

Người Mỹ và người Anh đã giải mã được ghi chép của các chỉ huy mạng điệp viên ở Washington, San Francisco, New York, London, Mexico, Stockholm, Stambul, Xophia, Kanberre với Moskva.

Chúng ta đã giảm nhẹ cho phía Mỹ công việc này khi chuyển văn bản đầy đủ của các bức điện nhận được theo tuyến NKVD cho Quốc tế cộng sản.

Do theo dõi thường xuyên sóng điện đài chúng ta, các cơ quan đặc biệt Mỹ từ năm 1940, đã xác lập thông tin do báo chí đưa; hơn 200 điệp viên Xô viết tham gia vào thu thập tài liệu về bom nguyên tử và các tài liệu mật của các cơ quan chính phủ Mỹ trong đó có cả cơ quan đặc biệt. Nhưng một loạt mật danh chủ chốt vẫn không bị phát giác.

Tháng 5-1995 FBI gạt bỏ giả thuyết của tôi về việc tình báo chúng ta nhận cứ liệu về bom nguyên tử. FBI ghi nhận rằng Fermi, Oppengeimer, Stsilard và Bor, không phải là gián điệp. Nhưng tôi cũng đâu khẳng định điều đó.

Tháng 9-1992 ở quân y viện KGB tôi gặp đại tá về hưu, cựu binh tình báo Iatskov mà Gold giữ liên lạc những năm 1945-1946. Chúng tôi nhớ lại toàn bộ câu chuyện này được kể trong cuốn sách của Lamfer, về sự bắt được bức điện báo từ lãnh sự quán ta ở New York gửi Moskva, kiểu như đó là cơ sở để phản gián Mỹ tìm ra Fuchs, trong đó - có bức điện đã giải mã của lãnh sự quán ta gửi Trung tâm về cuộc gặp của Gold và Fuchs vào tháng 1-1945 trong nhà chị gái của Fuchs là Kristel. Như Feklixov viết trong cuốn sách của mình, như chứng cứ chống lại Fuchs là bản đồ Santa Fé ở bang New Mexico không xa Los Alamos nơi được đánh dấu chỗ gặp của Gold và Fuchs. Được khẳng định rằng trên bản đồ phát hiện khi lục soát nhà Gold, có dấu vân tay của Fuchs.

Đối với tôi, một nhà tình báo, những hoàn cảnh không cho phép FBI chui được vào mạng điệp viên của ta là hoàn toàn dễ hiểu. FBI không đủ thời gian trong một năm rưỡi tổ chức kiểm soát và nắm được hết một số lượng chuyên gia từ nhiều nước đến Mỹ tham gia chương trình nguyên tử. Ở Liên Xô phản gián của ta có những khả năng lớn hơn nhiều để kiểm tra những người được lôi cuốn vào chương trình nguyên tử. Nó dựa trên hệ thống của những tài liệu tác chiến.

Dù chúng ta đã len vào được giới thân cận của Oppenheimer, Fermi và Stetson thông qua Fuchs, Pontekorvo và những người khác, chúng ta không bao giờ ngừng những nỗ lực của mình để nhận các tài liệu từ phòng thí nghiệm Berkeley, bởi các soạn thảo của nó gắn chặt với các nghiên cứu ở Los Alamos. FBI nắm được mối quan tâm của chúng ta, nhưng nó đánh giá quá sự quan tâm đó và tập trung vào chống đối lại trong khi đó hướng này chỉ đóng vai trò phụ thuộc.

Thông tin cực kỳ quý giá về bom nguyên tử chúng ta nhận vào giai đoạn cuối, ngay trước vụ nổ thử đầu tiên. Vào giai đoạn khi phản gián Mỹ tăng cường hơn công việc của nó, chúng ta đã cắt mọi tiếp xúc với những điệp viên có liên hệ với ĐCS và những tổ chức "cánh tả" khác, được cài vào đề án. Kết quả là không ai trong số cộng tác với chúng ta bị bắt quả tang và trực tiếp tại thời điểm chuyển thông tin.

Để kết luận tôi muốn nói: tình báo Xô viết là người có sáng kiến triển khai các hoạt động quy mô rộng về chế tạo vũ khí nguyên tử ở Liên Xô và giúp đỡ thiết thực cho các bác học chúng ta trong sự nghiệp này. Thế nhưng vũ khí nguyên tử được chế tạo bởi những nỗ lực khổng lồ của các nhà bác học nguyên tử và các cán bộ ngành công nghiệp.

CHƯƠNG 8

CHIẾN TRANH LẠNH

1. Đường tới Yalta và bắt đầu đối kháng hòa bình

Vẫn được xem rằng chiến tranh lạnh đã bắt đầu từ phát biểu nổi tiếng của Winston Churchill ngày 6-3-1946, khi lần đầu tiên ông ta nhắc về sự tồn tại các “bức màn sắt”. Thế nhưng đối với chúng ta sự đối đầu với các đồng minh phương Tây đã bắt đầu ngay lập tức khi Hồng quân bước lên lãnh thổ Đông Âu. Đụng độ các quyền lợi là tất yếu. Nguyên tắc tiến hành bầu cử nhiều đảng tại các miền đất được giải phóng và sự thành lập những chính phủ liên hiệp (với định hướng phương Tây) như tổng thống Roosevelt đề nghị ở Yalta, có thể là chấp nhận được đối với chúng ta chỉ ở giai đoạn giao thời sau thất bại của nước Đức Hitler. Tôi nhớ nhận xét của ngoại trưởng Molotov và Beria: các chính phủ liên hiệp ở Đông Âu không kéo dài được. Muộn hơn, năm 1947 tại cuộc họp của Ủy ban thông tấn đứng đầu bởi Molotov, những lời này có thêm ý nghĩa mới. Tôi nhấn mạnh rằng từ 1947 đến 1951 Ủy ban là cơ quan tình báo chủ chốt nhận hầu như tất cả thông tin từ nước ngoài về những vấn đề quân sự và chính trị.

Hiệp ước Yalta nơi chính thức ghi nhận sự phân chia thế giới sau chiến tranh giữa Mỹ, Anh và Liên Xô, thực trở trêu, lại được định sẵn bởi Hiệp định Molotov - Ribbentrop. Trong hiệp định năm 1939 này như bây giờ người ta nói, không có những nguyên tắc nhân đạo cao cả, nhưng lần đầu tiên nó thừa nhận Liên Xô là một cường quốc vĩ đại. Sau Yalta nước Nga trở thành một trong những trung tâm chính trị thế giới mà tương lai nhân loại và số phận thế giới phụ thuộc vào đó.

Ngày nay nhiều nhà phân tích chỉ ra sự gần gũi của Stalin và Hitler trong việc phân chia thế giới, người ta phê phán tàn nhẫn Stalin vì rằng ông đã phản bội các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức khi ký hiệp định với Hitler. Trong khi đó đã bỏ qua rằng ông ký những thoả ước và biên bản ngầm về sự phân chia châu Âu, việc trao cho Liên Xô những kẻ di tản tìm chỗ ẩn thân ở phương Tây tránh chế độ Xô viết, với Roosevelt, Churchill và Truman (Yalta, Potsdam).

Những nguyên tắc tư tưởng hệ còn xa mới có ý nghĩa quyết định đối với những phi vụ bí mật giữa các siêu cường quốc. Tháng 12-1941 trong văn phòng Beria gặp đại sứ ta ở Mỹ Umanxky vừa trở về từ Washington sau vụ tấn công Trân Châu cảng của Nhật Bản. Ông kể với tôi rằng Harry Hopkins bạn thân của Roosevelt và phái viên về những vấn đề đặc biệt, nhân danh tổng thống giải tán Quốc tế cộng sản và hoà hợp với nhà thờ chính giáo Nga. Theo lời ông ta, điều đó là cần thiết để cởi bỏ chướng ngại từ phía phe đối lập trong trợ giúp kinh tế và bảo đảm hợp tác chính trị với Mỹ trong những năm chiến tranh. Những giới thiệu không chính thức này được Stalin tiếp nhận từ năm 1943 và đã tạo ra những tiền đề bổ sung thuận lợi cho cuộc gặp gỡ tại Teheran, còn sau đó là ở Yalta. Điều đó cho người Mỹ thấy rằng với Stalin có thể thỏa thuận được về những vấn đề tế nhị nhất với sự lưu ý các quyền lợi của ông.

Nhân thể nói thêm, cả chúng ta lẫn người Mỹ đều gan lì không công bố tất cả những ghi chép các cuộc trò chuyện của Hopkins với các nhà lãnh đạo Liên Xô. Nguyên do là đơn giản

- những bàn bạc tin cậy các vấn đề tế nhị đang lật đổ nhiều khái niệm truyền thống và chứng nhận về việc sự câu kết của phương Tây với Stalin về sự phân chia lĩnh vực ảnh hưởng trên thế giới sau chiến tranh là hoàn toàn hiện thực. Các nước phương Tây chịu lép vế với sự tồn tại chủ nghĩa cộng sản trong nền chính trị thế giới, và hơn nữa, họ không cho chế độ cộng sản là sự cản trở trong việc đạt tới thỏa thuận về các vấn đề cơ cấu thế giới thời hậu chiến.

Cuối năm 1944 khi chuẩn bị cho hội nghị Yalta (khai mạc vào tháng 2-1945), chúng tôi đã tiến hành cuộc họp các lãnh đạo NKVD-NKGB Bộ Quốc phòng và Bộ Hải quân do Molotov chủ trì. Mục đích cuộc họp này là làm rõ, nước Đức có thể tiếp tục chiến tranh hay không, và phân tích thông tin về những lĩnh vực có thể của những thỏa thuận với các đồng minh Mỹ và Anh về tổ chức thế giới sau chiến tranh.

Sau cuộc họp này Beria cử tôi làm lãnh đạo nhóm đặc biệt chuẩn bị và kiểm tra tài liệu cho hội nghị Yalta. Tôi phải thường xuyên thông tin cho Stalin và Molotov. Beria đi Yalta, nhưng không tham gia hội nghị. Để chuẩn bị cho cuộc gặp ở Krum, chúng tôi thu thập số liệu về các nhà lãnh đạo các nước liên minh, dựng chân dung tâm lý để phái đoàn ta biết trong đàm thoại có thể đụng độ với cái gì. Chúng tôi rõ ràng người Mỹ cũng như người Anh không có đường lối rõ ràng liên quan đến tương lai của các nước Đông Âu. Ở các đồng minh không tồn tại sự thỏa thuận trong vấn đề này, cũng không có chương trình chuyên biệt. Tất cả những gì họ muốn, đó là đưa các chính phủ Ba Lan và Tiệp Khắc đang lưu vong tại Anh trở về nắm chính quyền.

Các tư liệu của tình báo quân đội và của chính chúng tôi chỉ ra rằng người Mỹ cởi mở cho thỏa hiệp, vậy thì tính mềm dẻo có thể bảo đảm phân chia các lãnh vực ảnh hưởng ở châu Âu sau chiến tranh và ở Viễn Đông là chấp nhận được. Chúng ta đồng tình rằng chính phủ Ba Lan lưu vong phải nhận được một số chức vụ quan trọng trong chính phủ liên hiệp mới. Các đòi hỏi của Roosevelt và Churchill đưa ra ở Yalta, chúng tôi cảm thấy là cực kỳ ấu trĩ: từ quan điểm của chúng ta, thành phần chính phủ Ba Lan sau chiến tranh sẽ do các thành phần được sự ủng hộ từ phía Hồng quân.

Vào giai đoạn trước hội nghị Yalta, Hồng quân tiến hành các hoạt động chiến đấu tích cực chống bọn Đức và có thể giải phóng phần lớn lãnh thổ Ba Lan. Tiên đoán bước ngoặt thuận lợi cho chúng ta trong tất cả các nước Đông Âu là chẳng khó khăn gì - đặc biệt ở nơi nào ĐCS có vai trò tích cực trong các Ủy ban cứu quốc trên thực tế là cựu chính phủ lâm thời nằm dưới ảnh hưởng và chịu kiểm soát một phần của chúng ta.

Chúng ta có thể thể hiện sự mềm dẻo và đồng tình đối với việc tiến hành những cuộc bầu cử dân chủ, bởi các chính phủ lưu vong không cách gì chống đối nổi ảnh hưởng của chúng ta. Thí dụ, Benes chạy khỏi Tiệp Khắc sang Anh bằng tiền của NKVD. Muộn hơn Lidovich Xvoboda trở thành tổng thống Tiệp Khắc luôn luôn định hướng về Liên Xô. Lãnh đạo tình báo Tiệp, đại tá Moravets, về sau là tướng, từ 1935 đã cộng tác, đầu tiên với tình báo quân đội, sau với NKVD, điều không ngăn cản ông ta giữ tín niệm chống Liên Xô, đã tiếp xúc chặt chẽ với Tsitsaev nhóm trưởng của ta ở London. Nhà vua Rumani trẻ tuổi Mikhai cần sự nâng đỡ của những nhóm cầm đầu của chúng ta có liên hệ với sự lãnh đạo của ĐCS Rumani để bắt giữ tướng Antonescu, cắt đứt liên minh với Hitler và gia nhập liên minh chống Hitler. Tình hình ở Bungari cũng hoàn toàn thuận lợi, xét đến sự có mặt và ảnh

hưởng của George Dimitrov huyền thoại, cựu chủ tịch Quốc tế cộng sản. Trong thời gian tiến hành hội nghị Yalta chúng ta đã chuẩn bị bí mật chuyển quặng uran khai thác ở núi Rodosk Bungari.

2. Sứ mệnh của Harriman

Năm 1945 tôi gặp Harriman, đại sứ Mỹ ở Liên Xô. Buổi gặp gỡ đầu tiên là ở Bộ Ngoại giao: tôi được giới thiệu là Pavel Matveev, cán bộ ban thư ký của Molotov, chịu trách nhiệm về chuẩn bị kỹ thuật của hội nghị Yalta. Sau buổi gặp chính thức đầu tiên tôi mời Harriman ăn trưa tại Aragvi lúc ấy nổi tiếng với những món ăn Gruzia. Harriman có vẻ khoan khoái. Tôi đưa theo công tước Radzivil như phiên dịch của mình được giới thiệu với Harriman với tư cách nhà ái quốc Ba Lan đang sống lưu vong ở Moskva (trong khi đó ông là điệp viên trực thuộc Beria). Đối với Harriman và Radzivil đó là cuộc gặp gỡ của những người quen cũ. Harriman làm chủ một nhà máy hóa chất, nhà máy sứ, hai mỏ than và kẽm ở Ba Lan. Quan trọng hơn nữa là Radzivil và Harriman đồng sở hữu liên hợp than đá - thép nơi cần đến 40 nghìn công nhân. Ở tổ quốc mình Radzivil là một nhân vật chính trị khá nổi bật, vốn là nghị sĩ và chủ tịch Ủy ban hiến pháp về ngoại giao. Năm 1930 ông giúp Harriman mua được cổ phần một số xí nghiệp Ba Lan trong điều kiện cạnh tranh khá quyết liệt từ phía các doanh nhân Pháp và Bỉ.

Vào những năm 30 Beria đã chiêu mộ Radzivil và chuyển trở lại Đức. Cuối năm 1944 hay đầu 1945 tôi được thông báo: Radzivil bị bắt giữ và chuyển về Moskva; Beria ra lệnh sử dụng ông ta vào các tiếp xúc thăm dò với người Mỹ ngay trước hội nghị Yalta. Vào thời gian ấy quan hệ của chúng ta với Ba Lan đang căng thẳng. Ủy ban thân cộng sản ở Lublin tuyên bố mình là chính phủ của đất nước để đối chọi với chính phủ Ba Lan lưu vong ở London. Chúng ta dự định lợi dụng Radzivil để trấn an những người Ba Lan thân Anh. Các chính quyền Mỹ và Anh trong khi đó như chúng tôi rõ, bắt đầu điều tra chỗ cư trú của bí mật Radzivil.

Sự kiểm tra thông thường các quan hệ của ông ta trước chiến tranh cho chúng tôi thấy: Radzivil có quan hệ làm ăn với Harriman. Biết về điều đó, lập tức Beria ra lệnh về việc chuyển Radzivil từ Lubianka nơi đến lúc ấy ông ta đã kíp ngồi tù gần một tháng, tới căn hộ ở ngoại thành Moskva chịu sự giam giữ tại gia. Beria quyết định dùng Radzivil làm môi giới trong tiếp xúc với Harriman.

Trong bữa trưa tại Aragvi tôi dự định nói về sự chịu đựng của chúng ta liên quan tới các cha cố Gia tô giáo, Thanh giáo và Chính thống, thậm chí cả với những kẻ mà trong chiến tranh đã cộng tác với chính quyền Đức tại các lãnh thổ bị chiếm đóng. Tôi cũng định bàn bạc trong bữa ăn số phận của các linh mục nhà thờ Chính thống Nga và đoạn chắc với Harriman rằng chính phủ Xô viết không truy nã các chức sắc Chính giáo.

Khi tôi nói về điều này, Harriman nhận xét rằng cuộc bầu cử Giáo chủ mới đây đã gây ấn tượng thuận lợi cho dư luận Mỹ. Chúng tôi chẳng bàn thêm được những vấn đề nào khác nữa bởi vì Harriman cảm thấy Radzivil nói chung không phải là một phiên dịch chính thức và đã bàn với ông ta mọi viễn cảnh kinh doanh có thể liên quan đến sự thành lập những xí nghiệp hợp tác ở Liên Xô sau chiến tranh. Theo lời Harriman, chiến bại của Đức có thể một

cách logic dẫn tới việc hợp tác kinh tế Xô - Mỹ trở thành hiện thực. Chúng ta cần sự giúp đỡ kinh tế, vì thế chúng ta cho phép tư bản Mỹ vào để nâng lên nền kinh tế quốc dân bị chiến tranh hủy hoại. Harriman tính rằng phía Mỹ có thể kiếm lợi rất nhiều khi tham gia vào phục hồi nền kinh tế của chúng ta.

Tôi nói với đại sứ Mỹ rằng chúng ta cảm ơn vì thông tin được chuyển cho chúng ta qua kênh ngoại giao về các tiếp xúc của những điệp viên Mỹ với những nhân vật được uỷ nhiệm đặc quyền của Gerdeler và của tướng Beck ở Thụy Sĩ. Người Mỹ công khai thông báo cho chúng ta những kế hoạch đưa nước Đức ra khỏi cuộc chiến. Tôi nhắc về việc chúng ta đã thông tin cho Văn phòng quốc gia Mỹ những tiếp xúc bí mật của chúng ta với người Phần Lan với mục đích ký kết hiệp ước hòa bình mà trong đó đóng vai trò trung gian là gia đình Vallenberg.

Cuối cùng tôi hỏi Harriman, người Mỹ chờ đợi gì từ hội nghị Yalta. Mục đích của tôi trong khi đó quy lại là để sớm chuẩn bị lập trường về những vấn đề tế nhị nhất mà người Mỹ sẽ đụng chạm đến. Thí dụ, tương lai của Ba Lan, các biên giới sau chiến tranh ở châu Âu hay số phận Nam Tư, Hy Lạp và Áo. Thế nhưng Harriman chưa sẵn sàng tới một cuộc trò chuyện tương tự. Tôi hiểu rằng ông cần chỉ dẫn. Ông quan tâm hơn việc Radziviil định ở lại Moskva bao lâu. Tôi cam đoan rằng Radziviil có thể tự do đi London, nhưng lại thích đi thẳng về Ba Lan hơn ngay khi đất nước thoát khỏi bọn Đức.

Harriman bất ngờ đặt câu hỏi về sự lôi kéo tư bản Do Thái để khôi phục nền kinh tế của chúng ta bị chiến tranh hủy hoại. Nói riêng, ông cho biết các giới kinh doanh Mỹ ủng hộ ý tưởng sử dụng tư bản Do Thái để phục sinh tỉnh Gomel ở Beloruxia - nơi sinh sống của phần đông người Do Thái.

Tôi tìm mọi cách cố chuyển câu chuyện sang đề tài khoa học. Và thế, tôi khuyên Harriman chú ý đến các xử sự của con gái ông mà những trò phiêu lưu với đám trẻ ở Moskva có thể gây cho cô ta thiệt hại lớn: trong thành phố đủ loại du côn, điều không có gì lạ nếu tính đến những khó khăn của thời chiến. Những nhận xét của tôi được nói mềm mỏng, thân tình và cố ý nhấn mạnh rằng, tất nhiên chính phủ chúng ta sẽ cố không để có những hành động nào bôi nhọ thanh danh của chính Harriman cũng như gia đình ông. Trong khi đó tôi lưu ý đặc biệt rằng Harriman có được lòng kính trọng của lãnh đạo quốc gia chúng ta. Những ngăn ngừa này không hề là sự đe dọa lẫn ý đồ tống tiền nào đó. Ngược lại, mục đích của chúng ta là cho ông ta thấy không hề có những sự khiêu khích nào đối với ông ta. Cái sự kiện là chúng tôi bàn bạc với ông không chỉ những vấn đề ngoại giao mà còn những vấn đề hoàn toàn riêng tư, thêm nữa vấn đề lại khá tế nhị, chỉ cho thấy độ tin cậy của chúng ta. Nhưng Harriman không hề có phản ứng khi tôi thể hiện mối quan tâm về việc cung cấp vodka và trứng cá đen cho những hội nghị sắp tới ở Krum.

Trò chuyện với Radziviil, Harriman nhấn mạnh rằng Yalta cần phải bật đèn xanh cho những khởi sự kinh doanh tương lai tại Đông Âu thời hậu chiến và ở Liên Xô. Giữ mạch trò chuyện tôi nói rằng ý nghĩa của việc Radziviil bí mật đến Moskva là để loại trừ đủ thứ tin đồn, dường như bạn của Goering sắp xuất hiện ở Thụy Điển hoặc Anh với tư cách người đưa tin của Hitler. Radziviil không những lập tức dịch những lời của tôi mà từ phía mình đã ủng hộ tôi, khẳng định ý định của mình xuất hiện ở châu Âu chỉ sau chiến tranh. Bởi nhẽ

trong cuộc gặp gỡ, như một quan chức cao cấp của chính phủ, tôi nhân danh lãnh đạo đã tặng quà Harriman - một bộ đồ uống trà.

Cuộc trò chuyện của tôi với Harriman ở Aragvi, sau đó tại khách sạn Xô viết được ghi bằng. Sau đó chúng tôi nghe băng ghi, cố tìm trong đó những nét bổ sung để xác lập chân dung tâm lý các thành viên phái đoàn Mỹ tại Hội nghị Yalta. Điều này đối với Stalin còn quan trọng hơn những tin tình báo: khả năng thiết lập các tiếp xúc cá nhân với những người đứng đầu các phái đoàn phương Tây, Roosevelt và Churchill là điều quyết định. Và đích thực, những quan hệ cá nhân của các thủ lĩnh thế giới đóng vai trò khổng lồ khi bàn bạc và tiếp nhận các tài liệu tại hội nghị Yalta.

Tháng 11-1945 khi Stalin nghỉ ở Krum, Harriman vô vọng cố gặp được ông để bàn bạc các kế hoạch hợp tác kinh tế và chính trị. Tôi nghe kể, ông ta đã đến gặp Molotov và thuyết phục ông ấy rằng ông là bạn của chúng ta, trong suốt mấy năm luôn bàn những vấn đề tế nhị với những nhân vật có chức quyền Xô viết và riêng với Stalin. Thế nhưng lần này Molotov hững hờ và quan cách. Điều đó có nghĩa là từ đây Harriman không còn là mối quan tâm đối với phía chúng ta và ông đã bị cấm tiếp cận với cấp cao nhất của chúng ta. Harriman rời Moskva vào cuối tháng 1-1946.

3. Phái viên và đặc phái viên của Roosevelt

Mùa hè 1941 Harry Hopkins, cố vấn của tổng thống Roosevelt đề nghị với đại sứ ta ở Washington Umanxky thiết lập những quan hệ mật. Như Umanxky kể với tôi, ông ta làm theo chỉ thị trực tiếp của tổng thống. Tháng 12-1941 Stalin cử Litvinov tiếp xúc với Hopkins và đã lập tức thiết lập các quan hệ gần gũi với ông ta.

Trước bất cứ chuyến đi thăm chính thức nào danh sách những người tham gia đàm phán nhất thiết phải trao cho NKVD (hay NKGB). Trong trường hợp này danh sách tất cả các thành viên phái đoàn Mỹ tại hội nghị Yalta do tôi nhận. Trong đó có số liệu chi tiết kể cả các mối liên hệ và thái độ đối với đất nước ta.

Một trong những quan chức Mỹ mà chúng ta có quan hệ bí mật, thuộc thành phần đại biểu Mỹ tham dự các thương thuyết Yalta. Người đó là Ellger Hiss, ông ta là người được tin cậy của Hopkins. Trong những cuộc trò chuyện với Umanxky, còn sau đó là với Litvinov Hiss đã hé lộ kế hoạch của Washington. Ngoài ra, ông ta cũng rất gần gũi với một số “nguồn” cộng tác với tình báo quân đội Xô viết và với những điệp viên tích cực của chúng tôi ở Mỹ. Theo những kênh đặc biệt của tình báo quân đội chúng ta biết rằng từ Hiss đến với chúng tôi một thông báo: người Mỹ sẵn sàng đi đến thỏa thuận về châu Âu tương lai.

Trong hồ sơ của chúng tôi về Hopkins chỉ rõ, ông có cảm tình với Liên Xô và là người theo phái hợp tác sau chiến tranh giữa hai chính phủ Xô - Mỹ. Thế nhưng không hề nói rằng Hiss, cán bộ văn phòng nhà nước, là điệp viên của tình báo ta.

Năm 1993 tôi trò chuyện với một đồng nghiệp một thời gian là nhóm trưởng tình báo quân đội ở London và New York. Theo lời ông, Hiss trở thành nguồn thông tin của chúng ta ở Washington vào đầu và giữa những năm 30. Thuộc nhóm ấy mà đứng đầu là nhà kinh tế sinh ở Nga Natan Silvermaster, có cả những điệp viên của ta cũng như những người là nguồn thông tin mật, nhưng tên tuổi không được ghi ở bất kỳ tài liệu nào bởi không ai trong

số họ ký về văn bản hợp tác.

Các bản báo được dịch ra tiếng Nga, theo thông lệ chúng tôi báo cáo với Stalin và Molotov. Theo tôi nhớ, dù tôi có thể nhầm, Hiss được xem như nguồn “Maks”, nhưng ông ta không có chút khái niệm nào về điều đó.

Cuối những năm 40 khi Hiss bị buộc tội làm gián điệp cho Liên Xô, người Mỹ không đưa ra được chứng cứ nào thuyết phục, mà thực ra chúng cũng không có. Hiss đã gần gũi với những người cộng tác với tình báo quân đội Xô viết, có thể là nguồn thông tin được chuyển cho các cơ quan đặc biệt của ta, thế nhưng ông chưa bao giờ là điệp viên theo đúng nghĩa của từ này.

Bạn tôi, sĩ quan tình báo quân đội đã nghỉ hưu, nhớ lại rằng trong ban quản trị của Roosevelt chúng ta có một nguồn thông tin rất quan trọng. Đó là trợ lý của Roosevelt về tình báo có quan hệ xấu với William Donovan và Edgar Hoover, các lãnh đạo Tổng cục chiến lược và FBI. Thời ấy Roosevelt lập một mạng lưới tình báo không chính thức mà ông sử dụng để thực hiện những nhiệm vụ tế nhị. Hiss cũng như Hopkins và Harriman thuộc nhóm nhỏ những nhân vật được tin cậy này.

Có thể điều đó lý giải tại sao Truman lên thay Roosevelt, đã không lập tức loại Hiss ra. Một lời cảnh cáo mềm mỏng ông nhận được, những lời buộc tội mơ hồ đưa ra chống lại ông, và cuối cùng, lập trường trung lập mà chính phủ Mỹ giữ trong vấn đề này, chỉ ra rằng Hiss biết quá nhiều, điều có thể ảnh hưởng đến thanh danh cả Roosevelt lẫn Truman. Bạn tôi, cựu binh tình báo quân đội cho rằng trong lưu trữ của FBI hẳn có nhiều tư liệu hơn về Hiss so với những gì được trình ra toà, có khả năng, giữa Roosevelt và Truman tồn tại thỏa thuận ngầm hạn chế sự buộc tội Hiss chỉ bằng chứng cứ ngụy tạo mà thôi.

Nên lưu ý rằng 80% thông tin tình báo về các vấn đề chính trị đến không phải từ các điệp viên mà từ các nguồn bí mật. Thông thường các nguồn này phản gián lần ra, nhưng chứng minh hành động gián điệp bao giờ cũng là vấn đề. Đường lối tình báo Xô viết quy lại là để các đảng viên cộng sản không dính líu với hoạt động tình báo của chúng ta. Nếu nguồn thông tin là quá quan trọng, thì người ta sẽ được lệnh ra khỏi Đảng nhằm bày tỏ sự thất vọng của mình vào chủ nghĩa cộng sản.

Trong những năm chiến tranh Hopkins và Harriman giữ quan hệ riêng, không chính thức với chính phủ Xô viết - tôi cho rằng họ hành động theo chỉ thị của Roosevelt. Còn Stalin dựa vào sự quan hệ không chính thức chỉ vào đầu chiến tranh, lợi dụng Umanxky và Litvinov. Khi ông vừa thiết lập được các quan hệ riêng với Roosevelt ở Teheran, ông không còn cần giữ Litvinov, một nhà ngoại giao giàu kinh nghiệm, nói thông thạo tiếng Anh, Đức, Pháp ở lại Mỹ. Việc cử Gromurko làm đại sứ ở Mỹ năm 1944 chứng tỏ rằng đã thiết lập được tiếp xúc riêng giữa Stalin và Roosevelt. Ông không cần thêm nữa những nhà trung gian như Litvinov và Umanxky.

Muộn hơn Stalin từ giã tất cả những ai giữ những tiếp xúc không chính thức với các phái viên của Roosevelt. Thông báo về việc phiên dịch riêng của Roosevelt - con trai của một trong số thủ lĩnh tổ chức khủng bố bạch vệ “Liga Obera” tham gia vụ ám sát Voikov đại sứ Liên Xô ở Varsava, tôi nhận được hai ngày trước khi bắt đầu hội nghị Yalta. Tôi cấp tốc báo

cáo về điều đó với Bogdan Kobulov, ông này - cho Beria đang ở Yalta, và theo mệnh lệnh của ông Krulov chính thức chịu trách nhiệm bảo vệ các phái đoàn và giữ tiếp xúc thường xuyên với các cơ quan đặc biệt Anh - Mỹ, đã thông tin cho chỉ huy cơ quan bảo vệ Mỹ. Phiên dịch lập tức bị đưa đi khỏi Yalta lên con tàu Mỹ neo ở cạnh bờ biển Krum.

4. Kế hoạch Marsall. Sự kiện ở Bungari và Tiệp Khắc những năm 1946-1948

Thoạt đầu lãnh đạo Liên Xô nghiêm túc xem xét sự tham gia của Liên Xô vào “kế hoạch Marsall”. Tôi nhớ cuộc gặp của mình với Vetrov trợ lý của Molotov trước chuyến đi của ông sang Paris với Molotov để tham gia thương thuyết về tương lai châu Âu. Đó là năm 1947. Vetrov bạn cũ của tôi từ thời còn làm việc tại Riga năm 1940, kể với tôi rằng đường lối của ta xây dựng trên sự hợp tác với các đồng minh phương Tây trong hiện thực hoá “kế hoạch Marsall”, trước tiên là hồi sinh nền công nghiệp bị hủy hoại bởi chiến tranh tại Ucraina, Beloruxia và Leningrad.

Bất ngờ đường lối chính trị thay đổi đột ngột. Tôi được mời đến Ủy ban thông tấn. Vursinxky, quyền chủ tịch Ủy ban khi Molotov vắng mặt, và Fedotov phó của ông thông báo rằng, nhận được thông tin quan trọng từ điệp viên mật danh “Stuart” (đó là Donald Maklin). Vốn là bí thư thứ nhất sứ quán Anh tại Mỹ và thực hiện trách nhiệm chánh văn phòng sứ quán, Maklin tiếp xúc được với thư từ bí mật đặc biệt. Trong tin báo khẳng định: mục đích của “kế hoạch Marsall” là xác lập sự thống trị kinh tế của Mỹ ở châu Âu.

Tổ chức kinh tế thế giới về phục hồi công nghiệp châu Âu sẽ nằm dưới sự kiểm soát của tư bản Mỹ. Nguồn thông tin này không phải là ai khác mà chính ngoại trưởng Anh Ernest Bevin. Kế hoạch này tiên liệu trước sự khác biệt trong phát triển kinh tế của các nước Đông và Tây Âu.

Nói chung giá trị của D.Maklin đối với các đường lối đối ngoại là lớn hơn hẳn rất nhiều so với các tài liệu đến từ Filby. Filby có giá trị đặc biệt đối với các chiến dịch của cơ quan an ninh, bởi các số liệu của ông cho phép chặt đứt một loạt hoạt động lớn của tình báo Anh và Mỹ ở Anbani và Tây Ucraina năm 1951.

Vursinxky muốn không chậm trễ báo cáo về tin này với Stalin. Thế nhưng, ông cần biết chắc độ tin cậy của điệp viên mà từ đó thông tin phát đi, thêm nữa không chỉ trong chính Maklin mà cả trong các điệp viên khác thuộc nhóm Cambrige - Filby, Berges, Kernkross và Blant. Vursinxky e ngại rằng những người này bị bôi nhọ bởi các mối liên hệ trong quá khứ với Orlov. Nhớ đâu giờ đây họ chơi trò hai mặt?

Vursinxky hỏi tôi. Tôi đáp rằng tôi chịu trách nhiệm về những chỉ thị tôi ký, nhưng về công việc của Maklin tôi chỉ có tin tức đến năm 1939, còn từ 1942 tôi không có báo cáo nào về ông ta.

Cuối cuộc nói chuyện tôi nhắc Vursinxky nhớ là chính Stalin ra lệnh để NKVD không tìm kiếm Orlov ở nước ngoài và không săn đuổi gia đình ông ta. Sau sự nhắc nhở đó Vursinxky có vẻ tin rằng không có cơ sở để nghi ngờ, mà nghĩ là nên báo cáo về tin tức với Stalin. Nếu thông tin của Maklin thiếu chính xác thì Vursinxky hiểu là có thể phủi tay, viện tới lệnh của Stalin để Orlov yên. Ngoài ra, cuộc nói chuyện của chúng tôi diễn ra trước Fedotov người có thể dùng làm nhân chứng chống lại tôi, nếu thông tin của Maklin là giả.

Trong thông báo cũng nói rằng “kế hoạch Marsall” tiên liệu việc Đức ngừng trả bồi thường chiến tranh. Điều đó lập tức làm lãnh đạo Liên Xô cảnh giác, bởi vào thời ấy bồi thường chiến tranh về thực chất là nguồn duy nhất của các phương tiện nước ngoài để hồi phục nền kinh tế quốc dân bị chiến tranh tàn phá.

Tại Yalta và Postdam các bên đã đi đến thỏa thuận rằng nước Đức sẽ trả bồi thường chiến tranh bằng các thiết bị, máy cái công nghiệp và máy móc, xe hơi, xe tải và vật liệu xây dựng một cách đều đặn - trong vòng 5 năm. Sự cung ứng này là đặc biệt quan trọng cho công nghiệp hoá chất và chế tạo máy đang cần hiện đại hóa. Thêm nữa việc sử dụng các cung ứng ở Liên Xô không chịu sự kiểm soát quốc tế, điều đó có nghĩa là chúng ta có quyền sử dụng chúng cho bất cứ mục đích gì.

Theo “kế hoạch Marsall” hiện thực hoá tất cả các đề án trợ giúp kinh tế của nước ngoài phải nằm dưới sự kiểm soát quốc tế, thực tế là của Mỹ. Kế hoạch này có thể chấp nhận được nếu nó là sự bổ sung cho sự chuyển đều đặn bồi thường chiến tranh từ Đức và Phần Lan. Thông báo nhận từ Maklin rõ ràng cho thấy chính phủ Mỹ và Anh muốn nhờ “kế hoạch Marsall” đình chỉ bồi thường chiến tranh cho Liên Xô và các nước Đông Âu và cho sự giúp đỡ quốc tế dựa trên không phải hiệp định hai bên mà trên sự kiểm soát quốc tế.

Điều này là tuyệt đối không chấp nhận được, nó cản trở sự kiểm soát của chúng ta đối với Đông Âu. Mà điều đó có nghĩa rằng các ĐCS đã tự khẳng định ở Rumani, Bungari, Ba Lan, Tiệp Khắc và Hungari sẽ mất đi những đòn bẩy của quyền lực. Rất đáng nhớ, một năm rưỡi sau khi “kế hoạch Marsall” bị gạt bỏ, hệ thống đa đảng ở Đông Âu bị thủ tiêu với sự tham gia tích cực của chúng ta.

Theo chỉ thị của Stalin Vưsikxky gửi mật mã cho Molotov ở Paris khái quát thông tin của Maklin. Dựa trên thông tin này, Stalin đề nghị Molotov phát biểu chống lại việc hiện thực hoá “kế hoạch Marsall” tại Đông Âu.

Sự đối kháng được tiến hành bằng những cách khác nhau. Thí dụ, riêng Vưsinxky tiến hành đàm phán với vua Rumani Mikhai về việc ông từ chối sang ở Mexico với các đảm bảo. Chúng ta cũng tặng ông huân chương “Chiến thắng”, chính phủ Rumani xác lập chi phí suốt đời cho ông.

Những sự kiện ở Ba Lan những năm 1946-1947 phát triển căng thẳng đối với các quyền lợi đối ngoại của Liên Xô. Con át chủ bài của giới lãnh đạo Ba Lan thân với Liên Xô là vấn đề về biên giới mới, về những vùng đất chuyển cho Ba Lan từ nước Đức theo các thỏa thuận của Liên Xô, Anh và Mỹ ở Postdam năm 1946. Chúng ta đã ủng hộ về kỹ thuật và tổ chức cho chính phủ Berut trong tiến trình chiến dịch bầu cử. Thứ trưởng Bộ An ninh Quốc gia Xelivanovxky mấy lần sang Ba Lan với một nhóm lớn cán bộ kỹ thuật - tác chiến đứng đầu là Cục trưởng Cục kỹ thuật tác chiến Palkin.

Theo tuyến cơ quan tình báo và phá hoại được gửi sang Ba Lan nhóm tác chiến đứng đầu là Anh hùng Liên Xô đại tá Mirkovxky. Nó có giúp đỡ thiết thực cho cơ quan an ninh Ba Lan trong cuộc đấu tranh với các đơn vị du kích tàn quân Kraiova và trong tổ chức chiến dịch thông tin giả chống lại tình báo Anh và Mỹ vẫn tiếp tục cho đến tận năm 1952.

Tình hình hiểm có đã hình thành ở Bungari. Trong thời gian chiến tranh tôi thường gặp

Georgi Dimitrov người đứng đầu Quốc tế cộng sản cho đến khi nó được giải thể năm 1943. Trong một năm ông là trưởng ban quốc tế của BCH TƯ ĐCS Liên Xô. Năm 1944 khi Dimitrov trở về Bungari, ông cho phép Nữ hoàng và con trai bà, thái tử, khi rời đất nước đem theo toàn bộ tài sản gia đình. Biết mối đe dọa của các giới quân chủ lưu vong, Dimitrov quyết định thủ tiêu toàn bộ phái đối lập chính trị: các nhân vật chủ chốt của nghị viện cũ và chính quyền nhà vua Bungari bị thanh trừng và bị thủ tiêu. Kết quả hành động này là Dimitrov trở thành nhà lãnh đạo cộng sản duy nhất ở Đông Âu không có tổ chức đối lập giữa giới lưu vong cạnh tranh quyền lực một cách thực tế. Những người thừa kế Dimitrov lợi dụng thành quả của tình huống này được hơn 30 năm. Tướng Ivan Vinarov một trong những lãnh đạo tình báo Bungari, làm việc dưới sự chỉ đạo của tôi trong Tổng cục 4 thời chiến tranh, muộn hơn khi chúng tôi gặp nhau vào những năm 70 ở Moskva đã nói: chúng tôi sử dụng kinh nghiệm của các anh và đã tiêu diệt tất cả những kẻ đối lập trước khi chúng kịp chạy sang phương Tây.

Mặc dù thế, tình thế ở Bungari đôi khi rất căng thẳng. Vào những ngày khủng hoảng chính trị gay gắt năm 1947 chúng tôi chuyển cho Dimitrov một nhóm cán bộ của cơ quan đặc biệt đứng đầu là đại tá Xtudnikov. Nhiệm vụ của họ là giúp cơ quan an ninh Bungari vô hiệu hoá và khi cần thì gạt bỏ các đối thủ chính trị của Dimitrov. Đứng đầu sự phối hợp trực tiếp các hành động của cơ quan đặc biệt chúng ta và Bungari là thành viên ban lãnh đạo Bungari Tservenkov cũng là người họ hàng của Dimitrov.

Tình hình ở Tiệp Khắc có khác. Nhóm trưởng của chúng ta ở Praha Borix Rurbin đến cuối 1947 đã tạo lập một mạng lưới bí mật hoạt động dưới vỏ bọc hãng xuất nhập khẩu chế tác kim hoàn, sử dụng nó như cơ sở cho mọi chiến dịch phá hoại có thể ở Tây Âu và Cận Đông. Sản phẩm kim hoàn Tiệp nổi tiếng khắp thế giới, điều đó làm giảm nhẹ cho Rurbin nhiệm vụ thành lập các hãng con tại những thủ đô Tây Âu và Cận Đông. Trong nhiệm vụ của Rurbin có việc sử dụng phong trào người Kurd chống vua Iran và các nhà cầm quyền Iraq, vua Feisal II và thủ tướng Nuri Xaid. Cuối năm 1947 Rurbin chết trong một vụ tai nạn xe hơi ở Praha, nhưng đến lúc đó nhóm của ông đã bắt đầu hoạt động tích cực.

Năm 1948 trước khi chuyển chính quyền từ tay Benes sang tay Klement Gotvald, Molotov gọi tôi vào văn phòng Kremli và ra lệnh đi sang Praha và, tổ chức gặp kín với Benes, đề nghị ông ta rời khỏi chức vụ khi chuyển chính quyền cho Gotvald, thủ lĩnh của ĐCS Tiệp Khắc. Để nhắc Benes về các liên hệ chặt chẽ không chính thức của ông với Kremli, tôi phải đưa ra giấy biên nhận 10.000 đôla do thư ký của ông ký năm 1938, số tiền ấy cần cho Benes và người của ông ta để đi sang Anh. Trong trường hợp ngược lại tôi phải nói với ông ta rằng chúng ta sẽ tìm ra biện pháp làm rò rỉ thông tin về hoàn cảnh chạy trốn của ông ta khỏi đất nước và về tài trợ tài chính cho ông ta, về hiệp ước cộng tác ngầm của tình báo Tiệp và Liên Xô ký năm 1935 tại Moskva, về hiệp định bí mật chuyển Ukraina Karpat cho chúng ta và về sự tham gia của chính Benes trong việc chuẩn bị bạo động năm 1938 và việc ám sát thủ tướng Nam Tư.

Molotov nhấn mạnh rằng tôi không được uỷ quyền tiến hành bất cứ thương thuyết nào về các vấn đề chính trị Tiệp Khắc: nhiệm vụ của tôi chỉ là truyền đạt những điều kiện của chúng ta, cho phép Benes tự lựa chọn giải pháp thực hiện. Molotov nhắc lại các chỉ dẫn rất

rành rọt và nhìn chăm chăm vào mắt tôi qua kính một tròng. Tôi trả lời rằng một nhiệm vụ tế nhị như vậy phù hợp hơn Zubov, nhóm trưởng của chúng tôi ở Praha những năm trước chiến tranh, người bị Stalin và Molotov có thời đã nhốt vào tù vì rằng năm 1938 ông đã thông báo về tính không hiện thực của kế hoạch Benes dựa vào những kẻ đáng ngờ ở Belgrad và, hơn nữa, đã không cho họ tiền. Đáp lại Molotov nói tôi phải thực hiện nhiệm vụ với những phương cách do chính tôi cân nhắc. Rõ ràng ông ta không muốn nhận về mình trách nhiệm, ông ta chỉ cần kết quả. Tôi phải rời Praha sau 12 giờ, không đợi lời đáp của Benes.

Cùng với Zubov (từ tháng 9-1946 Zubov đã nghỉ hưu; sau khi ra tù ông đã trở thành phế nhân: đi khắp khiêng chống gậy) chúng tôi đi tàu hỏa sang Praha tháng 1-1948, nhưng không dừng ở sứ quán mà ở tại một khách sạn khiêm tốn nơi chúng tôi tự giới thiệu là thành viên của một đoàn thương mại Xô viết. Binh đoàn chúng ta gồm 400 người mặc đồ dân sự đã có mặt ở Praha. Nhóm này được chuyển ngầm sang để giúp đỡ và bảo vệ Gotvald.

Các đại diện Xô viết chính thức đã gây áp lực cho Benes, chúng tôi lại còn phải thêm phần của mình. Zubov nhờ các mối liên hệ cũ đã gặp Benes 15 phút tại dinh thự ông ta. Theo chỉ dẫn Zubov nói với Benes rằng không chờ câu trả lời, mà chỉ truyền đạt một thông điệp không chính thức. Benes có vẻ như bị đánh gục, cố làm tất cả những gì có thể để tránh sự bùng nổ vũ lực và rối loạn ở Tiệp Khắc.

Hoàn thành nhiệm vụ, chúng tôi lên tàu Praha - Moskva. Khi tàu vừa qua biên giới, tôi lập tức, lợi dụng các kênh liên lạc của tình ủy địa phương gửi mật mã cho Molotov và bản sao cho Abakumov bộ trưởng an ninh lúc đó: “Sự tử đã được tiếp và chuyển thông điệp” (Sự tử là mật danh của Zubov). Sau một tháng Benes nhường dây cương lãnh đạo cho Gotvald.

5. Tổ chức lại các cơ quan an ninh và tình báo vào những năm 1946-1947

Vào cuối chiến tranh vị trí công tác của tôi càng được củng cố: Tổng cục 4 mà tôi lãnh đạo đã đóng góp đáng kể được thừa nhận vào chiến thắng của chúng ta. Trong 28 chiến sĩ Treka được tặng thưởng huân chương cao quý nhất - danh hiệu Anh hùng Liên Xô, 23 người là sĩ quan và cán bộ của Tổng cục tôi. Tháng 12-1945 tôi được vinh dự đặc biệt báo cáo chính thức tại cuộc họp thường niên cán bộ bộ máy NKGD-NKBD kỷ niệm ngày truyền thống thành lập Treka. Nhanh chóng tôi được bầu là đảng ủy viên Bộ An ninh Quốc gia.

Còn từ tháng 7-1945, ngay sau kết thúc cuộc chiến, trước hội nghị Potsdam, Stalin ký sắc lệnh phong cho sĩ quan và lãnh đạo an ninh quốc gia và nội vụ quân hàm tương đương với Hồng quân (trung tá - đại tá, chính ủy an ninh quốc gia bậc 3 - trung tướng, bậc 2 - thượng tướng, bậc 1 - đại tướng; tổng chính ủy - nguyên soái). Beria nhận danh hiệu nguyên soái tháng 7-1945. Fitin và tôi được phong hàm trung tướng, còn Eitingon - thiếu tướng. Đó là lần đầu tiên tên tôi và Eitingon được nhắc đến trên các trang báo trong nước.

Trong khi đó “chiến tranh lạnh” đã có tính chất khắc nghiệt, dẫn đến việc tổ chức lại cơ cấu các cơ quan tình báo năm 1947. Chiến tranh cho thấy rằng tình báo chính trị và quân sự không phải bao giờ cũng đủ trình độ chuyên nghiệp để đánh giá và phân tích toàn bộ thông tin mà họ nhận được từ các kênh. Và lúc đó Molotov, người trước hội nghị Yalta mấy

lần chủ trì những cuộc họp của lãnh đạo các cơ quan tình báo, đã đề nghị thống nhất chúng vào một tổ chức trung tâm. Stalin đồng ý, thế là xuất hiện Ủy ban thông tấn mà gia nhập vào đó có Tổng cục 1 MGB và Tổng cục tình báo Bộ Quốc phòng (GRU). Bộ An ninh thì vẫn giữ trong thành phần của nó cơ quan tình báo và phá hoại đặc biệt - phòng trường hợp chiến tranh có thể hoặc đưng độ khu vực ở Cận Đông, châu Âu, vùng Balkan hay ở Viễn Đông. Một phân đội tương tự cũng được giữ lại ở Bộ Quốc phòng.

Tổng cục tình báo của NKVD-NKGB trước kia là công cụ chủ yếu đảm bảo các quyền lợi an ninh quốc gia ở nước ngoài, thực chất, đã biến thành bộ phận phụ của Bộ Ngoại giao mà hoạt động chủ yếu của nó là ngoại giao chứ không phải tình báo. Cũng như Ủy ban thông tấn, Bộ chịu sự kiểm soát của Molotov. Kết quả là những chiến dịch thuộc NKVD-NKGB tiến hành thành công như chui vào tổ chức lưu vong, cài điệp viên vào các cơ quan đặc biệt của Anh và Mỹ và sự hợp tác với phản gián trong việc đàn áp các phong trào dân tộc chủ nghĩa vùng Baltic và Tây Ucraina, dần dần mất đi ý nghĩa. Ủy ban thông tấn được phê chuẩn cùng thời với CIA ở Mỹ. Đó là một ý đồ - sai lầm nghiêm trọng! - một cách tương tự phản ứng lại những thay đổi ở Mỹ.

Thậm chí bây giờ sau sự sụp đổ của Liên Xô, tôi vẫn tin chắc: chức năng có hiệu quả của cơ quan đặc biệt ở nước Nga phụ thuộc vào sự hợp tác chặt chẽ của nó với các cơ quan an ninh. Chúng ta không có cơ sở chuyên nghiệp cho công việc cứ nói như cảnh sát thuế vụ, cơ quan hải quan v.v... Ở phương Tây các cơ quan này có những đòn bẩy quan trọng kiểm soát những lĩnh vực quan trọng của cuộc sống xã hội. Ở Nga các cơ quan này chỉ mới ra đời. Đồng thời cơ quan phân tích và đánh giá tin tức tình báo cần hoạt động độc lập, trực tiếp bàn bạc với lãnh đạo đất nước, chứ không phải chịu phụ thuộc vào những kẻ quan liêu và những nhà chính trị hay lãnh đạo có uy tín này khác của các cơ quan đặc biệt.

Sự cần thiết trong một bộ máy như thế cảm thấy đặc biệt sâu sắc hiện giờ vì rằng như tôi nghe kể, thường có những thông tin mâu thuẫn của các cơ quan đặc biệt - SBR, FSB, FAPSI và các công sở khác - đang cạnh tranh lẫn nhau trong việc định hướng của lãnh đạo đất nước được đệ lên bàn tổng thống.

Người ta không đi đến những kết luận như thế ngay được mà từ từ, đến năm 1951, chính xác hơn là năm 1952 khi Stalin ra lệnh để toàn bộ công tác tình báo tác chiến lại được tập trung vào Tổng cục tình báo Bộ Quốc phòng và Tổng cục 1 mới (tình báo đối ngoại) của Bộ An ninh Quốc gia. Ủy ban thông tấn đóng vai trò trung tâm phân tích về xử lý thông tin tình báo chính trị và quân sự. Berges và Maklin bắt đầu làm việc ở đây khi họ chạy sang được Liên Xô.

Có thể, với lý do này những năm 1960 Khrusev đã thành lập Ban thông tin quốc tế trực thuộc BCH ĐCS Liên Xô để phân tích và xử lý tài liệu về các vấn đề chính trị và kinh tế đối ngoại. Sau những sự kiện tháng 8-1991 Gorbachev và Eltsin lại có sai lầm: thay vào chỗ soạn ra cơ chế kiểm soát nghị viện dân chủ xã hội đối với hoạt động của các cơ quan đặc biệt, họ đã hợp nhất công việc tác chiến và phân tích và tạo lập cơ quan tình báo đối ngoại mà trong hoạt động nước ngoài của mình không thể dựa vào các tài liệu của phản gián. Sự thiếu điều phối hiệu quả các hành động của các cơ quan an ninh trong nước, cảnh sát thuế vụ và hải quan vẫn là điểm yếu trong công việc của nó.

Lãnh đạo Ủy ban thông tấn thoát đầu là Molotov, sau đó 3 tháng là Vưsinxky còn sau ông ta là Zorin mà về sau là đại diện của Liên Xô tại Liên hợp quốc. Tôi đã có mặt tại mấy cuộc họp thời Vưsinxky: cho đến ngày cuối cùng giữ chức chủ tịch Ủy ban ông ta đã khéo tránh không ký một tài liệu quan trọng nào mà chuyển trách nhiệm cho các vị phó của mình. Luôn luôn ông ta nói: “Trong một công việc nghiêm túc như thế tôi hoàn toàn không thạo”.

Theo lời ông ta, ông đã hai lần nói với đồng chí Stalin về nghiệp vụ yếu của mình trong những vấn đề hoạt động tình báo. Lần nào đến chỗ Stalin ông ta cũng mang theo người phó của mình. Ông ta hoàn toàn cởi mở muốn để ai đó chia sẻ với ông trách nhiệm: điều đó cho phép ông ta có khả năng trong trường hợp thất bại chuyển tội sang người khác. Tiện thể Vưsinxky còn thạo việc hơn nhiều so với những gì ông ta cố tự giới thiệu. Có lần trong bối cảnh không chính thức ông ta thú nhận rằng tình báo, về nguyên tắc, gắn với những điều khó chịu chứ không phải với thành công trong công việc. Ông ta đã đúng: trong công việc của chúng tôi thực sự không chỉ tính đến toàn thành công - sự mạo hiểm bao giờ vẫn cao. Cuối cùng ông ta đã thuyết phục được Stalin giải phóng cho ông khỏi gánh nặng này, và Zorin được cử giữ chức chủ tịch Ủy ban thông tấn.

Trước những thay đổi đó, năm 1946 bất ngờ đối với tôi, Merkulov bị mất chức bộ trưởng An ninh quốc gia. Sau chiến tranh vấn đề tổ chức lại lực lượng vũ trang được đặt lên hàng đầu. Ngay sau điều đó Stalin đề nghị Bộ Chính trị xem xét hoạt động của các cơ quan an ninh quốc gia và đặt trước chúng những nhiệm vụ mới. Muộn hơn Mamulov và Liudvigov kể với tôi rằng người ta đòi hỏi Merkulov trình lên Bộ Chính trị kế hoạch tổ chức lại Bộ An ninh Quốc gia. Trên cuộc họp Beria, theo lời của họ (cả hai phụ trách ban thư ký của Beria), đã đổ xuống đầu Merkulov sự thiếu khả năng định hướng trong công tác phản gián thời hậu chiến. Stalin chung ý kiến với ông khi buộc tội Merkulov hoàn toàn không có chuyên môn. Tại cuộc họp có hiện diện của các phó của Merkulov phải thảo luận những nhiệm vụ mới của Bộ An ninh. Phản gián quân đội (XMERS) thời chiến tranh thuộc Bộ Quốc phòng do Abakumov lãnh đạo và Stalin kiểm soát, giờ đây lại được trả về cho Bộ An ninh vì Stalin không đứng đầu Bộ Quốc phòng nữa. Baganin, một người không am hiểu quân sự, được cử giữ chức bộ trưởng Quốc phòng, ông ta được khẩn cấp phong hàm nguyên soái, tiếp ngay đó là sự cất nhắc.

Lúc ấy tại cuộc họp xảy ra một cảnh thú vị. Stalin hỏi tại sao trưởng phản gián quân đội lại không thể đồng thời là thứ trưởng Bộ An ninh Quốc gia. Merkulov đồng ý ngay với ông để Abakumov được cử làm thứ trưởng thứ nhất. Lúc ấy Stalin nhận xét cay độc rằng Merkulov xử sự tại Bộ Chính trị như một kẻ theo đuôi và nên thay ông ta ở chức bộ trưởng An ninh. Giống như Merkulov có sai lầm khi dễ dàng đồng ý với đề nghị của Stalin, nhưng thực tế thì Stalin đơn giản tìm một nguyên cớ thích hợp để gạt bỏ Merkulov. Stalin đã có sẵn ứng cử viên - Ogolsov, một người trung thực, người tỉnh lẻ, chưa bao giờ làm việc ở Trung tâm; mới nửa năm ông ta được chuyển từ sở an ninh Quybưsev về Moskva. Ogolsov van lạy Stalin đừng cử ông làm chức ấy. Như một đảng viên cộng sản trung thực, ông tuyên bố ở Bộ Chính trị, tôi hoàn toàn không hợp cho một chức vụ cao như thế, bởi tôi chưa đủ kinh nghiệm và tri thức cần thiết đối với một công việc đầy trách nhiệm nhường ấy. Lúc ấy Stalin bèn đề nghị cử Abakumov giữ chức bộ trưởng. Beria và Molotov im lặng, thế nhưng ủy viên Bộ Chính trị Jdanov đã nồng nhiệt ủng hộ ý tưởng đó.

Sau một tuần Eitingon và tôi được gọi đến chỗ Abakumov. - Gần hai năm trước - ông ta bắt đầu, - tôi đã có quyết định không bao giờ làm việc với các anh. Nhưng đồng chí Stalin, khi tôi đề nghị giải phóng các anh khỏi trách nhiệm đang giữ, đã nói rằng các anh phải tiếp tục làm việc ở chức vụ cũ. Vậy nên, - bộ trưởng mới kết luận, - hãy cùng hợp tác.

Thoạt đầu tôi và Eitingon cảm thấy nhẹ nhõm - sự chân thành của ông ta đã ru ngủ chúng tôi. Thế nhưng những sự kiện tiếp theo cho thấy rằng chúng tôi không nên quá say sưa với tương lai. Sau mấy ngày bị gọi lên cuộc họp của Ủy ban đặc biệt của BCHТУ tại đó người chủ tọa là người phụ trách mới của cơ quan an ninh bí thư BCHТУ A. Kuznetsov.

Ủy ban xem xét “những sai lầm tội lỗi” và những trường hợp thiếu trách nhiệm mà lãnh đạo Bộ An ninh cũ đã để xảy ra. Đó là chuyện thường: mỗi lần khi thay đổi lãnh đạo trong các Bộ (quốc phòng, an ninh hay ngoại giao) BCHТУ đều cử một Ủy ban để xem xét hoạt động của ban lãnh đạo cũ và chuyển giao công tác.

Giữa những vấn đề mà Ủy ban của Kuznetsov xem xét có vấn đề thế này: Merkulov bị đình chỉ dẫn đến truy cứu hình sự những kẻ theo Trotsky trong những năm 1941-1945. Bất ngờ nổi lên những mối liên lạc đáng ngờ của tôi và Eitingon với những “kẻ thù của nhân dân” nổi tiếng - các nhà lãnh đạo tình báo OGPU-NKVD vào những năm 30. Abakumov buộc tội thẳng tôi và Eitingon trong các vụ “đầu cơ tội phạm”: chúng tôi đã đưa “các bạn bè” ra khỏi nhà tù năm 1941 và giúp họ thoát khỏi sự trừng trị xứng đáng. Điều đó làm xúc phạm tôi đến tận đáy lòng: ông ta vu khống những người anh hùng của cuộc chiến tranh, những người trung thành với sự nghiệp của chúng ta. Điên giận, tôi cắt ngang ông ta một cách đột ngột:

- Tôi không cho phép dẫm đạp ký ức các anh hùng đã hy sinh trong chiến tranh, những người đã thể hiện lòng dũng cảm và trung thành đối với Tổ quốc trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa phát xít. Trước sự có mặt của đại diện BCHТУ tôi sẽ chứng minh rằng sự nghiệp của những chiến sĩ Treka ấy bị ngụy tạo trong kết quả hoạt động tội lỗi của Ejov, - tôi tuyên bố nóng giận.

Kuznetsov (ông trực tiếp biết tôi - chúng tôi gặp nhau ở nhà lán giềng, bà goá của Emelian Iaroxlavsky), đã can thiệp vào, vội vã nói rằng vấn đề đã được khép lại. Cuộc thảo luận đến đây là chấm dứt và tôi bỏ đi.

Trở về phòng mình, tôi gọi ngay Xerebrianxky, Zubov, Prokopiuk, Medvedev và những cán bộ khác bị bắt và bị sa thải vào những năm 30, và đề nghị họ xin thôi việc không chậm trễ. Tình trạng của Xerebrianxky và Zubov là đặc biệt dễ tổn thương vì vụ của họ thời trước do Abakumov tiến hành.

Tháng 7-1946 - lần đầu tiên sau 8 năm - tôi xin nghỉ phép và đi với vợ con đến vùng Riga, đến nhà nghỉ Maiori. Lúc đầu chúng tôi sống trong viện điều dưỡng quân đội, nhưng nhà văn Latvia nổi tiếng, một thời là chính ủy nhân dân Bộ Nội vụ Latvia, còn sau đó là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đã mời chúng tôi đến dinh thự ông. Sau kỳ nghỉ khi tôi trở về Moskva phụ trách ban thư ký Bộ An ninh Quốc gia. Tsernov thông báo với tôi rằng Tổng cục 4 mà tôi lãnh đạo đã bị giải tán. Bởi vì phân sở của tôi không còn tồn tại thêm nữa, tôi nhận được chỉ thị của bộ trưởng trình cho ông ta những đề nghị về việc sử dụng biên chế của nó.

Tôi thực tế không có khả năng lựa chọn: một phía - Molotov dự định lập Ủy ban thông tấn, còn phía khác - Abakumov, bộ trưởng An ninh quốc gia.

Dù sao tôi vẫn đang là người lãnh đạo văn phòng tình báo của Ủy ban đặc biệt chính phủ về vấn đề nguyên tử. Từ Ogolsov tôi biết: Abakumov rất bức bối rằng tôi cho đến giờ vẫn giữ chức vụ này và tiếp cận thẳng với Kremli. Ông ta chẳng thể làm gì được, bởi vấn đề nguyên tử không thuộc đặc quyền của ông ta.

Ủy ban thông tấn mới, như dự tính, phải liên kết tình báo và không thể không đụng đến công việc của văn phòng tình báo đặc biệt về vấn đề nguyên tử vốn chuyên trách sự điều phối hoạt động của GRU và MGB về thu thập các thông tin gắn với vũ khí nguyên tử. Vậy phân sở này bây giờ sẽ làm gì? Đến cuối năm 1946 câu hỏi này đã nổi cộm, mà tôi thì vẫn chưa thỏa thuận được với Beria đang là vị phó đứng đầu chính phủ và ủy viên Bộ Chính trị. Cuối cùng tôi gọi điện thoại cho ông và hỏi, chế định của Ủy ban đặc biệt của chính phủ về 'Vấn đề số 1' giờ đây phải là thế nào và trực thuộc ai liên quan với việc tổ chức Ủy ban thông tấn.

Lời đáp của Beria làm tôi lo lắng:

- Các anh có bộ trưởng của mình để giải quyết những câu hỏi như thế - ông nói xẵng và buông máy.

Tôi hiểu nếu Abakumov vẫn là bộ trưởng, thì ông ta sẽ chẳng bao giờ ủng hộ tôi.

Vì thế tôi lập tức đề nghị để các chức năng của văn phòng tình báo số 2 được chuyển cho Ủy ban thông tấn. Xét tầm quan trọng của vấn đề nguyên tử, một cục khoa học - kỹ thuật độc lập phải chuyên trách những vấn đề này. Tôi giới thiệu Vaxilevsky giữ chức Cục trưởng tình báo khoa học - kỹ thuật. Fedotov thoát đầu thay Fitin ở chức trưởng tình báo MGB còn sau đó trở thành phó của Molotov tại Ủy ban thông tấn, đã đồng ý, nhưng Vaxilevsky chỉ làm được mấy tháng. Ông bị loại khỏi Ủy ban thông tấn khi chiến dịch bài Do Thái đã bắt đầu trong nước, ông về hưu năm 1948 với quân hàm đại tá vì nhiều năm phục vụ.

6. Thành lập đội đặc nhiệm thời bình

Mãi đến mùa thu 1946 vị trí công tác của tôi mới được xác định khi BCHТУ' và chính phủ thành lập cơ quan tình báo và phá hoại đặc biệt thuộc Bộ An ninh Quốc gia Liên Xô (từ năm 1950 nó được gọi là Văn phòng MGB số 1 về công tác phá hoại ở nước ngoài), và tôi được cử là trưởng, còn Eitingon làm phó.

Năm 1950 khoảng 2 tháng cùng với Eitingon, còn một vị phó nữa của tôi là Korotkov. Từ tháng 10-1951 đến tháng 3-1953 chịu trách nhiệm phó của tôi là chỉ huy du kích nổi tiếng trong thời gian chiến tranh, anh hùng Liên Xô Prudnikov lúc ấy là đại tá. Nhiệm vụ của tôi là tổ chức một cơ quan độc lập mà trong trường hợp chiến tranh chúng ta tái lập lại trong một thời hạn ngắn nhất thành cơ quan điều hành công tác chiến đấu. Nó cũng đề cập đến các hành động trong trường hợp nảy sinh các căng thẳng ngay bên trong Liên Xô mà có thể biến chuyển thành đụng độ vũ trang liên quan đến sự lan tràn nạn cướp vùng Baltic và Tây Ucraina.

Tôi muốn điểm lại công việc căng thẳng của tình báo ta vốn ít ai được rõ vào cuối những năm 1940. Bằng sắc lệnh đặc biệt của Stalin cho phó của tôi, Eitingon, được tiến hành chiến dịch tương trợ cho các cơ quan an ninh của ĐCS Trung Quốc trong việc đàn áp phong trào ly khai của người Uigur tại vùng được gọi là Đông Turkestan, vẫn quen thuộc với mọi người hơn gọi là vùng Tây Tạng của cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Hồng quân và các cơ quan đặc biệt chúng ta từ 1937 đã dùng Tây Tạng như lãnh thổ biên giới của Trung Quốc để giúp đỡ thiết thực cuộc đấu tranh vũ trang của quân đội Trung Quốc. Tình hình tại vùng này những năm 1940-1944 căng thẳng đột ngột bởi kích động của tình báo Nhật Bản đối với người Uigur và Kazak dưới sự chỉ huy của Osman Batur. Quân bạo loạn được Nhật vũ trang đã tiến hành hàng loạt hoạt động phá hoại chống lại các xí nghiệp hàng không Liên Xô thời đó đóng tại Sintszian. Nhà hoạt động nổi tiếng người Uigur Ali - khan Tere, tuyên bố độc lập của Đông Turkestan ngầm ý ủng hộ của Tưởng Giới Thạch, người quan tâm đến sự bất ổn định hậu phương của những người cộng sản Trung Quốc, năm 1944 đã chống lại Mao Trạch Đông.

Eitingon và chỉ huy phong trào du kích nổi tiếng, Anh hùng Liên Xô Prokopiuk tổ chức sự đối chọi có hiệu quả các hành động của các cơ quan đặc biệt của Tưởng Giới Thạch. Bọn dân tộc chủ nghĩa trong những đợt độ khốc liệt những năm 1946-1949 đã thất bại hoàn toàn.

Đáng lưu ý là Eitingon điều phối hoạt động với các cán bộ của cơ quan đặc biệt trực thuộc chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô và BCHTU' ĐCS. Nhiệm vụ đặc biệt đến nỗi mà tôi như lãnh đạo trực tiếp của ông cũng chỉ được thông tin ở những nét chung chung nhất nhân những chuyến đi công tác dài ngày của ông ở Sintszian. Sau này khi sự minh oan với Khrusev, Eitingon nhắc về nhiệm vụ đó từ Hội đồng bộ trưởng. Từ những chuyện kể của ông trong tù tôi được biết người được phân để điều phối các hành động cùng ông là cán bộ bộ máy của Stalin họ tên là Vaxiliev có trong tay mạng lưới điệp viên ở Trung Quốc trong số đảng viên cộng sản bí mật.

Tôi giữ địa vị như người chỉ huy một phân sở trực thuộc ban lãnh đạo chính phủ Xô viết trong hệ thống Bộ An ninh quốc gia, Abakumov tế nhị vừa đủ để không tước đi của tôi những đặc quyền mà tôi được nhận trong những năm chiến tranh: tôi được giữ nhà nghỉ, tiếp tục được đưa vào danh sách những người ngoài tiền lương còn nhận tiền thưởng hàng tháng, cũng như quyền được phục vụ đặc biệt và ăn uống trong nhà ăn điện Kremli. Cũng có một số thay đổi như tôi không còn được mời dự những cuộc họp định kỳ của các Cục trưởng dưới sự chủ tọa của bộ trưởng như vẫn xảy ra trong thời gian chiến tranh. Thực tế tôi và Abakumov không tiếp xúc với nhau cho đến một ngày nọ bất ngờ tôi nghe qua điện thoại giọng tự tin thường có ở Abakumov:

- Tôi được tin các con trai anh lên kế hoạch ám sát đồng chí Stalin.
- Ý anh nói gì?
- Nói điều đã nói, - Abakumov đáp - Thế anh biết chúng mấy tuổi không?
- Có gì khác cơ chứ? - bộ trưởng đáp.

- Thừa bộ trưởng, tôi không biết ai báo với anh điều đó, nhưng những lời cáo buộc tương tự là không thể. Con trai bé của tôi 5 tuổi, còn đứa lớn 8 tuổi.

Abakumov ném máy. Và trong suốt một năm tôi không nghe thấy từ ông ta lấy một lời về công việc. Ông ta không gặp tôi lần nào dù tôi chịu sự phụ trách trực tiếp của ông ta. Tất cả mọi vấn đề được giải quyết chỉ qua điện thoại.

Cuối năm 1946 đầu năm 1947 tiếp tục những thay đổi tổ chức nghiêm trọng của Tổng cục tình báo: tháng 7-1946 Tổng cục 4 bị bỏ; cuối 1946 đầu 1947 Tổng cục tình báo MGB chuyển cho Ủy ban thông tấn thành lập tháng 3-1947, - nửa năm tiến triển “việc phân chia bộ máy điệp viên.” Fiser làm việc ở tổng cục 4 dưới sự chỉ đạo của tôi suốt chiến tranh, chịu trách nhiệm tình báo điện đài, được chuyển sang Ủy ban thông tấn. Nhờ sự giúp đỡ của Oglsov, phó thứ nhất của Abakumov, tôi thuyết phục được Fedotov, phó của Molotov rằng cơ quan của tôi cần có một trung tâm điện đài. Việc Ủy ban và văn phòng phải sử dụng chung một trung tâm điện đài không làm tôi vui. Trong Ủy ban Korotkov được cử làm trưởng phòng điệp viên - chính ông đã soạn thảo kế hoạch sử dụng Fiser sau này nổi tiếng dưới mật danh Rudolf Abel với tư cách người lãnh đạo mạng lưới điệp viên ở Mỹ và Tây Âu.

Kế hoạch của Korotkov trước hết phải được sự xác nhận của tôi vì một trong những nhiệm vụ cơ bản của nó là thâm nhập vào các công trình quân sự ở Bergrn (Na Uy), Havre và Sherbur (Pháp). Tôi chống một cách cương quyết bởi cho rằng sẽ có lợi hơn rất nhiều nếu Fiser khi làm việc ở nước ngoài sẽ hoàn thiện hệ thống liên lạc điện đài của chúng ta thay vào chỗ mạo hiểm lãnh đạo mạng điệp viên. Các nhân viên điện đài bí mật và điệp viên ngầm phải hoặc là chồng và vợ, hoặc làm việc riêng biệt với nhau, giữ liên lạc qua người đưa tin để hạ thấp tối đa sự mạo hiểm. Korotkov, thực chất khẳng khái để Fiser liên kết sự lãnh đạo mạng điệp viên và kiểm soát các điện báo viên.

7. Những chiến dịch điệp viên của Abel-Fiser và những người khác ở Tây Âu và trên đại lục Mỹ

Quyết định chuyển Fiser ra nước ngoài được phê chuẩn cuối 1947. Tôi đề nghị Fedotov chuyển ông sang Tây Âu và Bắc Mỹ để kiểm tra tại chỗ mạng lưới điệp viên chúng ta có gì ở Pháp, Na Uy, Mỹ và Canada. Ông phải bảo đảm sự tiếp cận những cơ sở quân sự, kho tàng, kho đạn dược. Chúng ta rất cần biết được người Mỹ có khả năng đổ quân sang châu Âu trong trường hợp “chiến tranh lạnh” tăng trưởng thành chiến tranh nóng như thế nào.

Eitingon về phần mình, đề nghị Fiser nhận quốc tịch Mỹ và dàn xếp hệ thống liên lạc điện đài riêng của mình với Moskva. Tự ông là một nhân viên điện đài giỏi. Tôi đồng ý với Eitingon, nhấn mạnh rằng trong bất cứ trường hợp nào Fiser cũng không được dựa vào các nguồn thông tin cũ. Ông phải thiết lập những tiếp xúc mới, sau đó kiểm tra những người mà chúng ta đã sử dụng những năm 30-40: trong từng trường hợp ông cần tự quyết định, có nên bắt mối liên lạc với họ hay không, nghĩa là chúng tôi sẽ không báo với họ về sự xuất hiện người phụ trách mới của họ ở phương Tây.

Quan trọng hàng đầu ở Mỹ đối với chúng ta là bờ biển miền Tây - chính ở đây tại Long Beach, có các cơ sở quân sự. Fiser nhận chỉ thị thông báo với chúng tôi về các chuyến hàng quân sự chuyển đi Trung Quốc cho Quốc dân đảng Trung Hoa lúc ấy vẫn đang tiến hành

những trận chiến tàn khốc với quân Giải phóng nhân dân Trung Hoa.

Fiser lập được mạng điệp viên mới, liên kết các điệp viên ở California và điệp viên người lưu vong Tiệp ở Brazil, Mexico và Argentina. Người của ông báo cáo về sự di chuyển của kỹ thuật quân sự và đạn dược được chuyển từ các cảng Mỹ trên Thái Bình Dương đến các cảng Viễn Đông. Các điệp viên khá thường xuyên đi từ Mỹ Latinh sang Mỹ theo công việc gắn với kinh doanh của họ, vỏ bọc tuyệt vời. Tất cả bọn họ là những chuyên gia thật sự về tiến hành các chiến dịch phá hoại, có nhiều kinh nghiệm trong thời gian chiến tranh du kích chống Đức. Trong nhóm Mỹ Latinh này có Grintsenko, Filonenko và cựu thư ký của Trotsky Maria de Las Eras (mật danh Patria). Nhận lệnh từ Trung tâm, họ có thể lôi kéo các điệp viên California vào các chiến dịch phá hoại.

Đại tá Filonenko và vợ ông, thiếu tá tình báo, cùng với ba đứa trẻ sống ở Argentina, Brazil và Paraguay, dưới vỏ bọc doanh nhân Tiệp từ Thượng Hải chạy trốn những người cộng sản Trung Quốc. Trong trường hợp cần thiết, họ có thể sử dụng những người Trung Quốc sống ở California để tiến hành gây nổ trên các tàu Mỹ chở hàng quân sự đi Viễn Đông. Để hạn chế mạo hiểm, Filonenko thường đều đặn đi thăm Mỹ thay cho việc sống cố định tại đây. Rất may, đã không có lệnh tiến hành phá hoại trên các tàu Mỹ.

Mạng lưới điệp viên khác của Fiser - các kiều dân Đức ở bờ biển phía Đông của Mỹ. Nói riêng có Kurt Vigel cựu trợ lý của Ernst Vollveber, chuyên gia tiến hành phá hoại từ trước chiến tranh. Tại Mỹ ông đã leo cao trong công tác và giữ chức kỹ sư trưởng của hãng chế tạo tàu biển cho phép tiếp cận thông tin bí mật. Hãng của ông nằm đâu đó gần Norfolk hay Philadelphia gì đó, ông có các mối liên hệ rộng trong cư dân Đức tại đây. Vigel tạo được một nhóm tin cậy để tiến hành các vụ phá hoại.

Vào cuối những năm 40 cũng có người bị quyến rũ bởi ý định trang bị các thiết bị nổ cho Vigel và Filonenko, nhưng tôi kiên quyết phản đối. Mùa thu 1950 khủng hoảng trong cuộc chiến Triều Tiên lên đến đỉnh điểm, các chuyên gia chúng ta vốn có thể lắp thiết bị nổ tại chỗ, đã từ Mỹ Latinh đi sang Mỹ. Họ ở Mỹ hai tháng, nhưng không có lệnh của Trung tâm, và các sĩ quan lại yên lành trở về Argentina, còn từ đây qua Vienne về Moskva.

Có thể, điều đó đã cứu các điệp viên ở Mỹ Latinh thoát chết. Vào những năm 1950-1960 tình báo Mỹ kết hợp chặt chẽ với các cơ quan đặc biệt các quốc gia Mỹ La tinh tích cực tìm kiếm và mò mẫm một số cách tiếp cận các điệp viên ngầm của ta. Nói riêng người Mỹ biết xác định rằng điệp viên Xô viết Artur, ông cũng là Luzik (tên trong tài liệu tác chiến của Grigulevich), đã lập một nhóm tình báo - phá hoại ở Argentina trong những năm chiến tranh. Rất may Grigulevich đã được đưa ra khỏi đòn giáng năm 1944, trở về Liên Xô qua một lớp huấn luyện của đại tá Makliarsky, rồi được ném sang Tây Âu. Họ cũng tìm Zina - vợ của đại tá Filonenko mà họ rõ nhân dạng, vì bà hoạt động công khai năm 1945 trong phái đoàn thương mại ở Montevideo.

Các nhà lãnh đạo cơ quan bí mật của ta của Ủy ban thông tấn, sau là Tổng cục 1 KGB đã làm một sự phiêu lưu khó biện minh khi gọi Filonenko đến cuộc họp bí mật ở Uruguay, tại Montevideo. Dù chuyến đi không khó nhưng điệp viên ngầm - trưởng nhóm đi sang một nước mà phản gián địa phương có những tư liệu về vợ ông ta là mạo hiểm.

Trong thời gian ở Moskva Fiser về nghỉ phép, Abkumov hay, hình như Molotov có nêu vấn đề về truy lùng Orlov, tôi kiên quyết phản đối, nhắc lại BCHTU' đã cấm chúng tôi truy nã ông ta. Ngoài ra Orlov sẽ nhận ra ngay sự theo dõi hay ý đồ bất kỳ của các điệp viên tìm cách đến gần những người họ hàng của ông ta. Ý tưởng dùng Fiser để tìm kiếm Orlov là của Korotkiv.

Về sau chính Korotkov trở thành kẻ có lỗi trong sự đổ vỡ của Fiser. Năm 1955, với tư cách trợ lý ông ta đã gửi cho Fiser điệp viên Kheikhanen, người Phần Lan. Tay này thích rượu, tiêu hết tiền tác chiến, vi phạm nguyên tắc bảo mật, còn khi người ta quyết định gọi y về Moskva, y ở lại Mỹ và khai ra Fiser "Rudolf-Abel".

Fiser được chuyển về cục tình báo bí mật của Ủy ban thông tấn, nhưng tôi vẫn để ý đến ông. Năm 1951 hay 1952 bộ trưởng mới Bộ An ninh Ignatiev ra lệnh để văn phòng của tôi cùng với GRU chuẩn bị kế hoạch của chiến dịch phá hoại tại các cơ sở quân sự Mỹ trong trường hợp chiến tranh hay đụng độ khu vực hạn chế gần biên giới. Chúng tôi xác định 100 mục tiêu, chia chúng thành 3 loại: các căn cứ quân sự nơi đóng các lực lượng không quân chiến lược với vũ khí hạt nhân; các công trình quân sự với kho tàng đạn dược và kỹ thuật chiến tranh dành để cung ứng cho quân đội Mỹ ở châu Âu và Viễn Đông; và cuối cùng, các đường dẫn dầu với kho chứa nhiên liệu để đảm bảo cho sự bố trí ở châu Âu các đơn vị Mỹ và NATO cố định, cũng như cho quân đội họ đóng ở Cận Đông và Viễn Đông ở gần biên giới nước ta.

Đến đầu những năm 1950 chúng tôi có trong tay những điệp viên có thể thâm nhập vào các căn cứ và cơ sở quân sự ở Na Uy, Pháp, Áo, Đức, Mỹ và Canada. Kế hoạch là để thiết lập sự theo dõi và kiểm soát các cơ sở chiến lược của NATO, ghi nhận sự tích cực của nó. Fiser phải thiết lập liên lạc điện đài cố định, tin tưởng các nhóm chiến đấu chúng ta dự trữ ở Mỹ Latinh. Trong trường hợp cần thiết những người này sẵn sàng vượt biên giới Mexico sang Mỹ như những công nhân thời vụ.

Tại châu Âu trong khi đó công tước Gagarin, điệp viên từ lâu của ta tự nhận là người lưu vong có tinh thần chống Xô viết và thời thế chiến II phục vụ trong quân đội của Vlasov, chuyển từ Đức sang Pháp. Nhiệm vụ của ông là tạo lập các căn cứ cho các hoạt động phá hoại ở các cảng biển và sân bay quân sự cũng như những nhóm phần tử vũ trang mà trường hợp chiến tranh hay căng thẳng dọc biên giới nước ta, hẵn đủ sức loại khỏi vòng chiến đấu hệ thống cung ứng sinh hoạt và thông tin của ban tham mưu NATO đóng ở Fontainebleau - ngoại ô Paris.

Một trong những nhà hoạt động chính trị Pháp được tuyển dụng những năm 1930 bởi Xerebrianxky khi ông làm việc trong văn phòng Deladie, thủ tướng lúc ấy, cũng có vai trò quan trọng trong mạng lưới điệp viên chúng ta tổ chức, ở Moskva tôi được chuyển một nhóm chuyên gia về dầu lửa, chế biến dầu và bảo quản nhiên liệu mà cùng họ chúng tôi thảo luận các đánh giá kỹ thuật và sự phân bố các đường dẫn dầu chủ chốt ở Tây Âu. Sau đó chúng tôi giao cho các sĩ quan của mình nhiệm vụ chiêu mộ điệp viên phá hoại trong số người phục vụ các nhà máy lọc dầu và quản lý ống dẫn dầu.

Năm 1952 tôi nhận một thông báo rằng Fiser đã nhận quốc tịch Mỹ và bằng cách đó kiếm được "ô" chắc chắn. Bây giờ ông có thể làm, hoàn toàn chính thức, một nghề nghiệp

của mình - nghệ sĩ hay họa sĩ. Ông có ba căn hộ được trang bị điện đài: giữa New York và Nolfork, gần hồ Lớn và tại bờ biển miền Tây. Đó là điều cuối cùng tôi nghe được về ông trước khi tôi bị bắt và trước thời điểm ông được đổi lấy phi công quân sự Mỹ Powers, nằm trong tù Vladimir, nơi tôi cũng ở đó thời ấy.

Ignatiev thay chức bộ trưởng An ninh của Abakumov và bộ trưởng Quốc phòng nguyên soái Vaxilevsky năm 1952 khuyến khích kế hoạch hành động chống lại các căn cứ quân sự chiến lược Mỹ và NATO trong trường hợp chiến tranh hay các đụng độ toàn cục vượt khỏi tầm kiểm soát. Nhưng đề nghị của tôi mở rộng cơ sở hoạt động của điệp viên ở Paris bất ngờ đã vấp phải những khó khăn nghiêm trọng.

Khokhlov (mật danh Xvixtun), một trong điệp viên - cựu binh của chúng ta, làm việc tích cực trong những năm chiến tranh, đột nhiên bị phát giác bởi phản gián đối phương, muộn hơn anh ta chạy sang phương Tây. Trước chiến tranh Khokhlov chủ yếu "làm việc" trong giới trí thức. Chúng tôi lên kế hoạch dùng anh ta như người liên lạc cho mạng điệp viên được thành lập ở Moskva trong trường hợp nó bị Đức chiếm. Ở Minxk, anh làm quen với cô hầu của thống đốc Beloruxia người Đức. Năm 1943 trong phòng ngủ của ông chủ một quả mìn được gài dưới đệm và thống đốc Cube bị giết.

Tôi đưa theo Khokhlov sang Rumania để anh ta quen dần với lối sống phương Tây. Trở về Moskva anh ta là nguồn dữ trữ tích cực nhằm để cài sâu sang phương Tây. Tôi bố trí cho anh ta vào học khoa ngữ văn Trường đại học Tổng hợp Moskva. Từ những năm 1950 Khokhlov bắt đầu thường hay đi sang phương Tây. Trong văn phòng tôi Khokhlov do Tamara Ivanovna phụ trách, cô là trưởng phòng huấn luyện điệp viên. Cô làm việc tốt ở Hungari và Áo, năm 1945 tham gia chiêu mộ những người Đức trong chiến dịch Berezino, nhưng năm 1948 được gọi về theo sắc lệnh đình chỉ công việc và gọi về tất cả các điệp viên từ những nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Khokhlov mấy lần đi Đức, Áo và Thụy Sĩ. Tôi muốn anh ta bằng khả năng thiên phú làm quen với vũ nữ balê gốc Gruzia trong nhà hát balê Paris mà người ta thường thấy trong nhóm các sĩ quan Mỹ và thành viên NATO. Bản thân Khokhlov không biết gì về các kế hoạch này. Thật tiếc và bức tức, anh ta đã gây một sai lầm không thể tha thứ mà lúc đầu tự thấy không quan trọng. Dưới mắt tôi, điều đó đã gạch bỏ hoàn toàn đường công danh của anh ta.

Tháng 5-1992 Khokhlov xuất hiện một thời gian ngắn ở Moskya sau khi Eltsin ký lệnh ân xá cho y, nhưng rồi nhanh chóng lại quay sang Mỹ.

Một trong những chỉ huy cuối của Khokhlov, Anh hùng Liên Xô Mirkovxky, cựu phó của tôi, kể với tôi rằng thuộc cấp của ông không muốn đi làm nhiệm vụ cuối cùng. Người ta cử y đi không phải để giết Okolovich, mà để chuẩn bị cho vụ ám sát đó, còn một nhóm điệp viên Đức phải thực hiện việc này. Khokhlov cũng không muốn đưa vợ và con theo sang Áo. Điều đó có nghĩa y hoàn toàn không định chạy trốn. Thế nhưng tại cuộc họp báo y nói là y và vợ chỉ luôn mơ được bỏ chạy sang phương Tây. Việc chạy sang phương Tây của Khokhlov gây đau khổ cho gia đình y, đặc biệt cô vợ. Cô vợ đã không kể gì về người bố với con trai. Con trai Khokhlov trở thành giáo sư sinh học ở Trường đại học Tổng hợp Moskva và như một thẩm định viên khoa học vẫn sang Mỹ. Vả lại với bố mình anh gặp lần đầu tiên chỉ khi

vào tháng 5-1992 Khokhlov xuất hiện tại căn hộ của họ ở Moskva.

8. Thất bại của phái dân tộc chủ nghĩa ở Tây Ucraina và vùng Baltic

Sự nảy sinh “chiến tranh lạnh” gắn chặt với sự ủng hộ của phương Tây cho những phong trào vũ trang phái dân tộc chủ nghĩa tại các nước vùng Baltic và ở Tây Ucraina. Tôi bị cuốn vào vòng xoáy các sự kiện ở Tây Ucraina - bởi kinh nghiệm làm việc về các vấn đề Ucraina trước đây.

Có lần mùa hè 1946 tôi bị gọi cùng Abakumov đến BCHTU'. Trong văn phòng bí thư BCHTU' Kuznetsov tôi trông thấy Khrusev, bí thư thứ nhất ĐCS Ucraina. Kuznetsov thông tin cho tôi rằng BCHTU' đồng ý với đề nghị của Kaganovich và Khrusev bí mật trừ khử Sumxky, người lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa Ucraina. Theo số liệu MGB Ucraina Sumxky thiết lập các tiếp xúc với bọn lưu vong ở phương Tây, bày những mưu mô nhằm vào chính phủ lưu vong lâm thời đang hình thành. Sumxky nổi tiếng trong các nhóm dân tộc chủ nghĩa như người bị thanh trừ từ đầu những năm 30 trong cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng. Ông ta được tha khỏi nhà tù chỉ vì sức khỏe yếu.

Sumxky khi đang bị đày ở Xaratov, móc nối với các nhà hoạt động văn hoá Ucraina ở Kiev và ở nước ngoài. Theo lời Kuznetsov, ông ta rõ ràng đánh giá quá về uy tín của mình giữa những kẻ lưu vong Ucraina và gửi một bức thư láo xược cho Stalin, đe dọa tự vẫn nếu không được phép trở về Ucraina. Khrusev từ phía mình, nói thêm rằng ông ta có những tin tức, Sumxky đã mua vé tàu hỏa và dự định trở về Ucraina để tổ chức phong trào vũ trang dân tộc chủ nghĩa hoặc chạy ra nước ngoài và tham gia vào thành phần chính phủ Ucraina lưu vong.

Đáp lại Abakumov nói, bởi tôi là chuyên gia về các vấn đề Ucraina, tôi nên theo dõi các liên hệ của Sumxky với tổ chức bí mật dân tộc chủ nghĩa Ucraina và những kẻ lưu vong Ucraina. Abakumov cũng nói rằng sẽ phái một nhóm đặc biệt để thủ tiêu Sumxky, và tôi có nhiệm vụ xóa tất cả mọi dấu vết. Mairanovxky hỏi ấy là trưởng phòng thí nghiệm chất độc của MGB, được triệu gấp về Xaratov, nơi Sumxky đang nằm viện. Chất độc đã phát huy tác dụng Sumxky được kết luận chết vì bệnh tim. Tiện thể, chúng tôi đã không xác lập được các mối liên hệ ở nước ngoài của ông ta. Moskva cho chiến dịch một ý nghĩa lớn lao. Đi đến Xaratov có thứ trưởng MGB Ogolesov mà Mairanovxky trực thuộc, và Kaganovich trực tiếp biết Sumxky.

Những cam đoan của chúng ta với Roosevelt trước hội nghị Yalta rằng công dân Xô viết có quyền tự do tín ngưỡng nói chung không có nghĩa là đã kết thúc sự đối kháng với các tín đồ Thiên chúa giáo hay Uniat. Grigulievich, điệp viên của ta ở Roma nhận quốc tịch Costa-Rica và sau chiến tranh trở thành đại sứ Costa-Rica ở Vatican và Nam Tư, thông tin cho chúng tôi về việc Vatican có ý định giữ lập trường cứng rắn liên quan đến Moskva do những thúc ép của nhà thờ Thiên chúa giáo Ucraina.

Với nhà thờ Uniat thì nó có một tình trạng khá đặc biệt: khi trực thuộc Vatican, giáo đồ Uniat cầu nguyện bằng tiếng Ucraina. Đứng đầu nhà thờ là giáo chủ Andrei Septintsky, bá tước Ba Lan, cựu sĩ quan quân đội Áo. Người đứng đầu giáo phái Uniat Ucraina được phong giám mục từ trước thế chiến I và vì nhà thờ đã hy sinh binh nghiệp. Trong thế chiến I

ông cộng tác với tình báo Áo, bị phản gián quân đội Sa hoàng bắt và lưu đày, được Chính phủ lâm thời tha năm 1917 và quay về Lơvov, nơi tổ chức quân đội dân tộc chủ nghĩa Ucraina đứng đầu là đại tá Konovalets được thành lập.

Năm 1941 khi chiến tranh bắt đầu và quân Đức chiếm Lơvov, Septinsky gửi điện chúc mừng Hitler nhân danh nhà thờ Uniat, hi vọng giải thoát Ucraina khỏi những người bolsevich. Ông đã đi quá xa, thậm chí đã chúc phúc cho sư đoàn Galitsina thành lập tháng 11-1943, một đơn vị Ucraina đặc biệt nằm dưới sự chỉ huy của sĩ quan Gestapo Đức. Sư đoàn đã thề trung thành với Hitler và được sử dụng cho các cuộc tiêu diệt chống dân lành và Do Thái, những người bị thủ tiêu ở Ucraina, Xlovakia và Nam Tư. Septitsky cử viện trưởng Ioxif Xlipuri làm cha tuyên úy của sư đoàn.

Các phân đội của sư đoàn này bị người Anh bắt làm tù binh ở Italia và Áo, còn tháng 5-1947 chỉ huy các phân đội bị đày sang Anh. Năm 1951 chúng được dùng làm điệp viên phá hoại nhảy dù xuống Tây Ucraina nơi chúng phải lãnh đạo phong trào kháng chiến.

Năm 1944 Septitsky đã già và sắp chết. Lo lắng về số phận nhà thờ Uniat Ucraina, ông gửi một phái đoàn đi Moskva có em trai ông, viện trưởng Ioxif Xlipuri và viện trưởng Gavril Koxtenkov. Họ qua Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao đề nghị giáo chủ nhà thờ Chính giáo Nga vốn chưa bao giờ có quan hệ tốt với giáo phái Uniat, tiếp họ. Thế nhưng Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao đã chuyển phái đoàn sang NKVD để làm rõ việc cộng tác với bọn Đức của ban lãnh đạo nhà thờ Uniat Ucraina. Tôi và tướng Mamulov trưởng ban thư ký NKVD được lệnh tiếp họ. Tôi trình bày các cứ liệu về sự cộng tác đó, nhưng như được lệnh, tôi cam đoan với họ rằng nếu họ hối hận và làm sáng tỏ được rằng các giáo sĩ nhà thờ tự mình không gây tội chiến tranh, họ sẽ không bị truy nã.

Các sự kiện tiếp theo phát triển một cách bi kịch. Sau cái chết của giáo chủ Alexandr Septitsky năm 1945 trong những người phụng sự nhà thờ Uniat đã bùng lên đùng độ tàn khốc. Bên trong nhà thờ Uniat từ lâu đã tồn tại một phong trào ủng hộ sự thống nhất với nhà thờ Chính thống giáo. Những giám mục xung quanh Alexandr Septitsky vốn chống lại liên minh này bị vấy bẩn nghiêm trọng bởi sự cộng tác với bọn Đức. Tu viện trưởng Gavril Koxtelnik suốt ba chục năm kêu gọi sự thống nhất với nhà thờ Chính thống giáo, đứng đầu phong trào này. Người ta có nói rằng ông là điệp viên của NKVD, nhưng nó không có cơ sở. Thực tế, hai con trai ông bị lôi kéo vào phong trào của Bandera, và cả hai đều chết trong các trận chiến với các đơn vị NKVD. Năm 1946 Koxtelnik triệu tập hội nghị các giám mục Uniat biểu quyết cho sự thống nhất với nhà thờ Chính thống giáo. Ioxif Xlipuri bị bắt và chịu lưu đày. Sự thống nhất của nhà thờ giáng một đòn quyết định vào phong trào du kích dân tộc chủ nghĩa Ucraina dưới sự lãnh đạo của Bandera - đa số chỉ huy của chúng là từ những gia đình giám mục Uniat.

Cố hết sức bảo tồn phong trào dân tộc chủ nghĩa, Bandera dùng đến các hành động khủng bố. Các chính quyền địa phương thực chất mất quyền kiểm soát vùng nông thôn. Bọn thủ lĩnh phái dân tộc chủ nghĩa cấm thanh niên đến các điểm gọi để gia nhập Hồng quân; Bọn Bandera chém giết gia đình những người nhập ngũ, đốt nhà họ, cố thiết lập quyền lực OUN tại các lãnh địa nông thôn. Vụ ám hại Koxtelnik ngay trên thềm nhà thờ Lơvov khi ông vừa làm lễ rửa tội đã trở thành đỉnh điểm chiến dịch khủng bố. Tên sát nhân bị đám đông

bao vây và đã tự sát; người ta nhận ra hấn - Sukhevich bảy năm lãnh đạo phong trào bí mật của Ucraina, thành viên nhóm khủng bố do Bandera đứng đầu. Trong thời gian chiến tranh Sukhevich mang hàm đại úy và là một trong những chỉ huy tiểu đoàn tiểu phạt Nachigal. Chỉ huy tiểu đoàn chủ yếu là người Đức. Sau vụ bắn giết hàng loạt người Do Thái và trí thức Ba Lan vào tháng 7-1941 bọn Bandera tuyên bố thành lập chính phủ Ucraina độc lập đứng đầu là Xtetsko.

Thế nhưng bọn Đức đã nhanh chóng xua đuổi chính phủ này. Một loạt nhà hoạt động chính trị OUN bị quản thúc, trong đó có Bandera. Hitler xem phong trào Uniat chỉ như một lực lượng cảnh sát trong sự thiết lập nền thống trị của Đức trên lãnh thổ Xlavor. Người Đức ủng hộ chủ nghĩa dân tộc Ucraina chỉ trong sự thành lập các cơ quan điều hành địa phương dưới sự kiểm soát của mình và cho đến tận năm 1944 kiên quyết không thừa nhận OUN như một lực lượng chính trị.

Năm 1945, một bộ phận tiểu đoàn Nachigal nhập vào phân đội tiểu phạt tinh hoa của lực lượng vũ trang Đức phát xít - sư đoàn Galitsina.

Thông tin chúng tôi nhận từ nước ngoài về việc Vatican tìm sự ủng hộ của chính quyền Anh Mỹ để giúp nhà thờ Uniat và các phân đội Bandera gắn bó chặt chẽ với nó, được chuyển không chỉ cho Stalin và Molotov, mà cả Khrusev, bí thư thứ nhất BCHTU' ĐCS Ucraina. Khrusev xin Stalin cho phép ông ta bí mật thủ tiêu toàn bộ chớp bu nhà thờ Uniat ở thành phố Hungari cũ Ujgorod. Trong bức thư gửi đến hai địa chỉ - Stalin và Abakumov, - Khrusev và Xavtsenko, bộ trưởng An ninh Ucraina, khẳng định rằng tu viện trưởng Romja của nhà thờ Uniat Ucraina tích cực hợp tác với các đầu lĩnh phong trào khủng bố và giữ liên lạc với các phái viên mật của Vatican đang tiến hành cuộc đấu tranh tích cực với chính quyền Xô viết và giúp đỡ mọi cách cho bọn Bandera. Họ cũng viết rằng nhóm Romja là mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự ổn định chính trị trong khu vực vừa mới nhập vào Liên Xô.

Thông tin về tình hình trong ban lãnh đạo Ucraina qua Romja rò rỉ ra nước ngoài, từ đó mới về Moskva. Tất cả mọi điều đó tạo nên mối đe dọa hiện thực đối với Khrusev. Không xử lý được tình huống, Khrusev đã có sáng kiến bí mật trừ bỏ Romja.

Bộ trưởng An ninh quốc gia Liên Xô Abakumov cho tôi xem bức thư của Khrusev và Xavtsenko và cảnh báo: không giúp gì cho các cơ quan an ninh Ucraina trong vụ này trước khi có chỉ thị trực tiếp của Stalin.

Stalin đồng ý với đề nghị của Khrusev rằng đã đến lúc tiêu diệt cái “ổ khủng bố” của Vatican ở Ujgorod.

Thế nhưng vụ tấn công Romja được Xavtsenko và người của ông ta chuẩn bị tồi: kết quả vụ tai nạn xe hơi chỉ làm bị thương Romja và ông ta được đưa vào một bệnh viện Ujgorod. Khrusev lo cuống cuống, lại nhờ Stalin, ông ta khẳng định rằng Romja chuẩn bị gặp những kẻ liên lạc cao cấp từ Vatican.

Tôi cùng nhóm của mình đi Ujgorod để làm rõ các mối liên lạc và tiếp xúc của Romja, bởi vì tôi biết tất cả toàn bộ ban lãnh đạo phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina từ thời được cài vào ban chỉ huy OUN.

Tại Ujgorod tôi dừng lại gần hai tuần. Vào thời gian ấy Abakumov gọi điện thoại cho tôi và nói rằng Xavtsenko và Mairanovxky, trưởng phòng thí nghiệm chất độc sẽ đến Ujgorod sau một tuần với lệnh thủ tiêu Romja. Xavtsenko và Mairanovxky kể với tôi rằng trên ga Kiev trong toa tàu của mình Khrusev đã tiếp họ, đưa ra những chỉ thị rõ ràng và chúc thành công. Hai ngày sau Xavtsenko báo điện thoại với Khrusev là mọi thứ đã sẵn sàng, Khrusev ra lệnh thực thi hành động. Mairanovxky đưa một ống tiêm chứa thuốc độc cho cô y tá - điệp viên địa phương, - trong bệnh viện có Romja nằm, và cô ta đã làm một mũi tiêm chết người.

Kết quả phi vụ này là Xavtsenko được thăng chức, sau một năm ông ta được chuyển về Moskva và được cử làm phó cho Molotov trong ủy ban thông tấn...

Sau vụ thủ tiêu Romja, khoảng một năm tôi chẳng có tiếp xúc gì với Abakumov, nhưng một lần vào khoảng bốn giờ sáng, chuông điện thoại kêu.

- Anh hãy sẵn sàng đến mười giờ để thực thi một nhiệm vụ khẩn. Chuyến bay từ Vnukovo.

Tôi ra sân bay có Eitingon đưa tiễn. Chờ tôi ở đây đã có trung tướng Xelivanovxky, phó của Abakumov. Chỉ khi bay đến gần Kiev, ông mới nói với tôi: mục tiêu cuối của chuyến đi là Lơvov. Xelivanovxky kể về vụ giết hại Galan một cách độc ác bởi bọn Bandera. Đồng chí Stalin, theo lời ông, rất không bằng lòng về công việc của cơ quan an ninh ở Tây Ucraina trong cuộc đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố. Vì điều đó tôi được lệnh tập trung truy tìm các thủ lĩnh hoạt động bí mật của Bandera và tiêu diệt chúng. Tôi hiểu ngay: tương lai của tôi phụ thuộc vào việc thực hiện nhiệm vụ này.

Tại Lơvov chúng tôi gặp ngay một đảng viên tích cực, người dẫn đường cho Khrusev từ Kiev đến để trực tiếp kiểm soát việc truy nã những kẻ giết Galan. Trong cuộc họp giữa tôi và Khrusev nảy ra tranh cãi. Ông ta rõ ràng không bình tĩnh: trên đầu ông ta lơ lửng mối đe dọa bị thất sủng với Stalin vì để cho nạn khủng bố hoành hành tại Tây Ucraina. Tôi càng làm ông ta hết kiên nhẫn, khi phản đối chống lại đề nghị cấp hộ chiếu đặc biệt cho cư dân Tây Ucraina. Khrusev cũng đề xuất tổng động viên thanh niên đi làm việc ở Donbax và đi học nghề tại trường dạy nghề ở Đông Ucraina và bằng cách đó cắt đứt nguồn bổ sung cho bọn Bandera. Tôi tuyên bố cứng rắn rằng, việc cấp hộ chiếu đặc biệt và việc di dân thực tế của thanh niên - phản tác dụng, điều này có thể làm dân cư địa phương trở nên tàn nhẫn hơn, còn thanh niên có thể trốn vào rừng theo bọn cướp vũ trang. Khrusev bực tức nói đó không phải việc của tôi, bởi nhiệm vụ của tôi là diệt thủ lĩnh của chúng, giải quyết những vấn đề khác sẽ là những người có trách nhiệm khác.

Nhưng sự can thiệp của tôi là kịp thời, và ý tưởng cấp hộ chiếu đặc biệt bị chôn vùi, các kế hoạch tổng động viên thanh niên chỉ thực hiện từng phần - họ chỉ bị gọi đến trường dạy nghề mà thôi. Sự ân xá được công bố nhanh sau đó dành cho những ai tự nguyện nộp vũ khí. Hành động này đặc biệt có hiệu quả, chỉ ngay trong tuần đầu tiên của năm mới 1950 đã có 8000 người nộp vũ khí.

Theo các tin tức của chúng tôi, cầm đầu sự chống chọi vũ trang là Sukhevich. Từ 1943 đến năm 1950 y đứng đầu hoạt động bí mật của Bandera. Đó là một người có lòng can đảm hơn người và có kinh nghiệm công tác bí mật, điều cho phép y thêm 7 năm sau khi bọn

Đức đi khỏi vẫn tiến hành hoạt động phá hoại tích cực. Khi chúng tôi tìm kiếm y ở vùng Lơvov thì y đang ở viện điều dưỡng bên bờ biển Đen gần Ôđécxa. Sau đó y xuất hiện ở Lơvov, thăm mấy nhà hoạt động văn hoá nổi tiếng và thậm chí gửi vòng hoa mang tên mình đến đám tang của một người trong số họ. Chúng tôi được tin báo về y ở Lơvov, đồng thời về phần mình, chúng tôi xác lập được nhân thân của 4 tên vệ sĩ - tất cả đều là đàn bà và đồng thời là tình nhân của Sukhevich. Tôi ở lại Lơvov nửa năm - cởi nút dù sẽ là tất yếu, nhưng như thường, nó lại khá bất ngờ. Sukhevich quá tin vào các mối liên hệ cũ thời chiến tranh và mất cảnh giác. Trong khi đó chúng tôi tiếp cận được gia đình Gorbovoi, luật sư và một kẻ tham gia phong trào Bandera có uy tín. Gorbovoi và gia đình ông ta muốn thỏa hiệp với chính quyền Xô viết và không muốn tham gia vào các vụ giết người. Tôi tiếp cận được Gorbovoi và bạn bè ông ta và đề nghị nhân danh lãnh đạo Xô viết: cần kết thúc đầu mối và đưa mọi người quay lại cuộc sống bình thường. Tôi hứa lo việc giải phóng cháu gái của Gorbovoi từ trại giam ở Nga nơi cô bị đày đến. Tôi đã giữ lời hứa - sau cú điện thoại của tôi gọi trực tiếp cho Abakumov, cháu gái của Gorbovoi lập tức được tha và đưa về Lơvov bằng máy bay. Đáp lại Gorbovoi chỉ những nơi Sukhevich có thể ẩn náu. Đến thời gian ấy chúng tôi đã kéo được về phía mình cả một liên lạc của Sukhevich, cầu thủ bóng đá đội Dinamo địa phương. Gorbovoi và người cùng chí hướng với ông ta viện sĩ Kripiakevich người có con trai tham gia tích cực phong trào Bandera, đã hối hận và công khai về sai lầm của của mình; họ không bị trừng phạt.

Trong khi đó Sukhevich có một sai lầm định mệnh. Khi một công an xuất hiện để kiểm tra giấy tờ một cách thông thường trong ngôi nhà mà y với vệ sĩ - tình nhân Daria Guxiak đang ở, thần kinh y đã không chịu nổi. Sukhevich bắn chết người công an, con y, tình nhân và mẹ cô ta bỏ trốn. Những cuộc truy tìm của chúng tôi tại một làng hẻo lánh đã phát hiện được mẹ của Daria, Sukhevich không có đấy, nhưng sự hiện diện của người đàn bà cho thấy y chưa thể đi xa. Muộn hơn, khi Daria bị bắt cô ta khai rằng đã lạy lục Sukhevich không giết mẹ cô: bà đi chân giả, và y sợ có bà thì khó chạy trốn. Lúc ấy chúng đã bỏ bà cụt lại trong làng.

Nhóm truy bắt Sukhevich của chúng tôi bố trí trong nhà có mẹ Daria sống. Một nữ sinh viên trẻ trung xinh xắn từ Lơvov, cháu của Daria nhanh chóng xuất hiện. Cô đi thăm họ hàng và tuyên truyền về sự phản động của chủ nghĩa dân tộc theo nhiệm vụ của Đoàn trường. Khi trò chuyện tôi thận trọng hỏi bây giờ cô Daria sống ở đâu, cô gái đáp Daria sống trong ký túc xá trường cô và thỉnh thoảng đi thăm Học viện Lâm nghiệp, nơi sắp định thi vào.

Nhóm theo dõi nhanh chóng xác định được Daria đi đến “học viện” nào: cô ta đi tới một cái làng gần Lơvov, nơi cô ta ở lại nhiều giờ trong một quầy bán hàng. Điều đó buộc chúng tôi giả định rằng Sukhevich ở đó. Rất không may, các sĩ quan trẻ tiến hành theo dõi vào tháng 3-1950 lại ít kinh nghiệm và để che dấu đã vờ theo đuổi cô ta. Khi trung úy Revenko chìa tay cho Daria và nói muốn làm quen với một cô gái xinh đẹp như thế, cô ta cảm thấy bị cài bẫy và không nghĩ ngợi, bắn thẳng vào anh. Cô ta lập tức bị bắt bởi những người dân địa phương, nhân chứng vụ giết người ngay trước mắt. Người của chúng tôi giành lại được cô ta từ tay dân chúng và đưa về đồn công an. Sau nửa giờ, trưởng nhóm, trợ lý của tôi, đã ở đấy, anh không chậm trễ ra lệnh phao tin rằng người đàn bà giết trung úy và đã tự tử vì chuyện tình cảm. Daria bị cách ly, còn tôi, tướng Drozdov và hai mươi cán bộ tác chiến

vây chặt ngôi làng để phong tỏa Sukhevich chạy trốn. Drozdov đòi Sukhevich nộp vũ khí - trong trường hợp đó y được bảo đảm sự sống. Đáp lại là một tràng súng máy. Sukhevich cố thoát vòng vây, ném từ chỗ trú ẩn ra hai quả lựu đạn. Diễn ra cuộc đọ súng mà kết quả Sukhevich bị giết chết.

Sau cái chết của Sukhevich phong trào chống chọi ở Tây Ucraina lại dần và nhanh chóng bị dập tắt. Chúng tôi làm rõ được rằng Sukhevich đã tạo lập được một mạng điệp viên khá nguy hiểm. Trong nửa năm, vào tháng 6-1949, Daria đã sống 2 tuần tại khách sạn Metropol bằng hộ chiếu giả. Trong phòng cô ta có các thiết bị gây nổ. Trong hai tuần ấy cô ta nhiều lần thăm quảng trường Đỏ tìm kiếm “bia ngấm” phù hợp. Được đoán rằng, vụ nổ này gây ấn tượng ở phương Tây và OUN sẽ nhận được sự trợ giúp tài chính.

Các tài liệu của phong trào Bandera được bí mật chuyển khỏi Lơvôv về Leningrad và giấu trong phòng các bản thảo quý hiếm của thư viện mang tên Xangtưkov-Sedrin.

Thảm bại của “sử thi” Ucraina đến sau một năm. Các tổ chức Treka và riêng Khamaziuk cán bộ tác chiến từ nhóm tôi đã cài được điệp viên vào toán quân còn lại của bọn Bandera, đến thời ấy đã chạy sang Tiệp Khắc, rồi sang Đức. Tình báo Anh tiếp cận những người này, đưa về Anh để huấn luyện công tác phá hoại ngầm. Người của ta được giới thiệu với bọn Bandera như thành viên tích cực gần gũi của Sukhevich. Ở Mukhen, anh vẫn giữ tiếp xúc với chúng tôi, nhưng khi nhóm vừa sang Anh, chúng tôi quyết định tạm thời không mạo hiểm và không bắt liên lạc với anh. Bọn lãnh đạo OUN ở nước ngoài rất lo vì sự thiếu liên lạc điện đài của Sukhevich. Chúng được sự ủng hộ của người Anh, quyết định phái về Ucraina chỉ huy cơ quan an ninh của OUN, Matvieiko. Y được giao nhiệm vụ tìm hiểu về số phận của Sukhevich và đẩy mạnh phong trào bí mật. Chúng tôi ra chỉ thị cho điệp viên chuyển bưu thiếp mật mã về Đức theo địa chỉ chỉ định với thông báo về tuyến đi của nhóm Matvieiko. Dự đoán, các phái viên của Bandera sẽ đổ bộ vào thành phố Rovno. Cơ quan phòng không của ta nhận được chỉ thị không bắn rơi máy bay Anh, mà chắc sẽ lấy nhóm của Matvieiko bay từ Malta sau đó thả dù xuống Rovno. Làm thế để không những bảo vệ điệp viên của ta trong nhóm, mà còn vì chúng tôi muốn bắt sống tất cả.

Các thành viên của nhóm được đón tiếp nồng nhiệt tại điểm hẹn bởi người của Raikhman, phó cục trưởng phản gián, những người khéo léo đóng vai bọn hoạt động bí mật tính sự bất gặp Matvieiko ở đấy. Sau chiều uống - trong rượu có thuốc mê - “các vị khách” ngủ thanh thản và tỉnh dậy đã ở nhà tù của sở MGB tỉnh.

Tất cả điều đó xảy ra vào tháng 5-1951. Ba giờ đêm trong nhà tôi vang lên tiếng chuông điện thoại. Thư ký của Abakumov gọi: tôi phải tức tốc đến văn phòng của bộ trưởng. Chỗ Abakumov đang diễn ra cuộc hỏi cung Matvieiko, do chính bộ trưởng và phó của ông ta Pitovranov tiến hành. Thoạt đầu tôi chỉ làm công việc phiên dịch, vì Matvieiko chỉ nói bằng phương ngữ Tây Ucraina. Cuộc hỏi cung kéo dài 2 giờ. Sau đó Abakumov ra lệnh cho tôi chuyên trách Matvieiko. Tôi làm việc với ông ta chừng một tháng. Đó không phải là hỏi cung, mà là trò chuyện, có nghĩa là không ghi biên bản. Những buổi trò chuyện của chúng tôi diễn ra trong văn phòng Mironov, phụ trách nhà tù, nơi Matvieiko thậm chí có khả năng xem tivi. Tôi còn nhớ, ông ta đã sửng sốt thế nào trước vở opera “Bogdan Khmelnytsky” bằng tiếng Ucraina. Ở Ba Lan và Tây Ucraina Matvieiko chưa bao giờ xem một vở opera

nào được diễn bằng tiếng Ucraina. Ông ta không tin, và để thuyết phục ông ta tôi dẫn Matvieiko vào rạp hát xem chương trình Ucraina, thật ra, có đoàn hộ tống.

Sau những buổi trò chuyện với tôi, ông ta được thuyết phục: có lẽ ngoài họ tên mấy điệp viên hạng hai, về thực chất, chúng ta đã rõ tất cả về tổ chức Ucraina lưu vong và phong trào Bandera. Ông ta bị sốc khi tôi trình bày tiểu sử tất cả các thủ lĩnh dân tộc chủ nghĩa Ucraina, dẫn ra các chi tiết riêng tư, kể về sự thanh toán lẫn nhau giữa chúng. Cam đoan với Matvieiko rằng tôi không định chiêu mộ ông, tôi giải thích: cái cốt yếu đối với chúng ta - chấm dứt cuộc đối đầu vũ trang ở Tây Ucraina. Được phép của Abakumov tôi gọi cho Melhikov, bí thư thứ nhất ĐCS Ucraina thay thế Khrusev, và đề nghị tiếp Matvieiko ở Kiev và cho ông ta thấy rằng Ucraina và nói riêng Tây Ucraina, - đó không phải là lãnh thổ bị Nga chiếm đóng, mà là mảnh đất tự do nơi những con người tự do đang sống.

Tôi không còn gặp thêm Matvieiko. Ở Kiev ông ta được bố trí ở tại một căn hộ bí mật, nhưng được tự do đi lại trong thành phố.

Sau đó ông ta được chuyển về Lơvov nơi ông ta sống trong một biệt thự. Từ đó ông ta đã bỏ trốn. Lập tức Kiev và Moskva nhốn nháo lên. Tuyên bố truy nã toàn liên bang. Bộ trưởng an ninh Ucraina lập tức ra lệnh bắt tất cả những người chịu trách nhiệm bảo vệ Matvieiko. Hoá ra ông ta đi ra rất đơn giản: bước ra khỏi biệt thự, chào người gác mà qua mười ngày đã quen với việc Matvieiko tự do đi và về (thực ra với sự tháp tùng của sĩ quan an ninh), và không ngăn ông ta lại, dù lần này chẳng có sự tháp tùng nào cả.

Những ngày này ông ta sống ở nhà một người quen cũ không liên quan với bọn Bandera. Matvieiko nói với chủ nhà là đi từ Moskva đến vì công việc và sẽ ở lại không lâu. Qua thời gian đó ông ta đi khắp các điểm hẹn của Bandera và kiểm tra các mối liên lạc ở Lơvov. Ông ta thấy khủng khiếp khi phát hiện ra rằng không có mạng lưới điệp viên nào hết: hai địa chỉ hoá ra không đúng, còn những kẻ gắn với hoạt động bí mật, chỉ là bịa. Đó tất thấy chỉ là tưởng tượng của kẻ viết báo cáo về những thành tích thổi phồng của phong trào Bandera được gửi về ban tham mưu OUN ở London và Mukhen. Matvieiko là một nhà tình báo khá kinh nghiệm để hiểu: những điểm hẹn được để lại chắc chắn nằm dưới sự theo dõi của phản gián Xô viết, chúng được giữ lại chỉ để sử dụng như mồi nhử cho những kẻ viếng thăm ngốc nghếch từ nước ngoài.

Sau ba ngày Matvieiko ra tự thú với cơ quan an ninh Lơvov. Tại cuộc họp báo do lãnh đạo Ucraina tổ chức, ông ta chỉ trích phong trào Bandera. Lợi dụng uy tín của mình Matvieiko kêu gọi giới lưu vong và OUN đang chiến đấu trong hàng ngũ bọn chúng hãy quy thuận, về sau ông ta bắt đầu một cuộc sống mới - làm kế toán, lấy vợ, nuôi lớn ba đứa con và chết một cách thanh thản năm 1974.

Lịch sử với Matvieiko có thêm tiếng vọng mới dưới sự tuyên bố nền độc lập của Ucraina. Phương Tây chưa bao giờ hiểu rằng sau cách mạng 1917 lần đầu tiên trong lịch sử của mình Ucraina có được nhà nước trong thành phần Liên Xô. Sự phồn thịnh thực sự đã đến trong nghệ thuật, văn học, hệ thống giáo dục dân tộc bằng tiếng mẹ đẻ, điều hoàn toàn là không thể hình dung dưới thời Sa hoàng, thời thống trị của Áo và Ba Lan tại Galitsyn.

Lãnh đạo ĐCS Ucraina bao giờ cũng được tôn trọng ở Moskva, và họ có ảnh hưởng thiết thực tới sự hình thành đường lối đối nội và đối ngoại của lãnh đạo Kremli. Ucraina luôn là nguồn dự trữ cán bộ cho công tác lãnh đạo ở Moskva. Hơn các nước cộng hòa khác, Ucraina là thành viên Liên hợp quốc. Trước 1992 Ucraina chưa là một quốc gia độc lập trọn vẹn, nhưng vẫn như cũ tôi coi mình là người Ucraina - một trong những người ở mức nào đó thúc đẩy sự thành lập cái địa vị mà nó có trong phạm vi Liên Xô. Trọng lượng mà Ucraina có, sự củng cố uy tín của nó trong Liên Xô và ở nước ngoài trở thành tiền đề cho việc có được thể chế một quốc gia độc lập hoàn toàn sau sự sụp đổ của Liên Xô.

9. Lãnh đạo Xô viết và vấn đề người Kurd ở Cận Đông những năm 1947-1953

Năm 1947 những toán vũ trang người Kurd dưới sự chỉ huy của Mulla Muxtafa Barzani tranh chấp với quân đội nhà vua, đã qua biên giới chúng ta với Iran và lọt vào lãnh thổ Azerbaizan.

Những người Kurd sinh sống ở Iraq, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ chịu mọi sự chèn ép, còn các đại diện chính quyền Anh từng thân với người Kurd trong giai đoạn sôi động thân Đức trong giới cầm quyền Iran những năm 1939-1941, sau khi đưa quân đội Anh và Liên Xô vào Iran, đã từ chối giúp đỡ họ.

Những toán quân chiến đấu của Barzani vượt qua biên giới lên đến hai nghìn, với họ còn thêm chừng ấy gia quyến nữa. Chính quyền Xô viết lúc đầu quản thúc những người Kurd và xếp họ vào trại, còn năm 1947 Abakumov lệnh cho tôi đàm phán với Barzani và đề nghị ông ta và những người đến cùng ông chấp nhận cư trú chính trị với sự sinh sống tạm thời tại các vùng nông thôn Uzbekixtan không xa Taskent.

Tôi được giới thiệu với Barzani như là Matveev, phó tổng giám đốc TASS và đại diện chính thức của chính phủ Liên Xô. Lần đầu tiên trong đời, tôi gặp một viên đại quan phong kiến đích thực. Đồng thời tôi có ấn tượng Barzani là một chính khách sáng suốt và là nhà lãnh đạo quân sự có kinh nghiệm. Ông nói rằng qua một trăm năm gần đây người Kurd đã có 80 cuộc khởi nghĩa chống người Ba Tư, Iraq, Thổ và Anh và trong hơn 60 trường hợp đều nhờ sự giúp đỡ của nước Nga. Vì thế, theo lời ông, họ hoàn toàn tự nhiên xin sự giúp đỡ của chúng ta trong những ngày khó khăn của họ, khi chính quyền Iran xoá bỏ cộng hòa Kurd.

Trước những sự kiện này không lâu những người Kurd khởi nghĩa đã rơi vào bẫy do nhà vua sắp đặt: họ được mời về Teheran để đàm phán, bị bắt và treo cổ ở đấy. Chỉ Barzani thoát khỏi số phận ấy. Khi nhà vua mời chính Barzani để thương thuyết, ông trả lời rằng chỉ đến trong trường hợp nhà vua gửi các thành viên gia đình mình đến ban tham mưu của ông với tư cách con tin. Trong khi tiến hành những đàm phán sơ bộ với nhà vua, Barzani tung một phần lớn lực lượng của mình vào những vùng miền bắc Iran, gần hơn với biên giới Liên Xô. Còn chúng ta, vì mối quan tâm của mình trong việc sử dụng những người Kurd trong đường lối của chúng ta làm suy yếu ảnh hưởng của Anh và Mỹ tại các nước Cận Đông chung biên giới với Liên Xô. Tôi tuyên bố với Barzani rằng phía Liên Xô đồng ý để Barzani và một phần sĩ quan của ông trải qua huấn luyện đặc biệt trong các học viện và trường trung cấp quân sự. Tôi cũng cam đoan với ông rằng sự bố trí dân cư ở Trung Á chỉ là tạm

thời cho đến khi chín muồi điều kiện để họ trở về Kurdistan.

Abakumov cấm tôi thông báo với Bagirov, nhà lãnh đạo ĐCS Azerbaizan về nội dung cuộc đàm phán với Barzani, đặc biệt là về sự đồng ý của Stalin cho các sĩ quan Kurd qua huấn luyện trong các trường quân sự của chúng ta.

Vấn đề là ở chỗ Bagirov muốn lợi dụng Barzani và người của ông để làm mất ổn định tình hình ở Azerbaizan của Iran. Thế nhưng Moskva cho rằng Barzani sẽ có thể đóng vai trò quan trọng hơn trong việc lật đổ chế độ Iraq thân Anh. Và ngoài ra, đặc biệt quan trọng, nhờ người Kurd chúng ta có thể loại Iraq khỏi sản xuất dầu khí lúc đó có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong cung cấp dầu lửa cho các tập đoàn quân Anh - Mỹ ở Cận Đông và Địa Trung Hải.

Kết thúc đàm phán với Barzani tôi bay đến Taskent và thông tin cho lãnh đạo Uzbekixtan về việc ông ta sắp tới. Sau đó quay về Moskva.

Barzani và các toán quân bị tước vũ khí của mình cùng gia đình được chuyển về Uzbekixtan. Sau 5 năm, tháng 3-1952 tôi được phái đi Uzbekixtan gặp Barzani để giải quyết những vấn đề nảy sinh. Barzani không muốn chờ đợi và bất bình với thái độ của lãnh đạo địa phương. Ông cầu xin Stalin giúp đỡ và đòi hỏi thực hiện những lời hứa trước đây với ông. Ông đòi thành lập các đơn vị chiến đấu của người Kurd. Barzani cũng muốn giữ uy tín của mình với đồng bào bị phân tán ở các nông trang xung quanh Taskent và kiểm soát họ.

Cuộc gặp gỡ với Barzani diễn ra ở biệt thự chính phủ. Phiên dịch của tôi là thiếu tá Zemxkov, anh cũng như Barzani nói tốt tiếng Anh. Barzani kể với tôi là người Mỹ và người Anh muốn mua chuộc ông để tiến hành hoạt động gây sức ép lên các chính phủ Iraq, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ.

Kế hoạch tôi soạn thảo theo sự giao phó của bộ trưởng an ninh mới Ignatiev quy lại là để thành lập một binh đoàn đặc biệt người Kurd - gồm 1.500 người - cho các chiến dịch phá hoại ở Cận Đông. Có thể dùng nó cả cho sự lật đổ chính phủ Nuri Said ở Baghdad, điều hằm làm đổ vỡ nghiêm trọng uy tín của Anh trong toàn khu vực Cận Đông. (Nhờ người Kurd chúng ta đã thực hiện được điều này năm 1958, khi tôi đã ở trong tù). Người Kurd cũng cần đóng một vai trò xác định trong các kế hoạch của chúng tôi gắn với sự phá hủy ngành dầu khí trên lãnh thổ Iraq, Iran và Syrie trong trường hợp bùng nổ các hành động quân sự hay mối hiểm họa trực tiếp của sự tấn công hạt nhân vào Liên Xô.

Barzani đồng ý ký hiệp ước về hợp tác với chính phủ Xô viết để đổi sự bảo đảm cùng tác động của chúng ta trong việc thành lập cộng hòa Kurd mà Barzani nhìn thấy trước hết ở vùng tiếp giáp các biên giới Bắc Iraq, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ.

Nghe xong Barzani, tôi đáp rằng tôi không được ủy quyền bàn bạc một hiệp ước kiểu ấy. Thế nhưng chúng tôi không phản đối việc thành lập chính phủ Kurd lưu vong. Cán bộ Ban quốc tế BCHTƯ đảng đi cùng tôi, Mantskha tham gia đàm phán, đề nghị thành lập đảng dân chủ Kurdistan đứng đầu là Barzani. Theo ý đồ Mantskha, đảng phải điều phối hoạt động của các đại diện chính phủ của Barzani ở tất cả các vùng có người Kurd sinh sống.

Tôi không tham gia vào câu chuyện đó nhưng nghe một cách chăm chú. Khi kết thúc

Barzani mời tôi đi gặp các sĩ quan tham mưu của ông. Khi chúng tôi xuất hiện, chừng ba mươi người đứng theo tư thế nghiêm. Sau đó bọn họ quỳ gối và bò đến Barzani, lạy lức xin phép hôn gấu áo và giày của ông. Dĩ nhiên, mọi ảo tưởng về một nước Kurdistan mà tôi vẫn nuôi từ bấy đến giờ, đã hoá thành mây khói. Tôi đã rõ hoàn toàn rằng đó là thêm một sáng kiến tư tưởng hệ nảy sinh trong lòng BCHTU ở quảng trường Cũ.

Tháng 4-1952 Barzani cùng gia đình và đồng bào mình, sống tại một nông trang lớn gần Taskent. Moskva quyết định rằng người Kurd được trao chế định vùng tự trị. Bộ An ninh được giao tổ chức huấn luyện quân sự cho người Kurd và giúp đỡ họ liên hệ với những đồng bào ở nước ngoài. Các ý đồ của chúng tôi cài người của mình vào giới thân cận của Barzani và tuyển mộ ai đó trong số người Kurd đều bị cơ quan an ninh của họ phong tỏa. Thực ra Zemxky có nhiều kinh nghiệm giao tiếp với người Kurd đã tuyển mộ được một sĩ quan cấp thấp học ở học viện quân sự, nhưng sau khi trở về Taskent, anh ta đã biến mất không còn dấu vết. Chúng tôi đã cố tìm anh ta nhưng không thể và đi tới kết luận là anh ta bị thủ tiêu theo lệnh Barzani.

Mùa xuân 1953 xảy ra với tôi một trường hợp trớ trêu. Barzani tham dự buổi giảng trong học viện quân sự trong đó tôi đang theo học. Có lần ông trông thấy tôi trong quân phục trung tướng. Nháy mắt láu cá với tôi, qua người phiên dịch, một trung úy trẻ, ông nói:

- Rất vui có việc với đại diện chính phủ Xô viết trong quân hàm cao dường ấy.

Về phía mình, đáp lại tôi chúc ông nhiều thành công trong việc nắm vững các môn học quân sự.

Lần cuối cùng tôi gặp Barzani trên phố Gorky ngay trước khi tôi bị bắt. Tôi mặc đồ dân sự. Ông nhận ra tôi và muốn lại gần, nhưng với địa vị của tôi cuộc gặp gỡ này chẳng để làm gì, và tôi làm ra vẻ không trông thấy ông rồi lẩn nhanh vào đám đông.

Barzani đủ thông minh để hiểu: tương lai của người Kurd phụ thuộc vào điều là đóng được vai trò như thế nào trong những mâu thuẫn giữa các siêu cường quốc có quyền lợi của mình ở Cận Đông. Nhìn lại, ta thấy rằng các siêu cường nói chung không hăng hái nghĩ đến một giải pháp công bằng của vấn đề Kurd. Số phận Kurdistan từ quan điểm các quyền lợi của nó chưa bao giờ được xem xét cả ở trong Kremli, lẫn ở London hay Washington. Cả phương Tây, cả chúng ta chỉ quan tâm một điều - tiếp cận các khu mỏ dầu lửa ở các nước Cận Đông, dù điều đó trông có vẻ trơ trẽn thế nào đi nữa.

Vào những năm 40-50 mục đích của chúng ta là sử dụng phong trào người Kurd trong sự đối kháng với phương Tây vào hoàn cảnh "chiến tranh lạnh". Ý tưởng lập cộng hòa Kurd cho phép chúng ta tiến hành chính sách hướng đến làm suy yếu địa vị của Anh và Mỹ ở Cận Đông, nhưng đồng đảo tầng lớp cư dân Kurd lại thờ ơ đối với các hành động nhằm chống lại người Anh và Mỹ trong khu vực này.

Đến trước nửa sau những năm 50 người Kurd là đồng minh duy nhất của ta tại Cận Đông. Khi chế độ Nuri Said bị lật đổ trong cuộc binh biến (với sự ủng hộ của chúng ta), chúng ta có những đồng minh như Iraq, Syrie, Ả-rập mà từ quan điểm quyền lợi địa-chính trị của Liên Xô là quan trọng hơn nhiều so với người Kurd. Iraq và Syrie bắt đầu có vai trò chủ yếu trong chính sách Cận Đông của chúng ta và sự đối kháng với phương Tây trong khu

vực không bình lặng này.

Bi kịch của chính Barzani và đồng bào ông là ở chỗ trong các quyền lợi của Liên Xô và phương Tây (đến chừng mực nào đó còn là của các nước Ả-rập và Iran), người ta xem người Kurd như một lực lượng gây nỗi sợ trong khu vực hay công cụ trao đổi trong các đụng độ mâu thuẫn của các nhà cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Iraq.

Một giải pháp sáng suốt về vấn đề người Kurd là trao vùng tự trị có đảm bảo của quốc tế, dù nó có hạn chế đến đâu đi nữa. Về thực chất, không ai ở phương Tây lẫn ở các nước Ả-rập lại muốn những mỏ dầu lửa sẽ nằm trên lãnh thổ quốc gia Kurd độc lập và dưới sự kiểm soát của nó.

Năm 1963 khi ở ta nảy sinh những phức tạp với chính phủ Kasem và những người dân tộc chủ nghĩa thay thế ông ta, tôi đang trong tù, đã từ đó gửi những đề nghị về những tiếp xúc có thể với Barzani và được cho biết, những đề nghị được tiếp nhận. Sự trợ giúp đến người Kurd - vũ khí và đạn dược, để họ bảo vệ đất đai của mình khỏi những cuộc thám sát tiêu phạt của quân đội Iraq. Thế nhưng mọi ý đồ của chúng ta làm người Kurd trở thành đồng minh chiến lược để có khả năng ảnh hưởng đến các sự kiện ở Iraq, đã không có được kết quả.

CHƯƠNG 9

RAUL VALLENBERG, “PHÒNG THÍ NGHIỆM - X” VÀ NHỮNG BÍ MẬT CHÍNH TRỊ KHÁC CỦA KREMLI

1. Những dính líu của gia đình Vallenberg

Bí mật quay quanh Raul Vallenberg, nhà ngoại giao Thụy Điển, nổi tiếng trên thế giới nhờ hoạt động cứu những người Do Thái trong thế chiến II và mất tích năm 1945, đến giờ vẫn chưa được khám phá. Vallenberg bị bắt bởi phản gián quân đội XMERS năm 1945 ở Budapest và bị bí mật thủ tiêu, như thuộc giả định, ở nhà tù của MGB năm 1947. Qua nửa thế kỷ trong những cuộc điều tra vô vọng được tiến hành bởi những nhân viên KGB cũng như các nhà báo, nhưng vẫn không tìm ra hồ sơ điều tra và nhà tù.

Mới đây tìm ra bức thư của trưởng Tổng cục tình báo NKVD Liên Xô Fitin gửi XMERS, nơi đã bắt Vallenberg năm 1945 với yêu cầu chuyển ông ta cho tình báo trong mục đích tác chiến. Thế nhưng Abakumov né tránh đề nghị đó, chắc là nhằm gán thành công vụ Vallenberg cho bộ máy của mình.

Raul Vallenberg thuộc một gia đình tài phiệt tài chính đã giữ từ đầu năm 1944 các tiếp xúc bí mật với đại diện chính phủ Xô viết. Dù tôi không được giao xử lý Vallenberg và các mối liên hệ của ông ta với các cơ quan đặc biệt Đức và Mỹ, tôi biết về đóng góp gia đình ông vào ký kết hòa bình tay đôi với Phần Lan. Các báo cáo của phản gián quân đội về Raul Vallenberg - một đối tượng thích hợp để chiêu mộ hoặc làm con tin. Việc bắt Vallenberg, hồi cung, hoàn cảnh cái chết tất cả khẳng định rằng đó là mưu đồ chiêu mộ ông, nhưng ông khước từ cộng tác với chúng ta. Có thể, nguy cơ bại lộ của ý đồ chiêu mộ Vallenberg là bản án tử hình đối với ông.

Trong những năm chiến tranh đại diện chúng ta ở Stockholm nhận được chỉ thị tìm những người có uy tín trong xã hội Thụy Điển có thể trở thành những người môi giới khi tiến hành đàm phán với Phần Lan. Chính đó là lúc chúng ta xác lập được những tiếp xúc với gia đình Vallenberg.

Stalin lo Phần Lan, đồng minh của Đức từ 1941, có thể ký kết hiệp ước hòa bình với Mỹ, không tính đến quyền lợi của chúng ta ở vùng Baltic. Người Mỹ, về phía mình, sợ rằng chúng ta sẽ xâm chiếm Phần Lan. Thế nhưng chúng ta không có khả năng đó: quan trọng với chúng ta là sự trung lập của nước láng giềng gần nhất, để lợi dụng nó cho các quyền lợi của mình thông qua các điệp viên ảnh hưởng trong các đảng phái chính trị chủ yếu của Phần Lan. Những người này đồng ý cộng tác nếu chúng ta bảo đảm sự trung lập cho nhà nước Phần Lan. Ngoài ra, họ muốn đóng vai trung gian giữa phương Đông và phương Tây.

Rất thú vị là vào những năm 70-80 các giới chính trị có uy tín ở Ba Lan, Bungari, Rumani, Tiệp Khắc, Hungari cũng như các nước vùng Baltic học đòi mẫu Phần Lan khi đấu tranh vì sự độc lập nhà nước của mình. Những ý đồ này của cả hai phía, dự định và chống lại nó, được gọi là Phần Lan hoá.

Tôi vẫn nhớ năm 1938 một năm trước cuộc chiến tranh Phần Lan - Liên Xô, Stalin ra lệnh chuyển 200.000 đôla để ủng hộ đảng các tiểu chủ Phần Lan để nó đóng một vai trò

nhất định trong sự hình thành lập trường của chính phủ về điều chỉnh những vấn đề biên giới. Đại tá Rubkin, bạn tôi, lúc ấy là bí thư thứ nhất sứ quán Liên Xô ở Phần Lan và nổi tiếng ở đây với tên Iartsev, đã chuyển tiền cho người Phần Lan. Tự Stalin hướng dẫn cho ông cần phải nói thế nào với các nhà hoạt động chính trị nhận tiền từ chúng ta, cũng như về sự chuẩn bị những đàm phán bí mật với các đại diện chính phủ Phần Lan với mục đích ký kết hiệp ước không tấn công và sự hợp tác được lên kế hoạch với sự tham gia của nhân vật được uỷ nhiệm của chính phủ Xô viết mà người đứng đầu chính phủ Phần Lan Mannerheim biết rõ. Đó là công tước Ignatiev, tác giả cuốn sách Năm mươi năm trong đội ngũ. Những đề nghị Iartsev chuyển cho chính phủ Phần Lan bị Mannerheim gạt bỏ, và thông tin cho Hitler về đề nghị bất thường của phía Liên Xô. Như thế, lãnh đạo Đức, phê chuẩn quyết định bắt đầu đàm phán với chúng ta về ký kết hiệp ước không tấn công đã biết rất rõ rằng, đề nghị của họ Moskva không thể xem là một sự bất ngờ hoàn toàn và không thể chấp nhận. Rất thú vị là những thương thuyết này được tiến hành hoàn toàn bí mật đối với đại sứ Liên Xô ở Phần Lan Derevenko.

Trong những năm chiến tranh Rubkin và vợ ông đã lãnh đạo mạng tình báo của ta ở Stockholm. Một trong những nhiệm vụ của họ là giữ các mối tiếp xúc với mạng điệp viên “Dàn đồng Ca Đỏ” ở Đức qua kênh Thụy Điển. Vợ Rubkin nổi tiếng với nhiều người như một nhà văn viết cho thiếu nhi qua các sách Trái tim người mẹ, Xuyên qua bóng tối lạnh còng, Những đốm lửa v.v... bà ký tên thời con gái, Voxkrexenxcaia. Trong các giới ngoại giao Stockholm và Moskva người đẹp này được biết như Zoia Iatseva, nổi bật không chỉ bởi sắc đẹp mà còn bởi tri thức tuyệt vời về tiếng Đức và tiếng Phần Lan. Còn Rubkin, cao, cân đối, là người quyến rũ, có cảm giác hài hước tinh tế và là người kể chuyện hấp dẫn. Hai vợ chồng rất nổi tiếng giữa các nhà ngoại giao ở thủ đô Thụy Điển, điều cho phép họ luôn rõ được những ý đồ thăm dò của người Đức làm sáng tỏ khả năng hoà ước tay đôi với Mỹ và Anh không có sự tham gia của Liên Xô. Nhân thể, tình báo Đức trong mục đích khiêu khích, vào những năm 1943-1944 đã tung tin ở Stockholm về khả năng đàm phán có thể giữa Liên Xô và Đức không có sự tham gia của Mỹ và Anh.

Vợ chồng Rubkin tham gia tích cực chuẩn bị những hiệp ước kinh tế bí mật. Năm 1942 nhờ điệp viên của chúng ta, diễn viên và nhà văn châm biếm Thụy Điển nổi tiếng Karl Herkhard, họ đã kết thúc được một vụ trao đổi hàng hóa: chúng ta nhận được thép chất lượng cao của Thụy Điển rất cần cho chế tạo máy bay để đổi lấy platin. Sự trung lập của Thụy Điển bị vi phạm thô bạo, nhưng nhà băng thực hiện vụ làm ăn này đã nhận lợi nhuận khá. Cổ phiếu kiểm soát nhà băng này thuộc gia đình Vallenberg.

Karl Herkhard có quan hệ thân hữu với ông chú của Raul Vallenberg, Markus Vallenberg và theo kế hoạch được phê duyệt ở Moskva, đã giới thiệu Zoia Rubkina với ông ta trong một buổi tiếp đãi.

Zoia đã làm Markus Vallenberg say mê. Họ còn gặp nhau một lần nữa tại một khách sạn sang trọng thuộc gia đình Vallenberg gần Stockholm. Họ bàn đến khả năng tổ chức cuộc gặp mặt của các nhà ngoại giao hai nước, Liên Xô và Phần Lan, đang nằm trong tình trạng chiến tranh, mà tại đó họ có thể thảo luận việc ký kết hiệp ước hòa bình tay đôi. Zoia Rubkina nói với Vallenberg là cần cho người Phần Lan rõ: phía Liên Xô bảo đảm tính độc

lập trọn vẹn của Phần Lan khi kết thúc chiến tranh, nhưng vì sự tiếp tục những hoạt động chiến đấu ở Baltic tính đến sự hiện diện quân sự hạn chế trong các cảng Phần Lan và sự bố trí các căn cứ hải quân và không quân trên lãnh thổ của họ.

Gia đình Vallenberg có các quyền lợi ở Phần Lan và rất quan tâm đến sự ổn định hòa bình của các quan hệ Liên Xô - Phần Lan.

Chỉ cần hai tuần đủ cho Markus Vallenberg tổ chức được cuộc gặp của Zoia với đại diện chính phủ Phần Lan Iukho Kusty Paasikivi, muộn hơn trở thành tổng thống. Alexandra Kollontai, đại sứ Liên Xô ở Thụy Sĩ đại diện cho phía Liên Xô trong các cuộc đàm phán.

2. Những nguyên nhân có thể của sự bắt giữ và những ý đồ không thành

Những cuộc trao đổi kéo dài cả mùa hè và cuối cùng, ngày 4-10-1944 hiệp ước hòa bình giữa Liên Xô và Phần Lan được ký kết.

Sau khi Raul Vallenberg đã ở trong tay chúng ta với tư cách con tin hay đối tượng để chiêu dụ, chắc rằng Stalin và Molotov tính lợi dụng địa vị của gia đình Vallenberg để nhận những khoản nợ có lợi ở phương Tây.

Năm 1945 lãnh đạo Xô viết tung tin là ở Krum sẽ thành lập cộng hòa Do Thái nơi người Do Thái toàn thế giới, đặc biệt ở châu Âu, bị đau khổ vì chủ nghĩa phát xít, có thể đến. Stalin nhằm mấy mục đích: thứ nhất, mỗi nử, cộng hòa Do Thái, ông hi vọng trấn an các đồng minh Anh đang sợ nhà nước Do Thái sẽ được thành lập ở Palestine; thứ hai, Stalin muốn làm sáng tỏ khả năng cuốn hút tư bản phương Tây để phục hồi kinh tế quốc dân.

Từ Beria tôi nhận chỉ thị thăm dò người Mỹ trong thời gian những cuộc nói chuyện với đại sứ của họ ở Moskva, Harriman.

Đến thời điểm bị bắt bởi phản gián quân đội Raul Vallenberg nổi tiếng bởi hoạt động cứu và đưa người Do Thái ra khỏi nước Đức và Hungari sang Palestine. Không thể có chuyện thiếu chỉ thị trực tiếp của Moskva bắt một nhà ngoại giao phương Tây như ông. Và cứ giả sử ông bị bắt tình cờ, thì lãnh đạo phản gián quân đội ở Budapest phải nhất thiết báo cáo việc này về Moskva. Giờ đây đã rõ rằng lệnh bắt Vallenberg ký bởi Bulganin, phó của Stalin ở Bộ Quốc phòng, và mệnh lệnh được thi hành ngay lập tức.

Đồng nghiệp cũ của tôi, trung tướng Belkin thời ấy là phó Tổng cục XMERS kể rằng năm 1945 các cơ quan XMERS mặt trận nhận từ Moskva lưu ý tới Vallenberg trong đó chỉ ra rằng ông ta bị tình nghi cộng tác với tình báo Anh, Đức, Mỹ, và có lệnh theo dõi ông ta thường xuyên, tìm và nghiên cứu các tiếp xúc của ông ta mà trước hết là với các cơ quan đặc biệt Đức. Tôi nhớ Belkin nói với tôi về mấy cuộc gặp gỡ bị ghi nhận của Vallenberg với Cục trưởng tình báo Đức Sellenberg.

Không loại trừ đã nảy sinh kế hoạch chiêu mộ hoặc sử dụng Vallenberg như con tin trong trò chơi chính trị và được xem như một nhân chứng quan trọng của các mối liên hệ hậu trường với các giới làm ăn của Mỹ và Đức phát xít, cũng như của các cơ quan đặc biệt các nước ấy trong những năm chiến tranh. Khi các đồng minh đạt được sự thỏa thuận về những buộc tội sẽ đưa ra cho lãnh đạo Đức quốc xã tại tòa án Nurenberg, không cần đến Vallenberg nữa và ông bị thủ tiêu.

Raul Vallenberg bị bắt giữ tại nhà: các cán bộ phản gián đến chỗ ông và đề nghị đi đến ban tham mưu quân đội Xô viết. Vallenberg lúc ấy nói với một người bạn: tôi không biết tôi sẽ là ai, khách hay tù nhân.

3. Khu đặc biệt của nhà tù nội bộ và phòng thí nghiệm đặc biệt của NKVD-MGB những năm 1940-1950

Ở Moskva, bị giam trong khu đặc biệt, của nhà tù Lubianka có nhân vật đặc biệt quan trọng cần chiêu dụ, nếu họ từ chối, họ bị thủ tiêu. Các biên bản hỏi cung Vallenberg đều đặn được gửi cho phòng nước Đức của tình báo chúng ta. Có khả năng, các điều tra viên dọa ông khi buộc tội có quan hệ với Gestapo.

Từ những tài liệu được công bố trên báo chí thấy rõ: Vallenberg bị giam ở Moskva trong hai nhà tù, nhà tù nội bộ ở Lubianka và ở Lefortovo.

Khu đặc biệt của nhà tù nội bộ giống một khách sạn hơn nhà tù. Các phòng giữ những người bị bắt chỉ có thể gọi tạm là phòng giam: trần cao, đồ gỗ bình thường. Thức ăn được đem tới từ nhà ăn hay nhà hàng của NKVD, tất nhiên khác hẳn thức ăn nhà tù. Thế nhưng đó là điếm báo dữ. Trong tòa nhà này có ban quản trị NKVD-MGB nơi những năm 1937-1950 tiến hành thực thi bản án liên quan đến những nhân vật bị kết án tử hình, cũng như những ai cần thủ tiêu đặc biệt, tức không qua xét xử.

Tại ngõ Varxonofiev, đằng sau nhà tù Lubianka, là phòng thí nghiệm chất độc và xà lim đặc biệt của nó trực tiếp trực thuộc bộ trưởng và ban quản trị. Phòng thí nghiệm chất độc trong các tài liệu chính thức được gọi là “Phòng thí nghiệm - X”. Trưởng phòng thí nghiệm là đại tá quân y, giáo sư Mairanovxky chuyên nghiên cứu ảnh hưởng của các khí độc và thuốc độc chết người và bệnh ung thư. Trong các giới khoa học giáo sư được đánh giá cao.

Toàn bộ công việc của phòng thí nghiệm, các cán bộ được sử dụng cho các chiến dịch của cơ quan đặc biệt, cũng như việc đi vào phòng thí nghiệm bị hạn chế hà khắc thậm chí đối với cả thành phần lãnh đạo của NKVD-MGB, như tôi và phó của tôi Eitingon, cũng không được đến gần “Phòng thí nghiệm - X” và khu đặc biệt.

Phụ trách công việc của phòng thí nghiệm là bộ trưởng và thứ trưởng thứ nhất, về phòng thí nghiệm này đến giờ vẫn còn nhiều lời đồn đại kinh khủng. Sự kiểm tra tiến hành từ thời Stalin sau việc bắt giữ Mairanovxky, còn sau đó thời Khrusev trước 1960 trong mục đích đả phá Stalin, cho thấy rằng Mairanovxky và các cán bộ nhóm của ông bị dùng để thi hành các bản án tử hình và thủ tiêu những nhân vật không có lợi theo quyết định trực tiếp của chính phủ những năm 1937-1947 và năm 1950. Tôi biết những hành động loại này cũng được tình báo chúng ta thực hiện ở nước ngoài vào những năm 60-70. về điều này thiếu tướng KGB Oleg Kalugin đã viết.

Các sĩ quan tình báo và phản gián dưới sự chỉ đạo của Utekhin, đã làm việc với Vallenberg. Thường là trung tá Kopelianxky hỏi cung. Ông ta bị sa thải khỏi cơ quan năm 1951 do nguồn gốc Do Thái. Dù sự tham gia của Kapenlianxky vào những cuộc hỏi cung được khẳng định bằng văn bản, tên ông ta ghi trong sổ trực gọi tù nhân đi hỏi cung chỗ điều tra viên, ông ta phủ nhận điều đó và nói rằng không nhớ tù phạm nào có tên như thế. Thế nhưng theo các ghi chép trong sổ thấy rõ chính Kapelianxky gọi Vallenberg từ xà lim đến hỏi

cung một ngày trước cái chết của ông.

Vụ Vallenberg đến đầu tháng 7-1947 đã rơi vào ngõ cụt. Ông từ chối cộng tác với tình báo Xô viết và đã không còn cần thiết như một nhân chứng của các trò chơi chính trị bí mật, hoặc như một con tin tòa án Nurenberg đã kết thúc.

Giống như Vallenberg bị chuyển vào xà lim đặc biệt của “Phòng thí nghiệm - X” nơi người ta làm cho ông một mũi tiêm chết người với lý do chữa bệnh. Cơ quan y tế nhà tù không có chút khái niệm gì về điều đó, và cái chết của ông được xác nhận theo cách thông thường. Thế nhưng bộ trưởng an ninh Abakumov hẳn được báo về nguyên nhân cái chết, đã cấm mổ tử thi và đã hoả táng ông.

Những người bị hoả táng đều chôn vào mộ chung. Sau này người ta rất không muốn thừa nhận rằng những người nổi tiếng như Tukhatrevsky, Iakir, Uborevich, Meierkhold và những người khác được chôn trong mộ chung đó. Nhà hoả thiêu của tu viện Donxkoi lúc đó là duy nhất, vì thế có thể trong ngôi mộ ấy đang có di hài thủ trưởng, bạn và thầy tôi Spigenglaz và nhà lãnh tình báo Xerebrianxky. Cũng rất có khả năng là di hài Vallenberg và Beria đều được chôn ở đó.

Tháng 6-1993 tờ Tin tức đăng bài báo của Makximova Vallenberg đã chết. Đáng tiếc, chứng cứ có đủ, còn báo Hôm Nay, bài báo của Abarinov “Người ta không chỉ rửa tiền mà còn cả các giả thuyết”. Trong cả hai bài báo đều dẫn từ các tài liệu liên quan đến số phận Vallenberg.

Từ ghi chép công vụ của Vursinxky gửi Molotov (1947) thấy rõ rằng, cuối 1944 người Thụy Điển đề nghị Bộ Ngoại giao Liên Xô bảo vệ bí thư thứ nhất của phái đoàn Thụy Điển ở Budapest Raul Vallenberg.

Sau một thời gian người Thụy Điển thông báo với Bộ Ngoại giao rằng Vallenberg không có trong phái đoàn của họ khi rời Budapest và đề nghị tìm kiếm ông. Về vấn đề này họ gửi 8 công hàm đến các cấp Liên Xô và 5 lần dò hỏi miệng. Đại sứ Thụy Điển ở Moskva Sederblom năm 1946 trực tiếp xin riêng Stalin làm sáng tỏ số phận Vallenberg.

Về phần mình Bộ Ngoại giao cũng mấy lần hỏi XMERS và Bộ An ninh về Vallenberg. Cuối cùng vào tháng 2-1947 Bộ Ngoại giao được thông tin bởi P.Fedotov lúc ấy là trưởng Tổng cục tình báo, rằng Vallenberg ở trong tay MGB.

Từ ghi chép công vụ đã nhắc tới Vursinxky viết: “bởi vụ Vallenberg đến hiện nay tiếp tục không tiến triển, tôi đề nghị bắt đồng chí Abakumov trình bản trường trình về thực chất vụ việc và đề nghị về thủ tiêu ông ta”.

Đối với tôi không có nghi ngờ trong ý nghĩa đáng sợ những lời cuối của Vursinxky. Ông ta không đề nghị khép vụ án (hỏi ấy dùng chữ ngưng vụ án), mà hầu như “đòi” để Abakumov trình đề nghị thủ tiêu Vallenberg như một nhân vật không mong muốn đối với lãnh đạo Liên Xô. Và thế, Vursinxky đã có yêu cầu như thế, điều cực kỳ quan trọng, vốn là phó của Molotov về công tác tình báo mà thời đó được thực hiện bởi Ủy ban thông tấn. Fedotov, người báo với Vursimtky về việc Vallenberg đang trong nhà tù, hỏi đó cũng là một trong những lãnh đạo ủy ban thông tấn.

Chỉ thị của Molotov trên ghi chép của Vursinxky cũng có ý nghĩa lớn: “Gửi đ/c Abakumov. Yêu cầu báo cáo với tôi, 18.5.1947”.

Thực tế đó là sự chỉ thị của người phó đứng đầu chính phủ và là lãnh đạo tình báo trình đề nghị về việc thủ tiêu Vallenberg như thế nào. Sau khi đề nghị được xem xét, Stalin hoặc Molotov cho sự đồng ý của mình bằng miệng hoặc đôi khi bằng văn bản. Nếu nói miệng, thì Abakumov như được xác định trong tiến trình kiểm tra và điều tra vụ án ông ta, ghi trên các tài liệu ấy: “Đã nhận được sự đồng ý của các đ/c Stalin, Molotov” và ghi ngày tháng.

Theo các tài liệu chính thức: Vallenberg chết ngày 17-7-1947. Thế nhưng 18-8-1947 Vursinxky thông tin cho đại sứ Thụy Điển về việc chính phủ Xô viết không có các tư liệu về Vallenberg và ông ta không thể bị bắt giữ bởi chính quyền Xô viết, mà rất có thể, đã thành nạn nhân vô tình của những trận đánh trên đường phố Budapest.

Vào ngày 3-5-1956 trong tiến trình đàm phán Thụy Điển - Liên Xô diễn ra ở Moskva, phía Thụy Điển trao cho chính phủ ta các tài liệu liên quan đến Raul Vallenberg. Lúc ấy BCHTU' đã phê chuẩn quyết định kiểm tra và làm sáng tỏ các hoàn cảnh cái chết của nhà ngoại giao Thụy Điển. Quyết định của BCHTU' đến tận giờ vẫn chưa công bố.

Chính phủ Xô viết thông tin cho chính phủ Thụy Điển rằng các cơ quan chuyên ngành đã nghiên cứu và kiểm tra các tài liệu phía Thụy Điển trao về Raul Vallenberg. Những cuộc tìm kiếm thận trọng trong lưu trữ nhà tù ở Lubianka, Lefortovo cũng như Vladimir và các nhà tù khác đã không cho được gì cả: không phát hiện ra các tin tức về việc Vallenberg đến Liên Xô (năm 1947 chúng ta thông báo với Bộ Ngoại giao rằng Vallenberg ở trong tay MGB). Các cơ quan chuyên trách sau đó kiểm tra tất cả các tài liệu lưu trữ của các cơ quan hỗ trợ, kết quả trong tài liệu cơ quan quân y nhà tù nội bộ ở Lubianka phát hiện ra báo cáo của Xmoltsov gửi cựu bộ trưởng an ninh Abakumov. Báo cáo nói rằng tội nhân Vallenberg đã bắt ngờ chết trong xà lim của mình tối 17-7-1947. Nguyên nhân cái chết, vỡ động mạch cơ tim.

Tôi cho rằng sự tiêu hủy các tài liệu điều tra lưu trữ về vụ Vallenberg bắt đầu trong quá trình kiểm tra. Thấy rõ bởi người có sáng kiến trực tiếp việc bắt giữ và ám hại ông là Molotov và Bulganin, tất cả đang nắm quyền lực và giữ chức vụ chủ đạo trong giới lãnh đạo đất nước. Bulganin ký lệnh bắt Vallenberg, đang đứng đầu chính phủ, còn Molotov ra lệnh thủ tiêu nhà ngoại giao Thụy Điển vẫn trong ở ban lãnh đạo tối cao của nhà nước.

Chính quyền thừa nhận chính thức sự kiện bắt giữ Vallenberg, nhốt ông vào ngục và cái chết vì vỡ động mạch cơ tim mười năm sau cái chết của ông. Nó cũng tuyên bố rằng Raul Vallenberg bị bắt một cách phạm pháp theo lệnh Abakumov, kẻ vì những tội ác phạm phải trong đó có việc bắt Vallenberg, đã chịu hình phạt khốc liệt nhất.

Đó là sự dối trá trơ tráo. Trong tiến trình điều tra vụ án đã không đưa ra lời buộc tội như thế đối với Abakumov.

Đến giờ vẫn chưa tìm ra trong lưu trữ KGB ghi chép của Abakumov gửi Molotov mà trong đó hẳn phải trình bày bản chất sự việc Vallenberg và, hẳn là chứa những đề nghị khốc hại đối với ông ta, bị Vursinxky tác động.

Thế nhưng trong lưu trữ KGB, như người ta tuyên bố với con trai tôi mùa thu 1994, đã

tìm được một tài liệu từ đó thấy rằng chủ tịch KGB Xerov đề nghị Molotov tiếp ông ta nhân vụ Vallenberg vào tháng 2-1957, khi chuẩn bị công hàm ngoại giao gửi chính phủ Thụy Điển với sự thừa nhận việc bắt giữ Vallenberg và cái chết của ông.

Hiện thời chưa phát hiện ra ghi chép của Xerov trong đó ông ta trước khi chuẩn bị công hàm chính thức của chính phủ Liên Xô, phải báo với Khrusev và Bulganin, tương ứng là bí thư thứ nhất BCHTƯ và chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, về điều gì đã xảy ra với Vallenberg.

Biết kiểu cách của Khrusev, tôi khẳng định rằng ông ta giữ trong lưu trữ của mình ghi chép của Xerov, một cách vô điều kiện chứa đựng sự bối nhọ nghiêm trọng Molotov. Đối với Khrusev ghi chép này có ý nghĩa thiết thực trong hoàn cảnh đấu tranh gay gắt vì quyền lực vào đầu năm 1957 mà kết thúc, như đã rõ, bằng sự thất bại của cái được gọi là nhóm chống đảng Molotov, Kaganovich, Malenkov và gia nhập với họ là Sepilov. Thế nhưng nguyên do gì không rõ đối với tôi Khrusev đã không lợi dụng vụ Vallenberg chống lại Molotov. Tôi vẫn nhớ các điều tra viên đã khá lì lợm lấy từ tôi các số liệu về sự tham gia của Molotov trong các vụ việc bí mật với các nhà công nghiệp và ngoại giao phương Tây, và tôi hiểu rằng những câu hỏi của họ còn lâu mới là tình cờ. Nhưng cái tên Vallenberg lúc ấy chưa được chú trọng.

Xerov nhất thiết phải xin phép Khrusev để tiêu hủy các tài liệu về vụ Vallenberg. Hoàn toàn có thể là sau đó nó được tiêu hủy. Nguyên nhân là rõ ràng: tháng 2-1957 Molotov đang còn mạnh và là nhân vật khá uy tín trong lãnh đạo. Ông cũng như những nhà hoạt động nhà nước khác có liên hệ trực tiếp đến những hoạt động tai tiếng, hẳn quan tâm để những chứng cứ biến đi.

Nhất thiết phải còn một bức thư khác của Xerov trong đó ông ta có nghĩa vụ báo cáo với Khrusev rằng hồ sơ của Vallenberg đã bị tiêu hủy.

Lần cuối cùng vụ Vallenberg được điều tra theo lệnh Gorbachov dưới sự giám sát của Bakatin, chủ tịch KGB. Sự điều tra mới đã khẳng định rằng đích thực Vallenberg đã chết trong tù. Cũng đã xác định rằng hồ sơ nhà tù và điều tra lưu trữ bị tiêu hủy.

Chắc rằng cháu của Molotov, giáo sư Nikonov, chủ tịch quỹ "Chính trị" vốn lúc ấy là trợ lý của Bakatin, phải biết một số chi tiết của những cuộc tìm kiếm tài liệu về vụ án Vallenberg.

Tiếc thay, các lưu trữ cũng như bản thảo cứ cháy và cứ bị tiêu hủy, Nhưng dấu vết vẫn còn lại. Thường tìm được những cái tình cờ và bất ngờ. Như một cán bộ kỹ thuật trong lưu trữ KGB, không liên quan gì đến vụ Vallenberg, đã phát hiện hộ chiếu ngoại giao và tư trang của ông trong cái túi rơi ra từ một bọc lớn những tài liệu chưa chọn lọc.

Sau vụ tai tiếng lớn được gây nên bởi cuốn sách được xuất bản ở phương Tây, tôi đã viết vào tháng 5-1994 lời giải thích cho phòng lưu trữ thống kê cơ quan an ninh Liên bang theo yêu cầu của Ủy ban Liên Xô - Thụy Điển về vụ Vallenberg. Con trai tôi trò chuyện với các đại diện Thụy Điển: việc làm sáng tỏ sự thật về vụ án Raul Vallenberg phụ thuộc không ít từ phía Thụy Điển vốn kiên trì từ chối đưa ra công luận các số liệu các báo cáo của ông về các tiếp xúc với các cơ quan đặc biệt Đức và Mỹ vào những năm 1941-1945. Như nhà sử học Phần Lan Seppo Izotalo nói với tôi, hiện nay trong tay chính quyền Thụy Điển có các tài liệu về sự thực hiện bởi Vallenberg nhiệm vụ của tình báo Mỹ, cũng như sự tham gia của

ông theo uỷ nhiệm của người chú, nhà tài phiệt Markus Vallenberg trong việc “tẩy rửa” những tài sản bọn Hitler chiếm được của dân Do Thái.

Tôi nghĩ rằng lúc nào đó các nhà nghiên cứu vẫn sẽ tìm tới các tài liệu lưu trữ của chúng ta và của nước ngoài, như điều đó đã xảy ra với vụ Katyn, và sẽ đặt dấu chấm trong câu chuyện rối rắm và bi thảm của Vallenberg.

Ý đồ của nhà cầm quyền chúng ta, phải nói không phải không thành công, che giấu sự thật về Vallenberg làm gợi nhớ đến vụ xử bắn năm 1940 các tù binh Ba Lan trong rừng Katyn gần Xmolynsk và ở những địa điểm khác. Chỉ đến năm 1992 trên báo chí đăng các tài liệu lưu trữ vụ án này, nói riêng là báo cáo của cựu chủ tịch KGB Selepin về sự tiêu hủy các tài liệu gắn với hành động đó. Tất cả điều đó cho cơ sở tiên đoán rằng, cả vụ Vallenberg người ta cũng xử lý như thế.

Dù B.N. Eltsin đã chuyển cho Lech Walesa các tài liệu và vụ án về các tù binh Ba Lan dường như đã khép lại, lớp phủ bí mật vẫn còn chưa được hất bỏ đến cùng. Từ các tài liệu trích dẫn trong lưu trữ của KGB không có các tư liệu là những hành động này được lên kế hoạch và được thực hiện như thế nào. Thậm chí những người tham gia tích cực việc chiêu mộ các sĩ quan Ba Lan, đã không tưởng tượng nổi một số phận như thế nào chờ đợi họ từ chối cộng tác với NKVD. Tôi cho rằng Raikhman người có quan hệ tới các vụ Ba Lan, biết điều đó.

Thông báo chính thức của chính phủ nói rằng các tù binh Ba Lan đang trong các trại giam, đã rơi vào tay quân Đức và bị bắn. Đích thực một số sĩ quan Ba Lan bị giết bởi vũ khí Đức. Lúc ấy nhiều người, và tôi cũng vậy, đã tin vào giả thuyết này.

Lần đầu tiên tôi nghe thấy rằng chúng ta bắn các tù binh Ba Lan, từ thiếu tướng KGB Kevorokov, phó tổng giám đốc TASS vào những năm 80. Ông nói rằng Falin, phụ trách ban quốc tế BCHTU ĐCS Liên Xô vào những năm 70 đã nhận cảnh cáo từ Andropov vì sự quan tâm tới vụ Katyn và đề nghị bắt đầu sự điều tra mới. Tôi kinh ngạc bởi rằng theo lời Kevorkov, ở BCHTU lo lắng nhất bởi làm sao để đổ toàn bộ trách nhiệm về vụ này cho NKVD và che vụ việc thực ra được thực hiện theo quyết định của Bộ Chính trị.

Nói về sự tiêu diệt hàng loạt một cách tội lỗi các tù binh Ba Lan và ý đồ Khrusev và Gorbachov che giấu bi kịch này, cần ghi nhận cả cái tình huống, rằng, rất có thể, việc xử bắn người Ba Lan năm 1940 là một dạng hành động, thanh toán nợ với những kẻ chống Liên Xô cuồng nhiệt, các sĩ quan Ba Lan, vì sự tàn sát 40 nghìn (theo các tài liệu khác nhau thì con số khác nhau) tù binh của ta trong các trại tập trung sau thất bại của Hồng quân năm 1920 gần Varsava.

Năm 1953 tôi và Eitingon bị buộc tội đã tổ chức thủ tiêu những người không có lợi cho Beria bằng chất độc tại các căn hộ bí mật đặc biệt ở ngoại ô, và những vụ giết người này được công bố như cái chết vì tai nạn. Abakumov cũng bị buộc tội tiêu diệt những người có hại cho ông ta. Bất chấp các đòi hỏi của luật pháp, trong các bản luận tội, trong tuyên án về các vụ án không có tên “những nạn nhân của chúng tôi”. Đó không phải là sự vô tình hay kết quả công việc cầu thả của điều tra viên, họ biết công việc của mình. Đơn giản là không có, không tồn tại các nạn nhân. Trong sự thanh toán của Beria và Abakumov với các đối thủ của

họ, cả tôi lẫn Eitingon đã không tham gia.

Tất cả những vụ thủ tiêu bí mật các điệp viên hai mang và đối thủ chính trị của Stalin, Molotov, Khrusev những năm 1930-1950 được thực hiện theo mệnh lệnh của chính phủ. Chính vì thế những chiến dịch chiến đấu cụ thể được tiến hành bởi các thuộc hạ của tôi và cán bộ “Phòng thí nghiệm - X” chống lại kẻ thù đích thực nguy hiểm đối với nhà nước Xô viết như hình dung thời ấy, người ta không bắt tội tôi và Eitingon. Abakumov người ra lệnh nhân danh chính phủ về việc tiến hành các chiến dịch, cũng không bị khép tội. Còn Beria những năm 1945-1953 không hề có liên quan gì đến các vụ này và thậm chí không biết về chúng nữa.

Toàn bộ công việc của “Phòng thí nghiệm - X” không chỉ là khoa học như danh nghĩa đối với những ai điều tra vụ án, Beria và Abakumov, chính phủ và BCHTU' đảng, đang theo dõi và điều hành tiến trình điều tra và xác định nội dung của nó.

Năm 1951 Mairanovxky cùng với Eitingon, Raikhman, Matuxov và A. Xverdlov bị bắt và bị khép tội giữ chất độc bất hợp pháp, cũng như họ là những người tham gia vào âm mưu Do Thái mà mục đích là chiếm chính quyền và tiêu diệt các nhà lãnh đạo cao nhất của nhà nước, kể cả Stalin. Riumin đứng đầu việc điều tra vụ này đã đánh bật được những lời thú nhận huyền hoặc ở Mairanovxky (ông phản cung năm 1958) và Broverman, phó phụ trách ban thư ký của Abakumov. Cuối năm 1952 khi Riumin, vốn là phó của bộ trưởng an ninh Igantiev, bị cách chức, bộ phận điều tra đã không thể trình kết luận buộc tội chống Mairanovxky như Riumin đã chuẩn bị nó. Những lời khai của trưởng phòng thí nghiệm chất độc không được củng cố bởi các thừa nhận của các bác sĩ bị bắt theo vụ Abakumov, những người không hề có khái niệm về phòng thí nghiệm này.

Không ai trong số bác sĩ bị bắt biết gì về hoạt động bí mật của Mairanovxky: ông tự tiến hành thử nghiệm với những người bị kết án tử hình theo chế độ được chính phủ và Bộ An ninh thiết lập. Ghi lại toàn bộ những thú nhận của Mairanovxky là quá mạo hiểm, bởi ông viện dẫn tới những chỉ thị của các cấp cao hơn và những huân chương ông được nhận. Chính vì thế vụ án của ông đã được xem xét tại cơ quan ngoài tòa án, Hội nghị đặc biệt thuộc Bộ An ninh. Rõ ràng, có những kế hoạch nào đó trong tương lai sử dụng Mairanovxky với tư cách nhân chứng chống lại ai đó ở cấp lãnh đạo tối cao. Người ta để ông sống và vào tháng 2-1953 tuyên án mười năm tù vì giữ chất độc một cách phạm pháp và lạm dụng địa vị công tác.

Mairanovxky bị xét xử không lâu trước cái chết của Stalin. Khi Beria lại đứng đầu các cơ quan an ninh, Mairanovxky chuyển cho ông một khối lượng lớn tuyên bố, đòi hỏi được trả tự do, được minh oan và viện tới công việc dưới sự lãnh đạo trực tiếp của ông những năm 1938-1945. Hẳn Beria định thả ông ta, nhưng nhanh chóng chính ông bị bắt. Viện Công tố không chậm trễ lợi dụng ngay các tuyên bố của Mairanovxky chống lại chính ông, chống lại Beria, Abakumov và Merkulov. Giờ đây Mairanovxky được đưa ra như một kẻ đồng lõa của Beria trong những kế hoạch huyền thoại của ông tiêu diệt ban lãnh đạo Xô viết bằng thuốc độc.

Tôi được rõ về bốn sự kiện năm 1946-1947. Tôi có ý nói đến những kẻ dân tộc chủ nghĩa Ucraina nổi tiếng mà tôi đã kể, cũng như người nước ngoài, Samet và Orrins.

Samet, kỹ sư Ba Lan gốc Do Thái, được kích động năm 1939, nghiên cứu những công trình tuyệt đối bí mật về sử dụng những thiết bị chiến lợi phẩm của Đức trên các tàu ngầm của ta. Samet liên hệ với người Anh: ông ta định đi sang Palestine. Để cài điệp viên vào nhóm thân cận của Samet và kiểm soát các liên hệ của ông ta với người nước ngoài, Eitingon được cử đến Ulianovsk nơi mọi sự xảy ra. Mauanovskii đến muộn hơn cùng với điệp viên, bác sĩ bệnh viện nhà máy, đã làm cho Samet một mũi tiêm chất độc curra trong thời gian khám bệnh kiểm tra.

Tướng Volkogonov năm 1992 trình lên thượng viện Mỹ danh sách những người Mỹ chết ở Liên Xô trong những năm thế chiến II cũng như “chiến tranh lạnh”, và nhân danh tổng thống Eltsin bày tỏ sự tiếc nuối liên quan với cái chết của họ. Trong danh sách này có Orrins. Người ta thủ tiêu Orrins, như Volkogonov xét, để ông ta không thể kể sự thật về các nhà tù và trại giam Xô viết.

Ở phương Tây đến thời gian đó đã khá rõ về trại giam GULAG và nguyên nhân vì thế người ta tiêu diệt Orrins không đơn giản như được viết trong báo chí của chúng ta. Xét theo các tài liệu, Orrins bị NKVD bắt một cách bất hợp pháp và bị kết án bởi Hội nghị đặc biệt 8 năm tù giam vì tuyên truyền chống Liên Xô. Trong thực tế Orrins đến Liên Xô bằng hộ chiếu giả Tiệp Khắc, về điều này báo chí không nói một lời. Ông ta thực sự có cảm tình với các lý tưởng cộng sản và là đảng viên bí mật ĐCS Mỹ. Orrins cũng là điệp viên lâu đời của Quốc tế cộng sản và NKVD ở Trung Quốc, Viễn Đông và Mỹ. Vợ ông là Nora thuộc mạng điệp viên của NKVD ở Mỹ và Tây Âu và chịu trách nhiệm về sự phục vụ các căn hộ bí mật của chúng ta ở Pháp và Mỹ những năm 1938-1941. Orrins bị bắt năm 1938 khi bị nghi là gián điệp hai mang. Vợ ông trở về Mỹ năm 1939. Thoạt đầu bà cho rằng chồng ở Liên Xô vì lý do tác chiến, nhưng sau đó đã hiểu là ông bị bắt. Chúng ta có những cơ sở giả định rằng Nora đã bắt đầu cộng tác với FBI và các cơ quan đặc biệt khác của Mỹ và Nhật. Có thể, bà cố theo nhiệm vụ của tình báo Mỹ thiết lập lại các liên hệ với mạng điệp viên của ta ở Mỹ bị đứt năm 1942. Vào cuối chiến tranh Nora nhờ chính quyền Mỹ để họ giúp tìm chồng bà, tính chuyện giải phóng cho ông. Trong giai đoạn quan hệ tốt của chúng ta với Mỹ người ta cho phép cán bộ sứ quán Mỹ ở Moskva gặp Orrins ở nhà tù Butyrsk, khi theo đuổi các mục đích của mình, làm sáng tỏ người Mỹ rõ gì về hoạt động của ông ta.

Sau sự đổ vỡ mạng tình báo của ta ở Mỹ và Canada những năm 1946-1947 Molotov e sợ rằng nếu thả Orrins, thì người Mỹ có thể lôi kéo ông ta vào Ủy ban điều tra hoạt động chống Mỹ và sử dụng như nhân chứng chống lại ĐCS Mỹ. Ngoài ra, theo ý kiến của các cơ quan đặc biệt, các tiếp xúc của Nora Orrins với chính quyền Mỹ và sự cộng tác với FBI đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho mạng tình báo chúng ta ở Mỹ và Pháp.

Abakumov khi biết điều đó, đã đề nghị trừ khử Orrins, đề nghị được Stalin và Molotov phê chuẩn. Năm 1947 Mairanovskiy trong thời gian kiểm tra y tế đã làm cho Orrins đang trong tù một mũi tiêm chết người. Tôi và Eitingon được giao tổ chức việc mai táng ông ta tại nghĩa địa Do Thái ở Penza và xác nhận ngày chôn cất vào năm 1944 hoặc 1945.

Giờ đây nhớ lại con người ấy, tôi cảm thấy hối tiếc. Nhưng lúc ấy, trong những năm “chiến tranh lạnh” cả chúng ta lẫn người Mỹ đều không có khái niệm đạo đức khi thủ tiêu những đối thủ nguy hiểm, những điệp viên hai mang.

4. Những lời khai của Kalugin về sử dụng thuốc độc và chất độc trong các chiến dịch đặc biệt của KGB ở nước ngoài trong những năm 1970

Những năm 1960-1970 và 1990 Viện Công Tố, KGB và Ban kiểm tra đảng thuộc BCHTƯ đã điều tra những trường hợp sử dụng thuốc độc trong các chiến dịch của cơ quan đặc biệt. Đã xác định rằng Maranovxky có liên quan đến sự ứng dụng thuốc độc bởi các cơ quan đặc biệt những năm 1937-1947. Từ 1952 việc sử dụng thuốc độc được lặp lại dù không có sự tham gia của Maranovxky, và như thông thường, được hợp thức bằng những mệnh lệnh tương ứng của chính phủ. Không ai trong số những người lãnh đạo các hành động về ứng dụng thuốc độc từ cơ quan quản trị NKVD, hay từ tổng cục kỹ thuật - tác chiến bị quy kết thậm chí là chịu trách nhiệm hành chính.

Phòng thí nghiệm chất độc được lập năm 1921 thời hội đồng dân uỷ V.I. Lenin, rất lâu trước Beria, và được gọi là “Văn phòng đặc biệt”. Có thể là Lenin yêu cầu Stalin kiểm cho ông thuốc độc chính từ số dự trữ của phòng thí nghiệm này.

Trưởng phòng thí nghiệm đầu tiên vào những năm 30 là giáo sư Kazakov, ông bị xử bắn năm 1938 trong vụ án Bukharin.

Các công tác nghiên cứu khoa học của phòng thí nghiệm được tiến hành bởi những chuyên gia Viện sinh hoá dưới sự lãnh đạo của Maranovxky. Năm 1937 phòng thí nghiệm “văn phòng” và nhóm nghiên cứu của Maranovxky được chuyển cho NKVD. Những năm 60-70 nó mang tên Phòng thí nghiệm đặc biệt số 2 Viện công nghệ mới và đặc biệt của KGB.

Sự nổi tiếng thăm đạm của phòng thí nghiệm vẫn tiếp tục làn xôn xao óc tưởng tượng của các nhà lãnh đạo Xô viết. Năm 1988 thiếu tướng KGB Sadrin kể với tôi rằng cấp cao nhất, tức Gorbachov, thể hiện mối quan tâm đến thực tiễn loại trừ các đối thủ chính trị vào những thời xưa cũ. Lúc ấy lan truyền tin đồn rằng chủ tịch KGB Xemitsaxnuri năm 1964 đầu như từ chối sự gợi ý, nhiệm vụ của Brejnev thủ tiêu Khrusev. Thế nhưng Xemitsaxnuri, theo lời Sadrin, từ chối sự giải thích bằng văn bản về vấn đề này năm 1988 hay 1989 gì đó.

Năm 1990 tôi và Oleg Kalugin bị gọi đến Viện Công tố. Người ta hỏi cung tôi về vụ Orrins, Kalugin, vụ Markov, theo phái ly khai Bungari bị giết ở London nơi ông ta làm việc cho BBC. Kalugin khẳng định với công tố viên điều ông đã nói trong những phát biểu của mình trên báo chí.

Giữ chức vụ trưởng cơ quan tình báo đối ngoại của KGB, ông tư vấn cho tình báo Bungari trong chiến dịch thủ tiêu Markov nhờ thuốc độc nhận từ Phòng thí nghiệm đặc biệt mà trước kia Maranovxky lãnh đạo. Markov chết từ mũi tiêm zontic được chuẩn bị ở phòng thí nghiệm này.

Sự tham gia của Kalugin vào chiến dịch tiến hành bởi tình báo Bungari là tương ứng với trách nhiệm công tác của ông: ông chịu trách nhiệm về các hoạt động đấu tranh với mạng điệp viên các cơ quan đặc biệt phương Tây và phải cộng tác với các cơ quan đặc biệt của các nước xã hội chủ nghĩa. Còn Markov lúc ấy được xem là điệp viên danh tiếng của tình báo Anh. Như tôi nghe kể vì chiến dịch này, chính phủ Bungari tặng Kalugin huân chương và súng ngắn Browning. Chưa lâu lắm Kalugin tâm sự là đã nhận huân chương Cờ Đỏ còn vì

một sự thủ tiêu nữa, bắt cóc ở Vienne kẻ vượt tuyến Xô viết, sĩ quan Hải quân Artamov được tiến hành với việc sử dụng chất độc mà do đó Artamov chết ngay trên tay ông.

Lời giải thích của Kalugin về sự tham gia của mình vào các vụ thủ tiêu và bắt cóc giống như tôi đã nói. Nhưng vấn đề lại khác: đối với cái gọi là “xã hội dân chủ” của chúng ta Kalugin là chiến sĩ đấu tranh vì sự công bằng và quyền con người, còn tôi, nói mềm đi, là một cá nhân kinh tởm.

Kalugin và báo chí ủng hộ ông đặt vấn đề một cách công bằng về kiểm soát công việc các phân ban chất độc của cơ quan đặc biệt. Thế nhưng theo tôi, vấn đề không chỉ là sự kiểm soát. Các phòng thí nghiệm chất độc bao giờ cũng sẽ ở trong thành phần cơ quan bảo đảm kỹ thuật của các cơ quan an ninh và tình báo.

Tính tội phạm trong lĩnh vực này được xác định cả trong những chiến dịch của CIA. Năm 1977 Ogorongik cán bộ Bộ Ngoại giao, là gián điệp CIA, đã tự tử, nuốt lọ thuốc độc khi bị bắt. Thế nhưng trước đó y với sự cho phép của CIA đã giết hại một phụ nữ vô tội, công dân Xô viết, có một số cơ sở nghi ngờ y về tội gián điệp.

CHƯƠNG 10

CALIFORNIA Ở KRU'M

1. Vấn đề Do Thái trong đường lối đối nội và đối ngoại của Kremli những năm 1930-1940

Vào 1942-1945 cái gọi là vấn đề Do Thái trong quan hệ với các đồng minh có ý nghĩa thiết thực trong đường lối đối nội và đối ngoại của nhà nước Xô viết.

Kremli tính nhận được phương tiện để phục hồi kinh tế quốc dân dưới dạng sự giúp đỡ dân chúng Do Thái Liên Xô bị thiệt thòi từ sự xâm lược của Hitler. Chính phủ vẫn tiếp tục đường lối cũ về vấn đề các giới Do Thái, cố dùng “vấn đề Palestine” làm át chủ bài trong các thương thuyết với người Anh vốn đang e sợ cho địa vị của mình tại Cận Đông và cản trở việc di dân hàng loạt người Do Thái và sự thành lập ở đó quốc gia Do Thái.

Đầu những năm 1920, khi chính quyền Xô viết đã đứng vững, trong số lãnh đạo các cấp có không ít nhân vật người Do Thái.

Những năm 1922-1923 trong nước đã tiêu diệt nhiều tổ chức Do Thái và tổ chức dân tộc khác và các lãnh tụ của họ bị bắt. Một trong những tổ chức tích cực nhất kiểu này, thí dụ là Poalei Tsion ở Ôđécxa. Thành viên của tổ chức bí mật này đã vô hiệu hoá được sự theo dõi bên ngoài, dù mấy cán bộ tác chiến ra nghĩa địa hoang vắng và đánh họ như tử. Nhóm bí mật khác, Khagana, hình thành ở Jurtomir, nhưng trớ trêu, chính những cán bộ tác chiến của GPU làm việc tại thành phố này, những người Do Thái được trao nhiệm vụ chỉ huy chiến dịch chống lại nhóm dân tộc chủ nghĩa Do Thái.

Các lãnh tụ những tổ chức Do Thái hoặc bị lưu đày hoặc đi ra nước ngoài. Người ta cho họ làm điều đó: đến 1928 không tồn tại những cản trở đối với việc đi ra nước ngoài và thủ tục rất đơn giản.

Trong tất cả các cơ quan lớn thời ấy người Do Thái chiếm các vị trí có uy tín. Tôi nhớ rằng năm 1939 chúng tôi nhận được chỉ thị truyền miệng bắt buộc, sau những vụ thanh trừng hàng loạt, theo dõi bao nhiêu phần trăm người dân tộc thiểu số có trong ban lãnh đạo những cơ quan, theo quan điểm an ninh, quan trọng nhất. Nhưng chỉ thị đó sâu sắc hơn nhiều theo ý đồ của nó so với mức tôi giả định. Rất may đa số bạn chiến đấu của tôi đến thời gian ấy đạt được những thành tích lớn, đã chứng minh lòng trung thành của mình đối với đảng và không bị ảnh hưởng bởi chỉ thị đó.

Sự thành lập tỉnh tự trị Do Thái với trung tâm Birobidjan được Stalin phê duyệt để tăng cường chế định biên giới ở Viễn Đông bằng cách thành lập ở đấy một kiểu lớp đệm, chứ hoàn toàn không phải là một bước tiến tới thành lập nhà nước Do Thái. Biên giới ở những khu vực này vẫn thường bị xâm phạm bởi các nhóm khủng bố Bạch vệ và Trung Quốc. Ý tưởng của Stalin là để dựng lớp chướng ngại vật trên đường đi của chúng bằng những làng mà dân chúng có tinh thần thù địch với bọn Bạch Vệ lưu vong, và đặc biệt là với dân Cozak. Chế định của khu vực được xác định một cách sáng suốt như một tỉnh tự trị, chứ không phải nước cộng hòa, có nghĩa: ở đây sẽ không có cơ quan lập pháp của mình, chẳng có Tòa án tối cao lẫn những cơ cấu lãnh đạo cấp bộ. Dù tỉnh có quyền tự trị, nó vẫn chỉ là lãnh thổ

biên giới đặc biệt, chứ không phải một trung tâm chính trị. Sau khi bắt đầu chiến tranh này ra ý tưởng lợi dụng các thủ lĩnh tổ chức Bund xã hội Do Thái, Henrik Erlikh và Viktor Alter vào các mục đích chính trị đối ngoại. Cựu phó tổng cục phản gián tình báo tướng Raikhman năm 1970 kể với tôi rằng những thủ lĩnh Bund này bị chúng ta bắt ở Đông Ba Lan vào tháng 9, 10-1939. Khi bắt đầu chiến tranh với Đức, vào tháng 9-1941 họ được thả. Tại cuộc gặp gỡ với Beria họ được đề nghị thành lập Ủy ban Do Thái chống Hitler: ban đầu Erlikh sẽ là chủ tịch Ủy ban, phó của ông, Mikhoels, còn thư ký chịu trách nhiệm, Alter. Phải từ bỏ kế hoạch bởi Erlikh và Alter biết quá nhiều về ý đồ của Stalin lợi dụng họ để moi tiền phương Tây. Sau 12-1941 Alter và Erlikh lại bị tổng giam, dù người ta không đưa ra được chứng cứ nào buộc tội họ. 27-12-1941 Erlikh gửi thư cho chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Kalinin, phản kháng việc bắt giữ và chứng minh rằng ông là người ủng hộ chính phủ Xô viết và sẵn sàng hợp tác với NKVD.

Từ bức thư này thấy rõ rằng chính NKVD cổ thúc đẩy thông qua Erlikh việc thành lập Ủy ban Do Thái chống phát xít (EAK). Nhiệm vụ chính của Ủy ban, trong thư nói, phải là tuyên truyền tích cực trong các cộng đồng Do Thái Mỹ và Anh địa vị của người Do Thái ở Liên Xô nhằm nhận được sự giúp đỡ tối đa cần cho Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của Hitler. Tất cả các đề nghị của EAK nhận được sự khuyến khích trọn vẹn của lãnh đạo, và NKVD được trao việc chọn lựa địa điểm thuận tiện cho bộ chỉ huy của Ủy ban. Đứng đầu Ủy ban gồm: Mikhoels, nhà đạo diễn chính và diễn viên tài ba của nhà hát quốc gia Do Thái, Fefer, nhà thơ danh tiếng Epstein, nhà báo và nhà phê bình văn học.

Erlikh đã không nhận được thư phúc đáp. Các lưu trữ chứng tỏ rằng vào tháng 12 Beria đã ra lệnh chuyển Erlikh và Alter vào xà lim đơn. Những tù phạm này được biết tới như các con số 41 và 42, cấm việc hỏi cung và viết tên họ vào sổ lưu ở nhà tù Quybursev nơi họ bị giam giữ. Tướng Raikhman muộn hơn kể với tôi rằng tồn tại một mệnh lệnh đặc biệt mà các nhân viên nhà tù không được quyền biết họ tên thật của họ. Những chỉ thị này xuất phát từ Stalin, Molotov và Beria.

Các chính quyền Mỹ và Ba Lan hỏi về số phận của Erlikh và Alter, Molotov uỷ quyền cho Litvinov thông báo rằng ngày 23-12-1941 Erlikh và Alter đã bị xử bắn vì vào tháng 9 và tháng 10 năm đó họ đã hoạt động phản bội một cách có hệ thống, tìm các phổ biến ở Liên Xô thông tin thù địch nhằm ngừng các hoạt động quân sự và ký hiệp ước hòa bình với nước Đức phát xít.

Đó là sự dối trá. Erlikh tự vẫn: ngày 14 5 1942 ông đã treo cổ trong xà lim. Alter sống trong sự giam hãm đơn độc đến ngày 17 2 1943 và bị bí mật xử bắn theo lệnh của Beria.

Chỉ vào tháng 9 1992 tuần báo của MVD Thanh Kiểm và Lá Chấn mới cho biết về số phận Erlikh và Alter. Họ bị thủ tiêu để giấu đi những tiếp xúc bí mật của lãnh đạo Xô viết với những đại diện có uy tín của các cộng đồng Do Thái ở nước ngoài. Erlikh và Alter bị trừ khử còn vì Stalin sợ ảnh hưởng chính trị của họ ngoài phạm vi Liên Xô.

2. Ủy ban Do Thái chống phát xít

Lập tức ngay sau khi thành lập ủy ban Do Thái chống phát xít tình báo Liên Xô quyết định sử dụng các liên hệ của giới trí thức Do Thái để làm rõ khả năng nhận viện trợ kinh tế

bổ sung trong cuộc đấu tranh với nước Đức phát xít qua các giới Do Thái. Từ 1925 theo chỉ thị của Dzerjinxky chúng ta tích cực xử lý và thâm nhập vào các tổ chức Do Thái của Mỹ, Tây Âu và Palestine. Xerebrianxky đã lập được mạng điệp viên đặc biệt trong phong trào Do Thái vào đầu những năm 30. Giờ đây EAK có thể là bình phong để hồi phục địa vị mạng điệp viên trong phong trào Do Thái đã bị mất đi năm 1938 liên quan với việc bắt giữ gần như toàn bộ thành phần tác chiến của nhóm Xerebrianxky.

3. Nhiệm vụ mật của Mikhoels lôi kéo tư bản Mỹ vào Liên Xô năm 1943

Với mục đích này Mikhoels và Fefer, điệp viên tin cậy của ta, được giao thăm dò phản ứng của các tổ chức Do Thái có uy tín ở nước ngoài về sự thành lập cộng hòa Do Thái ở Krưm. Nhiệm vụ thăm dò tình báo đặc biệt này, xác định các tiếp xúc với phong trào Do Thái Mỹ những năm 1943-1944 dưới sự chỉ đạo của đại diện ta ở Mỹ, đã được hoàn thành tốt đẹp. Tôi nhớ vào giai đoạn này trong ban lãnh đạo Liên Xô đúng là đã nghĩ đến. Khả năng thành lập cộng hòa Do Thái ở Krưm trên cơ sở ba vùng Do Thái từng tồn tại ở đó trước chiến tranh. Theo đề nghị của Molotov ban lãnh đạo EAK chuẩn bị bức thư gửi Stalin với đề nghị thành lập cộng hòa Do Thái ở Krưm. Chính Mikhoels đã nằm trong sự đào luyện của NKVD từ năm 1935. Thêm nữa một trong những nhiệm vụ chính của ông là lập nên vỏ bọc để tiếp cận các nhóm lãnh đạo của tổ chức Do Thái Mỹ "Djoint".

Trong bức thư một phần nói rằng sự thành lập cộng hòa Xô viết Do Thái phù hợp với những nguyên tắc bolsevich và trong tinh thần chính sách dân tộc của Lenin - Stalin.

Bức thư này được lưu trong sổ đăng ký giữ trong lưu trữ của đảng, đến tận giờ vẫn chưa công khai hết. Nó không được đưa ra, khi trong cuộc viếng thăm Washington năm 1992 của tổng thống Eltsin người ta trưng bày các tài liệu lưu trữ của AEK.

Ngày 15-2-1944 dự thảo bức thư được trình lên Molotov. Theo chỉ thị của ông, Lozovxky, phó của Molotov đã chỉnh lý nó. Bức thư được chuyển lại Molotov và ghi ngày tháng khác 21-2. Ba ngày sau nó được đăng ký trong ban thư ký chính phủ Liên Xô dưới số M-23314 và cùng ngày được chuyển cho bí thư BCHTƯ Malenkov, Bí thư thành uỷ Moskva, chủ nhiệm tổng cục chính trị các lực lượng vũ trang Serbakov và chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước Voznexenxky uỷ nhiệm xem xét vấn đề này.

Cần lưu ý rằng, Litvinov vốn là đại sứ ở Mỹ trong những năm chiến tranh, trong thư gửi Molotov và NKVD đã kiên quyết chống lại các liên hệ với phong trào Do Thái, cũng như chống sự tham gia tích cực vào giải quyết vấn đề Palestine. Theo Litvinov, khả năng tác động của chúng ta tới phong trào Do Thái sẽ là không đáng kể. Vì thế ông đề nghị giao mọi tiếp xúc với các nhóm Do Thái cho các cán bộ cơ quan đặc biệt Xô viết hoặc mạng điệp viên được tin cậy đặc biệt. Trong những đề đạt ấy không có gì đáng kinh ngạc: lãnh đạo tổ chức chiến đấu bí mật của người bolsevich trước cách mạng, Litvinov có kinh nghiệm tác chiến, trong đó kể cả việc lôi kéo những người từ các giới thù địch hợp tác.

Cán bộ tác chiến của chúng tôi Kheifets đã thành công trong thu nhận tài liệu về bom nguyên tử ở Mỹ, kể với tôi rằng bức thư thực chất là đề nghị thành lập một nước cộng hòa Do Thái ở Krưm, nơi người Do Thái cả thế giới có thể đến. Điều đó, tất nhiên là đòi hỏi sự xáo trộn cư dân Krưm. Tháng 3 và 4-1944 người Tácta Krưm bị trục xuất: từ Krưm bị đẩy

đi và chuyển tới Uzbekistan 150 nghìn người. Bức thư và lệnh trục xuất thực tế được ký chung một ngày (tương ứng là 14 và 15-2) là sự trùng hợp. Lệnh của Stalin trục xuất người Tácta Krum bị buộc tội cộng tác hàng loạt với bọn Đức đã được ký trước, nhưng để thực hiện nó vào tay Beria một ngày trước khi có bức thư của ủy ban Do Thái chống phát xít. Sự phối hợp và thực thi kế hoạch về việc lôi kéo tư bản Do Thái được giao cho Kheifets và trưởng nhóm tình báo Zarubin ở Mỹ, họ đã tổ chức chuyển đi của Mikhoels sang Mỹ năm 1943.

Trước khi sang Mỹ Mikhoels được Beria gọi đến Lubianka và hướng dẫn làm cách nào mở được những tiếp xúc rộng với những người Do Thái Mỹ. Kế hoạch của chúng ta quy lại là để nhận được sự ủng hộ của dư luận xã hội Mỹ và nhận được tiền cho vay cần để phát triển ngành công nghiệp than và gang thép. Mikhoels và Fefer đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Thành công chuyển đi của Mikhoels sang Mỹ lập tức đã làm ông ta bị tình nghi trong mắt Stalin. Chứ sao, ông ta người đại diện văn hoá Do Thái, đã trở thành một anh hùng đích thực, nổi tiếng khắp thế giới, vì thế ông ta được quyết định số phận như của Erlikh và Alter.

Có vai trò đáng kể của Mikhoels và Fefer trong chiến dịch tình báo tiếp cận những nhóm bác học, chuyên gia thân thích của Einstein chuyên trách nghiên cứu thứ “siêu vũ khí” lúc ấy chưa ai rõ.

Người ta nói rằng Mikhoels có thể được đề nghị chức vụ chủ tịch Xô viết tối cao trong cộng hòa Do Thái Krum. Ngoài Molotov, Lozovxky và mấy quan chức Bộ Ngoại giao, Mikhoels là người duy nhất biết về sự tồn tại kế hoạch Stalin thành lập nhà nước Do Thái ở Krum. Bằng cách ấy Stalin dự tính nhận được từ phương Tây 10 tỷ đôla cho việc phục hồi nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá.

Tôi không biết chi tiết bức thư của Ủy ban Do Thái chống phát xít gửi Stalin. Beria thì rõ ràng sáng kiến của chúng ta được phía Mỹ ủng hộ, chính xác hơn, các tổ chức Do Thái Mỹ, bởi chính ông tiếp cả Mikhoels, cả Fefer sau chuyển đi Mỹ. Sự bàn bạc vấn đề về thành lập cộng hòa Do Thái trong phạm vi Liên Xô, riêng tôi cho là một kiểu thăm dò phương Tây nhằm làm sáng tỏ xem các kế hoạch trợ giúp kinh tế của họ đối với chúng ta tiến xa đến mức nào sau chiến tranh. Thế nhưng quyết định thành lập cộng hòa Do Thái bị hoãn lại đến kết thúc chiến tranh, và bức thư nằm im suốt bốn năm, và về nội dung của nó loang đi lắm lời đồn đại khác nhau nhất. Sau đó, năm 1948, Malenkov sử dụng nó để chống lại các thành viên EAK, còn muộn hơn nữa, để chống các kỳ cựu trong ban lãnh đạo đất nước. Molotov, Mikoian, Vorosilov, Voznexenxky và, cuối cùng, chính Beria liên đới đến sự thảo luận thành lập cộng hòa Do Thái trên lãnh thổ Krum, tự chính họ, do có những họ hàng người Do Thái, thành ra có điểm yếu trong tiến trình chiến dịch này.

Kế hoạch lôi kéo tư bản Mỹ, như tôi đã nhắc tới, gắn với ý tưởng thành lập cộng hòa Do Thái ở Krum cái được gọi là “California của Krum”. Ý tưởng này được bàn bạc rộng rãi trong các giới Do Thái Mỹ điều tôi nghe Kheifets kể. Theo lời ông, quan tâm đặc biệt đến đề án là chủ tịch viện thương mại Mỹ Erik Jonhson, người vào tháng 6-1944 cùng với đại sứ Mỹ Averell Hariman được Stalin tiếp để thảo luận các vấn đề hồi phục những tỉnh vốn là nơi sinh sống chủ yếu của cư dân Do Thái, ở Beloruxia, và việc di dân Do Thái đến Krum.

Johnson vẽ ra trước Stalin một viễn cảnh sáng sủa khi nói rằng để cho mục đích ấy sau chiến tranh sẽ cho Liên Xô những kỳ phiếu Mỹ dài hạn.

Ý tưởng về thành lập cộng hòa xã hội chủ nghĩa Do Thái ở Krưm được bàn bạc công khai ở Moskva không chỉ trong số người Do Thái, mà cả ở các cấp lãnh đạo cao nhất.

Rõ ràng Mikhoels như chủ tịch Ủy ban Do Thái chống phát xít trong hoạt động của mình dựa phần lớn vào Fefer, một điệp viên cỡ lớn của NKVD, do chính ủy an ninh quốc gia Raikhman “dẫn dắt”, vẫn có khi chính Beria gặp Fefer tại điểm hẹn để bàn vấn đề thành lập cộng hòa Do Thái ở Krưm.

Vào tháng 6-1945 đề án này có vẻ còn hiệu lực và cần hiện thực hoá. Trong thời gian chuẩn bị hội nghị Yalta Hariman hỏi tôi và Novikov, trợ lý của Molotov, việc thành lập cộng hòa Do Thái tiến hành ra sao liên quan với tiền sẽ cho vay dành cho đề án này. Tôi nhớ đã nhìn thấy thông báo về việc Stalin ngay sau chiến tranh đã thảo luận với phái đoàn thượng nghị sĩ Mỹ về điều này và về tỉnh Gomel nơi sinh sống thuận tiện của người Do Thái ở Beloruxia. Ông đề nghị họ không hạn chế hồi phiếu và trợ giúp kỹ thuật cho hai khu vực này, mà cho vay không gắn với những đề án cụ thể.

Sau đó, tháng 6-1945 sau hiệp ước Yalta và chiến thắng đối với nước Đức Hitler, Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô đã phê chuẩn sắc lệnh: Krưm trở thành một tỉnh trong thành phần cộng hòa Liên bang Nga. Trong khi đó trước chiến tranh Krưm là nước cộng hòa tự trị với đại diện số đông người Tácta trong cơ cấu lãnh đạo. Tháng 11-1945, khi Hariman cố nối liên lạc với Stalin thông qua Molotov để bàn bạc các vấn đề hợp tác kinh tế, đề nghị của ông ta về một cuộc gặp gỡ riêng bị gạt bỏ theo lệnh Stalin.

Sau chiến tranh Stalin tiến hành đường lối khác hơn: tăng cường thâm nhập vào hàng ngũ phong trào Do Thái. Đến cuối năm 1945 đã rõ rằng Stalin không xem mình bị trói buộc với sự thăm dò không chính thức trước đây, người Anh và người Mỹ tổ chức Ủy ban Anh - Mỹ về Palestine không có sự tham gia của Liên Xô. Điều đó mâu thuẫn với hiệp ước đạt được từ trước của các đồng minh và vấn đề Palestine.

Và thế là vào tháng 4-1946 các thứ trưởng Bộ Ngoại Giao Dekanozov và Vưsinxky đã chuyển thư lên chính phủ trong đó nhấn mạnh rằng các quyền lợi của Liên Xô bị coi thường: vấn đề Palestine sẽ được giải quyết không có sự tham gia của chúng ta. Từ sự đồng ý của Molotov Vưsinxky đăng một bài báo dưới tên bí danh trong tạp chí Thời Đại Mới, nói về sự cần thiết thành lập một quốc gia Do Thái dân chủ ở Palestine. Sự tính toán là nhằm tăng cường địa vị của Liên Xô ở Cận Đông và đồng thời phá vỡ ảnh hưởng của Anh ở các nước Ả rập đang chống lại sự xuất hiện của một quốc gia mới, cho thấy rằng người Anh không đủ khả năng ngăn chặn người Do Thái thành lập quốc gia của mình. Đồng thời với những bước chính trị được tiếp nhận, đã có chỉ thị năm 1946 ném các điệp viên sang Palestine qua đường Rumani. Họ phải dựng lên ở Palestine một mạng lưới điệp viên bí mật mà có thể được sử dụng trong các chiến dịch chiến đấu và phá hoại chống quân Anh. Để cho mục đích đó tôi chọn ba sĩ quan: Garbuz, Cemenov (tên thật là Taubman, ông là trợ lý của Grigulevich về hoạt động bí mật ở Latvia và giúp thủ tiêu Rudolf Klement ở Paris năm 1938), Kolexnikov. Garbuz và Kolexnikov có kinh nghiệm chiến tranh du kích tại Ucraina và Beloruxia nơi họ tham gia các chiến dịch chống chính quyền Đức chiếm đóng.

Tôi từ đầu hiểu rằng khi giúp người Do Thái, trên thực tế chúng ta đặt nhiệm vụ của mình là tổ chức mạng lưới điệp viên bên trong cơ cấu quân sự và chính trị Do Thái. Người Do Thái khát khao độc lập và gắn bó chặt chẽ với nước Mỹ. Nhưng chúng ta không có lòng tự tin rằng chúng ta đủ sức ảnh hưởng tới họ như ở Đông Âu. Thế nhưng chúng tôi cho rằng sự hiện diện của mình ở đây cực kỳ quan trọng. Như tôi nghe Kheifets kể từ năm 1943 Litvinov trong thư của mình từ Washington gửi Molotov nhấn mạnh rằng Palestine và sự thành lập nhà nước Do Thái là một trong những vấn đề cốt yếu của chính trị quốc tế sau chiến tranh.

Nửa sau của năm 1946 Stalin giữ lập trường đối kháng tích cực đối với hoạt động của các tổ chức Do Thái thế giới và đường lối Anh - Mỹ về vấn đề Palestine. Ông bức tức vì những đòi hỏi của người Do Thái Liên Xô về cải thiện điều kiện sống của họ khi tản cư trở về. Ông bắt đầu hâm nóng chiến dịch bài Do Thái ở Liên Xô: bắt đầu cuộc thanh lọc trong bộ máy đảng, cơ quan ngoại giao, chỉ huy quân đội và tình báo. Đỉnh điểm của chiến dịch là “âm mưu của các bác sĩ” và sự buộc tội các bác sĩ người Do Thái trong chủ nghĩa Do Thái. Đây lại là một cách đánh vu hời kiêu Stalin nhằm thay ban lãnh đạo cũ, Molotov, Mikoian, Beria và những những mới khác, chỉ sợ người ta đe dọa địa vị nhà cầm quyền duy nhất của đất nước.

4. Tiêu diệt giới trí thức Do Thái sau khi bắt đầu “Chiến tranh lạnh”

Tháng 10-1946 lần đầu tiên vấn đề hiểm họa chủ nghĩa tư sản dân tộc Do Thái đối với hệ tư tưởng cộng sản được đưa ra. Vừa nhậm chức bộ trưởng an ninh Abakumov trong thư gửi lãnh tụ đã buộc tội các nhà lãnh đạo ủy ban Do Thái chống phát xít, theo ông ta, họ đặt quyền lợi Do Thái cao hơn quyền lợi đất nước Xô viết. Lời buộc tội tương tự vang lên đầy nghiêm trọng. Kheifets, đã hoàn thành xuất sắc trong thu nhận thông tin về bom nguyên tử và thiết lập các tiếp xúc ở cấp cao trong cộng đồng Do Thái ở Mỹ. Bị thất sủng. Ông tiếp tục làm thư ký về quan hệ với nước ngoài trong Ủy ban Do Thái chống phát xít, thế nhưng buộc phải cắt đứt các tiếp xúc của mình với xã hội Do Thái Mỹ.

Trong bức thư Abakumov buộc tội Ủy ban, rằng cuối chiến tranh nó nhận về mình chức năng đại diện các quyền lợi của dân chúng Do Thái khi trả lại tài sản cho những người hồi hương. Hàng ngàn người Do Thái trong thời gian chiến tranh đã chạy khỏi Kiev, Minsk, Riga, Leningrad và Moskva, trốn tránh quân đội Đức đang tấn công. Bọn quốc xã đi với khẩu hiệu giải phóng dân Ucraina và vùng Baltic khỏi “sự thống trị Do Thái”. Điều đó giúp bọn dân tộc chủ nghĩa chiếm đoạt nhà cửa, tài sản của người Do Thái. Năm 1945 khi những người Do Thái sống sót trở về nhà, họ thấy tài sản mình đã ở trong tay kẻ khác.

Tôi nhớ Khrusev khi đó là bí thư thứ nhất ĐCS Ucraina đã gọi điện thoại cho Uxman luxupov, bí thư ĐCS Uzbekistan và than vãn rằng, người Do Thái tản cư “bay về Ucraina như bầy quạ”. Trong cuộc trò chuyện đó (năm 1947) ông ta tuyên bố rằng đơn giản ông ta không có chỗ để tiếp nhận tất cả, bởi thành phố bị hủy hoại, và nhất thiết phải chặn dòng thác đó, nếu không thì Kiev sẽ bị cướp bóc. Vào lúc đó tôi đang trong văn phòng của luxupov, và ông kể lại tôi nghe cuộc trò chuyện, bởi tôi đến chỗ ông yêu cầu về vấn đề định cư ba nghìn người Kurd chạy sang Azerbaizan từ Iran dẫn đầu là Barzani. Để họ lại Kavkaz

là cực kỳ nguy hiểm nên lãnh đạo đã quyết định di chuyển họ đến Uzbekistan.

Chủ tịch Ủy ban Do Thái chống phát xít Mikhoels cố hết sức bảo vệ quyền lợi của người Do Thái trong các vấn đề nhà ở và tài sản. Abakumov cố chứng minh rằng ý đồ của Ủy ban là biểu hiện chủ nghĩa dân tộc tư sản Do Thái. Xử sự của Mikhoels nhân danh những người Do Thái trở về nhà, sự thông tỏ của ông về những tiếp cận thăm dò tuyệt mật của lãnh đạo Xô viết đối với những người Do Thái không đơn thuần làm Stalin lo lắng, chúng tăng thêm mối ngờ vực.

Tình hình càng xấu hơn vào năm 1947. Tôi nhớ chỉ thị của Obrutskov và Xvinelupov, các thứ trưởng Bộ An ninh và Bộ Nội vụ không bổ nhiệm người Do Thái vào cấp bậc sĩ quan trong các cơ quan an ninh. Tôi không thể tưởng tượng rằng một mệnh lệnh bài Do Thái công khai đến thế đã xuất phát từ Stalin, và cho rằng tất cả đó là từ tay Abakumov. Tôi đã rõ ràng kế hoạch vĩ đại sử dụng giới trí thức Do Thái Xô viết để củng cố hợp tác quốc tế với người Do Thái toàn thế giới đã bị gạt bỏ. Eitingon suốt ngày than vãn những sự chèn ép họ hàng của ông trong các trường đại học và cơ quan y tế, tin chắc rằng chủ nghĩa bài Do Thái là thành tố đáng kể cho đường lối nhà nước. Nhìn lại, tôi thừa nhận rằng ông hiểu tình thế hơn tôi nhiều.

Beria và Bogdan Kobulov thường kể với tôi rằng Stalin thích những câu đùa và chuyện tiêu lâm bài xích đạo Hồi, nói riêng là bài xích Azerbaizan, đặc biệt khi người ta kể chúng trước mặt Bagirov, bí thư thứ nhất ĐCS Azerbaizan, người đơn thuần không chịu nổi giọng điệu dè bĩu của Kobulov, nói tiếng Nga với âm sắc Azerbaizan. Điều đó buộc tôi phải nghĩ rằng sự hài hước nhằm chống nhóm dân tộc này hay dân tộc khác làm Stalin khoái chí và ông, về bản chất, là kẻ bài Do Thái không nhiều hơn so với bài đạo Hồi.

Stalin và các trợ thủ gần gũi của ông thể hiện mối quan tâm đến vấn đề Do Thái nhằm kiếm lợi chính trị trong cuộc đấu tranh vì quyền lực và để tập hợp các lực lượng của mình. Những “trò chơi” bài Do Thái ở cấp cao nhất đã bắt đầu như thế. Sau khi Stalin bắt đầu chiến dịch chống những người theo chủ nghĩa hoàn vũ những năm 1946-1947, thành phần lãnh đạo cấp trung và các quan chức đảng cơ sở đã lĩnh hội chủ nghĩa bài Do Thái như đường lối chính thức của Đảng. Thuật ngữ “hoàn vũ nhân không mồm” thành ra đồng nghĩa của từ “Do Thái”: nó có nghĩa là các công dân Xô viết dân tộc Do Thái chia sẻ thế giới quan của người Do Thái phương Tây và vì thế không thể hoàn toàn trung thành với nhà nước Xô viết.

Chiến dịch chống phái hoàn vũ trùng với sự thay đổi sự thăng bằng chính trị quay quanh Stalin. Malenkov bị hạ thấp chức vụ, Beria bị gạt khỏi mọi công việc liên quan đến an ninh. Bắt đầu có những tin đồn rằng Molotov vây quanh mình toàn người Do Thái.

Nỗ lực của Stalin sau chiến tranh hướng tới việc phổ biến ảnh hưởng của Liên Xô đầu tiên sang các nước Đông Âu, sau đó là khắp nơi, ở đâu chúng ta cạnh tranh với nước Anh. Stalin tiên đoán rằng các nước Ả rập sẽ hướng về Liên Xô khi thất vọng vì Anh và Mỹ ủng hộ Israel. Người Ả rập vì thế phải đánh giá những xu thế bài Do Thái trong đường lối đối ngoại Xô viết.

“Chiến tranh lạnh” bắt đầu một cách thật sự vào những năm 1946-1947 khi đã biến mất

những ảo vọng tính đến sự hợp tác của chúng ta với phương Tây. Các quan hệ đồng minh với Anh và Mỹ trong chiến tranh đã trở thành đối đầu. Cuộc nội chiến ở Trung Quốc càng ngày càng mãnh liệt hơn, tăng thêm sự căng thẳng ở Italia và Pháp nơi những người cộng sản tiến hành cuộc đấu tranh chính trị tàn khốc. Với sự bắt đầu “chiến tranh lạnh” những hi vọng của chúng ta nhận được tư bản Do Thái đã biến mất. Ban lãnh đạo đất nước đã rõ rằng sự ủng hộ của các giới doanh nghiệp Do Thái ở nước ngoài và sự đầu tư của họ là không thể.

Nạn nhân đầu tiên của sự thay đổi đường lối là Mikhoels.

Ngoài ra, có những tài liệu tác chiến đến tay Stalin về việc Mikhoels muốn tìm được sự ủng hộ của con rể ông G. Morozov, để bảo đảm trong ban lãnh đạo Xô viết quyết định có lợi cho ông cải thiện tình hình dân chúng Do Thái và sự phát triển văn hoá Do Thái. MGB cũng nghi ngờ rằng qua các liên lạc của Mikhoels với các tổ chức Do Thái ở Mỹ đã rõ một số sự kiện bí hiểm trong cuộc đời gia đình Alliluevich, họ hàng của Stalin. Hẳn rằng Stalin e ngại rằng uy tín cá nhân của Mikhoels có thể bị lợi dụng bởi phong trào Do Thái quốc tế. Mikhoels nổi tiếng và hiển nhiên, là một nhân cách xuất chúng, vì thế trong điều kiện chính thể chuyên chế thời đó không thể có chuyện ứng dụng đối với ông cái sơ đồ bắt bớ và trừng phạt đã quen thuộc được che đậy bằng bản án nguy tạo.

Mikhoels bị thủ tiêu trong cái gọi là chế độ đặc biệt vào tháng 1-1948. May cho tôi, tôi đã không có một chút liên quan gì tới chiến dịch này. Các chi tiết vụ giết người tôi được rõ vào năm 1953. Còn nhớ rằng chỉ đạo trực tiếp tại chỗ chiến dịch này là phó của Abakumov và bộ trưởng an ninh Belorussia Tsanava. Mikhoels bị Golubov nhử vào một nhà nghỉ với cuộc gặp gỡ với các nghệ sĩ chủ chốt của Belorussia, và ông bị tiêm mũi tiêm chết người và người ta ném họ xuống dưới bánh xe tải để dàn cảnh cán xe của bọn cướp trên phố ngoại ô Minsk. Sau tay lái chiếc xe tải là cán bộ phòng giao thông MGB tuyến đường sắt Belorussia.

Golubov là điệp viên MGB trong giới trí thức sáng tạo, điều tất nhiên Mikhoels không biết. Thế nhưng trong tình huống ấy anh ta trở thành nhân chứng không mong muốn, bởi chính nhờ anh ta mới đưa được Mikhoels đến nhà nghỉ.

Tin về cái chết của Mikhoels gợi trong lòng tôi mối nghi ngờ mà tôi đã không hề nói với ai. Thế nhưng tôi không thể tưởng tượng là chính Ogolesov đến Minsk trực tiếp đến chỉ đạo chiến dịch. Tôi đã nghĩ rằng một tên kẻ cướp có tinh thần bài Do Thái nào đó được nói cho biết trước ở đâu và nơi nào có thể tìm ra Mikhoels, tự cho mình là đại biểu cho các quyền lợi Do Thái đã gây ra vụ sát hại.

Số phận Ogolesov là tiêu biểu đối với các nhà lãnh đạo MGB thời đó. Tháng 5-1953 Beria đã đạt được việc bắt giam ông về hình thức với lý do thủ tiêu bất hợp pháp Mikhoels, tháng 8-1953 sau sự bắt giữ Beria, ông được tha. Và không ai cho ông ta có lỗi trong vụ này. Bởi lúc ấy tất cả những ai trong Bộ Chính trị tham dự “vụ án các bác sĩ” đồng tình với vụ này, đang có quyền lực. Chỉ năm 1957, để bôi nhọ Ogolesov, vốn gắn bó với Malenkov, theo uỷ nhiệm của Stalin đã theo dõi Beria từ 1951, người ta khai trừ ông khỏi đảng vì “vi phạm pháp luật xã hội chủ nghĩa trong tiến trình công tác điều tra ở Leningrad những năm 1941-1943”.

Phần lớn năm 1948 tôi chuyên trách vụ khủng hoảng Berlin và thành lập mạng lưới bí mật người Kurd ở Iran, Iraq và Thổ Nhĩ Kỳ với mục đích lật đổ chính phủ Nuri Said và Feisal ở Iraq, cũng như các công việc ở Tiệp Khắc. Tôi bay sang Praha với Zubov để cố gắng vô hiệu hoá những người theo tổng thống Benes khi chuyển giao chính quyền cho chính phủ mới đứng đầu là Hotvald.

Năm 1947 vợ tôi ốm nặng và nhanh chóng về hưu. Từ những năm 1940 cô đã có đủ sáng suốt để xa rời công việc tác chiến, và được cử làm giảng viên chính các bộ môn đặc biệt trong học viện cao cấp của NKVD (sau là MGB). Thỉnh thoảng người ta dùng cô để tiếp xúc với các điệp viên nữ được quan tâm đặc biệt bởi lãnh đạo Tổng cục phản gián, nhưng phần lớn cô ẩn trong bóng tối và tránh bị chú ý. Bệnh của cô phát triển vào thời gian chiến dịch thanh lọc người Do Thái của MVD, MGB và Bộ Ngoại giao. Cô về hưu với quân hàm trung tá năm 1949 và đăng ký trong biên chế bằng tên thời con gái là Kaganova.

Vào những năm 1949 và 1950 khi tôi phải thường xuyên đi sang Praha, Tây Ucraina, Azerbaizan và Uzbekistan, Eitingon thực hiện các trách nhiệm của tôi về tình báo và công tác phá hoại trong văn phòng. Ông thường đến thăm Emma và kể cho cô nghe về chiến dịch bài xích Do Thái đang càng ngày càng mở rộng phạm vi. Em gái Eitingon, Xonia, một bác sĩ nội khoa nổi tiếng và bác sĩ trưởng bệnh viện nhà máy ô tô, bị bắt, em gái vợ tôi Elizabeta bị đuổi khỏi trường đại học y khoa ở Kiev. Chúng tôi đã tìm cách giúp họ lợi dụng các quan hệ thân tình với Muzurtsenko, giám đốc MONIKI ở Moskva. Những năm 30 ông là điệp viên của NKVD ở Pháp và Áo, nhưng năm 1938 đã rời ngành tình báo và quay về với nghề nghiệp bác sĩ trước đây của mình, ông đã thu xếp công việc cho Elizabeta, mà, tiện thể nói thêm, đang làm việc tại trường đại học này cho đến tận giờ.

Một đòn giáng bất ngờ đối với tôi là sự bắt giữ Kheifets năm 1948 hay 1949 gì đó, sự chạy chọt của tôi và Eitingon đều vô hiệu, cả tôi lẫn ông đã gán vụ bắt bớ này với chiến dịch bài Do Thái. Kết quả là hầu như toàn bộ các thành viên Ủy ban Do Thái chống phát xít và những nhà hoạt động văn hoá Do Thái khác đã bị bắt và trao cho tòa án với tội danh có âm mưu tách Krưm khỏi Liên Xô.

5. Sự tranh giành quyền lực trong ban lãnh đạo Kremli. Ngụy tạo vụ án về âm mưu lãnh đạo MGB lôi kéo các bác sĩ mưu phản người Do Thái

Cuộc đấu tranh nội bộ vào giai đoạn từ 1948-1952 khơi lên một làn sóng bài Do Thái mới, nảy sinh ‘Vụ án các bác sĩ’. Dù nó là một phần của chiến dịch bài Do Thái, nó đã không bị hạn chế chỉ bằng những người Do Thái. Đúng hơn có thể nói rằng “vụ các bác sĩ” là sự tiếp tục của cuộc đấu tranh trong đó thanh toán những mâu thuẫn cũ trong ban lãnh đạo đất nước. Stalin nhờ Malenkov và Khrusev muốn thanh lọc trong hàng ngũ kỳ cựu và gạt bỏ Beria. Những nhân vật chính trong cái “vụ án các bác sĩ” ngoắt ngoéo phải là Molotov, Vorosilov và Mikoian, “những người Mohican cuối cùng” trong Bộ Chính trị của Stalin. Thế nhưng toàn bộ sự thật liên quan đến “vụ án các bác sĩ” chẳng bao giờ được công bố, thậm chí vào thời kỳ tự do công luận của Gorbachov. Bởi đó là sự tranh chấp bản thủ vì quyền lực được triển khai rộng trong Kremli trước cái chết của Stalin và, về bản chất, bao trùm toàn bộ ban lãnh đạo.

Vẫn được cho rằng “vụ án các bác sĩ” bắt đầu từ một bức thư kích động gửi Stalin, trong đó các bác sĩ người Do Thái bị buộc tội nuôi dưỡng những kế hoạch giết chết các nhà lãnh đạo đất nước nhờ các phương pháp điều trị không đúng và thuốc độc. Tác giả bức thư là bà Lidia Timasuk nổi danh gây tai tiếng, bác sĩ phòng khám đa khoa của Kremli. Thế nhưng bức thư của Timasuk gửi Stalin không phải năm 1952, ngay trước sự bắt bớ, mà vào tháng 8-1948. Trong đó khẳng định rằng viện sĩ Vinogradov đã chữa bệnh không đúng cho Jdanov và các nhà lãnh đạo khác mà kết quả là Jdanov chết. Lúc ấy Stalin cho đó là những lời “vớ vẩn”, và bức thư được cho vào lưu trữ. Ở đây nó nằm im ba năm cho đến tận lúc người ta lôi nó ra vào cuối năm 1951. Bức thư cần như một công cụ trong cuộc tranh giành quyền lực. Tất cả các ủy viên Bộ Chính trị biết về bức thư, biết về phản ứng của Stalin. Thế nhưng điều quan trọng nhất là Timasuk không buộc ai vào tội mưu phản. Trong bức thư bà chỉ báo động về sự bất cẩn và sai sót vẫn có trong việc điều trị bệnh cho các lãnh đạo đảng và nhà nước. Theo lý do đó văn bản bức thư đến tận giờ vẫn chưa được công bố, trong đó trình bày, về thực chất, sự chỉ trích lẫn nhau của các bác sĩ, về điều này tôi được đại tá Liudvigov, trợ lý của Beria Bộ Chính trị và Hội đồng bộ trưởng, kể trong nhà tù Vladimir.

Tôi luôn luôn cho rằng “vụ án các bác sĩ” do Abakumov bày đặt như sự tiếp tục chiến dịch chống phái chủ nghĩa hoàn vũ. Thế nhưng năm 1990, khi đến Viện kiểm soát quân sự nơi người ta gọi tôi làm nhân chứng liên quan với sự điều tra lại vụ án Abakumov bị bắt năm 1951, bị buộc tội là đã che giấu các số liệu về vụ âm mưu giết Stalin. Trong khi đó Abakumov, theo lời những người buộc tội ông ta, dựa vào các bác sĩ người Do Thái và người Do Thái cộng sự trong bộ máy Bộ An ninh, một phần là dựa vào Eitingon.

Malenkov và Beria, miễn nghi ngờ, khát khao loại trừ Abakumov, và cả hai sẵn sàng sử dụng bất kỳ phương tiện gì để đạt mục đích của mình. Xukhanov trợ lý của Malenkov, mùa xuân 1951 tiếp tại phòng tiếp khách của BCHTU điều tra viên bộ phận điều tra về những vụ đặc biệt của MGB, trung tá Riumin nổi tiếng bởi thái độ bài Do Thái. Kết quả cuộc gặp gỡ này là gây hại đối với số phận của giới trí thức Do Thái Xô viết. Vào thời gian đó Riumin đang sợ bị đuổi khỏi cơ quan an ninh vì bị cảnh cáo do quên chiếc cặp với các tài liệu điều tra trong xe buýt cơ quan. Ngoài ra ông ta che giấu Đảng và Cục cán bộ Bộ An ninh chuyện bố ông ta là phú nông, em trai em gái của ông ta bị buộc tội ăn cắp, còn bố vợ phục vụ trong quân đội của Koltsak.

Cần đánh giá đúng Abakumov: ông ta biết rất rõ rằng những mưu toan của Riumin tiếp nhận trước đây coi các bác sĩ bị bắt là những kẻ khủng bố tất thấy chỉ là khúc dạo đầu. Trong vòng mấy tháng của năm 1950 ông ta tìm giữ được phần nào Riumin trong dây xích. Để cứu vãn công danh và lối thoát khỏi gánh nặng bài Do Thái của mình, Riumin sung sướng chấp nhận đòi hỏi của Xukhanov viết thư vạch tội Abakumov.

30 năm sau các sự kiện được mô tả, cô họ của tôi làm nhân viên đánh máy trong ban thư ký của Malenkov (thủ trưởng trực tiếp của cô là Xukhanov) kể với tôi rằng Riumin là kẻ hết sức vô học và dốt nát đã viết đi viết lại mười một lần bức thư của mình với những lời buộc tội Abakumov. Xukhanov giữ anh ta lại trong phòng tiếp chừng sáu giờ, sau đó trao đổi với Malenkov về bức thư gửi Stalin. Chỉ Xukhanov biết tại sao lại chọn Riumin để buộc Abakumov tội mưu phản. Thế nhưng ông ta không nói về mặt này của sự việc khi phát biểu

trên truyền hình Nga vào tháng 7-1992 trong buổi truyền tin về lịch sử “cuộc mưu phản của các bác sĩ”.

Đến thời gian đó nhiều bác sĩ giỏi người Do Thái đã bị bắt, có lẽ người nổi tiếng nhất là chuyên gia tên tuổi thế giới Etinger, người đã chết bị thảm trong tù. Riumin buộc Abakumov chịu trách nhiệm về cái chết của Etinger vì đã cố ý nhốt ông ta vào xà lim với mục đích trừ khử một trong những kẻ tham gia “âm mưu các bác sĩ” để không khai ra những kẻ mưu phản khác.

Abakumov vốn kinh nghiệm hơn trong những mưu mô tương tự, so với Riumin, rất sợ thối phòng “âm mưu Do Thái”, đã dùng đến sự nguy tạo quá lộ. Ông ta thấy trước rằng Stalin có thể đòi hỏi những chứng cứ hiện thực trong trò chơi khiêu khích quá mạo hiểm này. Ngoài ra, Abakumov biết rất rõ rằng trong những vụ mà sáng kiến thuộc ban lãnh đạo cao nhất, không nên thể hiện ý đồ của mình.

Xét mọi tình thế Abakumov không vội mở rộng phạm vi vụ án Ủy ban Do Thái chống phát xít tới cấp độ vụ âm mưu toàn cầu. Ông ta biết những buộc tội như thế sẽ làm căng trên căng thẳng, đặc biệt sự không bằng lòng của Vorosilov và Molotov, những người có vợ người Do Thái, và của Kaganovich vốn chính là người Do Thái. Sự thận trọng của Abakumov đã đóng vai trò tàn khốc trong số phận ông.

Riumin nhiệt thành được cử làm phụ trách Bộ phận điều tra những vụ án đặc biệt quan trọng, sau đó là thứ trưởng Bộ An ninh phụ trách điều tra. Điều đó cởi trói cho Riumin trong việc làm đối trá các tài liệu chống Abakumov.

Các điều tra viên của Riumin đòi hỏi từ Abakumov tên các thành viên văn phòng bộ trưởng mà họ cho là ông ta dự định thành lập sau khi lật đổ Stalin. Ông cũng bị buộc tội che giấu các ý đồ phản bội của vợ Molotov, Polina Jemtsujina, nói riêng là các tiếp xúc của bà với nhà hoạt động chính trị Israel Golda Meier.

Abakumov cực lực phủ nhận các tội lỗi, chứng minh rằng ông không giấu tài liệu gì về “vụ âm mưu các bác sĩ” lại càng không phải là người lãnh đạo của nó hoặc lôi kéo các cán Bộ An ninh người Do Thái vào vụ đó. Dù bị tra tấn ông vẫn phủ nhận. Như thế vụ án “âm mưu các bác sĩ” phụ thuộc vào lời khai của đại tá Svartsman, là nhà báo, người Do Thái. Ông ta khai là trợ lý của Abakumov về tổ chức khủng bố Do Thái mà tất cả các sĩ quan cao cấp MGB đều tham gia. Ông ta “thú nhận” đã nhận nhiệm vụ từ Abakumov thành lập nhóm người Do Thái mưu phản để tiến hành khủng bố các thành viên chính phủ.

Svartsman cũng “thú nhận” rằng, vốn là kẻ đồng tính, ông ta có quan hệ luyến ái với Abakumov, con trai ông ta và đại sứ Anh ở Moskva. Theo lời ông ta, các quan hệ đồng tính của ông ta với các điệp viên hai mang của Mỹ Gavrilov và Lavrentiev là để qua họ cài vào sứ quán Mỹ những người nhận chỉ dẫn và mệnh lệnh cho những kẻ mưu phản Do Thái. Ông ta bịa ra những câu chuyện khó tin nhất kiểu như: “họ hàng” “những người Do Thái” đã giúp ông ta đến với hoạt động khủng bố, rằng ông ta ngủ với con gái riêng của vợ và đồng thời lại có quan hệ đồng tính với con trai mình. Ông ta đòi được vào bệnh viện tâm thần để thẩm định. Khi những lời khai của Svartsman chống lại 30 cán bộ người Do Thái của Bộ An ninh với tội khủng bố được báo cáo với Stalin, ông tuyên bố với Ignatiev và Riumin: “Cả hai anh

là đồ ngu, thằng đểu giả này chỉ kéo dài thời gian thôi. Chẳng thấm định gì hết bắt ngay lập tức cả nhóm”.

Theo điều hành của Stalin, tất cả những người Do Thái, cán bộ quan trọng của bộ máy Bộ An ninh, cũng như “một loạt cán bộ lãnh đạo không phải người Do Thái” đã bị bắt. Và thế, lọt vào sau chấn song sắt là Eitingon, Raikhman, các thứ trưởng Bộ An ninh: các trung tướng Pitovranov và Xelivanovskiy. Người ta bắt cả đại tá phục viên Makliarskiy đến lúc ấy đã là một nhà đạo diễn phim nổi tiếng: Svarsman trong lời khai có nhắc đến tên ông. Cùng với những người đó các thuộc cấp trực tiếp của họ là người Nga cũng bị bắt.

Những người từ BCHTU chỉ đạo bộ phận điều tra, đôi khi tham gia hỏi cung. Những người bị điều tra bị đánh đập tàn nhẫn, nhốt vào xà lim với sự lạnh lùng, hầu như luôn luôn bị gông cùm, còn những biên bản hỏi cung bất lợi thì bị tiêu hủy.

Trong số “những kẻ mưu phản tại MGB” bị bắt chỉ có Abakumov, Eitingon, Pitovranov và Matuxov là không thừa nhận có tội trong bất cứ chuyện gì.

Theo kịch bản của Riumin, đóng vai liên lạc giữa các bác sĩ và “những kẻ mưu phản tại MGB” phải là Xonia, em gái Eitingon, về như cô giữ liên hệ giữa các bác sĩ với anh trai, người lập kế hoạch mưu sát các nhà lãnh đạo của đất nước.

Người ta không công khai thông báo về các vụ bắt bớ, và tôi không nhận thức hết quy mô của cuộc thanh trừng này trong MGB. Tôi cảm thấy mối đe dọa nên đã cố liên lạc với đại tá Subniakov, tướng Utekhin, các phó Tổng cục phản gián tình báo. Tôi cố gọi cho thứ trưởng Pitovranov, nhưng tất cả đều bật tắt. Năm 1951, khi Abakumov bị bắt tôi gọi cho Riumin vừa được cử làm trưởng bộ phận điều tra của MGB. Ông ta nói có trong tay những tài liệu buộc tội nghiêm trọng đối với Eitingon và em gái ông. Lúc đó Eitingon đang đi công tác 3 tháng ở Litva. Tôi đề nghị Riumin đưa hồ sơ để xem xét, và phát hiện thấy không có chứng cứ nào có cơ sở. Tôi tuyên bố rằng điều đó không thuyết phục được tôi, và dưới mắt tôi, Eitingon vẫn là người tin cậy và là một cán bộ có trách nhiệm xứng đáng với lòng tin của cơ quan an ninh. Riumin phản đối: Thế mà trong BCHTU người ta cho các số liệu này là đủ sức thuyết phục.

Tình hình trong Bộ An ninh trở nên lộn xộn. Bộ trưởng Abkumov đang trong tù, thế nhưng vị trí của ông vẫn trống, chưa có người thay thế. Khi tôi gọi điện thoại cho thứ trưởng Ogolsov để bàn về tình hình của Eitingon và em ông, ông ta đáp:

- Đó là chuyện chính trị, và chỉ BCHTU mới có thể xem xét nó.

Theo lời ông ta, khi chưa sắp đặt bộ trưởng mới, ông ta sẽ không ký một tài liệu nào hết.

Tôi đành gọi cho Ignatiev lúc đó là bí thư BCHTU đảng phụ trách công tác của MGB-MVD. Ông ta là thành viên Ủy ban BCHTU về tổ chức lại Bộ sau khi Abakumov bị bắt.

Gặp ông ta, tôi nói tôi lo lắng bởi những ý đồ vu khống Eitingon và em gái ông, khi gán cho họ những quan điểm dân tộc chủ nghĩa.

Ông ta gọi Riumin đến với hồ sơ anh em Eitingon, Riumin đọc những lời khai chống lại

Eitingon và em gái ông, trong đó khẳng định rằng cả hai có thái độ thù địch đối với nhà nước Xô viết.

Tôi lại kể công lao của Eitingon trong việc thủ tiêu Trotsky, tổ chức mạng điệp viên ở nước ngoài, và cuối cùng, ông là một trong những nhân vật chủ chốt bảo đảm thông tin bí mật về vũ khí nguyên tử. Ignatiev ngắt lời tôi:

- Hãy để Eitingon và gia đình ông ấy yên. Sau cuộc gặp gỡ đó tôi thấy yên tâm cho Eitingon và em gái ông.

Khoảng một tháng sau Ignatiev được cử làm bộ trưởng An ninh. Còn vào tháng 10-1951 chính theo lệnh trực tiếp của ông ta, Eitingon bị bắt khi từ Latvia trở về tại sân bay Vnukovo, như Zoia Zarubina, con riêng của vợ ông, kể với tôi.

Việc bắt giữ Eitingon kết thúc sự phục vụ của Zoia Zarubina trong cơ quan tình báo chúng ta. Cô đã làm việc rất thành công với các tài liệu về vũ khí nguyên tử, tại hội nghị Yalta và Potsdam. Tri thức tiếng Anh tuyệt vời giúp cô trở thành một trong những giảng viên hàng đầu của trường đại học ngoại ngữ, còn muộn hơn cô chỉ đạo công tác chuẩn bị các phiên dịch cho Liên hiệp quốc. Zoia Zarubina đến giờ vẫn là một diễn giả tuyệt vời, nhà hoạt động xã hội, người tham dự nhiều hội nghị quốc tế.

Tôi phải dừng lại một chút ở những ảo tưởng của mình. Tôi bao giờ cũng xem “vụ án các bác sĩ” và “âm mưu Do Thái” là điều bịa đặt trắng trợn được phổ biến bởi những kẻ tội phạm như Riumin rồi sau đó báo cáo thành tích điều tra với những kẻ thiếu chuyên môn như Ignatiev. Mỗi lần, sau khi gặp Ignatiev, tôi lại sửng sốt là con người này thiếu nghiệp vụ tới mức nào. Ông ta tin ngay bất cứ báo cáo nào của điệp viên, mà không hề nghĩ tới việc kiểm tra lại.

Ignatiev hoàn toàn không phù hợp với công việc được giao cho ông ta. Ông ta dễ dàng triển khai các vụ án hình sự chống lại những con người hoàn toàn vô tội. Muộn hơn tôi hiểu ra, ông ta hành động không phải theo sáng kiến của bản thân, mà thực hiện mệnh lệnh nhận được từ trên từ Stalin, Malenkov và những người khác.

Khi TASS đưa tin về vụ mưu phản của các bác sĩ Do Thái với mục đích giết Stalin và toàn bộ Bộ Chính trị, tôi cho đó là sự khiêu khích, sự tiếp diễn chiến dịch bài Do Thái được chuẩn bị trước đó. Khi tôi có các tài liệu buộc tội Eitingon, tôi biết rằng, người ta cho là ông huấn luyện các bác sĩ cách tiến hành hoạt động khủng bố chống Stalin và các thành viên chính phủ Xô viết. Trong lời buộc tội nói Eitingon giấu mìn, thiết bị gây nổ được nguy trang được dạng các thiết bị điện thông dụng trong văn phòng. Trong khi đó tất cả đều biết rõ đó là các mẫu của kỹ thuật tác chiến luôn luôn có trong sự điều hành của chúng tôi.

Trong những ngày này Moskva tràn ngập tin đồn ghê sợ: các bác sĩ và dược sĩ Do Thái có ý đồ đầu độc các dân thường. Người ta nói về những vụ cướp phá có thể xảy ra. Tôi lo cho các con tôi, một đứa lên mười, đứa khác 12 tuổi, khi chúng từ trường học trở về đã kể với chúng tôi những tin đồn ấy.

Dần dần chiến dịch được thổi phồng xung quanh “âm mưu Do Thái” đã thoát khỏi tầm kiểm soát của những người tổ chức ra nó. Riumin và Ignatiev ủng hộ sự buộc tội của bộ

trưởng an ninh Gruzia Rukhadze đối với Beria, rằng ông che giấu nguồn gốc Do Thái của mình và bí mật chuẩn bị cuộc mưu phản chống Stalin ở Gruzia. Rõ ràng, Beria đứng đầu trong danh sách chịu tội của Stalin. Đến tháng 8-1952 kết thúc cái gọi là “vụ Krum” kéo dài từ năm 1948, tất cả các thành viên Ủy ban Do Thái chống phát xít, trừ Lilia Stern và cựu thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lozovxky, đã bị xử bắn. Theo tôi, Kheifets còn được để sống chỉ là vì ông có thể làm nhân chứng chống Beria và Molotov vào thời gian thích hợp nào đó.

Quan điểm của tôi dựa trên cơ sở các tài liệu vụ án Abakumov mà tôi có được ở viện công tố quân sự sau bốn mươi năm kể từ ngày các sự kiện được miêu tả, và cuốn sách của Kirill Xtoliarov, Đồi Golgof kể về cái chết của Abakumov. Tôi vẫn cho rằng Riumin chuyên trách điều tra “vụ án các bác sĩ” đến tận khi Stalin chết. Nhưng Stalin hoá ra đủ nhìn xa trông rộng để hiểu: âm mưu mà Riumin vẽ ra là quá ấu trĩ và chắc gì tin nổi nó khi thiếu các chi tiết đủ sức thuyết phục. Ngày 12-11-1952 Stalin ra lệnh sa thải Riumin khỏi MGB vì không hoàn thành nhiệm vụ và chuyển sang biên chế dự bị của BCHTU. Riumin được cử làm kế toán, chức vụ ông ta làm trước khi bắt đầu công tác tại cơ quan an ninh.

Như thế, từ tháng 1-1953, chịu trách nhiệm về những sự phi pháp và tội ác trong bộ máy điều tra MGB là bộ trưởng An ninh Ignatiev, thứ trưởng thứ nhất Goglidze, thứ trưởng phụ trách tổ chức Episev, các lãnh đạo bộ phận điều tra về các vụ án đặc biệt quan trọng. Những kẻ đến làm việc tại Bộ An ninh theo quyết định của BCHTU vào giai đoạn kinh sợ ấy, Ignatiev, Episev, không những không chịu trách nhiệm, ngược lại vào những năm 50-70 được cất nhắc lên địa vị lãnh đạo cao của đảng và nhà nước. Người ta chọn Goglidze là đồng lõa của Beria và kẻ bài Do Thái cuồng nhiệt ít học Riumin làm vật tế thần.

Cuối tháng 2-1953 tôi nhận thấy xử sự của Ignatiev thể hiện sự thiếu tự tin. Bản năng mách bảo tôi rằng toàn bộ chiến dịch bài Do Thái sắp bị chết ngạt và những kẻ tổ chức nó sẽ trở thành nhân chứng không mong muốn và sẽ bị tổng giam. Và quả thực, sau khi Stalin chết Beria buộc Ignatiev vào tội lừa dối đảng và cố đạt được việc buộc ông ta phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng không được ban bí thư TU ủng hộ.

Còn một chi tiết quan trọng trong vụ này: Mairanovxky trưởng “Phòng thí nghiệm - X” bị bắt năm 1951 và bị làm thành nhân vật chủ chốt của “âm mưu Do Thái”, muộn hơn người ta muốn làm ông là thành viên của “âm mưu các bác sĩ”. Theo giả thuyết của Riumin, Mairanovxky hành động theo các chỉ thị của Eitingon, với mục đích tiêu diệt toàn bộ ban lãnh đạo cao nhất của đất nước. Riumin không tính đến việc ông ta dẫm lên một nền đất nhão như thế nào: toàn bộ công việc siêu bí mật Mairanovxky thi hành các mệnh lệnh của chính Stalin. Tại các cuộc hỏi cung Mairanovxky thú nhận tất cả những gì người ta đòi hỏi ở ông. Thật ra, Ignatiev cảm thấy là Riumin đi quá xa, và quyết định tách Mairanovxky khỏi vụ án về “âm mưu của các bác sĩ”.

Cái chết của Stalin đặt dấu chấm cho “vụ án các bác sĩ”, nhưng chủ nghĩa bài Do Thái vẫn tiếp tục là một sức mạnh đáng sợ.

6. Sự bảo tồn đường lối thanh trừng trong vấn đề dân tộc

“Vụ án các bác sĩ” đã giạt đổ uy tín của các nhà y học trong xã hội và dấy lên một làn sóng mất tin tưởng vào những người thuộc nghề này. Sau sự vạch trần âm mưu dối trá các

nhóm cạnh tranh lẫn nhau trong giới y khoa rơi vào tình cảnh khó khăn. Trong những cuộc tranh cãi của các nhà y, cách này hay cách khác đều có sự dính líu của những nhân vật có uy tín trong chính phủ, bởi chính sự tài trợ kinh phí cho các nghiên cứu khoa học phụ thuộc vào họ. Điều này tạo nên không khí bất lợi đối với các tranh cãi khoa học và kéo dài sự phê chuẩn các quyết định chi kinh phí cho bộ y tế của chính phủ. Cho đến giờ người ta vẫn e sợ rằng các đưng độ về vấn đề y học hoặc nghề nghiệp khác có thể được kết thúc bằng sự điều tra tại Lubianka.

Giờ đây người ta nói rằng hình như trước cái chết của Stalin đã tồn tại kế hoạch trục xuất người Do Thái khỏi Moskva. Tự tôi thì chưa bao giờ nghe thấy về nó, nhưng nếu đích thị có kế hoạch như thế, thì trích dẫn nó có thể dễ dàng tìm được trong lưu trữ của các cơ quan an ninh và thành uỷ Moskva, bởi một kế hoạch quy mô rộng như thế hẳn đòi hỏi sự chuẩn bị khá lớn. Chiến dịch trục xuất, công việc khá khó khăn, đặc biệt nó được chuẩn bị bí mật. Vì thế tôi cho rằng đó chỉ là những lời đồn, có thể, dựa trên những phát biểu của Stalin hay Malenkov khi làm rõ thái độ của xã hội đối với người Do Thái liên quan đến “vụ án các bác sĩ”.

Bất kể không khí bài Do Thái nảy sinh thời Stalin và vẫn còn thời Khrusev, vẫn được tuân thủ cái gọi là cách tiếp cận có lựa chọn đối với giới trí thức Do Thái mà phù hợp với nó những nhóm nhỏ riêng biệt của giới trí thức sáng tạo và các chuyên gia có tay nghề cao được cho phép giữ địa vị đáng kể trong xã hội. “Âm Mưu Do Thái” và sự gạt bỏ Beria đã chấm hết việc tiếp nhận người Do Thái vào những chức vụ quan trọng trong cơ quan tình báo và BCHTƯ đảng.

Từ quan điểm Xô viết, ý đồ thành lập cộng hòa Do Thái với sự ủng hộ của nước ngoài được xem như sự can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của chúng ta. Sự tham gia của nước ngoài - chuyện chưa từng nghe thấy trong xã hội đóng kín của chúng ta.

Có thời tôi thăm dò thái độ của Harriman đối với sự thành lập cộng hòa Do Thái, tôi đã tuân thủ các chỉ dẫn của Beria. Tôi biết kiểu thăm dò này thường không dẫn đến đâu mà chỉ đơn thuần là thực hiện công việc thu thập tin tình báo. Thời ấy tôi không thể hình dung riêng công việc này có thể đe dọa tôi bằng án tử hình. Bi kịch chính là trong xã hội đóng kín như Liên Xô, sự thành lập nhà nước Israel năm 1948 được xem như sự tồn tại không mong muốn một tổ quốc thứ hai của những người Do Thái. Niềm tự hào của người Israel trước chiến thắng đối với người Ả Rập trong cuộc chiến vì độc lập dẫn tới sự hồi sinh bên trong nước ta niềm khao khát đối với văn hoá Do Thái mà thực tế đã bị thủ tiêu vào những năm 20-30. Những người Do Thái Đức và Mỹ vốn có tổ quốc lịch sử ở nước ngoài, không nhận được phép thành lập những nước cộng hòa riêng trong thành phần Liên Xô.

Việc sử dụng chủ nghĩa bài Do Thái và chống chủ nghĩa toàn thế giới trong các áp phe chính trị của mình vốn là đặc trưng của Stalin, đó là sự cởi trói tay chân cho những nhà lãnh đạo nào ẩn chứa trong lòng nỗi thù địch đối với dân chúng Do Thái. Đối với Stalin chủ nghĩa bài Do Thái là công cụ để đạt mục đích, nhưng trong tay thuộc hạ của ông, nó trở thành nguyên tắc đường lối cán bộ của nhà nước. Sự ủng hộ của ban lãnh đạo tối cao đối với chủ nghĩa bài Do Thái rốt cuộc làm mất đi những người tài giỏi của quốc gia đã thừa nhận cách mạng và lao động vì sự thành lập nhà nước Xô viết. Đến thời kỳ nặng nề và Liên Xô sụp đổ,

phần lớn giới trí thức khoa học sáng tạo, những người nhạy bén kinh doanh đã thoát ra khỏi phạm vi Liên Xô và di tản sang Israel hoặc phương Tây.

CHƯƠNG 11

GIAI ĐOẠN CẦM QUYỀN CUỐI CÙNG CỦA STALIN

1. Thay đổi trong ban lãnh đạo chính trị của đất nước sau chiến tranh

Năm 1946 Stalin cử Abakumov làm bộ trưởng Bộ An ninh, và điều đó làm thay đổi tương quan lực lượng trong vây cánh của ông. Thời ấy ông kín đáo che giấu những mục đích thực sự của mình, và chúng tôi nghĩ rằng những đề cử mới trong giới chóp bu Kremli (Jdanov chuyển từ Leningrad về Moskva, Kuznetsov được đưa vào ban bí thư TƯ, Rodionov trở thành chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Bang Nga) chỉ là những sắp xếp lại thông thường không đáng kể. Những đâu có thể. Lại một lần nữa Stalin đưa những người mới vào ban lãnh đạo để nhấn mạnh ưu thế của mình so với các tập đoàn cạnh tranh trong Kremli. Những năm 1946-1948 đứng thứ hai sau Stalin trong phê chuẩn các quyết định của đảng và chính phủ là Jdanov.

Có hai tình tiết rọi ánh sáng mới lên cuộc đấu tranh vì quyền lực. Thứ nhất, vụ việc che giấu các thành phẩm kém chất lượng trong công nghiệp hàng không, thứ hai, liên quan với việc thứ nhất, cách chức nguyên soái Jukov và những anh hùng chiến tranh khác. Bắt đầu mọi thứ từ việc buộc nguyên soái không quân Novikov và bộ trưởng Công nghiệp hàng không Sakhurin tội che giấu kém chất lượng, nguyên nhân của các vụ tai nạn.

Stalin nổi giận khi con trai ông Vaxili, tướng không quân, và Abakumov báo tin rằng các quan chức cao cấp của công nghiệp hàng không cố tình che giấu các thiết bị phế phẩm để nhận thưởng và huân chương. Theo địa vị ở Bộ Chính trị, Malenkov chịu trách nhiệm về công nghiệp và nhận huy chương vàng và danh hiệu Anh Hùng Lao Động xã hội chủ nghĩa vì công việc xuất sắc trong sản xuất công nghiệp.

Sự điều tra cho thấy rằng số lượng các vụ tai nạn hàng không với những hậu quả bi kịch bị bóp méo. Phần lớn người ta quy cho phi công, chứ không phải các khiếm khuyết của máy bay. Năm 1938 khi Valeri Tskalov qua Bắc Cực sang Mỹ, hy sinh trong tai nạn máy bay, kỹ thuật viên của Tskalov bị bắt và bị xử bắn.

Tại cuộc họp các quan chức cao cấp của MGB vào tháng 7-1946 Stalin hỏi Abakumov: "Tội của Novikov và Sakhurin đã được chứng minh. Anh đề nghị mức trừng phạt gì?", ông kia đáp ngay: "Xử bắn".

- Bắn thì dễ, bắt làm việc mới phức tạp hơn. Chúng ta phải bắt họ làm việc, Stalin bắt ngờ nói.

Novikov và Sakhurin bị bắt, và Stalin đòi họ sự thú nhận để chống giới lãnh đạo quân đội. Những lời khai của họ được ghép vào hồ sơ của nguyên soái Jukov và các vị tướng khác và là mối đe dọa nghiêm trọng đối với Malenkov. Stalin dùng sự thú nhận này để hạ nguyên soái Jukov khỏi chức vụ phó của mình và Tổng tư lệnh các lực lượng bộ binh năm 1946. Jukov bị hạ chức và được cử làm tư lệnh quân khu Ôđecxa. sắc lệnh cũng nói rằng, "nguyên soái Jukov, do tức giận, đã quyết định tập hợp quanh mình những kẻ bất tài, các tư lệnh bị cách chức, và bằng cách đó trở thành phe đối lập với chính phủ và bộ chỉ huy tối cao".

Việc cách chức Jukov có những hậu quả kéo dài. Nó bắt đầu chiến dịch hạ bệ một loạt tướng lĩnh, các anh hùng cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Như thế Stalin muốn thoát khỏi những kẻ thù tiềm năng. Nhanh chóng Thủy sư đô đốc tư lệnh Hạm đội hải quân bị gạt bỏ, và kết quả của sự sắp xếp lại là Bulganin trở thành bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông ta không đủ sức xử lý với các vấn đề nghiêm túc của việc tổng động viên và những thay đổi trong cơ cấu các lực lượng vũ trang.

Bulganin tìm đủ cách tránh né trách nhiệm. Những bức thư, cứ năm hàng tháng trời không được ký. Toàn ban thư ký Hội đồng bộ trưởng kinh sợ vì phong cách làm việc như thế, đặc biệt là khi Stalin đi nghỉ ở Kavkaz đã giao việc trách nhiệm chủ tịch Hội đồng bộ trưởng cho Bulganin. Beria trực tiếp xin Stalin thúc đẩy nhanh việc thông qua tài liệu về nguyên tử nằm ở văn phòng Bulganin. Stalin cho phép các phó của mình ký những nghị quyết quan trọng nhất không qua Bulganin.

Bề ngoài của Bulganin dễ đánh lừa. Khác với Khrusev và Beria, Bulganin bao giờ cũng ăn mặc chải chuốt và có vẻ ngoài nhân từ. Muộn hơn tôi biết ông ta là kẻ nghiện rượu và đánh giá cao các vũ nữ balê và ca sĩ ở Nhà Hát Lớn. Con người này không hề có các nguyên tắc chính trị nhỏ nhất, một nô lệ ngoan ngoãn của bất cứ thủ lĩnh nào. Vì sự trung thành Stalin cử ông ta làm phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng bộ trưởng, còn Khrusev cũng vì điều đó làm ông ta thành chủ tịch Hội đồng bộ trưởng thay Malenkov, năm 1957, khi Bulganin cùng với Malenkov, Molotov, Kaganovich và Vorosilov định hạ bệ Khrusev, Khrusev tại cuộc họp cốt cán đảng đã đưa ra lời buộc tội hiếm có đối với ông ta: “Y là thằng mõ của Stalin. Vì điều đó Stalin cho y làm nguyên soái Liên Xô, - Khrusev tuyên bố. - Tất nhiên, sau khi chúng ta khám phá ra hành động phản đảng của y, chúng ta sẽ loại bỏ danh hiệu và phế truất y”. (cựu phó của tôi, đại tá Xtudnikov có mặt trong cuộc họp đó, đã kể điều này với tôi).

Tháng 3-1958 Bulganin được cử làm chủ tịch hội đồng quản trị Ngân Hàng Nhà Nước, ba tháng sau, bị phái đi làm việc tại nông trường quốc doanh ở Xtavropol, ở cái tỉnh mà lúc ấy Gorbachov chưa ai biết tới đang bắt đầu con đường công danh của mình. Cuối cùng Bulganin về hưu, và tôi gặp ông ta ở trung tâm Moskva vào đầu những năm 70 trong hàng người mua dưa hấu.

Việc cử Bulganin kẻ bị các quân nhân không tôn trọng làm bộ trưởng các lực lượng vũ trang, Stalin đạt được mục đích và trở thành người phán xử số phận của cả những tướng lĩnh chân chính, Vaxilevsky, Jukov, Stemenko, Konev, Rokoxovsky và Bagramian, và của chính Bulganin. Với Bulganin, các hoạt động quân sự trở nên phụ thuộc lẫn nhau, và điều đó khuyến khích sự thù địch và cạnh tranh giữa các quân nhân.

Abakumov bắt các vị tướng gần gũi với Jukov ở Đức theo cáo buộc mà thoát đầu có vẻ không dính líu đến chính trị: tiêu phí quỹ và chiếm dụng đồ quý hiếm, đồ gỗ, tranh ảnh ở Đức và Áo. Từ họ người ta nặn ra lời khai về những phát biểu chống Stalin của Jukov. Năm 1944 trong thời gian chiến tranh, Stalin lệnh cho Bogdan Kobulov, phó của Beria, đặt thiết bị nghe trộm trong căn hộ ở Moskva của Jukov. Việc nghe trộm trong nhà Jukov và thủy sư đô đốc Kuznetsov không cho kết quả vốn được người ta rất hi vọng. Thế nhưng một số nguyên soái và tướng lĩnh nổi tiếng bị bắt giam và một số bị xử bắn vì những phát biểu chống Stalin

được ghi lại bởi thiết bị nghe trộm.

Jukov và Kuznetsov, vẫn giữ được nhân phẩm, đã thừa nhận công khai những lỗi lầm, Jukov “hồi hận” là đã tặng huân chương Cờ Đỏ cho nữ ca sĩ danh tiếng Ruxlanova. Trong chiến tranh ông có quyền đó, trong thời bình chỉ Xô viết tối cao mới có quyền đó.

Nguyên soái Kulik và tướng Rubaltzenko bị xử bắn năm 1959. Những người còn lại ngồi tù, sau khi Stalin chết, họ được tha. Novikov và thủy sư đô đốc Kuznetsov được phục chức năm 1951-1952, và sau cái chết của Stalin họ được gỡ hết tội. Jukov được phục chức tư lệnh quân khu, năm 1952 Stalin đưa ông vào thành phần BCH TƯ. Chỉ sau tháng 3-1953 ông mới được gọi trở lại Moskva và được cử làm thứ trưởng thứ nhất Bộ Quốc phòng.

Jukov, dễ hiểu thôi, có tinh thần thù địch với toàn bộ bộ máy an ninh. Ông bất chấp ai ra lệnh theo dõi ông, Beria, Abakumov hay Bogdan Kobulov, tất cả bọn họ đều len vào đời tư của ông. Việc nghe trộm căn hộ ông được ngừng năm 1953 sau khi Stalin chết, nhưng Khrusev phục hồi lại năm 1957, còn Brejnev tiếp tục việc nghe trộm đến tận lúc Jukov chết vào năm 1974. Thậm chí khi về hưu Jukov vẫn là mối đe dọa tiềm năng đối với Khrusev và Brejnev, là anh hùng quân sự có thể đứng đầu phái quân đội đối lập, nếu các quân nhân đề đạt ông.

Abakumov sinh năm 1908. ông giữ chức bộ trưởng an ninh quốc gia từ 1946 đến 1951. Đó là một người đàn ông cao to với mái tóc đen và khuôn mặt đầy nghị lực. Bất kể ông không có học vấn, nhưng nhờ trí thông minh bẩm sinh và tính cách cứng rắn, ông đã leo lên đỉnh cao nhất.

Trong thời kỳ thanh lọc những năm 30 ông đã làm mình có tên tuổi dưới trướng của Bogdan Kobulov, phó của Beria. Không lâu trước chiến tranh Abakumov được thăng chức: ông trở thành thứ trưởng Bộ Nội vụ. Khi Mkheev, tổng cục trưởng tình báo quân đội tự vẫn trong vòng vây kẻ thù gần Kiev, Stalin thay Abakumov vào chức vụ đó khi ông mới 34 tuổi. Ở cương vị mới Abakumov chịu trách nhiệm về độ tin cậy chính trị của quân đội và đấu tranh với gián điệp Đức trong lực lượng vũ trang, cùng với điều đó ông thu thập dần kinh nghiệm trong các vấn đề tình báo và phản gián. Ông ta không thể so sánh với Beria về khả năng nghiệp vụ, nhưng khả năng nắm bắt công việc làm ông nổi bật hẳn so với những quan chức văn phòng khác.

2. Sự cạnh tranh của hai tập đoàn Malenkov-Beria và Jdanov-Kuznetsov

Tháng 12-1945 Beria bị giải phóng khỏi chức vụ bộ trưởng Bộ Nội vụ mà ông giữ từ năm 1938. Ông đã không còn phụ trách các cơ quan an ninh, nếu điều đó không liên quan trực tiếp đến công việc cơ bản của ông: ông lãnh đạo Ủy ban đặc biệt về vấn đề số 1 - bom nguyên tử và tổ hợp năng lượng, nhiên liệu.

Năm 1946 khi Abakumov được cử thay Merkulov làm bộ trưởng An ninh, ông không gần với Beria. Ngược lại Stalin ra chỉ thị cho Abakumov thu thập chứng cứ bôi nhọ đối với tất cả những ai có quyền lực, kể cả Beria. Abakumov có thể chứng minh rằng Malenkov biết rất rõ về sự che giấu những khiếm khuyết trong công nghiệp hàng không, và năm 1947 Malenkov bị cảnh cáo, bị mất chức và tạm thời bị phái về Kazakstan. Ông ta bị đưa ra khỏi BCH TƯ, còn các trách nhiệm của ông ta chuyển sang Kuznetsov, thân cận của Jdanov. Abakumov và

Kuznetsov thiết lập những quan hệ thân tình chặt chẽ nhất.

Thế nhưng sau hai tháng Stalin cất nhắc Malenkov làm phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Beria thời ấy ủng hộ Malenkov và không che giấu rằng họ vẫn thường gặp nhau. Abakumov, về phần mình, báo với Stalin về việc Beria và Malenkov cảm tình với các lãnh đạo ngành công nghiệp hàng không và quân nhân bị thanh trừng. Abakumov làm quen với tài liệu về các vệ sĩ của Beria cướp phụ nữ trên đường phố và đưa tới chỗ Beria, đều đẩy lên sự phẫn nộ của các ông chồng và cha mẹ.

Sự phân bố lực lượng trong giới thân cận Stalin là như sau: cả Beria cả Malenkov giữ quan hệ công tác chặt chẽ với Pervukhin và Xaburov, chuyên trách các vấn đề kinh tế. Tất cả họ cùng thuộc một tập đoàn. Họ đưa người của mình vào những địa vị có uy tín trong chính phủ. Tập đoàn thứ hai, muộn hơn nhận được tên “tập đoàn Leningrad” gồm: Voznexenxky, phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng bộ trưởng và phụ trách ủy ban kế hoạch nhà nước; Jdanov, bí thư thứ hai BCHTU’ đảng; Kuznetsov, bí thư BCHTU’ phụ trách cán bộ, trong đó có các cơ quan an ninh, Rodionov, chủ tịch nội đồng bộ trưởng Liên Bang Nga, Koxugin, phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về công nghiệp nhẹ và tài chính được đưa lên vào giai đoạn chuẩn bị và tiến hành cải cách tiền tệ, còn sau “vụ việc Leningrad” bị chuyển qua công việc ít uy tín ở bộ công nghiệp nhẹ. Tập đoàn thứ hai đề cử người của mình vào chức vụ bí thư các tổ chức đảng cấp huyện. Kuznetsov năm 1945 đề đạt Popov, cựu giám đốc nhà máy sản xuất máy bay làm bí thư tổ chức đảng Moskva, và Popov trở thành thành viên văn phòng tổ chức và đồng thời là bí thư BCHTU’ ĐCS Liên Xô. Jdanov khuyến khích những ý đồ của ông kiểm soát các bộ trưởng thông qua bầu cử trong Đảng uỷ Moskva. Jdanov và Kuznetsov thực hiện sự kiểm soát hai lần đối với các thành viên chính phủ: thông qua Popov và qua BCHTU’ (Eltsin định làm như thế khi trở thành bí thư thành uỷ Moskva, đó là một trong những nguyên nhân đưng độ của ông với bộ máy BCHTU’). Bằng cách đó, có thể giết dây các thành viên chính phủ không có sự can thiệp của Beria, Malenkov và Pervukhin. Năm 1948 khi Jdanov chết, Popov đòi hỏi để các bộ trưởng như đảng viên trực thuộc ông ta, người đứng đầu thành uỷ Moskva. Malenkov khát khao trừ khử Popov, lý lẽ của ông ta như chứng cứ của “sự mưu phản” và sự xuất hiện một trung tâm quyền lực độc lập tổ chức đảng Moskva. Ý kiến của Malenkov được ủng hộ bởi các bộ trưởng vẫn từng than phiền với Stalin rằng Popov liên tục can thiệp vào công việc của họ. Khrusev hàng tuần có mặt tại các cuộc họp và vào những năm ấy thân cận với nhóm của Beria và Malenkov.

Stalin khuyến khích sự cạnh tranh đó, ông hiểu quyền lực của ông không bị tổn hại bởi chuyện đó. Ngoài ra Stalin ý thức được rằng cuộc tranh chấp quyền lực của các lãnh đạo kỳ cựu cho ông khả năng khi cần thiết loại bỏ tất cả bọn họ. Ông luôn luôn có thể thay thế họ bằng những cán bộ trẻ tuổi từ các địa phương vốn không có kinh nghiệm với các mưu mô ở chóp bu.

Một năm sau khi Churchill đọc bài diễn từ nổi tiếng của mình ở Fulton (1946) và “chiến tranh lạnh” đã bắt đầu, lập tức là sự lạnh lùng trong mọi mặt đối với cuộc sống trí thức của Liên Xô, đã nảy sinh những điều được gọi là tranh cãi khoa học trong sinh học, phê bình văn học và ngôn ngữ học, triết học, chính trị kinh tế học. Hai tập đoàn điện Kremli lợi dụng chiến dịch này, mỗi tập đoàn vì lợi ích của mình, cố tìm ra những tội lỗi về mặt tư tưởng hệ ở đối

thủ của mình.

Tất cả đã rõ “vụ các nhà sinh vật”: những cuộc tranh cãi nảy sinh vào những năm 30 về di truyền học đã nhanh chóng chuyển từ lĩnh vực khoa học sang lĩnh vực chính trị. Ở một phía là các nhà sinh học nổi tiếng thế giới, dựa trên sự cần thiết tài trợ tài chính cho các nghiên cứu tiếp tục về di truyền học. Đối chọi họ là nhóm những kẻ hám danh đứng đầu là Trofim Lưxenکو, kẻ buôn lậu hệ tư tưởng mácxít. Ông ta trình chính phủ viễn cảnh vấn đề thực phẩm trên cơ sở các thành tựu sinh học mácxít, hứa sau 10 năm sẽ bắt đầu kỷ nguyên mới, dư thừa, công khai đối chọi với các nhà di truyền học, khi khẳng định rằng họ chọc gậy bánh xe tiến bộ.

Các lời hứa của ông ta là hứa hão. Bắt đầu những cuộc tranh luận, những bài báo trong các tạp chí khoa học đã chỉ trích Lưxenکو và những kẻ đi theo ông ta. Các nhà bác học xuất chúng viết thư về BCHTU, vạch rõ các sai lầm nghiêm trọng của nhà sinh vật học của điện Kremli.

Jdanov giới thiệu Iuri, con trai ông, người một thời là chồng Xvetlana, con gái Stalin, vào chức vụ trưởng ban khoa học của BCHTU. Iuri Jdanov ủng hộ sự phê phán Lưxenکو. Trong khi đó được sử dụng thông tin của Abakumov từ các giới sinh vật học: Lưxenکو có ý lừa đảo chính phủ, cao giọng về những thành tựu của mình trong sinh học nông nghiệp mà trên thực tế là không có. Trong những bức thư các bác học nói rằng sự thống trị của Lưxenکو trong sinh học nông nghiệp từ những năm 30 và sự cố chấp của ông ta đối với bất cứ nghiên cứu di truyền học nào là nguy hại cho tiến bộ khoa học.

Liudvigov, phụ trách ban thư ký của Beria trong Hội đồng bộ trưởng kể với tôi rằng Jdanov đã lợi dụng tình huống đó để cất nhắc người của mình vào các chức vụ kiểm soát khoa học và công nghiệp để mở rộng ảnh hưởng.

Đường lối chính thức trong khoa học sau cái chết của Jdanov lại thiên về ủng hộ Lưxenکو và không chấp nhận di truyền học, nhưng những thay đổi bất ngờ trong thái độ đối với các nhà bác học, di truyền học trùng với các thay đổi chủ yếu trong ban lãnh đạo đảng chịu trách nhiệm về khoa học, và phần nhiều được gọi lên bởi chính các nhà di truyền học.

3. Những vụ thanh trừng có chọn lựa chống các chỉ huy quân sự vào cuối những năm 40

Cuối những năm 40 tôi làm quen với Anna Tsukanova phó trưởng ban lãnh đạo các tổ chức đảng, về thực chất là phó của Malenkov.

Tôi biết vợ tôi có cô bạn là Anna, nhưng chỉ đến khi họ mời tôi ăn trưa tại nhà hàng “Ararat” ở trung tâm Moskva tôi mới gặp bà, nghe giới thiệu họ tên thì tôi hiểu đó là phó của Malenkov. Đó là một phụ nữ bề ngoài đáng yêu với mái tóc tết dài đen huyền, đúng là một phụ nữ Nga xinh đẹp. Chúng tôi nói chuyện như những đồng nghiệp đã biết trách nhiệm của nhau, chúng tôi có khả năng tiếp cận các tài liệu mật, vì thế có thể tự do bàn bạc công việc. Và bây giờ, qua đi hơn 40 năm, chúng tôi vẫn là bạn bè.

Anna thường nói rằng đường lối của đồng chí Stalin và chiến hữu của ông Malenkov quy kết lại là sự thay đổi liên tục các nhà lãnh đạo đảng cấp cao và các quan chức an ninh,

không cho phép họ ở lại một chỗ quá 3 năm liên tục, để họ không thể quen với quyền lực.

Gây cho tôi ấn tượng mạnh là những lời của Anna về việc BCHTU' không tiếp nhận các biện pháp chống tham nhũng và hối lộ. Stalin và Malenkov không trừng phạt các quan chức cao cấp trung thành, nhưng nếu họ thuộc phái các đối thủ thì sự ô danh ấy lập tức được dùng để sa thải hoặc thanh trừng.

Anna hé lộ cho tôi rằng ban lãnh đạo biết về những chi tiêu của mỗi chiến dịch chính trị, nhưng như Malenkov nói, mục đích đủ biện minh cho những chi phí đó. Bây giờ đã rõ nhân dân phải chịu một giá đắt đáng sợ vì những chiến dịch chính trị và thanh lọc, đó là sai lầm của các nhà cầm quyền thời đó và đã làm đổ vỡ toàn bộ hệ thống.

Anna không hề ngờ đã mở mắt cho tôi về tình hình thực tại ở chớp bu khi nói rằng BCHTU' biết: chiến dịch chống những người theo chủ nghĩa toàn cầu được thổi phồng và phóng đại. Thật ra bà tin rằng với thời gian những sai lầm ấy sẽ được sửa đổi.

Chính từ bà tôi biết rằng Stalin phê chuẩn quyết định về sự thanh lọc ĐCS Gruzia. Bà nói rằng trong BCHTU' tất cả đều sợ đề nghị bất cứ sự thay đổi nào trong thành phần ban lãnh đạo ĐCS Gruzia, bởi vì nó động chạm đến những liên hệ riêng của Stalin và điều đó có thể làm phật ý ông. Giờ đây từ hồ sơ lưu trữ đã rõ cái gọi là vụ án Megrel, một trong những vụ thanh lọc cuối cùng do Stalin tổ chức.

Vào những năm cầm quyền cuối cùng của Stalin, trong ban lãnh đạo có một nhóm gồm Malenkov, Bulganin, Khrusev và Beria, còn Stalin tìm đủ cách gây cạnh tranh giữa họ. Năm 1951 Beria bị thất sủng, Stalin ra lệnh đặt máy nghe trộm tại nhà của mẹ Beria, cho rằng Beria và vợ ông sẽ không có những lời phát biểu chống Stalin, nhưng mẹ ông, Marta, sống ở Gruzia hoàn toàn có thể nói những lời cảm thông với những người dân tộc chủ nghĩa Megrel đang bị săn đuổi. Beria là người Megrel, người Megrel lại không hòa hợp với người Guriits mà Stalin tin cậy. Stalin bày ra vụ Megrel nhằm loại bỏ Beria. Ông bắt Beria tiêu diệt những người bạn thân nhất của mình. Làm ra vẻ vẫn tin Beria, Stalin tạo cho ông vinh dự hiếm có được phát biểu trước đảng viên và cán bộ cốt cán nhân kỷ niệm 34 năm cách mạng tháng 10 vào ngày 6-11-1951.

Năm 1948 bốn năm trước vụ thanh lọc Gruzia, Stalin cử tướng Rukhadze làm bộ trưởng an ninh Gruzia. Ông này vốn rất ghét Beria mà chuyện đó ai cũng biết. Theo lệnh riêng của Stalin, Rukhadze cùng với Riumin tìm chứng cứ bôi nhọ Beria và những người thân cận của ông.

Thời ấy trong chính phủ có tin là con trai của Beria sắp cưới con gái của Stalin sau khi cô li dị với con trai của Jdanov. Nhưng Beria kiên quyết chống lại đám cưới ấy. Beria biết các đối thủ của ông trong Bộ Chính trị lợi dụng đám cưới này trong cuộc tranh giành quyền lực, rằng sức mạnh của Stalin đã không còn như xưa và nếu Beria gắn mình với Stalin bằng mối dây gia đình, thì trong trường hợp Stalin chết, ông cũng hết thời. Tình huống để ra sự không thân thiện và vì thế năm 1951 Stalin ra lệnh cho Rukhadze tiếp tục điều tra về nạn hối lộ của những người Gruzia-Megrel vốn giữ khá nhiều địa vị quan trọng trong các cơ quan an ninh.

Stalin ra lệnh cho Rukhadze tìm các chứng cứ và nhân chứng quan hệ với nước ngoài

của người Megrel. Thế là đủ cho Rukhadze hiểu ông ta cần ngụy tạo một âm mưu.

Sau cuộc gặp gỡ đó, tại một tiệc, Rukhadze trong lúc say rượu đã ba hoa rằng ông ta gần gũi với Stalin và ông đã cho ông ta chỉ dẫn tiến hành phá hoại và bắt cóc ở Thổ Nhĩ Kỳ và Pháp. Tại bữa tiệc có bộ trưởng Nội vụ Gruzia Bziava, người Megrel, sang ngày hôm sau đã viết thư về Moskva cho bộ trưởng An ninh vừa mới nhậm chức Ignatiev thông báo về hành vi của Rukhadze. Ignatiev báo cáo việc này với Stalin. Stalin ra lệnh cho Rukhadze đọc bức thư và hủy nó trước mặt ông ta. Ignatiev cảnh cáo Rukhadze rằng dù ông ta được lòng Stalin, nhưng “không được quyền buông thả”.

Bước tiếp theo Rukhadze là bắt cựu bộ trưởng An ninh Gruzia Rapava, tổng công tố Sonia và viện sĩ Saria - thành viên ban kiểm tra Hội đồng dân tộc Xô viết Tối cao Liên Xô, một thời gian đã làm phó chỉ huy tình báo đối ngoại NKVD. Tất cả họ bị buộc tội có quan hệ với các tổ chức lưu vong thông qua điệp viên của NKVD Gigelia, người trở về từ Paris với người vợ Pháp năm 1947. Gigelia và vợ lập tức bị bắt theo lệnh Stalin và sau đó buộc phải hành động theo kịch bản dàn sẵn.

4. “Vụ Megrel” - bắt đầu âm mưu của Stalin loại bỏ Beria khỏi ban lãnh đạo Kremli

Bắt đầu sự thanh lọc ban lãnh đạo Gruzia, những ai gần gũi với Beria. Chiến dịch chống tham nhũng ở Gruzia phình rộng trước với mục đích tách người Megrel ra khỏi Liên Xô. Stalin làm đến nước này là do ghét Beria và để làm mất cơ sở ảnh hưởng của ông ở Gruzia.

Thành công vấn đề nguyên tử đã nâng uy tín Beria lên. “Ông chủ” biết đó là một thành công đặc biệt, nhưng thay vào việc khen thưởng, ông đã tìm cách thay thế Beria bằng một người phụ thuộc vào ông hơn.

Bộ Chính trị đề nghị Beria đứng đầu Ủy ban đảng điều tra vụ “phái Megrel lệch lạc”, cử ông về Tbilixi để ông đả phá “dân tộc chủ nghĩa Megrel” và cách chức chiến hữu gần gũi nhất của ông, Bí thư thứ nhất ĐCS Gruzia Tsarkviani, người theo lệnh Stalin bị thay bằng Mgeladze, kẻ thù không đội trời chung với Beria. Ngoài ra Beria cũng phải đóng cửa các tờ báo Megrel.

Trong khi Beria đọc diễn văn tại lễ kỷ niệm cách mạng tháng Mười, Ogolsov theo lệnh Stalin phái một nhóm điều tra về Tbilixi gặp những người Megrel bị bắt để lấy cung, nhằm bôi xấu Beria và Nina vợ ông. Những người Megrel không chịu nhận tội gì hết. Họ chịu một năm rưỡi tù đầy, tra tấn, không được ăn ngủ, và Beria đã thả họ khi Stalin chết. 8 tháng trước khi chết Stalin tổng giam Rukhadze vốn đã trở thành nhân chứng không mong muốn đối với ông. Một cách chính thức ông kia bị kết tội lừa dối đảng và chính phủ.

Giờ đây Kirill Xtoliarov làm tôi sáng tỏ tình huống mà tôi rơi vào ở Gruzia năm 1951 (hay 1952 gì đó), khi Ignatiev lệnh cho tôi đi Tbilixi. Tôi phải đánh giá khả năng của cơ quan tình báo Gruzia và giúp họ chuẩn bị bắt cóc các thủ lĩnh mensevich Gruzia ở Paris, họ hàng của Nina vợ Beria.

Điều tôi trông thấy ở Tbilixi gây sốc cho tôi. Người tình báo có năng lực nhất với các liên

hệ tốt ở Pháp, Gigelia đang ngồi tù, bị buộc tội làm gián điệp và có tinh thần dân tộc quá khích. Không thể tin cậy các điệp viên của Rukhadze được, họ thậm chí không chịu nói tiếng Nga với tôi. Phó của Rukhadze lập kế hoạch đi Paris, chưa bao giờ ra nước ngoài, và ông ta tự tin là chỉ cần đưa thịt nướng và rượu Gruzia cho những người lưu vong là giải quyết được mọi sự.

Nhóm điều tra từ Moskva nghiên cứu vụ những người Megrel, vui sướng báo là hầu như họ đã xác định được liên hệ giữa gia đình Beria và những người phái dân tộc chủ nghĩa Megrel. Lúc ấy trong văn phòng Rukhadze tôi nhận thấy ảnh Beria trẻ tuổi dưới tấm kính trên bàn - một trong những kẻ thù không đội trời chung của ông ta. Mong lấy lòng Stalin, Rukhadze tích cực cố bôi nhọ thanh danh những người cấp dưới trước kia của Beria và chính ông.

Kể phiêu lưu Rukhadze làm tôi sợ và tôi vội về Moskva báo cáo với Ignatiev. Ông ta và phó của ông, Ogolsov, chăm chú nghe tôi, nhưng nói rằng, xét việc đó không phải là chúng ta mà “cấp trên”, vì Rukhadze tự viết thư với Stalin bằng chữ Gruzia. Thế nhưng Stalin hiểu rằng Rukhadze và Riumin trở nên nguy hiểm: thay vào chỗ cố lấy những thú nhận về sự phản bội, trong tiến trình điều tra họ đã thể hiện mối quan tâm lớn đến các mưu mô trong giới chớp bu của đảng và chính phủ.

Stalin quyết định hy sinh Rukhadze và Riumin. Nhanh chóng Rukhadze bị nhốt vào Lefortovo, Riumin bị mất chức thứ trưởng Bộ An ninh và bị sa thải khỏi cơ quan tháng 11-1952. Sau khi Stalin chết, ông ta bị bắt, nhưng nếu Stalin có sống, thì ông ta vẫn sẽ bị tiêu diệt. Khi Khrusev và Malenkov bắt Beria, họ buộc tội Rukhadze trong âm mưu với Beria, và ông ta bị xử bắn với các nạn nhân cũ của mình ở Tbilisi năm 1955.

Những mô típ và thói kiêu ngạo ẩn kín cuối những năm 40 - đầu 50 đóng vai trò khá quan trọng trong các sự kiện chính trị. Chúng tôi hiểu giới chớp bu của đảng tiến hành các chiến dịch đấu tranh với chủ nghĩa toàn cầu và các hậu quả tệ sùng bái cá nhân chỉ nhằm đạt tới quyền lực tuyệt đối, loại bỏ các đối thủ hoặc nâng đỡ người của phe mình. Họ tính đến việc Ban kiểm tra đảng và cơ quan an ninh luôn luôn cấp cho họ các tài liệu. Nguyên tắc chung là thu thập tài liệu bôi xấu chống lại tất cả, và khi cần thì sử dụng. Tôi là công cụ và là nạn nhân của hệ thống ấy.

Abakumov báo cáo các tài liệu loại này cho chính Stalin, và trên cơ sở thông tin này Stalin có thể tổng tiền được toàn bộ bộ sậu. Sau cái chết của Jdanov, sự cân bằng quyền lực mong manh bị phá vỡ. Stalin không cho Jdanov loại bỏ hoàn toàn Malenkov khi ông này dính líu đến chuyện tai tiếng với công nghiệp hàng không, vẫn để Malenkov là một ủy viên Bộ Chính trị có uy tín, và như vậy sẽ là đối trọng của Jdanov.

Từ Anna Tsukanova tôi biết được những sự kiện đáng kinh ngạc về “vụ án Leningrad” mà trong thời gian đó tất cả những người của Jdanov và đối thủ của Malenkov và của Beria bị xét xử và bị bắn. Năm 1949 chúng tôi không biết về những lời buộc tội khủng khiếp chống lại họ. Hồi đó Anna chỉ nói với tôi là Kuznetsov và Voznexenxky bị cách chức vì dính vào sự ngụy tạo kết quả bầu cử tại hội nghị đảng uỷ thành phố Leningrad. Tình bạn của Kuznetsov với Abakumov không cứu được ông: Stalin kiểm tra độ tin cậy của Abakumov, buộc ông ta tiêu diệt bạn của mình.

5. Sắp xếp lại cán bộ trong Kremli và cơ quan an ninh ngay trước cái chết của Stalin

Những chi tiết cụ thể của “vụ Leningrad” vẫn là bí mật đối với cốt cán đảng; thậm chí Anna cũng không tưởng tượng nổi sức nặng của những lời buộc tội. Giờ đây chúng ta biết rằng họ bị buộc tội có mưu toan chia rẽ ĐCS bằng cách lập một trung tâm đối lập ở Leningrad. Một người bị xử, Kapuxtin, bị gán tội làm gián điệp, nhưng không có chứng cứ.

Mọi chuyện đó được bày đặt và dựng lên bởi cuộc cạnh tranh không ngừng trong số những trợ thủ của Stalin. Các mô típ buộc Malenkov, Beria và Khrusev tiêu diệt bè cánh Leningrad là rõ: tăng quyền lực cho mình. Họ sợ êkíp trẻ Leningrad sẽ thay thế Stalin. Giờ đây chúng ta biết kết quả kiểm tra phiếu kín ở Leningrad năm 1948 đúng là có bịa đặt, nhưng những người bị xử không hề có liên quan đến. Bộ Chính trị đủ thành phần kể cả Stalin, Malenkov, Khrusev và Beria, nhất trí phê chuẩn nghị quyết buộc Abakumov bắt và xét xử nhóm Leningrad, nhưng dù có viết gì đi nữa trong sách giáo khoa phổ thông về lịch sử đảng, và dù Khrusev có viết gì đi nữa trong hồi ký, Abakumov cũng không phải là người có sáng kiến. Đích thị thuộc cấp của ông ta đã xuyên tạc vụ này, nhưng Abakumov hành động theo mệnh lệnh nhận được.

“Vụ án Leningrad” trùng với sự hạ bệ đột ngột Molotov, người dù vẫn còn là ủy viên Bộ Chính trị, nhưng bị mất chức ngoại trưởng năm 1949. Vusinxky thay ông. Molotov rất đau khổ việc vợ ông, Jemtsujina, người Do Thái bị bắt; thoát đầu người ta khép bà tội vượt quyền và đánh mất tài liệu mật (mà người ta có thể lấy cắp theo lệnh Stalin). Theo lệnh Stalin dưới áp lực của các điều tra viên, để bôi nhọ Jemtsujina trong mắt người chồng ủy viên Bộ Chính trị, hai thuộc cấp của bà buộc phải theo đuổi bà và thú nhận có quan hệ tư tình với bà. Bà ở trong tù một năm, sau đó bị đày đi Kazakxtan. Stalin hi vọng nhận được lời nói xấu của Jemtsujina về Molotov. Bà bị bắt rất kín đáo nên tôi chỉ biết chuyện này ngay trước khi Stalin chết, khi Fitin lúc đó là bộ trưởng an ninh Kazakxtan than vãn với tôi là ông rất cực khổ phải chịu trách nhiệm về Jemtsujina. Ignatiev suốt thời gian hỏi cung bà, cố biết về các liên hệ với phái Do Thái và đại sứ Israel ở Liên Xô Golda Meier.

Thời ấy, cuối 1952 - đầu 1953, chúng tôi biết Stalin công khai phát biểu chống Molotov và Mikoian tại hội nghị BCHTƯ. Stalin buộc tội họ là những kẻ mưu phản. Ngay sau hội nghị người ta bắt Molotov đưa từ ban thư ký Bộ Ngoại giao về phòng quản trị của Stalin nguyên bản các tài liệu về Hiệp ước Molotov - Ribbentrop, kể cả những biên bản mật. Từ đó đến năm 1992 khi chúng được công bố, chúng được giữ trong lưu trữ mật của Bộ Chính trị. Tôi không loại trừ khả năng Stalin định cáo buộc Molotov tội thân Đức hoặc nịnh bợ Hitler trong những thương thuyết ấy.

Tháng 9-1952 Drozdov, thứ trưởng Bộ An ninh Ucraina được chuyển về Moskva. Chúng tôi biết nhau gần ba chục năm. Vợ tôi kết bạn với vợ ông ta. Khi đến Lơvov để tìm tên lãnh đạo OUN bí mật Sukhevich, tôi đã sống ở nhà nghỉ của Drozdov không xa thành phố. Ở Moskva Drozdov được đặt vào chức vụ trưởng văn phòng đặc biệt số 2 của MGB Liên Xô vốn chuyên trách việc theo dõi và bắt cóc các kẻ thù của Stalin trong nước - cả kẻ thù thực tế lẫn được bịa ra.

Thoạt đầu Abakumov và Ogolsov cho rằng văn phòng phá hoại và tình báo của tôi sẽ tiến hành những chiến dịch tương tự trong và ngoài nước, còn Drozdov sẽ là phó của tôi, bởi Eitingon đã bị thất sủng. Điều đó không vừa lòng Abakumov và ông ta tổ chức công việc sao cho Drozdov được giao phó các chiến dịch trong nước. Drozdov không có các mối liên hệ ở Moskva, nhưng được tin cậy trong công việc tế nhị này. Việc đầu tiên của ông ta là kiểm soát độ tin cậy của hệ thống máy nghe trộm, và để tin chắc chúng không bị phát hiện. Chính lúc ấy từ Drozdov tôi biết Stalin lệnh cho B. Kobulov, phó của Beria, lắp thiết bị nghe trộm trong nhà các nguyên soái Vorosilov, Budenuri và Jukov. Muộn hơn, trong danh sách có thêm Molotov và Mikoian. Drozdov rất mừng là ông không bị lôi kéo vào một vụ bắt cóc nào theo lệnh Stalin, nhưng thuộc cấp của ông thì hai lần phải làm việc cho Tổng cục phản gián: họ phải bắt chuyện trên đường phố và gây một vụ ẩu đả với các nhà ngoại giao nước ngoài, những người thường gặp gỡ các nhà văn Liên Xô. Sau khi Stalin chết, Beria lập tức cho Drozdov nghỉ vì ông biết quá nhiều mưu mô nội bộ và không thân thiện với B. Kobulov. Drozdov bị sa thải ở tuổi 50 khiến ông thoát nạn, dù lúc ấy có vẻ là thảm bại, nếu không, ông sẽ bị bắt cùng với Beria.

Tháng 7-1951 người ta bắt Abakumov. Năm cuối cùng trên ghế bộ trưởng An ninh, đặc biệt là 9 tháng cuối, ông tuyệt đối bị cách ly khỏi Stalin, sổ trực Kremli cho thấy trong danh sách tiếp khách của Stalin từ tháng 11-1950 không có Abakumov. Stalin cho là Abakumov biết quá nhiều. Đối với tôi sự hạ bệ Abakumov là như sấm giữa trời quang. Ông bị buộc tội trì hoãn điều tra những vụ tội phạm quan trọng và che giấu thông tin, rằng Gavrillov và Lavrentiev là gián điệp đôi của CIA và MGB.

Tất nhiên, trên lương tâm của Abakumov có những chuyện thú nhận bịa đặt và những lời khai dối trá, nhưng cũng là sự thực, đầu tiên là viện công tố, sau đó là Riumin khép ông vào những tội mà ông không có. Ông chưa bao giờ là nhà chính trị, và không thể tổ chức âm mưu với mục đích tiếm quyền; ông tuyệt đối trung thành và tin tưởng Stalin.

Lúc đầu tôi không hiểu hoàn cảnh thất sủng của Abakumov; tôi với ông thường có những quan điểm đối chọi nhau, và tôi ngỡ ban lãnh đạo đảng muốn sửa chữa những sai lầm nghiêm trọng trong công việc của MGB. Nhưng nhanh chóng trở nên rõ ràng, việc bắt Abakumov là khởi đầu một vụ thanh lọc mới. Kết quả là địa vị Malenkov được củng cố, vì Stalin cử Ignatiev giữ chức bộ trưởng An ninh. Thiếu Abakumov và nhóm Leningrad, Malenkov và Ignatiev trong liên minh với Khrusev lập nên một trung tâm quyền lực mới trong lãnh đạo.

Những vụ bắt bớ liên tục trong số cán bộ MGB làm tôi và vợ lo lắng. Cả trong chiến dịch bài Do Thái, lẫn trong những âm mưu nội bộ nhận thấy sự căng thẳng đang tăng dần. Vợ tôi cảm thấy tôi và cô có tên trong những lời khai của những người bị bắt - Raikhman, Eitingon, Matuxov, Xverdlov. Khi Anna đến nhà chơi, lần đầu tiên tôi nói đến khả năng tìm công việc khác. Là phụ trách một cơ quan dưới trướng một bộ trưởng không chuyên nghiệp và phó kiêu Riumin, kẻ phiêu lưu và hám danh, tôi tất yếu sẽ bị rơi vào hoàn cảnh phức tạp. Tôi vừa nhận bằng tốt nghiệp Học viện quân sự, và điều đó cho tôi hi vọng tìm được công việc trong quân đội hoặc đảng. Anna hứa giúp tôi...

Năm 1952 Malenkov gọi điện thoại cho tôi và nói rằng đảng giao cho tôi một nhiệm vụ

quan trọng mà các chi tiết sẽ được Ignatiev nói rõ. Nhanh chóng tôi được mời đến văn phòng ông ta, rất lạ lùng là ông ta chỉ có một mình. Chào xong, Ignatiev nói: Trên rất lo khả năng thành lập “Khối các dân tộc chống bolsevich” đứng đầu là Kerenxky. Tôi được lệnh lập tức chuẩn bị kế hoạch hành động ở Paris và London, nơi dự định Kerenxky sẽ đến. Sau một tuần tôi báo cáo với Ignatiev rằng trong chuẩn bị chiến dịch nảy sinh những phức tạp, vì người của ta ở Paris, Khokhlov, người có thể tìm được cách đến gần Kerenxky, đã lọt vào tầm ngắm của phản gián đối phương. Lần cuối khi anh ta qua biên giới, cảnh sát Bỉ đã quan tâm đến giấy tờ anh ta, còn hộ chiếu giả thì bị tịch thu để kiểm tra.

Công tước Gagarin mà nhiệm vụ là tìm cách tiếp cận bộ tham mưu NATO ở Fontainebleau để tiêu hủy hệ thống liên lạc và báo động trong tình huống căng thẳng hay bắt đầu hành động quân sự, lãnh đạo nhóm chiến đấu bí mật ở Paris. Về sự tồn tại nhóm chiến đấu này được báo cáo theo những lý do khác nhau cho cả Stalin lẫn Malenkov. Tôi hỏi Ignatiev, chúng tôi có phải điều chỉnh lại mạng điệp viên này cho việc thủ tiêu Kerenxky hay không.

Ignatiev vốn không bao giờ dám liều điều gì, nói rằng điều đó phải được phía trên quyết định. Hai ngày sau tôi nghe thông báo của TASS về việc bọn dân tộc chủ nghĩa Ucraina và giới lưu vong Croatia không đồng tình với việc thành lập “Liên minh bolsevich” do Kerenxky làm chủ tịch - họ không muốn có một người Nga đứng đầu tổ chức này.

Sáng hôm sau tôi gửi báo cáo về công việc của nhóm chiến đấu, kèm thông báo của TASS để ông ta hiểu rằng Kerenxky không còn là hiểm họa đối với Liên Xô. Ignatiev gọi tôi, Riakhnoi và Xavtsenko đến văn phòng. Ông ta bắt đầu trách cứ, rằng họ đã đề nghị thủ tiêu Kerenxky khi không đi sâu vào mâu thuẫn nội bộ trong các tập đoàn chống cộng sản. Ignatiev nhấn mạnh, đồng chí Malenkov đặc biệt lo lắng việc để chúng ta không rời xa hoạt động cơ bản là đấu tranh với đối thủ chính - nước Mỹ.

Sau cuộc họp Ignatiev yêu cầu chúng tôi chuẩn bị các đề nghị tổ chức lại công tác tình báo ở nước ngoài. Tự Stalin chỉ đạo công việc tổ chức này. Theo sáng kiến của ông, cuối năm 1952 trong MGB thành lập Tổng cục tình báo. Pitovranov vừa được tha khỏi nhà tù Lefortovo lãnh đạo nó. Tổng cục trưởng giữ luôn chức thứ trưởng.

Tôi không được mời dự cuộc họp mà Stalin chủ trì, nhưng Malenkov thông báo chính thức tại MGB về quyết định mà ông ta đánh giá là kế hoạch thành lập “mạng lưới điệp viên tình báo hùng hậu ở nước ngoài”, dựa vào các chiến dịch phản gián tích cực trong nước. Đồng thời Malenkov trích dẫn Stalin: “Công việc chống kẻ thù chính của chúng ta là không thể thiếu sự thành lập bộ máy tình báo phá hoại ở nước ngoài. Không nhất thiết lập mạng điệp viên trực tiếp tại Mỹ, nhưng chúng ta phải hành động cương quyết chống Mỹ, trước tiên ở châu Âu và Cận Đông”. “Điểm yếu của Mỹ là cơ cấu đa dân tộc của nó. Chúng ta phải tìm khả năng lợi dụng các dân tộc thiểu số ở Mỹ. Không thể buộc một người Mỹ không chính gốc nào, khi làm việc cho ta, chống lại đất nước là quê hương anh ta. Chúng ta phải sử dụng tối đa các kiều dân từ Đức, Italia và Pháp, thuyết phục họ rằng, khi giúp đỡ chúng ta, họ làm việc cho tổ quốc mình đang bị lãng nhục bởi sự thống trị của Mỹ”.

Bắt đầu năm 1953, tôi và vợ rất lo về sự thay đổi cán bộ trong MGB. Tôi biết tên mình nằm trong danh sách 213 người là cán bộ lãnh đạo cao cấp đã được nhắc tới trong các lời

khai của những người bị thanh trừng liên quan với “vụ án Leningrad”, vụ Ủy ban Do Thái chống phát xít và “âm mưu của các bác sĩ”. Sử dụng tài liệu này, Malenkov cách chức hoặc đơn thuần đuổi khỏi Moskva nhiều cán bộ khi bắt đầu sự sắp xếp lại cán bộ trong các cơ cấu cao nhất của đảng và chính phủ. Ông ta muốn lôi kéo vào bộ máy những người mới, ít biết về cơ chế quyền lực ở Moskva và thi hành bất cứ mệnh lệnh nào không chút chần chừ.

Vụ thanh lọc này là đẫm máu. Trung tướng Vlasik, chỉ huy bảo vệ Kremli, bị đẩy đi Xibir làm trưởng trại giam, và bị bắt bí mật ở đấy. Sau khi bị bắt người ta đánh đập và tra tấn dã man Vlasik. Những bức thư tuyệt vọng của ông gửi Stalin kêu oan không được đáp lại. Ông ở trong tù đến năm 1955, còn sau được ân xá, nhưng không được minh oan, dù nguyên soái Jukov rất ủng hộ.

Sa thải Vlasik không có nghĩa là giờ đây Beria có thể thay người của mình vào đội bảo vệ Stalin. Chính Ignatiev tự chỉ huy Cục bảo vệ Kremli, mặc dù là bộ trưởng An ninh.

Tất cả mọi lời bịa đặt, rằng người của Beria giết chết Stalin, là hoàn toàn nhằm nhĩ. Thiếu Ignatiev và Malenkov không ai trong số người thân cận Stalin có thể được tiếp xúc với Stalin. Đó là một người già, ốm đau với bệnh tưởng cấp tính, nhưng đến tận ngày cuối cuộc đời ông vẫn là nhà cầm quyền toàn năng. Hai lần ông công khai mong muốn nghỉ ngơi, lần đầu sau kỷ niệm Ngày Chiến thắng trong Kremli năm 1945 và một lần nữa tại Hội nghị BCHTƯ tháng 10-1952, nhưng toàn bộ đó chỉ là cái bẫy để làm rõ sự phân bố lực lượng trong giới thân cận của mình và hun nóng cạnh tranh trong Bộ Chính trị.

Tháng 1-1953 Malenkov và Ignatiev ra lệnh cho tôi chuẩn bị đề nghị cách sử dụng cố vấn chúng ta ở Trung Quốc trở về, người báo cáo với Stalin về chỉ thị của lãnh đạo Trung Quốc tuyển mộ các điệp viên trong số các chuyên gia Xô viết làm việc ở đấy. Theo lời Malenkov, Stalin quyết định gửi bản sao thông báo này cho Mao Trạch Đông, tuyên bố rằng chúng ta gọi cố vấn trở về vì tin tưởng hoàn toàn ban lãnh đạo Trung Quốc. Kovalev, theo tôi, tên ông là thế, được cử ngay làm trợ lý của Stalin trong bộ máy Hội đồng bộ trưởng. Malenkov lệnh cho tôi bàn với Kovalev về việc thành lập mạng lưới điệp viên mới ở Viễn Đông để nhận những tin tức chân thực về Trung Quốc. Trong khi đó ông ta nhấn mạnh rằng mạng lưới này không nên có liên lạc với những nguồn cũ mà phía Trung Quốc có thể đã biết từ thời Quốc tế cộng sản.

Bầu không khí căng thẳng. Cuối tháng 2-1953 tôi bị gọi vào văn phòng Ignatiev, nơi có mặt Goglidze, thứ trưởng thứ nhất của ông ta, và Koniakhin, phó phụ trách bộ phận điều tra. Ignatiev nói là chúng tôi đi lên “cấp trên”. Đã muộn - Ignatiev, Goglidze và Koniakhin bước vào văn phòng Stalin, còn tôi ngồi lại gần một giờ ở phòng tiếp khách. Sau đó Goglidze và Koniakhin bước ra, còn tôi và Ignatiev được mời 2 giờ sau đến gặp Stalin tại biệt thự của ông ở Kuntsevo để báo cáo.

Tôi rất kích động khi bước vào văn phòng Stalin, nhưng chỉ nhìn ông, là cảm giác ấy biến mất. Điều tôi nhìn thấy làm tôi sửng sò. Tôi trông thấy một lão già mỗi mệ. Stalin thay đổi nhiều. Tóc ông thưa thớt đi, và dù ông bao giờ cũng nói chậm, giờ đây ông đúng là thốt ra từng từ một cách gượng gượng, còn quãng dừng thì kéo dài hơn. Rõ ràng tin đồn về hai cơn đột quỵ là chính xác: một lần ông trải qua sau hội nghị Yalta, một lần khác - trước sinh nhật 70 tuổi, năm 1949.

Stalin bắt đầu từ việc sắp xếp lại tình báo ở nước ngoài. Ignatiev hỏi, cần thiết để trong MGB hai trung tâm tình báo độc lập hay không: Văn phòng phụ trách phá hoại ở nước ngoài và Tổng cục tình báo. Tôi được đề nghị phát biểu. Tôi giải thích rằng để thực hiện các chiến dịch chống lại các căn cứ chiến lược Mỹ và NATO quay quanh biên giới chúng ta, chúng tôi cần liên tục hợp tác với tình báo MGB và Bộ Quốc phòng. Sự triển khai nhanh chóng lực lượng để thi hành những chiến dịch như phá hoại, đòi hỏi sự tác động liên đới.

Tôi nhấn mạnh rằng thành công của các chiến dịch phá hoại chống bọn Đức ở mức độ lớn phụ thuộc vào chất lượng mạng lưới điệp viên phân bố gần trực tiếp với các căn cứ cần bị hủy diệt, nói thêm rằng chúng tôi sẵn sàng, phù hợp với chỉ thị của BCHTU, cho nổ các kho chất đốt của Mỹ tại Insbruck, ở Áo. Chúng tôi không đơn thuần cử đến đó nhóm tác chiến. Các điệp viên của ta có cách tiếp cận trực tiếp với đối tượng, nhưng mệnh lệnh bất ngờ của Abakumov hủy bỏ chiến dịch mà chắc sẽ gây khó khăn cho vận chuyển hàng không Mỹ sang Đức, đã làm chúng tôi không hiểu gì cả.

Stalin không đáp lại. Một quãng ngừng bút rút. Sau đó ông nói: “Văn phòng phụ trách phá hoại ở nước ngoài nên giữ như một bộ máy độc lập trực thuộc bộ trưởng. Nó sẽ là công cụ quan trọng trong trường hợp chiến tranh để gây tổn thất nghiêm trọng cho kẻ thù ngay vào đầu các hành động quân sự. Cũng nên để Xudoplatov là phó Tổng cục tình báo để anh ta nắm vững mọi khả năng điệp viên của ta, nhằm dùng tất cả mọi thứ đó trong công tác phá hoại”.

Stalin hỏi tôi quen Mironov hay không, người trước là cán bộ đảng, nay là cán bộ quan trọng của phản gián quân đội, trợ lý của Episev, và đề nghị để Mironov trở thành một trong các phó của Tổng cục tình báo. Tôi đáp là chỉ gặp Mironov một lần khi theo lệnh bộ trưởng kể với ông ta các nhiệm vụ chủ yếu của văn phòng.

Một chốc sau Stalin chuyển cho tôi một tài liệu viết tay và đề nghị tôi cho ý kiến. Đó là kế hoạch ám sát nguyên soái Tito. Tôi chưa bao giờ thấy tài liệu này, nhưng Ignatiev giải thích rằng sáng kiến xuất phát từ Riaknoi và Xavtsenko, các thứ trưởng Bộ An ninh, và Pitovranov cũng biết rõ vụ này.

Pitovranov nổi bật bởi trí tuệ và nhãn quan trong số lãnh đạo MGB. Trong thời gian chiến tranh ông trở thành phụ trách sở NKVD ở Gorky. Một thời gian Riumin giam ông trong tù theo cáo buộc trong “âm mưu của Abakumov”, nhưng ông được tha năm 1952. Ông kết thân với Eitingon phó của tôi, nhưng theo mệnh lệnh, bắt buộc phải tổ chức bắt giữ ông vào tháng 10-1951. Sau 2 ngày tự ông lọt vào Lefortovo và ngồi trong xà lim đối diện Eitingon. Muộn hơn tôi nghe nói Pitovranov trong tù viết thư gửi Stalin buộc tội Riumin đã phá vỡ kế hoạch những chiến dịch phản gián. Ông được tha, quay lại vị trí cũ, sau khi chữa bệnh một tháng ở Arkhangelsk, trong viện điều dưỡng của cán bộ quân sự cao cấp.

Tôi nói rằng trong kế hoạch thủ tiêu Tito, thể hiện sự yếu kém nghiệp vụ. Thư gửi Stalin nói:

“MGB Liên Xô xin phép chuẩn bị và tổ chức mưu sát Tito với việc sử dụng điệp viên mật ‘Makx’ - đ/c Grigulevich I.P., công dân Liên Xô, đảng viên ĐCS Liên Xô từ 1950.

“Makx” được cài theo hộ chiếu Costa-Ricasang Italia, nơi anh đã chiếm được lòng tin và gia nhập giới ngoại giao các nước Mỹ Latinh, những nhà hoạt động và các doanh nghiệp nổi tiếng của Costa-Rica đi thăm Italia.

Lợi dụng các liên hệ của mình, “Makx” đã đạt được sự đề cử chức vụ phái viên Đặc biệt và Toàn quyền của Costa-Rica ở Italia đồng thời cả ở Nam Tư. Thực hiện các trách nhiệm ngoại giao của mình, vào nửa sau năm 1952 anh đã hai lần thăm Nam Tư, được tiếp đón tốt, có người quen trong những nhóm gần gũi với bọn Tito, và đã nhận được lời hứa có cuộc tiếp kiến riêng với Tito. Địa vị “Makx” giữ hiện nay cho phép sử dụng khả năng của anh để tiến hành những hoạt động tích cực chống lại Tito.

Đầu tháng 2 năm nay “Makx” được gọi sang Vienne, nơi tổ chức cuộc gặp trong điều kiện bí mật. “Makx” đề nghị có một hoạt động nào đó thiết thực riêng chống Tito.

Liên quan với đề nghị ấy, chúng tiến hành một cuộc trò chuyện, kết quả một số phương án có thể thực hiện vụ chống Tito như sau:

1. Giao cho “Makx” xin được hội kiến riêng với Tito lợi dụng thả một lượng vi trùng dịch hạch bao đảm đủ lây truyền gây cái chết của Tito và những người có mặt trong phòng. “Makx” sẽ không biết về sự tồn tại của chất được sử dụng. Để bảo vệ sự sống “Makx” được tiêm chủng miễn dịch trước.

2. Nhân chuyến đi sắp tới của Tito sang London, “Makx” được cử sang đó, lợi dụng địa vị chính thức của mình và các quan hệ tốt với Velebit, đại sứ Nam Tư ở Anh, đến buổi tiếp trong sứ quán Nam Tư mà chắc Velebit sẽ tổ chức mừng Tito.

Vụ mưu sát được thực hiện bằng súng giảm thanh được ngụy trang thành đồ dùng thông thường đồng thời thả hơi cay để làm những người có mặt hoảng loạn và tạo điều kiện rút lui của “Makx” và xoá dấu vết.

3. Lợi dụng một trong những buổi chiêu đãi chính thức ở Belgrad nơi những bà vợ của các nhà ngoại giao được mời dự. Vụ mưu sát được tiến hành như ở mục 2, được giao cho chính “Makx”, nhà ngoại giao chắc sẽ được mời đến một buổi tiếp.

Ngoài ra, giao cho “Makx” soạn ra phương án và chuẩn bị điều kiện qua một trong những đại diện Costa-Rica chuyển quà cho Tito dưới dạng đồ quý gì đó trong hộp mà khi mở kéo theo hoạt động của cơ chế tức thời phóng ra chất độc.

“Makx” được chọn phương án thiết thực nhất chống Tito. Sẽ quy ước các biện pháp liên lạc và thỏa thuận để nhận những chỉ thị bổ sung.

Chúng tôi nghĩ là hợp lý việc dùng khả năng của “Makx” để tiến hành mưu sát Tito. Theo phẩm chất cá nhân và kinh nghiệm làm việc trong tình báo, “Makx” phù hợp để thực hiện một nhiệm vụ như thế.

Chúng tôi xin sự đồng ý của Người”.

Stalin không đánh dấu gì trên tài liệu. Bức thư không có chữ ký. Trong văn phòng Stalin, nhìn thẳng vào mắt ông tôi nói rằng “Makx” không hợp cho một công vụ như thế, vì anh ta chưa bao giờ là sát thủ khủng bố. Anh ta tham gia vào chiến dịch chống Trotsky ở Mexico,

chống nhân viên bảo vệ ở Latvia, trong vụ thủ tiêu thủ lĩnh Trótkít Tây Ban Nha A.Nin, nhưng chỉ làm nhiệm vụ bảo đảm cho các phần tử vũ trang tiếp cận mục tiêu hành động. Ngoài ra, từ tài liệu không thấy nói đã bảo đảm việc tiếp cận được Tito. Chúng ta có nghĩ thế nào về Tito đi nữa, chúng ta cũng phải coi Tito như một đối thủ mạnh, kẻ đã tham gia các chiến dịch chiến đấu trong chiến tranh và, rõ ràng, sẽ bình tĩnh chống trả sự tấn công. Tôi viện ra điệp viên chúng ta “Vai” - Moro Djurovich, thiếu tướng trong đội bảo vệ của Tito. Theo đánh giá của ông ta, Tito luôn luôn cảnh giác do tình hình bên trong Nam Tư căng thẳng. Tiếc rằng, liên quan với những mưu mô nội bộ này, Djurovich đã bị mất đi sự ưu ái của Tito và hiện đang ngồi tù.

Sẽ hợp lý hơn nếu lợi dụng bất đồng ý kiến trong giới thân cận của Tito, tôi nhận xét, khi nghĩ một cách bán loạn bằng cách nào đưa Eitingon đang ngồi tù vào trò chơi để ông chịu trách nhiệm thi hành chiến dịch này, vì Grigulevich đánh giá ông rất cao - suốt 5 năm họ làm việc bên nhau ở nước ngoài.

Ignatiev không thích những nhận xét của tôi, nhưng tôi cảm thấy tự tin vì việc nhắc đến một nguồn thông tin cao cấp từ cơ quan an ninh của Tito đã gây ấn tượng đến Stalin.

Nhưng Stalin cắt ngang tôi, nói rằng vụ này cần suy nghĩ kỹ lại, lưu ý đến sự tranh giành trong lãnh đạo Nam Tư. Nhìn tôi, ông nói đây là nhiệm vụ quan trọng để củng cố địa vị của chúng ta ở Đông Âu và ảnh hưởng của chúng ta đối với vùng Balkan, cần tiếp cận nhiệm vụ hết sức thận trọng tránh thất bại như đã xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ năm 1942, khi đổ vỡ vụ ám sát von Papen, đại sứ Đức. Mọi hi vọng nêu vấn đề giải phóng cho Eitingon trong tích tắc đã biến mất.

Ngày hôm sau ở Bộ tôi được giao hai hồ sơ - *Kền kền* và *Neron*, chứa tài liệu bôi nhọ thanh danh Tito. Ở đây có tổng kết hàng tuần từ mạng điệp viên của ta ở Belgrad. Hồ sơ có cả những nghị quyết ngớ ngẩn của Molotov: tìm các liên hệ của Tito với các tập đoàn thân phát xít và bọn dân tộc chủ nghĩa Croatia. Tôi chẳng thấy khả năng nào cho phép tiếp xúc gần với giới thân cận Tito cho điệp viên ta có thể tiến lại đủ gần để giáng đòn.

Ngày hôm sau khi tôi bị gọi đến văn phòng Ignatiev, ở đó có ba người của Khrusev - Xavtsenko, Riakhnoi và Episev, - tôi lập tức cảm thấy mình ở không đúng chỗ, vì trước kia bàn những vấn đề tế nhị thế này chỉ với Stalin hay Beria. Giữa những người có mặt hiện giờ chỉ tôi là nhà tình báo duy nhất có kinh nghiệm công tác ở nước ngoài. Làm sao có thể nói với các thứ trưởng, rằng kế hoạch của họ là ấu trĩ? Tôi không tin tai mình khi Episev đọc cho tôi một bài giảng mười lăm phút về tầm quan trọng chính trị của nhiệm vụ. Sau đó Riakhnoi và Xavtsenko cùng hòa vào, nói rằng Grigulevich thích hợp nhất cho công việc, và với những lời này đưa thư của anh ta gửi vợ, trong đó anh nói về ý nguyện hy sinh bản thân vì sự nghiệp chung. Hẳn là Grigulevich, để bảo đảm, bị buộc viết lá thư đó.

Tôi hiểu những lời cảnh tỉnh của tôi sẽ không có tác động và nói rằng, là đảng viên tôi cho nghĩa vụ của mình là nói với họ và đồng chí Stalin rằng chúng ta không có quyền phái điệp viên đến một cái chết chắc chắn vào thời bình. Kế hoạch nhất thiết phải xem xét các khả năng giải thoát cho điệp viên, tôi không thể đồng tình với kế hoạch trong đó điệp viên được lệnh ám sát một đối tượng được bảo vệ nghiêm ngặt thiếu sự phân tích sơ bộ hoàn cảnh tác chiến. Để kết luận Ignatiev nhấn mạnh rằng tất cả chúng tôi phải suy nghĩ, suy nghĩ

và suy nghĩ nữa về việc thực hiện chỉ thị của đảng.

Đó là gặp gỡ công vụ cuối cùng của tôi với Ignatiev. Sau 10 ngày Ignatiev biên chế tác chiến và dựng các đơn vị MGB dậy theo lệnh báo động và thông báo một cách bí mật cho các cục trưởng và cơ quan độc lập về bệnh tình của Stalin. Sau hai ngày Stalin mất, và ý tưởng mưu sát Tito bị chôn vùi vĩnh viễn.

Trong khi đó ý đồ xin chuyển công tác của tôi bắt đầu có thành quả. Năm 1952 tôi gửi lên BCHTU' thông tin nhận được từ mạng điệp viên tại Vienne về kế hoạch người Mỹ bắt cóc bí thư BCHTU' đảng Áo. Tôi bị gọi đến chỗ Xuxlov để thảo luận các cứ liệu này. Mấy ngày sau, những ngày đầu tháng 3-1953 người ta nói với tôi, tôi được xem xét là ứng cử viên chức phó chủ tịch Ban đối ngoại của BCHTU' thành lập chưa lâu, phụ trách các liên hệ "bí mật" với các ĐCS nước ngoài. Thực tế nói về sự đề cử tôi là người lãnh đạo cơ quan tình báo đặc biệt trực thuộc BCHTU' đảng. Tôi và vợ tràn ngập hi vọng, rằng có thể chấm hết công việc trong cơ quan an ninh mà đứng đầu là những kẻ thiếu nghiệp vụ, gây tội ác do thiếu chuyên môn lẫn những khao khát háo danh.

Nhưng các sự kiện xoay trở nhanh đã thay đổi tận gốc số phận của tôi. Ngày 5-3-1953 Stalin mất, đêm khuya cùng ngày Beria được cử làm bộ trưởng Bộ Nội vụ giờ đây bao gồm cả công an, bộ máy các cơ quan an ninh (MGB). Tôi có mặt tại đám tang Stalin và trông thấy Xerov, Goglidze và Riaknoi, những kẻ đã kiểm soát tình hình trong thành phố một cách tồi tệ đến mức nào. Thậm chí họ không nghĩ được việc bố trí các đoàn đại biểu đến đám tang ra sao, một sự nhốn nháo vô cùng, kết quả là hàng trăm người đau buồn bị đè chết.

Trong đám tang Stalin, sự đau buồn của tôi là chân thành; tôi nghĩ rằng sự khắc nghiệt và sự trừng phạt của ông là sai lầm gây ra do tính phiêu lưu và trình độ chuyên môn kém của Ejov, Abakumov, Ignatiev và thuộc hạ của họ. Sang ngày hôm sau, tôi hiểu một kỷ nguyên mới đã bắt đầu. Thư ký của Beria gọi điện thoại cho tôi lúc 6 giờ chiều và báo rằng Ông chủ mới đã rời văn phòng và ra lệnh không phải chờ ông trở về. Từ thời điểm đó tôi được rời nơi làm việc vào 6 giờ chiều, khác hẳn thời phải làm việc đến 2-3 giờ sáng, khi Stalin ngồi bên bàn làm việc trong điện Kremli hay tại biệt thự của ông.

Bắt đầu sự bố trí lại cán bộ trong Bộ mới. Kruglov vốn làm việc với Malenkov trong BCHTU' những năm 30 và là bộ trưởng Bộ Nội vụ suốt 7 năm cuối, trở thành thứ trưởng thứ nhất của Beria trong MVD mở rộng. Goglidze vô tình bị dính líu với "vụ án Megrel", thôi chức thứ trưởng và được cử phụ trách phản gián quân đội. B. Kobulov, thân Beria, bị Abakumov đuổi khỏi cơ quan an ninh năm 1946, trở lại Lubianka giữ chức phó của Beria. Xerov, người của Khrusev, giữ nguyên địa vị và làm phó cho Beria. Riaknoi và Xavtsenko cũng như Xerov, công tác cùng Khrusev ở Ukraina, đứng đầu Tổng cục tình báo. Fedotov, bao giờ cũng trầm tĩnh và có kỷ luật, năm 1946 thay Fitin lãnh đạo tình báo đối ngoại một thời gian không lâu, còn muộn hơn làm việc tại Ủy ban thông tấn, lại như trước chiến tranh, phụ trách cục phản gián. Beria cử trung tướng Xazurkin, cựu phó của tôi ở Cục tình báo "nguyên tử", làm cục trưởng Cục đấu tranh chống phá hoại tư tưởng hệ và dân tộc chủ nghĩa là Cục 5 (chính trị) tương lai của KGB.

Song song với những cát nhắc đó, diễn ra sự vạch mặt những kẻ buộc tội về vụ âm mưu Do Thái và "vụ các bác sĩ". Eitingon, Raikhman, Xelivanovskiy, Belkin, Subniakov và những

cán bộ cao cấp khác bị bắt theo cáo buộc đã che giấu âm mưu Do Thái hoặc giúp Abakumov trong kế hoạch chiếm chính quyền, được trả tự do vào cuối tháng 3-1953. Vụ Jemtsujina do chính Beria khép lại ngày 23-3, nhưng bà được tha ngay hôm sau tang lễ Stalin nhân sinh nhật Molotov, 9-3. Beria ra lệnh xét lại vụ Eitingon và Raikhman và nhanh chóng rũ bỏ hết các hình thức cần thiết để giải phóng họ.

Sau này Eitingon kể với tôi là ông không chờ điều gì tốt lành khi sau cái chết của Stalin mà ông chưa biết, ông bị gọi gấp điều tra viên. Ông kinh ngạc khi thấy ở đó Goglidze và Kobulov, người bị đuổi khỏi cơ quan an ninh 7 năm về trước. Ông hiểu ngay đã có những thay đổi lớn. Ông chỉ được hỏi một câu: sau khi được trả tự do ông còn sẵn sàng làm việc hay không? Ông cảm thấy mệt mỏi, nhưng chữa bệnh xong ông sẵn sàng làm việc. Sau đó Kobulov nói với Eitingon là Stalin đã chết, Beria vừa được cử làm bộ trưởng MVD mở rộng, và ông ta, Kobulov - thứ trưởng phụ trách công tác điều tra và phản gián. Kobulov hứa sẽ nhanh chóng thả Eitingon, và nói rằng Riumin đang ngồi tù vì các tội đã phạm; còn Beria, trở thành bộ trưởng, bằng mệnh lệnh đầu tiên đã cấm đánh và tra tấn những người bị điều tra tại Lubianka và Lefortovo.

Sau đó Kobulov gọi lính gác đưa Eitingon về chỗ, lính gác muốn nịnh Kobulov, quất Eitingon quất tay sau lưng. Kobulov lập tức cắt ngang lời cậu ta và ra lệnh xử sự với Eitingon như với một thiếu tướng an ninh, vì ông không còn bị điều tra nữa. Điều đó cuối cùng thuyết phục được Eitingon rằng mọi thứ đang diễn ra không phải là một trò chơi.

Beria ra lệnh cho tôi và các tướng khác kiểm tra những lời buộc tội được dựng lên về âm mưu Do Thái. Tôi kinh ngạc nhất là việc Jemtsujina, vợ Molotov, người đầu như thiết lập các tiếp xúc mật qua Mikhoels và các cốt cán Do Thái với anh trai ở Mỹ. Thư của bà không dính dáng một chút nào đến chính trị. Là sĩ quan tình báo tôi hiểu ngay rằng ban lãnh đạo cho phép bà viết thư đó để tạo lập kênh bí mật liên hệ với các tổ chức Do Thái. Tôi không thể tưởng tượng Jemtsujina có thể viết nổi lá thư tương tự mà không có sự cho phép. Cuối cùng tôi bắt đầu bàn bạc với Beria vai trò mà Jemtsujina có thể đóng trong việc phục hồi các tiếp xúc không chính thức với cộng đồng Do Thái thế giới, ông cắt ngang tôi, nói rằng vấn đề này trong các chiến dịch tình báo đã khép lại vĩnh viễn.

Thay vào đó ông chỉ ra Maixky, theo lời ông, là ứng cử viên lý tưởng và quan trọng hơn nhiều để thực hiện thăm dò các sáng kiến mới của chúng ta ở phương Tây. Ông có thể nối các tiếp xúc cá nhân ở cấp cao để tiến hành đường lối thay đổi của chúng ta sau cái chết của Stalin. Viện sĩ Maixky, cựu đại sứ ta ở London và thứ trưởng Bộ ngoại giao, lúc ấy đã gần 70 tuổi. Có thời ông là một trong những thủ lĩnh mensevich, đối lập Lenin, nhưng muộn hơn đạt được địa vị cực cao trong cơ quan ngoại giao Xô viết. Năm 1952 ông bị buộc tội trong âm mưu Do Thái. Chống lại ông người ta ngụy tạo những lời buộc tội rất ngớ ngẩn: các tổ chức Do Thái ở nước ngoài muốn cử ông làm ngoại trưởng trong chính phủ mới sau khi Abakumov “cướp chính quyền”.

Beria nói với tôi: “Vì anh biết Maixky trong thời gian chiến tranh, trước thời Yalta, còn vợ anh chơi thân với vợ ông ấy, anh phải chuẩn bị để cùng làm việc với ông ấy”.

Chỉ huy phản gián Fedotov, người “xem xét lại” vụ Maixky, khuyên tôi tạm thời chưa nên gặp ông, dừng mọi cuộc tranh cãi quan trọng về ngoại giao và tình báo lại sau vài ba tuần:

“Pavel Anatolievich ạ, ngay buổi gặp đầu tiên với ông ấy khi tôi tuyên bố chính thức: “Ông đang ở chỗ chỉ huy phản gián tướng Fedotov, người được giao xem xét những lời buộc tội vu vơ chống lại ông, và hoàn cảnh bắt giam ông một cách phạm pháp”, ông ấy liền bắt đầu thú nhận là gián điệp của Nhật, rồi của Anh, sau đó là của Mỹ”. Tất nhiên Maixky cố thuyết phục Fedotov nhằm tránh bị đánh đập tra tấn. Ông từ chối tin rằng Stalin đã chết và được mai táng trong Lăng; ông nói đó là sự khiêu khích thường nhật. Theo lệnh Beria, Fedotov chuyển ông từ xà lim về phòng nghỉ sau văn phòng mình, nơi Maixky có thể gặp vợ và ông được xem những thước phim về đám tang Stalin.

Ba tuần hoãn suýt trở thành định mệnh, vì vụ Maixky chưa khép lại, khác với những vụ khác vào tháng 5-1953. Khi người ta bắt Beria, Maixky người mà Malenkov và Molotov có quan hệ xấu, đang sống ở Lubianka với vợ, trong căn phòng phía sau văn phòng Fedotov. Giờ đây người ta buộc Maixky vào tội âm mưu với Beria với mục đích trở thành bộ trưởng Ngoại giao và lại bị nhốt vào tù, nơi ông đã bị đứt mạch thần kinh.

Muộn hơn, vợ tôi gặp vợ ông tại phòng tiếp tân ở Butyrk, nơi cả Maixky và tôi đang ngồi tù, bà nói bà đang sống như trong thần thoại - dù tiền của Maixky và toàn bộ tín phiếu bị tịch thu, nhưng tín phiếu riêng của bà vẫn còn, và một trong số tín phiếu trúng thưởng - 50.000 rúp (lúc ấy 1 rúp = 4 đôla Mỹ). Khi bà gặp vợ tôi trong tù nơi cả hai đến đưa thức ăn cho chồng, bà Maixkaia không thể nhớ lại ngay họ đã gặp nhau ở đâu. Vợ tôi phải nhắc là họ gặp nhau tại nhà Emelian Iaroxlavsky, không xa biệt thự chúng tôi, và tại căn hộ của Iaroxlavsky ở trung tâm Moskva.

Ở trong tù 4 năm, cuối cùng Maixky ra trước Tòa án tối cao theo cáo buộc ủng hộ Beria tiếm quyền và giữ liên lạc giữa Beria và tình báo Anh. Maixky phủ nhận mọi lời buộc tội, và hội đồng tòa án quân sự không tìm được chứng cứ nào buộc tội ông. Cuối cùng ông bị kết án 10 năm tù còn sau đó được ân xá. Mãi đến 1964 ông mới được minh oan.

Viện sĩ Maixky công bố những hồi ký của mình, không một lần gọi đến những vụ phiêu lưu và sự làm quen đầy khắc nghiệt trong nhà tù Xô viết.

Vụ án âm mưu Do Thái tại các cơ quan an ninh cuối cùng đã khép lại vào giữa tháng 5-1953, khi người ta thả Andrei Xverdlov và Matuxov, những cán bộ có trách nhiệm của MGB. Beria cử Xverdlov làm trưởng phòng điều tra và kiểm tra các thư nặc danh. Đồng nghiệp anh, Matuxov, từ ghi chép của ông ta có thể biết được tư liệu thú vị những cuộc thanh trừng từ 1930 đến 1950, được tha năm 1953, nhưng không được phục hồi công tác. Ông mất cuối những năm 60. Vợ tôi nhờ tư vấn của ông để củng cố những yêu cầu giải phóng cho tôi. Matuxov nhanh chóng bị khai trừ khỏi Đảng và bị tước mất tiền hưu của MGB do dính líu với các vụ thanh trừng. Dựa vào sự ủng hộ của Xverdlov, ông không ngừng khiếu nại tới BCH TƯ ĐCS Liên Xô.

Năm 1963 Xerdiuk, thân cận của Khrusev, phó chủ tịch Ủy ban kiểm tra đảng, cho gọi Matuxov và Xverdlov, yêu cầu họ ngừng viết thư lên BCH TƯ, nếu không, đảng sẽ trừng trị cả hai người vì tội tung tin nhảm, và hơn nữa, vì sự săn đuổi phạm pháp nhà văn danh tiếng Alexandr Xoljenitsyn.

Xverdlov và Matuxov phản đối quyết liệt, khẳng định rằng họ không ngụy tạo vụ đó. Bức

thư của Xoljenitsun phê phán hệ thống Xô viết và bản thân Stalin vì những thất bại chiến sự, được kiểm duyệt quân đội bắt được trong chiến tranh, và nó đã khởi xướng vụ án chống Xoljenitsun. Trong điều kiện chiến tranh sự chỉ trích lãnh đạo quân sự được đánh giá ít nhất là đáng ngờ. Xerdiuk ngắt lời họ và nói rằng, xét theo các chứng cứ có ở Ban kiểm tra đảng, Xoljenitsun luôn luôn là một người theo Lenin kiên định, và cho họ xem bức thư mà Xoljenitsun gửi Khrusev.

Xverdlov bị cảnh cáo đảng, nhưng tiếp tục làm cán bộ khoa học trong trường đảng Mác-Lenin trực thuộc BCHTU' ĐCS Liên Xô, nơi ông được chuyển đến sau việc bắt giam Beria. Còn Matuxov bị khai trừ khỏi đảng "vĩnh viễn". Đó là điều được công bố và không bao giờ được xem xét lại, nhưng ông được để yên và cho phép hoạt động văn học. Cùng với Xverdlov họ viết được một loạt truyện trinh thám.

Abakumov không được tha. Beria và Malenkov thù ông ta. Ông bị buộc tội ngụy tạo vụ Jemtsujina. Lúc ấy Abakumov không làm tôi quan tâm, tôi có lý do để không thích ông ta, nhưng tôi biết từ Raikhman, rằng Abakumov phủ nhận mọi lời buộc tội gắn ông với âm mưu Do Thái, bất chấp Riumin tra tấn ông rất dã man. Raikhman kể với tôi rằng ông xử sự như một người đàn ông chân chính. Năm 1990 tôi bị gọi làm nhân chứng, khi vụ án của ông được xem xét lại bởi Viên công tố quân sự; tôi đã thay đổi ý kiến về ông, dù ông có gây nên những tội ác nào đi nữa, ông cũng đã trả nợ trọn vẹn ở trong tù. Nhờ sự cứng rắn và lòng dũng cảm của ông, vào tháng 3 và tháng 4-1953 mới có khả năng giải thoát nhanh tất cả những người bị bắt dính vào cái gọi là âm mưu, bởi chính Abakumov bị buộc tội là thủ lĩnh của nó.

Thế nhưng Beria và Malenkov quyết định kết liễu Abakumov. Tại cuộc họp trong văn phòng mình Beria tuyên bố rằng, dù những lời buộc tội Abakumov là thiếu cơ sở, nhưng dù sao ông ta vẫn đang bị điều tra vì sự tiêu tán các phương tiện của chính phủ, sự lạm dụng, và nghiêm trọng hơn, vì sự ngụy tạo vụ án chống lại ban lãnh đạo cũ của Bộ công nghiệp hàng không, bộ chỉ huy Không quân, chống Polina Jemtsujina, vì sự sát hại Mikhoels.

Ngày 23-3-1953 khi người ta vừa tha Eitingon, lập tức ông liền được đưa vào bệnh viện vì loét dạ dày và suy kiệt. Ông nhờ tôi thúc đẩy nhanh việc giải phóng Xonia em gái ông, người bị bắt cùng ông năm 1951 và bị kết án 10 năm tù giam "vì khước từ chữa bệnh cho người Nga và ủng hộ âm mưu Do Thái". Tôi lợi dụng buổi gặp Beria tiếp theo để chuyển thư của Eitingon xin cho em gái. Rất may cho Xonia, thứ trưởng thứ nhất của Beria Kruglov lúc ấy có trong văn phòng Beria. Khi tôi định giải thích vấn đề, Beria cắt ngang tôi, chuyển thư cho Kruglov mà không ký nó, và nói: "Ngay lập tức giải phóng cho cô ấy".

Tôi theo sau Kruglov đến văn phòng ông ta, nơi ông đọc một đề nghị ngăn gửi Tòa án tối cao:

"Sự kiểm tra của Bộ Nội vụ những lời buộc tội chống lại Xonia Ixakovna Eitingon cho thấy rằng vụ án được ngụy tạo, còn các chứng cứ là giả trá. MVD đề nghị Tòa án tối cao hủy bỏ bản án, ngừng vụ án chống lại Eitingon X.I, do thiếu thành phần tội phạm". Chữ ký: "X.Kruglov, thứ trưởng Bộ Nội vụ Liên Xô".

Tôi theo dõi để bức thư được chuyển đến Tòa án tối cao, và cố đẩy nhanh các hình

thức cần thiết để giải phóng Xonia. Xác định của Tòa án tối cao mãi ba tuần sau mới được ký, và cần thêm một tuần để ban quản lý trại giam nhận được nó. Tôi trực tiếp gọi điện thoại cho trưởng trại, đề nghị tha nhanh cô, nhưng ông ta đáp rằng cô đang trong bệnh viện và người ta sẽ làm phẫu thuật cho cô. Lợi dụng địa vị của mình, tôi ra lệnh lập tức cho cô xuất trại và chuyển đến bệnh viện địa phương ngay khi phẫu thuật xong.

Cô gặp may là Kruglov chứ không phải Beria ký bức thư về sự giải phóng của cô. Sau mấy tuần Beria bị bắt, và chỉ thị của ông trên bức thư hẳn sẽ không cho cô ra khỏi tù ít nhất cũng hai năm nữa, khi người ta tha cả những tù nhân khác hết hạn theo những lời buộc tội vụ âm mưu Do Thái. Vụ Xonia là một trong những ân xá đầu tiên của Beria tiến hành ngay sau khi Stalin chết.

Tất nhiên rõ ràng thậm chí làn sóng này có vẻ như sự sửa sai những lầm lẫn quá khứ, vẫn được đẩy lên bởi những kế hoạch đầy tham vọng của Beria.

Điều lệ mới của ĐCS được phê chuẩn tại đại hội XIX ĐCS Liên Xô năm 1952 trước cái chết của Stalin. Theo Điều lệ này chỉ có một cơ quan lãnh đạo - Đoàn chủ tịch BCHTU' mở rộng gồm 25 người có cả các kỳ cựu - Molotov, Kaganovich và Vorosilov - và những người tương đối trẻ như Brejnev, Tsexnokov và Xuxlov. Thế nhưng quyền lực thực tế tập trung vào Văn phòng Đoàn chủ tịch được bầu tại hội nghị cuối của BCHTU' do Stalin chủ tọa vào tháng 10-1952. Trong Văn phòng có Stalin, Malenkov, Beria, Khrusev, Vorosilov, Kaganovich, Bulganin, Xaburov, Pervukhin. Molotov và Mikoian, những kỳ cựu có uy tín không được vào, đến lúc đó họ đã bị tước quyền lực.

Tại hội nghị BCHTU' ngày 2-4-1953, chưa đầy một tháng sau khi Stalin chết, Beria công bố rằng Stalin và Ignatiev lạm dụng quyền lực khi dựng lên "vụ các bác sĩ".

Ignatiev là người của Malenkov. Việc loại bỏ ông ta là ủy viên trung ương phụ trách an ninh là vừa lòng Beria và Khrusev, nhưng không vừa lòng Malenkov, người mất đi chỗ dựa trong Ban bí thư TW đảng. Đối với Malenkov điều đó càng đặc biệt nguy hiểm vì tháng 4-1953 ông rời khỏi bộ máy BCHTU' khi bị giải phóng khỏi chức vụ bí thư BCHTU'.

Không đi sâu vào đánh giá động cơ các sáng kiến của Beria vào tháng 4 tháng 6-1953, không thể không thừa nhận rằng trong các đề nghị của ông về hủy bỏ các trại giam của MVD, thả tù chính trị, bình thường hoá quan hệ với Nam Tư, chứa đựng tất cả những biện pháp "thủ tiêu tệ sùng bái cá nhân" được Khrusev thực hiện trong những năm "băng tan".

Trong thời gian những năm cuối đời Stalin, Khrusev lợi dụng liên minh với Malenkov và Beria để tăng ảnh hưởng của mình trong đảng và nhà nước. Giành chiến thắng trước những kẻ cạnh tranh nhờ các mưu mô, ông ta bố trí người của mình vào những vị trí có ảnh hưởng: các thứ trưởng MGB-MVD Xerov, Xavtsenko, Riakhnoi và Episev. Ba người đầu làm việc với ông ta ở Ucraina, người thứ tư phục vụ dưới trướng ông ta, khi ông ta là bí thư tỉnh ủy Ôđecxa và Kharkov.

Lập tức sau Hội nghị BCHTU', Malenkov mất đi vị trí lãnh đạo trong đảng, dù ông vẫn tập trung quyền lực lớn trong tay như người đứng đầu chính phủ, nhưng thực tế ông đã rời xa sự kiểm soát tình hình trong các tỉnh và các nước cộng hòa. Ở Moskva, Malenkov bị mất chỗ dựa vào các nhà lãnh đạo tỉnh, thành ra như con tin "bị cầm tù" của các ủy viên Đoàn

chủ tịch BCHTU' trong Hội đồng bộ trưởng.

Như thế, giờ đây vị trí của ông ta trong ban lãnh đạo hoàn toàn phụ thuộc vào liên minh với Beria. Ông không hiểu điều đó và phóng đại uy tín của mình, vẫn cứ còn nghĩ rằng ông là người thứ hai trong Đảng và nhà nước, sau Stalin, và tất cả những gì xoay quanh ông, kể cả Đoàn chủ tịch BCHTU', luôn chỉ mong có quan hệ tốt với ông. Thế nhưng sau cái chết của Stalin, sự hành xử của các thành viên ban lãnh đạo Xô viết trở nên độc lập hơn, và mỗi người đều muốn đóng vai của mình. Như thế, nảy sinh hoàn cảnh mới mở đường cho Khrusev leo lên đỉnh cao quyền lực.

CHƯƠNG 12

ÂM MƯU CHỐNG BERIA VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA ÔNG

1. Những sáng kiến của Beria trong đường lối đối nội và đối ngoại sau cái chết của Stalin

Trong vòng một ngày sau cái chết của Stalin Bộ An ninh và Bộ Nội vụ được thống nhất dưới sự lãnh đạo chung của Beria. Ngày 10-3-1953 trong Bộ đã thành lập bốn nhóm để kiểm tra và xem xét lại những vụ án bị ngụy tạo: “âm mưu của bọn Do Thái và bác sĩ”, “vụ những người Megrel” và “vụ án MGB”.

Beria giải phóng các bác sĩ và đề nghị minh oan cho các thành viên Ủy ban Do Thái chống phát xít bị xử bắn, nhưng bị Khrusev và Malenkov thoái thác. 2-4-1953 Beria gửi Hội đồng bộ trưởng Liên Xô bản báo cáo trong đó nói rằng Mikhoels bị vu khống và bị giết một cách tàn bạo theo lệnh Stalin bởi một nhóm cán bộ MGB đứng đầu là Ogolsov và Tsanava, trong đó còn 5 cán bộ tác chiến nữa. Ông đề nghị hủy bỏ Sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô về tặng thưởng huân chương cho những người đó, còn bắt giữ Ogolsov và Tsanava như những kẻ thi hành hành động độc ác theo cáo tội giết người.

Tsanava bị bắt theo lệnh Beria vì thủ tiêu Mikhoels vào tháng 4-1953, đã biến thành, khi đang trong tù, “thành viên bè lũ Beria”, và chết trong tù không đợi được đến ngày xử án.

Ogolsov và nhóm ông ta bị thu lại huân chương, nhưng không phải ra toà.

Nhân thể nói thêm, tại Đoàn chủ tịch BCHTU, Beria phát biểu và trình lên để thảo luận đề án ân xá rộng các tù phạm chính trị. Thế nhưng đề nghị của ông không được phê chuẩn. Sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô về ân xá liên quan tới tất cả mọi đối tượng, kể cả tù chính trị bị kết án thời hạn đến 5 năm tù. Đó là một quyết định không suy nghĩ kỹ: hơn một triệu tù hình sự, kẻ trộm, cưỡng dâm, lừa đảo, du côn, cùng lúc được thả khỏi các trại giam. Thành phố và làng mạc đầy rẫy sự trộm cướp và phá phách, tình cảnh trở nên nguy hiểm và căng thẳng. Liên quan đến việc này Beria chuyển bộ máy của Bộ sang chế độ làm việc tăng cường, ra lệnh cho các phó của mình và các cục trưởng bảo đảm trật tự công cộng ở thủ đô. Trật tự nhanh chóng được thiết lập lại, nhưng tình trạng lộn xộn đã làm lung lay uy tín của Beria. Beria còn có quyết định chuyển trại giam từ MVD cho Bộ Tư pháp và đặt vấn đề giải tán nó. Sau việc bắt giữ Beria quyết định này bị thay đổi.

Tại Hội nghị tháng 6-1953 của BCHTU Beria bị buộc tội có ý đồ chuyển quyền lực thực tế từ BCHTU đảng sang Hội đồng bộ trưởng. Hiện giờ người ta gán các kế hoạch cải cách cơ cấu chính quyền của ông với điều đó.

Tháng 4-1953 trong cách xử sự của Beria tôi nhận thấy có những thay đổi: khi trò chuyện trước mặt tôi (đôi khi cả trước một số sĩ quan an ninh cao cấp khác) với Malenkov, Bulganin và Khrusev, ông công khai chỉ trích các thành viên Đoàn chủ tịch BCHTU đảng, nói với họ một cách dễ dãi câu chuyện tởn tởn. Có lần trước mặt cục trưởng phản gián tư tưởng Xazurkin, ông nhắc lại đã cứu Ilia Erenburg khỏi cơn giận của Stalin như thế nào. Theo lời ông, năm 1939 ông nhận lệnh Stalin bắt giữ Erenburg khi ông kia từ Pháp trở về. Tại Lubianka Beria nhận được báo cáo của Vaxilevsky nhóm trưởng tình báo ở Paris, trong đó

đánh giá cao đóng góp chính trị của Erenburg trong sự phát triển quan hệ Xô-Pháp và hoạt động chống phát xít của ông ta. Thay vào chỗ thực hiện mệnh lệnh, ở lần gặp tiếp Beria đưa Stalin xem bức điện của Vaxilevsky. Đáp lại Stalin lầm bầm:

- Thôi được, nếu anh đã thích tên Do Thái ấy đến thế thì cứ làm việc tiếp với hắn.

Có lần ghé vào văn phòng Beria, tôi nghe ông tranh cãi với Khrusev:

- Nghe này, chính cậu đề nghị tôi tìm biện pháp tiêu diệt Bandera, thế mà bây giờ cái BCHTU' của các cậu lại cản trở đề cử ở MVD những cán bộ chuyên nghiệp về đấu tranh với dân tộc chủ nghĩa. Trước kia không bao giờ ông cho phép bản thân một sự phóng túng như vậy, khi bên cạnh có thuộc cấp của ông.

Mùa xuân 1953 vị trí công tác của tôi là không rõ. Phó của Beria B. Kobulov muốn cử tôi làm trưởng thanh tra MVD, tức phụ trách việc thi hành mệnh lệnh và chỉ dẫn của bộ máy trung tâm đối với tất cả các cơ quan an ninh Liên bang. Tôi không ưng điều này, vì gánh nặng quá lớn. Kruglov thứ trưởng thứ nhất thay vào đó đề nghị để tôi và Eitingon, khi vẫn giữ chức vụ ở Văn phòng tình báo và công tác phá hoại, được cử làm cục phó cục phản gián tư tưởng vừa thành lập.

Tôi đồng ý nhưng chưa bắt đầu công việc mới. Chưa qua một tuần, Beria đề nghị tôi thay Tổng cục trưởng Tổng cục phản gián tình báo Fedotov. Thế nhưng ngày hôm sau, khi tôi và Fedotov đến văn phòng Beria, Kobulov bất ngờ đề cử tôi làm bộ trưởng Bộ Nội vụ Ucraina; sau đó nói, có lẽ nên phái tôi làm đại diện đặc quyền của MVD phụ trách nước Đức để có thể sống một thời gian trong điều kiện khá hơn. Biết B. Kobulov là nghệ nhân lớn về các âm mưu, tôi đáp không thể tiếp nhận những đề nghị này vì lý do cá nhân. Tôi viện ra sức khỏe kém của vợ và nêu ứng cử viên có thể cho công tác về nước Đức là Amalak Kobulov thời gian ấy là cục trưởng Cục phụ trách các việc tù binh của MVD.

Tôi nghĩ B. Kobulov muốn thoát khỏi tôi trong bộ máy trung tâm của Bộ, vì tôi biết quá nhiều về những chiến dịch mà ông ta và Beria tiến hành chống người lưu vong Gruzia ở Paris. Tôi cũng biết rằng cháu vợ Beria, tên là Savdia, bị quân Đức bắt và hoạt động với tư cách điệp viên hai mang của ta khi cộng tác với Gestapo ở Paris. Năm 1945 anh ta trở về Moskva, còn sau đó về Tbilisi. Năm 1951 Stalin ra lệnh bắt giam anh ta vì cộng tác với Đức và như một kẻ dân tộc chủ nghĩa Megrel, bị kết án 20 năm tù giam. Beria không giải thoát cho anh ta, nhưng mối liên hệ gia đình với kẻ tội phạm bị xử vẫn là dấu đen trong lý lịch ông và tiềm ẩn hiểm họa.

Beria đồng tình rằng tôi không nên rời khỏi Moskva. Trong vòng một tuần tôi nhận sự cất nhắc vào chức vụ phụ trách Ban 9 mới của MVD trực thuộc bộ trưởng. Ban này được biết hơn với tên Văn phòng các nhiệm vụ đặc biệt, phải có trong tay một binh đoàn quân đặc nhiệm để tiến hành các chiến dịch phá hoại ở nước ngoài. Dù không ai nói thẳng về tính chất các nhiệm vụ mà binh đoàn phải thi hành, nhiệm vụ mới của tôi phù hợp với giới thiệu của Stalin nêu lên trước kia - thực tế tôi trở thành phó Tổng cục trưởng Tổng cục tình báo - phản gián an ninh quốc gia và nhận được khả năng huy động tất cả mọi lực lượng và phương tiện của tình báo trong trường hợp khẩn cấp.

Sau khi Stalin chết, chúng tôi bắt đầu xem xét lại những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác

ở nước ngoài và trong nước. Beria nắm sáng kiến vào tay mình.

Tôi thuộc số người được ông giao chuẩn bị báo cáo với sự liệt kê chi tiết và phân tích các sai lầm đã có của các tổ chức đảng và cơ quan an ninh trong cuộc đấu tranh với hoạt động bí mật của phe dân tộc chủ nghĩa ở Litva và Ucraina. Beria cho là cần thiết giới thiệu các cán bộ địa phương vào các chức vụ lãnh đạo, còn chức phó thì dành cho người thuộc những dân tộc Xlavor. Beria cố đòi hỏi cho sự phát triển các truyền thống dân tộc trong lĩnh vực văn hoá và ngôn ngữ. Nói riêng, ông quan tâm vấn đề giáo dục giới trí thức trẻ dân tộc mà đối với họ các lý tưởng xã hội chủ nghĩa là gần gũi.

Tiếc rằng, vào lúc chuẩn bị báo cáo về những sai lầm trong đường lối dân tộc, ở Ucraina, đã bùng lên đụng độ giữa bộ trưởng Bộ Nội vụ Ucrainai vừa được cử Mesik với các quan chức đảng địa phương cũng như các cán bộ MVD Ucraina. Mesik tìm mọi cách đūổi việc người quen của Khrusev là Xtrokats, người năm 1941 bị sa thải khỏi an ninh vì không tổ chức chuyển được một phần hồ sơ lưu trữ của NKVD, khi quân Đức bao vây Kiev. Thêm nữa, Mesik không hòa hợp với các lãnh đạo đảng Ucraina Xerdiuk và Selext. Xerdiuk định lấy tòa nhà dành làm nhà trẻ cho con em MVD: ông ta thích biệt thự này tại Lơvov. Xerdiuk phái trợ lý đến nhà trẻ, nhưng Mesik đã cấ đội bảo vệ canh giữ. Selext, lúc ấy là bí thư thành uỷ Kiev, lấy cho bản thân chiếc canô của thanh tra cứu hoả để đi săn và không trả lại. Mesik báo cáo điều đó cho MVD và chính phủ. Dù tại cuộc họp BCHTU' Ucraina vẫn nói tiếng Nga, Mesik xác xược nói với mọi người bằng tiếng Ucraina, đề nghị với những người Nga đang bị sốc, kể cả bí thư thứ nhất BCHTU' Melnikov, học tiếng Ucraina.

Mesik tự hào kể với tôi về những cảnh ấy, chứng minh, theo ông ta, về phương hướng đúng đắn trong đường lối dân tộc. Tôi nói với ông ta rằng ông ta là thằng ngốc, nếu gây đụng độ với chính quyền địa phương. Sau đó tôi giới thiệu ông ta với Muzurtsenko có thời là điệp viên ngầm của ta ở Paris và có kinh nghiệm lớn làm việc với những người dân tộc chủ nghĩa Ucraina. Chúng tôi biết rằng ông sẽ biết phân biệt những kẻ khủng bố thật sự với bọn ba hoa và sẽ giúp Mesik tránh những đụng độ không cần thiết.

Muzurtsenko đang ở Moskva khi người ta bắt Beria và Mesik. Bởi ông chưa được phê chuẩn chức vụ mới thứ trưởng Bộ Nội vụ Ucraina nên ông được cứu thoát khỏi sự bắt bớ. Và ông không xuất hiện ở cơ quan an ninh nữa và phục hồi lại công việc cũ tại MONIKI. Hai lần viện công tố hỏi ông liên quan đến kế hoạch dường như của Mesik phục hồi dân tộc chủ nghĩa tư sản. Nhưng ông đủ kinh nghiệm và đáp là không biết gì, bởi chưa bắt tay vào công việc.

Abakumov suốt thời gian đó vẫn ngồi tù, dù hầu hết cán bộ an ninh đã được tha, trừ phụ trách ban thư ký của ông ta và các lãnh đạo Bộ phận điều tra về các vụ đặc biệt quan trọng của XMERS và của cựu MGB.

Beria cũng đặt chấm hết cho cái được gọi là “vụ án Mrgrel” bắt đầu từ hai năm trước theo lệnh Stalin. Ông tha các bí thư BCHTU' ĐCS Gruzia Barami và Saria và cựu bộ trưởng an ninh Rapava, người bắt chấp sự tra tấn, vẫn không lay chuyển và không chịu khai dối trá. Thế nhưng nhà tổ chức chính của “vụ Megrel” Rukhadze mà theo chỉ thị của Stalin ngụy tạo ra nó, cũng như lấp thiết bị nghe trộm tại nhà và biệt thự của Beria và mẹ ông ở Abkhazia và Tbilixi, vẫn ở trong tù.

Khrusev giúp Beria đặt dấu chấm hết trong “vụ Megrel”, bằng quyết định của BCHTU’ ĐCS Liên Xô. Beria tự đi Tbilixi, sau khi từ tổ chức đảng Gruzia được gỡ bỏ lời buộc tội vì tính dân tộc chủ nghĩa. Mgeladze, đối thủ chính của Beria, kể bày những mưu mô chống lại ông, bị truất chức bí thư thứ nhất BCHTU’ ĐCS Gruzia. Được sự ban phép của Khrusev, Beria đặt cựu phụ trách ban thư ký của mình ở Moskva, Mamulov, lên vị trí ủy viên Bộ Chính trị phụ trách tổ chức cán bộ ĐCS Gruzia. Trong đảng của nước cộng hòa diễn ra sự thanh lọc rộng khắp. Muộn hơn Mamulov kể với tôi rằng không phải Beria mà Khrusev giao cho ông ta tiến hành chiến dịch không đổ máu này không có bất bớ. Sự mỉa mai của số phận là ở chỗ Mamulov cần phải xử trí những người đã lừa dối Stalin và viết thư vu khống gửi Moskva về mối liên hệ của Beria và Malenkov với phái mensevich và dân tộc chủ nghĩa Gruzia, dù chính Stalin ra những mệnh lệnh như thế bằng tiếng Gruzia để có tài liệu bôi nhọ Beria. Muộn hơn chúng tôi biết rằng Stalin, Rukhadze và Mgeladze thảo luận bên bàn ăn nội dung những bản chỉ điểm này.

Nguồn gốc Megrel của Beria lúc đầu cản trở ông trong sự nghiệp, cuối cùng trở thành định mệnh. Tình bạn chân tình của Beria với Malenkov đã kết thúc vào tháng 5-1953. Nhà viết kịch nổi tiếng Mdivani trực tiếp biết Beria, đã trao cho Liudvigov phụ trách ban thư ký của Beria một bức thư trong đó buộc tội Malenkov vừa trở thành chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô, rằng trong báo cáo của mình tại đại hội đảng lần thứ XIX dường như ông ta đã sử dụng tài liệu từ bài phát biểu của Bulugin bộ trưởng Nội vụ sa hoàng trong Duma quốc gia khi nói rằng cần những Gogol và Sedrin mới để nâng tinh thần xã hội. Vào thời kỳ cạnh tranh gay gắt ấy thì lời buộc tội này là đáng kể. Beria bức tức ra lệnh hủy bức thư này và ngừng giao tiếp với “kẻ lừa dối Gruzia”. Thế nhưng bức thư vào tháng 5-1953 từ ban thư ký Beria được chuyển sang ban thư ký Malenkov, tình bạn chân thành của họ đã chấm dứt.

2. Thay đổi phân bổ lực lượng bên trong ban lãnh đạo Kremli vào tháng 4 - tháng 6-1953

Những mưu mô này diễn ra đúng vào thời điểm Beria bắt tay vào thực hiện thêm một sáng kiến, lần này liên quan đến khu vực công tác của tôi. Trong cuộc họp chỉ huy các cơ quan tình báo Bộ Quốc phòng và MVD ông chỉ trích mãnh liệt Riakhov, người phụ trách cuối của tình báo đối ngoại của MVD, người được Khrusev cất nhắc, vì những biện pháp sơ sài và thiếu hiệu quả: các chỉ thị của Stalin về việc trừ khử các thủ lĩnh của giới lưu vong (Kerenxky) và những nhân vật hạng hai, theo lời ông, không có ý nghĩa thực tiễn gì cả.

Beria nói, hiện giờ nhiệm vụ chính là thành lập một cơ sở để tiến hành các chiến dịch tình báo. Ở Đức để làm việc đó cần sử dụng những gì còn lại từ mạng điệp viên “Dàn đồng ca Đỏ” ở Hambourg. Tại các nước giáp ranh với Mỹ, cần tăng cường địa vị của những điệp viên ngầm. Cũng cấp thiết, ông tiếp tục, chuẩn bị nghị quyết của chính phủ giao trách nhiệm cho MVD, Bộ Ngoại giao, TASS và các cơ quan Xô viết khác ở nước ngoài mở rộng sự ủng hộ các chiến dịch của tình báo Xô viết ở nước ngoài.

Ông cũng nhấn mạnh sự hợp lý của việc tồn tại hai cơ quan tình báo song song trong Bộ Nội vụ và trong Bộ Quốc phòng.

Beria cho tôi chỉ thị chuẩn bị trong vòng một tuần cùng với chỉ huy tình báo quân đội, đại tướng Zakharov và nguyên soái Golovanov, tư lệnh không quân chiến đấu tầm xa đặc biệt, báo cáo về các biện pháp vô hiệu hoá ưu thế chiến lược của Mỹ ở trên không và tiến hành phá hoại các cơ sở nguyên tử và chiến lược của Mỹ và NATO. Đã có lệnh trình kế hoạch loại bỏ các cơ sở cung ứng của Không quân và Hải quân Mỹ ở châu Âu. Tuần sau trong gian phòng rộng của Beria ở Kremli nơi diễn ra cuộc họp, thủy sư đô đốc Kuznetsov, Tư lệnh hải quân, cảm ơn Beria đã minh oan cho trợ lý của ông là đô đốc hải quân Gontsarov chết năm 1948 trong thời gian hồi cung. Hầu hết các phó của Kuznetsov bị bắt năm 1948, riêng ông bị hạ chức và được cử làm tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương. Ba năm sau ông gửi thư lên Stalin đề nghị vũ trang lại hạm đội hải quân và xây dựng hạm đội tàu ngầm, chế tạo tàu ngầm nguyên tử. Stalin ủng hộ các đề nghị của Kuznetsov và phục chức cho ông dù các cựu phó của ông vẫn trong tù. Tôi luôn luôn kính trọng Kuznetsov như một tướng lĩnh quân sự tài ba được đánh giá cao trong giới tình báo chúng ta. Và lần này cũng như khắp nơi, Kuznetsov gây không khí tốt cho cuộc họp.

Tôi báo cáo kế hoạch của các mạng điệp viên đặc biệt có thể theo dõi thường xuyên 159 cơ sở chiến lược chủ chốt của phương Tây tại châu Âu và Mỹ. Đô đốc Kuznetsov trình chúng tôi xem xét một phương án hành động khác. Theo ý kiến ông, những chiến dịch đặc biệt và công tác phá hoại phải được soạn thảo phù hợp với đòi hỏi của việc tiến hành chiến tranh hiện đại. Những đợt quân sự hiện giờ không kéo dài, ông nói, chúng phải được kết thúc nhanh và kiên quyết. Kuznetsov đề nghị thảo luận khả năng giáng đòn ngăn chặn, được tính đến khả năng dự trữ hạn chế của chúng ta, để tiêu diệt 3-4 tàu sân bay Mỹ, cho các tàu ngầm ta có ưu thế lớn hơn khi triển khai các chiến dịch chống xâm nhập đường biển của đối phương. Tướng Zakharov sau này là tổng tham mưu trưởng nhận xét rằng, đòn ngăn chặn trước là hoàn toàn mới trong nghệ thuật quân sự và cần nghiên cứu nó một cách nghiêm túc.

Nguyên soái Golovanov không đồng ý với chúng tôi. Ông nhận xét rằng, trong điều kiện chiến tranh, với dự trữ hạn chế, hẳn là hiện thực hơn cho rằng chúng ta sẽ có thể giáng cho đối phương chỉ 1 đến 2 đòn vào các công trình chiến lược. Và trong trường hợp ấy nên tấn công không phải các tàu chiến tại căn cứ của địch, mà trước hết tiêu diệt tại sân bay một phần lực lượng không quân của nó vốn có khả năng giáng đòn hạt nhân xuống các thành phố chúng ta.

Tôi ủng hộ Zakharov, dẫn ra các thí dụ từ thực tiễn thế chiến II và kinh nghiệm không lớn của chúng ta nhận được từ cuộc chiến tranh Triều Tiên, - lúc ấy các mạng tình báo công khai của ta chỉ có khả năng tiến hành theo dõi các căn cứ quân sự của Mỹ ở Viễn Đông. Kinh nghiệm cuộc chiến vừa qua thì nó chỉ hạn chế bằng việc chiếm những cơ sở riêng biệt, cũng như những nhân vật nắm thông tin chiến lược và tác chiến quan trọng nhất. Những đòi hỏi mới trong điều kiện chiến tranh hạt nhân dự tính phải xem xét lại toàn bộ hệ thống các chiến dịch phá hoại của chúng ta. Tôi nói chúng ta cần không chỉ trong việc huấn luyện cá nhân, mà phải huấn luyện những nhóm tấn công được tất cả các mạng điệp viên chủ chốt phối hợp. Nhiệm vụ của họ là tấn công các kho vũ khí hạt nhân hoặc các căn cứ không quân hạt nhân. Tôi cũng chỉ ra kinh nghiệm thế chiến hai và chiến tranh Triều Tiên: sự phá hủy tuyến cung ứng của địch, đặc biệt khi chúng bị kéo dài trên diện lớn, về mặt tác chiến có thể

quan trọng hơn nhiều so với đòn giáng thẳng vào các mục tiêu quân sự. Thực ra, với những đòn đánh trực tiếp có thể gây sự hoảng loạn trong hàng ngũ kẻ thù và bên ngoài có vẻ hiệu quả, nhưng tiêu hủy đường cung ứng là đáng kể hơn, mà tác động sẽ lâu dài hơn. Thêm nữa các căn cứ quân sự được canh phòng tăng cường và khi tấn công chỉ nên tính là sẽ loại khỏi vòng chiến đấu 2-3 công trình mà thôi.

Kế hoạch tôi đưa ra về sử dụng các chiến dịch phá hoại thay cho những cú đánh bởi khả năng hạn chế của không quân và hải quân có vẻ thuyết phục được ban lãnh đạo quân đội. Những người có mặt tại cuộc họp trong văn phòng Beria đã đồng tình với tôi.

Beria nghe tôi chăm chú, nhưng ông chưa hình dung ra cơ quan phá hoại được tổ chức lại với các quyền hạn rộng hơn phải được xây dựng ra sao.

Trong khi thảo luận, tướng Zakharov đề nghị để các chiến dịch phá hoại của các cơ quan đặc biệt tiến hành theo tuyến các quân chủng của lực lượng vũ trang và Bộ Nội vụ. Thế nhưng, theo ý ông, ưu tiên hàng đầu trong công tác điệp viên phải dành cho cơ quan tôi. Cũng trong thời gian đó cần có một nhóm công tác cố định để điều phối trên cấp độ các phó cục trưởng tình báo quân đội, MVD và các cơ quan tình báo không quân và hải quân.

Beria đồng ý và bế mạc cuộc họp. Sau một tháng chúng tôi cần phải trình kế hoạch chi tiết về phối hợp công tác phá hoại ở nước ngoài. Người ta hứa giúp tôi các nguồn dự trữ và cán bộ, đặc biệt là các thẩm định viên trong lĩnh vực vũ trang, chế biến dầu lửa, giao thông và cung ứng.

Ngày hôm sau Beria gọi tôi và Kruglov đến và ra chỉ thị bổ sung biên chế và phương tiện cho tôi. Chúng tôi quyết định thành lập binh đoàn đặc nhiệm để tiến hành phá hoại. Một binh đoàn như thế từng có dưới trướng tôi trong những năm chiến tranh và bị Abakumov giải tán năm 1946. Beria và Kruglov khuyến khích đề nghị của tôi lôi kéo các chuyên gia tình báo và các chiến sĩ du kích làm việc tích cực trong cơ quan. Vaxilevsky, Zarubin và vợ ông, Xerebrianxky, Afanaxiev, Xemenov và Taubman bị sa thải, lại được gọi về Lubianka và giữ các chức vụ cao trong Ban 9 mở rộng của MVD, nhưng ba tháng sau việc bắt giữ tôi, họ lại bị đuổi việc, còn Xerebrianxky bị bắt ngay sau tôi và ông mất trong tù. Trong khi đó tôi bàn với nguyên soái Golovanov liên quan đến các khả năng tấn công trên không vào các căn cứ NATO ở Tây Âu. Tôi đề nghị một vụ bay thử của máy bay có khả năng tấn công những căn cứ chiến lược, và kiểm tra xem radar đối phương có phát hiện ra chúng hay không.

Chuyến bay thử chúng tôi thỏa thuận với ban chỉ huy không quân chiến lược. Sĩ quan thông tin của chúng tôi với Bộ tổng tham mưu, theo tôi, đại tá Zimin, đã thông báo về thành công của chiến dịch, còn tôi báo cho Beria. Các tướng Stemenko và Zakharov, như tôi nghe kể, rất có ấn tượng về thành công của chiến dịch tình báo này.

Tháng 5 cùng năm, Beria, sau khi thỏa thuận sơ bộ với Malenkov và Khrusev, đã ra mệnh lệnh chuẩn bị và tiến hành thử quả bom khinh khí đầu tiên.

Ý định của Beria liên quan đến nước Đức và Nam Tư. Ý tưởng thống nhất nước Đức nói chung không phải của chính Beria: năm 1951 Stalin đã đề nghị thành lập một nước Đức thống nhất có tính toán đến quyền lợi của Liên Xô (vấn đề này vẫn được bàn cho đến tận lúc bức tường Berlin được dựng lên năm 1961). Còn trước khi Stalin chết, Ignatiev đã phê

chuẩn sự thăm dò đặc biệt của các cơ quan đặc biệt ở nước ngoài về vấn đề này. Ngay trước ngày lễ 1-5-1953 Beria giao cho tôi chuẩn bị những hoạt động tình báo bí mật để thăm dò khả năng thống nhất nước Đức. Ông nói với tôi rằng nước Đức thống nhất trung lập với chính phủ liên hiệp sẽ củng cố địa vị của chúng ta trên thế giới. Đông Đức sẽ trở thành như một tỉnh tự trị của nước Đức thống nhất mới. Nước Đức thống nhất sẽ trở thành một khu đệm đặc thù giữa nước Mỹ và Liên Xô mà quyền lợi sẽ đụng chạm ở Tây Âu. Điều đó sẽ là sự nhún nhường từ phía chúng ta, nhưng có thể được giải quyết bằng một khoản tiền bồi thường, dù điều đó có vẻ giống sự phản bội.

Kế hoạch của Beria định trước việc sử dụng các tiếp xúc với Đức của Olga Tsekhova, công tước Ianus Radzivil và các liên hệ của Grigulevich: ở Vatican họ phải tung tin là Liên Xô sẵn sàng tiến đến thỏa hiệp về vấn đề thống nhất nước Đức. Chúng ta cần nắm phản ứng của Vatican và các giới chính trị Mỹ, cũng như những người có uy tín trong giới thân cận của thủ tướng Tây Đức Konrad Adenauer. Sau sự thăm dò đó Beria hi vọng bắt đầu thương thuyết với các cường quốc phương Tây.

Thoạt đầu định kéo vào việc này tướng Utekhin mà Tsekhova có liên hệ riêng theo sự ủy thác của Abakumov vào những năm 1945-1951. Nhưng Utekhin sau một năm rưỡi tù đầy bị đánh đập chưa phục hồi sức lực. Đại tá Zoia Rubkina, chỉ huy phòng nước Đức của Tổng cục tình báo MVD, phải đi Berlin và Vienne tiến hành việc thăm dò thông qua Olga Tsekhova, mà như chúng ta hi vọng, sẽ kéo theo những cuộc thương thuyết, giống như đã xảy ra ở Phần Lan năm 1944. Beria cảnh báo tôi rằng kế hoạch này là siêu bí mật và bộ máy của Molotov, cũng như hết thảy Bộ Ngoại giao, được kéo vào vụ việc chỉ ở giai đoạn hai, khi bắt đầu những cuộc thương lượng.

Các sự kiện ở Đông Đức nhanh chóng tuột khỏi tầm kiểm soát của chúng ta, một phần cũng do sáng kiến của Beria. Tháng 5 chúng tôi gọi tướng Vellveber, bộ trưởng Bộ An ninh Đông Đức, người thông báo cho chúng ta về sự chia rẽ nghiêm trọng trong ban lãnh đạo sau tuyên bố của Ulbricht rằng mục đích chủ yếu của Đông Đức là xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa trên nền chuyên chính vô sản. Tuyên bố của Ulbricht dấy lên những cuộc tranh luận nóng bỏng và làm Moskva lo lắng, bởi cần lưu ý đến dư luận xã hội phương Tây và của các nhà chính trị, cố vấn chính trị của ta bên cạnh Ulbricht, cựu đại sứ ở Trung Quốc, bị khiển trách. Molotov đề nghị để Đoàn chủ tịch BCHTƯ đảng phê chuẩn một quyết định đặc biệt về sai lầm đường lối đẩy nhanh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đức. Nhưng Beria, tiến hành đường lối của mình và đề cao khẩu hiệu nước Đức thống nhất dân chủ và trung lập: nói chung chúng ta không cần một nước Đức xã hội chủ nghĩa không ổn định mà sự tồn tại của nó phụ thuộc hoàn toàn vào sự nâng đỡ của Liên Xô.

Molotov phản đối cực lực, và nhanh chóng được thành lập một Ủy ban gồm Beria, Malenkov và Molotov để soạn thảo đường lối chính trị về Đức. Ủy ban phải chuẩn bị các điều kiện hiệp ước thống nhất nước Đức có lưu ý đến việc kéo dài 10 năm trả bồi thường chiến tranh bằng thiết bị để khôi phục công nghiệp và xây dựng đường ô tô và đường sắt ở Liên Xô, điều hằn cho phép chúng ta giải quyết được vấn đề giao thông và trong trường hợp chiến tranh nhanh chóng ném quân sang châu Âu. Tồn phí chiến tranh được tính khoảng 10 tỷ đôla - cái tổng số mà chúng ta trước kia dự tính nhận bằng hình thức tiền vay

ở các tổ chức Do Thái quốc tế. Kế hoạch xem xét việc củng cố địa vị của ta cả ở Đông Đức lẫn ở Ba Lan, lúc đó đang khủng hoảng kinh tế làm hàng nghìn người Ba Lan chạy sang Tây Đức. Vấn đề về thống nhất nước Đức là cấp thiết, bởi chúng ta buộc phải cung cấp theo giá rẻ nhiên liệu và thực phẩm cả cho Đông Đức và Ba Lan cho đến khi kinh tế nông nghiệp tập thể và phục hồi công nghiệp trong những nước này đem lại những thành quả.

Ngày 5-6-1953, khi lại được cử làm chính ủy tối cao, Xemenov sang Đức để theo dõi việc thực hiện các chỉ thị của Moskva. Ban lãnh đạo Đức xin hai tuần để điều chỉnh đường lối chính trị, nhưng Xemenov thúc giục trả lời nhanh, khi khẳng định rằng Đông Đức sẽ trở thành một tỉnh tự trị trong cơ cấu nước Đức thống nhất. Vì thế bắt đầu từ ngày 5-6, chính phủ Đông Đức hoàn toàn bị tê liệt - loan đi những tin đồn rằng những ngày của Ulbricht đã sắp hết.

Trong khi đó ở Moskva tướng Vollveber và đại tá Fadeikin, nhóm phó tình báo của ta ở Berlin, kể với tôi về sự bất mãn đang tăng ở Đức do những khó khăn kinh tế và sự bất lực của các cơ cấu lãnh đạo. Ulbricht và các nhà lãnh đạo khác của Đông Đức vào đầu tháng 6 bị gọi sang Moskva, nơi họ được thông tin về đường lối chính trị mới của ta trong quan hệ với Đông Đức được phê chuẩn bởi Đoàn chủ tịch BCHTƯ ngày 12-6.

Dù tôi không có mặt ở cuộc gặp gỡ phái đoàn Đông Đức nơi có Beria, Malenkov, Khrusev, Xemenov và tướng Gretsko tư lệnh các đơn vị Xô viết ở Đức, về sau tôi biết rằng Ulbricht cực lực phản đối mạnh kế hoạch của chúng ta. Vì thế Beria, Malenkov và Khrusev quyết định loại bỏ Ulbricht. Đình công nổi lên ở Đông Đức. Người ta nghĩ sai rằng chính phủ Ulbricht không được Moskva ủng hộ và họ sẽ không chống lại người đình công, nhưng khi xảy ra những sự kiện này, Beria đã ra lệnh cho Gretsko và Xemenov lập lại trật tự nhờ lực lượng quân sự. Kết quả bi thảm, hàng nghìn người chết. Beria vẫn chưa thôi nghĩ về sự thống nhất nước Đức. Trình diễn sức mạnh, như ông hi vọng, chỉ tăng các cơ hội thành công trong việc đạt tới thỏa hiệp của phương Tây về tiến trình thống nhất nước Đức một cách hòa bình. Ông cho rằng phương Tây sẽ mất đi ảo tưởng dường như có thể loại bỏ sự hiện diện của Liên Xô ở Đức bằng con đường đấu tranh quần chúng.

Zoia Rubkina sang Berlin thăm dò phản ứng của phương Tây về việc thống nhất nước Đức. Tôi nhận được tin là cô đã nối được liên hệ với Olga Tsekhova, nhưng không kịp báo kết quả với Beria: ngày 26-6 ông bị bắt trong điện Kremli. Tôi lệnh cho Zoia Rubkina về ngay Moskva bằng máy bay quân sự mà không giải thích gì cả.

Nhưng ra lệnh thì dễ, thực hiện mệnh lệnh mới khó. Vấn đề là Gretsko nhận được chỉ dẫn bắt giữ tất cả các cán bộ MVD sang Đức chưa lâu. Amaiak Kobulov, đại diện MVD ở Đức, Goglidze phụ trách phản gián quân đội, sang Đức để ổn định trật tự, liền bị bắt và áp giải về Moskva. Mọi phương tiện liên lạc nằm dưới sự kiểm soát của tướng Gretsko. Rubkina phải xin trực tiếp ông ta giúp bay về Moskva. Rất may viên tướng chưa bao giờ cho phụ nữ là nghiêm túc, thêm nữa cô không báo về nhiệm vụ của mình. Sự bắt giữ Beria lúc ấy còn được giữ bí mật. Cô nói nhận được lệnh về Moskva ngay. Gretsko không biết tôi là ai và người phụ nữ này có thể là ai - đại tá an ninh. Ông ta cho phép cô bay có các sĩ quan tình báo quân đội đi cùng. Cô thật gặp may: các sĩ quan này biết Rubkina với những chuyến đi thường xuyên sang Đức và khuyên được Gretsko không bắt cô. Họ cũng rõ cô là

cán bộ cao cấp của MVD, và cuối cùng, nhiệm vụ mật của cô chỉ được nói miệng và không khẳng định bằng văn bản nào. Ngày 29-6-1953 Đoàn chủ tịch BCHTU' đã hủy bỏ quyết định của mình ngày 12 về vấn đề nước Đức.

Lịch sử cũng xảy ra như thế với Nam Tư. Beria thuyết phục Malenkov về sự cần thiết hòa hảo với Tito. Kế hoạch thủ tiêu Tito bị hủy bỏ, Beria đề nghị cử đại diện của mình, đại tá Fedoxeev để thiết lập tiếp xúc với ban lãnh đạo Nam Tư. Anh ta cần báo với người Nam Tư đường lối mới của Liên Xô nhằm khôi phục hợp tác giữa hai nước. Sự lựa chọn rơi vào Fedoxeev là vì cán bộ tình báo trẻ năng nổ này đã có không ít kinh nghiệm và chưa lâu được cử vào chức vụ phó Tổng cục trưởng Tổng cục tình báo. Tôi biết anh trong những năm chiến tranh khi anh phụ trách cơ quan phản gián trong sở công an Moskva. Từ 1947 anh làm việc tại Ủy ban thông tấn. Bởi anh chưa ra nước ngoài nên các cơ quan đặc biệt nước ngoài không rõ về anh. Beria phê chuẩn anh làm trưởng nhóm tình báo ở Belgrad, còn Malenkov ủng hộ sự lựa chọn này bằng văn bản.

Không biết về nhiệm vụ của Fedoxeev, tôi tiến hành thăm dò song song hướng đến sự thiết lập quan hệ hòa bình với Tito. Điệp viên Grigulevich được gọi về Moskva cũng liên quan đến việc này. Nhưng ý đồ không thành do Beria bị bắt.

Trong các kế hoạch của Beria có sự bố trí lại cán bộ trong lãnh đạo Hungari. Ông đề đạt ứng cử viên thủ tướng là Nagy IMRE. Từ những năm 30 ông này là điệp viên của NKVD (mật danh "Volodia"), và được ban lãnh đạo ta đánh giá cao. Chính vì thế Beria mới đề đạt như thế: không nghi ngờ Nagy IMRE sẽ ngoan ngoãn thực hiện mọi mệnh lệnh của Moskva.

Năm 1956 ông ta lãnh đạo khởi nghĩa ở Hungari. Như muộn hơn tôi nghe kể, ông bị dụ đến điểm hẹn, dường như để có cuộc nói chuyện với đại diện chính phủ Liên Xô. Ông bị bắt bởi nhóm tác chiến KGB đứng đầu là Xerov, Korotkov và Krokhin. Sự cộng tác của Imre Nadi với NKND đóng vai trò định mệnh trong cuộc đời ông.

3. Thanh trừ có chọn lọc với ban lãnh đạo các cơ quan an ninh thời Khrusev

Ngày 26-6-1953 quay về biệt thự từ nơi làm việc, tôi ngạc nhiên thấy một dãy xe tăng chuyển động đầy cả đường lớn, nhưng thầm nghĩ đó là cuộc diễn tập thông thường mà cơ quan cảnh sát giao thông điều phối tới. Ngày hôm sau khi đến Lubianka, lập tức tôi hiểu ra: đã xảy ra gì đó đặc biệt. Không còn bức ảnh Beria treo ở phòng tiếp khách của tôi trên tầng bảy. Sĩ quan trực ban báo cáo rằng một trong số cán bộ ban quản trị đã đem bức ảnh đi mà không giải thích gì. Trong Bộ tình hình vẫn yên tĩnh. Bất chấp những tin đồn lan rộng, không có mệnh lệnh nào về ném các đơn vị MVD về Moskva. Khoảng một giờ sau tôi được gọi đến phòng hội nghị nhỏ nơi đã tập trung tất cả lãnh đạo các Ban, Cục độc lập và các thứ trưởng, trừ Bogdan Kobulov. Kruglov và Xerov ngồi ở vị trí chủ tọa. Kruglov thông báo rằng vì những hoạt động khiêu khích chống chính phủ vào những ngày cuối, theo điều hành của chính phủ Beria đã bị bắt giam, rằng ông được cử làm bộ trưởng Bộ Nội vụ. Kruglov kêu gọi chúng tôi bình tĩnh làm việc và thi hành các mệnh lệnh của ông. Chúng tôi có nghĩa vụ báo cáo riêng với ông về những bước khiêu khích của Beria mà chúng tôi rõ. Xerov cắt ngang lời Kruglov, tuyên bố là ông ta ở lại chức vụ thứ trưởng thứ nhất. Ông ta cũng thông báo về việc bắt giữ B. Kobulov, em trai ông ta Amaiak và cục trưởng phản gián quân đội

Goglidze vì mối liên hệ tội phạm với Beria. Ngoài họ, Xerov nói, đã bắt giam bộ trưởng Bộ Nội vụ Ukraina Mesik, chỉ huy cảnh vệ của Beria là Xarkixov và trưởng ban thư ký của ông là Liudvigov. Tất cả chúng tôi sững sờ. Kruglov vội vã bế mạc cuộc họp, nói rằng sẽ báo cáo với đồng chí Malenkov: Bộ Nội vụ và các đơn vị của nó vẫn trung thành với chính phủ và đảng.

Tôi đi nhanh về văn phòng mình và gọi ngay cho Eitingon. Cả hai chúng tôi rõ ngay, sắp có vụ thanh lọc nghiêm trọng. Thế nhưng chúng tôi vốn ngây thơ đến nỗi cho rằng, dường như Kruglov, khi quyết định số phận các cán bộ lãnh đạo, sẽ lưu ý đến các quyền lợi quốc gia. Hai tháng trước Beria đã mời tôi và Eitingon làm việc dưới sự lãnh đạo của ông, dù chúng tôi không gần gũi với ông đó thôi. Eitingon vốn thực tế hơn tôi. Ông hiểu ngay, đòn giáng đầu tiên sẽ nện xuống đầu các cán bộ người Do Thái mới được phục hồi.

Ngay đó tôi điện thoại gọi bí thư đảng uy Ban 9 đến và thông tin về những gì Kruglov nói với chúng tôi: Beria bị bắt như kẻ thù của nhân dân. Ông ta nhìn tôi với vẻ không tin. Tôi nhắc ông cảnh giác, nhưng giữ bình tĩnh và cảnh báo với các đảng viên để họ đừng phổ biến tin đồn. Kruglov, tôi nói, đòi hỏi giữ bí mật việc bắt giam Beria và đồng đảng của ông cho đến khi đảng thông báo chính thức của chính phủ.

Danh sách những người bị bắt làm tôi lo buồn bởi rơi vào trong đó không chỉ các chỉ huy, mà cả những người thừa hành giản dị như Xarkixov đã bị Beria loại bỏ 3 tuần trước khi ông bị bắt. Sau việc đó Xarkixov được cử vào chức phó trưởng ban những chiến dịch đặc biệt của phản gián trong nước, nhưng trưởng ban đại tá Prudnikov đã không nhận anh ta. Phó của Beria B. Kobulov tuyên bố với Prudnikov, người tham gia chiến tranh du kích, Anh hùng Liên Xô:

- Thứ nhất, cậu là ai để cãi lệnh bộ trưởng, hả? Thứ hai, đừng lo, Xarkixov sắp đi khỏi Moskva. Anh ta không đe dọa danh vọng của cậu đâu.

Tóm lại, rõ ràng Xarkixov không còn được trọng vọng. Điều đó chứng tỏ rằng, quyết định bắt Beria đã được phê chuẩn trước đó, khi Xarkixov còn gần gũi với ông, hoặc được phê duyệt bởi những người không biết rằng Xarkixov đã bị cách chức chỉ huy đội bảo vệ của bộ trưởng.

Beria bị bắt theo lệnh của Malenkov. Thế nhưng tôi không thể tưởng tượng Beria lại có thể chống Malenkov mà ông vốn có quan hệ tin cậy. Ngày 26-6-1953 vừa bắt xong Beria, tất cả các cộng sự của ông biết về bức thư của Mdivani đều bị bắt ngay và tống vào ngục. Chỉ sau khi Khrusev đổ, mười một năm sau họ mới được ân xá.

Không đợi hết ngày làm việc, tôi đi thăm mẹ đang ốm đã hai tuần nằm trong quân y viện. Ban thư ký của Kruglov báo cho tôi về việc này. Gọi điện thoại cho vợ ở biệt thự, tôi thỏa thuận gặp nhau ở trung tâm cùng ăn trưa sau khi vào bệnh viện. Cô đang lo hơn tôi và cho rằng danh sách người bị bắt sẽ bổ sung thêm và nhất thiết tôi sẽ rơi vào số đó. Như chỉ huy một cơ quan đặc biệt quan trọng của Bộ mà Malenkov, Molotov và Khrusev đều biết rõ, tôi không thể thoát khỏi sự chú ý sát sao của họ. Tất cả những gì còn lại đối với chúng tôi là giữ thấp hơn cổ, lặng hơn nước, đừng làm gì và nhanh chóng đưa các con khỏi Kiev. Vợ tôi lập tức gọi cho anh trai tôi, giám đốc nhà máy đồ hộp ở Kiev và yêu cầu cho bọn trẻ về

Moskva ngay lợi dụng các kênh riêng của ông, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không nhờ cơ quan an ninh Ucraina. Cô đánh tiếng về người ông cùng ăn trưa, tức Mesik mà việc bắt giữ còn chưa công bố.

Rất may, ở quân y viện tôi gặp Agaianets, một trong những phụ trách phòng của cục tình báo bộ, người chưa biết chuyện gì đang xảy ra. Trong trường hợp cần thiết anh ta bao giờ cũng có thể khẳng định đích thực tôi đến thăm mẹ ốm.

Tối cùng ngày tôi với vợ ở chỗ chị gái tôi, khi kể với bà về những sự kiện đã xảy ra và về sự bất bớ đang đe dọa chúng tôi. Từ chỗ bà tôi gọi một lần nữa về Kiev để không dùng điện thoại nhà chúng tôi. Anh Grigori nói sẽ gửi bọn trẻ chúng tôi với cô cháu đi Moskva vào ngày mai. Là giám đốc nhà máy ông có quyền đặt vé tàu mà không cần nhờ cậy ai. Chúng tôi quyết định chị gái tôi Hadejda đón các cháu ở ga và đưa chúng về nhà bà, nếu tôi và vợ đã bị bắt. Tôi tin chắc vợ sẽ bị bắt cùng với tôi hoặc ngay sau tôi.

Hai ngày sau em trai tôi Konxtantin, cán bộ cấp thấp trong Sở Nội Vụ Moskva cho tôi một thông tin quan trọng. Vợ chú ấy là nhân viên đánh máy trong ban thư ký của Malenkov và làm việc trong Kremli. Từ Konxtantin tôi biết rằng Beria bị Jukov và mấy vị tướng bắt tại cuộc họp của Đoàn chủ tịch BCHTU' và bị giữ trong boongke ban tham mưu quân khu Moskva. Theo lời cô, ở Kremli vào ngày bắt Beria tình hình rất căng thẳng. Xukhanov trưởng ban thư ký của Malenkov ra lệnh để tất cả các nhân viên trong suốt ba giờ - trong thời gian cuộc họp Đoàn chủ tịch - ở lại chỗ làm việc và không bước ra hành lang. Từ Konxtantin tôi biết rằng trong Kremli (điều vô tiền lệ!) xuất hiện hơn mười vị tướng vũ trang từ Bộ Quốc phòng được gọi đến Đoàn chủ tịch BCHTU' ĐCS Liên Xô. Theo lệnh của Xerov và Kruglov, những thứ trưởng thứ nhất của Beria, đội bảo vệ chính phủ chuyển trực chiến tại Kremli cho họ. Trong số họ có Brejnev, phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân và Hải quân. Còn thêm hai cán bộ MVD bị bắt mà không ai được thông báo: Cục trưởng Cục bảo vệ chính phủ thiếu tướng Kuzmitsev và cục trưởng Cục đặc biệt lưu trữ thống kê "A" thiếu tướng Gertsovxky.

Thông tin của Konxtantin làm tôi lo lắng nghiêm trọng: sự tranh giành quyền lực trong Kremli có quy mô nguy hiểm. Thời Stalin khi vào Kremli bị cấm mang theo vũ khí, duy nhất có đội cảnh vệ mang vũ khí. Bộ trưởng quốc phòng Bulganin đã tạo một tiền lệ thế nào kia, khi dẫn một nhóm sĩ quan và tướng lĩnh vũ trang, bí mật đem theo súng! Các sĩ quan vũ trang không biết về mục đích triệu tập: bộ trưởng Quốc Phòng ra lệnh đến với vũ khí cá nhân mà không giải thích gì cả. Sau này tôi nghe nói nguyên soái Jukov nghe thấy kế hoạch bắt Beria chỉ trước mấy giờ khi điều đó diễn ra.

Liudvigov bị bắt tại cửa sân vận động Dinamo bởi hai sĩ quan cao cấp của cục tác chiến MVD phục sẵn. Họ thông báo chính thức rằng ông đã bị bắt và đưa về nhà tù Butyrrok. Muộn hơn, trong tù, ông kể với tôi rằng cứ ngỡ bị bắt theo lệnh Beria, vì thế đã kinh ngạc khi sau mấy ngày tại nơi hỏi cung các điều tra viên nói với ông rằng ông và Beria bị buộc tội âm mưu chống chính phủ Xô viết. Ông nghĩ phải chăng là sự khiêu khích từ phía Beria để lấy lời khai giả dối nhằm thoát khỏi ông. Sau đó thoáng qua trong ông, vì ông lấy con gái của Mikoian, mà Beria, biết rõ Mikoian và đôi khi cãi cọ với ông ấy, muốn có tài liệu bôi nhọ về ông ấy. Nhưng nhanh chóng các công tố viên thuyết phục được Liudvigov rằng những lời

buộc tội đối với ông và Beria có thể kết thúc bằng xử bắn cả hai người.

Xarkixov bị bắt khi đang nghỉ phép, và anh ta hoàn toàn tin chắc là bị bắt theo lệnh Beria.

Rất rõ ràng, đứng sau vụ đảo chính ở Kremli là Khrusev, và những người của ông ta, không phải Xerov và Kruglov phó của Beria bắt ông, mà là những quân nhân trực tiếp dưới trướng Bulganin, kể như ai cũng rõ, là người của Khrusev. Vào những năm 30 họ làm việc với nhau ở Moskva, Khrusev là bí thư thành uỷ Moskva, còn Bulganin là chủ tịch Xô viết Moskva. Sự kiện Beria bị giam chỗ quân đội chứng tỏ Khrusev đã nắm “vụ án Beria” vào tay mình. Muộn hơn tôi biết rằng các quân nhân theo lệnh Bulganin tiến tới những bước không có tiền lệ, không cho phép Kruglov, bộ trưởng Nội vụ mới hỏi cung Beria. Malenkov về hình thức còn là người đứng đầu chính phủ, dù là ra lệnh bắt Beria, trong thực tế ít có ảnh hưởng đến tiến triển các sự kiện. Vốn là người gần gũi với Beria suốt cả chục năm trước đó, về thực chất, ông cũng đã bị phán quyết.

Những hoài nghi của Khrusev về việc bắt Beria trông có vẻ không đủ sức thuyết phục. Giờ đây đã xác định rằng Beria không hề có âm mưu gì với mục đích cướp quyền hay xoá bỏ sự lãnh đạo tập thể. Đối với điều đó ông không đủ thực lực và sự ủng hộ trong bộ máy đảng và nhà nước. Những sáng kiến ông tiếp nhận chỉ ra rằng ông chỉ muốn tăng thêm ảnh hưởng của mình trong quyết định những vấn đề đối nội và đối ngoại. Beria sử dụng các quan hệ cá nhân với Malenkov và thực tế đặt ông ta vào tình trạng khó khăn, khi bị cách ly khỏi các thành viên khác của Đoàn chủ tịch BCHTƯ. Thế nhưng địa vị của Beria phụ thuộc hoàn toàn vào Malenkov và sự ủng hộ của ông ta. Beria làm Malenkov bức tức: trong liên minh với Khrusev, Beria vội vàng loại bỏ Ignatiev người của Malenkov, chịu trách nhiệm kiểm soát của đảng đối với cơ quan an ninh. Về phần mình, Malenkov đánh giá quá mức sức mạnh của chính mình; ông ta không thấy rằng sự ủng hộ của Beria là quyết định đối với địa vị của ông ta trong Đoàn chủ tịch BCHTƯ. Vấn đề là ở chỗ Beria, Pervukhin, Xaburov và Malenkov đại diện một thể hệ tương đối trẻ trong ban lãnh đạo Xô viết. “Những người già” Molotov, Vorosilov, Mikoian, Kaganovich, bị Stalin tước đi quyền lực vào những năm cầm quyền cuối của ông, - có thái độ thù địch với thể hệ trẻ đến với quyền lực qua những cuộc thanh trừng những năm 30-40 này. Giữa hai nhóm này vào tháng 3 tháng 4-1953 hình thành sự cân bằng mong manh, nhưng uy tín xã hội của lớp thủ lĩnh già cao hơn so với của Malenkov, Khrusev và Beria những người dưới mắt nhân dân vốn chỉ là tay sai của Stalin chứ không phải là những lãnh tụ đáng kính. Khrusev khôn khéo luôn lách giữa hai nhóm này, ông ta ủng hộ Beria để làm suy yếu Malenkov, khi Ignatiev bị vấy bẩn sau thất bại của “vụ các bác sĩ”. Ông ta cũng ủng hộ Beria khi cần tước quyền của Malenkov nhờ chức vụ bí thư BCHTƯ. Giờ đây tôi rõ hoàn toàn là Khrusev lợi dụng đúng lúc sự bất bình trong các nhà lãnh đạo khác do sự tích cực của Beria gây nên để loại bỏ ông. Năm 1952 giải tán chức Tổng bí thư ĐCS Liên Xô, điều đó làm Khrusev thành ủy viên duy nhất của Đoàn chủ tịch BCHTƯ trong số các bí thư BCH. Để đạt được quyền lực cao nhất, ông ta cần trừ khử Malenkov như người đứng đầu chính phủ và BCHTƯ. Để làm được điều đó cần phá vỡ liên minh, Beria-Malenkov vốn bảo đảm cho Malenkov quyền lực thực tế và kiểm soát công tác của bộ máy đảng và nhà nước. Khrusev nhất thiết phải đặt được người trung thành của mình đứng đầu các cơ quan an ninh và viện công tố.

Các tài liệu lưu trữ cho thấy rằng Khrusev sau việc bắt Beria đã có toàn quyền quyết định. Dưới áp lực của ông ta Đoàn chủ tịch BCHTƯ cách chức Tổng công tố Xafonov và đặt vào đó Rudenko, người thân của Khrusev. Vừa được đề cử làm tổng công tố, ngày 29-6-1953 Rudenko được giao điều tra vụ án Beria. Tôi không bao giờ tin việc Beria có âm mưu lật đổ chính phủ, và đến nay càng được khẳng định vì không tìm ra chứng cứ, không những mệnh lệnh hay triển khai các đơn vị để làm đảo chính, thêm nữa, vào lúc ấy Beria đang bận rộn với những phiêu lưu tình ái.

Các lời buộc tội Beria chỉ dựa trên “những sáng kiến phản bội” của ông trong lĩnh vực đường lối dân tộc, những bước nhằm ổn định quan hệ với Nam Tư, và những ý định của ông về thống nhất nước Đức. Người ta buộc tội ông có liên hệ với tình báo Anh: công tố viên kết luận như thế dựa trên lệnh của Beria ngừng điều tra vụ án Maixky, ông còn bị buộc tội ra lệnh chuẩn bị thả bom khinh khí thiếu sự cho phép của BCHTƯ. Thực ra, sau khi bắt ông, chẳng ai thay đổi mệnh lệnh đó, và công việc chuẩn bị vẫn tiến hành suốt cả tháng 6, khi Beria đang ngồi tù, còn vụ thả được tiến hành vào tháng 8.

Một trong những buộc tội chính chống Beria quy lại là trong thời nội chiến, năm 1919 ông là điệp viên của tình báo phái dân tộc chủ nghĩa Muxavat thiết lập những tiếp xúc bí mật với tình báo Anh ở Baku mà nó đã cài ông vào tổ chức bolsevich. Trong cáo buộc khẳng định rằng Beria đã thủ tiêu tất cả các nhân chứng về hành vi phản bội của mình trong nội chiến ở Kavkaz và bôi nhọ ký ức người bolsevich lừng danh Xergo Ordjonikidze, anh hùng của nhân dân Gruzia và người bạn trung thành của Lenin và Stalin.

Muộn hơn, vào những năm 50 cho đến tận cuộc bạo loạn tháng 8-1991, tất cả các nhà lãnh đạo từ Khrusev đến Gorbachov tiếp tục khẳng định rằng Ordjonikidze trở thành nạn nhân của Stalin và Beria do sự dối lập của mình đối với các vụ thanh trừng của Stalin những năm 30. Thế nhưng các tài liệu lưu trữ vẽ ra một bức tranh hoàn toàn khác. Theo lời Mamulov, phụ trách ban thư ký của Beria, Ordjonikidze chuẩn bị và tự tay viết tuyên bố gửi Ủy ban kiểm tra đảng, khẳng định rằng Beria được ĐCS phái vào tổ chức dân tộc chủ nghĩa Azerbaizan nhằm thâm nhập vào cơ quan đặc biệt của chúng. Có những tài liệu chứng tỏ những đụng độ cá nhân giữa Ordjonikidze với Stalin, nhưng không có chứng cứ gì của việc ông chống lại các vụ bắt bớ và thanh trừng.

Tháng 1-1991 trên tạp chí *Tin tức* của BCHTƯ ĐCS Liên Xô bắt ngờ đăng biên bản Hội nghị BCHTƯ về vụ án Beria. Các phát biểu tại Hội nghị của Molotov, Malenkov, Khrusev, Mikoian và những người khác cho thấy rằng những lời buộc tội chống Beria chỉ dựa trên những lời đồn đại do chính họ tung ra. Biên bản không chứa những chứng cứ trực tiếp nào, thế nhưng đầy rẫy những nhận xét không xác định: “Tôi nghĩ”, “Ngay từ đầu tôi đã không tin ông ta”, kiểu như thế.

Theo sau việc bắt Beria, cuối tháng 6 hay đầu tháng 7-1953, Malenkov cử bí thư BCHTƯ đảng Satalin kiêm nhiệm chức thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ, giao cho ông ta phụ trách tình báo đối ngoại. Tôi lập tức báo cáo với ông ta về công việc của mình nhằm chống lại các căn cứ chiến lược Mỹ, và yêu cầu những chỉ thị tiếp theo, chỉ ra rằng tôi lo những công việc nghiêm túc, chứ không phải mưu mô của những nhà cầm quyền. Tôi đề nghị ông ta cho phép tiếp tục nghiên cứu khả năng chiến đấu của các lực lượng NATO. Đáp lại ông

ta tuyên bố:

- Tôi ở đây không phải để quyết định gì đó. Và tôi cũng không định ký các tài liệu.

Và trả lại báo cáo của tôi.

Sau khi việc bắt giữ Beria được thông báo chính thức và ông bị khai trừ khỏi đảng và bị gọi là kẻ thù của nhân dân, cuộc họp cốt cán đảng của thành phần lãnh đạo Bộ Nội vụ được tổ chức. Các phát biểu của Malenkov và Satalin giải thích nguyên nhân bắt giữ Beria với các nhà chuyên nghiệp tập trung tại phòng hội nghị, vang lên một cách ngây thơ và bất lực kiểu trẻ con. Phòng họp im lặng nghe sự cởi mở của Satalin về việc, nhằm làm mê muội sự cảnh giác của Beria, BCHTU' đã phê chuẩn các nghị quyết biết rõ là giả dối và ra những mệnh lệnh tương ứng. Mọi sự đó là vô tiền khoáng hậu. Tất cả chúng tôi tin rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào ban lãnh đạo chúng ta cũng không tiếp nhận những chỉ thị để lừa dối đảng viên cho dù là vì mục đích tối thượng nhất.

Lúc ấy tôi ngây thơ quá mức là đã tin: thời Stalin mọi thứ đều khác. Mà tất cả chúng tôi đều cho rằng một sự trơ trẽn như thế là không thể. Trong khi đó Satalin tiếp tục phát biểu. Theo lời ông ta, lãnh đạo BCHTU' và đồng chí Malenkov cùng với các tướng lĩnh lừng danh - ông nhắc tới nguyên soái Jukov và các tướng Batitsky và Moxkalenko, những người giúp bắt Beria, - đã lập một chiến công anh hùng.

- Hoàn toàn không đơn giản khi lập kế hoạch và tiến hành bắt giữ một kẻ ác độc như thế, - Satalin nói.

Eitingon, Raikhman và tôi ngồi cạnh nhau, trao đổi những ánh mắt đa nghĩa. Chúng tôi lập tức hiểu rằng, không có mưu mô nào hết của Beria, chỉ là mưu mô chống Beria trong ban lãnh đạo đất nước.

Lập tức sau Satalin, thứ trưởng phụ trách cán bộ Obrutnikov lên tiếng và gọi Raikhman, Eitingon và tôi là những nhân vật không xứng đáng với lòng tin. Nói chung ông ta không phải là kẻ thù của chúng tôi - ông ta thi hành. Obrutnikov chỉ trích tôi quây bọc quanh mình những nhân vật đáng ngờ và đáng ghét kiểu Eitingon, Xerebrianxky và Vaxilevsky trước kia bị bắt và bị loại khỏi công tác tình báo. Mọi cố gắng thanh minh của tôi bị Xerov chủ toạ chặn lại.

Mãi đến năm 1991 tôi mới biết: Obrutnikov đơn giản nhắc lại đúng từng lời mà Kruglov nói tại Hội nghị trong Kremli. Khác với Xerov, Kruglov không phải là nhân vật chủ chốt trong âm mưu chống Beria: ông ta quá sợ đến nỗi trong những ngày bắn loạn ấy đã mất đi một nửa trọng lượng cơ thể.

Satalin báo rằng trưởng phòng trong cục phản gián, đại tá Potapov đã thiển cận chính trị và kém chuyên môn: khi gặp người cung cấp tin ngay trước việc bắt giữ Beria, anh ta đã tán dương Beria. Tôi thấy mặt Potapov trắng bệch khi nghe Malenkov hỏi: "Người này có đây không?" Potapov đứng lên nhưng không đủ sức nói gì. Xerov can thiệp vào, tuyên bố rằng những kẻ thiếu trách nhiệm đưa ra những phát biểu chống đảng như thế, không thể dự cuộc họp kín của Đảng, và Potapov bị đưa ra khỏi phòng. May thay, anh ta giữ chức vụ không cao để cần gây một vụ om sòm, vì thế chỉ bị đuổi khỏi cơ quan và nhận cảnh cáo

đảng.

Dù cuộc họp cốt cán đảng có đánh bật sự thăng bằng tinh thần của tôi, tôi vẫn còn hi vọng rằng mọi chuyện trong bộ sẽ nhanh chóng trở lại bình thường. Tôi đi làm đều đặn, nhưng người ta không giao cho việc gì thiết thực cả. Xét theo những ghi chép của tôi, cuộc họp tổ chức ngày 15-7, còn 5-8 tôi bị gọi đến văn phòng Kruglov và được lệnh đem đến hồ sơ điệp viên Xtamenov, đại sứ Bungari ở Liên Xô những năm 1941-1944, điệp viên NKVD mà tôi phụ trách. Không giải thích gì, Kruglov bảo “bề trên” đang đợi chúng tôi, - điều đó có nghĩa là chúng tôi đi vào Kremli. Chúng tôi qua cổng Xpaxkie rồi đi theo những hành lang quen thuộc. Người ta tiếp đón khá quái lạ. Tôi và Kruglov lập tức hiểu ngay: sẽ xảy ra gì đó bất thường. Thay vào chỗ mời bộ trưởng và thuộc cấp của ông vào văn phòng, phụ trách ban thư ký Malenkov đề nghị Kruglov ở lại phòng đón khách (thời Stalin không có chuyện đó), còn tôi được mời vào văn phòng cũ của Stalin.

Đó không phải một sự tình cờ. Các nhà lãnh đạo đất nước biết rằng Kruglov và Xerov đứng đầu MVD, không nắm rõ một loạt chi tiết và hoàn cảnh quan trọng trong công tác của cơ quan an ninh những năm 1945-1953. Có thể Đoàn chủ tịch BCHTU' còn chưa quyết được có đáng hay không một loạt vụ việc đặc biệt quan trọng trong và ngoài nước mà ngoài Beria, cả Khrusev, Molotov, Malenkov và Bulganin - những người buộc tội Beria hiện giờ - đều trực tiếp có dính dáng.

Trong văn phòng cũ của Stalin ngồi sau bàn hội nghị Đoàn chủ tịch BCHTU' có Khrusev, Molotov, Malenkov, Bulganin, Mikoian và Vorosilov. Dù được xem rằng với tư cách chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Malenkov là người đứng đầu ban lãnh đạo tập thể, nhưng không phải ông, mà Khrusev chào tôi và mời ngồi. Rồi ông ta nói:

- Đồng chí Xudoplatov ạ, anh biết là chúng ta đã bắt Beria vì hoạt động phản bội. Anh làm việc với y nhiều năm. Beria viết rằng muốn giải thích với chúng tôi. Nhưng chúng tôi không muốn trò chuyện với y. Chúng tôi mời anh để làm rõ một số hành động phản bội của y. Tôi nghĩ anh sẽ cởi mở trả lời những câu hỏi của đảng.

Im lặng một chốc, tôi đáp:

- Trách nhiệm đảng viên của tôi - trình ban lãnh đạo đảng và chính phủ những sự kiện chân thực. Sau khi kinh ngạc nghe giải thích việc bắt giữ Beria, tôi nói thêm: Rất tiếc, tôi biết về âm mưu của ông ta chỉ từ thông báo chính thức.

Malenkov tham gia vào câu chuyện và đòi hỏi để tôi giải thích sự tham gia của tôi trong những cố gắng bí mật của Beria vào những tháng đầu chiến tranh thiết lập tiếp xúc với Hitler, để bắt đầu đàm phán hòa bình trên cơ sở nhún nhường lãnh thổ.

Tôi kể lại những gì liên quan đến Xtamenov và công việc tung thông tin giả trong chiến tranh. Malenkov cắt lời tôi, đề nghị ra phòng đón khách và viết bản tường trình về vấn đề này. Trong lúc đó Kruglov được gọi vào văn phòng, còn khi thư ký của Malenkov báo rằng tôi đã viết xong, tôi lại được mời vào.

Muộn hơn tôi biết rằng trong các lời khai của Beria về sự việc này nói rằng ông nhận lệnh của chính phủ nhờ sự giúp đỡ của Xtamenov tạo các điều kiện cho chúng ta khả năng

triển khai tác chiến để có thì giờ tập trung lực lượng, bằng cách qua Xtamenov tung tin giả và ngăn cản sự tiến lên của quân Đức.

Khrusev đọc lời khai một trang của tôi. Molotov tiếp tục im lặng, Khrusev lại đề nghị tôi kể về công việc thời Abakumov và Beria sau chiến tranh. Và ở đây hình như tôi đã có một sai lầm định mệnh.

Sau khi tôi mô tả những chiến dịch được lập để chống lại các căn cứ quân sự của NATO, Khrusev đề nghị báo cáo về những vụ thủ tiêu bí mật. Tôi bắt đầu từ hành động chống Konovalov và Trotsky, sau đó chuyển sang những chiến dịch đặc biệt ở Minsk và Berlin trong những năm chiến tranh. Tôi nêu bốn hoạt động sau chiến tranh: với Ogginx, Xamet, Romja và Sumxky - và trong mỗi trường hợp đều chỉ ra ai ra lệnh về thủ tiêu, rằng mọi hành động đều được không chỉ Stalin, mà cả Molotov, Khrusev và Bulganin khích lệ. Khrusev lập tức sửa lại tôi, quay về phía Đoàn chủ tịch, tuyên bố rằng trong phần lớn các trường hợp sáng kiến xuất phát từ Stalin và các đồng chí nước ngoài của chúng ta. Một khoảng dừng khó xử. Bất ngờ tôi được ủng hộ : Bulganin nói rằng các chiến dịch ấy được thực hiện chống những kẻ thù đáng nguyên rủa của chủ nghĩa xã hội. Khrusev kết thúc cuộc trò chuyện, nói với tôi:

- Đảng không có gì chống lại anh. Chúng tôi tin anh. Hãy tiếp tục công tác. Sắp tới chúng tôi đề nghị anh chuẩn bị kế hoạch tiêu diệt ban lãnh đạo Bandera đứng đầu phong trào phát xít Ucraina ở Tây Âu dám láo xược lăng nhục các nhà lãnh đạo Xô viết.

Sau đó ông ta cho tôi hiểu là không còn câu hỏi tiếp, và Kruglov bằng cử chỉ cho tôi biết đợi ông ta ở phòng đón khách. Tôi đợi ở đấy chừng giờ rưỡi, và sự lo lắng lớn dần lên. Tôi không tin một lời Khrusev nói với tôi lúc kết thúc. Ấn tượng nặng nề lên tôi từ sự thù địch của Malenkov và sự lặng thinh của Molotov.

Tôi lo lắng tột độ. Cái khả năng là Kruglov đi ra từ văn phòng với lệnh bắt tôi là có vẻ hoàn toàn thực tế. Đã ở trong xe, ông ta nói để tôi không chậm trễ trình lên ông ta báo cáo tự viết tay về tất cả các trường hợp thủ tiêu tôi rõ - cả trong lẫn ngoài nước, trong đó kể cả sự hủy bỏ mệnh lệnh. Vấn đề nói tới những chiến dịch mà mệnh lệnh tiến hành hay hủy bỏ xuất phát từ Beria, Abakumov và Ignatiev.

Trong văn phòng mình, tôi lập một danh sách tất cả những phi vụ đặc biệt tôi rõ và đưa chúng cho đại tá Xtudnikov, bí thư đảng Ban 9. Trong báo cáo tôi chỉ kể những chiến dịch đích thân tôi rõ hoặc trong đó tôi cách này hay cách khác có tham dự. Sau đó đề nghị Xtudnikov đưa tài liệu đến ban thư ký của Kruglov, bởi vì tôi muốn tin chắc rằng tôi có nhân chứng. Còn khắp Bộ đã loan tin đồn rằng cơ quan của tôi chịu trách nhiệm vì những vụ giết người hàng loạt đã gây ra theo lệnh của Beria.

Sau khi thư ký của Kruglov khẳng định rằng Xtudnikov đã chuyển báo cáo của tôi trong phong bì gắn kín, tôi đến biệt thự để bàn bạc tình hình với vợ. Dù chúng tôi cố giữ lạc quan, cố hoá ra đúng khi cho rằng chắc chắn nhất ban lãnh đạo mới sẽ xem tôi như một kẻ đồng lõa tích cực trong mọi vụ việc của Beria.

Sau 2-3 ngày, em trai Konstantin cho biết tên tôi bắt đầu nổi lên trong các biên bản hỏi cung Beria, Kobulov và Mairanovskiy. Qua điện thoại tổng công tố Rudenko gọi cho tôi và

đòi phải đến chỗ ông ta, như ông ta diễn đạt, “làm sáng tỏ một số sự kiện anh biết rõ”. Trước khi đến gặp tổng công tố trên phố Puskin, tôi tự nhủ: ta sẽ chẳng tự bắn mình và sẽ đấu tranh đến cùng - tôi chưa bao giờ là đồng lõa của Beria, thậm chí chưa là người thuộc giới thân cận của ông.

Tại viện công tố Liên Xô trong phòng đón khách tôi gặp đại tướng Maxlenikov, Anh hùng Liên Xô vừa ra khỏi văn phòng của Rudenko. Chúng tôi gật đầu chào nhau, và tôi kịp nhận thấy khuôn mặt ông u ám. Với tư cách thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ ông chỉ huy các đơn vị MVD: danh hiệu Anh hùng Liên Xô ông nhận như tư lệnh mặt trận trong thời gian chiến tranh. Tôi bao giờ cũng kính trọng ông.

Suy nghĩ nhiều về đề nghị nghỉ phép, tôi nghiêng về ý tưởng rằng họ muốn bắt tôi không gây âm ỉ, ở bên ngoài Moskva và giữ kín việc bắt giữ. Muộn hơn tôi biết một tin sững sờ - Maxlenikov tự vẫn trong văn phòng. Sau những cuộc hỏi cung có vẻ như Beria có những kế hoạch đưa về Moskva các đơn vị MVD dưới sự chỉ huy của ông, và bắt giữ toàn bộ chính phủ. Không hề có một kế hoạch như thế, và Maxlenikov quyết định: tốt nhất là kết liễu bản thân còn hơn bị bắt. Ông đã bảo vệ danh dự một đại tướng như thế.

Trong văn phòng Rudenko có đại tá tư pháp Tsaregradsky: qua thời gian trò chuyện ông ta không thốt ra một lời nào và chỉ cẩn thận ghi các câu hỏi của Rudenko và lời đáp của tôi. Rudenko tuyên bố rằng đã nhận được chỉ thị từ BCHTU' đảng sắp xếp các lời giải thích của tôi, sau đó gài vào vụ án Beria, và nhấn mạnh rằng trong các giải thích của tôi câu chuyện với Xtamenov có viện dẫn tới Stalin và Molotov, cần phải bỏ chúng và thay vào đó viện dẫn đến Beria, người truyền đạt cho anh tất cả các chỉ thị và mệnh lệnh mà ông ta nhận được từ “cấp trên”. Tôi không phản đối: đối với bất cứ ai quen với trật tự thời ấy, cách đặt vấn đề như thế được coi là bình thường. Thì trong các báo cáo của tôi gửi bộ trưởng không bao giờ tôi viết rằng tôi đề nghị vụ việc này hay vụ việc kia theo chỉ đạo của đồng chí Khrusev hay Malenkov. Mà thay vào tên và chức vụ, mọi người viết và nói “cấp trên” đã thừa nhận là hợp lý tiến hành chiến dịch này hoặc nọ.

Ngay từ đầu tôi không thích ngữ điệu và chính các câu hỏi mà Rudenko đặt ra. Chúng như thế này:

- Khi nào anh nhận được mệnh lệnh phạm pháp của Beria bắt đầu thăm dò khả năng hiệp ước hòa bình với Hitler?

Tôi lập tức phản đối, nhận xét rằng những diễn đạt như “mệnh lệnh phạm pháp” không được các đồng chí Khrusev và Malenkov dùng khi họ đặt câu hỏi và nghe giải thích của tôi. Về những hành động phạm tội của Beria tôi chỉ được biết qua thông báo chính thức của chính phủ. Còn chính tôi, như một cán bộ tác chiến, không thể tưởng tượng rằng, con người được chính phủ cử phụ trách cơ quan an ninh, lại là kẻ tội phạm hiện giờ bị vạch trần.

Rudenko rất không thích những câu trả lời của tôi được ghi biên bản. Dù ông ta vẫn giữ vẻ lịch thiệp trong giao tiếp, nhưng trách tôi là quá trịnh trọng và dùng những diễn đạt bảo thủ trong việc vạch trần một kẻ thù đáng nguyên rủa của đảng và chính phủ như Beria. Tất nhiên, tôi trở về Lubianka trong tâm trạng u uất nhất: quay lại trong trí câu chuyện ở viện công tố, tôi cố hình dung chuyện gì sẽ tiếp theo sau đó. Tôi hiểu rằng tương lai chẳng hứa

hẹn điều gì tốt với tôi, và tôi đã tuyệt vọng.

Nhanh chóng tôi biết về những đổi thay như những điềm dữ. Thứ trưởng thứ nhất Bộ Nội vụ Xerov tuyên bố với tôi: Ban 9 từ nay không còn là phân ban độc lập nữa, mà thuộc thành phần Tổng cục tình báo mà sau việc bắt giữ Beria chịu sự lãnh đạo của Paniuskin. Đó là một kẻ quan liêu tự đắc, cũng như không có lấy một chút kinh nghiệm trong các chiến dịch tác chiến, bất kể đã từng là đại sứ và trưởng nhóm tình báo ở Trung Quốc, sau đó ở Washington vào đầu những năm 50. Điều đó đi ngược hẳn với những lời cam đoan của Khrusev, rằng tôi sẽ tiếp tục công việc của mình như cũ. Paniuskin và Xerov cố moi từ tôi sao cho nhiều hơn các kế hoạch tác chiến. Dù họ khẳng định rằng tôi vẫn là phó Tổng cục trưởng Tổng cục tình báo, thật kinh ngạc đối với tôi, họ đề nghị tôi nghỉ phép - nghỉ ngơi, ví dụ, tại viện điều dưỡng của Bộ. Tôi đồng ý nhưng nói rằng sắp sửa đến năm học, và tôi có thể đi nghỉ phép sau khi các con tôi đến trường.

Tình hình vô cùng căng thẳng. Cô vợ lo để làm sao ở nhà tôi không với tay đến được vũ khí, - cô sợ tôi sẽ tự tử để tránh việc bắt bớ và cứu gia đình khỏi bị đày đi Xibiri. Những ngày ấy Raikhman vừa bị Xerov đuổi việc một tuần sau cuộc họp cốt cán đảng về vụ án Beria, đã đến thăm chúng tôi. Theo lời Raikhman người có những liên hệ trong các nhóm chính phủ, người ta cam đoan với ông rằng sự thanh lọc chỉ hạn chế bởi những ai đã bị bắt cùng với Beria, và ông hi vọng rằng ông và Eitingon chỉ bị buộc nghỉ việc. Cả hai chúng tôi muốn nghỉ sẽ được như thế. Bởi chúng tôi chưa bao giờ thuộc số những người gần gũi với Beria, mà những người thực sự quan hệ với ông như Kruglov và Xerov, vẫn giữ quyền lực. Dự đoán của Raikhman hoá ra sai lầm.

Eitingon, Elizabeta và Vaxili Zarubin, Xerebrianxky, Afanaxiev, Vaxilevxky và Xemenov bị đình chỉ công việc. Muộn hơn Eitingon và Xerebrianxky bị bắt, những người khác bị đuổi, dù người già nhất cũng chỉ mới hơn năm chục tuổi. Xemenov, nổi tiếng bởi những hoạt động anh hùng trong việc đạt được những bí mật nguyên tử cho đất nước, bị đuổi khỏi cơ quan không tiền hưu. Nửa năm sau khi tôi bị bắt, người ta đuổi Zoia Rubkina khỏi ngành an ninh. Cô bị cử đến phục vụ ở hệ thống trại giam miền Bắc. Năm 1955 cô về hưu, nhận lương hưu của MVD chứ không phải của KGB.

4. Đối kháng với chính quyền và điều tra

Qua đi mấy ngày. Ngày 21-8-1953 người ta bắt tôi. Đó là thứ sáu. Tôi đang trong văn phòng của mình khi sĩ quan trực ban vào hỏi, tôi có ý định gọi Eitingon để lập hồ sơ về hưu cho ông không do thiếu tài liệu về các vụ công cán nước ngoài. Sĩ quan trực, trung tá, tức dưới cấp tôi, đã quan tâm đến công việc không thuộc chức năng của anh ta. Tôi hiểu: đó là một dấu hiệu xấu... Sau một ít thời gian Eitingon gọi điện thoại cho tôi và nói ông được gọi vào Cục cán bộ, mà ông đang bị loét dạ dày, vì thế không thể đi được. Tôi trả lời là không biết người ta gọi để làm gì. Sau một giờ - trong cửa văn phòng xuất hiện thiếu tá Butskov, thư ký của tôi. Anh ta nói có tài liệu với chỉ thị mật của bộ trưởng được gửi tới. Lúc ấy một trong số phó của tôi, bí thư đảng uỷ cơ quan Xtudnikov đang báo cáo, tôi lệnh cho anh ta ra, và Butskov dẫn vào ba sĩ quan.

Tôi biết một trong ba người - đó là trung tá Gordeev, chỉ huy cơ quan chịu trách nhiệm

bắt giữ và lục soát trong những trường hợp đặc biệt quan trọng. Chính Gordeev tiến hành bắt giữ Voznexenxky, ủy viên Bộ Chính trị, Kuznetsov, bí thư BCHTU' đảng, Sakhurin, bộ trưởng Công nghiệp hàng không và những nhân vật chức quyền cao khác. Tôi hỏi ngay có lệnh bắt tôi không. Gordeev trình nó và nói lệnh do Kruglov ký, còn quyết định lục soát do Xerov ký.

Lúc đó tôi đề nghị không đi qua phòng tiếp khách để khỏi gây náo loạn cho các nhân viên, mà ra từ cửa khác. Đó là sự vi phạm thô bạo luật pháp, nhưng họ đồng ý. Theo mọi nguyên tắc, tôi phải ký biên bản khám xét trong văn phòng tôi và ở nguyên vị trí khi chưa lục soát xong.

Chúng tôi đi xuống dưới từ tầng bảy vào nhà tù nội nằm dưới hầm Lubianka. Thiếu sự tuân thủ các hình thức, tôi viết phiếu đăng ký và bị khoá vào xà lim như một tù nhân đeo số tám.

Tôi xúc động mạnh nên không nhớ những gì diễn ra quanh tôi. Chỉ nhớ - đầu tôi rất đau, nhưng may thay, tìm được trong túi những viên thuốc. Tôi kinh ngạc khi sức nhớ người ta không khám người tôi mà chỉ kiểm tra xem có vũ khí hay không. Đến giờ ăn, tôi cố nuốt một thìa canh để trôi viên thuốc, và bắt đầu ngẫm nghĩ về tình cảnh của mình. Vừa lúc cửa mở và hai giám thị vội vã đưa tôi ra khu hành chính nhà tù và lục soát. Tôi bị tước đi hết, kể cả những viên thuốc giảm đau. Người ta tháo khỏi tay tôi cái đồng hồ Thụy Sĩ có lịch mà tôi mua 15 năm về trước ở Bỉ, và đặt vào túi trên áo vét của tôi. Tôi bị dẫn đến cái xe tù bịt kín, và vào thời điểm cuối một trong số giám thị rút đồng hồ từ túi của tôi. Sự ăn cắp vặt này làm tôi sững sờ: tôi không thể tưởng tượng rằng các giám thị nhà tù đặc biệt bí mật có thể xử sự như những tên móc túi. Đó là tôi nghĩ lúc đó, dù tôi càng rõ hơn rằng tôi đã bị phán quyết. Sau đó tôi chợt nghĩ rằng, có thể, tôi sẽ lợi dụng việc ăn cắp đồng hồ này.

Người ta đưa tôi đến nhà tù Butyrrok nơi lặp lại sự lục soát, sau đó bị nhét vào xà lim đơn, không khác gì xà lim nhà tù Phần Lan nơi thời trai trẻ tôi được ngồi mấy tháng. Cuộc hỏi cung đầu tiên diễn ra ngay ngày hôm đó, lúc đêm khuya. Rudenko và đại tá tư pháp Tsaregradxky hỏi cung tôi. Rudenko thô lỗ tuyên bố rằng tôi bị bắt như một kẻ tham gia tích cực của âm mưu Beria mà mục đích là chiếm chính quyền, rằng tôi là nhân vật tin cậy và đồng lõa của Beria trong các vụ thỏa thuận bí mật với các cường quốc nước ngoài chống lại quyền lợi của nhà nước Xô viết, rằng tôi tổ chức một loạt hành động khủng bố chống lại kẻ thù cá nhân của Beria và lập kế hoạch ám hại các nhà lãnh đạo nhà nước Liên Xô.

Nghe những lời buộc tội kinh tởm ấy, tôi giận dữ chống lại những hành vi phạm pháp đối với tôi như một kẻ bị bắt: tôi không có mặt khi lục soát văn phòng mình, người ta không đưa cho tôi danh mục các đồ vật tịch thu lúc lục soát, và tột độ là khi áp giải đưa tôi về nhà tù Butyrrok giám thị đã ăn cắp chiếc đồng hồ Thụy Sĩ đeo tay của tôi.

Rudenko và Tsaregradxky hoá đá trợn trừng nhìn tôi, không tin vào tai mình. Cuối cùng Rudenko trấn tĩnh và nói rằng sẽ ra lệnh xem xét mọi sự. Trong khi cả hai đang bối rối, tôi quyết định dẫn tiếp và thể hiện sự phản kháng, rằng bất kể luật pháp, tôi bị hỏi cung ban đêm. Nhưng Rudenko đã cảnh giác và dứt lời tôi:

- Chúng tôi sẽ không tuân thủ nguyên tắc khi hỏi cung những kẻ thù đáng nguyên rủa của

chính quyền Xô viết. Các anh ở NKVD đã tuân thủ các hình thức cơ đấy. Với các anh, với Beria và toàn bè đảng các anh chúng tôi sẽ xử sự thế đấy.

Bản sao cuộc hỏi cung đầu tiên của tôi ngày 21-8-1953 Rudenko chuyển cho Malenkov. Tôi biết về điều đó sau 40 năm, khi cố vấn tổng thống Eltsin thượng tướng Dmitri Volkogonov cho con trai tôi xem tài liệu này. Biên bản, cần nói đúng cho Rudenko, không có những thú nhận bịa đặt và xuyên tạc. Trong đó ghi lại rằng tôi không thừa nhận những cáo buộc dành cho tôi, rằng về hoạt động “tội phạm” của Beria tôi chỉ được rõ từ thông báo chính thức và tôi không hề biết một âm mưu nào trong Bộ Nội vụ. Thực ra, trong biên bản không nhắc đến những phản kháng của tôi.

Sáng hôm sau trong xà lim xuất hiện sĩ quan trực ban với danh mục các đồ vật tịch thu trong lúc lục soát tôi, trong chúng có chiếc đồng hồ. Tôi ký tài liệu.

Tại cuộc hỏi cung thứ hai, tiện thể nói thêm, diễn ra ban ngày, Rudenko nhã nhận hỏi tiểu sử của tôi. Trả lời ông ta, tôi nhấn mạnh rằng không có quan hệ gì với Beria cho đến khi ông được đề cử năm 1938 vào bộ máy trung tâm của NKVD.

Bất ngờ Rudenko đề nghị tôi đưa ra những lời khai làm chứng chống lại Beria: kể về kế hoạch của ông câu kết ngầm với Hitler về ký kết hòa bình riêng rẽ nhờ sự trung gian của đại sứ Bungari Xtamenov, về sự lôi kéo “gián điệp Anh” Maixky để thiết lập những tiếp xúc mật với Churchill và, cuối cùng, về những âm mưu được chuẩn bị nhằm tiêu diệt ban lãnh đạo Liên Xô bằng thuốc độc. Rudenko nói thêm rằng Beria đã hủy bỏ mệnh lệnh của chính phủ về việc bắt cóc các thủ lĩnh lưu vong Gruzia ở Paris bởi trong sổ chúng có ông chú của vợ ông. Giúp chúng tôi vạch mặt những kế hoạch độc ác của Beria là nghĩa vụ đảng viên của anh, ông ta nói.

Thứ nhất, tôi không biết các kế hoạch kinh khủng này, tôi đáp, thứ hai, Xtamenov là điệp viên của chúng ta mà qua đó theo lệnh chính phủ tung tin giả nhằm tranh thủ thì giờ, dùng sự tấn công của quân Đức. Còn Maixky thì tôi trò chuyện lần cuối cùng năm 1946, khi Beria không còn phụ trách cơ quan an ninh, mà chỉ chuyên trách tình báo nguyên tử, và từ đó đến giờ tôi chẳng có liên hệ gì với ông ta. Tôi cũng phủ nhận sự tham gia vào các kế hoạch khủng bố chống các kẻ thù của Beria: suốt ba mươi năm phục vụ trong cơ quan an ninh tôi đã làm tất cả, nhiều khi liều cả mạng mình để bảo vệ chính phủ, nhà nước và người Xô viết khỏi những kẻ thù chung của chúng ta.

Rudenko thô lỗ cắt ngang tôi và đưa ra thêm một buộc tội nữa: tôi không thi hành lệnh Stalin và Malenkov thủ tiêu những kẻ thù độc ác nhất của nhà nước Xô viết như Kerenxky và Tito. Ông ta nói:

- Đừng nuôi ảo tưởng rằng nếu anh và Eitingon nhiều năm về trước đã tiến hành chiến dịch thủ tiêu Trotsky và Konovalov, thì điều đó cứu được các anh. Đảng và chính phủ đề nghị các anh hợp tác với chúng tôi vạch trần các hành động tội phạm của Beria, và số phận anh phụ thuộc vào việc anh giúp chúng tôi như thế nào. Nếu anh từ chối cộng tác với chúng tôi, thì chúng tôi tiêu diệt không chỉ anh, mà toàn bộ gia đình anh. Bây giờ anh là tù nhân số tám trong 50 tên bị bắt về vụ án Beria.

Qua những năm thanh trừng và những phiên tòa công khai tôi tất nhiên biết người ta

dùng những biện pháp gì để đạt được những thú nhận và chứng cứ giả.

Từ các hồ sơ điều tra của những tình báo viên chúng tôi bị bắt vào những năm 1937-1938, tôi hiểu một điều: dù số phận anh đã bị định trước, biện pháp duy nhất giữ phẩm cách con người và tên tuổi mình trong sạch - phủ nhận những tội ác được gán cho anh khi còn đủ sức. Đồng thời tôi hiểu rằng để cứu bản thân và gia đình, tôi không nên thể hiện tính thủ cựu liên quan đến sự tồn tại âm mưu của Beria. Vì thế tôi tuyên bố rằng sẵn sàng thông báo về tất cả các sự kiện tôi rõ. Đồng thời tôi tiếp tục giữ ý kiến là tôi không biết gì về âm mưu của Beria và những vụ thủ tiêu người không có lợi cho ông. Tôi nói rằng lệnh về kế hoạch bắt cóc các thủ lĩnh Gruzia lưu vong ở Paris và lệnh hủy bỏ nó xuất phát từ chính phủ, điều đó được khẳng định bởi bộ trưởng Kruglov trong sự hiện diện của tôi sau việc bắt Beria tại cuộc họp Đoàn chủ tịch BCHTU' ĐCS Liên Xô ngày 5-8-1953.

Đó là lần gặp cuối cùng của tôi với Rudenko. Sau một ngày các cuộc hỏi cung đã lặp lại, nhưng bây giờ do Tsaregradsky tiến hành, kẻ tuyên đọc cáo trạng chính thức cho tôi có tội trong âm mưu với sự tham gia của Xtamenov với mục đích ký kết hòa bình tay đôi với Hitler; trong sự thành lập một nhóm đặc biệt trực thuộc bộ trưởng Bộ Nội vụ để theo lệnh Beria thực hiện những vụ sát hại bí mật những người có thái độ thù địch đối với ông và các nhà lãnh đạo đảng và chính phủ, trong sự câu kết với "tên Do Thái" Mairanovsky, cựu trưởng "Phòng thí nghiệm - X", để thực hiện những vụ giết người này với sự ứng dụng các chất độc đặc biệt. Theo lời ông ta, tôi sử dụng Mairanovsky người bị bắt trước tôi, như người họ hàng của mình và là nhân vật tin cậy để giết các kẻ thù của Beria tại các điểm hẹn và biệt thự bí mật của NKVD-MGB.

Thêm vào các lời buộc tội đó ông ta còn bổ sung sự tham gia trong âm mưu với mục đích giành chính quyền trong nước và che giấu chính phủ thông tin về những hoạt động phản bội của "bè lũ Tito" Nam Tư những năm 1947-1948.

Tsaregradsky nói về kế hoạch của Beria chạy trốn sang phương Tây bằng máy bay chiến đấu từ căn cứ không quân gần Murmansk. Tôi gạt bỏ những lời bịa đặt này và tuyên bố: lực lượng không quân không phụ thuộc vào tôi, và vì thế tôi không thể giúp thực hiện một kế hoạch tương tự. Rõ ràng người ta xuyên tạc chiến dịch kiểm tra thành công hệ thống phòng không của NATO. Chuyến bay đường dài của máy bay ta trên các căn cứ quân sự ở Na Uy cho phép xác định điểm yếu của người Mỹ và người Anh. Sau gần 40 năm, tôi gặp đại tá Zimin, sĩ quan của chúng tôi giữ tiếp xúc với Bộ tổng tham mưu, ông kể với tôi rằng, chuyến bay ấy suýt dẫn ông vào tù. Đã rõ là Beria như phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng bộ trưởng đã cho phép chuyến bay này nhưng không báo cáo với Malenkov. Và chính sự kiện đó mới được dẫn ra như chứng cứ rằng Beria muốn sử dụng căn cứ không quân gần Murmansk để chạy trốn khi âm mưu của ông thất bại.

Thượng tướng Xtemenko, phó tổng tham mưu trưởng, như người có sáng kiến "những kế hoạch phản bội" này lúc ấy chưa đến năm mươi tuổi, buộc phải xuất ngũ. Khrusev và Malenkov đã nương nhẹ và không muốn đưa ra trước toà các quan chức quân đội cao cấp. Gần mười lăm năm sau Brejnev đưa Xtemenko trở lại quân đội chính quy để soạn thảo kế hoạch đổ quân vào Tiệp Khắc. Xtemenko hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và nhận quân hàm đại tướng và ngôi sao Anh hùng Liên Xô vì nhiệm vụ này.

Tsaregradsky đưa ra với tôi lời buộc tội, rằng tôi bằng cách “phản bội hèn nhát nhất” đã làm đổ vỡ chiến dịch thủ tiêu Tito. Tất nhiên mọi phản kháng và đòi hỏi cho tôi phản bác những cáo buộc này đã bị coi thường.

Tsaregradsky khép tội liên hệ của tôi với “những kẻ thù của nhân dân” bị xử bắn - Spigelglaz, Maly và các nhà tình báo khác. Ông ta cố trình bày tôi là kẻ đồng lõa của họ, khi nói rằng Beria biết các mối liên hệ xấu xa này, nhưng muốn im đi, nhằm tuyển mộ tôi một cách tin cậy hơn vào tổ chức những kẻ mưu phản của ông. Lừa dối đảng và chính phủ, tôi nhận từ tay Beria những phần thưởng cao không xứng đáng. Đồng thời, ông ta nói, Beria che giấu BCHTU và chính phủ, rằng tôi có vô số tài liệu làm ô danh trong Bộ phận điều tra của NKVD-MGB, và cất nhắc tôi thành một trong những lãnh đạo của ngành tình báo Xô viết.

Trong những năm chiến tranh, theo lời Tsaregradsky, thi hành chỉ thị của Beria, tôi bí mật gài mìn các biệt thự và dinh thự ngoại thành của chính phủ, còn sau đó che giấu sự gài mìn các cơ sở này trước Cục bảo vệ Kremli để tiêu diệt các nhà lãnh đạo đảng và chính phủ vào thời điểm thích hợp đối với bọn mưu phản. Muộn hơn tôi biết rằng phó của tôi đại tá Orlov bị gọi vào viện công tố và được lệnh cùng một nhóm cán bộ rà soát các dinh thự chính phủ ở tuyến đường Minxk tìm mìn chôn theo lệnh của tôi. Cuộc tìm kiếm kéo dài một tháng rưỡi nhưng không phát hiện được quả mìn nào cả.

Thực ra như tôi đã kể, chúng tôi được lệnh rải mìn để ngăn chặn bước tiến của quân Đức vào tháng 10-1941. Nhưng sau khi đánh lui quân Đức, mìn đã được gỡ bỏ. Các nhóm công binh đặc biệt cũng cố phát hiện các báu vật do Beria “giấu” trong các hầm đặc biệt, nhưng chẳng tìm được gì.

Tại các cuộc hỏi cung tôi không bị đánh đập, nhưng không được ngủ. Các điều tra viên thay đổi nhau, cho tận 5 giờ sáng lặp đi lặp lại chỉ một câu hỏi: tôi có thú nhận sự tham gia của mình trong các kế hoạch và hoạt động phản bội của Beria hay không?

Gần một tháng rưỡi sau, tôi hiểu rõ, sự thừa nhận nói chung không cần đối với Tsaregradsky. Đơn giản tôi sẽ bị dẫn đi lúc kết thúc vụ án một cách hình thức và người ta sẽ bắn tôi như một kẻ thù chưa tước vũ khí, lì lợm phủ nhận tội lỗi của mình. Thế nhưng tôi hiểu rằng một số người bị bắt, ví dụ, Bogdan Kobulov, cố kéo dài thời gian. Tsaregradsky cho tôi xem những đoạn trích từ biên bản hỏi cung ông ta: Kobulov không khai về tội gián điệp, các chiến dịch với điệp viên nước ngoài, thay vào đó ông ta nói rằng bộ máy của Xudoplatov “bị đầy rẫy” những cá nhân đáng ngờ. Một điều tra viên đầy kinh nghiệm, Kobulov cố tạo nên ấn tượng, dường như ông ta cộng tác với viện công tố và có thể sẽ có lợi cho nó trong tương lai. Đối với tôi một phương án như thế là không thể chấp nhận. Tôi hiểu rằng tôi thuộc danh sách những nhân vật và quan chức MVD cần phải bị tiêu diệt. Những lời buộc tội tôi dựa trên các sự kiện mà chính phủ xem xét chúng không phải dưới ánh sáng sự thật, mà chỉ là nguyên do để thoát khỏi tôi - một chứng nhân không mong muốn.

Trong khi diễn ra những cuộc hỏi cung, tôi ngồi trong xà lim đơn. Người ta không bố trí đối chứng với các nhân chứng hay cái gọi là những kẻ đồng lõa, nhưng tôi có một cảm giác là kẻ bên có những nhân vật chủ chốt khác về vụ án này. Ví dụ, tôi nhận ra bước đi của

Merkulov khi ông ta bị dẫn đi hỏi cung ngang qua xà lim tôi. Tôi biết Merkulov gần gũi với Beria thời ở Kavkaz và muộn hơn ở Moskva, nhưng suốt 8 năm gần đây đã không làm việc với ông, vì đã bị cách chức bộ trưởng an ninh từ năm 1946. Tôi hiểu Rudenko nhận được chỉ thị tổ chức tiêu diệt những người thân cận với Beria kể cả trong quá khứ. Tôi cũng biết Merkulov bị đột quỵ ngay sau cái chết của Stalin và đang ốm nặng. Nếu Beria lập kế hoạch mưu phản, khó tưởng tượng nổi là Merkulov có thể đóng được vai trò gì đáng kể trong đó.

Ở giai đoạn điều tra này tôi quyết định hành động trong tinh thần những lời khuyên mà người đi trước và thầy tôi Spigelglaz đã cho những tình báo viên bị bắt quả tang và không có khả năng phủ nhận tội mình: từ từ cần ngừng trả lời các câu hỏi, từ từ ngừng ăn, không thông báo tuyệt thực mà mỗi ngày vớt một phần thức ăn vào hố xí. Sẽ đảm bảo rằng sau hai-ba tuần anh sẽ rơi vào suy kiệt, sau đó là nhịn ăn hoàn toàn. Sau đó một thời gian bác sĩ trại giam sẽ đến và đưa ra chẩn đoán: kiệt sức; sau đó anh sẽ được chuyển vào bệnh viện và chịu chế độ nuôi dưỡng cưỡng chế.

Tôi biết rằng Spigenglaz “bị gãy” trong nhà tù Lefortovo, ông chịu đựng trò chơi này được hai tháng. Đối với tôi mẫu mực là Kamo (Ter-Petroxian) chỉ huy nhóm chiến đấu bí mật mà theo mệnh lệnh của Lenin đã cướp tiền ở nhà băng Tbilixi năm 1907 và chuyển chúng sang châu Âu. Ở đây Kamo bị cảnh sát Đức bắt khi người của ông định đổi số tiền cướp được. Chính quyền Sa hoàng đòi trao trả ông ta, nhưng Kamo đã phản kháng thụ động: giả vờ rơi vào trầm uất. Các bác sĩ thần kinh giỏi nhất của Đức chỉ ra sự suy yếu trạng thái thần kinh của ông. Điều đó đã cứu Kamo. Ông được chữa chạy trong tù mà từ đó ông trốn thoát được. Sau cách mạng Kamo làm việc tại Treka với Beria ở Kavkaz và hy sinh ở Tbilixi năm 1922.

Như Kamo kể với các chiến sĩ Treka trẻ, thời điểm khó khăn nhất là khi người ta chọc vào cột sống để kiểm tra phản ứng đau của người bệnh và đưa anh ta ra khỏi trầm uất. Nếu chịu được nỗi đau kinh khủng, bất cứ bác sĩ thần kinh nào cũng sẽ phán rằng anh không thể bị hỏi cung và đưa ra toà.

Cuối mùa thu tôi bắt đầu mất sức. Tsaregradsky cố đánh lừa tôi, nói rằng đối với tôi chưa phải đã hết tất cả: những chiến tích quá khứ có thể được lưu ý. Nhưng tôi không trả lời các câu hỏi đặt ra. Người ta đưa đến xà lim một nữ bác sĩ, tôi không trả lời câu hỏi và cô ta đề nghị chuyển tôi sang khối bệnh viện để kiểm tra.

Trong khối bệnh viện người ta bỏ tôi ngoài hành lang trước văn phòng của bác sĩ. Bất ngờ xuất hiện một nhóm tù hình sự ba hay bốn tên, được dùng làm hộ lý. Chúng bắt đầu la hét rằng cần kết liễu tên cớm này, và xông vào đánh tôi. Tôi quá yếu không thể chống cự, chỉ ngọ ngoạy để giảm bớt cú đánh. Sự đánh đập kéo dài mấy phút, nhưng trong tôi có niềm tin chắc chắn rằng các bác sĩ theo dõi màn diễn này từ phòng mình. Bảo vệ quay lại và đuổi bọn hành hạ tôi đi. Tôi hiểu: chúng được lệnh không đánh vào đầu.

Trong phòng tôi bị ép ăn. Về thời gian này tôi chỉ nhớ một cách mơ hồ. Sau mấy ngày trong bệnh viện tôi bị chọc cột sống - thực sự là đau khủng khiếp, nhưng tôi đã chịu được và không kêu thét.

Trong ghi chép của vợ, tôi đã ở ban thần kinh bệnh viện nhà tù Buturok hơn một năm.

Suốt thời gian đó người ta nuôi tôi một cách cưỡng chế. Tôi đã sống sót nhờ sự nâng đỡ của vợ. Sau hai-ba tháng tôi bắt đầu cảm thấy sự nâng đỡ đó: hàng tuần có thức ăn gửi đến, các hộ lý bày ra những đồ ăn - hoa quả tươi, cá, cà chua, dưa chuột, gà rán..., nhìn đồ ăn tôi biết đó là mẹ vợ tôi chuẩn bị. Trái tim ngập niềm vui: trong nhà mọi sự đều ổn, có thể khỏi lo, dù Tsaregradsky nói rằng những người thân của tôi bị lưu đày và đã từ tôi như từ một kẻ thù của nhân dân.

Sau mấy tháng cô y tá túc trực thường xuyên trong phòng tôi, nói những lời đáng ngạc nhiên:

- Pavel Anatolievich ạ, tôi thấy anh không ăn cà chua. Và nhìn vào mắt tôi, cô nói thêm: - Tôi sẽ làm nước cà chua cho anh. Nó tăng sức cho anh đấy. Người ta nói, để sống sót, điều đó đơn thuần là cần thiết.

Quan hệ thân tình đặc biệt giữa chúng tôi đã bắt đầu như thế. Khi trực cô ngồi cạnh tôi trên giường và im lặng đọc sách. Có lần tôi chú ý đến tờ báo bọc quyển sách, và thấy thông báo về xử bắn Abakumov. Điều đó dẫn tôi đến ý nghĩ, nghĩa là cả Beria, cả những cán bộ có trách nhiệm, bị bắt theo vụ án của ông cũng đã bị bắn. Ở đây có tên mấy cán bộ cấp bậc thấp hơn tôi. Đành vậy, đừng chờ sự tha thứ, tôi nghĩ. Nghĩa là trò chơi vẫn tiếp diễn. Tôi chống cự không ăn uống. Nhưng nhờ cô y tá tôi biết được đôi điều đang diễn ra bên ngoài. Những cuốn sách cô đọc được bọc báo có thông tin quan trọng đối với tôi. Tôi hiểu cách này do vợ tôi nghĩ ra khi lôi kéo được cô y tá về phía mình.

Tôi gặp may là không rơi vào làn sóng thứ nhất những kẻ bị xử về vụ Beria. Các bà vợ của Beria, Goglidze, Kobulov, Mesik, Mamulov và của những người khác bị bắt và chịu đi đày.

Nhanh chóng sau việc tôi bị bắt, Vera Xpektor bà hàng xóm cạnh nhà (vợ tôi làm việc với Mark Xpektor, chồng bà vào những năm 20 ở GPU Ôđécxa) gặp vợ tôi và bằng cử chỉ cho thấy muốn nói chuyện với cô không có ai trông thấy trên hành lang.

Lúc gặp bà nói:

- Mark chuyển lời chào và yêu cầu tôi nhất thiết nói với cô: chính phủ đã hủy bỏ sắc lệnh mà theo đó Bộ Nội vụ hay bất cứ công sở có quyền trực xuất hành chính các thành viên gia đình của kẻ thù nhân dân thiếu quyết định của tòa án.

Dù người ta tìm mọi cách đòi vợ tôi trả lại căn hộ, cô chống cự và tuyên bố chỉ tuân theo quyết định của tòa án.

Cực kỳ quan trọng là cuộc gặp gỡ của cô với chính Xpektor, đại tá an ninh về hưu - đó là một người sáng suốt. Họ gặp nhau như tình cờ tại bệnh viện MVD, chứ không phải ở nhà tôi. Xpektor rất có cảm tình với tôi nên hiểu mọi sự buộc tội tôi là quá vớ vẩn. Khi nghe đồn tôi sắp chết, ông soạn ra kế hoạch để vợ tôi tiếp xúc bí mật với tôi. Mark bố trí cho vợ tôi gặp Volkhonxky, phó Tổng cục trưởng các trại giam, và Buturok cũng do ông phụ trách. Volkhonxky đưa ra phương án: vào một ngày định trước, khi ông tiếp họ hàng những người bị bắt, vợ tôi sẽ đến văn phòng ông tại nhà tù Buturok với lý do là cô không tin những lời đồn hình như chồng vẫn sống, và muốn biết tại sao - vi phạm mọi nguyên tắc nhà tù - ban

quản trị Buturok đòi hỏi chuyển thức ăn cho chồng hàng ngày. Cô đúng là mang đến tất cả những gì bác sĩ đòi hỏi, trừ rượu. Volkhonxky bảo vợ tôi đến chính xác vào giờ hẹn, để ông có thể gọi cô y tá mới được chọn trực trong phòng tôi. Đó chính là cô y tá đã làm tôi ngạc nhiên kia - cô chừng hai mươi tuổi, đôn hậu.

- Việc tiếp theo phụ thuộc vào chị, hãy làm việc với cô ta và lôi kéo cô ta, - Volkhonxky nói thêm.

Quyết định là vợ tôi sẽ kể với cô y tá, Maria Kuzina, về người bolsevich, một anh hùng chiến tranh bị bôi nhọ để chiếm cảm tình của cô, Volkhonxky nói thời gian trò chuyện không được quá 3-4 phút.

Chưa qua một tháng, kế hoạch đã thực hiện được. Vợ tôi gặp cô y tá, cầu xin cô và Volkhonxky giúp cứu chồng, để tôi được ra toà nơi sẽ quyết định một cách công bằng số phận của tôi. Cuộc nói chuyện tất nhiên bị ghi băng, nhưng nó không gây sự chú ý của viện công tố. Vợ tôi đã tìm cách liên lạc với Maria và giữa họ đã có quan hệ tin cậy. Vợ tôi tìm mọi khả năng có thể để cảm ơn người phụ nữ đôn hậu này. Chúng tôi giữ quan hệ thân tình cả sau khi tôi được tha.

Trong tù không bao giờ tôi trò chuyện với Maria - cô chỉ dịu dàng nắm tay tôi, cho thấy rằng, tờ báo bọc sách sẽ cho tôi thông tin cần thiết.

Cứ thế kéo dài chừng nửa năm, và rất bất ngờ đối với tôi, người ta đặt tôi lên cang và trong chiếc xe y tế chuyên môn có lính gác chở tôi ra ga xe lửa. Đó là mùa đông năm 1955. Từ lúc tôi bị bắt đã qua chừng một năm rưỡi.

Hai lính áp giải vũ trang mặc dân sự khênh tôi vào ngăn tàu. Con tàu đi đâu? Tôi không biết. Thế nhưng dù trời tối tôi vẫn kịp đọc tám biển trên toa "Moskva-Leningrad".

Trong ngăn tàu có tôi và Maria. Lập tức sau khi tàu khởi hành lính áp giải khoá cửa bỏ đi, nói sẽ quay lại sau nửa giờ. Tôi nằm ở ngăn dưới, còn Maria - ngăn trên. Không nói một lời, cô chìa cho tôi cuốn sách bọc tờ báo *Sự thật* với chính bài báo về việc xử bắn Abakumov nọ. Trong báo cũng nói về việc Malenkov rời chức vụ đứng đầu chính phủ, thay ông ta là Bulganin. Thông tin này đặc biệt quan trọng đối với tôi.

Tại nhà ga Moskva ở Leningrad xe cấp cứu đã chờ chúng tôi và tôi bị chở về *Chữ thập* nổi tiếng buồn thảm - nhà tù mà thời Sa hoàng dùng để tạm giam. Một chái nhà tù được biến thành bệnh viện tâm thần. Khám cho tôi là bác sĩ tâm thần, trung tá quân y Petrov người về sau theo dõi "việc chữa trị" của người theo phái ly khai - bảo vệ nhân quyền Vladimir Bukovsky. Thời của tôi nhà tù đầy rẫy không chỉ tù hình sự mà cả tù chính trị, một số họ đã ở đây hơn mười năm.

Petrov hoàn toàn vừa ý việc khám bệnh và xếp tôi vào lán cùng tướng Xumbatov, cục trưởng Cục kinh tế Bộ An ninh, và Xarkixov, chỉ huy bảo vệ của Beria. Tôi hiểu lán bị nghe trộm. Tôi cảm thấy là cả hai người cùng phòng đều bị bệnh tâm thần. Xarkixov có thời là công nhân nhà máy dệt ở Tbilisi luôn mồm than vãn rằng những lời buộc tội dối trá đối với anh ta đã phá vỡ sự hoàn thành cấp tốc kế hoạch 5 năm trong công nghiệp dệt. Anh ta xin các bác sĩ giúp vạch mặt công tố viên Rudenko, kẻ cản trở ứng dụng máy mới anh ta phát

minh và tăng năng suất dệt, bằng cách đó không cho anh ta nhận danh hiệu Anh hùng Lao động Xã hội chủ nghĩa.

Xumbatov ngồi trên giường, khóc và hét. Từ những lời rời rạc của ông có thể hiểu rằng của báu Beria chôn tại biệt thự Hội đồng bộ trưởng ở Jukovka gần Moskva, chứ không phải bị bọn buôn lậu chở ra nước ngoài. Sau đó tiếng hét của ông càng to hơn. Thoạt đầu tôi nghĩ tiếng hét là phản ứng vì các mũi tiêm, nhưng khi ông chết tôi đã biết ông bị ung thư và nỗi đau không chịu thấu cú hành hạ ông. Tại *Chữ thập* tôi thành người tàn phế. Ở đây lần thứ hai người ta chọc tuỷ sống tôi và làm tổn hại nghiêm trọng cột sống. Tôi bất tỉnh, và chỉ truyền thức ăn để đưa tôi trở lại cuộc sống. Đặc biệt nặng nề tôi phải chịu đựng là trị liệu sốc điện, nó gây những cơn đau đầu kinh khủng.

Tôi ở *Chữ thập* được một tuần thì vợ tôi đến Leningrad. Điều đó đã cứu sống tôi, bởi cô kêu gọi được rất nhiều bạn bè chúng tôi, cựu cán bộ MGB Leningrad, giúp đỡ. Trong số đó, chú của vợ tôi, Krimker, một người quyền rũ nhiều tài, đã giúp được nhiều nhất. Trí tuệ giàu sáng kiến của ông nghĩ ra chế độ ăn đặc biệt và đảm bảo chuyển đều đặn vào lán cho tôi, còn để cung cấp thông tin, vợ và Krimker nghĩ ra cách nói ẩn dụ. Phương thức như cũ: cuốn sách trong tay cô y tá được bọc báo, kiểu như họ hàng gửi cho cô. Và thế vợ cho tôi biết rằng “ông già” (Stalin) bị đả phá tại cuộc họp chung của “các nông trang viên” (đại hội đảng lần thứ XX), các “thủ quỹ” (những người bị bắt với tôi) cảm thấy tội tệ, điều kiện ở “trại chăn nuôi” vẫn thế, nhưng nó có đủ tiền và liên hệ để mọi thứ vẫn tiếp tục. Tôi không hiểu nổi một câu: “không ai biết bao giờ Lev Xemenovich chữa khỏi bệnh lao”. Hoá ra đó là một người có thật - Lev Xemenovich Rapoport, đạo diễn nhà hát Akimov. Ông cho các con của cô y tá, đến Leningrad học, thuê phòng. Đó là sự phòng ngừa nhỡ người ta lấy được bức thư. Lúc ấy dễ dàng chứng minh là con người có thật trong thực tế.

Những phát tiêm thuốc aminazin đều đặn làm tôi bị ức chế, và tâm trạng tôi hay thay đổi. Trước cuối năm 1957 chưa có cuộc gặp mặt với vợ, nhưng viện công tố, muốn khép vụ án của tôi, đã cho phép cuộc gặp gỡ. Trong tháng 12 tôi gặp vợ 7 lần. Tại buổi gặp nào cũng có điều tra viên Tsaregradsky và hai bác sĩ. Tôi không nói một lời, nhưng ở lần gặp thứ hai tôi không kìm nổi nước mắt. Vợ nói, với bọn trẻ mọi sự ổn thoả và tất cả mọi người đều khỏe. Tôi cũng biết rằng Raikhman được ân xá. Eitingon nhận 12 năm tù, rằng không ai tin vào tội lỗi của tôi, rằng bạn bè cũ vẫn giúp đỡ cô như cũ và tôi nên bắt đầu ăn uống. Tôi không trả lời. Tôi cho là người ta cho gặp mặt nhằm đưa tôi ra khỏi trạng thái trầm uất và chứng minh tôi giả vờ bệnh tâm thần để tránh bị xử bắn.

Nhìn lại, tôi không loại trừ rằng dưới ảnh hưởng các thủ tục điều trị tôi đích thực có thể lâm vào tình trạng thiếu năng ý thức. Thế nhưng các thẩm định và bác sĩ chữa bệnh biểu hiện phần nào ngờ vực trong đánh giá trạng thái của tôi. Trong một kết luận kín về vụ án tôi viết rằng “Xudoplatov bị bắt, khi ở trong bệnh viện đặc biệt của nhà tù, bị buộc tội đã tuân thủ sự bảo mật cần thiết về thực chất của các hoạt động, trong những trường hợp riêng lẻ chuyển sang xử sự như một người bình thường”. Kèm vào hồ sơ còn báo cáo điệp viên: “tội phạm Xudoplatov tiếp xúc trò chuyện, đã lộ ra trí tuệ được giữ nguyên, nhân cách trọn vẹn, khả năng suy xét với sự ứng dụng định hướng chính trị-xã hội, đặc biệt sự bảo mật công vụ”...

Thế nhưng sau một tháng tôi bắt đầu ăn thức ăn khô, dù các răng cửa đã gãy do nuôi dưỡng cưỡng chế lâu dài. Tôi bắt đầu hồi phục và trả lời những câu đơn giản. Điều kiện giam giữ tôi trở nên tốt hẳn. Tháng 4-1958 trung tá Petrov tuyên bố rằng, do trạng thái sức khỏe của tôi, có thể lập lại việc điều tra. Tôi lại được chở ra ga và ngồi vào toa dành cho tù nhân. Tại Moskva tôi lại rơi vào nhà tù Butyrk quén thuộc.

Tôi lập tức cảm thấy bối cảnh chính trị trong nước đã thay đổi. Sau hai-ba ngày, một số giám thị và phụ trách khu nhà tù - cựu sĩ quan và binh sĩ Binh đoàn đặc nhiệm - đã đến thăm tôi. Họ đến chào và động viên tôi, công khai chửi rủa Khrusev vì đã hủy bỏ phụ cấp cho quân hàm trong MVD và bằng cách ấy đặt họ vào địa vị loại người hạng hai so với những quân nhân phục vụ trong Quân đội Xô viết và KGB. Họ cũng bức tức rằng Khrusev hoãn đến hai mươi năm trả tín phiếu nhà nước mà tất cả chúng tôi có nghĩa vụ ký với số tiền từ 10 đến 20% tiền lương. Tôi không biết trả lời thế nào, nhưng đã cảm ơn vì sự ủng hộ tinh thần và vì khả năng được cạo râu - lần đầu tiên sau 5 năm.

NHỮNG NĂM GIAM CẦM ĐẦU TRANH ĐỂ ĐƯỢC MINH OAN

1. Kỹ thuật thanh trừ các nhân chứng chính trị bất lợi đối với chính quyền

Lại bắt đầu những cuộc hỏi cung. Lần này đã không còn Tsaregradsky tiến hành vụ án của tôi (muộn hơn tôi nghe nói ông ta bị sa thải khỏi viện công tố vì ăn hối lộ). Thay ông ta là Preobrajensky, trợ lý đặc biệt của Rudenko, làm việc cùng cặp với điều tra viên chính Andreev. Preobrajensky đã ngoài 50, ông ta đi chân giả, điều ảnh hưởng đến tính cách của ông - cau có và kín đáo. Tiện thể nói thêm, ông ta đi vào lịch sử đấu tranh của chính quyền với giới trí thức, khi chuẩn bị cho Rudenko thư gửi BCHTU¹, rằng Borix Paxternak xử sự hèn nhát tại những cuộc hỏi cung. Sự cau có của Preobrajensky là đối lập kinh khủng với phong cách của Andreev. Andreev trẻ hơn, luôn luôn ăn mặc cẩn thận, hài hước và thường cho phép có những câu đùa nhàn đưa ra các cáo buộc đối với tôi. Ông ta ghi biên bản, không xuyên tạc các lời đáp của tôi, và tôi cảm thấy rằng ông ta bắt đầu có cảm tình với tôi sau khi làm rõ là tôi không liên đới đến vụ sát hại Mikhoels, cũng như đến những thử nghiệm trên những người bị tuyên án tử hình do cán bộ phòng thí nghiệm chất độc tiến hành. Bản chất vụ án của tôi đã rõ, theo lời Andreev, nhưng tôi vẫn không thể thoát thời hạn tù giam dài, lưu ý đến thái độ của ban lãnh đạo cao nhất đối với những người đã làm việc với Beria. Ông ta dự đoán người ta sẽ cho tôi 15 năm.

Trong khi đó Preobrajensky chuẩn bị những biên bản ngụy tạo các cuộc hỏi cung, nhưng tôi từ chối ký chúng và gạch bỏ tất cả những lời buộc tội giả dối mà ông buộc cho tôi. Sau đó Preobrajensky định tổng tiền tôi, tuyên bố rằng sẽ thêm một buộc tội mới - giả vờ điên, tôi đáp lại một cách bình tĩnh:

- Hẳn ông cũng phải vô hiệu hoá hai kết luận của Ủy ban y tế khẳng định rằng tôi nằm trong tình trạng trầm uất và hoàn toàn không phù hợp để hỏi cung.

Về phần mình, tôi buộc tội Tsaregradsky và Rudenko là họ đánh gục tôi khi làm tôi không được ngủ suốt hơn ba tháng, và nhốt tôi vào xà lim không cửa sổ, dẫn đến trạng thái mà không thể thoát ra nổi sau sự chạy chữa lâu dài. Preobrajensky suốt thời gian chỉ muốn lấy được lời thú nhận từ tôi, nhưng tôi không khuất phục. Cuối cùng ông ta tuyên bố: “Việc điều tra vụ án của anh đã kết thúc”. Và đó là lần đầu - cũng là lần duy nhất! - người ta đưa cho tôi cả bốn tập hồ sơ về vụ án của tôi. Kết luận buộc tội chiếm hai trang. Đọc nó, tôi tin chắc rằng Andreev đã giữ lời của mình - do thiếu các chứng cứ buộc tội tôi tham gia âm mưu của Beria có ý đồ cướp chính quyền, đã bị hủy. Các buộc tội tôi làm đổ vỡ chiến dịch chống Tito cũng bị bỏ. Trong hồ sơ của tôi cũng không còn những kế hoạch huyền hoặc về sự chạy trốn của Beria sang phương Tây. Không còn nhắc tới Mairanovsky là họ hàng của tôi. Thế nhưng bản cáo trạng vẫn coi tôi là kẻ ác độc thâm căn cố đế, từ năm 1938 đã câu kết với những kẻ thù của nhân dân và luôn chống đảng và chính phủ. Để chứng minh, người ta dùng những lời khai chống các cán bộ tình báo đầu chiến tranh được tha khỏi nhà tù theo yêu cầu của tôi, và các liên hệ của tôi với “kẻ thù của nhân dân” - Spigelglaz, Xerebrianxky, Maly và những người khác, dù tất cả họ, ngoài Xerebrianxky, đến thời gian ấy đã được minh oan sau khi chết. Từ quan điểm luật pháp những buộc tội này đã mất đi hiệu lực pháp lý, nhưng

tình huống này chẳng làm ai xúc động.

Những lời buộc tội ban đầu được nêu ra chỉ còn lại ba:

thứ nhất - cấu kết ngầm với Beria để ký kết hiệp ước hòa bình tay đôi với nước Đức Hitler năm 1941 và lật đổ chính phủ Xô viết;

thứ hai - là người của Beria và chỉ huy Nhóm đặc biệt được thành lập trước chiến tranh, tôi thực hiện những vụ sát hại bí mật những người chống lại Beria nhờ chất độc, nguy tạo cái chết của họ như những trường hợp rủi ro;

thứ ba - từ 1942 đến 1946 tôi giám sát công việc của “Phòng thí nghiệm - X” - những xà lim đặc biệt, nơi thử chất độc lên những tù phạm bị kết án tử hình.

Trong cáo trạng không nêu một trường hợp làm chết người cụ thể nào. Thế nhưng nhắc đến phó của tôi Eitingon, bị bắt năm 1951, được Beria tha “một cách sai lầm và phạm pháp sau cái chết của Stalin vào tháng 3-1953 và lại bị xét xử theo đúng những tội danh ấy - phản bội Tổ quốc - vào năm 1957.

Kết luận buộc tội kết thúc bằng đề nghị Tòa án quân sự nghe vụ án của tôi theo chế độ kín không có sự tham gia của công tố và luật sư.

Tôi nhớ lại vợ tôi đã nói trong một buổi gặp tại *Chữ thập* về Raikhman và nhắc rằng thực tiễn những tòa án kín thiếu sự tham gia của luật sư được đưa ra sau vụ sát hại Kirov, đã bị luật pháp cấm năm 1956. Raikhman tránh thoát được việc xử bí mật và vì thế được ân xá. Trước tôi có một nhiệm vụ không đơn giản: làm sao nói với Preobrajensky rằng tôi đã biết luật pháp cấm xem xét vụ án thiếu luật sư? Tôi đã nằm trong tình trạng tâm thần cơ mà. Lúc ấy tôi viết thư yêu cầu Preobrajensky hỏi vì sao đưa ra đề nghị nghe vụ án không có luật sư. Ông ta đáp rằng trong kết luận buộc tội không có sự cần thiết đi sâu vào những chi tiết vụn vặt như vậy, và tuyên bố với tôi với chữ ký về sự từ chối cấp luật sư. Tôi đòi Bộ luật tố tụng hình sự để có thể thực hiện quyền hiến pháp có bào chữa, nhưng yêu cầu này cũng bị Preobrajensky ký từ chối. Đối với tôi điều vi phạm pháp luật có ý thức này rất quan trọng được ghi nhận bằng văn bản.

Sau đó tôi đề nghị phó phụ trách nhà tù, thuộc cấp cũ của tôi trong những năm chiến tranh, xin được cấp bộ luật tố tụng hình sự. Giám ngục thông báo rằng yêu cầu của tôi bị từ chối, nhưng phó phụ trách nhà tù sẵn sàng tiếp tôi và nghe những than phiền của tôi liên quan đến các điều kiện giam giữ trong tù. Khi tôi được dẫn đến văn phòng của ông mà tất nhiên bị nghe trộm, chúng tôi không để lộ là đã biết nhau. Ông khẳng định rằng sự khiếu nại của tôi bị gạt bỏ, nhưng nói rằng tôi có thể làm quen với chỉ dẫn về điều kiện giam giữ người bị điều tra trong tù trước khi viết bản khiếu nại chính thức. Trên bàn bên cạnh với chỉ dẫn có phụ lục trong đó có chính điều tôi đang quan tâm - Sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô ngày 30-4-1956 về hủy bỏ chế độ đặc biệt việc xem xét tòa án của các vụ về sự phản bội quốc gia thiếu sự tham gia của bên bào chữa.

Tuyên bố chính thức của tôi về việc có luật sư bị coi thường hẳn là theo lệnh “từ trên”, tức từ chính Khrusev, kể đến lúc ấy đã đứng đầu cả đảng lẫn chính phủ. Tôi quyết định chờ một ít thời gian và lặp lại đòi hỏi của tôi về người bào chữa ngay vào lúc tiến hành xử án.

Buổi gặp cuối với điều tra viên kết thúc với tôi là bước ngoặt bất ngờ. Preobrajenskij bỗng đòi tôi viết về sự tham gia của Molotov trong sự thăm dò của Xtamenov. Điều này làm tôi băn khoăn tợn, và tôi hiểu rằng chắc giờ đây Molotov không còn được ưu ái. Tôi không biết gì về “nhóm chống đảng” bị tách khỏi lãnh đạo vào năm 1957, trong nhóm có Molotov, Malenkov và Kaganovich. Thư của tôi rõ ràng gây ấn tượng với Preobrajenskij, đặc biệt thông tin Molotov thu xếp cho vợ Xtamenov vào làm việc tại Viện sinh học Viện hàn lâm khoa học Liên Xô chỗ viện sĩ Bakh. Tôi cũng nhớ lại rằng với Molotov được hỏi về những quà tặng mà Xtamenov sẽ trao ở quê nhà cho gia đình nhà vua. Phản ứng của điều tra viên củng cố hi vọng của tôi, rằng bất chấp một phiên tòa kín, người ta vẫn sẽ để tôi sống làm nhân chứng chống lại Molotov.

33 - đó là số tuyên bố của tôi gửi Khrusev, Rudenko, thư ký Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao, Xerov, người đã trở thành chủ tịch KGB, và những nhân vật khác với đòi hỏi kiểm cho tôi luật sư và phản kháng đối với những nguy tạo thô bạo chứa trong các cáo trạng đưa ra với tôi. Tôi không nhận được một lời đáp nào.

Thông thường, khi sự điều tra ở cấp độ cao nhất về những vụ đặc biệt quan trọng đã kết thúc, vụ án được chuyển ngay sang Tòa án tối cao. Trong vòng một tuần hay nhiều nhất là một tháng, tôi phải nhận được giấy báo về thời gian sẽ tiến hành xử án. Nhưng đã qua ba tháng - vẫn không một lời nào. Chỉ vào đầu tháng 9-1958 người ta mới thông tin chính thức với tôi rằng vụ án của tôi sẽ được tòa án quân sự xem xét ngày 12-9 không có sự tham gia của công tố và bào chữa. Tôi bị chuyển vào nhà tù nội Lubianka, còn sau đó sang Lefortovo. Sau nhiều năm tôi biết được rằng thiếu tướng Borixoglebixkiy, chủ tịch Tòa án quân sự, ba lần chuyển vụ án của tôi sang viện công tố để tiến hành điều tra bổ sung. Và ba lần vụ án bị trả lại.

Giờ đây tôi có cảm giác rằng số phận của tôi đã bị phán quyết trước, nhưng không ai muốn nhận về mình trách nhiệm về sự vi phạm pháp luật vào giai đoạn những lời hứa được truyền đi rộng rãi, tiếp đến ngay sau cái chết của Stalin và những chỉ trích bởi Khrusev về các tội ác của ông tại đại hội đảng lần thứ XX. Muộn hơn tôi được rõ rằng các thư của tôi gửi Xerov và Khrusev trong đó tôi viện đến những lần gặp gỡ của chúng tôi ở Kremli và đến sự hợp tác tác chiến trong và sau chiến tranh, đã gây nên phản ứng. Cấp dưới cũ của tôi đại tá Alexakhin lập tức được cử đến viện công tố để rút đi tất cả các tài liệu tác chiến từ hồ sơ của tôi liên quan đến sự tham gia của Khrusev vào những chiến dịch bí mật chống phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina. Viện công tố cam đoan với ông ta rằng trong số bốn tập hồ sơ không có tập nào nêu tên Khrusev.

Đại tá Alexakhin là sĩ quan tình báo có kinh nghiệm và khi người ta cho xem bản cáo trạng, ông nói thẳng với công tố viên quân sự rằng, những lời buộc tội không cụ thể và bị nguy tạo. Các sĩ quan cấp thấp - điều tra viên đồng ý với ông, nhưng nói rằng mệnh lệnh không được bàn, mà phải thi hành - chúng đến từ phía trên.

Alexakhin lấy ở viện công tố ba phong bì dán kín với những tài liệu chưa được xem lấy ra từ kết sắt công vụ của tôi khi lục soát năm 1953. Ông trao các phong bì cho ban thư ký của Xerov và không bao giờ trông thấy chúng nữa.

Tôi không nhớ hết toàn bộ những gì có trong kết của tôi, nhưng chắc chắn có những ghi

chép về sự đồng ý của lãnh đạo tối cao thời đó - Stalin, Molotov, Malenkov, Khrusev và Bulganin - cho việc thủ tiêu các nhân vật bất lợi đối với chính phủ và, ngoài ra, ghi chép hồ sơ điệp viên tình báo chúng ta về sự thâm nhập qua các nhóm Do Thái vào chính phủ và trong số các bác học nghiên cứu về năng lượng nguyên tử.

Muộn hơn khi Alexakhin với hai cựu binh tình báo chạy vạy về việc xem xét lại vụ án của tôi, ông đã viện ra chuyện này. Người ta khuyên họ im lặng và không bôi nhọ đảng thêm nữa khi lôi ra ánh sáng những vụ việc không đẹp để đến thế.

Tôi bị chở đến tòa nhà Tòa án tối cao trên phố Vorovxkaia trên xe tù. Trên người tôi không có xiềng xích, và lính áp giải KGB kèm tôi được lệnh ngồi đợi tại phòng đón khách của phó chủ tịch tòa án quân sự, ngoài phạm vi gian phòng xét án. Họ không được phép vào, bất chấp thủ tục chung. Tôi mặc đồ dân sự. Căn phòng mà tôi vào, trông không giống gian xử án. Đó là một văn phòng bài trí đẹp với bàn viết trong góc và một cái bàn dài dành cho các cuộc họp mà ngồi ở đầu là thiếu tướng Koxtromin, tự giới thiệu là phó chủ tịch tòa án quân sự. Những quan toà khác là đại tá tư pháp Romanov và phó thủy sư đô đốc Ximonov. Trong phòng còn hai thư ký - một người là thiếu tá Afanaxiev muộn hơn là thư ký trong phiên toà Penkovsky.

Koxtromin khai mạc cuộc họp, sau khi nêu họ tên các quan tòa và hỏi tôi có phản đối và yêu cầu gì liên quan đến thành phần quan tòa hay không. Tôi đáp không, nhưng tôi phản kháng liên quan đến chính phiên toà kín và sự vi phạm thô bạo quyền hiến pháp của tôi được có bào chữa. Tôi nói luật pháp cấm xử án kín thiếu sự tham gia của luật sư, theo bộ luật hình sự nó chỉ giành cho kẻ bị tội cao nhất - tử hình, mà do bệnh nặng tôi trải qua, tôi không thể tự bào chữa tại phiên toà xử án.

Koxtromin chết đứng. Các quan tòa lo lắng nhìn chủ tịch, thủy sư đô đốc có vẻ bất an nhất. Koxtromin tuyên bố rằng toà nghỉ để hội ý, và bối rối nhận xét rằng tôi không có quyền gì tranh cãi hình thức tố tụng. Lập tức ông ta bảo thư ký dẫn tôi ra phòng tiếp khách.

Toà hội ý khoảng một giờ, trong lúc ấy bất ngờ tôi trông thấy những người cần phải phát biểu chống lại tôi với tư cách nhân chứng. Xuất hiện đầu tiên trong phòng tiếp khách là viện sĩ Muromtsev phụ trách phòng thí nghiệm vi trùng trước kia của NKVD-MGB nơi người ta thử các vũ khí vi trùng lên người bị khép án tử hình cho đến tận năm 1950. Tôi biết ông chỉ sơ qua và chưa bao giờ làm việc cùng ông nếu không tính việc đã gửi cho ông các tài liệu tình báo nhận được từ Israel về những nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực vũ khí vi trùng. Nhân chứng khác là Mairanovxky: nhợt nhạt và lo sợ, ông xuất hiện trong phòng có áp giải.

Trông thấy tôi Mairanovxky bật khóc. Ông rõ ràng không ngờ gặp tôi ở phòng tiếp khách, không áp giải, ngồi trong ghế bành, mặc trang phục sang và đeo cà vạt. Thư ký vội ra lệnh áp giải đưa Mairanovxky ra và chạy đi báo cáo với Koxtromin. Ông ta quay lại nhanh và đưa tôi vào phòng án. Koxtromin tuyên bố yêu cầu của tôi bị chính chủ tịch Tòa án tối cao Liên Xô gạt bỏ. Nếu tôi ngoan cố không trả lời các câu hỏi của quan tòa, toà sẽ tiếp tục không cần bị cáo và sẽ kết án vắng mặt. Ông ta hỏi tôi có thú tội không, tôi đã kiên quyết gạt bỏ mọi lời cáo buộc. Sau đó ông ta tuyên bố rằng hai nhân chứng, cựu cán bộ cơ quan an ninh Galiguzov và Pudín, không thể có mặt tại toà vì lý do sức khỏe. Hai nhân chứng khác, viện sĩ Muromtsev và Mairanxky bị kết án đang ngồi ở phòng bên và sẵn sàng đưa ra

những lời khai làm chứng.

Tiếp theo Koxtromin tuyên bố: các lời khai của Beria không thuyết phục được tòa, rằng anh không phải là người tin cậy của y, mà chỉ thi hành mệnh lệnh do y truyền đạt thay mặt chính phủ. Thêm nữa, ông ta nói, tòa cho rằng Beria che giấu sự kiện phản bội tổ quốc, và những lời khai có trong hồ sơ điều tra của anh, không có ý nghĩa đối với tòa. Tôi kiên quyết phủ nhận rằng tôi đã có ý đồ vượt mặt chính phủ để thiết lập tiếp xúc riêng, bởi không những Molotov biết về các tiếp xúc này mà còn cho phép, và việc thăm dò trong mục đích tình báo được phép của chính phủ không thể coi là sự phản bội tổ quốc. Hơn nữa, ngày 5-8-1953 chính đồng chí Khrusev cam đoan với tôi rằng không tìm thấy trong các hành động của tôi sự vi phạm pháp luật nào hay lỗi lầm trong vụ Xtamenov.

Trắng bệch mặt, chủ tịch cấm tôi nhắc đến tên Khrusev. Các thư ký ngừng ghi biên bản. Tôi nóng mặt, và không kìm được đã hét lên:

- Các ông xử một người bị OUN phát xít tuyên án tử hình, một người liều mạng vì nhân dân Xô viết! Các ông xử tôi cũng y như những kẻ tiền nhiệm các ông đã đưa ra xử bắn những người anh hùng của ngành tình báo Xô viết.

Tôi bắt đầu liệt kê họ tên bạn bè và đồng nghiệp tôi đã hy sinh - Artuzov, Spigelglaz, Maly, Xerebrianxky, Xoxnovxky, Gorajanin và những người khác. Koxtromin bị choáng; phó thủy sư đô đốc Ximonov ngồi trắng bệch như vôi.

Sau khoảng ngừng ngắn Koxtromin trấn tĩnh lại và nói:

- Không ai kết án tử hình trước cho anh. Chúng tôi muốn lập lại sự thật.

Sau đó người ta gọi Muromtsev vào và đọc lời khai của ông 5 năm về trước. Thật ngạc nhiên và không thỏa mãn đối với tòa, Muromtsev nói rằng không thể khẳng định những lời khai trước đây của ông. Theo ông, ông không nhớ sự kiện nào có dính líu của tôi với công việc ở phòng thí nghiệm nghiên cứu vi trùng bí mật.

Sau đó Mairanovxky được gọi vào. Ông khai rằng đã tư vấn cho tôi trong bốn trường hợp. Được phép tòa, tôi hỏi ông có trực thuộc tôi trong công tác hay không, bốn trường hợp được nhắc tới là thử nghiệm lên con người hay chiến dịch chiến đấu và cuối cùng, ông nhận lệnh sử dụng chất độc từ ai? Tôi ngạc nhiên thấy thủy sư đô đốc ủng hộ tôi. Và toàn bộ dàn cảnh được nghĩ rất tốt bị rã nát. Mairanovxky khai là chưa bao giờ trực thuộc tôi trong công việc, và bắt đầu khóc. Qua nước mắt ông thừa nhận các thử nghiệm trong thực tế là những chiến dịch chiến đấu, còn Molotov và Khrusev ra mệnh lệnh tiêu diệt mọi người. Ông kể đã gặp Molotov tại Ủy ban thông tấn như thế nào, rồi kể về lần gặp Khrusev trong toa tàu hỏa ở Kiev. Lập tức Koxtromin cắt ngang ông, nói tòa thế là đã hiểu những lời khai của ông rồi. Sau đó ông ta ấn chuông và lính áp giải xuất hiện đưa Mairanovxky đi. Sau vụ này tôi không gặp ông ba năm - cho đến ngày chúng tôi gặp nhau lúc đi dạo ở sân trong của nhà tù Vladimir.

Các quan tòa rõ ràng là bối rối. Họ nhận được sự khẳng định cái gọi là hành động khủng bố chính là chiến dịch chiến đấu được tiến hành chống những kẻ thù độc ác nhất của chính quyền Xô viết theo lệnh trực tiếp của chính phủ, chứ không phải sáng kiến của tôi. Tôi cũng

chỉ ra rằng, tôi không phải là nhân vật có chức vụ cao nhất khi thực hiện các chiến dịch này bởi trong trường hợp nào cũng có đại diện đặc biệt của chính phủ - thứ trưởng thứ nhất Bộ An ninh Liên Xô Ogolsov và bộ trưởng Bộ An ninh Ucraina Xavtsenko, còn các cơ quan an ninh địa phương trực tiếp tuân thủ theo tôi. Tôi đề nghị cho gọi họ với tư cách nhân chứng và đòi trả lời tôi, tại sao họ không chịu trách nhiệm về sự lãnh đạo các vụ này.

Tôi cũng viện ra rằng, chính theo quyết định của chính phủ tháng 7-1946 đã xác lập chế độ đặc biệt thủ tiêu những kẻ thù nguy hiểm nhất của nhà nước cả bên trong lẫn bên ngoài nước theo tuyến các cơ quan an ninh và cục tình báo bộ Tổng tham mưu Hồng quân.

Tôi cảm thấy rõ các quan tòa còn chưa sẵn sàng thừa nhận hiện thực, rằng tất cả những vụ thủ tiêu được phép của những nhà lãnh đạo đứng cao hơn Beria một bậc, còn ông không liên quan gì đến những gì được kể trên tòa.

Koxtromin nhanh chóng tổng kết phiên tòa. Theo lời ông ta, tôi bị xử không phải vì những chiến dịch chống lại kẻ thù của chính quyền Xô viết. Tòa cho rằng tôi lãnh đạo những chiến dịch bí mật khác nhằm chống lại kẻ thù của Beria. Tôi lập tức đề nghị đưa ra dù chỉ là một sự kiện cụ thể hành động khủng bố có tôi tham gia chống chính phủ hay kẻ thù của Beria. Koxtromin bác lại một cách gay gắt: vụ án Beria đã khép lại, và xác định chính xác hành động loại này được tiến hành nhiều lần, bởi tôi làm việc dưới sự chỉ huy của ông, nên cũng có tội. Thế nhưng đến giờ tòa chưa có đủ chứng cứ tương ứng. Với những lời đó ông ta tuyên bố kết thúc nghe hồ sơ vụ án, sau khi cho tôi nói lời cuối cùng.

Tôi ngắn gọn tuyên bố về sự vô tội của mình và về sự thanh trừ tôi diễn ra có lợi cho bọn phát xít Ucraina, các cơ quan đặc biệt đế quốc và bọn Trótkít ở nước ngoài. Cuối cùng tôi đòi thực hiện quyền luật pháp của tôi là đọc biên bản phiên tòa, cho vào đó những nhận xét của tôi.

Tôi bị từ chối.

Koxtromin tuyên bố giải lao. Tôi được dẫn ra phòng tiếp tân nơi người ta mời trà và bánh kẹp thịt. Thủy sư đô đốc lại gần tôi, bắt tay và nói là tôi đã trụ vững như một người đàn ông cần làm. Ông trấn an: mọi sự sẽ tốt. Sau một ít thời gian tòa lại tiếp tục. Koxtromin đọc tuyên án, nhắc lại từng lời buộc tội, nhưng có bổ sung: “Tòa không cho là hợp lý ứng dụng hình phạt cao nhất đối với tôi - tử hình và tuyên án dựa trên các tài liệu có trong hồ sơ nhưng không được xem xét tại phiên xử án”. Tôi bị kết án 15 năm tù giam. Tuyên án là cuối cùng và không được kháng cáo. Đã là chớm thu năm 1958. Từ khi bị bắt năm 1953 tôi đã ở trong tù 5 năm.

Tôi kiệt sức. Tôi không thể thoát khỏi trạng thái sốc, cảm thấy sắp ngất đi và đành ngồi xuống. Nhanh chóng tôi đã ở nhà tù nội Lubianka. Đầu tôi đau kinh khủng đến nỗi giám ngục phải cho tôi thuốc giảm đau. Tôi còn chưa hồi tỉnh khi bất ngờ bị điệu đến văn phòng của Xerov - lãnh địa cũ của Beria. Nhìn tôi một cách u ám Xerov đề nghị ngồi xuống.

- Anh hãy nghe chăm chú đây, - ông ta bắt đầu. - Anh còn nhiều thì giờ suy nghĩ kỹ tình trạng của mình. Anh sẽ được đưa đến nhà tù Vladimir. Nếu ở đây anh nhớ lại về những hành động mờ ám hay mệnh lệnh tội phạm nào đó của Molotov và Malenkov, liên quan với vụ này hay vụ khác bên trong hoặc bên ngoài nước, hãy thông báo với tôi, nhưng đừng

nhắc đến Nikita Xergeevich (Khrusev). Và nếu, - ông ta kết thúc, - anh hãy nhớ điều tôi, anh sẽ sống và chúng tôi sẽ ân xá cho anh.

Bất kể đau đầu, tôi thể hiện sự đồng ý. Tôi không bao giờ gặp lại ông ta nữa.

2. Nhà tù Vladimir là nơi giam giữ các nhân chứng nguy hiểm, không mong muốn nhất đối với chế độ

Tôi lập tức được chuyển sang nhà tù Lefortovo và sau hai ngày người ta cho phép gặp vợ và em trai Konstantin. Cuối cùng thì tôi khóc tự do, còn họ đến mức có thể, an ủi tôi. Tin tôi bị giam ở nhà tù Vladimir dấy lên nỗi mừng được che giấu: em gái vợ sống tại thành phố này, chồng cô Alexandr Komalkov là cán bộ lãnh đạo bộ máy MVD tỉnh Vladimir, phó chỉ huy sở cảnh sát giao thông. Họ sống ngay trong ngôi nhà nơi toàn bộ ban phụ trách nhà tù sống, kể cả giám ngục. Komelkov và vợ có quan hệ rất tốt với các hàng xóm. Chẳng bao lâu vào kỳ nghỉ hè con trai nhỏ Anatoli đến Vladimir, ở đây nó kết bạn với Iuri, cậu bé cùng lứa tuổi, con của giám đốc nhà tù Vladimir đại tá Kozin. Trong nhóm chúng có Olga, con gái của phó của Kozin sống ngay cạnh.

Vợ tôi gặp may, cô không bị bắt khi tôi đang bị điều tra như các bà vợ những nhân vật quan chức khác theo vụ Beria. Cô thận trọng cắt đứt quan hệ với những đồng nghiệp cũ. Còn bạn bè không liên quan với cơ quan an ninh thì giúp đỡ chúng tôi rất nhiều, đặc biệt là Mariana Iaroxlavskaia. Cha cô là Emelian Iaroxlavsky là bí thư BCHTU đảng từ năm 1920 đến 1940, được xem là nhà tư tưởng của đảng một cách không chính thức. Tôi làm quen với ông và vợ ông - nữ chiến sĩ cách mạng năm 1943, khi nhận biệt thự bên cạnh nhà của ông. Việc làm quen với gia đình tôi Iaroxlavsky có vai trò lớn trong cuộc sống của tôi và giúp gia đình trụ vững. Qua Mariana vợ tôi kết bạn với các nhà điêu khắc, họa sĩ, nhà văn. Sau khi Iaroxlavsky chết tôi đã quan tâm đến gia đình ông và góa phụ Klavdia Ivanovna. Đến lượt mình, bà giới thiệu tôi với bí thư BCHTU Kuznetsov, người ủng hộ tôi trong đụng độ với Abakumov. Anna Tsukanova sau khi Malenkov bị phê truất được Xuxlov chuyển khỏi BCH giữ chức vụ thứ trưởng bộ văn hóa Liên bang Nga phụ trách cán bộ, cũng giúp chúng tôi nhiều về vật chất và tinh thần. Chính Anna khuyên vợ tôi làm ra về cô không biết người ta buộc chồng tội gì. Vì thế những đơn xin của cô gửi Khrusev và Malenkov bao giờ cũng bắt đầu từ cam đoan rằng cô không rõ bản chất các cáo buộc chống lại tôi. Cô làm tất cả để chứng minh lòng trung thành của tôi trước đảng và chính phủ trong công tác cũng như cả khi trong tù. Vợ thu thập được từ 30 đồng nghiệp cũ của tôi trong đó có 5 Anh hùng Liên Xô, những nhận xét về tôi được chứng chỉ bởi các đảng ủy của họ, và gửi tới viện công tố và tòa án quân sự với yêu cầu để những người này được gọi với tư cách nhân chứng về vụ án của tôi.

Hai tình huống gắn với vụ án Beria, trong chừng mực nhất định làm chậm việc tìm chứng cứ bôi nhọ thành viên các gia đình của những người bị bắt. Và dù con dâu của Beria, cháu của Maksim Gorky thời ấy đang được trọng vọng, đã ly dị với chồng sau khi anh ta cùng với bà mẹ bị bắt rồi lưu đày, đối với chính quyền mối liên hệ này vẫn rất không tiện lợi. Thứ hai liên quan với vụ Xukhanov, phụ trách ban thư ký của Malenkov trong Đoàn chủ tịch BCHTU và Hội đồng bộ trưởng, người tham gia tích cực việc bắt giữ Beria. Ban lãnh đạo tối cao đúng là sợ hãi bởi thông báo về việc Xukhanov ăn cắp trong két của Beria và cán bộ của

ông 8 chiếc đồng hồ vàng và một số lớn các ngân phiếu và tiền mặt, bao gồm cả tiền thưởng của Beria vì sự lãnh đạo công việc chế tạo bom nguyên tử.

Vào thời gian ấy tình hình của vợ tôi tốt lên trông thấy. Cô học may và nhanh chóng có uy tín như một thợ may giữa những người bạn mới từ giới nghệ thuật, và có thêm thu nhập. Cô vẫn có thể đủ sức nuôi dưỡng mẹ già và hai con. MVD cố đoạt căn hộ của chúng tôi giữa trung tâm Moskva, nhưng không làm được điều đó, bởi vợ tôi là người tham gia chiến tranh và ăn lương hưu quân đội. Anna Tsukhanova giúp đỡ vợ tôi chống lại Cục kinh tế MVD. Chiến thuật của họ là đơn giản: tôi chưa bị kết án, đang trong bệnh viện nhà tù nên không thể bị trục xuất. Lúc ấy Cục kinh tế tăng tiền nhà nhưng rất may, vợ tôi trả không mấy khó khăn.

Những năm 1956-1957 cô thấy rõ là sự thanh lọc trong cơ quan an ninh mà nạn nhân là Beria và tôi, đã kết thúc. Các nhân chứng biết quá nhiều đã bị bắn, kể cả những kẻ nguy tạo các vụ án hình sự.

Raikhman nhờ sự can thiệp của vợ ông, người có các liên hệ trong chóp bu Kremli, chỉ bị buộc tội vượt quyền hạn và nhanh chóng được ân xá. Maixky cũng được tha khỏi nhà tù. Vợ tôi biết rằng Khrusev ra lệnh khai trừ đảng và tước quân hàm khoảng 100 vị tướng và đại tá KGB-MVD về hưu, những người vào những năm 30 giữ chức vụ lãnh đạo, đã tham gia tích cực trong các vụ thanh trừng hay biết quá nhiều các mưu mô trong nội bộ đảng. Khác với những năm trước tất cả những người này, dù mất đi tiền hưu lớn và thẻ đảng, nhưng được sống - họ không bị bắn, không bị nhét vào tù. Trong số đó có hai người nổi bật trong công tác tình báo nguyên tử: thiếu tướng Ovakimian, những năm 1941-1945 điều phối công việc NKVD thu thập thông tin về bom nguyên tử ở Mỹ, và phó của tôi Vaxilevsky, mà lời buộc tội duy nhất chống ông là đầu như có quan hệ gần gũi với Beria.

Tình thế ở Moskva rõ ràng biến đổi, Vaxilevsky còn được phục hồi đảng. Ông lợi dụng các liên hệ cũ của mình với Bruno Pontekorvo, người thời gian ấy ở Moskva và trở thành viện sĩ. Tự Pontekorvo đã cầu xin Khrusev cho bạn mình. Vaxilevsky và Gorxky xuất sắc về mặt tình báo “nguyên tử”, bèn làm công việc dịch các tiểu thuyết phiêu lưu từ tiếng Anh và tiếng Pháp. Một số sĩ quan an ninh cũ - nhờ sự ủng hộ của Ilin sau khi được minh oan năm 1954 trở thành bí thư phân ban nhà văn Moskva của Hội nhà văn Liên Xô, - đã trở thành nhà văn, nhà báo. Dù quyền phục hồi lại chức vụ trước đây, thực tế là không thể. Nhưng dù sao thì mọi người còn được cho phép bắt đầu cuộc đời mới và nhận lương hưu cao hơn.

Thật may, tôi đến nhà tù Vladimir trùng với giai đoạn cởi mở ngắn ngủi của hệ thống cải tạo. Và thế, tôi được phép nhận thực phẩm bốn lần mỗi tháng. Dù thoát đầu còn yếu, đau đầu, nhưng dần dần sức khỏe hồi phục. Thực ra tôi bị giam ở xà lim biệt lập nhưng không bị cách ly hoàn toàn - tôi được đọc báo, nghe đài, sử dụng thư viện nhà tù.

Nhà tù Vladimir danh tiếng trong nhiều mặt. Được xây dựng thời Nikolai II đầu thế kỷ XX, nó được dùng làm nơi giam giữ những tội phạm nguy hiểm nhất, mà chính quyền luôn luôn cần có ở gần. Về bản chất thời Xô viết nhà tù Vladimir vẫn giữ vai trò đó, và tù nhân thường vẫn bị đưa về Moskva để hỏi cung bổ sung. Theo sự trớ trêu của số phận tôi bị nhốt ở tòa nhà tù thứ hai mà trước đây tôi từng đến hai lần để nói chuyện với các tướng lĩnh Đức ngồi tù ở đây. Thời ấy người ta chỉ cho tôi một xà lim rộng trong đó người anh hùng

cách mạng và nội chiến, một trong những nhà tổ chức Hồng quân, Mikhail Frunze đã từng ngồi.

Vào thời của tôi nhà tù gồm ba khu nhà chính trong đó giam giữ khoảng 880 tù. Sau năm 1960 nhà tù được mở rộng, và giờ đây trong ba khu được cải tạo có thể giữ được đến một nghìn người. Chế độ trong nhà tù rất nghiêm khắc. Tất cả bị dựng dậy vào 6 giờ sáng. Thức ăn được đưa đến từng xà lim: thức ăn nghèo nàn chuyển qua ô cửa nhỏ khoét trên cánh cửa thép dày. Cái đói là bạn đồng hành, chỉ cần nhìn vào những cặp mắt mờ đục của tù nhân là đủ biết điều đó. Thời gian đầu giường bị nâng lên ép vào tường và bị khoá lại nên ban ngày không thể nằm. Chỉ có thể ngồi trên cái ghế được vít chặt xuống sàn xi măng. Ban ngày được phép đi dạo từ nửa giờ đến bốn mươi phút trong sân nhỏ với những bức tường cao vút, giống một căn phòng chừng hai chục mét nhưng không có trần. Sự có mặt của giám ngục là tất yếu. Có một giờ sau bữa trưa, khi giám ngục mở khoá giường. Trong xà lim không có hồ xí, nó được thay bằng xô. Mỗi lần người tù muốn đi vệ sinh anh ta phải gọi giám ngục. (Nghe nói hiện nay trong xà lim nhà tù Vladimir đã có hồ xí). Và dù được phép ngủ từ mười giờ tối, nhưng đèn sáng cả đêm.

Sau mấy ngày ngồi tù tôi cảm thấy thái độ đồng cảm đối với tôi từ phía ban quản lý trại giam. Tôi được chuyển từ xà lim biệt lập đến bệnh viện nhà tù, nơi người ta cho mỗi ngày một cốc sữa, và điều quan trọng nhất đối với tôi là người ta cho phép ban ngày nằm trên giường bao nhiêu tùy thích.

Khá nhanh tôi phát hiện ra rằng trong tù có không ít người mà tôi biết rõ, thí dụ, Munterx, cựu ngoại trưởng Latvia, rất chóng đã được trả tự do. Năm 1940, sau đảo chính ở Latvia, tôi đã đưa ông về Voronej, nơi ông làm giảng viên tại trường đại học tổng hợp địa phương. Hay Sulgin, người bị tình báo NKVD săn lùng ở nước ngoài chừng hai chục năm. Sau khi quân đội ta chiếm Belgrad năm 1945 cựu phó chủ tịch Duma quốc gia bị bắt, đưa về Liên Xô và đưa ra toà vì hoạt động chống Liên Xô trong nội chiến và những năm sau đó.

Qua ba hay bốn xà lim cách chỗ tôi là một Vaxiliev nào đó: trên thực tế đó là Vaxili, con trai của Stalin, người mà cả ở đây, trong tù vẫn gây loạn được. Có lần khi vợ anh ta, con gái của nguyên soái Timosenko, đến thăm, anh ta xông đến cô ta với nắm đấm, đòi cô lập tức đề nghị Khrusev và Vorosilov thả tự do cho anh ta.

Mairanovxky cũng ở nhà tù Vladimir, ông ngồi ở đây từ năm 1953 - tôi đã nói ông bị kết án mười năm tù. Khó lắm mới nhận ra ông: có vẻ từ Mairanovxky chỉ còn cái vỏ. Để sống sót và tránh đòn tù, ông, bị bẻ gãy và vô vọng, đã đồng ý cho lời khai chống Beria, Merkulov và Abakumov, chứng minh sự tham gia của họ vào các vụ giết người bí mật. Thật ra, ông không nên được nạn nhân cụ thể nào. Cả ba - Beria, Merkulov, Abakumov - bị bắn, còn Mairanovxky tiếp tục ngồi cho hết kỳ hạn, thỉnh thoảng các cán bộ Ban 5 đặc biệt của KGB và viện công tố lại hỏi cung ông như nhân chứng về những vụ án họ quan tâm.

Tại phiên xử án tôi ông đã khai chưa bao giờ dưới quyền tôi và không nhận lệnh từ tôi trong việc thử nghiệm lên người sống hoặc tiêu diệt họ. Tôi cảm ơn ông vì điều đó, cũng như vì công việc nguy hiểm cao độ mà con người này đã tiến hành trong những năm chiến tranh. Trước vũ khí những kẻ khủng bố là việc cực kỳ nguy hiểm. Đó là bọn nhảy dù đến điểm hẹn nơi không gây ngờ vực gì cho chúng. Trong khi nhờ thuốc của Mairanovxky các

điệp viên Abwehr này ngủ mê, ông kịp thay thế những lọ thuốc độc khâu trong cổ áo để khi chúng bị bắt sẽ không tự tử được.

Đôi khi chúng tôi gặp nhau lúc đi dạo trong sân nhà tù, và nếu có khả năng nói đôi lời, tôi khuyên ông tìm sự ủng hộ ở các bác học mà ông biết và họ đánh giá cao về ông. Mairanovxky được tha năm 1961, Blokhin chủ tịch viện hàn lâm y học chạy vạy về sự minh oan cho ông.

Hai ngày sau khi Mairanovxky đến phòng tiếp tân của Khrusev trong tòa nhà BCHTU đảng và chuyển đơn xin minh oan trong đó nhắc tới đoạn gặp gỡ của họ trong toa tàu đặc biệt cuối năm 1947 ở Kiev, KGB lại bắt giam ông. Do sự ngây thơ ông không hiểu rằng không thể nhờ sự giúp đỡ của Khrusev và nhắc lại cuộc gặp gỡ của họ gắn với sự thủ tiêu tu viện trưởng Romja ở Ujgorod. Lẽ ra ông nên lưu ý rằng Khrusev đang nắm quyền lực chỉ muốn gạt bỏ khỏi trí nhớ toàn bộ những gì gắn với những công việc loại đó. Thật bất hạnh cho Mairanovxky, luôn luôn nhắc nhớ về bản thân như một nhân chứng không mong muốn. Ông nhanh chóng bị truất danh hiệu giáo sư và mọi học vị và bị đày đi Makhatskala. Tại thị trấn này ông phụ trách phòng thí nghiệm hóa học.

Đôi khi Mairanovxky đến thăm viện sĩ Blokhin ở Moskva, hi vọng phục hồi được đường công danh khoa học của mình. Tháng 12-1964, trước cuộc gặp gỡ định kỳ để thảo luận kết quả những thử nghiệm họ tiến hành với ung thư ác tính, Mairanovxky chết một cách bí ẩn. Chẩn đoán như cột nhạo số phận vẫn y như là của Vallenberg và Ogginx: suy tim.

Trong nhà tù Vladimir nảy ra một “câu lạc bộ” khác thường của những cựu cán bộ cao cấp NKVD-MVD. Trong số họ có Eitingon, đến Vladimir vào tháng 3-1957 với thời hạn 12 năm; Mamulov, phụ trách ban thư ký của Beria và thứ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm về khai thác vàng. Dù Mamulov là người Armeni, vào thời mình ông là bí thư phụ trách cán bộ của BCHTU ĐCS Gruzia. Người cùng xà lim với ông ta, cũng là bí thư BCH ĐCS Gruzia, viện sĩ Saria, một thời là phó cục trưởng Cục tình báo đối ngoại NKVD.

Đại tá Liudvigov, phụ trách ban thư ký của Beria ở Bộ Nội vụ, bị bắt vì biết quá nhiều về Beria và những trò phiêu lưu tình ái của ông. Liudvigov lấy cháu gái của Mikoian, điều giúp ông ra khỏi tù ngay mười ngày sau khi Khrusev bị đổ vào năm 1964. Ông được ân xá theo sắc lệnh đặc biệt của Mikoian, người ba tháng trước đó được cử làm chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô. Mikoian cũng ân xá cho người họ hàng xa của mình, chỉ huy đội bảo vệ của Beria, Xarkixov, kẻ cung cấp đàn bà cho Beria.

Ngồi trong nhà tù Vladimir có Daria Guxiak và Maria Diduk những kẻ đưa tin bí mật của Bandera mà tôi đã kể, bị bắt năm 1950. Họ đưa thức ăn cho các tội phạm, nhưng khi gặp tôi hẳn không thể nhận ra viên quan chức cao cấp MGB đã hỏi cung họ ở nhà tù Lovov.

Ngồi với chúng tôi có Vladimir Brik, cháu của Oxip Brik bạn gần gũi của Maiakovxky, bị KGB bắt khi có ý đồ chạy sang Mỹ. Ở đấy có cả Makxim Steinberg, trưởng nhóm điệp viên ngầm của NKVD ở Thụy Sĩ những năm 30. Từ chối trở về do sợ bị xử bắn, ông cùng vợ, Elza, sau cái chết của Stalin đã mắc câu những lời hứa ân xá và trở về Moskva. Steinberg nhận mười lăm năm, còn bà - mười năm, vì tội phản bội tổ quốc. Như sự hài hước cáo trạng của tòa án quân sự về vụ của ông nói: toà không cho rằng nhất thiết phải ứng dụng

với ông ta hình thức trừng phạt cao nhất - tử hình, vì việc nhà nước không bị thiệt hại thực tế bởi những hành động của ông ta và ông ta đã trả lại các phương tiện được cấp cho các mục đích tác chiến năm 1937.

Ba tháng sau khi tôi đến nhà tù Vladimir, vợ tôi cùng các con đến thăm tôi, nhưng vợ tôi không cho bọn trẻ vào nhà tù vì tôi trông còn quá thiếu niên. Giám đốc nhà tù cho phép hai buổi gặp thêm với vợ ngoài một lần quy định. Trước khi về hưu năm 1959 đại tá Kozik bố trí cho tôi gặp Alexandr, chồng của em gái, người cho tôi rõ những gì đang diễn ra trong MVD và KGB. Thông tin về ai đang cầm quyền, ai thôi việc, những sáng kiến của chủ tịch mới KGB Selepin mở rộng các chiến dịch của tình báo Xô viết ở nước ngoài cho tôi hi vọng rằng tôi có thể còn có lợi cho ban lãnh đạo mới nhờ kinh nghiệm của mình và vì thế tôi có thể được ân xá và minh oan, như điều đã xảy ra với các tướng và sĩ quan được Stalin và Beria tha năm 1939 và 1941.

Bất chấp những cầu khẩn của tôi được ở lại trong xà lim biệt lập, sau một năm người ta xếp vào chỗ tôi đầu tiên là Brik, sau đó là Mensagin, cảnh sát trưởng Xmonlenxk thời Đức chiếm đóng. Quan hệ của chúng tôi là lịch sự, nhưng xa lạ. Dù họ là những người thú vị, nhưng cuộc sống trước kia và tri thức hời hợt của họ về hiện thực của chúng ta làm tôi bức mình, vì thế chúng tôi không thể gần gũi được.

Sau nửa năm ở nhà tù Vladimir tôi bắt đầu đội bom Tòa án tối cao và viện công tố bằng những yêu cầu xem xét lại vụ án của tôi. Những đề nghị đó bị từ chối. Từ vợ, tôi biết cô đã hai lần cầu xin Khrusev và Tòa án tối cao cho luật sư đến khi xem xét vụ án của tôi. Nhưng cầu xin này bị từ chối. Cô đưa tôi xem bản sao các đơn của mình, và tôi gửi về Moskva sự phản kháng, tuyên bố rằng cáo trạng của tôi không có hiệu lực pháp lý, bởi tôi bị khước từ quyền được bảo vệ, cũng như được xem biên bản phiên tòa mà tôi vẫn chưa ký. Điều đó có nghĩa là tôi ở trong tù trái với pháp luật. Tôi chỉ nhận được một câu trả lời do Xmirnov, phó chủ tịch Tòa án tối cao, ký trong đó nói rằng không có cơ sở để xét lại vụ án. Tôi không nhận phúc đáp cho 40 bản yêu cầu tiếp theo. Những người cùng xà lim với tôi, nhất là Eitingon cười chế nhạo những luận điểm tư pháp trong các yêu cầu của tôi. “Luật pháp và sự cạnh tranh quyền lực, - Eitingon nói với tôi, - là không thể dung hợp”.

3. Những trò chơi chính trị xung quanh sự đấu tranh để minh oan

Năm 1960 bất ngờ tôi được gọi đến văn phòng giám đốc nhà tù. Trong cửa tôi đụng với Eitingon. Trong văn phòng thay vào chỗ giám đốc tôi thấy một người đàn ông cao, chững chạc ăn mặc đúng mốt, tự giới thiệu là điều tra viên các vụ án đặc biệt quan trọng của Ủy ban kiểm tra đảng German Klimov (Klimov G.x. - bố của đạo diễn điện ảnh nổi tiếng Elem Klimov). Ông nói rằng BCHТУ' đảng giao cho ông nghiên cứu hồ sơ công tác và điều tra từ Lưu trữ đặc biệt của KGB Liên Xô. BCHТУ', Klimov tuyên bố, quan tâm các số liệu về sự tham gia của Molotov trong các chiến dịch tình báo bí mật của Beria ở nước ngoài, cũng như, điều đặc biệt quan trọng, tên của những người mà việc bắt cóc và thủ tiêu do Beria tổ chức ở trong nước.

Klimov đưa cho tôi danh mục gửi Ủy ban kiểm tra đảng do Xalin, phó của Rudenko ký. Đó là danh mục các vụ sát hại và bắt cóc bí mật được thực hiện theo lệnh Beria. Và thế,

điều tra vụ án Beria, Viện công tố xác định rằng ông vào những năm 1940-1941 ra lệnh thủ tiêu cựu đại sứ ở Trung Quốc Luganets và vợ ông ta, cũng như Ximonich-Kulik, vợ của nguyên soái pháo binh Kulik bị bắn năm 1950 theo lệnh Stalin.

Trong báo cáo nói, Viện công tố có những tin tức đáng tin cậy về những vụ giết người bí mật khác theo lệnh Beria cả trong nước lẫn ở nước ngoài, nhưng không phục hồi được tên tuổi các nạn nhân, vì tôi và Eitingon xoá sạch mọi dấu vết. Báo cáo cũng chỉ ra, vì trạng thái sức khỏe của tôi và Eitingon trong một thời gian dài không cho phép viện công tố tiến hành điều tra đầy đủ các vụ án này. Thay mặt BCHTU' đảng, Klimov yêu cầu kể sự thật về các chiến dịch trong đó tôi tham gia, vì ở viện công tố không có các tài liệu văn bản khẳng định những lời buộc tội miệng trong việc tôi tổ chức ám hại Mikhoels, - điều đó, rõ ràng, làm Klimov khó xử. Ông khá kinh ngạc khi tôi nói rằng hoàn toàn không dính líu đến vụ sát hại Mikhoels, và chứng minh điều đó. Ông cần làm sáng tỏ những trang tối của lịch sử gần đây đến trước bắt đầu đại hội đảng kế tiếp sẽ tiến hành năm 1961, nhưng tôi có cảm giác rằng ông thể hiện mối quan tâm hoàn toàn tình người và có thái độ cảm thông với vụ án của tôi.

Chúng tôi nói chuyện hơn hai giờ, lật lại từng trang hồ sơ điều tra của tôi. Tôi không phủ nhận sự tham gia trong các hoạt động đặc biệt, nhưng lưu ý rằng chúng được chính phủ xem như các chiến dịch chiến đấu bí mật đặc biệt chống lại những kẻ thù nổi tiếng của nhà nước Xô viết và được thực hiện theo lệnh của các nhà lãnh đạo mà hiện giờ vẫn nắm quyền lực. Vì thế công tố từ chối ghi chép hoàn cảnh từng vụ án. Klimov kiên quyết cố làm rõ từng chi tiết - tuyên bố của tôi gây ấn tượng mạnh đối với ông, rằng trong Bộ Nội vụ có hệ thống tổng kết công việc của từng cán bộ có liên quan với phòng thí nghiệm chất độc.

Klimov thừa nhận rằng tôi không thể ra lệnh cho Mairanovskiy hay nhận thuốc độc từ ông. Nội quy về phòng thí nghiệm được chính phủ và lãnh đạo NKVD-MGB Beria, Merkulov, Abakumov và Ignatiev phê chuẩn, cấm những hành động tương tự. Tài liệu này, Klimov nói, tự động chứng minh sự vô tội của tôi. Nếu nó có trong vụ án, tôi và Eitingon hẳn không bị buộc tội như thế, nhưng nó lại ở dưới đáy hồ sơ lưu trữ của BCHTU' đảng, KGB và chịu sự kiểm soát đặc biệt của viện công tố.

Trong khi chúng tôi uống trà với bánh cặp thịt, Klimov chăm chú nghe tôi và ghi vào sổ tay.

Klimov ở lại mấy ngày trong nhà tù Vladimir. Theo chỉ thị của ông, người ta đưa vào xà lim cho tôi máy chữ để tôi đánh máy các câu trả lời cho câu hỏi của ông. Chúng bao trùm lịch sử các chiến dịch tình báo, những chi tiết các chỉ thị của Beria, Abakumov, Ignatiev, Kruglov, Malenkov và Molotov, cũng như sự tham gia của tôi trong việc tiến hành các hoạt động bí mật và phá hoại chống bọn Đức và thu thập thông tin về bom nguyên tử. Cuối cùng, theo đề nghị của Klimov tôi đánh thêm một bản tuyên bố về sự giải phóng và minh oan. Lưu ý lời khuyên của ông, tôi không nhắc đến tên Khrusev, thế nhưng chỉ ra rằng tất cả các mệnh lệnh được ra cho tôi, xuất phát từ BCHTU' đảng. Klimov cam đoan với tôi rằng, tôi chắc chắn được tha, cũng như được phục hồi đảng tịch, ông cũng cho những lời như thế với Eitingon.

Muộn hơn tôi biết được, mối quan tâm đến vụ án của tôi có tính chất nước đôi. Một mặt, chính quyền muốn bằng cách ấy ngó sâu hơn vào những tội ác của Stalin và những bí mật

quây bọc ông. Mặt khác - sự giải phóng Ramon Merkader khỏi nhà tù Mexico và chuyến đi của anh đến Moskva thúc đẩy Dolores Ibarruri và các nhà lãnh đạo ĐCS Pháp và Áo tìm cách giải phóng cho Eitingon và tôi khỏi nhà tù.

Chuyến đi của Klimov đến Vladimir giúp hoàn cảnh của vợ tôi tốt lên về nhiều mặt. Chủ tịch KGB mới được cất nhắc chưa lâu, Satalin gửi lên Ủy ban kiểm tra đảng báo cáo đánh giá tốt hoạt động của tôi và của Eitingon; trong nó ghi nhận rằng ủy ban an ninh “không có bất cứ tài liệu bôi nhọ thanh danh nào chống lại Xudoplatov và Eitingon, chứng tỏ rằng họ liên quan đến các tội ác do bè lũ Beria gây ra”. Tài liệu này khác biệt gay gắt với báo cáo do Xerov, Paniuskin, Xakharovxky và Korotkov chuẩn bị năm 1954 rằng không thể phát hiện được trong lưu trữ các hồ sơ công vụ của Xudoplatov, Eitingon và Xerebrianxky, vì thế không thể xác định được công tác hoạt động phá hoại và tình báo dưới sự lãnh đạo của Xudoplatov đối với nhà nước Xô viết.

Từ bấy đến giờ những kẻ căm thù tôi trong sổ sử gia ngành tình báo đối ngoại Xô viết vẫn viện dẫn báo cáo này, nói riêng, V. Tsikov, đã sử dụng một loạt tài liệu lưu trữ ngụy tạo.

Một đánh giá như thế lập tức cho những người kinh nghiệm hiểu ngay rằng, sự minh oan của chúng tôi không còn xa xôi lắm. Theo thời gian điều đó trùng những cố gắng của KGB muốn tiếp xúc với một gia đình Do Thái ở Mỹ. Đó chính là gia đình mà vợ tôi giúp đi sang Mỹ từ Tây Ucraina, nơi họ ở sau khi Đức chiếm Varsava năm 1939. Năm 1960 một người nhà của họ đến Moskva tìm cách gặp mặt vợ tôi ở “Tin tức”, bởi vào thời đó cô nói với họ là làm việc ở đây. Biết về điều đó KGB liên lạc với cô, hi vọng lôi kéo được người này để làm việc cho tình báo Xô viết ở Mỹ. Người ta mời vợ tôi đến Lubianka, nơi cô mấy lần bàn bạc khả năng sử dụng căn hộ của chúng tôi để gặp gỡ với người du lịch đến từ Mỹ. Từ ý đồ tuyển mộ anh ta, thực ra, không được gì, nhưng căn hộ bắt đầu được dùng như điểm hẹn. Giờ đây có vẻ mỗi đe dọa mất nhà ở trung tâm không còn treo lơ lửng nữa.

Cục tư tưởng và thiếu tướng tình báo KGB Agaianets quan tâm đến kinh nghiệm làm việc của vợ tôi với giới trí thức những năm 30.

Những thính giả của trường NKVD mà cô dạy, và trung tá Riabov tư vấn cho cô, cần lợi dụng thế nào sự nổi tiếng, các liên hệ và sự quen biết của Evgeni Evtusenko trong mục đích tác chiến và tuyên truyền đường lối đối ngoại. Vợ tôi đề nghị thiết lập với ông tiếp xúc thân tình bí mật, và không trong trường hợp nào tuyển mộ ông như một người cung cấp tin, mà phái đi cùng Riabov đến Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới ở Phần Lan. Sau chuyến đi Evtusenko trở thành người tích cực theo “những tư tưởng cộng sản mới” mà Khrusev thực hiện.

Agaianets cũng liên hệ với vợ tôi với mục đích làm rõ một loạt hoàn cảnh làm tình báo quan tâm liên quan với chuyến đi ngắn hạn sang Liên Xô đầu những năm 1960 của M. Budberg-Benkendorf, người chuyển lưu trữ của Gorky từ nước ngoài cho chính quyền Xô viết những năm 1930. Cuộc gặp gỡ của Emma và Agaianets diễn ra trong văn phòng bí thư tổ chức nhà văn Moskva của thiếu tướng KGB lúc này đã về hưu Ilin. Với sự có mặt của Ilin vợ tôi “lấp chỗ trống” và chỉ ra các tài liệu lưu trữ mật mã việc Budberg cộng tác với GPU-NKVD. Bà ta gặp may là đã rời khỏi tuyển làm việc này vào đầu năm 1936, khi Gorky còn sống. Vợ tôi cũng giúp con trai của một trong những bạn bè của chúng tôi - Borix Jutovxky,

một họa sĩ đồ họa tài năng, người công khai phê phán đường lối của Khrusev trong lĩnh vực văn hoá. Cô bố trí cuộc gặp của họa sĩ với các cán bộ KGB để tránh cho anh ta sự săn đuổi. Anh ta tuyên bố rằng những phát biểu của anh bị hiểu không đúng, và viết thư ăn năn, nói rằng ủng hộ đường lối của ĐCS.

Thế nhưng “tình yêu” của vợ tôi với KGB nhanh chóng kết thúc. Điều tra viên Rudenko tìm mọi cách cản trở việc minh oan của tôi. Tòa nhà nơi chúng tôi sống trong một căn hộ lớn trên phố Markhlev, bị chuyển cho Bộ Ngoại giao, chúng tôi nhận được một căn hộ không tồi, nhưng nhỏ hơn nhiều ở khu vực Triển lãm Kinh tế Quốc dân, lúc ấy còn là ngoại ô Moskva.

Năm 1961 vợ và các con tôi hoàn toàn hết ảo tưởng, rằng cuối cùng chính quyền sẽ thừa nhận sai lầm tổ tụng trong vụ của tôi. Sau khi Klimov tiếp vợ tôi ở BCHTU' và nói rằng tôi và Eitingon cả hai vô tội trong vụ Beria và ông đang tìm cách đạt tới việc xem xét lại các tuyên án ở cấp độ cao nhất, họ hiểu rằng số phận của tôi nằm trong tay Khrusev. Vụ án bị ném vào trận đồ bát quái quan liêu - quyết định giữ tôi trong tù được phê chuẩn ở tận chóp bu.

Dù Klimov nói toàn ẩn ý, thế nhưng vẫn nhấn mạnh rằng cần tiếp tục cầu xin sự minh oan. Ông nói với vợ tôi về những mâu thuẫn trong bản luận tội chứng tỏ sự ngụy tạo.

Trong lần thăm thường lệ vợ tôi kể về lần gặp với Klimov. Vào thời điểm này Eitingon đã ở chung xà lim với tôi, và chúng tôi đã nhiều giờ suy ngẫm làm sao thúc đẩy tiến trình giải phóng của mình. Nhưng thời gian trôi đi, và vợ tôi, do suy nghĩ thực tế hơn, khuyên tôi bắt đầu chuẩn bị sau khi được tự do bắt tay vào công việc mới - nghề dịch thuật. Zoia Zarubina chuyển cho tôi và Eitingon cả chồng sách bằng tiếng Pháp, Đức, Ba Lan và Ucraina. Đó là những tiểu thuyết và sách về lịch sử. Tóm lại, chúng tôi chẳng phải buồn chán, khi dịch suốt ngày. Vào giai đoạn này phó giám đốc nhà tù Khatsikian giúp đỡ chúng tôi đặc biệt về mặt tinh thần. Chính ông chuyển ra ngoài hàng loạt bản sao đề nghị của chúng tôi với BCHTU' về việc minh oan, mà các cựu binh tình báo và phong trào du kích sử dụng trong các phát biểu tại đại hội đảng lần thứ XXIII để bảo vệ chúng tôi. Năm 1961 điều kiện giam giữ xấu đi nhiều, việc gửi đồ ăn cho tù nhân bị hạn chế. Điều này liên quan với tình hình kinh tế sa sút và nạn tội phạm tăng.

Nhằm gây chú ý đến những cầu xin minh oan, chúng tôi viết thư cho Khrusev, trong đó có những đề nghị tác chiến nhằm vào các đơn vị đặc nhiệm “mũ nồi xanh” mà tổng thống Kennedy vừa tổ chức. Bức thư của chúng tôi được Selepin, bí thư BCHTU' ĐCS Liên Xô, phụ trách an ninh và hoạt động tình báo, đánh giá tốt. Tướng Fadeikin, người thừa nhiệm chức vụ tôi chỉ huy các chiến dịch phá hoại ở nước ngoài ở Tổng cục 1 KGB đọc bức thư. Ông phái thiếu tá Vaxiliev đến Vladimir thảo luận với chúng tôi các chi tiết tổ chức, và anh ta đem hai cân đường làm quà cho chúng tôi. Thế là sáng kiến của chúng tôi dẫn tới sự thành lập đơn vị đặc nhiệm tại KGB.

Được khích lệ bởi thành công của bức thư và sự ủng hộ tinh thần của KGB, tôi và Eitingon đã gửi cho Khrusev đề nghị mới về phục hồi các tiếp xúc với Bazari, thủ lĩnh người Kurd, để lợi dụng ông ta chống lại tên độc tài Iraq, tướng Kaxem, kẻ bắt đầu thoát ra khỏi ảnh hưởng của Liên Xô. Sau điều này, đại tá Sevtsenko, giám đốc sở KGB tỉnh Vladimir đến

thăm chúng tôi và thông báo rằng ban lãnh đạo đang sử dụng đề nghị của chúng tôi. Lần này phần thưởng chúng tôi nhận được là ba tháng nhận quà một lần, thay cho sáu tháng một lần.

Sevtsenko cho phép chúng tôi, lần đầu tiên gặp luật sư Evgeni Zorin người quen cũ của vợ tôi cùng hoạt động ở GPU Ôđécxa vào những năm 20. Theo ý kiến Zorin, vụ của tôi là vô vọng, nếu nó không được xem xét lại từ cấp cao nhất. Nhưng ông thấy có khả năng phần nào thay đổi được cáo trạng của Eitingon, bởi Eitingon ở trong tù thời Stalin một năm rưỡi. Zorin đâm đơn lên tòa án quân sự về vấn đề này, nhưng bị từ chối. Cuối cùng do sự can thiệp của Zoia Zarubina mà đạt được quyết định tích cực về vụ Eitingon ở chủ tịch tòa án quân sự, trung tướng Borixoglebxy.

Tháng 12-1963 Eitigon được quyết định giảm một năm rưỡi tù vì được tính cả thời gian ngồi tù trước kia. Trong khi đó Eitingon suýt chết vì khối u trong ruột. Sử dụng quan hệ của mình, Zoia và em gái Eitingon, một bác sĩ tim mạch nổi tiếng, đã xin phép cho Minets, bác sĩ phẫu thuật khối u hàng đầu, vào bệnh viện nhà tù. Và chính ông đã làm phẫu thuật cho Eitingon, cứu ông thoát chết.

Trước cuộc giải phẫu, Eitingon viết thư cho Khrusev, đó là bức thư vĩnh biệt của ông đối với đảng. Đến thời gian này Mercader đã nhận danh hiệu Anh hùng Liên Xô vì vụ thủ tiêu Trotsky. (Ba chục năm sau, theo lời của tôi, tướng Volkogonov xem lưu trữ đã phát hiện được bức thư này).

“Với bức thư này tôi hướng về Đảng sau khi đã ngồi tù hơn 10 năm, và rất có thể đây là bức thư cuối tôi gửi BCHTU’ ĐCS Liên Xô. Việc ở trong tù đã hủy hoại trọn vẹn sức khỏe của tôi, và vào những ngày gần tới một cuộc giải phẫu nặng nề nhất đang chờ tôi liên quan với sự phát hiện khối u trong ruột. Dù các bác sĩ cố động viên tôi, nhưng đối với tôi hoàn toàn rõ ràng nếu khối u không phải là ác tính đi nữa, thì lưu ý đến thời gian trong tù lâu, cơ thể yếu đi, sức kháng cự yếu của nó và tuổi cao tôi đã 64 tuổi, chắc gì kết cục giải phẫu là thuận lợi. Nhân thế hoàn toàn là tự nhiên mong muốn của tôi gửi BCHTU’ đảng, đảng mà tôi đã gia nhập từ những ngày tuổi trẻ năm 1919, đảng đã dạy dỗ tôi, mà vì lý tưởng của nó tôi đã đấu tranh suốt cuộc đời, mà với nó tôi sẽ vẫn trung thành đến hơi thở cuối cùng. Mười năm cuối người ta tách tôi khỏi đảng và một bất hạnh lớn nhất đối với một người cộng sản đổ xuống đầu tôi, trong việc đó tôi không có lỗi. Người ta xử tôi vì cái gì? Tôi không có lỗi gì trước đảng và chính quyền Xô viết. Suốt cuộc đời có ý thức của mình tôi trải qua trong cuộc đấu tranh tích cực nhất với các kẻ thù của đảng chúng ta và nhà nước Xô viết...”

Sau khi tốt nghiệp Học viện quân sự, năm 1925, tôi được cử sang tình báo làm việc. Và từ bấy đến đầu cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại đã ở bên ngoài phạm vi đất nước trong công tác nhóm trưởng tình báo bí mật ở Trung Quốc, Hi Lạp, Pháp, Iran, Mỹ. Năm 1938-1939 lãnh đạo mạng điệp viên ở Tây Ban Nha. BCHTU’ bằng lòng với công việc đó. Sau sự thủ tiêu Trotsky tôi được cấp trên hài lòng, được tuyên bố chính thức rằng tôi sẽ không bao giờ bị quên lãng, cũng như những người tham gia trong vụ này. Lúc ấy tôi được tặng huân chương Lenin, còn “Andrei” - huân chương Cờ đỏ... Nhưng đó chỉ là một phần công việc được làm theo chỉ thị của đảng, trong cuộc đấu tranh với những kẻ thù của cách mạng...

Và từ vụ án giả tạo này đến vụ án giả tạo khác, từ nhà tù này sang nhà tù khác, trong

suốt hơn 10 năm tôi tồn tại vô giá trị, mất đi sức lực và sức khỏe cuối cùng. Tôi hoàn toàn không hiểu, ai cần và vì cái gì đẩy tôi đến tình trạng này. Lẽ ra tôi còn có thể làm việc cả chục năm trời và đem lại lợi ích cho đảng và đất nước, nếu không trong cơ quan an ninh, thì ở lãnh vực khác của công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, vì tôi tích cóp được một kinh nghiệm khổng lồ đấu tranh với đủ loại kẻ thù của đảng...”

Đại tá Ivatsenko, phó ban điều tra KGB đến nhân vụ ân xá nhà toán học tài năng Pimenov, đã vào nhà tù thăm tôi. Ivasenko, người tôi biết do công việc trước kia, kể rằng dù các cơ hội xem xét lại các vụ án của chúng tôi là không có, nhưng có thể khẳng định: hết hạn tù theo phán quyết của tòa án là chúng tôi được thả ngay. Khả năng của Stalin giam giữ các nhân chứng quan trọng trong tù suốt đời hoặc thủ tiêu, có vẻ đã hết thời.

Khẳng định đầu tiên của điều này là sự giải phóng viện sĩ Saria - thời hạn của ông hết vào ngày 26-6-1963. Ông bị bắt đúng vào ngày Beria bị bắt, mười năm trước. Chúng tôi thỏa thuận rằng ông, nếu được tha, sẽ liên lạc với gia đình của tôi hoặc của Eitingon và nói rằng: “Tôi chuẩn bị bắt đầu cuộc đời mới”.

Chúng tôi nôn nao chờ tín hiệu của ông. Bất chấp mọi sự hứa hẹn, chúng tôi vẫn nghi ngờ rằng người ta sẽ thả và cho ông về nhà, về Tbilixi. Sau hai tuần vợ tôi khẳng định - giáo sư Saria đã đến thăm cô một thoáng. Cô nhớ ông từ thời ở trường học NKVD, lúc ấy còn là một giáo sư triết học đường bệ, tự tin. Giờ đây cô thấy ông là một ông cụ già nua. Thế nhưng Saria cho đến cuối đời vẫn là người tinh táo với trí nhớ vững chắc và nghiên cứu triết học tại Viện hàn lâm khoa học Gruzia. Ông mất năm 1983.

Năm 1964 người ta thả Eitingon, và ông bắt đầu làm biên tập viên trong nhà xuất bản văn học nước ngoài. Sau khi Khrusev về vườn, Liudvigov được tha. Ông ta thu xếp vào làm việc ở ban thanh tra Cục thống kê Trung ương. Vợ tôi hi vọng là cả tôi cũng được tha trước thời hạn, nhưng yêu cầu của cô lập tức bị khước từ.

Người ta chuyển Mamulov vào xà lim của tôi. Trước khi chúng tôi bị bắt, chúng tôi cùng sống trong một tòa nhà và con cái chúng tôi chơi cùng nhau, nên chúng tôi có chuyện để nói. Trong khi đó Eitingon lại trở thành nhân chứng không mong muốn - lần này là đối với Brejnev, kẻ không muốn nhớ lại những chuyện cũ. Ông ta rõ ràng không thích khi vào thời gian kỷ niệm 20 năm ngày chiến thắng phát xít Đức ông ta nhận được đơn khấn cầu tập thể có 24 chữ ký của các cựu binh NKVD-KGB, trong đó có Rudolf-Abel (5 người trong số họ là Anh hùng Liên Xô) với yêu cầu xem xét lại vụ án của tôi và của Eitingon. Những người mới vây quanh Brejnev, dựa vào báo cáo của Tổng công tố Rudenko về vụ án của tôi. Tất cả những người ký bản khấn cầu đã phản đối, tuyên bố rằng họ cũng là thành viên của Nhóm đặc biệt, nhưng không một lý nào lại thuộc vào số những người tin cậy của Beria. Họ đòi hỏi phải đưa ra chứng cứ cụ thể. Cuộc trò chuyện của các cựu binh tại BCHTU' kết thúc không kết quả, nhưng ngay trước đại hội đảng lần thứ XXIII họ gửi tuyên bố mới và buộc tội thẳng công tố viên Rudenko trong sự ngụy tạo hồ sơ vụ án của tôi và Eitingon. Liên kết với họ là những chiến sĩ Quốc tế cộng sản và những người cộng sản nước ngoài vào thời chiến tranh vệ quốc ở trong đội ngũ du kích.

Áp lực lên “bề trên” là dữ dội. Cựu bộ trưởng quốc phòng Bungari, phục vụ dưới trướng Eitingon ở Trung Quốc vào những năm 20, thay mặt chúng tôi đề nghị với Xuxlov, nhưng ông

kia nổi cơn thịnh nộ.

- Những vụ này đã được quyết bởi BCHTU'. Đó là công việc nội bộ của chúng tôi, - Xuxlov chịu trách nhiệm đường lối đối ngoại và cán Bộ An ninh và tình báo trong Bộ Chính trị, đáp lại ông. Trong Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao đã chuẩn bị đề án giải phóng tôi trước thời hạn sau khi tôi đã trải qua cơn đột quỵ thứ hai và bị mù mắt trái, nhưng ngày 19-12-1966 Podgornui, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao đã loại bỏ đề nghị này. Tôi ở trong tù một năm rưỡi nữa.

Con trai út của tôi Anatoli, nghiên cứu sinh khoa kinh tế chính trị học, như đảng viên đã vào BCHTU' ĐCS Liên Xô và Xô viết Tối cao chạy vạy về vụ án của tôi. Thoạt đầu những quan chức nhỏ từ chối nhìn nhận cháu một cách nghiêm túc, nhưng cháu cho họ xem thông báo của Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô do phụ trách ban thư ký của Podgornui ký, và yêu cầu ai đó từ số quan chức có trách nhiệm tiếp cháu.

Anatoli vốn cứng rắn, nhưng thông minh. Cháu viện ra hồ sơ của tôi trong ủy ban kiểm tra đảng và ý kiến của Klimov, giờ đã là phụ trách ban thư ký Ủy ban này, người khẳng định sự vô tội của tôi và cho phép cháu viện dẫn tới ông. Cán bộ BCHTU' đảng chuyển Anatoli sang Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao, nơi Xkliarov phụ trách phòng tiếp tân đã tiếp cháu. Anatoli giải thích với con người tóc bạc trầm tĩnh, giàu kinh nghiệm công tác đảng này bản chất vụ án của tôi. Anatoli mới 23 tuổi và cháu vừa nhận thẻ đảng.

- Như một đảng viên, - cháu nói với Xkliarov, - tôi yêu cầu ông trả lời rõ ràng và chân thật: sao ban lãnh đạo cao nhất có thể coi thường các chứng cứ vô tội của một người đã hiến cả cuộc đời mình cho đảng và nhà nước. Sao Đoàn chủ tịch có thể coi thường lời yêu cầu của các Anh hùng Liên Xô về sự minh oan cho cha tôi?

Xkliarov chăm chú nhìn Anatoli và nói:

- Tôi biết bố cháu là người trung thực. Tôi còn nhớ ông ấy từ thời công tác đoàn ở Kharkov. Nhưng quyết định về vụ của ông ấy được phê chuẩn từ "trên cao". Nó là cuối cùng. Không ai xem xét lại nó đâu. Còn gì liên quan đến cậu, thì cậu biết quá nhiều về những chuyện mà nói chung tốt nhất là cậu không nên biết gì cả. Tôi đoán chắc rằng sẽ không có ai can thiệp vào sự nghiệp khoa học của cậu, nếu cậu xử sự một cách thông minh. Cha cậu sẽ ra tù sau một năm rưỡi, khi hết hạn. Hãy suy nghĩ cậu có thể giúp gia đình như thế nào. Chúc cậu thành công trong việc đó.

Anatoli nuốt nghẹn, hiểu rằng cháu và gia đình phải che giấu thái độ của mình đối với Brejnev và giới thân cận của ông ta. Ra viện, vợ tôi rất lo về chuyện con trai đi tới các cấp trên sẽ gây những điều khó chịu nghiêm trọng. Vì thế cô bắt đầu huấn luyện con trai những thủ pháp sơ đẳng để giữ bí mật. Điều đó rất có lợi cho cháu để không tham dự vào những tranh cãi chính trị và tách khỏi những nhóm có tinh thần phê phán đối với chế độ.

Vợ tôi khuyên Anatoli đừng bao giờ gặp gỡ với người nước ngoài khi không có ai chứng kiến, và chỉ với tư cách là nhân vật chính thức.

Ngày 21-8-1968, vào ngày quân đội Hiệp ước Varsava đổ vào Tiệp Khắc, tôi được trả tự do. Em đồng hao chở tôi về Moskva. Người ta trả tôi đồng hồ Thụy Sĩ (vẫn chạy) và 80

nghìn rúp tín phiếu nhà nước. Năm 1975 tôi nhận tiền theo tín phiếu, số tiền đáng kể - tám nghìn rúp.

Khi tôi trở về, nhà tôi đầy ngập họ hàng. Tôi vẫn ngờ đang mơ. Tự do - đó là một nỗi vui sướng, nhưng tôi khó lắm mới có thể ngủ - đã quen suốt đêm sáng đèn. Đi lại trong phòng hai tay quặt sau lưng theo thói quen trong tù. Qua đường mới là vấn đề - vì sau 15 năm trong tù chật hẹp, khoảng không mở rộng có vẻ quá bao la và nguy hiểm. Nhanh chóng bạn bè cũ đến thăm - Zoia Rubkina, Raixa Xobol, người trở thành nữ văn sĩ nổi tiếng Irina Guro, Eitingon. Đến tỏ lòng quý trọng còn có cả những người thậm chí không gần gũi lắm với tôi: Ilin, Vaxilevsky, Xemenov và Fitin. Họ lập tức đề nghị tôi làm phiên dịch tiếng Đức, Ba Lan và Ucraina. Tôi ký hai hợp đồng với nhà xuất bản “Văn học thiếu nhi” dịch các truyện từ tiếng Đức và Ucraina. Sau khi xuất bản các bản dịch và ba cuốn sách, tôi nhận được tiền hưu như một nhà văn - 130 rúp mỗi tháng. Đó là lương hưu dân sự cao nhất.

Sau một tháng tự do, tôi chịu thêm một cơn đột quỵ, nhưng hồi phục sau hai tháng chữa bệnh tại Viện tim mạch. Vợ tôi phản đối chống những đơn xin minh oan, cho rằng không đáng để gây sự chú ý. Tôi bí mật đánh máy các đơn xin khi cô đi mua hàng, và gửi chúng cho Andropov, người đứng đầu KGB, và Ủy ban kiểm tra đảng. Từ KGB người ta gọi điện thoại cho tôi và khuyên tìm tài liệu ở đâu để thúc đẩy việc xem xét lại vụ án, nhưng vụ này không thuộc quyền hạn của họ. KGB về phần mình, hứa bảo đảm rằng tôi không bị trục xuất khỏi Moskva, bất chấp về hình thức tôi là một tên tội phạm nguy hiểm và có đăng ký hộ khẩu hạn chế. Nếu không có sự giúp đỡ của KGB, hẳn tôi đã bị theo dõi và bị trục xuất khỏi Moskva. Anh chàng cảnh sát khu vực đến kiểm tra đã trợn tròn mắt khi tôi trình hộ chiếu mới của Tổng cục công an Bộ Nội vụ Liên Xô.

Vào một ngày mùa xuân năm 1970 hay 1971 gì đó, một giọng nói nhã nhặn qua điện thoại mời tôi đến gặp trưởng Cục “V” - cơ quan tình báo - phá hoại tình báo đối ngoại của KGB, thiếu tướng Vladimirov. Chúng tôi gặp nhau tại căn hộ bí mật ở trung tâm Moskva. Vladimirov là một người khá đáng mến, chào tôi, nói rằng tiếp tôi theo ủy nhiệm của ban lãnh đạo. Ông ta muốn làm rõ các tên mật của một loạt hồ sơ trong lưu trữ của KGB. Ông muốn ý kiến của tôi, thứ nhất, về cái chết của Vallenberg, và thứ hai, về những nguyên nhân các phản ứng gay gắt của nhà cầm quyền Thụy Điển đối với việc thiết lập lại đối thoại bí mật giữa hai nước.

Tôi trình bày ý kiến của tôi về số phận Raul Vallenberg khi đã làm quen với bản sao báo cáo về cái chết của ông ta trong nhà tù, và nói rằng trong số các nhà tình báo chỉ có Zoia Rubkina là tiếp xúc trực tiếp với Vallenberg. Sau lần gặp này người ta đã để cho tôi yên.

Vào những năm 70 tôi chuyên tâm vào công việc văn chương. Nhuận bút dịch sách cho tôi sống tạm ổn. Toàn bộ tôi đã dịch, viết và biên tập 14 cuốn sách. Trong số đó có bốn cuốn tuyển tập các hồi ức của những du kích đã chiến đấu trong những năm chiến tranh dưới sự chỉ huy của tôi. Công việc văn chương giúp tôi quen dần với xã hội.

Bạn bè và người quen ra đi dần: Gexelberg, Fitin, Xtudnikov, Zarubin và Vaxilevski. Năm 1976 tôi và Eitingon đề nghị Mercader và Dolores Ibarruri ủng hộ sự cầu khẩn của chúng tôi về việc minh oan trước Andropov và Ủy ban kiểm tra đảng, chỉ ra trách nhiệm đạo đức của đảng về sự bất công đối với chúng tôi. Andropov và Pelse, người lúc đó đứng đầu Ban kiểm

tra đảng, năm 1977 cho kết luận vụ án chúng tôi, trong đó chỉ ra rằng không có chứng cứ về sự liên đới của chúng tôi đối với các tội ác của Beria. Đến thời gian này, sau khi chết trong tù 15 năm, Xerbriaxky được minh oan. Các hồ sơ của chúng tôi với kết luận của Andropov và Pelse và báo cáo của Klimov, phó tổng công tố quân sự Baturin và phụ trách ban điều tra KGB Volkov phải được báo cáo lên Bộ Chính trị. Thế nhưng Xuxlov cực lực phản đối, còn trong ban kiểm tra đảng và KGB không có ai muốn vì chúng tôi mà gây đụng độ với ông ta cùng Rudenko.

Theo chỉ thị của Pelse, chỉ để an ủi, tôi và Eitingon được sử dụng phòng khám và bệnh viện Kremli, cũng như quân y viện của KGB.

Tháng 8-1977 theo uỷ nhiệm của Pelse, phó thứ nhất của ông, Guxtov đã tiếp chúng tôi. Ông ta nói rằng vui mừng được chào đón những sĩ quan tình báo anh hùng nhưng rất tiếc, hiện tại các vụ án của chúng tôi không thể được giải quyết xứng đáng. Chúng tôi đành chờ đợi, sẽ đến lúc xem xét lại chúng.

Năm 1978 Ramon Mercader mất tại Cu Ba, khi đang làm cố vấn cho Bộ Nội vụ theo lời mời của Fidel Castro. Thi thể ông được bí mật đưa về Moskva. Vào lúc đó tôi và vợ đang ở viện điều dưỡng. Eitingon cũng không được báo về tin này, nhưng vợ của Mercader, Rokelia Mendos, đã báo cho ông biết về tang lễ mà KGB hèn nhát cố tiến hành không có mặt của chúng tôi. Thế nhưng bà vợ góa đã gây âm ỉ, gọi điện thoại cho Eitingon, và ông đến tiễn Mercader đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Năm 1981 sau đại hội đảng thường kỳ, chúng tôi đã gửi thư, nhưng không nhận được lời đáp. Eitingon mất trong phòng khám đa khoa của điện Kremli vì bệnh loét dạ dày. Tất cả những năm 80, đặc biệt trước khi Brejnev chết, tôi tiếp tục dội bom BCHTU' bằng những khiếu nại. Những nhân chứng cuối cùng đến lúc này còn sống, đã ủng hộ nỗ lực của tôi xin minh oan vào những năm 1984, 1985 và 1988 gửi Tsernenko, còn sau đó là Gorbachov và A. Iakovlev.

4. Tự do ngôn luận và sự đóng kín hồ sơ lưu trữ

Năm 1984 như Klimov nói với tôi, đã chuẩn bị một quyết định tích cực, nhưng Tsemenko chết, và vẫn không có lời đáp của Gorbachov hay Xolomentsev, chủ tịch Ủy ban kiểm tra đảng rồi sau đó trở thành chủ tịch Ủy ban đặc biệt về minh oan các nạn nhân của những vụ thanh trừng chính trị. Bố của con dâu tôi, thứ trưởng Bộ công nghiệp than, có quan hệ thân mật với Xolomentsev, và tôi đề nghị ông tác động cho quyết định thuận lợi. Xolomentsev báo cáo với Gorbachov, nhưng ông ta từ chối.

logan Stainer phó tổng bí thư ĐCS Áo và cựu điệp viên của Nhóm đặc biệt NKVD, năm 1988 đòi hỏi để tên tuổi ông cũng như tên tuổi những người cộng sản nổi tiếng khác được tẩy sạch khỏi những lời buộc tội một cách vu khống chứa trong hồ sơ của Xudoplatov. Người ta nghe ông một cách nhã nhặn, nhưng không làm gì cả. Năm 1988 tôi được mời vào Viện công tố, nơi người ta nói rằng vụ án của tôi sẽ không được xem xét lại, và trao phúc đáp chính thức do Tổng công tố Rekunkov ký. Trong tài liệu này có một sai lầm nghiêm trọng: trong nó nói rằng tôi bị xử như kẻ tòng phạm của Beria và kẻ cả của Abakumov, dù trong bản buộc tội nói chung không nhắc tới Abakumov.

Năm 1986 vợ tôi 81 tuổi, và sức khỏe của cô xấu đi đột ngột. Thoạt đầu cứ ngỡ cô chỉ yếu đi so với thường lệ, nhưng sau phát hiện là cô bị bệnh Parkinson. Là cựu chiến binh, cô được quyền điều trị trong quân y viện của KGB. Hai tháng cuối cùng tôi luôn ở bên vợ, và đau đớn nhận thấy sự sống từ từ rời bỏ cô. Cô mất vào tháng 9-1988, và di hài của cô được yên nghỉ trên bức tường nghĩa trang tu viện Donxkoi. Bên cạnh cô yên nghỉ di hài của Grigulevich, Eitingon và Abel. Irina Gugo - Raixa Xobol cũng mất. Zoia Rubkina sống lâu hơn vợ tôi ba năm.

Từ nhóm bạn bè nhỏ hẹp chỉ còn lại ba người - Zoia Zarubina, Anna Tsukanova và tôi - đã trải qua những thời vinh quang nhưng bị thương của lịch sử đất nước. Chúng tôi già đi và ngày càng khó gặp nhau hơn.

Sau khi vợ tôi mất sức khỏe của tôi xấu đi, và lúc đó con trai Anatoli xin Kriutskov, lúc đó là phó chủ tịch thứ nhất KGB, cho tôi nhập viện. Sau khi ở viện, trong vòng hai tuần tôi được điều trị ở viện an dưỡng của BCHTU. Ban lãnh đạo tối cao vào giữa những năm 80 có thái độ nước đôi với tôi. Một mặt cho rằng vụ án của tôi là do ngụy tạo, tôi được mời đến trường đại học mang tên Andropov giảng bài về lịch sử ngành tình báo, tôi tham gia các hội nghị của KGB về nghiên cứu lịch sử các chiến dịch tình báo.

Mặt khác, tôi vẫn không được minh oan.

Trong khi đó Gorbachov quan tâm đến cách chuẩn bị và truyền đạt các mệnh lệnh thủ tiêu người và các phương thức tiêu diệt họ. Nhân chuyện đó thiếu tướng Sadrin, chịu trách nhiệm ở KGB về thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, đã đến thăm tôi, nhưng tôi tránh né lời yêu cầu của ông ta mô tả cách thực hiện các nhiệm vụ đó. Tôi giải thích rằng các tổng kết đầy đủ nằm trong lưu trữ của BCHTU đảng, và chỉ ra rằng riêng tôi chuẩn bị hai báo cáo viết tay về các chiến dịch ở Mexico và Rotterdam mà tôi chịu trách nhiệm. Các tổng kết khác được viết bởi những lãnh đạo cao cấp khác trực tiếp chịu trách nhiệm - Ogolsov, Xavtsenko, Tsanova và Abakumov, hoặc Molotov và Vursinxky khi họ đứng đầu Ủy ban thông tấn. Việc tình báo quân đội vào những năm 1930-1950 cũng thủ tiêu các điệp viên hai mang và những kẻ vượt tuyến, một nhóm đặc biệt chuyên trách việc này đối với Sadrin là tin mới. Tôi khuyên ông ta hỏi về những vấn đề ở với Bộ chỉ huy quân sự. Tôi cho rằng ông ta đã thông tin về buổi gặp gỡ này với lãnh đạo của mình.

Năm 1990 tôi biết được từ một cán bộ cao cấp KGB: Gorbachov không bằng lòng với việc quá trình dân chủ hoá đang tuột khỏi tầm kiểm soát. Mùa thu năm đó KGB và quân đội được lệnh chuẩn bị kế hoạch về tình trạng chiến đấu. Thời gian ấy lương tất cả các quân nhân được tăng gấp đôi.

Tôi lại đâm đơn xin minh oan và được không chỉ KGB mà còn các quan chức cao cấp trong bộ máy đảng ủng hộ. Tự do ngôn luận cho phép tôi sử dụng báo giới. Tôi viết thư cho ủy ban của Iakovlev yêu cầu minh oan các nạn nhân bị thanh trừng, cho Kriutskov rằng tôi thông báo với báo giới: sự thật về cơ chế thực tế của các vụ thanh trừng đến nay vẫn bị che giấu, rằng tôi yêu cầu chuyển cho Viện công tố các bản sao về công tác tình báo của tôi và nêu số các mệnh lệnh về nhiệm vụ của các phân đội mà tôi chỉ huy.

KGB phản ứng không chậm trễ. Phó cục trưởng phụ trách cán bộ cho tôi biết rằng tất

cả các tài liệu sẽ được phân tích và xem xét như tài liệu mới trong vụ án của tôi. Tôi được mời vào Viện công tố nơi người ta báo rằng vụ án của tôi sẽ được xem xét lại. Việc điều tra mới chiếm mất một năm.

Bỗng xuất hiện trên báo chí những bài bôi xấu và phỉ báng tôi, rồi những bài móc máy ám chỉ chống lại tôi và Eitingon. Và tôi hiểu việc minh oan của tôi sẽ kéo dài đến vô tận, bởi chẳng ai đang cầm quyền muốn công khai hết sự thật làm ô danh chính sách tự do của Khrusev. Còn các nhà cải cách lại muốn lợi dụng “sự ầm lên” của Khrusev như khuôn mẫu của cải tổ. Gorbachov sợ làm vấy bẩn đại hội đảng lần thứ XX lịch sử tại đó Khrusev công kích các tội ác của Stalin, nếu vụ án của tôi nổi lên sẽ xuất hiện Khrusev như tông phạm của những tội ác đó.

Beria và những kẻ thù của ông đều chung một đạo lý. Tôi đồng tình hoàn toàn với nhà văn Kirill Xtoliarov, người viết rằng, sự khác biệt duy nhất giữa Beria và các đối thủ của ông chỉ ở số lượng máu đã đổ. Nhưng, bất chấp những sai lầm của mình, Beria, Stalin, Molotov đã cải tạo được một đất nước nông nghiệp lạc hậu thành một siêu cường quốc có vũ khí hạt nhân. Gây ra những sai lầm cũng kinh khủng như thế, Khrusev, Bulganin và Malenkov thì ở mức độ ít hơn thúc đẩy xây dựng tiềm năng hùng hậu của Liên Xô. Khác với Stalin, họ làm suy yếu nhà nước vì tranh giành quyền lực. Gorbachov và các trợ thủ của ông ta bị chi phối bởi những tham vọng không nhỏ hơn, đưa một cường quốc vĩ đại đến sự đổ vỡ trọn vẹn. Gorbachov và A. Iakovlev xử sự như những thủ lĩnh đảng điển hình, khi ẩn dưới các khẩu hiệu dân chủ để củng cố quyền lực của mình.

Sau mưu toan đảo chính không thành vào tháng 8-1991 thực tế diễn ra sự đánh cắp không thể kiểm soát các lưu trữ mật của ĐCS với mục đích sử dụng và bán chúng cho các nhà làm phim, các nghiên cứu khoa học và văn chương. Tướng Volkogonov nắm được tài liệu lưu trữ, viết cuốn sách về Trotsky, có nhắc đến tôi và Eitingon và nói về vai trò của chúng tôi trong chiến tranh du kích chống nước Đức phát xít và trong quyết định vấn đề nguyên tử, với ưu và khuyết điểm của cuốn sách Volkogonov cố đánh giá khách quan công việc của tôi và Eitingon. Nhiều năm tháng họ tên tôi không ai rõ - không thể tìm ra nó cả trong những mô tả các sự nghiệp anh hùng trong chiến tranh với Hitler, lẫn trong lịch sử tình báo chúng ta. Chính Volkogonov làm nảy sinh trong tôi ý nghĩ kể lại câu chuyện cuộc đời mình và của thế hệ tôi. Câu chuyện có thể cho tôi khả năng giờ đây cố sắp xếp mọi thứ đúng vào chỗ của mình.

Cái chết của nhà nước Xô viết, những án phẩm hôi tanh gạt bỏ lịch sử hào hùng của tổ quốc tôi, trở thành một động cơ bắt tôi cầm bút và kể về các sự kiện được trình bày trong cuốn sách này.

Sau các sự kiện tháng 8-1991 và sự tan rã của Liên Xô, không lâu trước khi về hưu, tổng công tố quân sự ngừng các vụ án của chúng tôi và tuyên bố: nếu tôi không minh oan cho các ông, chắc những tài liệu lưu trữ sẽ cho thấy rằng lại thêm tên tôi là kẻ che giấu sự thật về những cốt lõi bí mật của cuộc tranh giành quyền lực trong Kremli những năm 30-50. Ông cắt đứt vụ án của chúng tôi và ký nghị quyết về sự minh oan cho tôi và Eitingon. Sau sự thất bại của ĐCS Liên Xô sự minh oan của tôi không còn là vụ việc chính trị, mà chỉ là một cảnh tầm thường trong thời kỳ Liên Xô tan rã. Tư pháp quân đội không cần hỏi chỉ thị

của những lãnh đạo cao nhất của đất nước để thi hành vụ án của tôi. Bởi một thể hệ mới đã lên cầm quyền. Dù họ lớn lên trong chế độ cũ, nhưng các lãnh đạo hiện thời không bị dính vào những tội ác của Stalin và Khrusev, những nhà cầm quyền quân phiệt cũ.

Liên Xô mà tôi trung thành hết lòng và vì nó tôi sẵn sàng hiến cả cuộc đời, vì nó tôi cố không nhận thấy những sự tàn nhẫn được tạo ra, khi biện minh chúng bằng khát vọng biến đất nước lạc hậu thành một nước tiên tiến, vì hạnh phúc của nó tôi đã trải qua những tháng dài ở xa Tổ quốc, nhà cửa, vợ con - thậm chí cả 15 năm ngồi tù cũng không giết chết được lòng trung thành của tôi - Liên Xô này đã chấm dứt sự tồn tại của mình.

Trong hoàn cảnh phức tạp sau sự tan rã của Liên Xô, vẫn giữ lòng thù địch đối với tôi không chỉ là những kẻ muốn để những người biết rõ các tình huống đích thực của màn bi hùng quá khứ im lặng từ giã cõi đời. Họ công khai mong chiếm quyền độc tôn lý giải các sự kiện của quá khứ chúng ta.

Tôi hi vọng câu chuyện của tôi sẽ giúp thể hệ hiện thời có được sự tự do khi đánh giá quá khứ hào hùng và bi thương của chúng ta.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

NHỮNG CHIẾN DỊCH ĐẶC BIỆT
NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN DIỄN

Biên tập: **TRẦN THANH HÀ**

Trình bày: **KHÔNG VĂN CHIẾN**

Vẽ bìa: **NGUYỄN TRỌNG KIÊN**

Sửa in: **MAI HẠ**

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 205/1568-CXB. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2003.

Chú thích

[1] GPU

Tổng cục tình báo quốc gia. [\(1\)](#)

[2] OGPU

Các cơ quan Tổng cục an ninh quốc gia. [\(1\)](#), [\(2\)](#)

[3] BCHTU' ĐCS

Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản. [\(1\)](#)

[4] OUN

Tổ chức vũ trang của phái dân tộc chủ nghĩa Ucraina. [\(1\)](#)

[5] Abwehr

Cơ quan tình báo quân đội Đức quốc xã. [\(1\)](#)

[6] XMERS

Tổng cục phản gián quân sự Xô viết những năm 1943-1946. [\(1\)](#)

[7] Hội đồng dân ủy nội vụ

Sau đây chúng tôi viết tắt là NKVD (ND). [\(1\)](#)

[8] Ủy ban an ninh quốc gia

Từ đây, chúng tôi sẽ dùng chữ viết tắt MGB (ND). [\(1\)](#)

[9] GKO

Ủy ban Quốc phòng quốc gia. [\(7\)](#)